HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ NGUYỄN PHÚC TỘC

# NGUYỄN PHÚC TỘC THẾ PHẢ

## THỦY TỔ PHẢ - VƯƠNG PHẢ - ĐẾ PHẢ



VĨNH CAO - VĨNH DŨNG - TÔN THẤT HANH - VĨNH KHÁNH
TÔN THẤT LỘI - VĨNH QUÁ - VĨNH THIỀU
*KÍNH SOẠN*

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA - HUẾ 1995



*http://giapha.nguyenphuoctoc.info*

# LỜI GIỚI THIỆU

## của

## HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ NGUYỄN PHÚC TỘC

*Sau lễ cung nghinh Long vị Liệt Thánh về thờ tại Triệu Miếu vào năm Kỷ Tị (1989), họ tộc chúng ta đã nối kết lại, cùng nhau thành lập Hội Đồng Trị Sự lo việc giỗ chạp hàng năm. Việc soạn thảo gia phả trở thành nhu cầu cấp thiết cho con cháu trong họ, để hiểu rõ thêm về tổ tiên, hầu thắt chặt tình thân ái với bà con, Ban Soạn Thảo Gia Phả được thành lập trên tinh thần tự nguyện.*

*Suốt bốn năm, từ Canh Ngọ (1990) đến Quí Dậu (1993), việc biên soạn gia phả được tiến hành, khẩn trương, tích cực để làm xong bản thảo cuốn Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả kịp dâng lên Liệt Thánh trong lễ kỵ đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế vào cuối năm Quí Dậu (1993).*

*Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả là cuốn phả đầy đủ chép bằng Việt ngữ đầu tiên của dòng họ Nguyễn Phúc chúng ta, từ thế kỷ thứ X cho đến nửa đầu thế kỷ thứ XX. Thế Phả chép kỹ càng dựa vào sử liệu vững chắc với nhận định khách quan kèm tinh thần khoa học giúp hiểu biết đời sống của tổ tiên trên mười thế kỷ, mà cuộc đời đã tạo những ảnh hưởng lớn lao trên lịch sử nước nhà. Cuốn Thế Phả đáp ứng được mong ước từ lâu của bà con trong họ, giúp bà con có nhận định đúng đắn đối với tổ tiên, tránh được những quan điểm sai lầm đã có từ trước.*

*Với ước muốn bày tỏ tấm lòng đối với công lao của tiền nhân, công lao đáng ngưỡng mộ và tự hào, Ban Soạn Thảo Gia Phả đã đem hết tâm huyết, khả năng cùng nhau khắc phục thời gian hoàn thành quyển Thế Phả.*

*Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc đại diện cho bà con trong họ, hân hoan bày tỏ lòng qui mến đối với Ban Soạn Thảo và giới thiệu cuốn Thế Phả cho toàn thể bà con. Hội đồng bày tỏ lòng biết ơn đối với Nhà xuất bản Thuận Hóa đã tạo điều kiện giúp cuốn Thế Phả ra đời và cũng rất hành diện với sự đóng góp vật chất cũng như tinh thần của một số bà con ở trong cũng như ngoài nước, cùng các thân hữu giúp tay trong việc hình thành cuốn Thế Phả.*

*Sự ra đời của cuốn Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả giúp làm đậm đà thêm tình thân trong gia tộc, tỏ rõ tấm lòng của chúng ta đối với tiền nhân. Và có được như vậy, chúng ta mới khỏi phụ lòng của những người biên soạn.*



*Mùa đông năm Giáp Tuất (1994)*

**Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc**



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# LỜI NÓI ĐẦU

*Gia tộc có phả cũng như quốc gia có sử với mục đích ghi lại tiểu sử những người trong dòng họ qua các thế hệ, nhờ vậy mà con cháu về sau, khi mở phả ra là có thể biết được nguồn gốc, tên húy, những ngày kỵ giỗ của ông bà, tổ tiên và đồng thời cũng biết được bà con thân thuộc trong họ tộc.*

*Nhánh họ Nguyễn Phúc của chúng ta là một nhánh họ trong tộc họ NGUYỄN đã có từ lâu đời. Kể từ ngài Thủy Tổ Định Quốc Công Nguyễn Bặc đời nhà Đinh (924) cho đến nay (1993) dòng họ NGUYỄN đã trải qua hơn mười thế kỷ và truyền xuống trên ba mươi bốn đời. Nếu kể từ đức Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế Nguyễn Cam là đời thứ nhất của nhánh họ Nguyễn Phúc, đến nay cũng đã hơn 400 năm, truyền xuống 19 đời. Nhưng thử hỏi trong con cháu chúng ta đã mấy ai hiểu rõ công lao to lớn của tiền nhân.*

*Không những đã đóng góp những chiến công oai hùng qua các triều đại trong công cuộc bảo vệ đất nước, dòng họ chúng ta đã kiên trì trong 250 năm cùng nhân dân phấn đấu xây dựng và mở mang nước nhà rộng lớn gấp đôi diện tích đất đai đã có từ trước.*

*Ngày nay, khi nhìn những đồng ruộng mênh mông từ Thăng Bình, Điện Bàn đến Đồng Tháp, Cà Mâu, những kinh lạch đào sâu để dẫn nước cày cấy, để giao thương hoặc những khu dinh điền trù mật Kim Sơn, Tiền Hải ở phía Bắc, Đồng Nai, Cửu Long ở phía Nam, những công trình văn hóa nghệ thuật để lại khắp nơi, rồi nghĩ đến công lao to lớn của Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế trong việc thống nhất sơn hà từ Gia Định đến Thăng Long, công trình xây dựng giang sơn rộng lớn của đức Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế, con cháu chúng ta không khỏi tự hào và có một niềm cảm phục vô biên đối với tiền nhân và từ đó chúng ta càng thấy cần phải tiếp tục chung sức chung lòng cùng đồng bào cả nước trong công cuộc xây dựng Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu đẹp.*

*Tiếc thay, cho đến nay chúng ta chưa có một quyển gia phả đầy đủ bằng tiếng Việt để con cháu trong dòng họ có thể đọc được dễ dàng. Ngay những tài liệu gia phả chính nhất bằng chữ Hán, trải qua nhiều cơn binh lửa, cũng đã thất lạc gần hết.*

*Vì vậy, sau lễ cung nghinh long vị liệt thánh và lễ kỵ đức Triệu Tổ được tổ chức tại Triệu miếu vào ngày 20 tháng 5 năm Kỷ Tỵ (22/6/1989), chúng tôi, là con cháu Nguyễn Phúc Tộc, tự thấy có trách nhiệm biên soạn quyển gia phả của dòng họ. Năm 1990, cuốn "Lược Phả Nguyễn Phước Tộc" đã hình thành. Sau một thời gian sưu tầm tài liệu và hiệu chỉnh quyển gia phả, đến nay chúng tôi thấy có thể biên soạn quyển gia phả lấy tên là "Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả" tương đối đầy đủ đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về dòng họ của bà con.*

*Quyển "Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả" được chia làm ba phần và phân công biên soạn như sau :*

*- Phần Thủy Tổ Phả do Ô.Ô. Vĩnh Dũng và Tôn Thất Hanh phụ trách.*

*- Phần Vương Phả do Ô.Ô. Nguyễn Phúc Lôi và Vĩnh Thiều phụ trách.*

*- Phần Đế Phả do Ô.Ô. Vĩnh Cao và Vĩnh Quả phụ trách.*

*- Phần trang trí, hình bìa, các phả đồ do Ô. Vĩnh Khánh phụ trách.*



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*Dù nhóm nào biên soạn, hàng tuần bài viết đều được đem ra thảo luận trước Ban soạn thảo cho đến khi có kết luận cụ thể. Vì vậy quyển Thế Phả là công trình của toàn thể Ban soạn thảo.*

*Trong thời gian biên soạn Thế Phả, chúng tôi xin chân thành cảm ta :*

*- Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc.*

*- Các chi nhánh họ Nguyễn đã cho mượn các tập Thế Phả.*

*- Các Phủ, Phòng đã cung cấp những tài liệu quí báu.*

*Ông Lê Văn Lợi đã cung cấp những hình ảnh lăng miếu và di tích của dòng họ.*

*- Bà con hải ngoại.*

*Bà con trong nước.*

*Thời gian biên soạn khá dài và phương pháp làm việc tương đối cẩn thận nhưng những lỗi lầm chủ quan và khách quan vẫn không thể tránh được. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bà con. Những ý kiến bà con đóng góp chúng tôi sẽ để vào phần, "hiệu đính và bổ sung" của quyển Thế Phả.*

*Huế, mùa xuân năm Quý Dậu*

**BAN SOẠN THẢO**



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# PHẢ KÝ

*Tại nước ta hay Trung Hoa từ xưa đã có nhánh họ Nguyễn, nhưng xưa nhất là ở Trung Hoa. Từ xưa nhà Thương (1766 - 1123 trước TL) có một tiểu quốc gọi là Nguyễn vị trí tại vùng Kinh Châu thuộc huyện Kinh Xuyên tỉnh Cam Túc hiện nay. Đến đời nhà Chu, nước này bị Chu Văn Vương diệt (khoảng 1136 năm trước TL), con cháu bỏ nước lấy tên nước làm họ. Con cháu họ Nguyễn này về sau lấy quận Trần Lưu thuộc phủ Khai Phong làm nguyên quán. Chẳng biết sự liên hệ giữa họ Nguyễn ở Trung Hoa và họ Nguyễn ở nước ta như thế nào, chỉ thấy sử chép vào thời kỳ Bắc thuộc ở đời Mục Đế nhà Đông Tấn (năm 353) có thứ sử đất Giao Châu là Nguyễn Phu, rồi vào niên hiệu Thăng Bình đời Tấn (năm 357) có quan Biệt giá đất Giao Châu là Nguyễn Làng. Trong "An Nam Chí Lược" của Lê Tắc có chép vào niên hiệu Nguyên Gia thời Nam Bắc Triều ở Trung Hoa, có Nguyễn Di Chi làm thứ sử đất Giao Châu đã từng cùng với vũ tướng Nguyễn Vũ Chi phá được đội chiến thuyền của vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại đến quấy phá Giao Châu. Theo gia phả họ Nguyễn ở Hoằng Hóa (Thanh Hóa) thì con cháu của Nguyễn Phu ở lại đất Giao Châu truyền đến Nguyễn Bặc là Thái Tổ dưới triều nhà Đinh nước ta. Thái Tổ Nguyễn Bặc có quê ở Đại Hữu (Gia Viễn, Ninh Bình). Hiện nay tại thôn Vân Hà, xã Gia Phương còn ngôi mộ phát tích của họ Nguyễn (trước đời đức Nguyễn Bặc). Các nhánh họ Nguyễn ở nước ta không thể xác định rõ được nguồn gốc sâu xa của tổ tiên một cách chắc chắn nên về sau phần lớn đều chấp nhận lấy đức Thái Tổ Nguyễn Bặc làm Thủy Tổ và nhận vùng Gia Miêu (Tống Sơn, Thanh Hóa) làm nguyên quán.*

*Tổ tiên của họ Nguyễn chúng ta có sự nghiệp gắn liền với lịch sử đất nước, từ giai đoạn là công thần của các triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê cho đến giai đoạn mở mang xây dựng vương nghiệp ở phương Nam rồi thành lập triều đại nhà Nguyễn. Vì vậy việc chép phả không thể tách rời khỏi lịch sử nước nhà.*

*Trong suốt bảy thế kỷ, từ thế kỷ thứ X đến cuối thế kỷ thứ XVI, họ Nguyễn có những tiên tổ là công thần của các triều đại, khi thịnh khi suy, nên muốn thiết lập một phả đồ rõ ràng đầy đủ để nối liền với nhánh họ Nguyễn Phúc về sau là một việc rất khó khăn. Những chi nhánh họ Nguyễn ở miền Bắc đã có những gia phả với những chi tiết bất đồng về nhân vật, về thế thứ và không gia phả nào có đủ bằng cớ xác đáng để minh chứng cho luận cứ của mình.*

*Mãi đến cuối thế kỷ thứ XVI khi đức Triệu Tổ Nguyễn Cam[1] khởi quân diệt Mạc trung hưng nhà Lê trở về sau, chúng ta mới có thể ghi chép rõ ràng và đầy đủ thế thứ các bậc tiên tổ và vì thế nhánh họ Nguyễn Phúc từ xưa lập phả đều lấy đức Triệu Tổ làm Thủy Tổ, mặc dù đời Sãi Vương (Hy Tông Hoàng Đế) mới thật sự đổi thành Nguyễn Phúc.*

*Đức Triệu Tổ là công thần có công trung hưng nhà Lê đã gây đức lành để Thái Tổ và các liệt thánh đời sau phát triển mở mang đất nước về phương Nam. Chính việc chống nhau với họ Trịnh trong cuộc Nam Bắc phân tranh khiến cuộc Nam tiến của tổ tiên chúng ta càng được thúc đẩy mạnh mẽ. Khi Thái Tổ vào trấn giữ đất Thuận Hóa năm Mậu Ngọ (1558), những người ở huyện Tống Sơn, (Thanh Hóa) cùng*

---

*(1) Theo phát âm của Khang Hy từ điển đọc là Cam, về sau đọc trại là Kim từ đó mọi người đọc là Kim.*



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*với nghĩa quân Thanh Nghệ đem theo cả gia đình để khai thác đất đai ở phương Nam, định cư trên mảnh đất của Chiêm Thành. Về sau mỗi lần Thái Tổ ra Bắc đánh dẹp trở về, dân Nghệ Tĩnh lại theo gót chân ngài để vào Nam. Vì thế dân đinh ngày càng đông, ruộng đồng được mở mang, chẳng mấy chốc xứ Thuận Quảng trở nên một vùng trù phú. Thái Tổ quyết chí mở nước ở phía Nam, gây dựng cơ sở để có ngày thỏa mong ước "Phù Lê diệt Trịnh". Đời nhà Lê có lúc biên giới nước ta tiến đến núi Thạch Bi (Tuy Hòa), năm Tân hợi (1611) Thái Tổ đã mở rộng biên giới đến năm (1558) Thái Tổ đã đưa quân tiến đến Phú Yên, đến năm Quý Tỵ (1653) Hiền Vương vượt núi Thạch Bi chiếm cứ đất đai mở ra hai phủ Thái Khang và Diên Ninh (Ninh Hòa - Diên Khánh). Năm Đinh Sửu (1697) Quốc Chúa lại xua quân chiếm hết vùng Phan Rang, Phan Rí mở thêm hai huyện Yên Phúc, Hòa Đa. Tuy nhiên, miền Trung thiếu đất đai phì nhiêu để có đủ lương thực đương đầu với quân Trịnh, các tổ tiên chúng ta đã nhắm đến miền lưu vực sông Cửu Long và xem đó mới là mục tiêu chính yếu. Từ đời Sĩ Vương, Công Chúa Ngọc Vạn được gả cho vua Chân Lạp và nhờ thế, dân Việt được định cư cày cấy trên đất Gia Định ngày nay. Tiếp theo là việc thu nạp các tướng lãnh nhà Minh trốn sang như Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên để cậy họ mở mang khai phá những vùng đất hoang thuộc miền Thủy Chân Lạp. Việc cho Mạc Cửu thần phục triều đình đã khiến cho quân dân ta đến vùng Gò Công, Tân An, Hà Tiên. Cuộc Nam tiến của tổ tiên chúng ta tuy chậm nhưng chắc chắn, lưu dân đã định cư lập nghiệp trên những vùng đất xa lạ trước khi binh đội tiến đến, quân lính đi đánh dẹp Chân Lạp trở về cũng định cư khai khẩn ruộng đất chung với người Miên. Tính từ năm Quý Hợi (1623) cho đến gần 140 năm sau, tổ tiên của chúng ta đã làm chủ nhân miền Nam Thủy Chân Lạp, hoàn thành cuộc Nam tiến trường kỳ của dân tộc.*

*Cuộc xây dựng đất nước vẫn được tiếp tục phát triển trong triều đại nhà Nguyễn, công cuộc khẩn hoang được đề cao. Đời đức Thánh Tổ, dân tộc ta đã làm chủ hầu hết miền bán đảo Đông Dương. Nhờ sự ngoại giao khéo léo với Xiêm La khiến Chân Lạp trở thành vùng đất bảo hộ của triều đình, vùng Hạ Lào và miền Trấn Ninh đều xin sát nhập vào lãnh thổ nước ta, khiến Thánh Tổ trở thành nhân vật lớn và nước ta thành cường quốc vào thời bấy giờ. Những thành tựu đó là do sự nghiệp chồng chất nối đời của tổ tiên.*

*Từ một số con cháu ít ỏi theo chân đức Thái Tổ vào Nam lập nghiệp, con cháu nhánh họ Nguyễn Phúc giống như cây non gặp miền đất màu mỡ đã đâm chồi nẩy lộc phát triển nhanh, trên 500 năm trôi qua số con cháu đã đông đúc không kể xiết và khiến họ Nguyễn Phúc đã trở thành một trong những nhánh họ lớn của đất nước.*

*Suốt trên mười thế kỷ, họ Nguyễn Phúc đã trải qua nhiều bước thăng trầm, ngay trong thời các tiên tổ là những công thần của các triều đại, dù một lòng trung quân ái quốc mà cũng không tránh khỏi những thảm cảnh, những cuộc giết chóc khiến con cháu phải nhiều phen diêu đứng. Dù phải phiêu bạt trốn tránh nhiều nơi nhưng luôn luôn gây ân đức trong thiên hạ, giáo hóa trong họ hàng và lấy những điều đó làm mục tiêu theo đuổi qua nhiều thế hệ và nhờ thế mà điềm lành đã phát khởi về sau. Đức Triệu Tổ tuy là công thần độc nhất trong việc trung hưng nhà Lê nửa đường phải bỏ mình, để Thái Tổ ở trong cảnh gian truân, giả cuống trốn vào Nam, chia lìa con cái, sống nơi sương lam chướng khí, nhưng lại dựng được vương nghiệp mở mang bờ cõi ở phương Nam. Đức Thế Tổ chỉ còn một mình lưu lạc chốn chân trời góc biển, bơ vơ trên đất khách quê người nhưng cuối cùng cũng dựng được nghiệp lớn. Và vì thế mà đức Thái Tổ đã từng dặn con : "Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, anh em phải biết thương yêu nhau..." và đức Thánh Tổ thì bảo : "... Cùng nhau thận trọng giữ gìn luật pháp để giữ mãi tiếng nhà...".*

*Về việc biên soạn gia phả của họ Nguyễn thì xưa nhất là vào thời Lý Anh Tông (1138 - 1175) có ngài Nguyễn Quốc Soạn khởi từ Thủy Tổ Nguyễn Bạc, đến đời Trần có các ngài Nguyễn Nộn, Nguyễn Giới tiếp tục soạn phả rồi Nguyễn Thuyên đã soạn một cuốn phả bằng chữ Nôm khá đầy đủ. Những cuốn phả như "Nguyễn Gia Thế Phả" của Quỳnh Sơn Hầu Nguyễn Viết Lữ soạn đời vua Lê Tương Dực (1515), cuốn "Nguyễn Tộc Đại Tông Đồ" của Nguyễn Tú Lâm soạn năm Giáp Thân (1644) được xem là những cuốn phả khá sớm về họ Nguyễn mà chúng ta được biết.*



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*Suốt những năm tháng dài khi họ Nguyễn Phúc xưng vương ở phương Nam, việc ghi chép phả đương nhiên không thể thiếu, tuy nhiên qua những cuộc binh biến, những năm cầm quyền ở triều Tây Sơn khiến bị mất mát hoặc tiêu hủy, chẳng còn lưu một vết gì. Khi đức Thế Tổ thống nhất sơn hà, cho người thu thập những cuốn phả cũ về dòng họ Nguyễn, cho những chi tộc họ Nguyễn ở Bắc Hà nhân công tộc, nhưng việc lập phả của nhánh họ Nguyễn Phúc ở các thế hệ trước ngài cũng có những điểm thiếu sót mà về sau vẫn chưa bổ sung được. Dưới triều Thế Tổ nhiều cuốn phả về họ Nguyễn Phúc được soạn dâng lên như "Hoàng Triều Đại Tông Đồ", - "Hoàng Gia Phả Hệ", "Hoàng Triều Ngọc Phả". Trong đời Thánh Tổ việc biên soạn gia phả có quy củ hơn, ngài cho soạn bộ "Liệt Thánh Thực Lục" và "Ngọc Phả" (gồm Ngọc Điệp, Hoàng Tử Phả, Hoàng Nữ Phả và Tông Phả). Tôn Nhân Phủ cũng đã được thành lập để ghi chép và quản lý những người trong họ, và vì việc soạn phả do triều đình đảm nhận nên việc biên soạn tương đối hoàn chỉnh.*

*Trước đây mấy mươi năm, Hán học đã suy tàn, việc soạn một cuốn phả bằng Việt Ngữ đã tỏ ra cần thiết nên các cuốn "Tiên Nguyên Loát Yếu Phả" của cụ Tôn Thất Hân, cuốn "Hoàng Tộc Lược Biên" của cụ Tôn Thất Cẩn đã được dịch từ chữ Hán và chữ Pháp ra tiếng Việt, tuy nhiên các cuốn này chỉ ghi chép một phần hoặc một giai đoạn, gồm một số đời của nhánh họ Nguyễn Phúc. Ngoài ra cũng còn nhiều người trong họ soạn gia phả nhưng không có điều kiện ấn hành nên ít được ai biết đến.*

*Đến nay thì Ngọc Phả đã mất nên việc soạn thảo gia phả của dòng họ tỏ ra cấp thiết, vì sợ càng lâu những tài liệu càng thất lạc dần. Trước đây trong năm Canh Ngọ (1990) Ban Soạn Thảo Gia Phả do Hội Đồng Nguyễn Phúc Tộc điều hành đã soạn xong cuốn "Lược Phả Nguyễn Phước Tộc" nhưng chưa được in ra, cuốn này dựa vào những tài liệu có sẵn hồi bấy giờ và chỉ chép từ đức Triệu Tổ đến hết đời đức Hưng Tổ. Cuốn Lược Phả này chỉ đáp ứng được một phần nhỏ cho bà con hiểu biết về họ tộc, nên Ban Soạn Thảo Gia Phả liền bắt tay vào việc soạn thảo cuốn gia phả của họ tộc kỹ càng hơn gọi là cuốn "Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả" chép từ đời Định Quốc Công Nguyễn Bặc cho đến năm Ất Dậu (1945) khi vua Bảo Đại thoái vị. Việc khó khăn mà Ban Soạn Thảo gặp phải đầu tiên là thiếu tài liệu. Những sách sử bằng Việt ngữ trước đây phần thì thiếu sót, phần thì có những điểm sai lầm, có sai lầm từ cuốn này dẫn đến cuốn khác khiến con cháu đã hiểu lầm một số vấn đề về họ tộc của mình, "Ngọc Phả" và một số phả tại các Phủ, Phòng đã bị thiêu hủy hoặc thất lạc qua những lúc binh biến, và điều này khiến chậm trễ phần nào trong việc hoàn thành cuốn Thế Phả.*

*Tuy nhiên, giống như người xưa đã nói : "Vật đĩ hiếu tụ" (vật vì người ham thích mà tụ lại), suốt ba năm trời để tâm tìm kiếm, Ban Soạn Thảo đã có một số sử sách và tài liệu cũ, nhờ vậy việc soạn thảo được xúc tiến nhanh. Những phần cần thiết trong các bộ sử của triều Nguyễn như "Đại Nam Thực lục", "Đại Nam Liệt Truyện", "Miếu Húy Chư Tông Tự", "Thiên Gia Bửu Sách Tư Biên" cùng một số gia phả ở các Phòng được dịch sang tiếng Việt, bên cạnh đó có một số sách sử bằng chữ Pháp đã viết về họ Nguyễn Phúc cùng một số gia phả của các chi nhánh họ Nguyễn ở miền Bắc đã được sưu tập, khiến Ban Soạn Thảo có thể đối chiếu, hiệu chỉnh những sai lầm trước đây và mạnh dạn trong bước đường soạn Thế Phả.*

*Ý thức việc soạn thảo Thế Phả để phục vụ cho họ tộc nên cuốn Thế Phả sẽ chú trọng ghi chép công lao của tiền nhân đối với họ tộc, đối với đất nước cùng những đức tính hoặc sai lầm của các vị, nhờ đó con cháu về sau có thể rút ra được những bài học quý giá.*

*Cuốn "Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả" được chép thành ba phần :*

*Phần Thủy Tổ Phả : chép từ ngài Định Quốc Công Nguyễn Bặc cho đến ngài Trừng Quốc Công Nguyễn Văn Lựu. Phần này còn nhiều thiếu sót đến nay cũng chưa căn cứ được vào đâu để khảo xét, nên chỉ chép các ngài tiên tổ họ Nguyễn theo thứ tự trước sau, chứ nhiều đời chưa chắc chắn đã đúng thế thứ hoặc thân sơ. Tuy từ đầu đời nhà Lê, Phả của các chi nhánh họ Nguyễn đã lập những bảng thế thứ riêng cho nhánh họ của mình, nhưng những bất đồng của các nhánh họ này chưa có thể lý giải để có kết luận chính xác.*



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*Phần Vương Phả và phần Đế Phả : hai phần này chẳng qua là một đối với việc chép phả, được chép từ đời đức Triệu Tổ, lấy đó làm đời thứ nhất cho nhánh họ Nguyễn Phúc và chấm dứt vào đời thứ 17. Tuy nhiên vì vấn đề phân chia Hệ và Chinh Hệ đã có từ lâu trong họ tộc nên phải cắt việc chép phả thành Vương Phả và Đế Phả cho tiện. Phần Vương Phả chep từ đức Triệu Tổ đến đời đức Duệ Tông, tức từ đời thứ 1 đến đời thứ 10. Phần Đế Phả chép từ đời thứ 11 của đức Thế Tổ cho đến đời thứ 17 của vua Duy Tân. Gọi là Vương và Đế chỉ dùng để xác định từ lúc nhánh họ Nguyễn mở mang ở phương Nam và lúc lập nên triều đại nhà Nguyễn, thật ra đến đời đức Thế Tông mới xưng vương và đến đời đức Thế Tổ thì mới truy phong các tiên tổ là Đế.*

*Khác với các họ tộc khác, nhánh họ Nguyễn Phúc thay vì dùng chữ Thế lại dùng chữ Hệ để ghi đời, Hệ lại chia thành nhiều Phòng, mỗi Phòng lại chia thành nhiều chi. Cuốn Thế phả chỉ chép người sáng lập Hệ và sáng lập Phòng, còn muốn khảo xét những vị có vị thứ kém hơn thì phải xem Phả ở mỗi Phòng. Khi chép đến đời thứ 15 việc chia Hệ đã qua một khúc quanh vì vua Dực Tông không có con trai phải nuôi ba cháu làm con. Việc vua Kiến Phúc mở ra Hệ V và vua Đồng Khánh anh ruột của vua Kiến Phúc đã mở ra Hệ VI đã thấy không hợp lý (thật ra đây chỉ xem là những Phòng của Hệ IV). Vì thế nên từ đời thứ 15 đến đời thứ 17 không còn được chép như các đời trước mà chỉ chép một số ngài tiêu biểu xem như trưởng một trong những Phòng của đời này.*

*Việc soạn thảo cuốn Thế Phả qua nhiều đời cho một dòng họ có nhiều ảnh hưởng đến lịch sử đất nước thật khó tránh được những sai lầm hoặc phiến diện. Ban soạn thảo cố gắng ghi những tài liệu xác thực với minh chứng rõ ràng để cho người sau có thể căn cứ vào đó lập những bổ sung cần thiết.*



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# PHÀM LỆ

*1. Cuốn Thế Phả được chép theo đời và chia làm ba giai đoạn : Thủy Tổ Phả, Vương Phả và Đế Phả. Những người cùng một đời được chép chung vào một phần theo thứ tự thân sơ.*

*2. Thủy Tổ phả chép đơn sơ hơn hai phần Vương và Đế Phả. Mỗi đời trong Thế Phả sẽ được đánh số rõ ràng. Phần Thủy Tổ phả đánh số La Mã, phần Vương, Đế Phả đánh số La-tinh.*

*3. Mỗi đời chép một người đại diện cho đời nay còn những người khác cùng đời được chép vào mục anh chị em của người đại diện đó, tùy theo thứ tự thân sơ mà chép trước hay sau. Riêng ở phần Đế Phả từ đời 15 đến đời 17 chỉ chép những nhân vật được lên ngôi vua và chép giống như các người khác trong phả mà không chép giống như người đại diện cho mỗi đời.*

*4. Chép Thủy Tổ phả khởi đầu từ Định Quốc Công Nguyễn Bặc và định đó là đời thứ I (chữ La Mã).*

*Chinh phục và nối mang cơ nghiệp ở phương Nam khởi từ Thái Tổ nhưng điềm lành lâu dài khởi từ Triệu Tổ nên phần Vương Phả chép khởi từ Triệu Tổ lấy đó làm đời thứ 1 (chữ La-tinh) cho nhánh họ Nguyễn Phúc.*

*Thống nhất giang sơn dựng nên đế nghiệp khởi từ Thế Tổ nên chép Đế Phả khởi từ Thế Tổ.*

*5. Mỗi đời lập thành một Hệ, mỗi Hệ gồm nhiều Phòng, mỗi Phòng lại có nhiều Chi. Phần Vương Phả gọi là Hệ, phần Đế Phả gọi là Chính Hệ để phân biệt. Các Hệ, Chính Hệ đều có số thứ tự căn cứ vào thứ tự các đời, đời nào không có Phòng tức không có Hệ. Riêng từ đời 15 trở đi không được theo Hệ để chép.*

*Theo Thế Phả chỉ chép những người mở ra Hệ, và mở ra các Phòng. Còn những người khác sẽ chép trong Phả của từng Phòng mà không chép trong Thế Phả này.*

*6. Về cách chép từng người thì trước tiên chép tên húy, cố gắng chép đúng âm theo tự điển, có kèm chữ Hán ở bên cạnh, không chép theo âm dọc trại đi vì kiêng kỵ. Tiếp theo chép đến chức tước nhưng chức tước sau cùng, các chức tước khác được ghi trong phần tiểu sử.*

*Tiểu sử của người nào khảo xét được thì chép rõ, chép có chứng cớ rõ ràng, không khảo xét được thì không chép. Tiểu sử phần lớn căn cứ trên các Phả cũ cùng sử sách chính thức của triều Nguyễn hoặc các sách sử có giá trị, không chép theo lời kể hay lời truyền. Cùng chung một việc nhưng mỗi người có tiểu sử riêng, việc trình bày ở người này rõ thì ở người kia sẽ đơn sơ, muốn rõ sự việc phải đọc hết các tiểu sử.*

*Các người được chép trong Phả trước kia có lúc đổi sang Tôn Thất nay chép trở lại đúng họ Nguyễn Phúc.*

*Nhiều người trước đây bị tước tôn tịch hoặc bị đổi sang họ mẹ vì hành vi của họ, đó là việc ngày trước. Nay chép vào Phả vẫn giữ nguyên họ Nguyễn Phúc.*



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*7. Chép người đại diện cho mỗi đời trước tiên có phần kê khai húy danh, ngày sinh mất, phu mẫu cùng lăng mộ. Về phần tiểu sử của vị này khi chép được chia thành nhiều phần có đánh số theo thứ tự nhất định :*

*- Phần thứ nhất (đánh số 1) : chép thân thế và sự nghiệp.*

*- Phần thứ hai (đánh số 2) : chép lăng miếu thờ cùng các tước hiệu.*

*- Phần thứ ba (đánh số 3) : chép về gia đình.*

*Trong phần thứ ba này lại được ghi kèm thêm số để chia nhỏ ra*

*+ Phần hậu, phi, phu nhân (đánh số 1)*

*+ Phần con gái (đánh số 2)*

*+ Phần anh chị em (đánh số 3)*

*Phần con cái và anh chị em chép nam nữ riêng biệt. Khi chép anh chị em sẽ thêm các chữ A (cho nam), B (cho nữ), C (cho anh em chú bác), D (cho chị em chú bác) v.v...*

*Ví dụ : Phần 11.3.3.2A*

*- Số 11 : chỉ đời thứ 11 (kể từ đức Triệu Tổ)*

*- Số 3 : chỉ phần chép về gia đình của người đại diện đời 11.*

*- Số 3 : chỉ phần chép về anh chị em*

*- Số 2 : chỉ vị trí thứ 2 trong anh em hoặc chị em*

*- Chữ A : chỉ phái Nam*

*Do đó phần 11.3.3.2A sẽ chép về người anh (hay em) trai thứ 2 của người đại diện đời thứ 11.*

*Đời thứ 11 kể từ đời thứ 1 (đức Triệu Tổ) chép đức Triệu Tổ là đại diện cho đời này, nên phần 11.3.3.2A chép về người anh trai thứ hai của đức Thế Tổ (con trai thứ hai của đức Hưng Tổ), tức là Hải Dông Quận Vương Nguyễn Phúc Dông.*

*Ngoài ra các tiểu sử của các người trong đời cũng cố gắng chép theo thứ tự các phần như người đại diện nhưng không đánh số.*

*8. Về cách xưng hô trong khi chép thì theo lệ các người đại diện cho mỗi đời hoặc các vị nữa thường chép là "Ngài" các người cùng đời với người đại diện sẽ chép là 'Ông' hoặc Bà". Tuy nhiên tùy theo lời văn có thể dùng từ trong các tước hiệu, miếu, thụy hiệu để thay thế.*

*9. Nhân danh, Miếu hiệu, Chức tước, Địa danh được chép như sau :*

*- Nhân danh : Toàn bộ được chép bằng chữ in hoa.*

*- Miếu hiệu, Thụy hiệu : Toàn bộ được chép bằng chữ in hoa*

*- Chức tước : Chỉ chép chữ đầu tiên bằng chữ in hoa.*

*Địa danh : Toàn bộ được chép bằng chữ in hoa.*

*Về địa danh chép vùng nhỏ trước, vùng lớn sau tức chép làng trước rồi chép đến huyện, tỉnh, các phần ngăn bằng dấu phẩy. Các địa danh chép theo tên vào thời điểm xảy ra sự việc (nếu có thể, ghi kèm địa danh sau này).*



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*10. Những phần linh tinh liên quan đến dòng họ Nguyễn Phúc như cách đặt tên, các tên húy, các ngày kỵ, bản niên biểu, bản đồ, phả đồ, bản chỉ dẫn nhân danh, được chép trong Phụ Lục hoặc đính kèm ở những vị trí thích hợp.*

*11. Các phần chú thích được ghi ở cuối mỗi trang, nếu phần chú thích quá dài sẽ được ghi vào cuối tiểu sử của mỗi người có chú thích đó, hoặc ghi vào cuối phần tiểu sử của hai người sao cho tiện trong khi đọc. Ngoài ra phần chú thích được in chữ xiên để phân biệt với chính văn.*



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# THỦY TỔ PHẢ

## Từ ĐỊNH QUỐC CÔNG NGUYỄN BẶC
## đến TRỪNG QUỐC CÔNG NGUYỄN VĂN LỰU



Tượng cả Định Quốc Công thờ tại Đại Hữu (Ninh Bình)

| | | | |
|---|---|---|---|
| I. | Thủy tổ | NGUYỄN BẶC | (924 - 979) |
| II. | Đệ nhị tổ | NGUYỄN ĐÊ | ( ? - ? ) |
| III. | Đệ tam tổ | NGUYỄN VIỂN | ( ? - ? ) |
| IV. | Đệ tứ tổ | NGUYỄN PHỤNG | ( ? - 1150) |
| V. | Đệ ngũ tổ | NGUYỄN NỘN | ( ? - 1229) |
| VI. | Đệ lục tổ | NGUYỄN THẾ TỨ | ( ? - ? ) |
| VII. | Đệ thất tổ | NGUYỄN NẠP HÒA | ( ? - 1377) |
| VIII. | Đệ bát tổ | NGUYỄN CÔNG LUẬT | ( ? - 1388) |
| IX. | Đệ cửu tổ | NGUYỄN MINH DU | (1340 - 1390) |
| X. | Đệ thập tổ | NGUYỄN BIỆN | ( ? - ? ) |
| XI. | Đệ thập nhất tổ | NGUYỄN CHIẾM | ( ? - ? ) |
| XII. | Đệ thập nhị tổ | NGUYỄN SỪ | ( ? - ? ) |
| XIII. | Đệ thập tam tổ | NGUYỄN CÔNG DUẨN | ( ? - ? ) |
| XIV. | Đệ thập tứ tổ | NGUYỄN NHƯ TRÁC | ( ? - ? ) |
| XV. | Đệ thập ngũ tổ | NGUYỄN VĂN LỰU | ( ? - ? ) |


THỦY TỔ
ĐỨC ĐỊNH QUỐC CÔNG
HÚY
NGUYỄN BẶC
(924 - 979)
Ngày sinh : Năm Giáp Thân, ngày tháng không rõ (924)
Ngày mất : 15 tháng 10 năm Kỷ Mão (07 - 11 - 979)
Thân phụ : Không rõ
Thân mẫu : Không rõ
Lăng mộ : Tại làng Đại Hữu (Gia Viễn - Ninh Bình)

## I.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Đức Định Quốc Công húy là NGUYỄN BẶC 阮伯 , thân phụ[1] và thân mẫu của ngài không được rõ, ngài được xem như Thủy Tổ của dòng họ NGUYỄN PHÚC.

Thuở thiếu thời, ngài chăn trâu tập trận cờ lau ở động Hoa Lư, kết nghĩa đào viên với Đinh Bộ Lĩnh và Đinh Điền, cùng lớn lên bên dòng sông quê hương Đại Hoàng (Gia Viễn, Ninh Bình).[2]

Tương truyền ngài rất giỏi võ và có sức khỏe phi thường. Ngài đã từng dùng tay không bắt sống được cọp đem bán cho các hào phú. Tánh tình ngài thẳng thắn, bộc trực và nghĩa hiệp, luôn luôn bênh vực kẻ yếu.

Vào thế kỷ thứ X, đất nước vừa qua ngàn năm Bắc thuộc lập được nền tự chủ dưới triều Ngô Vương, rồi lại rơi vào tình trạng cát cứ của 12 sứ quân. (Sau khi Ngô Xương Ngập mất vào năm Giáp Dần (954), Ngô Xương Văn giữ ngôi rồi mất năm Ất Sửu (965), Ngô Xương Xí nắm binh quyền, trở thành một sứ quân giống như các sứ quân khác). Lúc này, ngài đã 30 tuổi, cùng Đinh Bộ Lĩnh theo phò sứ quân Trần Lãm ở vùng Bố Hải Khẩu (nay thuộc tỉnh Thái Bình). Khi Trần Lãm mất Đinh Bộ Lĩnh lên nắm binh quyền. Nhận thấy địa thế Bố Hải Khẩu bất lợi, Đinh Bộ Lĩnh đem binh lực về Hoa Lư, cố thủ vững chắc và liên tiếp tấn công các sứ quân khác để gây thanh thế.

Ngài cư xử với Đinh Bộ Lĩnh không khác gì Quan Vân Trường đối với Lưu Bị[3]. Khi Đinh Bộ Lĩnh bàn việc quân ngài cắp giáo đứng hầu giữ lễ vua tôi, có ai dâng thức ăn ngài đều nếm trước để tránh cho Đinh Bộ Lĩnh khỏi bị đầu độc. Khi xông pha trận mạc ngài đều đi đầu để ngăn chặn mọi nguy hiểm có thể xảy ra cho Đinh Bộ Lĩnh. Có lần Đinh Bộ Lĩnh bị sa vào hiểm địa lại bị trúng tên ngã ngựa, ngài một mình một gươm, cõng bạn trên lưng, leo lên núi đá dựng đứng để thoát vòng vây.

Năm Mậu Thìn (968) Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế (tức là Đinh Tiên Hoàng), đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Sau đó, nhà vua định cấp bậc các quan văn võ, tăng đạo và phong chức tước cho các quan. Ngài được phong tước Định Quốc Công, xếp hàng đầu các công thần.

Ngày 15 tháng 8 năm Kỷ Mão (10.9.979), Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị Đỗ Thích sát hại. Nghe tin, ngài khóc mài ba ngày đêm đến hai mắt chảy máu và râu tóc trắng như tuyết. Ngài cùng đình thần tìm bắt Đỗ Thích đem giết rồi cùng Đinh Điền và Lê Hoàn tôn Vệ Vương Đinh Toàn (lúc đó mới 6 tuổi) lên ngôi. Ngài và Đinh Điền làm Phụ Chính đại thần, Lê Hoàn làm Nhiếp Chính.

Sau đó Lê Hoàn tự xưng là Phó Vương. Được sự giúp đỡ của Thái Hậu Dương Vân Nga, Lê Hoàn tự do ra vào cung cấm và muốn đoạt ngôi vua. Hay tin, ngài cùng Đinh Điền – lúc bấy giờ đang đóng quân ở Châu Ái (Thanh Hóa) – đem binh về triều hỏi tội, Lê Hoàn đưa thư phân lẽ thiệt, hơn và muốn ngài hợp tác lập nên một triều đại mới. Ngài đọc xong, xé thư mắng chửi sứ giả "Bặc này là bậc đại trượng phu đầu đội trời, chân đạp đất, cả đời chỉ biết thờ một vua sống không đổi lòng, chết không đổi dạ. Ta không bao giờ chịu bẩn tai

(1) Theo gia phả của chi họ Nguyễn Đình, thân phụ ngài là cụ Nguyễn Thước, một gia tướng của Dương Diên Nghệ.

(2) Một số tài liệu nói ngài cùng quê, cùng tuổi với Đinh Bộ Lĩnh, có nghĩa là người làng Đại Hữu (Gia Viễn, Ninh Bình). Nhưng cũng có những thuyết cho rằng quê hương ngài vốn ở Gia Miêu ngoại trang từ trước.

(3) Lưu Bị, Quan Vân Trường và Trương Phi là các nhân vật đời Tam Quốc, làm lễ kết nghĩa anh em trong vườn đào nên được gọi là Đào viên kết nghĩa. Tình anh em khắng khít và thủy chung của ba người được người đời ca ngợi và truyền tụng.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

nghe lời tà ngụy của đứa tiếm ngôi. Hãy về nói lại với chủ ngươi, ta quyết lấy máu hắn để tắm rửa cho ngôi báu nhà Đinh."

Sứ giả về thuật lại và tỏ ý ngạc nhiên trước sự giận dữ của ngài. Lê Hoàn nghe xong, buồn rầu nói : "Nếu Nguyễn Bặc không làm như vậy mới là điều làm ta ngạc nhiên". Điều này chứng tỏ trong thâm tâm, Lê Hoàn rất trọng khí tiết của ngài.

Lê Hoàn bèn cử đại binh chận đánh. Đinh Điền bị tử trận, Ngài bị bắt đem về Hoa Lư và bị hại.(1)

Ngài mất ngày 15 tháng 10 năm Kỷ mão (8.11.979) thọ 56 tuổi.

Sứ giả Ngô Sĩ Liên bình luận trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư : "Lê Hoàn là đại thần khác họ, tay nắm binh quyền, lại mong làm việc như Chu Công, thường tình còn nghi ngờ huống chi Nguyễn Bặc ở chức Thủ Tướng và Đinh Điền là đại thần cùng họ với vua, việc khởi binh ấy không phải làm loạn mà là một lòng phò tá họ Đinh, đánh không được mà chết. cái chết ấy là đúng chỗ ...".

Đặng Minh Khiêm thời Lê Thánh Tông có bài thơ ca tụng Ngài, hai câu cuối là :

*"Phục nghĩa đương lang toàn đại tiết,*

*Thủy chung thệ bất phụ Đinh Hoàng."*

dịch nghĩa là :

*"Giữ nghĩa đương lang toàn tiết lớn*

*Thủy chung thề chẳng phụ Đinh Hoàng."*

Đức Thủy Tổ Nguyễn Bặc là một vị đại công thần suốt đời hy sinh cho người bạn kết nghĩa là Đinh Tiên Hoàng, khí tiết hiên ngang, sẵn sàng lấy cái chết để bảo vệ nhà Đinh. Hơn một ngàn năm trôi qua, gốc đại cổ thụ họ Nguyễn từ cái nôi Đại Hữu, Gia Miêu đâm chồi xanh tươi lan khắp mọi miền, con cháu Ngài lập nên hàng trăm chi phái hậu duệ, từ Bắc chí Nam, mười thế kỷ ấy đã xuất hiện nhiều danh nhân lịch sử Nguyễn Quốc, Nguyễn Nộn, Nguyễn Đức Trung, Nguyễn Văn Lang, Nguyễn Hoằng Dụ, Nguyễn Cam, các chúa Nguyễn, các vua triều Nguyễn hoặc các nhà thơ : Nguyễn Thuyên, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương...

## I.2.– LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Lăng Ngài táng ở thôn Vĩnh Ninh, làng Đại Hữu (Gia Viễn, Ninh Bình). Lăng được trùng tu lần mới nhất vào năm Kỷ Tỵ (1989).

Về đền thờ, ngài được thờ ở nhiều nơi :

– Chính thức là ngôi từ đường Nguyễn Tộc tại thôn Vĩnh Ninh (Gia Viễn, Ninh Bình).

– Tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng ở xã Trường Yên (Hoa Lư, Ninh Bình) dựng từ thế kỷ XI. Đền có 3 tòa : tòa ngoài là bái đường, tòa giữa gọi là Thiên Hương thờ tứ trụ triều đình của nhà Đinh : Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ. Tòa trong cùng là chính cung : thờ Đinh Tiên Hoàng, Đinh Liễn, Đinh Toàn và Đinh Hạng Lang.

Tại thôn Vân Hà làng Đại Hữu (Gia Viễn, Ninh Bình) có ngôi đền thờ 3 vị anh hùng đào viên kết nghĩa là Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Bặc và Đinh Điền.

(1) Theo truyền thuyết thì Ngài bị hành hình trên bãi đất bên bờ sông Chanh ở ngoại thành Hoa Lư.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tại làng Thanh Trì ngoại thành Hà Nội, có ngôi đền chung của 3 xã : Cương Ngô, Cổ Diển, Đồng Trì thờ chung hai anh em ngài Nguyễn Bặc và Nguyễn Bổ, ngoài ra ở mỗi xã đều có đình riêng thờ hai ngài.

Đặc biệt , tại huyện Hoa Lư (Ninh Bình) có bốn thôn đều có đình thờ ngài làm thành hoàng, trong đó thôn Ngô Hạ thờ tượng ngài. Năm Canh thân (1980) chi họ Nguyễn Đình rước tượng ngài về thờ ở từ đường của chi họ (cùng thôn).

– Tại kinh thành Phú Xuân (Huế) vua Minh Mệnh cho xây miếu Lịch Đại Đế Vương để thờ các vị vua và các danh tướng qua các triều đại trong đó có ngài Nguyễn Bặc.

– Năm Đinh dậu (1917) ngài được vua Khải Định sắc phong là Hộ Quốc Tướng Công Trác Võ Thượng Đẳng Phúc Thần.

## I.3. – GIA ĐÌNH

### I.3.1. và I.3.2. Vợ và con

Về gia đình, chỉ biết ngài có hai người con là Nguyễn Đê và Nguyễn Đạt

### I.3.3.1.A NGUYỄN BỔ 阮 卜

Ông là anh của ngài. Tiểu sử không rõ.

Ông là một vị tướng của Đinh Bộ Lĩnh. Năm Đinh Mão (967) ông được cử đi đánh Nguyễn Siêu, một sứ quân có binh lực lớn, đóng ở Đông Phù Liệt (huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay) và bị tử trận.

Ông được thờ chung với ngài ở các đình thuộc làng Thanh Trì (ngoại thành Hà Nội)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



# ĐỆ NHỊ TỔ
# ĐÔ HIỆU KIỂM
## HÚY
# NGUYỄN ĐỀ
## (? - ?)

Ngày sinh : không rõ

Ngày mất : không rõ

Thân phụ : Định Quốc Công Nguyễn Bặc

Thân mẫu : Định Quốc Công phu nhân (không rõ tên)

Lăng mộ : không rõ

## II.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN ĐÊ 阮低, con trưởng của Định Quốc Công Nguyễn Bặc, lai lịch ngài không rõ.

Khi Định Quốc Công bị hại, phu nhân cùng với hai con là ngài và Nguyễn Đạt chạy về lánh nạn ở Gia Miêu (Tống Sơn, Thanh Hóa).

Sau đó, ngài cùng em ra học ở Kinh Bắc (Bắc Giang) ; ngài giao du với nhiều hào kiệt và là bạn thân của Lý Công Uẩn. Dưới triều vua Lê Long Đĩnh, Lý Công Uẩn giữ chức Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ, ngài giữ chức Hữu Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ, đều là các vị đại tướng bảo vệ kinh thành Hoa Lư. Vua Lê Long Đĩnh (còn gọi là Lê Ngọa Triều) độc ác, tàn bạo, làm mọi người oán ghét. Vì vậy khi nhà vua mất vào năm Kỷ Dậu (1009), nhân con còn nhỏ, ngài cùng Đào Cam Mộc và quần thần tôn Lý Công Uẩn lên làm vua lập nên triều đại nhà Lý.

Ngài là cận thần thân tín của vua Lý, lập được nhiều công trạng, được phong là Đô Hiệu Kiểm[1], tước hầu.

## II.2. – LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Ngày mất hoặc lăng mộ và các thờ tự của ngài đều không được rõ.

## II.3. GIA ĐÌNH

### II.3.1 và II.3.2. Vợ và con

Về gia đình, chỉ biết ngài có ba người con trai là Nguyễn Quang Lợi, Nguyễn Viễn và Nguyễn Phúc Lịch.

### II.3.3. Anh chị em

II.3.3.2.A. NGUYỄN ĐẠT 阮達

Ông là em của ngài, tiểu sử không rõ.

Ông lập ra một chi họ Nguyễn ở Điềm Xá (Yên Phong, Hà Bắc).

(1) Theo quan chế nhà Lý, Đô Hiệu Kiểm có cấp bậc chánh nhị phẩm.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info






http://giapha.nguyenphuoctoc.info

### III.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN VIỄN 阮遠, con thứ hai của Đô Hiệu Kiểm Nguyễn Đê. Lai lịch ngài không rõ.

Ngài làm quan dưới triều các vua Lý Thánh Tông (1054 – 1072) và Lý Nhân Tông (1072–1127). Ngài là một cựu thần có công lao nên được vua Lý Nhân Tông (1072 – 1127). Ngài là một cựu thần có công lao nên được vua Lý Nhân Tông phong làm Tả Tướng Quốc, Tham Tri chính sự.

Có gia phả chép ngài và anh của ngài là Nguyễn Quang Lợi đều là tỳ tướng của Lý Thường Kiệt.

### III.2. – LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Ngày mất hoặc lăng mộ và các nơi thờ tự của ngài không được rõ.

### III.3. GIA ĐÌNH

**III.3.1. và III.3.2. Vợ và con**

Về gia đình, chỉ biết ngài có một người con trai là Nguyễn Phụng.

**III.3.3. Anh chị em**

Ngài có hai anh em trai, về chị em gái không rõ.

III.3.3.1.A. NGUYỄN QUANG LỢI 阮光利
Hòa Quốc Công

Ông là con trưởng của Đô Hiệu Kiểm Nguyễn Đê. Lai lịch ông không rõ.

Ông làm quan đưới triều vua Lý Thái Tổ (1009 – 1028) đến chức Đô Chỉ Huy Sứ. Khi vua Lý Thái Tổ băng, các hoàng tử tranh ngôi, ông cùng Lê Phụng Hiểu dẹp nội loạn và lập vua Lý Thái Tông lên ngôi. Năm Mậu thìn (1028), ông được phong chức Thái Úy Hòa Quốc Công.

Ông có một người con trai tên là Nguyễn Nghĩa (có nơi chép là Nguyễn Nghĩa Trường).

Con cháu của ông truyền xuống gồm Nguyễn Nghĩa (làm quan chức Viên Ngoại Lang), đến Nguyễn Quốc (làm quan chức Đại Tư Đồ), đến Nguyễn Giới (làm quan chức Thượng.Thư Bộ Hình) v.v...

III.3.3.3.A. NGUYỄN PHÚC LỊCH 阮福曆
Thái Bảo

Ông là con thứ ba của Đô Hiệu Kiểm Nguyễn Đê. Lai lịch ông không rõ.

Ông làm quan dưới các triều vua Lý Nhân Tông (1072 – 1127) và Lý Thần Tông (1127 – 1138). Có tài liệu chép tên ông là Nguyễn Phúc.

Con cháu của ông truyền xuống gồm Nguyễn Dương (làm quan chức Thái Bảo) và về sau truyền xuống đến ông Nguyễn Thuyên (đời Trần, nổi tiếng về thơ văn nôm thời kỳ đầu tiên).

*
* *

Đến đời đệ tam tổ, một số nghi vấn về niên đại được đặt ra. Theo một số tài liệu và gia phả thì tiểu sử các ngài (Nguyễn Viễn, Nguyễn Quang Lợi, Nguyễn Phúc Lịch) được ghi chép như trên. Nhưng khi tính toán lại niên kỷ của các vị, trừ ngài Nguyễn Đê được các tài liệu và



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

gia phả công nhận là đời thứ hai, kế tiếp đức Thủy Tổ Nguyễn Bặc, còn thế thứ của các vị về sau đều là nghi vấn (các gia phả của các chi họ Nguyễn chép thế thứ các vị khác nhau).

Điều chúng ta biết được là sau đời đệ nhị tổ Nguyễn Đê, họ Nguyễn được phân thành ba nhánh : nhánh (1) thuộc dõng Nguyễn Quang Lợi, nhánh (2) thuộc dòng Nguyễn Viễn truyền trực tiếp xuống dòng họ Nguyễn Phúc và nhánh (3) thuộc dòng Nguyễn Phúc Lịch.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



ĐỆ TỬ TỐ

# TẢ ĐÔ ĐỐC

HÚY

# NGUYỄN PHỤNG

(? - 1150)

Ngày sinh : không rõ

Ngày mất : Năm Canh Ngọ (1150)

Thân phụ : Tả Tướng quốc Nguyễn Viên

Thân mẫu : Tả Tướng quốc phu nhân (không rõ tên)

Lăng mộ : không rõ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## IV.1. – THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Tả Đô Đốc húy là NGUYỄN PHỤNG 阮 奉, con trưởng của Tả Tướng Quốc Nguyễn Viễn. Lai lịch của ngài không rõ.

Ngài làm quan chức Tả Đô Đốc dưới triều vua Lý Anh Tông (1138 – 1175). Năm Ất sửu (1145) ngài dâng lên vua con rùa mắt có 6 con ngươi, ức có 4 chữ "Vương dĩ công pháp" (vua theo việc công).

Về sau, nhân vì liên quan đến việc chống Đỗ Anh Vũ mà ngài bị sát hại.

Đỗ Anh Vũ tư thông với Thái hậu (họ Lê) lúc bấy giờ đang cầm quyền nhiếp chính. Đỗ được quyết đoán mọi việc, tự do ra vào cung cấm, khinh rẻ đình thần nên các quan trong triều là Vũ Đái, Nguyễn Dương, Nguyễn Quốc đều lo việc mưu trừ Đỗ Anh Vũ. Việc không thành nên Vũ Đái cùng 20 người liên can đều bị hại. Theo tài liệu các gia phả, Nguyễn Phụng, Nguyễn Quốc và Nguyễn Dương đều bị hại trong dịp này.

Ngài mất vào năm Canh Ngọ (1150). Như vậy, dưới triều Lý Anh Tông, họ Nguyễn có 3 người làm quan to đều bị giết hại.

Các mục khác có liên quan đến ngài như lăng mộ, gia đình đều không rõ.

* * *

Dựa vào các gia phả xưa của các chi họ Nguyễn ở miền Bắc (ghi chép khá giống nhau) và sử liệu, chúng ta có thể lập phả từ đức Thủy Tổ Nguyễn Bặc đến ngài Nguyễn Phụng như sau :

| | | | |
|---|---|---|---|
| | I. | Nguyễn Bặc (924 – 979) | |
| | II. | Nguyễn Đê | Nguyễn Đạt |
| Nhánh (1) | | Nhánh (2) | Nhánh (3) |
| Nguyễn Quang Lợi | III. | Nguyễn Viễn (? – ?) | Nguyễn Phúc Lịch |
| Nguyễn Nghĩa | IV. | Nguyễn Phụng (? – 1150) | Nguyễn Dương (? – 1148) |
| Nguyễn Quốc (? – 1158) | V. | Nguyễn Nộn (? – 1229) | ..... |
| | | | Nguyễn Thuyên (? – 1282) |

Nhánh (2) là nhánh truyền xuống dòng họ Nguyễn Phúc. Để có thể tính toán phỏng chừng thời đại mà các ngài đang sống, chúng ta có thể dựa vào những sự kiện lịch sử xác thực như vua Lý Thái Tổ lên ngôi, việc mưu giết Đỗ Anh Vũ không thành v.v... năm sinh và năm mất của các vị có danh trong lịch sử. Nhìn vào phả đồ, chúng ta có những nhận xét sau :

Đức Thủy Tổ làm quan thời Đinh Tiên Hoàng, ngài Nguyễn Đê làm quan thời Lê Long Đĩnh chuyển sang Lý Thái Tổ, sự kiện lịch sử và niên kỷ phù hợp với thế thứ (cha ⟶ con). Truyền xuống các đời sau, từ đức Thủy Tổ đến ngài Nguyễn Phụng, hai năm mất cách nhau 170 năm mà chỉ cách nhau 3 khoảng thế hệ là quá ít : Ngài Nguyễn Đê làm Hữu Thân Vệ năm 1009 (năm Lý Công Uẩn lên ngôi), giả thử ngài sinh năm 955 lúc đức Thủy Tổ 32 tuổi, thì lúc đó ngài 54 tuổi được xem là phù hợp. Bấy giờ, giả thử các ngài đều đến 40 tuổi mới sinh con thì ngài Nguyễn Viễn sẽ sinh năm 995 và ngài Nguyễn Phụng sinh năm 1035. Ngài Nguyễn Phụng



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

mất năm 1150 (năm chính xác đúng với sự kiện lịch sử Đỗ Anh Vũ) là ngài thọ 115 tuổi, điều này vô lý.

Như vậy, nếu ngài Nguyễn Viễn là con ngài Nguyễn Đê thì phải cách 2 hoặc 3 đời mới đến ngài Nguyễn Phụng. Còn nếu ngài Nguyễn Viễn đúng là phụ thân của ngài Nguyễn Phụng thì ngài Nguyễn Viễn phải cách ngài Nguyễn Đê 2 hoặc 3 đời. Trường hợp ngài Nguyễn Phụng và ngài Nguyễn Nộn cũng tương tự như vậy.

Chúng ta có thể kết luận là các gia phả xưa của các chi họ Nguyễn, khi chép thế thứ các đời 1, 2, 3, 4 v.v... có lẽ chỉ chép tên các ngài có danh trong lịch sử chứ không phải theo thứ tự (cha → con) hoặc là việc sao chép có bỏ sót một số đời do các lần gia biến : năm 979 đức Thủy Tổ bị hại, các năm 1150 – 1158 ba ngài Nguyễn Dương, Nguyễn Phụng, Nguyễn Quốc bị hại.

Vì vậy, khi chép phần "Thủy Tổ Phả" chúng tôi không gọi đời thứ 1, đời thứ 2, v.v... đòi hỏi sự kế tục từ đời này sang đời khác mà còn gọi Thủy Tổ, đệ nhất tổ, đệ nhị tổ v.v... có nghĩa là ghi chép các vị tổ thời xa xưa của dòng họ Nguyễn, không đòi hỏi các vị này nối tiếp nhau theo đời.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info


ĐỆ NGŨ TỔ
HOÀI ĐẠO HIẾU VŨ VƯƠNG
HUY
NGUYỄN NỘN
(? - 1229)
Ngày sinh : không rõ
Ngày mất : Năm Kỷ Sửu
(1229)
Thân phụ : không rõ
Thân mẫu : không rõ

## V.1. – THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Đức Hoài Đạo Vương húy là NGUYỄN NỘN 阮嫩 người xã Phù Dực (Tiên Du, Bắc Ninh). Lai lịch ngài không rõ.

Lúc còn trẻ, ngài làm cư sĩ, sống ẩn ở chùa Phù Dực (Phù Đổng, Bắc Ninh). Tháng 8 năm Mậu Dần (1218) vua xuống chiếu bắt tội ngài vì ngài đào được vàng ngọc và thần kiếm mà không đem dâng.

Năm Kỷ Mão (1219), Trần Tự Khánh xin vua tha tội cho ngài nhưng buộc phải đi đánh giặc để chuộc tội. Tháng 10 năm Kỷ Mão, ngài đem quân đi đánh người Man ở Quảng Oai.

Tháng 3 năm Canh thìn (1220) ngài thấy họ Trần chuyên quyền bèn chiếm cứ làng Phù Đổng, tự xưng là Hoài Đạo Vương. Thanh thế của ngài ngày càng mạnh, lan dần cả vùng Bắc Giang. Lúc này, nhà Lý sắp mất vào tay họ Trần, lòng người ly tán, giặc giã nổi lên khắp nơi. Hai thế lực mạnh hơn cả là Đoàn Thượng, chiếm cứ vùng Hải Dương, và ngài, chiếm cứ vùng Bắc Giang.

Năm Bính Tuất (1226), Trần Cảnh được vợ là Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi, lập nên nhà Trần. Trần Thủ Độ được phong làm Thái sư, thống quốc hành quân, đi đánh dẹp các nơi chưa chịu hàng phục. Vì thế lực của ngài và Đoàn Thượng còn mạnh nên Trần Thủ Độ phải cắt đất phong Vương cho hai vị để giảng hòa.

Năm Đinh hợi (1227), ngài cất quân đi đánh Đoàn Thượng. Hai bên kịch chiến ở xứ Đồng Đao (Bắc Ninh). Đoàn Thượng thua bỏ chạy và nằm chết trên gò đất ở xã Yên Nhân (Hải Dương). Con Đoàn Thượng là Đoàn Văn đem gia thuộc đến qui hàng ngài. Thanh thế ngài càng lừng lẫy, Ngài tự xưng là Đại Thắng Vương.

Trần Thủ Độ thấy thế lực ngài mạnh nên rất lo, vừa chia quân chống giữ vừa sai sứ mang sắc thư đến chúc mừng và gia phong cho ngài làm Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương, Trần Thủ Độ còn gả công chúa Ngoạn Thiềm cho ngài.

Năm Kỷ sửu (1229), tháng ba có nhật thực, ngài bị bệnh mà mất. Từ đó nhà Trần mới thật sự thống nhất đất nước.

* * *

Dòng họ Nguyễn các đời trước đều làm võ tướng lập nên sự nghiệp, truyền đến ngài, không rõ lý do vì sao ngài lại ẩn cư ở chùa. Nhưng số mệnh đưa đẩy, ngài trở lại con đường võ nghiệp của cha ông, lập nên chiến công lừng lẫy, đối địch với nhà Trần, xưng vương riêng một cõi. Quả thật ngài cũng là bậc anh hùng sánh ngang với đức Thủy Tổ Nguyễn Bặc. Ngoài ra, ngài có công biên soạn gia phả dòng họ Nguyễn[1].

## V.2. – LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Sau khi ngài mất dân địa phương xã Phù Dực (Tiên Du, Bắc Ninh) lập đền thờ gọi là đền thần Hoài Đạo để thờ ngài. Các huyện Đông Ngàn, Tiên Du (Bắc Ninh) đều thờ ngài làm phúc thần. Trải qua các triều đại, ngài được phong làm Thượng đẳng tối linh thần[2]. Không biết rõ lăng ngài táng ở đâu.

(1) Nguyễn Quốc (nhánh trưởng) là người biên soạn gia phả đầu tiên, sau này có Nguyễn Thuyên (nhánh thứ ba) cũng biên soạn gia phả công phu và chép bằng chữ Nôm.

(2) Theo một số gia phả, có 72 nơi thờ ngài làm phúc thần. Thần vị thờ ngài ở đình Phù Dực do bị đột nát, được đưa vào thờ ở đền Phù Đổng Thiên Vương.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## V.3. – GIA ĐÌNH

### V.3.1. Các vị phu nhân

V.3.1.1. (khuyết danh)
Hoài Đạo Vương phu nhân.

Tiểu sử không rõ.

V.3.1.2. TRẦN THỊ NGOẠN THIỀM 陳氏玩蟾

Bà là con của quan Phụ quốc Thái úy Trần Thừa và là em của vua Trần Thái Tông. Lai lịch không rõ.

Trần Thủ Độ gả bà cho ngài với mục đích giảng hòa và thăm dò nội tình của vùng ngài chiếm cứ.

### V.3.2. Con trai và con gái

Ngài có 5 người con trai, con gái không rõ.

| Con trai | Con gái |
|---|---|
| 1. Nguyễn Thế Tứ | không rõ |
| 2. Nguyễn Long | |
| 3. Nguyễn Hiến | |
| 4. Nguyễn Thức | |
| 5. Nguyễn Diễn | |

### V.3.3. Anh chị em

Không rõ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info


ĐỆ LỤC TỔ
ĐỖ HIỆU KIỆM
HUỶ
NGUYỄN THẾ TỦ
(? - ?)
Ngày sinh : không rõ
Ngày mất : không rõ
Thân phụ : Hoài Đạo Vương
Nguyễn Nộn
Thân mẫu : Hoài Đạo Vương phu nhân
Táng mộ : không rõ

## VI.1. – THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN THẾ TỬ 阮 世 賜 (có nơi chép là Nguyễn Tứ), con trưởng của Hoài Đạo Vương Nguyễn Nộn. Tiểu sử ngài không rõ.

Ngài làm quan dưới triều Trần Thái Tông (1225 – 1258) chức Đô Hiệu Kiểm[1]

## VI.2. – LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Không rõ

## VI.3. – GIA ĐÌNH

### VI.3.1. và VI.3.2. Vợ và con

Theo các tài liệu để lại, ngài có 7 người con trai (có phả ghi là 9 người con) nhưng chỉ biết được danh tánh hai vị : Nguyễn Nạp Hòa và Nguyễn Cánh.

### VI.3.3. Anh chị em

Ngài có 4 em trai, chị em gái không rõ.

VI.3.3.2.A. NGUYỄN LONG 阮 龍
Thái Phó

Ông là con thứ hai của Hoài Đạo Vương. Khi Hoài Đạo Vương mất, ông theo về nhà Trần, giữ chức Chỉ Huy Sứ, Trần Nhân Tông (1279–1293) phong ông chức Thái Phó, tước Quận Công.

Con cháu không rõ.

VI.3.3.3.A. NGUYỄN HIẾN 阮 憲
Chỉ Huy Sứ

Ông là con thứ ba của Hoài Đạo Vương. Khi Hoài Đạo Vương mất, ông theo về nhà Trần, giữ chức Chỉ Huy Sứ, được phong tước hầu.

Con cháu không rõ.

VI.3.3.4.A. NGUYỄN THỨC 阮 識
Tả Đô Đốc

Ông là con thứ tư của Hoài Đạo Vương. Ông xuất thân ngành võ. Năm Đinh hợi (1278) Trần Nhân Tông phong ông là Tả Đô Đốc quản quân Thánh Dực và quân Nghĩa Dũng. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, ông lập được nhiều công trạng.

Con cháu không rõ.

VI.3.3.5.A. NGUYỄN DIỄN 阮 演
Viên Ngoại Lang

Ông là con thứ năm của Hoài Đạo Vương.

Ông làm quan chức Viên Ngoại Lang đời Trần Thánh Tông.

Cuối năm Tân Dậu (1261), vua Lê Thánh Tông cử ông cùng Trần Phụng Công, Nguyễn Thám đi sứ nước Tàu (triều nhà Nguyên).

Con cháu không rõ.

(1) Theo "Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí", chức Đô Hiệu Kiểm có hàm chánh nhị phẩm. Có phả chép chức của ngài là Kiểm Hiệu hoặc Đô Hiệu Kiểm.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



ĐỆ THẤT TỬ

# BÌNH MAN ĐẠI TƯỚNG QUÂN

HÚY

# NGUYÊN NẠP HÒA

(? - 1377)

Ngày sinh : không rõ

Ngày mất : 24 tháng giêng năm Đinh Tỵ (4-3-1377)

Thân phụ : Độ Hiếu Kiểm

Nguyên Thế Tổ

Thân mẫu : Độ Hiếu Kiểm phu nhân

(Không rõ tên)

Hàng thứ : không rõ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## VII.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN NẠP HÒA 阮 納 禾口 con trưởng của Đô Hiệu Kiểm Nguyễn Thế Tứ. Lai lịch ngài không rõ.

Ngài làm quan chức Bình Man Đại Tướng Quân dưới triều vua Trần Duệ Tông (1374–1377). Vào lúc này quân Chiêm Thành thường sang cướp phá thành Thăng Long. Năm Đinh Tị (1377), ngài theo vua Duệ Tông vào đánh Chiêm Thành. Vua Chiêm là Chế Bồng Nga trá hàng để lừa quân ta tại cửa Thị Nai (cửa Qui Nhơn). Vua Duệ Tông và ngài đều tử trận.

Ngài mất ngài 24 tháng giêng năm Đinh Tị (4–3–1377)

## VII.2.– LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Không rõ

## VII.3.– GIA ĐÌNH

### VII.3.1. và VII.3.2. Vợ và con

Về gia đình, ngài có 4 người con trai nhưng chỉ biết người con trưởng tên là Nguyễn Công Luật, các vị khác đều khuyết danh.

### VII.3.3. Anh chị em

Ngài có nhiều anh em nhưng tài liệu ghi lại chỉ có 1 vị.

VII.3.3.1.A. NGUYỄN CÁNH 阮 竟
Thái Phó Cánh Quận Công

Ông là con thứ hai của Đô Hiệu Kiểm Nguyễn Thế Tứ. Ông đỗ khoa thi võ năm Quý Hợi (1323) đời Trần Minh Tông. Ông làm quan dưới các triều Trần Minh Tông (1314 – 1329) đến Trần Duệ Tông (1374–1377). Ông trấn thủ xứ Kinh Bắc, được phong Thái Phó Tham Tri chính sự Cánh Quận Công.

Ông có 5 người con trai, con trưởng là Nguyễn Thành, các vị khác khuyết danh.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info






http://giapha.nguyenphuoctoc.info

### VIII.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN CÔNG LUẬT 阮 公 律 con trưởng của Bình Man Đại Tướng Quân Nguyễn Nạp Hòa. Lai lịch ngài không rõ.

Cuộc đời làm quan của ngài ở giai đoạn đầu không rõ ràng. Ngài làm quan dưới hai triều vua Trần Duệ Tông (1374–1377) và Trần Phế Đế (1377–1388), từng giữ các chức Giám Quân Thiên Trường (bảo vệ hoàng cung), Hữu Hiệu Điểm v.v...

Năm Mậu thìn (1388), Trần Phế Đế bàn mưu với Trang Định Vương Trần Ngạc giết Hồ Quý Ly để trừ hậu họa. Có kẻ tiết lộ việc này cho Hồ Quý Ly biết. Lúc bấy giờ Hồ Quý Ly nói gì cũng được Thượng Hoàng Nghệ Tông nghe theo. Vì vậy, Hồ Quý Ly lấy cớ Phế Đế đã giết Ngự Câu Vương Trần Húc (con của Thượng Hoàng), xin Thượng Hoàng lập vua khác. Phế Đế bị Thượng Hoàng giáng xuống làm Minh Đức Đại Vương. Sau đó Phế Đế bị thắt cổ chết ở phủ Thái Dương. Những người theo Phế Đế đều bị hại.

Ngài bị giết hại theo Phế Đế vào năm Mậu thìn (1388).

### VIII.2.– LĂNG MỘ VÀ NƠI THỜ TỰ

Không rõ

### VIII.3.– GIA ĐÌNH

#### VIII.3.1. và VIII.3.2. Vợ và con

Về gia đình, chỉ biết ngài có ba người con trai là Nguyễn Công Sách, Nguyễn Hách[1] và Nguyễn Minh Du. Trong vụ thảm sát năm Mậu Thìn (1388), 3 người con của ngài đều bị bắt. Về sau, người con thứ hai là Nguyễn Hách trốn thoát được.

#### VIII.3.3. Anh chị em

Không rõ

(1) Có nhiều phả chép là Nguyễn Hố.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỆ CỬU TỔ

# DU CẦN CÔNG

## HÚY

# NGUYỄN MINH DU

## (1430 ? - 1390)

Ngày sinh : vào khoảng năm Canh Thìn (1340?)

Ngày mất : Năm Canh Ngọ (1390)

Thân phụ : Hữu hiệu điểm Nguyễn Công Luật

Thân mẫu : Hữu hiệu điểm phu nhân (không rõ tên)

Táng mộ : không rõ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## IX. THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN MINH DU 阮 明 俞 con thứ ba của Hữu Hiệu Điểm Nguyễn Công Luật. Lai lịch ngài không rõ.

Cũng như cha, ngài cùng hai anh là Nguyễn Công Sách và Nguyễn Hách đều làm quan dưới triều Trần Phế Đế. Theo "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư", Nguyễn Bát Sách là người cùng vú nuôi với Trần Phế Đế nên có tên là Nguyễn Thánh Du. Như vậy chứng tỏ thân sinh ngài là tướng thân cận với Hoàng gia. Cũng theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, khi vua Duệ Tông tử trận vào năm Đinh Tỵ (1377), người con trưởng của nhà vua được Thượng Hoàng Nghệ Tông đưa lên ngôi mà sau này sử ghi là Trần Phế Đế[1]. Qua năm sau, Mậu ngọ (1378), Trần Phế Đế cho người có cùng nhũ mẫu với mình là Nguyễn Bát Sách làm Quản quân thiết sang và hai em của Nguyễn Bát Sách là Nguyễn Hách, làm Quản quân thiết liêm và Nguyễn Thánh Du làm Quản quân thiết hổ[2]. Các gia phả đều ghi Nguyễn Bát Sách là Nguyễn Công Sách, Nguyễn Thánh Du là Nguyễn Minh Du.

Trong vụ thảm sát Trần Phế Đế năm Mậu Thìn (1388), ngài bị bắt. Sau đó ngài bị Hồ Quý Ly giết vào năm Canh ngọ (1390). Có thuyết cho rằng ngài trốn thoát được và về Thanh Hóa mai danh ẩn tích.

## IX.2.– LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Không rõ.

## IX.3.– GIA ĐÌNH

### IX.3.1. và IX.3.2. Vợ và con

Về gia đình, chỉ biết ngài có ba người con trai là Nguyễn Sùng, Nguyễn Thư và Nguyễn Biện.

### IX.3.3. Anh chị em

Ngài có hai người anh.

IX.3.3.1.a. NGUYỄN CÔNG SÁCH 阮 公 索
Quản quân thiết sang

Ông là con trưởng của Hữu Hiệu Điểm Nguyễn Công Luật.

Theo "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư", ông cùng vú nuôi với vua Trần Phế Đế. Năm Đinh mão (1378) vua phong ông làm Quản quân thiết sang. Cuối năm Mậu thìn (1388) vua Trần Phế Đế mưu bắt Hồ Quý Ly không thành, bị Thượng Hoàng Nghệ Tông bắt giam. Ông cùng các tướng định đem quân vào cứu vua nhưng vua yêu cầu phải tuân theo lệnh của Thượng Hoàng. Sau đó ông bị bắt và bị hại.

Ông có một người con tên là Nguyễn Phong.

IX.3.3.2.A. NGUYỄN HÁCH 阮 虔
Quản quân thiết liêm

Ông là con thứ hai của Hữu Hiệu Điểm Nguyễn Công Luật.

---

(1) Khi vua Duệ Tông mất, người con trưởng là Trần Hiển được Thượng Hoàng Nghệ Tông lập làm vua gọi là Giản Hoàng Đế. Về sau Thượng Hoàng nghe lời dèm của Hồ Quý Ly, phế Giản Hoàng Đế xuống làm Minh Đức Đại Vương.

(2) Quản quân thiết sang, thiết liêm, thiết hổ là các chức võ tướng điều khiển các đội quân chuyên sử dụng khí giới như thương, câu móc, v.v...



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Trong vụ thảm sát Trần Phế Đế năm Mậu Thìn (1388), ông trốn thoát về Thanh Hóa. Sau, ông cùng con theo cuộc khởi nghĩa của nhà Hậu Trần (1407–1413) và bị tử trận.

* *
*

Đến Đệ cửu tổ Nguyễn Minh Du, chúng ta lại gặp những nghi vấn về niên kỷ. Theo tài liệu một số gia phả, ngài có cùng nhũ mẫu với Trần Phế Đế. Theo "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư", (một tài liệu đáng tin cậy), Trần Phế Đế bị hại năm Mậu Thìn (1388) lúc mới 22 tuổi, tính ra nhà vua sinh năm Đinh Mùi (1367). Năm Kỷ Tỵ (1389), Hồ Quý Ly chọn người có danh vọng vào làm ở Xu mật viện, trong đó có hai ông Nguyễn Sùng và Nguyễn Thư đều là con trai của ngài. Vì là người có danh vọng, hai ông lúc này phải có tuổi khoảng 30, nghĩa là năm sinh của hai ông vào khoảng 1360. Tính ngược trở lại, năm sinh của ngài vào khoảng 1340. Năm này có thể chấp nhận được vì nó phù hợp với các đời hậu duệ kế tiếp. Như vậy, ngài không cùng vú nuôi với Trần Phế Đế và anh của ngài là Nguyễn Công Sách có lẽ không phải là nhân vật Nguyễn Bát Sách trong "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.

Sau đời ngài, nhiều gia phả chép hậu duệ của ngài không giống nhau. Sau đây là một số phả đồ tiêu biểu lấy từ các tài liệu "Nguyễn Phước Tầm Nguyên" (gọi là P.Đ.1), "Tiên Nguyên Loát Yếu Phổ" (gọi là P.Đ.2) và "Nguyễn Gia Thế Hệ" (gọi là P.Đ.3) hoặc lấy trong hai tác phẩm viết vào đời Gia Long : Nam Hà Tiệp Lục của Lê Đản chép "Hoàng Gia Phả Hệ" (P.Đ.4) và Nam Hà Ký Văn của Đặng Trọng An chép "Hoàng Triều Ngọc Phổ" (P.Đ.5) và mục "Thế Hệ Triều Nguyễn" trong gia phả phủ Vĩnh Tường Quận Vương (P.Đ.6)

Ngoài ra, các tài liệu và nhiều gia phả chi họ Nguyễn cũng lâm vào tình trạng như vậy. Thế thứ, họ tên và chức tước các vị đều khác nhau, sắp xếp không rõ ràng, có lẽ do "tam sao thất bổn".

| P.Đ.1 | P.Đ.2 | | P.Đ.3 |
|---|---|---|---|
| Cẩn Vương<br>NGUYỄN MINH DU<br><br>Chiêu Quang Hầu<br>NGUYỄN SỬ<br><br>Hoành Quốc Công<br>NGUYỄN CÔNG CHUẨN<br>... | Thái sư<br>Huệ Quốc Công<br>NGUYỄN TIẾN<br><br>Thái sư<br>Sùng Quốc Công<br>NGUYỄN LONG<br><br>Thái úy<br>Nghĩa Quốc Công<br>NGUYỄN SỬ<br><br>Thái bảo<br>Hoằng Quốc Công<br>NGUYỄN CÔNG CHUẨN<br><br>Thái sư quán<br>NGUYỄN HIỆU<br>... | NGUYỄN MINH DU<br><br>Quản trang<br>NGUYỄN BIỆN<br><br>Chiêu Quang Hầu<br>NGUYỄN SỬ<br><br>... | Du Cẩn Công<br>NGUYỄN MINH DU<br>NGUYỄN VIẾT BIỆN<br><br>Quản nội<br>NGUYỄN VIẾT CHIÊM<br><br>Chiêu Quang Hầu<br>NGUYỄN VIẾT CHỪ<br><br>Hoành Quốc Công<br>NGUYỄN VIẾT DUẨN<br>... |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

| P.Đ.4 | P.Đ.5 | P.Đ.6 |
|---|---|---|
| Thái sư<br>Dực Quốc Công<br>NGUYỄN TRÃI<br><br>Thái sư<br>NGUYỄN LONG<br><br>Hoành Quốc Công<br>HOÀNG ĐẠO<br><br>Nghĩa Quốc Công<br>NGUYỄN LANG | ...<br>Dực Quốc Công<br>NGUYỄN TRÃI<br><br>Thái sư<br>NGUYỄN ĐAO<br><br>NGUYỄN NGHĨA<br><br>NGUYỄN HOÀNG<br><br>NGUYỄN HẠO | Thái sư<br>Huệ Quốc Công<br>NGUYỄN TRÃI<br><br>Thái sư<br>NGUYỄN LONG<br><br>Thái úy<br>Nghĩa Quốc Công<br>NGUYỄN SỪ<br><br>Thái bảo<br>Trấm Quốc Công<br>NGUYỄN CÔNG<br><br>Thái sư<br>NGUYỄN HẠO<br>... |

# ĐỆ THẬP TỔ
# PHỤ ĐẠO HUỆ QUỐC CÔNG
## HÚY
# NGUYỄN BIỆN
## (? - ?)

Ngày sinh : không rõ
Ngày mất : 12 tháng 6
(không rõ năm)
Thân phụ : Du Cẩn Công
Nguyễn Minh Du
Thân mẫu : Du Cẩn Công phu nhân
Lăng mộ : núi Thiên Tôn
(Tống Sơn - Thanh Hóa)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## X.1. – THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN BIỆN 阮 倂, tự là Tiến. Ngài là con thứ ba của Du Cần Công Nguyễn Minh Du. Lai lịch của ngài không rõ.

Khi Du Cần Công bị Hồ Quý Ly hãm hại, ngài trốn về Thanh Hóa, cư ngụ ở sơn động, chiêu tập dân miền núi, tự làm hùng trưởng[1] Khi Giản Định Đế (1407–1409) và Trùng Quang Đế (1409–1013) nhà Hậu Trần khởi nghĩa chống quân Minh, ngài thường giúp đỡ lương thực nên được giao làm Phụ Đạo sơn động, cai quản 12 trang (vì vậy ngài còn được gọi là Quản Trang). Sau ngài còn được phong làm Huệ Quốc Công. Khi nhóm Hậu Trần thất bại, ngài trở về sơn động cùng bà con cấy cày làm ăn.

Ngài mất ngày 12 tháng 6 âm lịch (không rõ năm mất), thụy An Tâm.

## X.2.– LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Mộ của ngài tại núi Thiên Tôn (Tông Sơn, Thanh Hóa).

## X.3.– GIA ĐÌNH

### X.3.1. Các vị phu nhân

#### X.3.1.1. MAI THỊ LUẬT 枚氏律

Bà húy là Mai Thị Luật, thụy là Từ Tâm. tiểu sử không rõ.

Mộ của bà cũng táng tại núi Thiên Tôn.

### X.3.2. Con trai và con gái

Ngài có 6 người con trai và 2 người con gái

| Con trai | Con gái |
|---|---|
| 1. Nguyễn Tác | 1. Nguyễn Thị Hà |
| 2. Nguyễn Chiếm | 2. Nguyễn Thị Phảng |
| 3. Nguyễn Trinh | |
| 4. Nguyễn Thể | |
| 5. Nguyễn Ba | |
| 6. Nguyễn Phục | |

### X.3.3. Anh chị em

#### X.3.3.1.A. NGUYỄN SÙNG 阮崇

Ông là con trưởng của Du Cần Công, ông là người có danh vọng, được Hồ Quý Ly mời ra làm ở Xu mật viện. Khi cha bị hại trong vụ Mậu Thìn (1388), ông bỏ trốn và mai danh ẩn tích.

Về sau, ông theo giúp nhà Hậu Trần chống lại quân Minh, lập được nhiều công trạng, ông được phong là Tả Hiệu Điểm.

Khi nhà Hậu Trần mất, ông về ở ẩn tại làng Cao Hương (Vụ Bản, Sơn Nam).

Con cháu không rõ.

(1) Tương tự như tù trưởng, cai quản các trang trại miền núi.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

### X.3.3.2.A. NGUYỄN THƯ 阮書

Ông là con thứ hai của Du Cần Công. Cũng như anh, ông là người có danh vọng, được Hồ Quý Ly mời ra làm ở Xu mật viện. Khi cha bị giết hại trong vụ Trần Phế Đế, ông bỏ trốn không biết đi đâu.

Con cháu không rõ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỆ THẬP NHẤT TỔ

# QUẢN NỘI

## HÚY

# NGUYỄN CHIÊM

## (? - ?)

Ngày sinh : không rõ

Ngày mất : 20 tháng 10
(không rõ năm)

Thân phụ : Huệ Quốc Công
Nguyễn Biện

Thân mẫu : Huệ Quốc Công phu nhân
Mai Thị Luật

Lăng mộ : núi Thiên Tôn
(Tống Sơn - Thanh Hóa)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## XI.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN CHIÊM 阮佔(còn đọc là Chiêm). Ngài là con thứ hai của Huệ Quốc Công Nguyễn Biện. Lai lịch của ngài không rõ.

Chỉ biết ngài theo cha ở sơn động, làm chức Quản nội, cai quản các trang trại.

Mất ngày 20 tháng 10 âm lịch (không rõ năm).

## XI.2. LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Mộ của ngài táng ở núi Thiên Tôn (Tống Sơn, Thanh Hóa).

## XI.3. GIA ĐÌNH

### XI.3.1. Các vị phu nhân

#### XI.3.1.1. MAI THỊ MAI 枚氏梅

Bà húy là Mai Thị Mai, hiệu là Diệu Nghĩa, thụy là Từ Thiện. Tiểu sử không rõ.

Bà mất cùng ngày với ngài, mộ táng ở núi Thiên Tôn.

### XI.3.2. Con trai và con gái

Ngài có 4 con trai và 4 con gái

| Con trai | Con gái |
|---|---|
| 1. Nguyễn Sừ | 1. Nguyễn Thị Bối |
| 2. Nguyễn Kinh | 2. Nguyễn Thị Ba |
| 3. Nguyễn Vinh | 3. Nguyễn Thị Cấp |
| 4. Nguyễn Mẫn | 4. Nguyễn Thị Luyện |

### XI.3.2. Anh chị em

Ngài có 5 anh em trai và hai em gái. Chỉ biết được sơ qua hành trạng của một vị, các vị khác đều không rõ.

XI.3.3.1.A. NGUYỄN TÁC 阮作

Ông là con trưởng của Huệ Quốc Công. Tiểu sử không rõ.

Ông theo cha ở sơn động, cùng với các anh em cai quản các trang trại.

Ông có một người con tên là Nguyễn Bá Lân

XI.3.3.3.A. NGUYỄN TRINH 阮偵

XI.3.3.4.A. NGUYỄN THỂ 阮骨豐

XI.3.3.5.A. NGUYỄN BA 阮巴

XI.3.3.6.A. NGUYỄN PHỤC 阮伏

XI.3.3.1.B. NGUYỄN THỊ HÀ 阮氏荷

XI.3.3.2.B. NGUYỄN THỊ PHẢNG 阮氏仿



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỆ THẬP NHỊ TỔ

# CHIÊU QUANG HẦU

## HÚY

# NGUYỄN SỬ

## (? - ?)

Ngày sinh : không rõ

Ngày mất : 10 tháng 4 (không rõ năm)

Thân phụ : Quán Nội Nguyễn Chiêm

Thân mẫu : Quán Nội phu nhân Mai Thị Mai

Lăng mộ : núi Thiên Tôn
(Tống Sơn - Thanh Hóa)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## XII.1.- THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài huý là NGUYỄN SỬ阮 侍儲(có nơi đọc là Trừ). Ngài là con trưởng của Quản Nội Nguyễn Chiếm. Lai lịch của ngài không rõ.

Ngài sống ở sơn động như các vị đời trước. Do con cháu của ngài có công lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và trong các triều vua kế tiếp, ngài được vua Lê Hiến Tông (1479–1504) truy phong chức Đại đội trưởng Chiêu Quang Hầu (mẹ vua Lê Hiến Tông là chắt nội của ngài).

Ngài mất ngày 10 tháng 4 âm lịch (không rõ năm), thụy là Nhân Phúc.

## XII.2.- LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Mộ của ngài táng ở núi Thiên Tôn (Tống Sơn, Thanh Hóa)

## XII.3.- GIA ĐÌNH

### XII.3.1. Các vị phu nhân

XII.3.1.1. MAI THỊ QUANG 枚氏光
Chính phu nhân

Bà húy là Mai Thị Quang, tiểu sử không rõ.

Bà mất ngày 27 thánh 4 âm lịch (không rõ năm), thụy là Thuận Nghĩa. Mộ táng ở Hổ Nham Sơn.

Bà sinh được 2 người con trai là Nguyễn Mỹ và Nguyễn Dũ.

XII.3.1.2. ĐỖ THỊ HIỆU 杜氏效
Thứ phu nhân

Bà húy là Đỗ Thị Hiệu, vợ thứ hai của Chiêu Quang Hầu. Tiểu sử không rõ.

Bà không có con.

XII.3.1.3. ĐỖ THỊ HOA 杜氏花
Thứ phu nhân

Bà húy là Đỗ Thị Hoa (có nơi chép là Hoán), vợ thứ ba của Chiêu Quang Hầu. Tiểu sử không rõ.

Bà sinh được 5 người con trai là Nguyễn Dã, Nguyễn Công Duẩn, Nguyễn Lâm, Nguyễn Lam và một người khuyết danh.

### XII.3.2. Con trai và con gái

Ngài có 7 con trai và 4 con gái

| Con trai | Con gái |
|---|---|
| 1. Nguyễn Mỹ | 1. Nguyễn Thị Giai |
| 2. Nguyễn Dũ | 2. Nguyễn Thị Dự |
| 3. Nguyễn Dã | 3. Nguyễn Thị Biên |
| 4. Nguyễn Công Duẩn | 4. Nguyễn Thị Diễn |
| 5. Nguyễn Lâm | |
| 6. Nguyễn Lam | |
| 7. (khuyết danh) | |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

**XII.3.3. Anh chị em**

Ngài có 3 em trai và 4 chị em gái. Tiểu sử các vị này đều không rõ.

XII.3.3.2.A. NGUYỄN KINH 阮 經

XII.3.3.3.A. NGUYỄN VINH 阮 榮

XII.3.3.4.A. NGUYỄN MẪN 阮 敏

XII.3.3.1.B. NGUYỄN THỊ BỐI 阮 氏 盃

XII.3.3.2.B. NGUYỄN THỊ BA 阮 氏 把

XII.3.3.3.B. NGUYỄN THỊ CẤP 阮 氏 給

XII.3.3.4.B. NGUYỆN THỊ LUYỆN 阮 氏 練



# ĐỆ THẬP TAM TỔ
# THÁI BẢO HOẰNG QUỐC CÔNG
## HÚY
# NGUYỄN CÔNG DUẪN
## (? - ?)

Ngày sinh : không rõ
Ngày mất : Mồng 1 tháng 7 (không rõ năm)
Thân phụ : Chiêu Quang Hầu Nguyễn Sử
Thân mẫu : Chiêu Quang Hầu phu nhân
Lăng mộ : núi Thiên Tôn (Tống Sơn - Thanh Hóa)





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## XIII.1.- THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN CÔNG DUẨN 阮公笋 con thứ tư của Chiêu Quang Hầu Nguyễn Sử (có nơi đọc là Trừ) và phu nhân Đỗ Thị Hoa (có nơi là Hoàn). Lai lịch ngài không rõ.

Lúc Bình Định Vương khởi nghĩa, ngài cùng anh là Nguyễn Dã theo giúp và lập được nhiều chiến công. Năm Bính thân (1416) sau ngày hội Lam Sơn, ngài đã cung cấp cho nghĩa quân 3500 thạch thóc. Năm Mậu tuất (1418), khi nghĩa quân thất thế lui giữ Linh sơn (núi Chí Linh) lương thực thiếu thốn, ngài đã cung cấp 5.300 thạch thóc để nuôi quân và còn đem binh giải vây, đuổi giặc sang tận đất Lào. Ngài được phong là Trụ Thuận Hầu, Bắc Vệ Quân Đại Đội Trưởng.

Năm Bính Ngọ (1425) khi Bình Định Vương tiến đánh Nghệ An, ngài đã cung cấp 5.500 thạch thóc và 500 bao muối. Trong các trận Ninh Kiều, Tốt Động (1426) và Xương Giang, Chi Lăng (1427) ngài đã hoàn thành tốt đẹp công việc vận chuyển lương thực và vũ khí.

Khi ngài giữ cửa Lê Hoa (một cửa ải ở tỉnh Lào Kai) chống nhau với giặc, tướng Minh là Mộc Thạnh sợ ngài như cọp nên gọi ngài là Hổ Đầu Tướng Quân.

Năm Mậu Thân (1428) cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thành công, vua Lê Thái Tổ tuyên dương ngài như sau : "Nhà ngươi không lười điều binh, tiến lương, vào ra nguy hiểm không quản sống chết. Nhớ công ngươi bẻ gãy ngọn giáo, làm quằn lưỡi gươm quân thù, thừa thắng đánh giặc, một mình rong ruổi đông tây, ngăn sông phá núi để lo nạn nước. Công lao ngươi mọi người đều biết, thật là cảm kích !"[1].

Ngài được thăng làm Phụng Trực Đại Phu Đô Đốc thiêm sự, Đô Kiểm Sự, lãnh việc quân dân ở huyện Tống Sơn và được vua ban cho gần 500 mẫu ruộng, Ngài được xếp vào hàng Khai Quốc Công thần bình Ngô và được ban quốc tính Lê.

Ngài mất ngày 10 tháng 7 âm lịch (không rõ năm)[2], thụy là Bảo Toàn.

## XIII.3. GIA ĐÌNH

### XIII.3.1 Các vị phu nhân

XIII.3.1.1. MAI THỊ ÁNH 枚氏映
Lệnh nhân

Bà là Mai Thị Ánh, tiểu sử không rõ.

Bà mất ngày mồng 8 tháng 7 âm lịch (không rõ năm)[3] thụy là Từ Nhan, được phong làm Lệnh Nhân. Mộ táng tại núi Thiên Tôn (Tống Sơn, Thanh Hóa).

### XIII.3.2. Con trai và con gái

Ngài có 7 người con trai và 3 người con gái

| Con trai | Con gái |
|---|---|
| 1. Nguyễn Đức Trung | 1. Nguyễn Thị Phát |
| 2. Nguyễn Nhân Chính | 2. Nguyễn Thị Thai (Hai) |
| 3. Nguyễn Như Hiếu | 3. Nguyễn Thị Ba |
| 4. Nguyễn Như Trác | |
| 5. Nguyễn Văn Lỗ | |
| 6. Nguyễn Văn Lễ | |
| 7. Nguyễn Bá Cao | |

(1) Trích chiếu tuyên dương công trạng năm Thuận Thiên thứ 2.

(2) Theo một số phả ngài mất ngài mồng 1 tháng 7 âm lịch.

(3) Theo một số phả, bà mất ngày mồng 5 tháng 4 âm lịch.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

**XIII.3.3. Anh chị em**

Ngài có 5 anh em trai và 4 chị em gái.

XIII.3.3.1.A. NGUYỄN MỸ 阮美
Thiên Hộ Hầu

Ông là con trưởng của Chiêu Quang Hầu. Ông theo Bình Định Vương khởi nghĩa chống quân Minh. Ông lập được nhiều công trạng, được phong là Thiên Hộ Hầu.

Con cháu không rõ.

XIII.3.3.2.A. NGUYỄN DỮ 阮愈
Thị Cận Tỵ[1]

Ông là con thứ hai của Chiêu Quang Hầu. Ông theo Bình Định Vương từ lúc ban đầu của cuộc khởi nghĩa. Ông lập được nhiều công trạng, làm đến chức Thị Cận Tỵ.

Con cháu không rõ.

XIII.3.3.3.A. NGUYỄN DÃ 阮野
Dũng Quốc Công

Ông là con thứ ba của Chiêu Quang Hầu. Ông theo Bình Định Vương khởi nghĩa chống quân Minh. Ông lập nhiều chiến công và được gọi là Sơn Đầu Tướng Quân. Ông là công thần mở nước, được phong chức Đô Đốc Phủ Đô Thiêm Sự coi việc quân dân hai phủ Lâm Thao và Đoán Hùng (tỉnh Sơn Tây). Ông được phong Dũng Quốc Công đưới triều vua Lê Hiến Tông. Làm quan trải qua 5 triều nhưng về sau không hợp với vua và bị nghi ngờ, thêm vào đó gia đình không yên ông bèn đem hai con là Chất (làm quan chức Thái úy) và Long (làm quan chức Phó tướng) cùng gia nhân sang cư ngụ ở Vân Nam và đổi thành họ Ngạc, ông lập thành họ Ngạc, về sau có con cháu đông đúc ở Vân Nam.

Có nơi đọc tên ông là Dạ

XIII.3.3.5.A. NGUYỄN LÂM 阮林
Quản Lĩnh

Ông là con thứ 5 của Chiêu Quang Hầu. Tiểu sử không rõ. Chỉ biết ông làm quan chức Quản Lĩnh dưới triều Lê. Ông có một người con tên là Nguyễn Trạch.

XIII.3.3.6.A. NGUYỄN LAM 阮藍

Ông là con thứ sáu của Chiêu Quang Hầu. Tiểu sử không rõ. Con cháu không rõ.

XIII.3.3.1.B. NGUYỄN THỊ GIAI 阮氏佳

Bà là con gái Chiêu Quang Hầu. Không rõ tiểu sử.

XIII.3.3.2.B. NGUYỄN THỊ DỰ 阮氏預

Bà là con gái của Chiêu Quang Hầu Không rõ tiểu sử

XIII.3.3.3.B. NGUYỄN THỊ BIÊN 阮氏編

Bà là con gái của Chiêu Quang Hầu. Không rõ tiểu sử

XIII.3.3.4.B. NGUYỄN THỊ DIỄN 阮氏演

Bà là con gái của Chiêu Quang Hầu. Không rõ tiểu sử.

(1) Một chức quan trọng ở các tỵ.





http://giapha.nguyenphuoctoc.info



# ĐỆ THẬP TỨ TỔ
# PHÓ QUỐC CÔNG
## HÚY
# NGUYỄN NHƯ TRÁC
## (? - ?)

Ngày sinh : không rõ

Ngày mất : 17 tháng 7 (không rõ năm)

Thân phụ : Hoằng Quốc Công
Nguyễn Công Duẩn

Thân mẫu : Hoằng Quốc Công phu nhân
Mai Thị Anh

Lăng mộ : không rõ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## XIV.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN NHƯ TRÁC 阮 如 琢, tự là Hạo, con thứ tư của Hoằng Quốc Công Nguyễn Công Duẩn và phu nhân Mai Thị Ánh. Lai lịch của ngài không rõ.

Ngài làm quan chức Tham Đốc, tước Hầu, dưới hai triều vua Lê Thánh Tông (1460–1497) và Lê Hiến Tông (1497–1504).

Ngài mất ngày 17 tháng 7 Âm lịch (không rõ năm mất), thụy là Đức Khánh.

## XIV.2.– LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Khi mất ngài được truy phong là Thái Bảo Phó Quốc Công. Lăng mộ và nhà thờ không rõ.

## XIV.3.– GIA ĐÌNH

**XIV.3.1. và XIV.3.2. Vợ và con**

Về gia đình, chỉ biết ngài có một người con trai là Nguyễn Văn Lựu.

**XIV.3.3. Anh chị em**

Ngài có 6 anh em trai và 3 chị em gái

XIV.3.3.1.A. NGUYỄN ĐỨC TRUNG 阮 德 忠
Trình Quốc Công

Ông là con trưởng của Hoằng Quốc Công

Ông làm quan từ đời Lê Thái Tổ (1428–1433), dưới triều Lê Nhân Tông, ông giữ chức Điện tiền đô chỉ huy sứ. Sau khi Lạng Sơn Vương Nghi Dân tiếm ngôi, năm Canh thìn (1460), ông cùng các đại thần phế Nghi Dân và đưa Bình Nguyên Vương Tư Thành lên làm vua (tức là Lê Thánh Tông). Năm này, ông đưa người con gái thứ hai là Nguyễn Thị Ngọc Hằng vào cung và sau này là mẹ của vua Lê Hiến Tông. Năm Đinh hợi (1467) ông dẹp yên giặc ở trấn Yên Bang. Năm Canh dần (1470), ông phò xa giá đánh Chiêm Thành, trận này quân ta đại thắng. Ông là một lão tướng có nhiều công trạng, lại có con gái sinh ra Hoàng Thái Tử nên rất được nhà vua vị nể. Ông được phong là Thái úy Trình Quốc Công.

Ông mất ngày 11 tháng 8 năm Đinh dậu (17–9–1477) (có phả chép ngày mất của ông là mồng 2 tháng 8)

Ông có 6 người con trai là Nguyễn Hữu Vĩnh, Nguyễn Công Toản, Nguyễn Công Độ, Nguyễn Công Chiêu, Nguyễn Công Nghị và Nguyễn Công Hòa và 6 người con gái là Thị Liên, Ngọc Hằng, Thị Du, Thị Diễn, Thị Tú, Thị Dịch, Thị Túc và Thị Đường.

XIV.3.3.2.A. NGUYỄN NHÂN CHÍNH 阮 仁 政
Thái Bảo Mục Quốc Công

Ông là con thứ 2 của Hoằng Quốc Công, lai lịch không rõ.

Ông làm quan dưới triều Lê Thánh Tông chức Đô Đốc Phủ Tả Đô Đốc. Về sau, lập được nhiều công trạng, ông được vinh phong Đồng Đức Công thần, Phò Quốc Thượng Tướng Quân, Trụ Quốc Thái Bảo Mục Quốc Công.

Ông có 2 người con trai là Nguyễn Đăng Cơ (Tuyên Quận Công) và Nguyễn Đăng Phụ (Tống Ban Hầu).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

XIV.3.3.3.A. NGUYỄN NHƯ HIẾU 阮如孝
Châu Quận Công

Ông là con thứ 3 của Hoằng Quốc Công, lai lịch không rõ

Ông làm quan dưới các triều Lê Thánh Tông và Lê Hiến Tông. Vì có quân công nên ông được phong là Trấn Quốc Đại Tướng Quân Đô Đốc Phủ Tả Đô Đốc Châu Quận Công.

Khi mất, ông được ban thụy là Bảo Thuần.

Ông có 4 con trai là Nguyễn Văn Khiêm (Huyện Thừa), Nguyễn Văn Phong (Giám Sát Ngự Sử), Nguyễn Văn Tiến (Tham Nghị) và Nguyễn Văn Thái (Lang Trung).

XIV.3.3.5.A. NGUYỄN VĂN LỖ 阮文魯
Thái úy Sảng Quốc Công

Ông là con thứ 5 của Hoằng Quốc Công, lai lịch không rõ

Ông làm quan dưới các triều Lê Thánh Tông đến Lê Uy Mục (1460–1509). Năm Kỷ tỵ (1509), ông cùng con trưởng là Nguyễn Văn Lang cử binh đánh Lê Uy Mục và lập Lê Tương Dực lên ngôi (1509–1516). Nhân có công lớn, ông được phong : "Hiệp mưu Đồng đức Thượng Trụ Quốc Thái úy Sảng Quốc Công".

Ông có 8 người con trai là Nguyễn Văn Lang (Nghĩa Quốc Công), Nguyễn Địch Sầm (Phượng Quận Công), Nguyễn Tiến (Bảo Quận Công), Nguyễn Tồn (Lãm Đống Hầu), Nguyễn Trụ (Mại Kiến Hầu), Nguyễn Lý (Bình Quận Công), Nguyễn Nghiễm (Dương Sơn Đầu) và Nguyễn Lữ (Hộ Bộ Thượng Thư Quỳnh Sơn Hầu, tác giả cuốn phả viết từ năm 1515) và một người con gái là Nguyễn Thị Hoàng (chồng là Trạng nguyên Đỗ Tốn).

XIV.3.3.6.A. NGUYỄN VĂN LỄ 阮文禮
Lỗ Khê Hầu

Ông là con thứ 6 của Hoằng Quốc Công, lai lịch không rõ.

Ông giữ chức Trấn Điện Tư Hiệu Úy dưới triều Lê. Ông được phong là Quan Tấn Trấn Quốc Tướng Quân, Lỗ Khê Hầu.

Khi mất, được ban thụy là Lương Tâm.

Ông có hai con trai là Nguyễn Đương và Nguyễn Phú

XIV.3.3.7.A. NGUYỄN BÁ CAO 阮伯高
Thái Phó Phổ Quận Công

Ông là con thứ 7 của Hoằng Quốc Công, lai lịch không rõ.

Ông làm quan trải qua các triều từ Lê Thánh Tông (1460–1497) đến Lê Chiêu Tông (1516–1522). Năm Kỷ Tỵ (1509), ông là một trong số các đại thần nổi lên ở Tây Đô tôn lập vua Lê Tương Dực, ông được phong là Phò Quốc Thượng Tướng quân, Thượng Trụ Thái Phó Phổ Quốc Công.

Con cháu không rõ.

Về chị em gái, chỉ biết danh tánh các bà, không rõ tiểu sử.

XIV.3.3.1.B. NGUYỄN THỊ PHÁT 阮氏台

XIV.3.3.2.B. NGUYỄN THỊ THAI 阮氏巳

XIV.3.3.3.B. NGUYỄN THỊ BA 阮氏發



http://giapha.nguyenphuoctoc.info






http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## XV.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngài húy là NGUYỄN VĂN LỰU 阮文瀏 (cũng đọc là Lưu) con của Phó Quốc Công Nguyễn Như Trác, mẹ ngài họ Mai. Lai lịch ngài khong rõ.

Ngài thuở bé hiếu học, tám tuổi đã biết làm văn, 15 tuổi thì võ nghệ tinh thông.

Ngài giữ chức Kinh Lược Sứ Đà Giang dưới triều vua Lê Hiến Tông (1497–1504).

Đến đời vua Tương Dực, (1509–1516), biến loạn nổi lên khắp nơi, giặc Trần Cao chiếm lấy Đông Đô. Ngài phải đem quân từ Thanh Hóa ra, chiếm lại Đông Đô rồi rước vua Tương Dực về.

Ngài được phong làm Thái Tể Trừng Quốc Công.

Ngài mất ngày mồng 4 tháng 8 (không rõ năm), thụy là Chơn Tâm.

## XV.2.– LĂNG MỘ VÀ CÁC NƠI THỜ TỰ

Mộ ngài táng ở làng Bái Hương.

Năm Quí hợi (1803), vua Gia Long cho dựng miếu ở làng Gia Miêu ngoại trang (Tống Sơn, Thanh Hóa), trong thành Triệu Tường phía tả của Nguyên Miếu, gọi là miếu Trừng Quốc Công để thờ ngài.

## XV.3.– GIA ĐÌNH

### XV.3.1. Các vị phu nhân

XV.3.1.1. (khuyết danh)
Chính phu nhân

Bà họ Mai, tiểu sử không rõ.

Bà mất ngày 20 tháng 9 âm lịch (không rõ năm), thụy là Từ Đức. Mộ táng ở làng Bái Hương.

### XV.3.2. Con trai và con gái

Ngài có 2 người con trai, con gái không rõ.

| Con trai | Con gái |
|---|---|
| 1. Nguyễn Cam | không rõ |
| 2. Nguyễn Tôn Thái | |

### XV.3.3. Anh chị em

Không rõ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Từ thế kỷ X trở về trước, những danh nhân họ Nguyễn ở Việt Nam cũng có như thứ sử Nguyễn Phu, các vị sứ quân Nguyễn Siêu, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Khoan, v.v... Có gia phả chép Nguyễn Phu là vị tổ truyền xuống ngài Nguyễn Bặc, cũng có gia phả chép thân sinh của ngài Nguyễn Bặc là cụ Nguyễn Thước, một nha tướng của Dương Diên Nghệ v.v...

Tuy nhiên, hầu hết các gia phả họ NGUYỄN lưu truyền cho đến nay đều chép Thủy Tổ họ NGUYỄN bắt nguồn từ ngài Nguyễn Bặc, vị Quốc Công đầu tiên của triều đại độc lập tự chủ nhà Đinh. Từ đó đến nay (924–1993), lịch sử dòng họ Nguyễn đã trải qua trên một ngàn năm, như một cây cổ thụ với một tán cây rộng lớn, cành lá xum xuê, phát triển thành hàng trăm chi họ cư ngụ suốt chiều dài đất nước từ Bắc chí Nam và trải rộng từ đồng bằng lên miền núi.

Dẫu rằng phả đồ của dòng họ NGUYỄN, tính từ đời đức Triệu Tổ Nguyễn Cam trở về trước, có những đoạn chắp nối rời rạc vì bao nhiêu biến cố lịch sử, bao nhiêu thảm nạn mà dòng họ gặp phải, chúng ta vẫn thấy được một cách rất mạch lạc lịch sử của dòng họ kể từ đức Thủy Tổ Định Quốc Công Nguyễn Bặc đến đệ thập ngũ tổ Trừng Quốc Công Nguyễn Văn Lựu. Sự thăng trầm của dòng họ luôn luôn gắn liền với sự thăng trầm của lịch sử đất nước. Cứ mỗi lần thay đổi triều đại, họ Nguyễn lại gánh vào mình một cơn gia biến thảm thương nhưng sau đó, bằng hình thức này hay hình thức khác lại xuất hiện những nhân vật lịch sử mới – những vị như Nguyễn Bặc, Nguyễn Phụng, Nguyễn Nộn, v.v... là những minh chứng.

Trải qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, họ Nguyễn đã bao đời làm tướng, có lúc nổi lên xưng bá, tranh vương, có lúc chìm xuống mai danh ẩn tích và cuối cùng, vào triều Lê, xuất hiện một trường phái quyền lực mới mà thanh thế ngày càng vững chắc từ Nguyễn Đức Trung đến Nguyễn Văn Lang rồi đến Nguyễn Hoằng Dụ. Thanh thế này sẽ là nền tảng và tạo uy thế cho An Tĩnh Hầu Nguyễn Cam đứng ra phất cờ khởi nghĩa gây dựng triều Lê Trung Hưng để từ đó dòng họ Nguyễn vươn lên cao mãi trong thời Trịnh Nguyễn.

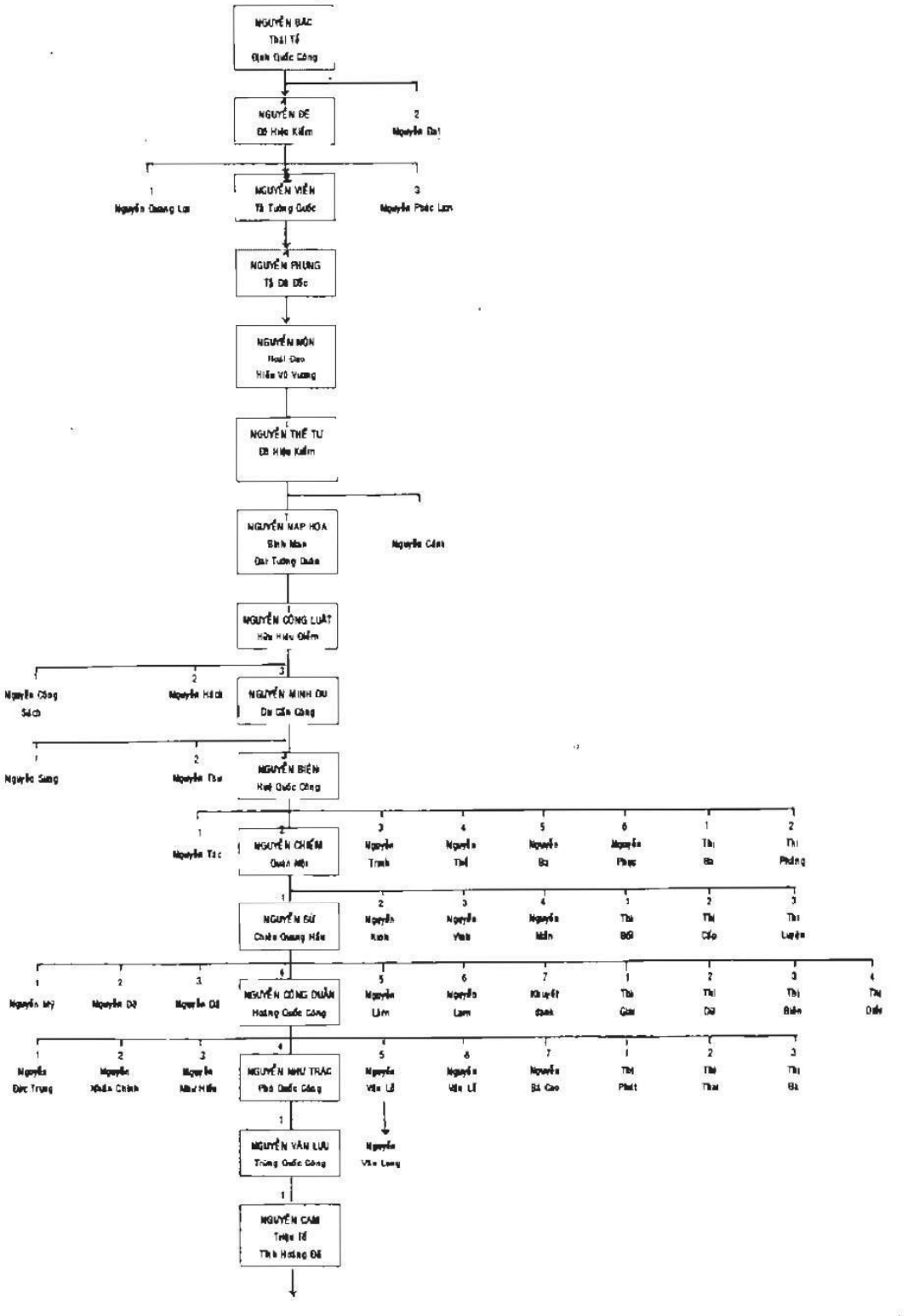
Thủy tổ phả của dòng họ Nguyễn khởi đầu từ một viên đại tướng dũng mãnh, có sức khỏe đánh được cọp là Định Quốc Công Nguyễn Bặc và kết thúc cũng là một viên tướng văn võ kiêm toàn, tay không đánh cọp là Trừng Quốc Công Nguyễn Văn Lựu. Trải qua một thời gian gần sáu thế kỷ với bao giấc mộng công hầu dòng họ Nguyễn vươn lên, vươn lên mãi để chuẩn bị cho sự nghiệp mới của bốn thế kỷ tiếp theo – Vương nghiệp ở xứ Đàng trong và Đế nghiệp của toàn cõi nước Việt Nam.

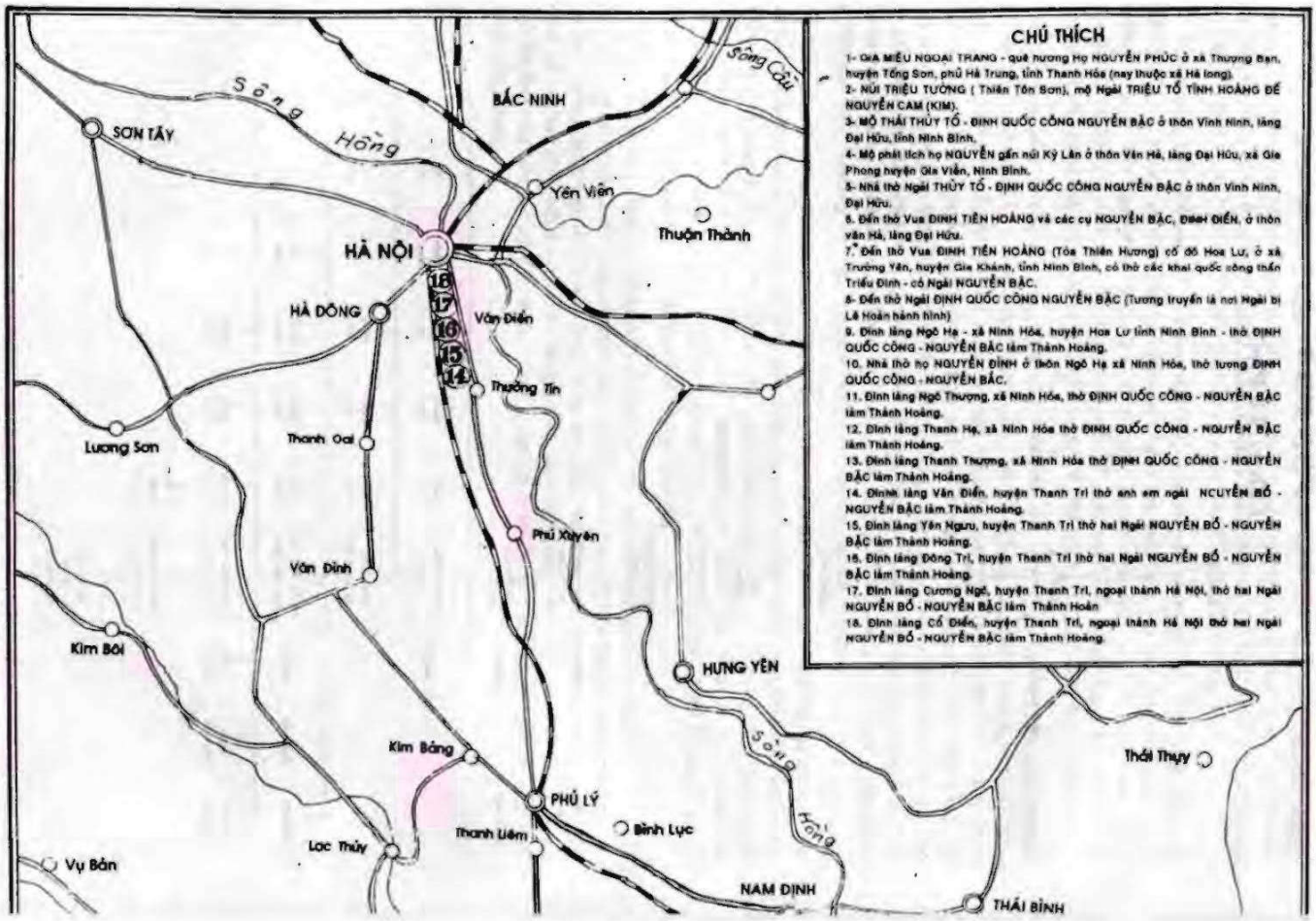


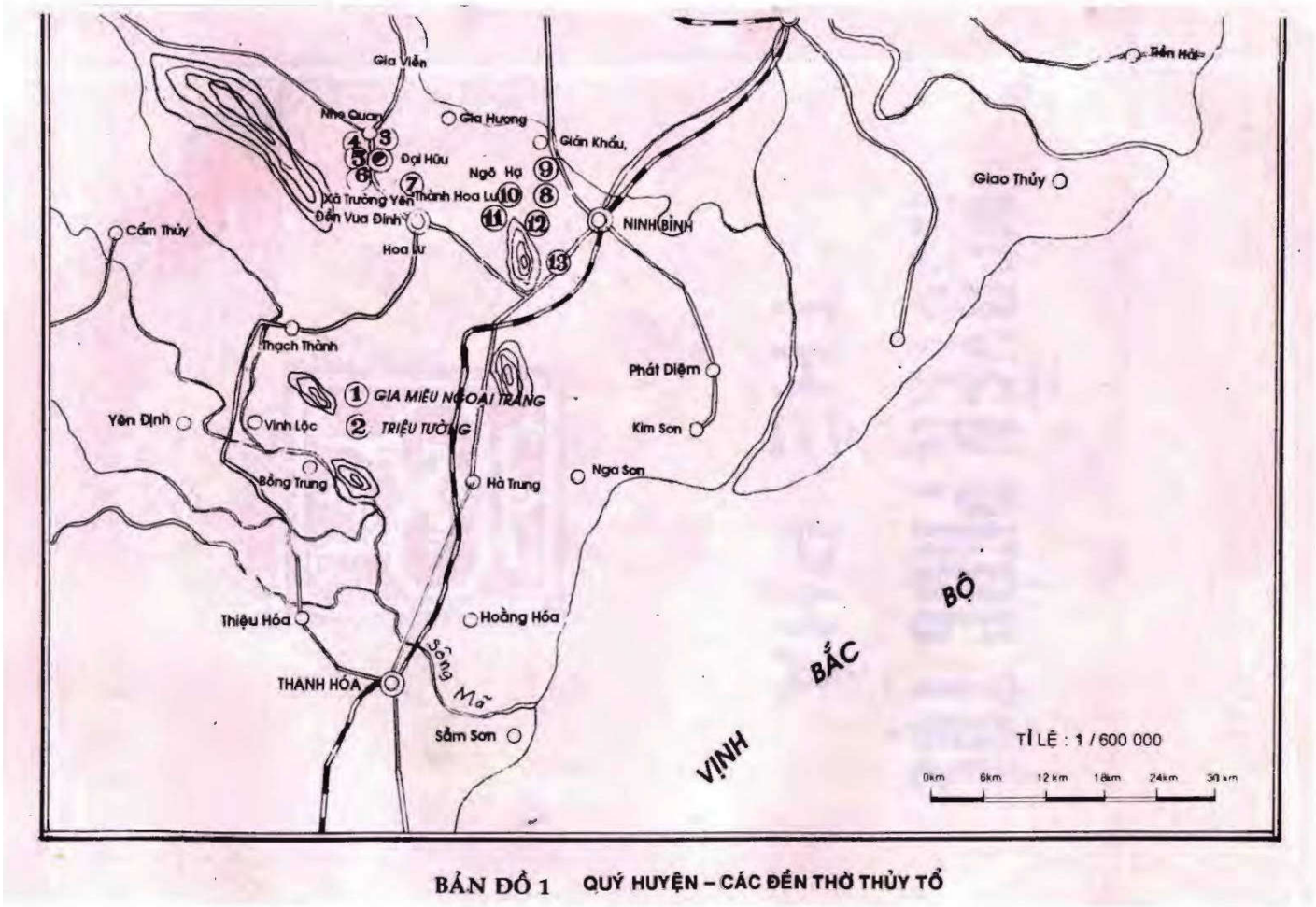
http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# PHẢ ĐỒ I

## (Thuỷ Tổ Phả)




Sông Hồng
Sông Cầu
BẮC NINH
SƠN TÂY
Yên Viên
Thuận Thành
HÀ NỘI
HÀ ĐÔNG
Văn Điển
Thường Tín
Lương Sơn
Thanh Oai
Phú Xuyên
Văn Đình
Kim Bôi
HƯNG YÊN
Sông Hồng
Thái Thụy
Kim Bảng
PHỦ LÝ
Thanh Liêm
Bình Lục
Lạc Thủy
Vụ Bản
NAM ĐỊNH
THÁI BÌNH
CHÚ THÍCH
1- GIA MIỆU NGOẠI TRANG - quê hương Họ NGUYỄN PHÚC ở xã Thượng Bạn, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (nay thuộc xã Hà long).
2- NÚI TRIỆU TƯỜNG ( Thiên Tôn Sơn), mộ Ngài TRIỆU TỔ TĨNH HOÀNG ĐẾ NGUYỄN CAM (KIM).
3- MỘ THÁI THỦY TỔ - ĐINH QUỐC CÔNG NGUYỄN BẶC ở thôn Vĩnh Ninh, làng Đại Hữu, tỉnh Ninh Bình.
4- Mộ phát tích họ NGUYỄN gần núi Kỳ Lân ở thôn Vân Hà, làng Đại Hữu, xã Gia Phong huyện Gia Viễn, Ninh Bình.
5- Nhà thờ Ngài THỦY TỔ - ĐINH QUỐC CÔNG NGUYỄN BẶC ở thôn Vĩnh Ninh, Đại Hữu.
6. Đền thờ Vua ĐINH TIÊN HOÀNG và các cụ NGUYỄN BẶC, ĐINH ĐIỂN, ở thôn vân Hà, làng Đại Hữu.
7. Đền thờ Vua ĐINH TIÊN HOÀNG (Tòa Thiên Hương) cố đô Hoa Lư, ở xã Trường Yên, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, có thờ các khai quốc công thần Triều Đình - có Ngài NGUYỄN BẶC.
8- Đền thờ Ngài ĐINH QUỐC CÔNG NGUYỄN BẶC (Tương truyền là nơi Ngài bị Lê Hoàn hành hình)
9. Đình làng Ngô Hạ - xã Ninh Hóa, huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình - thờ ĐINH QUỐC CÔNG - NGUYỄN BẶC làm Thành Hoàng.
10. Nhà thờ họ NGUYỄN ĐÌNH ở thôn Ngô Hạ xã Ninh Hóa, thờ tương ĐINH QUỐC CÔNG - NGUYỄN BẶC.
11. Đình làng Ngô Thượng, xã Ninh Hóa, thờ ĐINH QUỐC CÔNG - NGUYỄN BẶC làm Thành Hoàng.
12. Đình làng Thanh Hạ, xã Ninh Hóa thờ ĐINH QUỐC CÔNG - NGUYỄN BẶC làm Thành Hoàng.
13. Đình làng Thanh Thượng, xã Ninh Hóa thờ ĐINH QUỐC CÔNG - NGUYỄN BẶC làm Thành Hoàng.
14. Đình làng Văn Điển, huyện Thanh Trì thờ anh em ngài NGUYỄN BỐ - NGUYỄN BẶC làm Thành Hoàng.
15. Đình làng Yên Ngưu, huyện Thanh Trì thờ hai Ngài NGUYỄN BỐ - NGUYỄN BẶC làm Thành Hoàng.
16. Đình làng Đông Trì, huyện Thanh Trì thờ hai Ngài NGUYỄN BỐ - NGUYỄN BẶC làm Thành Hoàng.
17. Đình làng Cương Ngô, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội, thờ hai Ngài NGUYỄN BỐ - NGUYỄN BẶC làm Thành Hoàn
18. Đình làng Cổ Điển, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội thờ hai Ngài NGUYỄN BỐ - NGUYỄN BẶC làm Thành Hoàng.



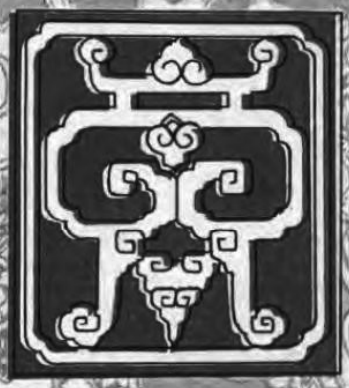

BẢN ĐỒ 1 QUÝ HUYỆN – CÁC ĐỀN THỜ THỦY TỔ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# NGUYỄN PHÚC TỘC

# THẾ PHẢ





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# VƯƠNG PHẢ

## TỪ TRIỆU TỔ TĨNH HOÀNG ĐẾ NGUYỄN CAM ĐẾN DUỆ TÔNG HIẾU ĐỊNH HOÀNG ĐẾ NGUYỄN PHÚC THUẦN



Hạ: Vạc truyền quốc đúc dưới triều Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

| | | | |
|---|---|---|---|
| Đời thứ nhất | : | Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế<br>NGUYỄN CAM | 1468 – 1545 |
| Đời thứ hai | : | Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế<br>NGUYỄN HOÀNG | 1525 – 1613 |
| Đời thứ ba | : | Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế<br>NGUYỄN PHÚC NGUYÊN | 1563 – 1635 |
| Đời thứ tư | : | Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế<br>NGUYỄN PHÚC LAN | 1601 – 1648 |
| Đời thứ năm | : | Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế<br>NGUYỄN PHÚC TẦN | 1620 – 1687 |
| Đời thứ sáu | : | Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế<br>NGUYỄN PHÚC THÁI | 1650 – 1691 |
| Đời thứ bảy | : | Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế<br>NGUYỄN PHÚC CHU | 1675 – 1725 |
| Đời thứ tám | : | Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế<br>NGUYỄN PHÚC THỤ | 1697 – 1738 |
| Đời thứ chín | : | Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế<br>NGUYỄN PHÚC KHOÁT | 1714 – 1765 |
| Đời thứ mười | : | Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế<br>NGUYỄN PHÚC THUẦN | 1754 – 1777 |
| | : | Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế<br>NGUYỄN PHÚC CÔN | 1733 – 1765 |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ NHẤT

## 1. NGUYỄN CAM

## Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế

1332A. NGUYỄN TÔNG THIÀ I

1334C. NGUYỄN U KỲ



H.3. Long vị của đức Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế và Hoàng Hậu thờ tại Triệu Miếu



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC TRIỆU TỔ TĨNH HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN CAM

## (1468 – 1545)

**Ngày sinh :** Năm Mậu Tý (ngày tháng không rõ) (1468)

**Ngày mất :** 20 tháng 5 năm Ất Tỵ (28 – 6 – 1545)

**Thân phụ :** Trừng Quốc công Nguyễn Văn Lựu

**Thân mẫu :** Trừng Quốc công phu nhân (họ Mai, tên húy không rõ)

**Lăng tẩm :** Trường Nguyên (Tống Sơn, Thanh Hóa)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 1.1. – THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế húy là NGUYỄN CAM[1] 阮淦 con đầu của Trùng Quốc công Nguyễn Văn Lưu. Bà mẹ họ Mai, tên húy không rõ. Ngài sinh năm Mậu tý (1468), ngày tháng sinh không rõ.

Thời trai trẻ, ngài tài kiêm văn võ. Ban đầu ấm thụ làm quan coi lính. Đến đời vua Lê Chiêu Tông (1516 – 1524) ngài giữ chức Tả vệ Điện tiền Tướng quân, tước An Tĩnh Hầu, trông coi tỉnh Thanh Hoa[2].

Năm Đinh hợi (1527), Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê[3], ngài đem thuộc hạ tránh sang nước Ai Lao mưu việc khôi phục, lúc đó ngài đã 59 tuổi. Vua Ai Lao là Sạ Đẩu cất cho ngài châu Sầm[4] để ở. Ngài chiêu tập những người trung dũng, gởi con thứ là Nguyễn Hoàng, mới hai tuổi, cho em vợ là Nguyễn Ư Kỷ nuôi dạy để mình tiện lo việc lớn.

Năm Kỷ sửu (1529), ngài đem quân về Thanh Hoa đánh nhà Mạc, thắng trận liên tiếp.

Năm Canh dần (1530), quân ngài bị tổn thất. Ngài phải tạm lui về Ai Lao chỉnh đốn lại binh mã.

Năm Quý tỵ (1533) ngài cùng các tướng đò tìm được Lê Ninh (con của vua Lê Chiêu Tông), 18 tuổi, lập lên ngôi tức vua Lê Trang Tông. Từ đó, hào kiệt theo về càng đông. Ngài được vua Lê phong chức Thượng phụ Thái sư Hưng Quốc công Chưởng nội ngoại sự.

Năm Quí mão (1543) vua Lê tiến quân từ thành Tây Đô (Thanh Hóa) ra Bắc, sai người mang chiếu thư sang Ai Lao gọi ngài về. Vua gia phong ngài làm Thái tể Đô tướng Tiết chế tướng sĩ chư dinh thủy bộ. Ngài tiến quân đến đâu thắng đến đấy.

Năm Ất tỵ (1545) ngài định tiến ra Đông Đô (Thăng Long) nhưng bị lụt phải trở về Thanh Hoa, đóng quân ở Yên Mô (Ninh Bình). Hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất dâng quả dưa có thuốc độc để hại ngài. Ngài mất ngày 20 tháng 5 năm Ất tỵ (28–6–1545), thọ 78 tuổi.

## 1.2.– LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Được tin ngài mất, vua Lê vô cùng thương tiếc, truy tặng ngài tước Chiêu Huân Tĩnh Công, thụy là Trung Hiếu. Linh cữu ngài được đưa về Bái Trang, huyện Tống Sơn (Thanh Hóa), táng tại núi Thiên Tôn. Khi táng, trời nổi mưa gió sấm chớp, ai cũng sợ hãi bỏ chạy. Lúc trời tạnh trở lại thì đá núi, cây cỏ tươi tốt, không biết huyệt táng nơi nào nữa.

Năm Giáp ngọ (1594) vua Lê Thế Tông truy tặng ngài : Chiêu Huân Phụ Triết Tĩnh Công.

Đời Tiên Vương (Chúa Tiên) ngài được truy tôn : "Huệ Triết Hiển Hựu Hoành Hưu Tế Thế Vỹ Tích Chiêu Huân Tĩnh Vương".

Đời Vũ Vương, ngài được truy tôn : "Di Mưu Thùy Du Khâm Cung Huệ Triết Hiển Hựu Hoành Hưu Tế Thế Vỹ Tích Chiêu Huân Tĩnh Vương".

Năm Bính dần (1806) vua Gia Long truy tôn ngài : "Di Mưu Thùy Du Khâm Cung Huệ Triết Hiển Hựu Hoành Hưu Tế Thế Khải Vận Nhân Thánh Tĩnh Hoàng Đế". Miếu hiệu là Triệu Tổ.

---

(1) Theo phát âm của Khang Hy tự điển, 淦 phải đọc là Cam. Từ trước đến nay quen đọc là Kim, nay sửa lại cho đúng.

(2) Thanh Hoa sau vì kiêng đổi là Thanh Ba, về sau đổi là Thanh Hóa.

(3) Năm Mậu ngọ (1522) Mạc Đăng Dung phế vua Chiêu Tông làm Đế Giang Vương, lập Hoàng đệ Xuân lên làm vua tức Lê Cung Hoàng. Năm Bính tuất (1527) Mạc Đăng Dung giết vua Lê Cung Hoàng cướp ngôi.

(4) Tức là Sầm Nứa ngày nay.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Quý hợi (1803) vua Gia Long cho dựng Nguyên Miếu gồm ba gian hai chái ở phía đông núi Thiên Tôn gọi là miếu Triệu Tường để thờ hai ông bà.

Năm Giáp tý (1804) vua Gia Long cho dựng Triệu Miếu trong Hoàng thành để thờ ngài. Mỗi năm làm lễ kỵ vào ngày 20 tháng 5 âm lịch và 5 lễ hưởng : Xuân hưởng (mồng 8 tháng giêng Â.L), Hạ hưởng (mồng 1 tháng 10 Â.L), Thu hưởng (mồng 1 tháng 7 Â.L), Đông hưởng (mồng 1 tháng 10 Â.L), và Hợp hưởng (22 tháng 10 Â.L).

Năm Mậu thìn (1808) vua Gia Long đặt tên lăng ngài là Trường Nguyên. Vì lăng không có dấu tích nên xây một nền vuông dưới chân núi để làm chỗ bái yết.

Năm Tân tỵ (1821) vua Minh Mệnh đổi tên núi Thiên Tôn là núi Triệu Tường. Năm Nhâm ngọ (1822) vua Minh Mệnh cho sửa Triệu Miếu và dựng bia ở lăng Trường Nguyên để tỏ rõ công nghiệp của đức Triệu Tổ. Bài minh như sau :

*"Đất lớn chúa thiêng, sinh ra Triệu Tổ,*
*Vun đắp cương thường, nêu rạng Thánh Võ*
*Nghĩa động quỷ thần, công truyền vũ trụ*
*Cõi trần rời bỏ, lăng ở Bái Trang*
*Non nước bao bọc, sầm uất tùng xanh*
*Khí thiêng nhóm họp, đời đời xương vinh*
*Mệnh trời đã giúp, con cháu tinh anh*
*Võ công dựng nước, bèn tìm gốc nguồn*
*Truy tôn, dựng miếu, lăng gọi Trường Nguyên*
*Tân tỵ Bắc tuần, đến đây dựng lại*
*Trông ngắm non sông, nhớ đến gốc cõi*
*Khắc chữ vào bia, lưu ức vạn tải."*

* * *

Đức Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế là khai quốc công thần của nhà Lê trung hưng. Tuy giữa chừng bị hại nhưng công trạng to lớn của ngài sử sách đều ghi rõ.

Ngài là Thủy tổ của họ Nguyễn Phúc ở miền Nam. Ngài khai sáng ra hệ I trong Nguyễn Phúc Tộc.

### 1.3.- GIA ĐÌNH

#### 1.3.1. Các vị phu nhân

Theo một số gia phả ngài có 3 phu nhân

1.3.1.1. NGUYỄN THỊ MAI 阮 氏 梅
Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Hậu

Bà húy là Nguyễn Thị Mai, con ông Nguyễn Minh Biện (quê ở Phạm Xá, tỉnh Hải Dương; làm quan triều Lê, chức Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Thư Vệ Sự). Tiểu sử không rõ.

Bà là người thuần hậu, đức hạnh vẹn toàn. Bà mất ngày 23 tháng giêng Âm lịch, năm mất không rõ. Bà hợp táng tại núi Thiên Tôn với đức Triệu Tổ, nhưng không làm lăng riêng.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Giáp tý (1748), Chúa Vũ Vương truy tôn Bà : "Từ Tín Chiêu Ý Đức Phi", về sau thêm hai chữ Hoằng Nhân.

Năm Bính dần (1806) vua Gia Long truy tôn Bà : "Từ Tín Chiêu Ý Hoằng Nhân Thục Đức Tĩnh Hoàng Hậu". Bà được phối thờ với Đức Triệu Tổ ở Triệu Miếu trong Hoàng thành[1]. Tên lăng của Bà là Vĩnh Nguyên.

1.3.1.2. ĐỖ THỊ TÍN 杜氏信
Thứ phu nhân

Bà húy là Đỗ Thị Tín, tiểu sử không rõ.

Bà sinh ra Thái phi Ngọc Bảo

1.3.1.3. (khuyết danh)
Thứ phu nhân

Tiểu sử không rõ

**1.3.2. Con trai và con gái**

Ngài có 3 người con : 2 trai và 1 gái

| Con trai | Con gái |
|---|---|
| 1. Nguyễn Uông | Nguyễn Thị Ngọc Bảo |
| 2. Nguyễn Hoàng | |

**1.3.3. Anh chị em**

1.3.3.1A. NGUYỄN TÔNG THÁI 阮宗泰
Uy Xuân Hầu

Ông húy là Nguyễn Tông Thái, em của đức Triệu Tổ, lai lịch không rõ.

Ông làm quan đời nhà Lê, chức Điện tiền Đô tổng binh sứ, tước Uy Xuân Hầu. Dưới triều Lê Trang Tông, ông được phong chức Đảng Khấu Tướng Quân coi ba tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Thái Nguyên, chống nhau với nhà Mạc vài mươi năm. Sau bắt được Mạc Kính Dụng, ông được phong làm Thái Nguyên – Cao Bằng Phủ Quân Dân Sự.

Bà vợ là Bế Thị Khương. Trong thời kỳ Trịnh – Nguyễn phân tranh, con cháu sợ họ Trịnh nên đổi ra họ Bế. Dưới triều vua Gia Long, chi họ này được ban công tính Nguyễn Hựu. Chi họ này ở Bắc Khê, tỉnh Cao Bằng.

1.3.3.1C. NGUYỄN Ư KỶ 阮於己
Thái phó Uy Quốc công

Ông húy là Nguyễn Ư Kỷ, em ruột của Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Hậu. Ông quê quán ở Hải Dương, con của ông Nguyễn Minh Biện (làm quan triều Lê với chức Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Thự Vệ Sự).

Ông làm quan triều Lê đến chức Thái phó Uy Quốc công.

Năm Đinh hợi (1527) Mạc Đăng Dung đoạt ngôi nhà Lê, Triệu Tổ gởi con thứ là Nguyễn Hoàng cho ông để lo việc nước. Ông hết lòng chăm sóc.

(1) Trải qua nhiều biến cố, Long vị của đức Triệu Tổ và Hoàng Hậu được dẹp cất ở điện Long Đức. Lễ cung nghinh Long vị đức Triệu Tổ trở về Triệu Miếu được con cháu Nguyễn Phúc Tộc cử hành trọng thể vào ngày 20 tháng 5 năm Kỷ tỵ (22–6–1989).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Khi đức Triệu Tổ mất, Thái Tổ ra làm quan với triều Lê được phong làm Thái bảo Đoan Quốc công. Trịnh Kiểm ghen ghét muốn hại, ông khuyên Thái Tổ giả cuồng, cứ chỉ tỏ ra thất thường để Trịnh Kiểm khỏi để ý. Về sau, Trịnh Kiểm quyết tâm mưu hại, Thái Tổ kinh hãi, bàn mưu với ông, ông nói : "Kiểm đã cố tâm mưu hại, cần phải tránh xa. Đất Thuận Hóa hiểm trở, vững chắc có thể giữ yên thân mình cháu nên nhờ chị Ngọc Bảo (chính phi của Trịnh Kiểm) nói với Kiểm xin trấn giữ đất này để mưu đồ việc lớn về sau". Thái Tổ nghe theo và nhờ người nói với chính phi, phi lựa lúc nói với Trịnh Kiểm. Kiểm cho rằng Thuận Hóa là vùng đất ác chướng, lại có tướng nhà Mạc đóng ở đấy, muốn mượn tay nhà Mạc hại Thái Tổ, bèn xin vua Lê phong cho Thái Tổ giữ đất này.

Ông dẫn con em theo Thái Tổ vào trấn giữ Thuận Hóa. Đến Ái Tử, Sa Khâu (huyện Đăng Xương) dân đem dâng 7 vò nước trong. Ông bảo với Thái Tổ : "Trời đã ban cho, tất có điềm trước. Nay Chúa thượng mới đến đây mà dân đã đem hiến nước là điềm được nước." Thái Tổ bằng lòng cho lập dinh ở Ái Tử. Về sau khi Thái Tổ trở ra Đông Đô trong tám năm rồi trở về Thuận Hóa đều có ông phò tá bên cạnh.

Ông lấy tình thân thuộc bảo hộ cho Thái Tổ, mở mang nghiệp lớn. Ông cùng với Tống Phúc Trị, Mạc Cảnh Huống là những bậc khai quốc công thần giúp Thái Tổ lập nên vương nghiệp.

Khi mất, ông được thờ tại Nguyên Miếu ở Gia miêu Ngoại trang. Đến năm Giáp thìn (1844) vua Thiệu Trị truy tặng là "Khai Quốc Công Thần Đặc Tiến Tráng Võ Tướng Quân Trung Quân Đô Thống Phủ Chưởng Phủ Sự Thái Sư", thụy là Trụng Trinh, tước là Uy Quốc công và cho thờ tại Hữu Vu của Thái Miếu.

Người con trưởng của ông là Nguyễn Đình Dũng theo ông vào Nam làm quan đến chức Thái bảo Quận công.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ HAI

## 2. NGUYỄN HOÀNG

## Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế

2.3.3.1A. NGUYỄN UÔNG

2.3.3.1B. NGUYỄN THỊ NGỌC BÁO



H.4. Thái miếu hiện nay.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC THÁI TỔ GIA DŨ HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN HOÀNG

## (1525 – 1613)

**Ngày sinh :** 10 tháng 8 năm Ất dậu
(28 – 8 – 1525)

**Ngày mất :** mồng 3 tháng 6 năm Quí sửu
(20 – 7 – 1613)

**Thân phụ :** Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế
Nguyễn Cam

**Thân mẫu :** Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Hậu
Nguyễn Thị Mai

**Lăng tẩm :** Trường Cơ
(La Khê, Hương Trà, Thừa Thiên)





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 2.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế húy là NGUYỄN HOÀNG 阮 潢, con thứ hai của đức Triệu Tổ Nguyễn Cam và Hoàng Hậu Nguyễn Thị Mai. Ngài sinh ngày 10 tháng 8 năm Ất dậu (28–8–1525).

Lúc mới hai tuổi, đức Triệu Tổ gởi ngài cho em vợ là Nguyễn Ư Kỷ nuôi nấng. Ngài được cậu hết lòng chăm sóc.

"Thực Lục" chép : "Ngài có tướng vai lân, lưng hổ, mắt phượng, trán rộng, thần thái khôi ngô, thông minh tài trí, người thức giả biết là bậc phi thường."

Năm Ất tỵ (1545) đức Triệu Tổ mất, lúc này ngài 21 tuổi, được tập phong tước Hạ Khê Hầu. Ngài đem quân đánh nhà Mạc, giết tướng Mạc trở về, được vua Lê khen : "Thực là cha hổ sinh con hổ."

Đời Lê Trang Tông, ngài được tấn phong tước Đoan Quận công. Khi Trịnh Kiểm chuyên quyền, ám hại Lãng Quận công Nguyễn Uông (anh của ngài), ngài nghe mưu của cậu là Nguyễn Ư Kỷ, cáo bệnh giữ mình. Hiểu ý câu nói của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân" và theo lời khuyên của cậu, ngài nhờ chị là Ngọc Bảo xin với Trịnh Kiểm (chồng của bà Ngọc Bảo) cho vào trấn đất Thuận Hóa.

Năm Mậu ngọ (1558), ngài đem những người đồng hương huyện Tống Sơn và nghĩa dũng xứ Thanh Hoa vào đóng ở xã Ái Tử huyện Vũ Xương (nay là huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị). Ngài vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nên nhân dân mến phục, thường xưng tụng là Chúa Tiên.

Năm Canh ngọ (1570), ngài dời đô qua làng Trà Bát cũng thuộc huyện Vũ Xương. Năm này ngài được phong làm Tổng trấn Tướng quân kiêm lãnh hai xứ Thuận – Quảng.

Năm Nhâm thân (1572), tướng Mạc là Lập Bạo đem quân vào đánh Thuận Hóa bị ngài đánh bại và giết chết.

Năm Quí dậu (1573), vua Lê Thế Tông lên ngôi, sai sứ đem sắc tấn phong ngài chức Thái phó.

Mười năm trấn nhậm với chính sách rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang nên nhân dân được an cư lạc nghiệp. Chợ không bán hai giá, người không có trộm cướp, đêm ngủ không phải đóng cửa. Thuyền buôn ngoại quốc đến buôn bán đông đúc. Xứ Thuận – Quảng trở thành nơi đô hội lớn.

Năm Quí tỵ (1593), Trịnh Tùng dẹp nhà Mạc, rước vua Lê trở về Đông đô, ngài đem quân ra yết kiến được vua phong chức Trung quân Đô đốc phủ, Tả Đô đốc chưởng phủ sự, Thái úy Đoan Quốc công. Ngài ở Đông đô 8 năm, thường đem quân đi đánh dẹp tàn quân nhà Mạc, đánh đâu thắng đó.

Năm Ất mùi (1595), ngài được cử làm Đề điệu[1] khoa thi Tiến sĩ.

Năm Kỷ hợi (1599), vua Thế Tông băng, vua Kính Tông lên nối ngôi, tấn phong ngài làm Hữu tướng.

Ngài ở Đông đô lập nhiều chiến công, Trịnh Tùng không cho ngài trở về Thuận Hóa vì sợ "Thả hổ về rừng".

(1) Đề điệu là một trong các chức quan trọng trong các khoa thi, điều hành công việc thi cử.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Canh tý (1600), ngài lập kế đi đánh Phan Ngạn, Bùi Văn Khuê rồi đem tướng sĩ, binh thuyền theo đường biển về Thuận Hóa. Ngài dời dinh sang phía đông dinh Ái Tử gọi là dinh Cát. Muốn Chúa Trịnh khỏi nghi ngờ, ngài để một người con là Nguyễn Hải và một cháu là Nguyễn Hấc ở lại làm con tin và về sau lại gả con gái là Ngọc Tú cho Trịnh Tráng, con cả của Trịnh Tùng. Vua Lê và Chúa Trịnh sai sứ vào phủ dụ.

Năm Tân sửu (1601), ngài cho xây chùa Thiên Mụ[1]

Năm Nhâm dần (1602), ngài sai Thế tử Nguyễn Phúc Nguyên làm Trấn thủ dinh Quảng Nam là xứ đất tốt, dân đông, sản vật giàu có để cho Thế tử tập làm chính sự. Ngài cho lập thêm các chùa Long Hưng (Duy Xuyên, Quảng Nam), Bảo Châu (Trà Kiệu, Quảng Nam) và Kính Thiên (Lệ Thủy, Quảng Bình).

Năm Tân hợi (1611), quân Chiêm xâm lấn bờ cõi, ngài sai tướng đem quân đánh dẹp, lấy vùng đất biên giới lập thành phủ Phú Yên.

Năm Quí sửu (1613), ngày mồng 3 tháng 6 (20–7), ngài yếu, cho triệu Thế tử và Thân thần đến trước ngự sàng bảo rằng : "Ta với các ông cùng nhau cam khổ đã lâu, muốn dựng nên nghiệp lớn. Nay ta để gánh nặng lại cho con ta, các ông vui lòng giúp đỡ cho nên công nghiệp." Rồi ngài dặn Thế tử : "Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, anh em phải thương yêu nhau. Con mà giữ được lời dặn đó thì ta không ân hận gì." Ngài lại nói : "Đất Thuận – Quảng, Bắc có Hoành sơn và sông Gianh hiểm trở, Nam có núi Hải Vân và núi Thạch Bi bền vững. Núi sẵn vàng, sắt; biển sẵn cá, muối thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dạy dân, luyện binh chống với họ Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời. Ví bằng thế lực không thể địch được thì cố giữ đất đai chờ cơ hội, đừng bỏ qua lời dặn của ta." Dặn dò xong ngài băng, ở ngôi 56 năm, thọ 89 tuổi.

* * *

Đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế là vị Chúa đầu tiên khai sáng nhà Nguyễn, đồng thời là người đặt nền tảng cho việc gây dựng cơ nghiệp triều Nguyễn sau này.

Với tổ chức chính sự rộng rãi, có qui củ, sưu thuế nhẹ quân lệnh nghiêm trang, lấy sự an cư lạc nghiệp của dân làm gốc, ngài đã mở đầu cho sự phát triển nửa nước trù phú về phía Nam của dân tộc Việt. Dưới thời ngài, biên giới đất nước đã đến tận Phú Yên.

Ngài thuộc đời thứ hai của họ Nguyễn Phúc, khai sáng ra hệ II hiện nay gồm có 3 phòng :

1. Phòng một tức là phòng Hòa Quận công

2. Phòng bốn tức là phòng Hào Quận công

3. Phòng mười tức là phòng Nghĩa Hưng Quận vương

## 2.2.– LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Ngài mất, lúc đầu táng ở núi Thạch Hãn thuộc huyện Hải Lăng (Quảng Trị), sau cải táng về núi La Khê (Hương Trà, Thừa Thiên). Vua Gia Long đặt tên lăng là Trường Cơ, vua Minh Mệnh đổi tên núi La Khê là Khải Vận sơn.

(1) Khi ngài dạo xem hình thế núi sông, thấy giữa đồng bằng xã Hà Khê (Hương Trà, Thừa Thiên) nổi lên một gò cao như hình đầu rồng quay lại, phía trước nhìn ra sông lớn, phía sau có hồ rộng, cảnh trí rất đẹp. Ngài nghe dân địa phương kể lại rằng : "Xưa, có người đêm thấy một bà già áo đỏ, quần xanh ngồi trên đỉnh gò nói sẽ có một vị chân Chúa đến xây chùa ở đây để tu linh khí, cho bền long mạch". Vì vậy ngài cho dựng chùa trên gò này và đặt tên là chùa Thiên Mụ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Giáp tý (1804), vua Gia Long cho dựng Thái Miếu ở phía trước Triệu Miếu, gồm 13 gian hai chái để thờ các Chúa và công thần đời trước. Ngài và Hoàng Hậu được thờ ở án chính giữa[1]. Bên tả Thái Miếu có dựng điện Long đức để tổ chức các lễ kỵ.

Khi ngài mất, vua Lê truy tặng : "Cần Nghĩa Công" thụy là Cung Ý.

Đời Chúa Sãi, ngài được truy tôn : "Cần Nghĩa Đạt Lý Hiển Ứng Chiêu Hựu Diệu Linh Gia Dũ Vương."

Đời Vũ Vương, ngài được truy tôn : "Liệt Tổ Triệu Cơ Thùy Thống Khâm Minh Cung Ý Cần Nghĩa Đạt Lý Hiển Ứng Chiêu Hựu Diệu Linh Gia Dũ Thái Vương."

Vua Gia Long truy tôn : "Triệu Cơ Thùy Thống Khâm Minh Cung Ý Cần Nghĩa Đạt Lý Hiển Ứng Chiêu Hựu Diệu Linh Gia Dũ Hoàng Đế." Miếu hiệu là Thái Tổ.

## 2.3.– GIA ĐÌNH

### 2.3.1. Hậu và phi

Theo số lượng Hoàng tử và Hoàng nữ và một vài gia phả thì ngoài chính phu nhân (Hoàng Hậu), ngài có thêm 2 bà nữa nhưng danh tánh và tiểu sử các vị này không rõ.

#### 2.3.1.1. NGUYỄN (phu nhân)
Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Hậu

Bà họ Nguyễn, tiểu sử không rõ.

Bà mất ngày 16 tháng 5 Âm lịch, năm mất không rõ. Lăng táng tại làng Hải Cát (Hương Trà, Thừa Thiên). Năm Giáp tý (1744) Vũ Vương truy tôn : "Từ Lương Quang Thục Ý Phi", sau thêm hai chữ Minh Đức. Năm Bính dần (1806) vua Gia Long truy tôn : "Từ Lương Quang Thục Minh Đức Ý Cung Gia Dũ Hoàng Hậu." Bà được phối thờ với đức Thái Tổ ở Thái Miếu. Tên lăng là Vĩnh Cơ.

Trong văn sách truy tôn có ghi hai câu :

*"Cầm búa dựng nước là công đức của Thánh,*

*Mang ngọc quí trị nhà do ân từ của Hậu."*

Bà chỉ sinh một người con là Nguyễn Phúc Nguyên (Hy Tông Hoàng Đế).

### 2.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ

Đức Thái Tổ có 10 Hoàng tử và 2 Hoàng nữ

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Hà | 1. Nguyễn Phúc Ngọc Tiên |
| 2. Nguyễn Hán | 2. Nguyễn Phúc Ngọc Tú |
| 3. Nguyễn Thành | |
| 4. Nguyễn Diễn | |
| 5. Nguyễn Hải | |
| 6. Nguyễn Phúc Nguyên | |
| 7. Nguyễn Phúc Hiệp | |
| 8. Nguyễn Phúc Trạch | |
| 9. Nguyễn Phúc Dương | |
| 10. Nguyễn Phúc Khê | |

(1) Hiện nay Thái Miếu bị hư hỏng nặng nên chín Chúa và chín Hậu cùng chư vị Thân huân, Công thần được tạm phối thờ tại Triệu Miếu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

**2.3.3. Anh chị em**

2.3.3.1A. NGUYỄN UÔNG 阮 汪
Lãng Quận công

Ông húy là Nguyễn Uông, con trưởng của đức Triệu Tổ. Tiểu sử không rõ.

Lúc đức Triệu Tổ mất, ông được tập ấm là Lãng Xuyên Hầu, sau được tấn phong là Tả tướng Lãng Quận công.

Trịnh Kiểm muốn tranh đoạt quyền bính nên ám hại ông. Ông mất ngày 11 tháng giêng Âm lịch, năm mất không rõ. Lúc đầu mộ táng ở Thanh Hóa, sau cải táng đến vùng Long Thọ làng Dương Xuân Thượng (Thừa Thiên). Lăng và phủ thờ đều ở Long Thọ.

Ông có một người con trai là Nguyễn Uyên theo đức Thái Tổ vào Nam làm quan đến chức Đề lãnh Thượng khố Đội trưởng.

Ông đứng đầu phòng Lãng Quận công Hệ I trong Nguyễn Phúc Tộc.

2.3.3.1B. NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO 阮氏玉寶
Vương thái phi

Bà húy là Nguyễn Thị Ngọc Bảo, chị của đức Thái Tổ. Tiểu sử không rõ. Theo gia phả họ Nguyễn ở Bồng Trung, mẹ bà họ Đỗ.

Năm Quí tỵ (1533), đức Triệu Tổ gả bà cho Trịnh Kiểm. Đức Thái Tổ bị Trịnh Kiểm ghen ghét nhiều lần muốn mưu hại. Bà biết ý thường khéo dùng lời khuyên ngăn chận, tìm cách xin cho Thái Tổ vào trấn thủ Thuận Hóa.

Mùa thu năm Bính tuất (1586), cung chúa Trịnh bị hỏa tai, bà bị nạn mà mất. Bà được truy tặng là Vương thái phi, thụy là Từ Nghi.

Bà sinh ra Trịnh Tùng kế nghiệp Trịnh Kiểm làm Chúa phương Bắc.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ BA

## 3. NGUYỄN PHÚC NGUYÊN
## Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế

3.3.3.1A. NGUYỄN HÀ
3.3.3.2A. NGUYỄN HÁN
3.3.3.3A. NGUYỄN THÀNH
3.3.3.4A. NGUYỄN DIỄN
3.3.3.5A. NGUYỄN HẢI
3.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC HIỆP
3.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC TRẠCH
3.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC DƯƠNG
3.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC KHÊ
3.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TIÊN
3.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TÚ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC HY TÔNG HIẾU VĂN HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC NGUYÊN

## (1563 – 1635)

## SÃI VƯƠNG

## (Chúa Sãi)

| | |
|---|---|
| Ngày sinh : | 28 tháng 7 năm Quí hợi<br>(16 – 8 – 1563) |
| Ngày mất : | 10 tháng 10 năm Ất hợi<br>(19 – 11 – 1635) |
| Thân phụ : | Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế<br>Nguyễn Hoàng |
| Thân mẫu : | Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Hậu<br>họ Nguyễn, không rõ tên |
| Lăng tẩm : | Trường Diễn<br>(Hải Cát, Hương Trà, Thừa Thiên) |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

### 3.1.- THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế húy là Nguyễn Phúc Nguyên 阮福源, con thứ sáu của đức Thái Tổ Nguyễn Hoàng và Hoàng Hậu họ Nguyễn. Ngài sinh ngày 28 tháng 7 năm Quí hợi (16 – 8 – 1563).

Tương truyền rằng khi Hoàng Hậu có thai, chiêm bao thấy thần nhân cho tờ giấy viết đầy cả chữ "Phúc". Nhiều người đề nghị lấy chữ "Phúc" đặt tên cho con thì Bà cho rằng : Nếu đặt tên cho con thì chỉ một người được hưởng phúc, chi bằng lấy chữ "Phúc" đặt làm chữ lót thì mọi người đều được hưởng phúc. Bà bèn đặt tên con là Nguyễn Phúc Nguyên, nhánh họ Nguyễn chúng ta đổi thành Nguyễn Phúc bắt đầu từ đấy.

Năm 22 tuổi (1585), lúc đang còn làm Thế tử, ngài đánh tan hai thuyền giặc biển vào đánh phá ở Cửa Việt, đức Thái Tổ cả mừng nói rằng "Con ta thực là anh kiệt".

Năm Nhâm dần (1602), ngài được cử đến trấn thủ dinh Quảng Nam.

Tháng 6 năm Quí sửu (1613) đức Thái Tổ băng, các quan vâng di chiếu tôn ngài làm Thống lãnh Thủy bộ Chư Dinh kiêm Tổng Nội Ngoại Binh Chương Quân Quốc Trọng Sự Thái bảo Thụy Quận công. Bấy giờ ngài đã 51 tuổi. Vua Lê Kính Tông sắc phong ngài làm trấn thủ hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam gia hàm Thái bảo, tước Quận công.

Sau khi lên ngôi, ngài sửa thành lũy, đặt quan ải, vỗ về quân dân, trong ngoài dâu dâu cũng tin phục, thời bấy giờ người ta thường gọi ngài là Chúa Sãi.

Trong các năm Giáp dần (1614) và Ất mão (1615) ngài tổ chức lại việc cai trị, đặt tam ti và các chức lệnh sử để trông coi mọi việc, định qui chế các chức vụ ở phủ huyện, phân chia ruộng đất ở thôn xã v.v...

Năm Canh thân (1620) hai em của ngài là các Chưởng cơ Hiệp và Trạch thông đồng với họ Trịnh, chiếm kho Ái Tử đắp lũy Cồn Cát để làm phản. Ngài sai người đến dụ dỗ nhưng hai ông không chịu nghe. Khi hai ông Hiệp và Trạch bị Nguyễn Phúc Tuyên bắt được, ngài trông thấy chảy nước mắt nói : "Sao hai em nỡ trái bỏ luân thường ?" Hai ông cúi đầu chịu tội. Ngài muốn tha nhưng triều thần không chịu bèn sai giam vào ngục. Ngài thấy quân Trịnh vô cớ khởi binh nên từ đấy không chịu nộp thuế cống nữa.

Năm Tân dậu (1621) quân Man thuộc Ai Lao cướp bóc ở biên thùy, ngài sai quân đánh bắt, nhưng lấy đức cảm hóa tha cho về nên chúng cảm phục, từ đấy không quấy nhiễu nữa.

Để tỏ tình thân thiện với lân bang, năm Canh thân (1620) ngài gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp là Chey–Chetta II. Năm Quí hợi (1623) một phái bộ miền Nam đi sứ qua Chân Lạp xin với vua Chey–Chetta II nhường lại một dinh điền ở Mô Xoài gần Bà Rịa ngày nay[1], vua Chân Lạp phải bằng lòng. Ngoài ra, vua còn cho người Việt đến canh tác tại vùng đó.

Năm Bính dần (1626) Dinh được dời đến làng Phước Yên (Quảng Điền, Thừa Thiên).

Không những có tài trị nước, ngài còn là người khiêm cung, biết giữ lễ. Như khi nghe Trịnh Tùng chết, các con tranh giành ngôi thứ, ngài bảo các tướng : "Ta muốn nhân cơ hội này nổi nghĩa binh để phò Lê, nhưng đánh lúc người có tang là bất nhân, thừa lúc người lâm nguy là bất vũ. Huống chi ta với Trịnh có nghĩa thông gia." Vì vậy hào kiệt các nơi theo về với ngài rất đông : Đào Duy Từ, Nguyễn Phúc Kiều, Nguyễn Đình Hùng, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tấn... đều là những danh tướng văn võ toàn tài.

---

(1) Chép theo Claude Madrolle trong Indochine du Sud. Theo Madeline Giteau ở cuốn Histoire du Cambodge, Mô Xoài là một vùng đất về sau trở thành Sở Quan Thuế Sài Gòn dưới thời Pháp thuộc.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Đinh mão (1627), Trịnh Tráng đem quân vào đánh, bị thua, phải rút về. Đến năm Kỷ tỵ (1629), Trịnh Tráng lại muốn xâm lược miền Nam bèn sai sứ vào sắc phong để có cớ tiến quân. Đào Duy Từ khuyên rằng : "Đây là họ Trịnh mượn sắc lệnh vua Lê để nhử ta... Chi bằng hãy tạm nhận cho họ không ngờ để ta lo việc phòng thủ rồi sau dùng kế trả lại sắc, bấy giờ họ không làm gì ta được nữa."

Sau đó, Đào Duy Từ hiến kế đắp các lũy Trường Dục, Nhật Lệ và Trường Sa tạo thành một thế vững chắc cho xứ Đàng Trong.

Năm Canh ngọ (1630), Đào Duy Từ dâng kế làm mâm hai đáy trả lại sắc cho chúa Trịnh[1] rồi khuyên ngài đánh lấy đất Nam Bố Chính (huyện Bố Trạch ngày nay) để lấy sông Gianh làm biên giới thiên nhiên cho vững cõi Nam.

Năm Tân mùi (1631) ngài gả công chúa Ngọc Khoa cho vua Chiêm là Pôrômê, nhờ đó có sự hòa hiếu giữa hai nước Chiêm, Việt.

Năm Quí dậu (1633) Trịnh Tráng rước vua Lê đem quân vào đánh nhưng bị thua phải rút về.

Năm Ất hợi (1635), ngày 10 tháng 10 (19-11-1635) ngài mệt, triệu Thế tử và Nguyễn Phúc Khê vào chầu, gởi gấm Thế tử cho ông Khê rồi băng. Ngài ở ngôi 22 năm, thọ 73 tuổi.

*
* *

Đức Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế là vị chúa Nguyễn thứ hai trị vì ở miền Nam.

Ngài là vị chúa đầu tiên xây dựng cơ nghiệp nhà Nguyễn với một ý chí cương quyết, tạo nên một xứ Đàng Trong độc lập tự chủ. Ngài chỉnh đốn việc cai trị, củng cố về mặt quốc phòng, biết dùng người tài giỏi để chăm lo việc nước nên nhân dân được an cư lạc nghiệp. Nhiều lần quân Trịnh vào đánh đều ôm hận rút về.

Ngài thuộc đời thứ ba của họ Nguyễn Phúc và cũng là vị Chúa đầu tiên mang họ Nguyễn Phúc. Ngài khai sáng ra hệ III hiện nay có 2 phòng :

1. Phòng một tức là phòng Khánh Quận công

2. Phòng mười tức là phòng Vinh Quận công

### 3.2.- LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Lúc đầu, lăng ngài táng tại huyện Quảng Điền (Thừa Thiên), sau cải táng về vùng núi thuộc làng Hải Cát huyện Hương Trà (tỉnh Thừa Thiên). Tên lăng là Trường Diễn. Ngài được thờ ở Thái Miếu, án thứ nhất bên tả[2]

Thế tử lên ngôi dâng thụy hiệu là "Đại Đô Thống Trấn Nam Phương Tổng Quốc Chính Dực Thiện Tuy Du Thụy Dương Vương".

Đời Vũ Vương truy tôn : "Tuyên Tổ Hiển Mô Quang Liệt Ôn Cung Minh Duệ Dực Thiện Tuy Du Hiếu Văn Vương".

---

(1) Đào Duy Từ hiến kế làm mâm hai đáy, bỏ sắc chỉ bên trong, cho sứ thần đem phẩm vật, vàng bạc ra Bắc tạ ơn. Lúc phá mâm đồng Chúa Trịnh thấy bên trong chứa tờ sắc phong và một tờ thiếp ghi các câu ẩn ngữ có nghĩa là : "Ta không nhận sắc."

(2) Hiện nay Thái Miếu bị hư hỏng nặng nên chỉ Chúa và chỉ Hậu cùng chư vị Thân huân, Công thần được tạm phối thờ tại Triệu Miếu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Bính dần (1806), vua Gia Long truy tôn : "Hiển Mô Quang Liệt Ôn Cung Minh Duệ Dực Thiện Tuy Du Hiếu Văn Hoàng Đế." Miếu hiệu là Hy Tông.

### 3.3.- GIA ĐÌNH

#### 3.3.1. Hậu và phi

3.3.1.1. NGUYỄN THỊ GIAI 阮氏佳
Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Hậu

Bà húy là Nguyễn Thị Giai, sinh năm Mậu dần (1578). Bà là trưởng nữ của Khiêm Vương Mạc Kính Điển, người làng Nghi Dương (tỉnh Hải Dương). Khi thân sinh bà bị tử trận, bà theo chú (Mạc Cảnh Huống) và gia quyến vào Nam ẩn cư ở chùa Lam Sơn tỉnh Quảng Trị. Phu nhân ông Huống là dì của đức Hy Tông vì thế bà được tiến vào hầu ở nơi tiềm để (chỗ ở của Thế tử khi chưa lên ngôi).

Bà tính nết hiền thục, cử chỉ đoan trang, thanh nhã. Lời nói, hành động đều đúng khuôn phép nên đức Hy Tông rất thương yêu và cho đổi thành họ Nguyễn.

Bà mất ngày mồng 9 tháng 11 năm Canh ngọ (12.12.1630), thọ 53 tuổi, được truy tặng là Doanh Cơ, thụy là Nhã Tiết. Đời Vũ Vương bà được truy tôn : "Huy Cung Từ Thận Thuận Phi".

Năm Bính dần (1806) vua Gia Long truy tôn : "Huy Cung Từ Thận Ôn Thục Thuận Trang Hiếu Văn Hoàng Hậu". Lăng táng tại núi Chiêm Sơn huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam. Tên lăng là Vĩnh Diễn. Bà được phối thờ với Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế tại Thái Miếu.

#### 3.3.2. Hoàng nam và Hoàng nữ

Ngài có 11 Hoàng tử và 4 Hoàng nữ

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Kỳ | 1. Nguyễn Phúc Ngọc Liên |
| 2. Nguyễn Phúc Lan | 2. Nguyễn Phúc Ngọc Vạn |
| 3. Nguyễn Phúc Anh | 3. Nguyễn Phúc Ngọc Khoa |
| 4. Nguyễn Phúc Trung | 4. Nguyễn Phúc Ngọc Đỉnh |
| 5. Nguyễn Phúc An | |
| 6. Nguyễn Phúc Vĩnh | |
| 7. Nguyễn Phúc Lộc | |
| 8. Nguyễn Phúc Tứ | |
| 9. Nguyễn Phúc Thiệu | |
| 10. Nguyễn Phúc Vinh | |
| 11. Nguyễn Phúc Đôn | |

#### 3.3.3. Anh chị em

Ngài có 9 anh em trai và 2 chị em gái

3.3.3.1A. NGUYỄN HÀ 阮河
Thái bảo Hòa Quận công

Ông húy là Nguyễn Hà, con trưởng của đức Thái Tổ, ngày tháng năm sinh không rõ. Mẹ là Đoan Quốc Thái phu nhân.

Năm Mậu ngọ (1538) ông đem gia quyến vào Thuận Hóa. Nhờ lập nhiều chiến công, ông làm quan đến chức Tả Đô đốc Quận công.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 21 tháng 3 năm Bính tý (19 – 4 – 1576) được truy tặng là Thái bảo Hòa Quận công. Lăng tại làng Bích La (Đăng Xương, Quảng Trị). Nhà thờ ở làng Dương Xuân Hạ (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 6 người con trai là : ông Lộc, ông Vệ, ông Hoằng, ông Tuyên, ông Toàn và ông Nghĩa. Trong đó ông Lộc và ông Vệ có tài làm tướng, hay chinh phạt, lập được nhiều chiến công.

### 3.3.3.2A. NGUYỄN HÁN 阮漢
Tả Đô đốc Lý Quận công

Ông húy là Nguyễn Hán, con thứ hai của đức Thái Tổ.

Ông tính dũng cảm và thiện chiến. Nhờ quân công mà thăng đến Tả Đô đốc Lý Quận công.

Năm Quí tỵ (1593) khi đức Thái Tổ ra Đông Đô giúp vua Lê đánh dẹp tàn quân nhà Mạc, ông dẫn binh đi theo chinh phạt. Đến bãi Lâm Tiên, giao chiến với tướng Mạc là Mạc Kính Cung, ông bị tử trận. Ông mất ngày 25 tháng 9 năm Quý tỵ (19–10–1593).

Vua Lê rất thương tiếc, truy tặng tước Lý Nhân công và cho đưa về an táng ở Thanh Hóa.

Ông có 2 người con trai là ông Hấc và ông Vịnh. Ông Hấc làm quan với nhà Lê đến chức Thái phó.

Con cháu ông về sau đông đúc, nhập tịch Thanh Hóa lập thành một hệ được vua Gia Long ban là Công tánh Nguyễn Hựu.

### 3.3.3.3A. NGUYỄN THÀNH 阮成
Ông húy là Nguyễn Thành, con thứ ba của đức Thái Tổ. Tiểu sử không rõ.

Ông mất năm 17 tuổi, không người nối dõi.

### 3.3.3.4A. NGUYỄN DIỄN 阮演
Thái phó Hào Quận công

Ông húy là Nguyễn Diễn, con thứ tư của đức Thái Tổ (còn có tên là Cải). Lai lịch không rõ. Ông làm quan đến chức Tả Đô đốc Hào Quận công.

Năm Đinh dậu (1597), bọn thổ phỉ Hải Dương nổi lên giết tướng trấn giữ, chiếm các huyện Thủy Đường, Nghi Đường. Ông cùng các tướng mang binh thuyền dẹp giặc, bị tử trận.

Vua Lê truy tặng tước Thái phó, thụy Nghĩa Liệt.

Mộ táng tại làng An Cựu (thành phố Huế).

Ông có 4 con là : ông Tuấn, ông Đường, ông Cơ, ông Phú, đều theo đức Thái Tổ vào Nam.

Ông Tuấn làm Trấn thủ Quảng Bình (đời Hy Tông Hoàng Đế), hiệu lệnh nghiêm minh nên dân tình an lạc. Sau được vời về Kinh làm quan đến chức Đô đốc. Ông Đường và ông Cơ làm quan đến Chưởng dinh, ông Phú làm Đội trưởng.

### 3.3.3.5A. NGUYỄN HẢI 阮海
Tả Đô đốc Cẩm Quận công

Ông húy là Nguyễn Hải, con thứ năm của đức Thái Tổ. Tiểu sử không rõ.

Ông làm quan triều Lê đến chức Tả Đô đốc Cẩm Quận công. Khi Thái Tổ theo đường biển trở về Thuận Hóa, ông và cháu là ông Hấc ở lại làm con tin.

Ông mất ở Đông Đô (Thăng Long) ngày 16 tháng 11 năm Bính thìn (24–12–1616) ở Thanh Hóa, lăng và nhà thờ không rõ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông có 4 người con là : ông Nghiêm, ông Long, ông Cương, ông Chất đều nhập tịch vào Thanh Hóa, thuộc Công tánh Nguyễn Hựu.

### 3.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC HIỆP 阮福洽

Ông húy là Hiệp, con thứ bảy của đức Thái Tổ, tiểu sử không rõ.

Ông làm quan đến chức Chưởng cơ, tước Quận công. Ông cùng em là Trạch mưu phản, bị bắt và bị hạ ngục. Ông bị tước tôn tịch và bị đổi sang họ Nguyễn Thuận.

Con cháu không rõ.

### 3.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC TRẠCH 阮福澤

Ông húy là Trạch, con thứ tám của đức Thái Tổ, tiểu sử không rõ.

Ông làm quan đến chức Chưởng cơ, tước Quận công. Cùng anh là Hiệp mưu phản; ông bị bắt và bị hạ ngục. Ông bị tước tôn tịch và bị đổi sang họ Nguyễn Thuận.

Không có con.

### 3.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC DƯƠNG 阮福洋

Tả Đô đốc Nghĩa Quận công

Ông húy là Nguyễn Phúc Dương, con thứ chín của đức Thái Tổ, tiểu sử không rõ.

Ông làm quan triều Lê đến chức Tả Đô đốc Quận công (thường gọi là Nghĩa Quận công). Mộ táng ở Thanh Hóa, nhà thờ không rõ. Không có con.

### 3.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC KHÊ 阮福渓

Nghĩa Hưng Quận vương

Ông húy là Nguyễn Phúc Khê, con thứ mười của đức Thái Tổ, sinh ngày mồng 3 tháng 11 năm Kỷ hợi (12–12–1539). Mẹ là Minh Đức Vương Thái Phi.

Ông là người có cơ mưu, giỏi suy đoán. Ban đầu làm Chưởng cơ Tường Quang Hầu. Năm Bính dần (1626), đời Hy Tông, được tấn phong làm Tổng trấn Tường Quận công. Đức Hy Tông giao cho ông toàn quyền quyết đoán việc nước. Chỉ có án tử hình và trọng án thì phải tâu lên. Đến khi đức Hy Tông yếu, cho vời vào chịu cố mệnh, bảo rằng : "Ta kế nghiệp tổ tiên, trên giúp vua, dưới cứu dân. Nay Thế tử lịch duyệt chưa đủ, mọi việc quốc, quân đều ủy thác cho hiền đệ." Ông rập đầu khóc rằng : "Thần nào dám không hết sức khuyển mã để báo đền."

Lúc Thần Tông mới nối ngôi, con thứ ba của đức Hy Tông là Anh, trấn thủ xứ Quảng Nam, làm phản. Đức Thần Tông do dự không nỡ đem binh hỏi tội. Ông lấy đại nghĩa để quyết đoán, đem binh đánh, bắt Anh giết đi.

Ông mất ngày 11 tháng 7 năm Bính thìn (22–6–1616), được truy tặng : "Tá Lý Tôn Thần Đặc Tiến Thượng Trụ Quốc Bình Chương Quân Quốc Đại Tổng Trấn Quận Công", thụy là Trung Nghị. Ông thọ 58 tuổi, lăng táng tại làng Hiền Sĩ (Phong Điền, Thừa Thiên). Nhà thờ ở làng Nam Phổ (Phú Vang, Thừa Thiên).

Năm Ất sửu (1805), vua Gia Long xếp ông vào hàng Công Thần Thượng Đẳng buổi Quốc sơ truy phong là Nghĩa Hưng Quận vương thờ ở Thái Miếu.

Ông có 13 người con là : Nguyễn Phúc Thanh, Nguyễn Phúc Nghiêm, Nguyễn Phúc Sanh, Nguyễn Phúc Thiêm, Nguyễn Phúc Thực, Nguyễn Phúc Độ, Nguyễn Phúc Mão, Nguyễn Phúc Minh, Nguyễn Phúc Nghị, Nguyễn Phúc Pháp, Nguyễn Phúc Sử, Nguyễn Phúc Triều, Nguyễn Phúc Diệu đều làm quan đến chức Chưởng dinh.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

### 3.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TIỄN 阮福玉僊

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Tiễn, trưởng nữ của đức Thái Tổ. Tiểu sử không rõ.

Bà hạ giá lấy Nghiễm Quận công.

### 3.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TÚ 阮福玉秀

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Tú, con gái thứ hai của đức Thái Tổ.

Khi đức Thái Tổ về Thuận Hóa, sợ họ Trịnh nghi ngờ, gả bà cho Trịnh Tráng là con trai của chúa Trịnh Tùng. Khi Trịnh Tráng lên làm chúa, bà được lập làm Tây cung. Năm Mậu ngọ (1613), bà mật sai Nguyễn Cửu Kiều đem thư cùng bửu ấn vào Thuận Hóa dâng lên chúa. Bà lại cho sửa chùa Long Ân ở thành Thăng Long, lập bia thuật lại công đức của đức Triệu Tổ và đức Thái Tổ. (Chùa này đến đời Thiệu Trị đổi tên là Hoằng Ân).

Bà mất năm Tân mùi (1631), được truy tặng là Chính Phi, thụy Từ Thuận. Lăng và nhà thờ ở Thanh Hóa. Bà sinh một con trai tên Trịnh Kiều và một gái tên Ngọc Trác (Hoàng Hậu của vua Lê Thần Tông).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ TƯ

## 4. NGUYỄN PHÚC LAN
## Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế

4.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC KỲ

4.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC ANH

4.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC TRUNG

4.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC ÂN

4.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC VINH

4.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC LỘC

4.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC TỪ

4.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC THIỀU

4.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC VINH

4.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC ĐÔN

4.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC LIÊN

4.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC VẠN

4.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC KHOA

4.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC ĐÌNH





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC THẦN TÔNG HIẾU CHIÊU HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC LAN

## (1601 – 1648)

# THƯỢNG VƯƠNG

## (Chúa Thượng)

Ngày sinh : 16 tháng 7 năm Tân sửu
(13 – 8 – 1601)

Ngày mất : 26 tháng 2 năm Mậu tý
(19 – 3 – 1648)

Thân phụ : Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế
Nguyễn Phúc Nguyên

Thân mẫu : Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Hậu
Nguyễn Thị Giai

Lăng tẩm : Trường Diên
(Hương Trà, Thừa Thiên)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

### 4.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP :

Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế húy là Nguyễn Phúc Lan, 阮福瀾 con thứ hai của đức Hy Tông và Hoàng Hậu Nguyễn Thị Giai. Ngài sinh ngày 16 tháng 7 năm Tân sửu (13–8–1601).

Lúc đầu, ngài được phong chức Phó tướng Nhân Lộc Hầu. Năm Tân mùi (1631), Hoàng trưởng tử Kỳ mất, ngài được lập Thế tử. Năm Ất hợi (1635), đức Hy Tông băng, vâng lời di chúc, các quan tôn ngài làm "Tiết Chế Thủy Bộ Chư Dinh kiêm Tổng Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Thái Bảo Nhân Quận Công". Lúc ấy ngài 35 tuổi. Thời bấy giờ gọi là Chúa Thượng.

Qua năm sau, ngài cho dời phủ từ làng Phước Yên (Quảng Điền, Thừa Thiên) qua làng Kim Long (Hương Trà, Thừa Thiên). Kim Long rộng rãi, cảnh trí xinh đẹp, phủ Chúa và các nhà quan lại còn lan ra các làng chung quanh. Kim Long đã mang lại nhiều lợi ích cho nền thương mãi trong thời ngài. Các thuyền buôn từ Hội An, Trung Hoa ghé Thuận An đi dọc theo sông Hương lên Huế. Nhờ đó mà phẩm vật của người Âu và Trung Hoa (tơ sống, thuốc Bắc, bút chì v.v...) đều được mang bán tại Huế. Khách phương xa ghé đến Kim Long không khỏi ngạc nhiên khi thấy cảnh tượng huy hoàng của phủ Chúa và các nhà quan lại. Mỗi khi ngài ngự đi đâu đều có hơn hai nghìn thị vệ theo hầu, tiền hô hậu ủng, cờ xí rợp trời, oai vệ khác thường.

Ngài là người khoan hòa, nhân ái nhưng một cuộc mưu phản xảy ra làm ngài vô cùng đau lòng. Nguyên Hoàng tử thứ ba, em của ngài, tên là Anh, lúc đức Hy Tông còn sống, trấn thủ ở Quảng Nam. Khi nghe tin cha mất, anh nối nghiệp, liền kéo quân ra Đà Nẵng, định tiến đánh cướp ngôi Chúa. Ngài cho mời Nguyễn Phúc Khê vào bàn, khóc nói rằng : "Chẳng lẽ vì quyền lợi riêng tư một cá nhân mà gây chinh chiến để khổ sinh linh, hay hơn là cháu nhường ngôi Chúa để tránh cảnh huynh đệ tương tàn." Ông Khê không chịu, xin ngài đặt phép nước lên tình nhà rồi cùng Nguyễn Phúc Yên kéo quân vào đánh, bắt được Hoàng tử Anh, lấy nghĩa "Anh em là tình riêng, phép nước là nghĩa lớn" đem giết đi.

Hai chiến công oanh liệt trong thời ngài là việc đánh tan tàu của người Hà Lan và đại thắng quân Trịnh. Người Hà Lan mà dân chúng thường gọi là giặc Ô Lan, vốn tự phụ sức mạnh của hải quân. Năm Giáp thân (1644) ba chiếc tàu Hà Lan tiến vào cửa Eo, bị ghe chiến của ta đổ ra vây đánh dưới sự điều khiển của Thế tử Dũng Lễ Hầu (sau này là Chúa Hiền). Chiếc tàu lớn bị dạp gãy bánh lái, phá hủy cột buồm làm viên thuyền trưởng phải tự dốt mà chết. Hai chiếc tàu kia chạy trốn, một chiếc va vào đá, tan vỡ.

Ngài tuy nắm sự nghiệp lớn lao của ông cha, nhưng cũng vướng mắc lưới tình suýt lung lay cả cơ nghiệp. Nguyên Tống thị, vợ của anh trưởng ngài, tuy đã ba con, nhưng còn trẻ, đẹp, ăn nói mặn mà và là người lẳng lơ. (Tống thị là con của Chưởng Cơ Tống Phúc Thông, lúc Hoàng tử Kỳ mất, Tống Phúc Thông đem gia quyến ra Bắc, Tống thị vẫn ở lại miền Nam). Từ năm Kỷ mão (1659), ngài say mê Tống thị đến mù quáng, nhờ đó, thị thao túng, nhận hối lộ, bóc lột của dân khiến gia tài của thị được xem là nhất, nhì trong nước. Ngài định xây cung thất để sống với thị lúc tuổi già. Triều thần can gián không được. Sau nhờ quan Nội tán Viên Hiển Hầu họ Phạm, dùng lời lẽ danh thép để can ngăn, ngài mới bỏ Tống thị, lấy tiền xây cất cung điện chu cấp cho bần dân, chỉnh đốn binh bị. Tống thị mật sai người ra Bắc, dâng thư cho Trịnh Tráng xin cất quân vào Nam, thị sẽ đem gia tài nuôi quân. Việc này gây một cuộc can qua trọng đại giữa Nam và Bắc vào năm Mậu tý (1648).

Do thư của Tống thị, Trịnh Tráng sai Đô đốc Lê Văn Hiển đem quân thủy bộ vào đánh. Ban đầu, quân Trịnh đánh thắng, chiếm được Lũy Thầy. Cha con Trương Phúc Phấn cố sức giữ lũy Trường Dục, quân Trịnh đánh mãi không tiến lên được. Sau đại binh ngài đến, lật ngược thế cờ, đánh quân Trịnh một trận tan tành, đuổi thẳng đến Linh Giang[1].

(1) Xem thêm chi tiết ở Hiển Vương.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Khi chiến thắng trở về, qua phá Tam Giang, ngày 26 tháng 2 năm Mậu tý (19-3-1648) ngài mất. Ngài ở ngôi được 13 năm, thọ 48 tuổi.

* * *

Đức Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế là vị Chúa Nguyễn thứ ba trị vì ở miền Nam.

Ngài là một vị Chúa khoan hòa, nhân ái. Về mặt tình cảm tuy có điều sai trái nhưng cuối cùng đã biết nghe lời nói phải, đặt quyền lợi đất nước trên tình cảm riêng tư. Nhờ vậy mà quân, dân một lòng, dù quân Trịnh muốn đòm ngó cũng không làm gì nổi.

Ngài thuộc đời thứ tư của họ Nguyễn Phúc và đứng đầu hệ IV. Vì các Hoàng tử của ngài không có con nên hệ IV không có phòng nào. (Thế tử nối ngôi Chúa đứng đầu hệ V).

## 4.2.- LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Lăng ngài táng tại xã An Bằng (Hương Trà, Thừa Thiên). Vua Gia Long đặt tên lăng là Trường Diên. Ngài được thờ ở án thứ nhất bên hữu trong Thái Miếu.

Thế tử nối ngôi tôn thụy : "Đại Nguyên Soái Thống Suất Thuận Hóa – Quảng Nam Đăng Xứ Chưởng Quốc Chính Uy Đoán Thần Vũ Nhân Chiêu Vương."

Năm Giáp tý (1744), Vũ Vương truy tôn : "Thần Tổ Thừa Cơ Toàn Thống Cương Minh Hùng Nghị Uy Đoán Anh Vũ Hiếu Chiêu Vương".

Năm Bính dần (1806), vua Gia Long truy tôn : "Thần Tông Thừa Cơ Toàn Thống Quân Minh Hùng Nghị Uy Đoán Anh Vũ Hiếu Chiêu Hoàng Đế". Miếu hiệu là Thần Tông.

## 4.3.- GIA ĐÌNH

### 4.3.1. Hậu và phi

4.3.1.1. ĐOÀN THỊ (khuyết danh)
Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Hậu

Bà họ Đoàn, con gái thứ ba của Thạch Quận công Đoàn Công Nhạn và phu nhân họ Vũ. Bà người huyện Diên Phước tỉnh Quảng Nam.

Bà tính linh mẫn, lúc 16 tuổi, nhân đêm trăng đi hái dâu ở bãi sông, ngắm trăng mà hát, gặp lúc đức Thần Tông (còn là Thế tử, đi theo hầu đức Hy Tông vào tuần tra Quảng Nam) cùng thừa đêm trăng xuống thuyền đi câu cá, nghe hát rằng : "Tai nghe Chúa ngự thuyền rồng, Thiếp thương phận thiếp má hồng nắng mưa." Thế tử lấy làm lạ, sai người tìm hỏi, biết là con gái họ Đoàn, bèn cho vào hầu nơi tiềm để.

Bà người mẫn tuệ, hiền thục nên được sủng ái. Bà sinh được 1 con trai, sau này là Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế. Bà mất ngày 17 tháng 6 năm Tân sửu (12-7-1661). Lăng táng tại làng Chiêm Sơn, ở gò Cốc Hùng, tỉnh Quảng Nam. Tên lăng là Vĩnh Diên.

Đời vua Vũ Vương, bà được truy tôn : "Trinh Thục Từ Tĩnh Huệ Phi", sau thêm hai chữ Mẫn Duệ.

Vua Gia Long truy tôn : "Trinh Thục Từ Tĩnh Mẫn Duệ Huệ Kính Hiếu Chiêu Hoàng Hậu". Văn sách lược ghi như sau : Kính nghĩ Trinh Thục Từ Tĩnh Mẫn Duệ Đoan Huệ Phi, lễ nghi, kính trọng chồng, trinh thục, đúng khuôn phép, hợp đức lớn của quẻ khôn, mở đầu cho sự giáo hóa trong chốn cung đình, sớm kết điềm lành, tạo phúc lâu dài cho xã tắc thành tựu đời đời. Nay cậy nhờ linh thiêng mà tạo được cơ đồ bền vững. Kính dâng kim sách tôn hiệu là Trinh Thục Từ Tĩnh Mẫn Duệ Huệ Kính Hiếu Chiêu Hoàng Hậu.

Bà được phối thờ với đức Thần Tông ở án thứ nhất bên hữu trong Thái Miếu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

**4.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ**

Ngài có 3 Hoàng nam và 1 Hoàng nữ

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Vũ | 1. (Khuyết danh) |
| 2. Nguyễn Phúc Tần | |
| 3. Nguyễn Phúc Quỳnh | |

**4.3.3. Anh chị em**

Ngài có 10 anh em trai và 4 chị em gái

4.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC KỲ 阮福淇
Khánh Quận công

Ông húy là Nguyễn Phúc Kỳ, con trưởng của đức Hy Tông và Hoàng Hậu Nguyễn Thị Giai. Tiểu sử không rõ.

Ban đầu ông làm Chưởng cơ. Năm Giáp dần (1614) đời Hy Tông Hoàng Đế, ông giữ chức Hữu phủ Chưởng phủ sự, trấn Quảng Nam. Ông mất ngày 24 tháng 6 năm Tân mùi (22–7–1631), được truy tặng là Thiếu bảo Khánh Quận công. Lúc tại thế ông thường thi hành ân đức, cấp dưỡng quân dân nên khi mất sĩ dân đều thương tiếc.

Lăng táng tại làng Thanh Quýt, tỉnh Quảng Nam, nhà thờ ở xã Phú Thượng (Phú Vang, Thừa Thiên).

Phu nhân là Bùi Thị Phượng, mất ngày 14 tháng 3 (không rõ năm).

Ông có 4 con trai : Nguyễn Phúc Nhuệ, Nguyễn Phúc Xuân, Nguyễn Phúc Tài, Nguyễn Phúc Trí đều làm quan đến chức Chưởng dinh.

4.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC ANH 阮福漢

Ông húy là Anh, con thứ ba của đức Hy Tông, làm trấn thủ Quảng Nam. Mưu phản bị giết và tước tôn tịch.

Không có con.

4.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC TRUNG 阮福忠

Ông húy là Trung, con thứ tư của đức Hy Tông, làm Chưởng dinh. Mưu phản bị giết và tước tôn tịch.

Không có con.

4.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC AN 阮福安

Ông húy là Nguyễn Phúc An, con thứ năm của đức Hy Tông, cùng mẹ là Hoàng trưởng tử Kỳ. Tiểu sử không rõ.

4.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC VĨNH 阮福永
Đô đốc Hữu phủ Quận công

Ông húy là Nguyễn Phúc Vĩnh, con thứ sáu của đức Hy Tông. Tiểu sử không rõ. Làm quan đến Đô đốc Hữu phủ Quận công.

Ông có 7 người con là : Nguyễn Phúc Việt, Nguyễn Phúc Khoa, Nguyễn Phúc Bình, Nguyễn Phúc Thiên, Nguyễn Phúc Hạ, Nguyễn Phúc Thạnh, Nguyễn Phúc Nhất.

4.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC LỘC 阮福祿

Ông húy là Nguyễn Phúc Lộc, con thứ bảy của đức Hy Tông. Tiểu sử không rõ.

Không có con.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

4.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC TỨ 阮福泗
Phó tướng

Ông húy là Nguyễn Phúc Tứ, con thứ tám của đức Hy Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông làm quan đến Phó tướng ở Quảng Nam. Lúc Nguyễn Phúc Anh làm phản, ông không theo nên khỏi tội.

Không có con.

4.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC THIỆU 阮福紹

Ông húy là Nguyễn Phúc Thiệu, con thứ chín của đức Hy Tông. Tiểu sử không rõ.

Không có con.

4.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC VINH 阮福榮
Vinh Quận công

Ông húy là Nguyễn Phúc Vinh, con thứ mười của đức Hy Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông làm quan đến chức Chưởng cơ. Mất ngày 16 tháng 12 Âm lịch, năm mất không rõ. Được truy tặng là Vinh Quận công. Lăng táng tại làng Phú Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên). Nhà thờ trước ở huyện Phú Vang nay dời về làng Bàng Môn (Phú Lộc, Thừa Thiên).

Ông có 1 con trai : Nguyễn Phúc Gia.

4.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC ĐÔN 阮福[illegible]
Chưởng cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Đôn, con thứ mười một của đức Hy Tông. Tiểu sử không rõ. Làm quan đến chức Chưởng cơ.

Ông có một người con tên Nguyễn Phúc Tuân.

4.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC LIÊN 阮福玉蓮

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Liên, trưởng nữ của đức Hy Tông và Hoàng Hậu Nguyễn Thị Giai. Bà là chị của Hoàng trưởng tử Nguyễn Phúc Kỳ. Tiểu sử không rõ.

Chồng là Phó tướng Nguyễn Hữu Vinh, trấn thủ dinh Trấn Biên (Nguyên là họ Mạc con của Mạc Cảnh Huống, được mang quốc tính, sau đổi thành Nguyễn Hữu).

4.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC VẠN 阮福玉萬
Hoàng Hậu Chân Lạp

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Vạn, con gái thứ hai của đức Hy Tông. Cùng mẹ với Hoàng trưởng tử Nguyễn Phúc Kỳ. Tiểu sử không rõ.

Năm Canh thân (1620) bà được đức Hy Tông gả cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II. Về sau nể tình bà, vua Chân Lạp đã cho người Việt lập một dinh điền tại Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay).

4.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC KHOA 阮福玉誇
Hoàng Hậu Chiêm Thành

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Khoa, con gái thứ ba của đức Hy Tông. Em cùng mẹ với Hoàng trưởng tử Nguyễn Phúc Kỳ. Tiểu sử không rõ.

Năm Tân mùi (1631) bà được đức Hy Tông gả cho vua Chiêm Thành là Pôrômê. Nhờ có cuộc hôn phối này mà tình giao hảo giữa hai nước Việt-Chiêm được tốt đẹp.

4.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC ĐỈNH 阮福玉鼎

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Đỉnh, con gái thứ tư của đức Hy Tông. Tiểu sử không rõ.

Bà hạ giá lấy Phó tướng Nguyễn Cửu Kiều.

Bà mất vào năm Giáp tý (1624).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ NĂM

## 5. NGUYỄN PHÚC TẦN

## Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế

5.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC VŨ

5.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC QUỲNH

5.3.3.1B. (khuyết danh)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC THÁI TÔNG HIẾU TRIẾT HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC TẦN

## (1620 – 1687)

# HIỀN VƯƠNG

## (Chúa Hiền)

Ngày sinh : 19 tháng 6 năm Canh thân
(18 – 7 – 1620)

Ngày mất : 19 tháng 3 năm Đinh mão
(30 – 4 – 1687)

Thân phụ : Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế
Nguyễn Phúc Lan

Thân mẫu : Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Hậu
(họ Đoàn, không rõ tên)

Lăng tẩm : Trường Hưng
(Hải Cát, Hương Trà, Thừa Thiên)

129



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 5.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế húy là Nguyễn Phúc Tần 阮福瀕 , con thứ hai của đức Thần Tông Nguyễn Phúc Lan và Hoàng Hậu họ Đoàn (không rõ tên). Ngài sinh ngày 19 tháng 6 năm Canh thân (18–7–1620).

Lúc làm Thế tử, ngài được phong là Thái phó Dũng Lễ Hầu. Ngài là một võ tướng có tài. Năm Giáp thân (1644) ngài đốc suất các chiến thuyền vây đánh ba chiếc tàu của người Hà Lan tại cửa Eo làm thuyền trưởng phải tự tử, hai chiếc bỏ chạy, một chiếc bị va vào đá ngầm chìm, đức Thần Tông mừng và khen rằng : "Trước kia Tiên quân ta đã từng đánh phá giặc biển, nay con ta cũng lại như thế, ta không lo gì nữa".

Năm Mậu tý (1648) quân Trịnh vào xâm lấn, ngài được cử làm đại tướng thống suất đại binh cự địch. Ngài sai Nguyễn Hữu Tấn đem hơn 100 thớt voi, ban đêm xông vào đánh úp đinh địch làm quân Trịnh sợ hãi, bỏ chạy tán loạn. Ngài đem đại binh đuổi địch đến sông Gianh mới trở về.

Năm Mậu tý (1648), đức Thần Tông mất, ngài nối ngôi, quần thần tôn ngài làm "Tiết Chế Thủy Bộ Chư Dinh kiêm Tổng Nội Ngoại Binh Chương Quân Quốc Trọng Sự Thái Bảo Dũng Quận Công". Lúc này ngài 29 tuổi, người ta thường gọi ngài là Hiền Vương (Chúa Hiền).

Ngài là người võ dũng, am hiểu binh pháp, giỏi chiến trận. Khi lên kế nghiệp, ngài chăm lo xây dựng đất nước, mở mang bờ cõi, không nghĩ đến chuyện vui chơi. Ngài cho nạp vào cung một kỹ nữ người Nghệ An tên Đào Thừa, nhan sắc xinh đẹp, ngài rất yêu mến. Một hôm đọc sách xưa thấy việc Ngô Vương yêu mến nàng Tây Thi, ngài tỉnh ngộ rồi mật sai Nguyễn Phúc Kiều trừ bỏ Đào Thừa để khỏi di lụy về sau.

Năm Giáp ngọ (1654) Nguyễn Phúc Trung, chú của ngài, bị Tống thị quyến rũ, xúi giục âm mưu làm loạn để đoạt ngôi Chúa. Việc phát giác, ông Trung bị bắt. Ngài không nỡ giết cho giam vào ngục. Tống thị bị tử hình, gia tài bị tịch thu đem cấp phát cho quân, dân. Sổ ghi tên những người theo phe phản nghịch tìm thấy được, ngài cho đốt đi không xét tới.

Năm Ất mùi (1655), thuộc tướng của Trịnh Đào là Phạm Tất Đồng đem quân vượt sông Gianh xâm lấn Nam Bố Chính. Từ đó, ngài quyết định chuẩn bị công việc đánh phương Bắc. Ngài thường băn khoăn, mong tìm các bậc hiền tài để ủy thác công việc biên cương. Một hôm mộng thấy thần nhân đưa cho bài thơ :

*"Tiên kết nhân tâm thuận*
*Hậu thi đức hóa chiêu*
*Chi diệp kham tồi lạc*
*Căn bản dã nan diêu."*

tạm dịch là :

*"Trước hết lòng người thuận*
*Sau thi đức hóa hay*
*Cành lá tuy rơi rụng*
*Cội gốc thật khó lay."*

Ngài cho rằng thơ có chữ thuận và chữ chiêu là ứng vào Thuận Nghĩa Hầu Nguyễn Hữu Tấn và Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật nên phàm việc binh đều bàn mưu với hai người ấy.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Ất mùi (1655) ngài phong Nguyễn Hữu Tấn làm Tiết chế, Nguyễn Hữu Dật làm Đốc chiến vượt qua sông Linh Giang (sông Gianh) đánh đất Bắc Bố Chính, chiếm được Hà Trung. Chúa Trịnh sai Trịnh Trượng làm Thống lĩnh, kinh lược đất Nghệ An, đem quân chống giữ. Quân Trịnh bị thua trận Lạc Xuyên phải rút về An Trường để mất bảy huyện phía Nam Nghệ An. Quân Trịnh nhiều lần vào đánh để khôi phục đất đã mất nhưng đều thất bại. Đến năm Canh tý (1600), quân Trịnh lại vào đánh miền Nam, nhân có sự bất hòa giữa Nguyễn Hữu Tấn và Nguyễn Hữu Dật, quân Trịnh chiếm lại được 7 huyện đã mất.

Năm Tân sửu (1661) Trịnh Tạc cử đại binh và đem vua Lê vào đánh miền Nam. Quan Trấn thủ Nam Bố Chính là Nguyễn Hữu Dật chia quân ra đắp lũy, giữ vững mọi nơi, quân Trịnh đánh mãi mấy tháng không được lại phải rút về.

Năm Nhâm tý (1672) Trịnh Tạc lại đem 10 vạn quân và rước vua Gia Tông vào Bắc Bố Chính để đánh họ Nguyễn. Ngài cử Hoàng tử thứ tư là Hiệp Đức Hầu Nguyễn Phúc Thuần làm Nguyên súy cầm quân chống giữ. Ngài thân chinh đốc suất đại quân thủy bộ tiếp ứng. Thủy quân được lệnh đóng giữ tất cả các cửa biển.

Quân Trịnh đem toàn lực tiến đánh lũy Trấn Ninh rất hăng, đã hai ba phen sắp phá được lũy. May nhờ Nguyên súy Nguyễn Phúc Thuần và Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật cương quyết chống giữ. Hai phe đều bị thiệt hại lớn. Quân Trịnh đánh mãi không được phải lùi về Bắc Bố Chính. Lúc này trời rét lại nghe tin Thủy quân Nguyên súy Trịnh Căn bị bệnh nặng, Trịnh Tạc bèn sai Lê Hiến ở lại trấn thủ Nghệ An, Lê Sĩ Triệt đóng ở Hà Trung để giữ các yếu lộ, rồi rút quân về Thăng Long.

Sau trận này, hai bên thôi việc chiến tranh, lấy sông Linh Giang (tức là sông Gianh) làm ranh giới hai miền.

Về mặt phía Nam, năm Quý tỵ (1653) vua Chiêm Thành là Bà Tấm xâm phạm tỉnh Phú Yên. Ngài sai Hùng Lộc và Minh Vũ lãnh 3 ngàn quân đi đánh. Quân ta đại thắng, đuổi quân Chiêm đến tận sông Phan Rang. Bà Tấm dâng lễ vật và thư xin hàng. Ngài y cho, lấy sông Phan Rang làm ranh giới. Từ phía đông đến địa đầu Phú Yên chia làm hai phủ là Thái Khang (nay là Ninh Hòa) và Diên Ninh (nay là Diên Khánh). Vua Chiêm phải giữ lệ cống như cũ. Như vậy, đến năm này dân tộc Việt đã tiến nhanh về phía Nam từ Tuy Hòa đến Phan Rang dài hơn 170 km.

Từ năm Mậu tuất (1658) vua Chân Lạp đã nhận làm phiên thần của Chúa Nguyễn, hàng năm nạp cống. Năm Giáp dần (1674) có Nặc Ông Đài ở nước Chân Lạp đi cầu viện nước Tiêm La để đánh Nặc Ông Nộn. Nặc Ông Nộn chạy sang cầu cứu ở dinh Thái Khang, ngài sai Cai cơ đạo Nha Trang là Nguyễn Dương Lâm đem binh sang đánh. Quân ta vây thành Nam Vang, Nặc Ông Đài phải bỏ thành chạy, con ông là Nặc Ông Thu ra hàng. Ngài cho Nặc Ông Thu (dòng trưởng) làm Chánh Quốc vương, đóng đô ở Long Úc và Nặc Ông Nộn làm đệ nhị Quốc vương, đóng ở Sài Côn, bắt hằng năm phải triều cống.

Năm Kỷ mùi (1679) có Tổng binh Dương Ngạn Địch và Tổng binh Trần Thượng Xuyên, người Trung Hoa, không chịu thần phục nhà Thanh, đem hơn ba ngàn người và 50 chiến thuyền vào Nam xin nhập cư. Ngài vỗ về an ủi và cho vào trấn đóng tại Đông Phố (tức Gia Định) ngài ban cho chức tước, cấp phương tiện cày cấy để mở mang đất đai. Dương Ngạn Địch vào khai khẩn vùng Mỹ Tho, Trần Thượng Xuyên vào khai khẩn vùng Biên Hòa. Chẳng bao lâu Đông Phố trở thành miền đất trù phú, thương thuyền ngoại quốc đến buôn bán tấp nập.

Từ khi thôi chiến tranh với họ Trịnh, ngài lo sửa sang chính trị, định lại phép thi cử để chọn nhân tài, đào thêm kênh ngòi để thêm phương tiện cho việc giao thông. Về quân sự ngài biết học theo kỹ thuật Tây phương, quân đội được thao diễn luyện tập thường xuyên. Quan



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

trọng nhất là kế hoạch khai hoang, lập ấp : sau chiến thắng năm Mậu tý (1648) và các chiến thắng về sau, ngài phân tán số tù binh và những người hưởng ứng theo vào Nam, cho ở các nơi cứ 50 người làm một ấp, cấp cho lương ăn nửa năm. Ngài lại ra lệnh cho các nhà giàu đem tiền cho dân khẩn hoang vay. Kết quả là từ Điện Bàn (Quảng Nam) đến Phú Yên lăng mạc liền nhau, ruộng đất trù phú, dân cư ngày càng đông. Dưới thời ngài, dân miền Nam sống được một thời gian thanh bình khá dài. Năm Đinh mùi (1667), nhân du ngoạn ở cửa Tư Dung (nay là Tư Hiền), thấy cảnh trí đẹp đẽ, ngài cho dựng chùa Hoa Vinh ở núi Túy Vân (nay gọi là chùa Túy Vân), đây là ngôi chùa cổ nổi tiếng xinh đẹp ở đất thần kinh.

Ngày 19 tháng 3 năm Đinh mão (30–4–1687), ngài không được khỏe, cho triệu Hoàng tử thứ hai là Hoằng Ân Hầu Nguyễn Phúc Thái đến bảo rằng : "Ta bình sinh ra vào gian hiểm để giữ nhà, giữ nước. Con nối ngôi phải sửa thêm nhân chính cho yên bờ cõi. Các quan văn võ đều do ta cất dùng để mưu mọi việc, đừng để cho bọn tiểu nhân len vào". Ngài lại triệu các đại thần đến bảo rằng : "Ta với các khanh một chí hướng với nhau mà công việc mưu đồ chưa trọn. Nay con ta tuổi còn nhỏ, mong nhờ các khanh giúp đỡ cho công nghiệp của tổ tông được rỡ ràng. Đừng quên lời ấy."

Nói xong ngài băng. Ngài ở ngôi 39 năm, thọ 68 tuổi.

* * *

Đức Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế là vị Chúa Nguyễn thứ tư trị vì ở miền Nam.

Ngài là người trí dũng, cương nghị, am hiểu binh pháp, có các đức tính của một vị minh quân và biết chăm lo việc nước. Trong suốt thời gian tại vị, ngài đã thực hiện nhiều công cuộc quan trọng :

– Ngài là người đầu tiên đánh thắng các tàu chiến của người Tây phương.

– Chấm dứt được cuộc phân tranh Nam Bắc kéo dài suốt 45 năm.

– Mở rộng bờ cõi ở phía Nam, lập ra hai phủ Thái Khang và Diên Ninh.

– Mở đường cho các vị kế nghiệp tiến vào đất Chân Lạp.

– Đào nhiều kênh ngòi để thêm phương tiện cho giao thông và thương mãi.

– Thực hiện kế hoạch khai hoang, lập ấp trên qui mô rộng lớn.

Nhờ vậy mà miền Nam ngày càng phú cường, nhân dân được ấm no, hạnh phúc.

Ngài thuộc đời thứ năm của họ Nguyễn Phúc, khai sáng ra hệ V hiện nay có 3 phòng :

1. Phòng một tức là phòng Phúc Quốc công

2. Phòng ba tức là phòng Cương Quận công

3. Phòng bốn tức là phòng Quốc Uy công

### 5.2.– LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Ngài mất, lăng tán tại Hải Cát (Hương Trà, Thừa Thiên). Tên lăng là Trường Hưng[1]. Đến đời vua Gia Long, ngài được thờ tại Thái Miếu, ở án thứ hai, phía tả.

Thế tử lên ngôi dâng thụy hiệu là : "Đại Nguyên Súy Tổng Quốc Chính Công Cao Đức Hạu Dũng Triết Vương".

(1) Lăng Trường Hưng đã được con cháu hệ V trùng tu vào năm Giáp tuất (1994).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Đời Vũ Vương, ngài được truy tôn : "Nghị Tổ Tuyên Uy Kiến Vũ Anh Minh Trang Chinh Thánh Đức Thần Công Hiếu Triết Vương".

Vua Gia Long truy tôn : "Tuyên Uy Kiến Vũ Anh Minh Trang Chính Thánh Đức Thần Công Hiếu Triết Hoàng Đế". Miếu hiệu là Thái Tông.

### 5.3.– GIA BÌNH

#### 5.3.1. Hậu và phi

##### 5.3.1.1. CHÂU THỊ VIÊN 朱氏圓
Chiêu Thánh Hoàng Hậu

Bà húy là Châu Thị Viên, sinh năm Ất sửu (1625). Tiểu sử không rõ. Bà vào hầu đức Thái Tông trong thời kỳ tiềm để, được phong làm Chánh phu nhân.

Bà mất ngày 21 tháng 11 năm Giáp tý (26–12–1684) thọ 60 tuổi, được phong tặng là Tán Quốc Chính Phu Nhân, táng ở làng An Ninh (Hương Thủy, Thừa Thiên). Đời Vũ Vương bà được truy tôn : "Từ Mẫn Chiêu Thánh Trang Phi", sau thêm hai chữ Trang Liệt. Vua Gia Long truy tôn : "Từ Mẫn Chiêu Thánh Cung Tĩnh Trang Thận Hiếu Triết Hoàng Hậu". Tên lăng là Vĩnh Hưng. Bà được phối thờ với đức Thái Tông ở Thái Miếu, án thứ hai bên tả.

Bà sinh được 2 trai và 1 gái : Nguyễn Phúc Diễn (tước Phúc Quốc công), Nguyễn Phúc Thuần (tức Quốc Uy công), Nguyễn Phúc Ngọc Tào.

##### 5.3.1.2. TỐNG THỊ ĐÓI 宋氏堆
Huệ Thánh Hoàng Hậu

Bà húy là Tống Thị Đói, con ông Thiếu phó Quận công Tống Phúc Khang, mẹ bà họ Phạm (không rõ tên). Tiểu sử không rõ, chỉ biết bà quê ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bà tính hiền hậu, lúc mới vào cung với thứ bậc là Cơ, sau ngày càng được ân sủng được phong làm thứ phi.

Bà mất ngày 21 tháng 3 âm lịch, không rõ năm mất, táng tại làng Đình Môn (Hương Trà, Thừa Thiên). Đời Vũ Vương bà được truy tôn : "Từ Tiên Huệ Thánh Tĩnh Phi", sau thêm hai chữ Trinh Thuận. Vua Gia Long truy tôn : "Từ Tiên Huệ Thánh Trinh Thuận Tĩnh Nhân Hiếu Triết Hoàng Hậu", đặt tên lăng là Quang Hưng. Bà được phối thờ với đức Thái Tông ở Thái Miếu, án thứ hai bên tả.

Bà sinh ra đức Anh Tông Nguyễn Phúc Thái và Cương Quận công Nguyễn Phúc Trân.

#### 5.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ :

Đức Thái Tông có 6 Hoàng tử và 3 Hoàng nữ :

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Diễn | 1. Nguyễn Phúc Ngọc Tào |
| 2. Nguyễn Phúc Thái | 2. Khuyết danh |
| 3. Nguyễn Phúc Trân | 3. Khuyết danh |
| 4. Nguyễn Phúc Thuần | |
| 5. Nguyễn Phúc Niện | |
| 6. Nguyễn Phúc Nhiễu | |

#### 5.3.3. Anh chị em

Ngài có 2 anh em trai và 1 em gái



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

5.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC VŨ 阮福武

Ông húy là Nguyễn Phúc Vũ, con trưởng của đức Thần Tông, mất sớm. Tiểu sử không rõ.

Không có con.

5.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC QUỲNH 阮福瓊

Ông húy là Nguyễn Phúc Quỳnh, con thứ ba của đức Thần Tông. Tiểu sử không rõ.

Không có con.

5.3.3.1B. Khuyết danh

Bà là con gái của đức Thần Tông. Tiểu sử không rõ. Bà hạ giá lấy ông Chưởng cơ tên Minh.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ SÁU

## 6. NGUYỄN PHÚC THÁI

## Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế

6.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC DIỄN

6.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC TRẦN

6.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC THUẦN

6.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC NIÊN

6.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC NHIỀU

6.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TÁO

6.3.3.2B. (Khuyết danh)

6.3.3.3B. (Khuyết danh)

# ĐỨC ANH TÔNG HIẾU NGHĨA HOÀNG ĐẾ

HÚY

# NGUYỄN PHÚC THÁI

(1650 – 1691)

# NGHĨA VƯƠNG

(Chúa Nghĩa)

Ngày sinh : 21 tháng chạp năm Kỷ sửu
(22 – 1 – 1650)

Ngày mất : 10 tháng giêng năm Tân mùi
(7 – 2 – 1691)

Thân phụ : Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế
Nguyễn Phúc Tần

Thân mẫu : Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Hậu
Tống Thị Đối

Lăng tẩm : Trường Mậu
(Định Môn, Hương Trà, Thừa Thiên)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 6.1. THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế húy là Nguyễn Phúc Thái 阮福濠 lại húy Ngàn, con thứ hai của đức Thái Tông Nguyễn Phúc Tần và Hoàng Hậu Tống Thị Đôi, sinh ngày 21 tháng chạp năm Kỷ sửu (22–1–1650).

Người con trưởng của đức Thái Tông mất sớm nên ngài được lập làm Thế tử. Ngài nối ngôi lúc 39 tuổi, được triều thần tôn làm "Tiết Chế Thủy Bộ Chư Dinh Kiêm Tổng Nội Ngoại Binh Chương Quân Quốc Trọng Sự Thái Phó Hoằng Quốc Công".

Ngài tính khoan hòa, chiêu hiền đãi sĩ, nhẹ hình phạt, giảm sưu thuế nên được người đương thời gọi là Chúa Nghĩa.

Tháng 7 năm Đinh mão (1687), ngài cho dời phủ Chúa sang làng Phú Xuân, lấy Bằng Sơn (nay là Ngự Bình) làm bình phong, xây đắp cung điện, thành quách rất tráng lệ. Vùng Phú Xuân rộng rãi, bề thế hơn Kim Long, sông Hương trở nên rộng khi chảy ngang qua trước Kinh thành.

Mối đe dọa quân Trịnh từ mặt Bắc đã hết, về phương Nam thì Chiêm Thành hàng năm thần phục triều cống, Chân Lạp thì giữ địa vị phiên bang. Nhưng vào năm Mậu thìn (1688), Hoàng Tấn giết Dương Ngạn Địch, thả lính cướp phá khiến dân tình Chân Lạp rất khốn khổ. Vua Chân Lạp là Nặc Thu sinh oán, nghi ngài xui Hoàng Tấn cướp phá để lấy cớ xâm chiếm Chân Lạp. Nặc Thu cho đắp đồn lũy để chống cự với quân Nguyễn. Sau, phó tướng dinh Trấn Biên (nay là Biên Hòa) là Mai Vạn Long đánh đuổi Hoàng Tấn, việc Chân Lạp mới tạm yên.

Muốn lân bang thần phục, ngài cho lập một đạo binh hùng cường, xem trọng việc tuyển quân. Mỗi gia đình có con trai phải cống hiến cho triều đình một người. Mỗi người lính đều có súng ống, y phục và chu cấp lương tiền đầy đủ. Thời ngài, quân lính lên đến 4 vạn người. Phủ ngài có hai đội kỵ binh gồm 400 người ngựa. Những lúc thao diễn nhân ngày khánh tiết, quân phục binh sĩ trông rất rực rỡ. Đội binh cận vệ của ngài và Thế tử mặc toàn bằng nhung, đeo khí giới khảm vàng, khảm bạc. Thủy binh có những chiến thuyền to lớn, mỗi bên có 50 tay chèo mạ vàng, trên thuyền trang bị đầy đủ súng ống, lại có trống lớn có mõ để đánh nhịp cho binh sĩ chèo. Họ thường mặc quần ngắn bằng thao trắng, đội nón chóp lông.

Mùa xuân năm Tân mùi (1691), ngài đau nặng, cho gọi Thế tử vào bảo rằng : "Ta nối tổ nghiệp trước để lại, thường lấy làm lo, bây giờ con nối theo, phải giữ thánh đức của tổ tông, đó là hiếu". Ngày 10 tháng giêng năm Tân mùi (7–2–1691) ngài băng, ở ngôi 4 năm, thọ 43 tuổi.

* * *

Đức Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế là vị Chúa Nguyễn thứ năm trị vì ở miền Nam. Ngài là người nhân từ, biết thương dân. Ngài lại biết lo lắng giữ gìn cơ nghiệp của tổ tiên. Mặc dầu mặt Bắc không còn là mối đe dọa, ngài vẫn xây dựng binh lực ngày càng hùng mạnh. Tuy thời gian ở ngôi quá ngắn ngủi, ngài đã mở đầu cho vị Chúa kế nghiệp công cuộc mở mang bờ cõi. Trong đời ngài, dân chúng được sống trong cảnh thanh bình, an cư lạc nghiệp.

Ngài thuộc đời thứ sáu của họ Nguyễn Phúc. Ngài đứng đầu hệ VI, nhưng hệ VI không có phòng vì ngoài ngài Nguyễn Phúc Chu đứng đầu hệ 7 các Hoàng tử khác đều mất sớm và vô tự.

## 6.2.– LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Ngài mất, lăng táng trên núi Kim Ngọc (Định Môn, Hương Trà, Thừa Thiên). Tên lăng là Trường Mậu. Đến đời vua Gia Long, ngài được thờ tại Thái Miếu, ở án thứ hai bên hữu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Thế tử nối ngôi, dâng thụy hiệu là : "Đại Nguyên Soái Tông Quốc Chính Thiệu Hưu Toàn Nghiệp Hoằng Nghĩa Vương".

Đến đời Vũ Vương, ngài được truy tôn : "Thiệu Hưu Toàn Nghiệp Khoan Hồng Bác Hậu Từ Tường Hiếu Nghĩa Vương".

Vua Gia Long truy tôn : "Thiệu Hưu Toàn Nghiệp Khoan Hồng Bác Hậu Ôn Huệ Từ Tường Hiếu Nghĩa Hoàng Đế". Miếu hiệu là Anh Tông.

### 6.3.- GIA ĐÌNH

#### 6.3.1. Hậu và phi

6.3.1.1. TỐNG THỊ LĨNH 宋氏領
Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Hậu

Bà húy là Tống Thị Lĩnh, quê quán ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, con gái quan Thiếu phó Quận công Tống Phúc Vinh, mẹ bầ họ Lê (không rõ tên). Bà sinh năm Quí tị (1653). Bà vào hầu đức Anh Tông nơi tiềm để (chỗ ở của Chúa lúc đang còn là Thế tử), sau được phong lên bậc Cung tần. Lúc bà có thai, có nhiều điềm lành cho biết sẽ sinh ra bậc kỳ tài. Khi sinh, ánh sáng lành rực rỡ khắp nhà. (Sau này là đức Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế).

Bà mất ngày 22 tháng 3 năm Bính tý (23–5–1696), thọ 44 tuổi, được phong tặng là Quốc Thái Phu Nhân, táng ở làng Định Môn (Hương Trà, Thừa Thiên). Đời Vũ Vương bà được truy tôn : "Từ Tiết Tĩnh Thục Hiến Phi", sau thêm hai chữ Hiếu Từ. Vua Gia Long truy tôn : "Từ Tiết Tĩnh Thục Tuệ Mẫn Hiến Thuận Hiếu Nghĩa Hoàng Hậu", đặt tên lăng là Vĩnh Mậu. Bà được phối thờ với đức Anh Tông ở Thái Miếu, án thứ hai bên hữu.

Bà sinh ra đức Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu.

#### 6.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ

Đức Anh Tông có 5 Hoàng tử và 4 Hoàng nữ

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Chu | 1. Khuyết danh |
| 2. Nguyễn Phúc Tuân | 2. Khuyết danh |
| 3. Nguyễn Phúc Toàn | 3. Nguyễn Phúc Ngọc Nhiễm |
| 4. Nguyễn Phúc Trình | 4. Nguyễn Phúc Ngọc Niệu |
| 5. Nguyễn Phúc Quảng | |

#### 6.3.3. Anh chị em

6.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC DIỄN 阮福演
Phúc Quốc công

Ông húy là Nguyễn Phúc Diễn, con trưởng của đức Thái Tông, còn có tên là Hán. Mẹ là Hoàng Hậu Châu Thị Viên. Ông sinh ngày 12 tháng 8 năm Canh thìn (27–9–1640).

Lúc đầu, ông được lập làm Thế tử, phong chức Chưởng dinh. Chưa được nối ngôi thì ông đã mất vào ngày 12 tháng 10 năm Giáp tý (18–11–1684). Đức Thái Tông rất thương tiếc, truy phong là "Tả Lý Dương Vũ Công Thần Thượng Trụ Quốc Chưởng Phủ Sự Thiếu Sư Phúc Quốc Công". Lăng táng ở làng Trúc Lâm (Hương Trà, Thừa Thiên). Nhà thờ ở làng La Ỷ (Phú Vang, Thừa Thiên). Bà vợ là Nguyễn Thị Vệ pháp danh Diệu Linh.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông có 6 người con trai và 3 con gái. Các vị con gái đều không rõ tên. Các vị con trai là : Nguyễn Phúc Trị, Nguyễn Phúc Lịch, Nguyễn Phúc Huệ, Nguyễn Phúc Thông, Nguyễn Phúc Dực, Nguyễn Phúc Tiềm đều làm quan Chưởng cơ. Về sau hai ông Huệ và Thông bị tội, đến đời Minh Mệnh bị tước tịch, đổi qua họ Nguyễn Thuận.

### 6.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC TRÂN 阮福濬
Cương Quận công

Ông húy là Nguyễn Phúc Trân, con thứ ba của đức Thái Tông, còn có tên là Huyền. Mẹ là Hoàng Hậu Tống Thị Đôi. Ông sinh ngày 10 tháng 12 năm Tân mão (20–1–1652).

Ban đầu ông làm Chưởng cơ. Ông mất lúc mới 35 tuổi vào ngày 8 tháng 8 năm Ất sửu (6–9–1685), được phong tặng là Thiếu bảo Cương Quận công. Mộ táng tại thôn Lại Thế (Phú Vang, Thừa Thiên) sau cải táng về làng Dạ Lê (Hương Thủy, Thừa Thiên) (trong chiến tranh mộ bị phá hủy, con cháu đã trùng tu vào năm 1992). Nhà thờ ở thôn Lại Thế (Phu Vang, Thừa Thiên).

Ông có hai bà vợ. Bà thứ nhất tiểu sử không rõ, chỉ biết mộ táng tại thôn Lại Thế trong vườn nhà thờ (Phú Vang, Thừa Thiên). Bà thứ hai tên húy là Chơn Tánh, pháp danh Diệu Lạn, quê quán làng Tiên Đóa, tỉnh Quảng Nam. Bà sinh ngày 9 tháng 5 năm Nhâm thìn (14–6–1652) và mất ngày 22 tháng giêng năm Kỷ dậu (19–1–1729). Mộ táng tại làng Trúc Lâm, tỉnh Thừa Thiên (được trùng tu vào năm 1992).

Ông có một người con trai tên là Nguyễn Phúc Dần (còn có tên là Điều và Đà) làm quan đến chức Chưởng Tả Bộ Dinh Điệu Dương Hầu.

### 6.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC THUẦN 阮福淳
Quốc Uy công

Ông húy là Nguyễn Phúc Thuần, con thứ tư của đức Thái Tông, sau vì tránh tên húy nên đổi là Hiệp 協 . Mẹ là Hoàng Hậu Châu Thị Viên. Ông sinh năm Quí tị (1653).

Ban đầu ông được phong là Chưởng cơ Hiệp Đức Hầu. Ông là người dũng cảm và có tài năng nên được các tướng mến phục. Năm Nhâm tý (1672) Chúa Trịnh lại cử đại binh vào xâm lấn miền Nam, các tướng đồng thanh xin đức Thái Tông cử ông làm Nguyên súy, lúc này ông mới 20 tuổi. Đây là trận đánh lớn và dữ dội nhất giữa hai miền. Ba lần quân Trịnh tấn công quyết chiếm cho bằng được lũy Trấn Ninh. Một vài tướng đã ngã lòng đề nghị ông bỏ lũy Trấn Ninh, rút quân lui. Nhìn thấy được điểm chiến lược quan trọng của lũy Trấn Ninh cũng như tinh thần chiến đấu của quân sĩ sẽ bị lung lay khi mất lũy này nên ông cùng tướng Nguyễn Hữu Dật cương quyết chống giữ. Quân Trịnh bị thất bại đành ôm hận trở về Bắc. Đối với những địch quân bắt được, ông cho tiền lương, quần áo rồi tha cho trở về với gia đình. Ông cho lập đàn cúng các tướng sĩ tử trận. Đức Thái Tông nghe tin thắng trận, rất mừng, nói rằng : "Con ta mấy lần ngăn chặn được giặc Bắc, từ nay họ Trịnh không dám dòm ngó miền Nam này nữa."

Lúc làm Nguyên súy, dưới trướng thường dùng giáp sĩ dựng hầu hai bên. Có Bật Nghĩa, người Quảng Bình, có một gái nhan sắc xinh đẹp, muốn dâng cho ông. Ông cho là sắc đẹp thì đức xấu cho nên từ chối, nhưng lại thương nghèo khó, cấp cho 10 quan tiền. Lúc thắng trận trở về, ông tuyệt nữ sắc, xây am nhỏ thờ Phật, nghiên cứu giáo lý đạo Phật làm vui.

Ngày 15 tháng 6 năm Ất mão (6–8–1675), ông bị bệnh đậu mùa và mất, lúc mới 23 tuổi. Đức Thái Tông quá thương tiếc, nói : "Con ta có công lớn giữ vững biên thùy, trời sao gọi về gấp vậy !". Ông được phong tặng : "Minh Nghĩa Tuyên Đức Công Thần Khai Phủ Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Cẩm Y Vệ Đô Đốc Phủ Chưởng Phủ Sự Thiếu Úy Hiệp Quận Công", thụy



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

là Toàn Tiết. Nhà thờ ở làng Vân Thê (Thừa Thiên), mộ táng trong khuôn viên nhà thờ. Ông được vua Gia Long xếp vào hàng thượng đẳng công thần, được thờ ở Thái Miếu. Đến đời vua Minh Mệnh được tấn phong là Quốc Uy công.

Bà vợ của ông húy là Nguyễn Thị Hưng, tiểu sử không rõ. Bà mất ngày 13 tháng 2 Âm lịch, mộ táng cùng một chỗ với ông, trong khuôn viên nhà thờ của phòng.

Ông có 4 người con trai là : Nguyễn Phúc Nhuận, Nguyễn Phúc Lễ, Nguyễn Phúc Thiều, Nguyễn Phúc Phan. Chỉ có hai ông Nhuận và Thiều là hiển đạt, làm quan đến Chưởng dinh.

6.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC NIÊN 阮福年

Ông húy là Nguyễn Phúc Niên, con thứ năm của đức Thái Tông. Tiểu sử không rõ, mất sớm.

Vô tự.

6.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC NHIỄU 阮福遶

Ông húy là Nguyễn Phúc Nhiễu, con thứ sáu của đức Thái Tông. Tiểu sử không rõ, mất sớm.

Vô tự.

6.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TÀO 阮福玉曹

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Tào, con gái đầu của đức Thái Tông. Mẹ là Hoàng Hậu Châu Thị Viên. Tiểu sử không rõ.

6.3.3.2B. (Khuyết danh)

Tiểu sử của bà không rõ.

Bà hạ giá lấy ông Chưởng cơ Tráng.

6.3.3.3B. (Khuyết danh)

Tiểu sử của bà không rõ.

Bà hạ giá lấy ông Chưởng cơ Đức.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ BẢY

## 7. NGUYỄN PHÚC CHU

## Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế

7.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC TUẤN

7.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC TOÀN

7.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC TRINH

7.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC QUẢNG

7.3.3.1B. (Khuyết danh)

7.3.3.2B. (Khuyết danh)

7.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NHIÊM

7.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NIỀU



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC HIỂN TÔNG HIẾU MINH HOÀNG ĐẾ

HÚY

# NGUYỄN PHÚC CHU

# (1675 – 1725)

# MINH VƯƠNG

# (Quốc Chúa)

**Ngày sinh :** 18 tháng 5 năm Ất mão
(11 – 6 – 1675)

**Ngày mất :** 21 tháng 4 năm Ất tỵ
(01 – 6 – 1725)

**Thân phụ :** Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế
Nguyễn Phúc Thái

**Thân mẫu :** Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Hậu
Tống Thị Lĩnh

**Lăng tẩm :** Trường Thanh
(Kim Ngọc, Hương Trà, Thừa Thiên)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 7.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế húy là Nguyễn Phúc Chu 阮福澍, còn húy là Tùng 松, con trưởng của đức Anh Tông Nguyễn Phúc Thái và Hoàng Hậu Tống Thị Lĩnh. Ngài sinh ngày 18 tháng 5 năm Ất mão (11–6–1675).

Thuở thiếu thời, ngài rất chăm học, chữ tốt, văn hay, võ giỏi. Ngài được phong là Tả binh đinh Phó Tướng Tộ Trường Hầu, làm phủ dệ ở cơ Tả Binh.

Năm Tân mùi (1691) đức Anh Tông băng, quần thần vâng di mệnh, tôn ngài làm : "Tiết Chế Thủy Bộ chư Dinh kiêm Tổng Nội Ngoại Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Thái Bảo Tộ Quốc Công". Bấy giờ ngài mới 17 tuổi. Năm Quí dậu (1693), sau khi mãn tang, quần thần tấn tôn ngài làm Thái phó Quốc công và đăng tôn hiệu là Quốc Chúa. Từ đấy trong các sắc dụ về nội trị, ngoại giao đều xưng là Quốc Chúa.

Theo gương Tiên đế, ngài áp dụng chính sách chiêu hiền đãi sĩ, cầu lời nói hay, nạp lời can gián, bỏ xa hoa, ít chi phí, nhẹ thuế má, giao dịch, bớt việc hình ngục nên trăm họ không ai là không mừng vui.

Tháng 8 năm Nhâm thân (1692) vua Chiêm Thành là Bà Tranh, hợp quân, đắp lũy, cướp giết cư dân ở phủ Diên Ninh. Ngài sai Nguyễn Hữu Cảnh đi đánh, bắt được Bà Tranh và bề tôi là Kế Bà Tử cùng thân thuộc là Nàng Mi Bà Ân đem về Phú Xuân. Ngài đổi đất Chiêm Thành thành trấn Thuận Thành. Năm Quí dậu (1693) ngài đổi trấn Thuận Thành làm phủ Bình Thuận, cho Kế Bà Tử làm khâm lý, con của Bà Ân làm đề đốc để xếp đặt mọi việc trong phủ hạt. Ngài buộc họ phải ăn mặc theo phong tục nước Việt.

Để ổn định phần đất mà dân Việt sang khai thác ở Chân Lạp, năm Mậu dần (1698), ngài sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố thành hai huyện : lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long, dựng dinh Trấn Biên (Biên Hòa), lấy xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn (Gia Định), đất đai được mở mang rộng rãi. Ngài cho chiêu mộ những dân phiêu bạt từ xứ từ Quảng Bình vào để lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất. Còn những người Trung Hoa ở đất Trấn Biên thì lập thành xã Thanh Hà, những người ở đất Phiên Trấn thì lập làm xã Minh Hương. Những người này đều thuộc sổ bộ nước ta.

Năm Kỷ mão (1699), Nặc Thu nước Chân Lạp, cho quân lính cướp bóc dân buôn. Ngài sai Nguyễn Hữu Cảnh đem quân đánh dẹp, Nặc Thu xin đầu hàng và nộp cống như cũ.

Năm Ất mão (1705) Nặc Thâm, con Nặc Thu, nối ngôi cha bất hòa với Nặc Yêm (vua thứ hai của Chân Lạp), nhờ Xiêm La giúp, đem binh đánh Nặc Yêm. Nặc Yêm chạy sang Gia Định cầu cứu, ngài sai tướng Nguyễn Cửu Vân đem binh đánh tan quân Xiêm. Tuy vậy, việc nước Chân Lạp vẫn chưa yên. Vào các năm Tân mão (1711) và Giáp ngọ (1714) Nặc Thâm lại vây đánh Nặc Yêm. Ngài phải cho các tướng Trần Thượng Xuyên, Nguyễn Cửu Phú đem quân đánh dẹp rồi phong cho Nặc Yêm làm vua Chân Lạp và giúp cho Nặc Yêm khí giới để phòng ngự.

Về mặt Bắc, tuy đã thôi đánh nhau với quân Trịnh, ngài vẫn lo phòng ngự cẩn thận. Năm Tân tỵ (1701), ngài sai Chưởng dinh Nguyễn Phúc Diệu, cùng Tống Phúc Tài, Nguyễn khoa Chiêm sửa sang các chính lũy từ núi Đâu Mâu đến cửa biển Nhật Lệ. Ngài sai vẽ bản đồ những nơi hiểm yếu và cho quân lính thao dượt thường xuyên.

Bấy giờ, biên thùy phía Bắc đã giữ vững, về phía Nam đất đai được khẩn hoang đến tận biên giới Chân Lạp. Trong nước việc nội trị, võ bị, giáo dục được phát triển có qui mô. Thấy Bắc Hà tuy có vua Lê nhưng quyền bính ở trong tay Chúa Trịnh. Ngài muốn tách riêng miền





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Nam thành một nước độc lập. Ngài sai Hoàng Thần và Hưng Triệt đem quốc thư và cống phẩm sang Trung Hoa cầu phong nhà Thanh. Vua Thanh cũng có ý muốn phong nhưng triều thần can rằng : "Nước Quảng Nam hùng trị một phương, Chiêm Thành, Chân Lạp đều bị thôn tính, sau tất sẽ lớn. Tuy nhiên nước An Nam còn có nhà Lê ở đó, chưa có thể phong riêng được." Do đó việc cầu phong không có kết quả.

Năm Nhâm ngọ (1702) ở biển phía Nam có giặc biển người Anh đến cướp phá, chiếm cứ đảo Côn Lôn. Đồ đảng hơn 200 người và 8 chiến thuyền, xây dựng sào huyệt kiên cố. Ngài sai Chưởng dinh Trấn biên Trương Phúc Phan tìm cách trừ khử bọn cướp. Sau nhờ mộ được 15 người Chà Và (Mã Lai) làm kế nội ứng, đốt tan được sào huyệt của giặc, tịch thu của cải đem về.

Năm Mậu tý (1708), Mạc Cửu người Lôi Châu tỉnh Quảng Đông, trước đó đến khai thác vùng đất Hà Tiên, dâng thư lên triều đình xin đem đất Hà Tiên qui thuộc miền Nam. Ngài nhận lời và phong cho Mạc Cửu làm Tổng binh trấn giữ đất Hà Tiên.

Tháng giêng năm Kỷ sửu (1709), phò mã Tống Phúc Thiệu cùng cai đội Nguyễn Cửu Khâm mưu phản, ngầm liên kết vây cánh, mưu đồ đánh chiếm Bình Khang, Phú Yên xong quay về lấy Quảng Nam rồi thẳng đến Chính dinh phóng lửa nổi loạn. Âm mưu bị bại lộ, các người chủ mưu đều bị giết. Tống Phúc Thiệu bị bãi làm thứ dân và bị tù ở vườn Bát Khải.

Tháng chạp năm Kỷ sửu (1709), ngài cho đúc Quốc bảo. Ấn khắc chữ : "Đại Việt Quốc Nguyễn Chúa Vĩnh Trấn Chi Bảo", để dùng và truyền đời này sang đời khác. Thấy nước giàu, binh mạnh ngài có ý muốn Bắc phạt. Ngài cho thám tử ra thăm dò tình hình miền Bắc, sau được tin báo về là Bắc Hà chưa thể đánh được, ngài mới không nhắc đến chuyện này nữa.

Trong thời gian ngài trị vì, ngài đóng góp rất nhiều công lao trong việc xây dựng kỷ cương Phật giáo, trùng tu chùa chiền và quảng bá đạo Phật khắp nước. Năm Giáp tuất (1694) ngài sai người sang Quảng Đông mời Hòa thượng Thích Đại Sán (tức là Thạch Liêm Hòa thượng) sang thuyết pháp về đạo Phật cho quan lại và dân chúng nghe. Hòa thượng đã tổ chức giới đàn để truyền giới bồ tát cho ngài và quyến thuộc, quan lại và 1400 tăng ni ở Phú Xuân. Ngài được ban pháp danh là Hưng Long, hiệu là Thiên Túng đạo nhân. Năm Canh dần (1710), nhân ngày Phật đản, ngài cho đúc chuông chùa Thiên Mụ nặng 3.285 cân (2.021 kg, cao 2,5 m, đường kính 1,2 m). Ngài thân làm bài minh khắc vào chuông. Tiếng vang của Đại hồng chung bao trùm cả kinh thành, không những đánh tan niềm trần tục mà còn lắng đọng trong lòng mọi người. Ca dao đã truyền tụng

*Gió đưa cành trúc la đà*

*Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.*

Năm Giáp ngọ (1714) ngài giao cho Chưởng cơ Tống Đức Đạt sửa sang chùa Thiên Mụ. Tất cả thợ khéo các nơi đều được huy động, chùa trở nên xinh đẹp và nguy nga hơn trước. Lễ khánh thành là ngày hội của dân chúng, những kho lúa của nhà nước được mở rộng để chẩn cấp cho dân nghèo.

Không những mộ đạo Phật, ngài cũng là người rất trọng đạo Nho. Lúc mới lên ngôi, ngài đã cho sửa sang Văn Miếu ở làng Triều Sơn. Văn học và thi cử được ngài chú trọng. Ngài đã cho tổ chức các khoa thi trong phủ Chúa. Trong các vị Chúa, ngài là người mến chuộng thơ văn hơn cả. Ngài đã để lại nhiều tác phẩm văn chương có giá trị.

Năm Nhâm thìn (1712), ngài cho lập phủ mới ở làng Bát Vọng huyện Quảng Điền.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Trong thời ngài, có hai chuyện mà mọi người thường nhắc nhở là ngài đã sai quan Nội tán Nguyễn Khoa Đăng dẹp bọn cướp ở truông nhà Hồ (rừng Hồ Xá, Quảng Trị) và phá tan những ngọn sóng thần nguy hiểm ở phá Tam Giang[1]

Ngày 21 tháng 4 năm Ất tỵ (01–6–1725) ngài băng, ở ngôi 34 năm, thọ 51 tuổi.

* * *

Đức Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế là vị Chúa Nguyễn thứ sáu ở miền Nam.

Trong 34 năm trị vì ngài thực hiện được nhiều công việc quan trọng :

– Việc nội trị, giáo dục và thi cử được phát triển có qui mô.

– Binh lực hùng mạnh, được các lân bang nể sợ.

– Mở mang bờ cõi đến tận biên giới Chân Lạp, lập thêm các phủ Bình Thuận và Gia Định. Chiêu mộ những người nghèo khổ đưa đi khai khẩn những vùng đất mới, lập thành làng, xã làm miền Nam ngày càng phồn thịnh.

– Dân chúng được sống ấm no, hạnh phúc.

– Ngoài ra, ngài là người thông suốt kinh sử, giỏi thi văn. Bút tích của ngài còn lưu lại nhiều nơi ở đất Thần kinh.

Ngài thuộc đời thứ bảy của họ Nguyễn Phúc, khai sáng ra hệ VII hiện nay có 27 phòng :

1. Phòng hai tức là phòng Chưởng dinh Nguyễn Phúc Thể
2. Phòng bốn tức là phòng Chưởng vệ sự Nguyễn Phúc Long
3. Phòng năm tức là phòng Nguyễn Phúc Hải
4. Phòng tám tức là phòng Luân Quốc công Nguyễn Phúc Tứ
5. Phòng chín tức là phòng Huấn Vũ Hầu Nguyễn Phúc Thể
6. Phòng mười tức là phòng Nguyễn Phúc Lân
7. Phòng mười một tức là phòng Nguyễn Phúc Chấn
8. Phòng mười hai tức là phòng Dận Quốc công Nguyễn Phúc Điền
9. Phòng mười ba tức là phòng Chưởng dinh Nguyễn Phúc Đang
10. Phòng mười bốn tức là phòng Cai cơ Nguyễn Phúc Thiện
11. Phòng mười lăm tức là phòng Cai cơ Nguyễn Phúc Khánh
12. Phòng mười sáu tức là phòng Cai cơ Nguyễn Phúc Cảo
13. Phòng mười bảy tức là phòng Chưởng cơ Nguyễn Phúc Bình
14. Phòng mười tám tức là phòng Chưởng cơ Quận công Nguyễn Phúc Tú
15. Phòng mười chín tức là phòng Chưởng vệ sự Quận công Nguyễn Phúc Truyền
16. Phòng hai mươi tức là phòng Nguyễn Phúc San
17. Phòng hai mươi mốt tức là phòng Cai đội Nguyễn Phúc Quân

---

(1) Ca dao còn truyền tụng đến bây giờ :

" – Yêu em anh cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang !
– Phá Tam Giang ngày rày đã cạn
Truông nhà Hồ Nội tán cắm nghiêm."





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

18. Phòng hai mươi hai tức là phòng Cai cơ Nguyễn Phúc Luân

19. Phòng hai mươi ba tức là phòng Cai cơ Nguyễn Phúc Bính

20. Phòng hai mươi lăm tức là phòng Chưởng dinh Nguyễn Phúc Nghiễm

21. Phòng hai mươi sáu tức là phòng Chưởng cơ Nguyễn Phúc Xuân

22. Phòng hai mươi bảy tức là phòng Thành Quận công Nguyễn Phúc Phong

23. Phòng hai mươi chín tức là phòng Chưởng cơ Nguyễn Phúc Kỷ

24. Phòng ba mươi tức là phòng Chưởng cơ Nguyễn Phúc Truyền

25. Phòng ba mươi hai tức là phòng Cai cơ Nguyễn Phúc Lộc

26. Phòng ba mươi ba tức là phòng Chưởng cơ Nguyễn Phúc Triêm

27. Phòng ba mươi bảy tức là phòng Chưởng cơ Nguyễn Phúc Độ

### 7.2.– LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Ngài mất, lăng táng tại làng Kim Ngọc (Hương Trà, Thừa Thiên). Tên lăng là Trường Thanh. Đến đời vua Gia Long, ngài được thờ tại Thái Miếu, án thứ ba bên tả.

Thế tử lên ngôi, dâng thụy hiệu là : "Đô Nguyên Súy Tổng Quốc Chính Khoan Từ Nhân Thứ Tộ Minh Vương". Đến đời Vũ Vương, ngài được truy tôn : "Anh Mô Hùng Lược Thánh Văn Tuyên Đạt Khoan Từ Nhân Thứ Hiếu Minh Vương." Vua Gia Long truy tôn : "Anh Mô Hùng Lược Thánh Văn Tuyên Đạt Khoan Từ Nhân Thứ Hiếu Minh Hoàng Đế." Miếu hiệu là Hiển Tông.

### 7.3.– GIA ĐÌNH

#### 7.3.1. Hậu và phi

Ngoài Hoàng Hậu, ngài còn một số các bà phi. Tài liệu để kê cứu bây giờ không còn nữa. Danh tánh các vị được tìm ra từ gia phả hoặc nhà thờ của các vị Hoàng tử.

##### 7.3.1.1. TỐNG THỊ ĐƯỢC 宋 氏 特
Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Hậu

Bà húy là Tống Thị Được, còn có tên là Quyền, bà nguyên họ Hồ, khi nhập cung đổi qua họ Tống, chánh quán làng Hương Cần (Hương Trà, Thừa Thiên), sinh năm Canh thân (1680). Bà là con của quan Chưởng dinh Hồ Văn Mai.

Khi tiến cung bà được xếp vào bậc Hữu Cung tần rồi được tấn phong lên bậc Chiêu Nghi. Bà tính tình nhân từ, thuần hậu và cung kính. Mọi người trong cung đều cảm mến ân đức của bà.

Bà mất ngày 12 tháng 2 năm Bính thân (5–3–1716), hưởng đương 37 tuổi, được phong tặng là "Minh Phi Liệt Phu Nhân" thụy là Từ Tuệ. Lăng táng tại làng Trúc Lâm (Hương Trà, Thừa Thiên). Vũ Vương truy tôn : "Từ Huệ Cung Thục Kính Phi", sau thêm hai chữ Ý Đức. Vua Gia Long truy tôn : "Từ Huệ Cung Thục Ý Đức Kính Mục Hiếu Minh Hoàng Hậu", đặt tên lăng là Vĩnh Thanh. Bà được phối thờ với đức Hiển Tông ở Thái Miếu, án thứ ba bên tả.

Bà sinh được hai trai : con trưởng là Nguyễn Phúc Thụ, sau này là Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế, con thứ hai là Nguyễn Phúc Tứ về sau được tấn phong là Luân Quốc công.

##### 7.3.1.2. NGUYỄN THỊ LAN 阮 氏 蘭
Kính Phi phu nhân

Bà húy là Nguyễn Thị Lan, con gái của Tham chính Nguyễn Hữu Hạp.





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Khi tiến cung bà được xếp vào bậc Hữu Cung tần rồi được tấn phong lên bậc Chính Nội phủ. Bà mất năm Giáp ngọ (1714), được truy tôn làm Phu nhân, thụy là Từ Đức, táng ở làng Trúc Lâm (Hương Trà, Thừa Thiên). Nhà thờ ở làng Hà Khê (Thừa Thiên).

– Bà là thân mẫu của Dận Quốc công Nguyễn Phúc Điền.

7.3.1.3. TRẦN THỊ NGHI 陳氏儀
Tu Dung phu nhân

Bà húy là Trần Thị Nghi, tiểu sử không rõ. Bà là thân mẫu của các Hoàng tử Nguyễn Phúc Thể. Nguyễn Phúc Truyền.

7.3.1.4. LÊ THỊ TUYÊN 黎氏宣
Hữu Cung tần

Bà húy là Lê Thị Tuyên. Tiểu sử không rõ. Bà là thân mẫu của Hoàng tử Nguyễn Phúc Long.

7.3.1.5. TỐNG THỊ LƯỢNG 宋氏量
Hữu Cung tần

Bà húy là Tống Thị Lượng. Tiểu sử không rõ. Bà là thân mẫu của Hoàng nữ Nguyễn Phúc Ngọc Sáng.

**7.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ**

Theo Liệt truyện, đức Hiển Tông có cả thảy 146 người con. Nhưng theo Hoàng tử phổ và Hoàng nữ phổ, ngài có 38 Hoàng tử và 4 Hoàng nữ.

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Thụ | 1. Nguyễn Phúc Ngọc Sáng |
| 2. Nguyễn Phúc Thể | 2. Nguyễn Phúc Ngọc Phụng |
| 3. Khuyết danh | 3. Nguyễn Phúc Ngọc Nhật |
| 4. Nguyễn Phúc Long | 4. Khuyết danh |
| 5. Nguyễn Phúc Hải | |
| 6. Khuyết danh | |
| 7. Nguyễn Phúc Liêm | |
| 8. Nguyễn Phúc Tứ | |
| 9. Nguyễn Phúc Thể | |
| 10. Nguyễn Phúc Lân | |
| 11. Nguyễn Phúc Chấn | |
| 12. Nguyễn Phúc Điền | |
| 13. Nguyễn Phúc Đăng | |
| 14. Nguyễn Phúc Thiện | |
| 15. Nguyễn Phúc Khánh | |
| 16. Nguyễn Phúc Cảo | |
| 17. Nguyễn Phúc Bình | |
| 18. Nguyễn Phúc Tú | |
| 19. Nguyễn Phúc Truyền | |
| 20. Nguyễn Phúc Sang | |
| 21. Nguyễn Phúc Quận | |
| 22. Nguyễn Phúc Luân | |
| 23. Nguyễn Phúc Bính | |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

24. Nguyễn Phúc Tông
25. Nguyễn Phúc Nghiễm
26. Nguyễn Phúc Xuân
27. Nguyễn Phúc Phong
28. Nguyễn Phúc Hạo
29. Nguyễn Phúc Kỷ
30. Nguyễn Phúc Tuyền
31. Nguyễn Phúc Hanh
32. Nguyễn Phúc Lộc
33. Nguyễn Phúc Triêm
34. Nguyễn Phúc Khiêm
35. Khuyết danh
36. Khuyết danh
37. Nguyễn Phúc Độ
38. Nguyễn Phúc Tài

**7.3.3. Anh chị em**

7.3.3.2A. **NGUYỄN PHÚC TUÂN** 阮福遵

Ông húy là Nguyễn Phúc Tuân, con thứ hai của đức Anh Tông. Tiểu sử không rõ. Ông mất sớm. Vô tự.

7.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC TOÀN 阮福全

Ông húy là Nguyễn Phúc Toàn, con thứ ba của đức Anh Tông. Tiểu sử không rõ. Ông mất sớm. Vô tự.

7.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC TRINH 阮福貞

Ông húy là Nguyễn Phúc Trinh, con thứ tư của đức Anh Tông. Tiểu sử không rõ. Ông làm quan đến chức Ngoại tả Chưởng dinh. Năm mất không rõ. Vô tự.

7.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC QUẢNG 阮福廣

Ông húy là Nguyễn Phúc Quảng, con thứ năm của đức Anh Tông. Tiểu sử không rõ. Ông mất sớm. Vô tự.

7.3.3.1B. (Khuyết danh)

Bà là trưởng nữ của đức Anh Tông. Tiểu sử không rõ. Bà hạ giá lấy ông Tín Quận công (không biết rõ họ).

7.3.3.2B. (Khuyết danh)

Bà là con gái thứ hai của đức Anh Tông. Tiểu sử không rõ. Bà hạ giá lấy ông Tài Quận công (không biết rõ họ).

7.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NHIỄM 阮福玉冉

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Nhiễm, con gái thứ ba của đức Anh Tông. Tiểu sử không rõ. Bà hạ giá lấy ông Chưởng dinh Trương Phúc Phan.

Bà mất năm Quí mùi (1703), được phong tặng là Tống sơn Quận công Thục Phu Nhân, mộ tại làng Định môn.

7.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NIỆU 阮福玉嫋

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Niệu, con gái thứ tư của đức Anh Tông. Tiểu sử không rõ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ TÁM

## 8. NGUYỄN PHÚC THỤ
## Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế

8.3.3.2.A. NGUYỄN PHÚC THỂ
8.3.3.3.A. (Khuyết danh)
8.3.3.4.A. NGUYỄN PHÚC LONG
8.3.3.5.A. NGUYỄN PHÚC HẢI
8.3.3.6.A. (Khuyết danh)
8.3.3.7.A. NGUYỄN PHÚC LIÊM
8.3.3.8.A. NGUYỄN PHÚC TỪ
8.3.3.9.A. NGUYỄN PHÚC THỂ
8.3.3.10.A. NGUYỄN PHÚC LÂN
8.3.3.11.A. NGUYỄN PHÚC CHẤN
8.3.3.12.A. NGUYỄN PHÚC DIỄN
8.3.3.13.A. NGUYỄN PHÚC DẬNG
8.3.3.14.A. NGUYỄN PHÚC THIỆN
8.3.3.15.A. NGUYỄN PHÚC KHÁNH
8.3.3.16.A. NGUYỄN PHÚC CẢO
8.3.3.17.A. NGUYỄN PHÚC BÌNH
8.3.3.22.A. NGUYỄN PHÚC LUÂN
8.3.3.23.A. NGUYỄN PHÚC BÍNH
8.3.3.24.A. NGUYỄN PHÚC TÔNG
8.3.3.25.A. NGUYỄN PHÚC NGHIỄM
8.3.3.26.A. NGUYỄN PHÚC XUÂN
8.3.3.27.A. NGUYỄN PHÚC PHONG
8.3.3.28.A. NGUYỄN PHÚC HẠO
8.3.3.29.A. NGUYỄN PHÚC KỶ
8.3.3.30.A. NGUYỄN PHÚC TUYỀN
8.3.3.31.A. NGUYỄN PHÚC HẠNH
8.3.3.32.A. NGUYỄN PHÚC LỘC
8.3.3.33.A. NGUYỄN PHÚC TRIÊM
8.3.3.34.A. NGUYỄN PHÚC KHIÊM
8.3.3.35.A. (Khuyết danh)
8.3.3.36.A. (Khuyết danh)
8.3.3.37.A. NGUYỄN PHÚC DỘ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

8.3.3.18.A. NGUYỄN PHÚC TÚ

8.3.3.19.A. NGUYỄN PHÚC TRUYỀN

8.3.3.20.A. NGUYỄN PHÚC SANG

8.3.3.21.A. NGUYỄN PHÚC QUẬN

8.3.3.38.A. NGUYỄN PHÚC TÀI

8.3.3.1.B. NGUYỄN PHÚC NGỌC SÁNG

8.3.3.2.B. NGUYỄN PHÚC NGỌC PHỤNG

8.3.3.3.B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NHẬT

8.3.3.4.B. (Khuyết danh)

# ĐỨC TÚC TÔNG HIẾU NINH HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC THỤ

## (1697 – 1738)

## NINH VƯƠNG

Ngày sinh : 22 tháng chạp năm Bính tý
(14 – 1 – 1697)

Ngày mất : 20 tháng 4 năm Mậu ngọ
(7 – 6 – 1738)

Thân phụ : Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế
Nguyễn Phúc Chu

Thân mẫu : Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Hậu
Tống Thị Dược

Táng tẩm : Trường Phong
(Đình Môn, Hương Trà, Thừa Thiên)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 8.1.- THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế húy là Nguyễn Phúc Thụ 阮福澍, con trưởng của đức Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu và Hoàng Hậu Tống Thị Được. Ngài sinh ngày 22 tháng chạp năm Bính tý (14–1–1697).

Ban đầu, ngài được phong chức Cai cơ, tước Đinh Thịnh Hầu. Năm Ất mùi (1715), ngài được thăng Chưởng cơ.

Tháng 4 năm Ất tỵ (1725), đức Hiển Tông băng, quần thần vâng di mệnh, tôn ngài làm : "Tiết Chế Thủy Bộ Chư Dinh Kiêm Tổng Nội Ngoại Quân Quốc Trọng Sự Thái Phó Đinh Quốc Công". Lúc này ngài đã 30 tuổi.

Ngài dùng đức trị dân, ban những huấn điều trong dân như cấm rượu chè cờ bạc, giữ gìn luân thường đạo lý. Ngài tiếp tục công cuộc mở mang đất đai của các đời trước.

Năm Tân hợi (1731), nhân người Ai Lao là Sà Tốt đem quân Chân Lạp vào đánh Gia Định, ngài sai Thống suất Trương Phúc Vĩnh cùng Trấn đại dinh Nguyễn Cửu Triêm hai mặt tiến đánh, dẹp tan giặc, lấy đất mở châu Định Viễn. Dựng dinh Long Hồ (Vĩnh Long), đưa dân đến lập nghiệp thành một vùng trù phú của đất nước.

Năm Ất mão (1735) Mạc Cửu ở Hà Tiên mất, ngài sắc ban cho tước "Khai Trấn Thượng Trụ Đại Tướng Quân" và cho con là Mạc Thiên Tứ làm Đô đốc trấn Hà Tiên, ngài cho mở cục đúc tiền để tiện giao dịch, đắp thành lũy bảo vệ cho dân chúng khỏi bị giặc cướp và lập chợ cho dân chúng buôn bán nên khách thương ngoại quốc tụ tập rất đông. Ngài còn cho dựng một ngôi nhà gọi là Chiêu anh các, mời những người học rộng, hiểu nhiều đến giảng luận văn chương, từ đó dân Hà Tiên mới bắt đầu mở mang việc học.

Ngài là người có đầu óc tiến bộ. Năm Ất mão (1735), nhân có đồng hồ của các nước phương Tây đem qua bán gọi là tự minh chung (đồng hồ náo), ngài sai thợ phỏng theo kiểu mà làm và cho các quan dùng.

Ngày 20 tháng 4 năm Mậu ngọ (7–6–1738), ngài băng, ở ngôi 13 năm, thọ 43 tuổi.

* * *

Đức Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế là vị Chúa Nguyễn thứ bảy trị vì ở miền Nam.

Ngài là vị Chúa tài kiêm văn võ, mộ đạo Phật, hiệu là Vân Tuyền đạo nhân, lấy đức trị dân. Tuy thời gian trị vì không dài, ngài đã kế tục được sự nghiệp của các bậc tiên vương : khai sáng và mở mang bờ cõi về phương Nam. Ngài đã mở rộng và khai khẩn châu Định Viễn, dựng nên dinh Long Hồ.

Ngài thuộc đời thứ 8 của họ Nguyễn Phúc, khai sáng ra hệ VIII hiện nay gồm 2 phòng :

1. Phòng 2 tức là phòng Nghiễm Quận công

2. Phòng 3 tức là phòng Tường Quang Hầu

## 8.2.- LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Ngài mất, lăng táng tại làng Định Môn (Hương Trà, Thừa Thiên). Tên lăng là Trường Phong. Đến đời vua Gia Long, ngài được thờ tại Thái Miếu, ăn thứ ba bên hữu.

Thế tử lên ngôi, dâng thụy hiệu là : "Đại Đô Thống Tổng Quốc Chính Tuyên Quang Thiệu Liệt Tuấn Triết Tĩnh Uyên Kinh Văn Vĩ Vũ Hiếu Ninh Vương".



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Bính dần (1806), vua Gia Long truy tôn : "Tuyên Quang Thiệu Liệt Tuấn Triết Tĩnh Uyên Kinh Văn Vĩ Vũ Hiếu Ninh Hoàng Đế", miếu hiệu là Túc Tông.

## 8.3.- GIA ĐÌNH

### 8.3.1. Hậu và phi

Ngoài Hoàng Hậu, ngài còn một số các bà phi. Tài liệu để kê cứu bây giờ không còn nữa. Danh tánh các vị được tìm ra từ gia phả các phòng hoặc tại nhà thờ các vị Hoàng tử.

8.3.1.1. TRƯƠNG THỊ THƯ 張氏書
Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Hậu

Bà húy là Trương Thị Thư, chánh quán huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hóa. Bà sinh năm Kỷ mão (1699), con của quan Chưởng dinh Trương Phúc Phan.

Bà vào hầu đức Túc Tông trong thời kỳ tiềm để, sau được phong lên bậc Nhã cơ.

Bà mất ngày 16 tháng 7 năm Canh tí (19–8–1720), hưởng dương 22 tuổi, được truy tặng là Tu Dung Á Phu Nhân. Đến đời Vũ Vương bà được tôn lên Từ Ý Quang Thuận Thục Phi. Vua Gia Long truy tôn : "Từ Ý Quang Thuận Chiêu Hiến Thục Huệ Hiếu Ninh Hoàng Hậu", tên lăng là Vĩnh Phong, táng ở làng Long Hồ (Hương Trà, Thừa Thiên). Bà được phối thờ với đức Túc Tông ở Thái Miếu, án thứ ba bên hữu.

Bà là thân mẫu của Hoàng trưởng tử Nguyễn Phúc Khoát (Thế Tông Hoàng Đế) và Hoàng tử thứ hai Nguyễn Phúc Du.

8.3.1.2. NGUYỄN THỊ TA 阮氏些
Hữu Cung tần

Bà húy là Nguyễn Thị Ta. Tiểu sử không rõ.

Bà là thân mẫu của Hoàng tử thứ ba Nguyễn Phúc Tường.

8.3.1.3. TRƯƠNG THỊ HOẶC 張氏或
Tả Cung tần

Bà húy là Trương Thị Hoặc. Tiểu sử không rõ.

Bà là thân mẫu của Hoàng nữ Nguyễn Phúc Ngọc Thường.

### 8.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ

Đức Túc Tông có 3 Hoàng tử và 6 Hoàng nữ

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Khoát | 1. (Khuyết danh) |
| 2. Nguyễn Phúc Du | 2. Nguyễn Phúc Ngọc Thường |
| 3. Nguyễn Phúc Tường | 3. Nguyễn Phúc Ngọc San |
| | 4. Nguyễn Phúc Ngọc Duyên |
| | 5. Nguyễn Phúc Ngọc Biên |
| | 6. Nguyễn Phúc Ngọc Uyển |

### 8.3.3. Anh chị em

8.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC THỂ 阮福體
Chưởng dinh

Ông húy là Nguyễn Phúc Thể, con thứ hai của đức Hiển Tông, mẹ là Tu Dung phu nhân Trần Thị Nghi. Ông sinh ngày 8 tháng 7 năm Kỷ tỵ (22–8–1689). Tiểu sử không rõ. Chỉ biết ông làm chức Thủy cơ Chưởng cơ và khi mất được truy tặng chức Chưởng dinh.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 23 tháng 9 năm Nhâm ngọ (8–11–1762), thọ 74 tuổi. Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Phủ thờ ở làng An Nong (Phú Lộc, Thừa Thiên).

Ông có 7 người con trai là : Nguyễn Phúc Mẫn, Nguyễn Phúc Thưởng, Nguyễn Phúc Tạo, Nguyễn Phúc Hội, Nguyễn Phúc Chiêm, Nguyễn Phúc Bạc, Nguyễn Phúc Thi.

8.3.3.3A. (Khuyết danh)

Không rõ tiểu sử.

8.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC LONG 阮福龍
Chưởng vệ sự

Ông húy là Nguyễn Phúc Long, con thứ tư của đức Hiển Tông, mẹ là Hữu Cung tần Lê Thị Tuyên. Ông sinh ngày 8 tháng 3 năm Quí dậu (13–4–1693). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Chưởng vệ sự.

Ông mất ngày mồng 1 tháng 4 năm Quí hợi (24–4–1743). Lăng táng tại làng Cư Chánh (Hương Thủy, Thừa Thiên). Phủ thờ ở phường An Cựu (thành phố Huế).

Ông có 4 người con trai là : Nguyễn Phúc Huy, Nguyễn Phúc Bính, Nguyễn Phúc Kính, Nguyễn Phúc Hân.

8.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC HẢI 阮福海

Ông húy là Nguyễn Phúc Hải, con thứ năm của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 20 tháng 9 âm lịch (không rõ năm mất). Lăng táng tại làng Long Hồ (Hương Thủy, Thừa Thiên). Phủ thờ ở phường An Cựu (thành phố Huế).

Ông có hai người con trai là : Nguyễn Phúc Y và Nguyễn Phúc Cự.

8.3.3.6A. (Khuyết danh)

Không rõ tiểu sử.

8.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC LIÊM 阮福濂

Ông húy là Nguyễn Phúc Liêm, con thứ bảy của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 25 tháng 10 Âm lịch (không rõ năm mất). Lăng táng tại làng Băng Lăng (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có hai người con trai là : Nguyễn Phúc Mặc và Nguyễn Phúc Xí.

8.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC TỨ 阮福泗
Luân Quốc công

Ông húy là Nguyễn Phúc Tứ, con thứ tám của đức Hiển Tông, còn có tên là Đán Mẹ là Hoàng Hậu Tống Thị Được. Ông sinh ngày 28 tháng chạp năm Kỷ mão (16–2–1700).

Ông làm quan chức Nội hữu Cai đội. Ông là người có khí phách, thông thạo kinh sử và giỏi thơ quốc âm. Vì ông có tài nên bị nhiều người ghen ghét, về sau ông xin về hưu. Đức Túc Tông cho dựng phủ ở làng Hương Cần (Hương Trà, Thừa Thiên) để ông ở. Những bài thơ trữ tình của ông được người đời truyền tụng.

Ông mất ngày 18 tháng 6 năm Quí dậu (18–7–1753), lúc 55 tuổi được truy tặng Thiếu sư Luân Quốc công. Lăng táng tại làng Võ Xá (Hương Trà, Thừa Thiên). Nhà thờ ở làng Hương Cần (Hương Trà, Thừa Thiên).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông có 5 người con trai là : Nguyễn Phúc Dực, Nguyễn Phúc Tĩnh, Nguyễn Phúc Thăng, Nguyễn Phúc Túc và Nguyễn Phúc Hộ. Ông Dực học rộng, có nhiều tài, làm quan chức Chưởng cơ. Các ông Tĩnh và ông Thăng làm quan chức Chưởng dinh, tước Quận công.

### 8.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC THỂ[1] 阮福泚
Huấn Vũ Hầu

Ông húy là Nguyễn Phúc Thể, con thứ 9 của đức Hiển Tông, còn có tên là Đường, mẹ là bà Hoàng Thị Duyên. Ông sinh ngày 16 tháng 10 năm Kỷ mão (6–12–1699). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Chưởng cơ cơ Tả thủy.

Ông mất ngày 23 tháng 7 năm Quí mùi (31–8–1763) lúc 66 tuổi, được truy tặng chức Tả Quân Đô Đốc Chưởng Phủ Sự, Chưởng dinh Huấn Vũ Hầu. Lăng táng tại làng Lang Xá (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Lương Quán (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 7 người con trai là : Nguyễn Phúc Giảng, Nguyễn Phúc Hội, Nguyễn Phúc Ngũ, Nguyễn Phúc Tín, Nguyễn Phúc Hoan, Nguyễn Phúc Cấu và Nguyễn Phúc Trí.

### 8.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC LÂN 阮福磷

Ông húy là Nguyễn Phúc Lân, con thứ 10 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 12 tháng 2 Âm lịch. Lăng táng tại làng Trúc Lâm (Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Lương Quán (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có một người con trai là Nguyễn Phúc Duẫn.

### 8.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC CHẤN 阮福稹

Ông húy là Nguyễn Phúc Chấn, con thứ 11 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 12 tháng 2 năm Mậu ngọ (31–3–1738). Lăng táng tại làng Cư Chánh (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Định Môn (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 6 người con trai là : Nguyễn Phúc Thạc, Nguyễn Phúc Đàm, Nguyễn Phúc Tuyết, Nguyễn Phúc Vân, Nguyễn Phúc Bá và Nguyễn Phúc Lượng.

### 8.3.3.12A. NGUYỄN PHÚC ĐIỀN 阮福沺
Thái bảo Dận Quốc công

Ông húy là Nguyễn Phúc Điền, con thứ 12 của đức Hiển Tông, mẹ là Kính phi Nguyễn Thị Lan. Ông sinh ngày 25 tháng 2 năm Canh thìn (14–4–1700). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Hữu thủy Cai đội.

Ông mất ngày 18 tháng 6 năm Kỷ mùi (23–7–1739), lúc 40 tuổi, được truy tặng là Thái bảo Dận Quốc công. Lăng táng tại làng Định Môn (Hương Trà, Thừa Thiên), nhà thờ ở chùa Phước Thành (An Cựu, Huế).

Ông có 4 người con trai là : Nguyễn Phúc Viện, Nguyễn Phúc Khâm, Nguyễn Phúc Tuyển và Nguyễn Phúc Nghiễm và một người con gái là Nguyễn Phúc Ngọc Cầu. (Các ông con trai đều làm quan chức Chưởng cơ, Chưởng dinh và bà con gái là ái phi của Vũ Vương).

### 8.3.3.13A. NGUYỄN PHÚC ĐĂNG 阮福澄
Chưởng dinh

Ông húy là Nguyễn Phúc Đăng, con thứ 13 của đức Hiển Tông, mẹ là Hữu Cung tần Lê Thị Hoa. Ông sinh ngày 2 tháng 4 năm Nhâm ngọ (28–4–1702). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Chưởng cơ.

---

(1) Cùng âm với tên của anh thứ hai 8.3.3.2A



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 19 tháng giêng năm Quí mùi (3–3–1763) được truy tặng chức Chưởng dinh. Lăng táng tại làng Dương Hòa (Hương Trà, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Vạn Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có hai người con trai là : Nguyễn Phúc Cẩn và Nguyễn Phúc Uẩn.

8.3.3.14A. NGUYỄN PHÚC THIỆN 阮福繕

Cai cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Thiện, con thứ 14 của đức Hiển Tông, mẹ là bà Nguyễn Thị Tha. Ông sinh ngày 10 tháng 2 năm Quí mùi (26–3–1703). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Cai đội.

Ông mất ngày 12 tháng giêng năm Kỷ tỵ (28–2–1749), được truy tặng chức Cai cơ. Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên), không rõ nhà thờ ở đâu.

Ông có 2 người con trai là : Nguyễn Phúc Đức và Nguyễn Phúc Gia.

8.3.3.15A. NGUYỄN PHÚC KHÁNH 阮福慶

Cai cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Khánh, con thứ 15 của đức Hiển Tông, mẹ là bà Trương Thị Khuê. Ông sinh ngày 16 tháng 5 năm Giáp thân (17–6–1704). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Cai đội.

Ông mất ngày 18 tháng 5 năm Mậu thìn (13–6–1748) lúc 45 tuổi, được truy tặng chức Cai cơ. Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Vĩnh Hòa (Thừa Thiên).

Ông có 3 người con trai là : Nguyễn Phúc Đao, Nguyễn Phúc Hạc và Nguyễn Phúc Điền.

8.3.3.16A. NGUYỄN PHÚC CẢO 阮福杲

Cai cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Cảo, con thứ 16 của đức Hiển Tông, mẹ là bà Tống Thị Sáng. Ông sinh ngày 27 tháng 4 năm Bính tuất (7–6–1706). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Cai đội.

Ông mất ngày 14 tháng 4 năm Nhâm ngọ (7–5–1762), lúc 57 tuổi, được truy tặng chức Cai cơ. Lăng táng tại phường An Cựu (Huế), nhà thờ ở phường An Cựu.

Ông có 6 người con trai là : Nguyễn Phúc Mỹ, Nguyễn Phúc Tường, Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Kế, Nguyễn Phúc Gia và Nguyễn Phúc Nghị.

8.3.3.17A. NGUYỄN PHÚC BÌNH 阮福平

Chưởng cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Bình, con thứ 17 của đức Hiển tông. Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Chưởng cơ.

Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Phú Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 1 người con trai là : Nguyễn Phúc Kính.

8.3.3.18A. NGUYỄN PHÚC TÚ 阮福秀

Chưởng cơ Quận công

Ông húy là Nguyễn Phúc Tú, con thứ 18 của đức Hiển Tông, mẹ là bà Nguyễn Thị Gia. Tiểu sử không rõ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 8 tháng 7 Âm lịch (không rõ năm mất), được truy tặng chức Chưởng cơ, tước Quận công. Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Phú Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 3 người con trai là : Nguyễn Phúc Thắng, Nguyễn Phúc Uyên và Nguyễn Phúc Dật.

### 8.3.3.19A. NGUYỄN PHÚC TRUYỀN 阮福傳
Chưởng vệ sự Quận công

Ông húy là Nguyễn Phúc Truyền, con thứ 19 của đức Hiển Tông, mẹ là bà Hoàng Thị Duyên. Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Cai cơ.

Ông mất ngày 1 tháng giêng Âm lịch (không rõ năm mất), được truy tặng chức Chưởng vệ sự Quận công. Lăng táng tại làng Châu Chữ (Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Long Hồ (Thừa Thiên).

Ông có 2 người con trai là : Nguyễn Phúc Thùy, Nguyễn Phúc Nghi.

### 8.3.3.20A. NGUYỄN PHÚC SAN 阮福汕

Ông húy là Nguyễn Phúc San, con thứ 20 của đức Hiển Tông, sinh ngày 2 tháng 3 năm Đinh hợi. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 12 tháng 4 năm Ất dậu (31–5–1765) lúc 59 tuổi. Lăng táng tại làng Trúc Lâm (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở thôn Băng Lăng (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 2 người con trai là : Nguyễn Phúc Kiên và Nguyễn Phúc Thuận.

### 8.3.3.21A. NGUYỄN PHÚC QUẬN 阮福郡
Cai đội

Ông húy là Nguyễn Phúc Quận, con thứ 21 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Cai đội.

Ông mất ngày 29 tháng 10 Âm lịch (năm mất không rõ). Lăng táng tại phường An Cựu (Huế), nhà thờ ở làng Bàng Môn (Phú Lộc, Thừa Thiên).

Ông có 1 người con trai là : Nguyễn Phúc Dực.

### 8.3.3.22A. NGUYỄN PHÚC LUÂN 阮福倫
Cai cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Luân, con thứ 22 của đức Hiển Tông, còn có tên là Yểm. Ông sinh ngày 8 tháng giêng năm Mậu tý (30–1–1708). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Cai đội.

Ông mất ngày 3 tháng 9 năm Mậu thìn (24–10–1748), lúc 41 tuổi, được truy tặng chức Cai cơ. Lăng táng tại làng Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Phú Xuân (Thừa Thiên).

Ông có 3 người con trai là : Nguyễn Phúc Bửu, Nguyễn Phúc Ý và Nguyễn Phúc Nho.

### 8.3.3.23A. NGUYỄN PHÚC BÍNH 阮福柄
Cai cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Bính, con thứ 23 của đức Hiển Tông, mẹ là bà Lê Thị Viên. Ông sinh ngày 5 tháng 10 năm Mậu tý (16–11–1708). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Cai đội.

Ông mất ngày 16 tháng 4 năm Ất dậu (4–6–1765), lúc 58 tuổi, được truy tặng chức Cai cơ. Lăng táng tại làng Trúc Lâm (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng An Vân (Thừa Thiên).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông có 4 người con trai là : Nguyễn Phúc Khuông, Nguyễn Phúc Tuyên, Nguyễn Phúc Lương và Nguyễn Phúc Di.

### 8.3.3.24A. NGUYỄN PHÚC TÔNG 阮福宗

Ông húy là Nguyễn Phúc Tông, con thứ 24 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 10 tháng 8 năm Âm lịch (năm mất không rõ). Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ không rõ.

Ông có 1 người con trai là : Nguyễn Phúc Bán.

### 8.3.3.25A. NGUYỄN PHÚC NGHIỄM 阮福嚴
Chưởng dinh

Ông húy là Nguyễn Phúc Nghiễm, con thứ 25 của đức Hiển Tông, còn có tên là Mạnh, mẹ là bà Lê Thị Chinh. Tiểu sử không rõ.

Ông làm quan chức Chưởng cơ, về vui thú điền viên ở làng Vân Dương (Hương Thủy, Thừa Thiên) người ta thường gọi là Viên Công và chợ ở đó cũng gọi là chợ Viên Công.

Ông mất ngày 23 tháng 9 Âm lịch (năm mất không rõ), được truy tặng chức Chưởng dinh. Lăng táng tại làng Thanh Thủy (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở phường An Cựu (Huế).

Ông có 2 người con trai là : Nguyễn Phúc Kỳ và Nguyễn Phúc Xuân.

### 8.3.3.26A. NGUYỄN PHÚC XUÂN 阮福春
Chưởng cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Xuân, con thứ 26 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Chưởng cơ.

Ông mất ngày 6 tháng 2 Âm lịch (không rõ năm mất). Lăng táng tại phường An Cựu (Huế), nhà thờ ở phường An Cựu (Huế).

Ông có 1 người con trai là Nguyễn Phúc Thái.

### 8.3.3.27A. NGUYỄN PHÚC PHONG 阮福澧
Thiếu bảo Thành Quận công

Ông húy là Nguyễn Phúc Phong, con thứ 27 của đức Hiển Tông, còn có tên là Mạch, mẹ là Chiêu phi Nguyễn Thị Biện. Ông sinh ngày 18 tháng 2 năm Kỷ sửu (28–3–1709). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Chưởng cơ cơ Hậu dực.

Ông mất ngày 24 tháng 9 năm Giáp tuất (8–11–1754), lúc 46 tuổi, được truy tặng Thiếu bảo Thành Quận công. Lăng táng tại làng Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Phú Xuân (Thừa Thiên).

Ông có 2 người con trai là : Nguyễn Phúc Tiến và Nguyễn Phúc Đạo.

### 8.3.3.28A. NGUYỄN PHÚC HẠO 阮福昊

Ông húy là Nguyễn Phúc Hạo, con thứ 28 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 22 tháng 2 Âm lịch (không rõ năm mất). Lăng táng tại làng Cư Chánh (Hương Thủy, Thừa Thiên).

### 8.3.3.29A. NGUYỄN PHÚC KỶ 阮福紀
Chưởng cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Kỷ, con thứ 29 của đức Hiển Tông, mẹ là bà Hoàng Thị Duyên. Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Chưởng cơ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 15 tháng 4 năm Quí hợi (8–5–1743). Lăng táng tại phường An Cựu (Huế) nhà thờ ở làng Long Hồ (Thừa Thiên).

Ông có 2 người con trai là : Nguyễn Phúc Chiêu và Nguyễn Phúc Tuy.

8.3.3.30A. NGUYỄN PHÚC TUYỀN 阮福睊

Chưởng cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Tuyền, con thứ 30 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Chưởng cơ.

Ông mất ngày 5 tháng 3 Âm lịch (năm mất không rõ). Lăng táng tại làng Cư Chính (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Vĩnh Hòa (Diêm Trường, Phú Lộc).

Ông có 1 người con trai là Nguyễn Phúc Huyên.

8.3.3.31A. NGUYỄN PHÚC HANH 阮福享

Ông húy là Nguyễn Phúc Hanh, con thứ 31 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông có một người con là Nguyễn Phúc Khánh.

8.3.3.32A. NGUYỄN PHÚC LỘC 阮福祿

Cai cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Lộc, con thứ 32 của đức Hiển Tông, mẹ là bà Lê Thị Viên. Ông sinh ngày 12 tháng 7 năm Nhâm thìn (13–8–1712). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Cai đội.

Ông mất ngày 20 tháng 6 năm Giáp ngọ (28–7–1774), lúc 63 tuổi, được truy tặng chức Cai cơ. Lăng táng tại làng Thanh Thủy (Hương Thủy, Thừa Thiên) nhà thờ ở làng Phú Xuân (Thừa Thiên).

Ông có 2 người con trai là : Nguyễn Phúc Hợp và Nguyễn Phúc Tuấn.

8.3.3.33A. NGUYỄN PHÚC TRIÊM 阮福霑

Chưởng cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Triêm, con thứ 33 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ. Ông sinh ngày 29 tháng giêng năm Ất tỵ (13–3–1725).

Ông mất ngày 3 tháng 7 năm Mậu thân (4–8–1788) lúc 64 tuổi, được truy tặng chức Chưởng cơ. Lăng táng tại phường An Cựu (Huế), nhà thờ ở làng Phú An (Diêm Trường, Thừa Thiên).

Ông có 3 người con trai là : Nguyễn Phúc Tụy, Nguyễn Phúc Lập và Nguyễn Phúc Nông.

8.3.3.34A. NGUYỄN PHÚC KHIÊM 阮福謙

Ông húy là Nguyễn Phúc Khiêm, con thứ 34 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 17 tháng 5 Âm lịch (năm mất không rõ), lăng táng tại làng Bãng Lãng (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 1 con trai là Nguyễn Phúc Lượng.

8.3.3.35A. (Khuyết danh)

Tiểu sử không rõ.

8.3.3.36A. (Khuyết danh)

Tiểu sử không rõ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

8.3.3.37A. NGUYỄN PHÚC ĐỘ 阮福度

Chưởng cơ

Ông húy là Nguyễn Phúc Độ, con thứ 37 của đức Hiển Tông, bà mẹ họ Tống. Ông sinh ngày 6 tháng 5 năm Ất tỵ (16–6–1725). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Chưởng cơ.

Ông mất ngày 18 tháng 5 năm Nhâm thân (29–6–1752) lúc 28 tuổi. Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Phú Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 1 con trai là Nguyễn Phúc Kiêm.

8.3.3.38A. NGUYỄN PHÚC TÀI 阮福財

Ông húy là Nguyễn Phúc Tài, con thứ 38 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 17 tháng 7 Âm lịch (năm mất không rõ), lăng táng tại làng Phú Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 2 người con trai là : Nguyễn Phúc Tráng và Nguyễn Phúc Thạnh.

8.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC SÁNG 阮福王創

Tống sơn Quận quân

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Sáng, trưởng nữ của đức Hiển Tông, mẹ là Hữu cung tần Tống Thị Lượng. Chồng bà là ông Tống Văn Xuân (chức Cai cơ).

Bà mất năm Tân sửu (1721), được truy tặng là Tống sơn Quận quân Trinh phu nhân, thụy là Từ Ý.

8.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC PHỤNG 阮福王鳳

Tống sơn Quận chúa

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Phụng, con gái thứ hai của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ. Chồng là ông Nguyễn Cửu Thế (chức Nội hữu Chưởng dinh, cháu nội ông Nguyễn Cửu Kiều).

Bà mất năm Nhâm dần (1722), được truy tặng Tống sơn Quận chúa, thụy là Trinh Nhã.

8.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NHẬT . 阮福王日

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Nhật, con gái thứ 3 của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ. Chồng là ông Nguyễn Cửu Duyệt (chức Cai cơ). Lăng táng tại làng Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên).

8.3.3.4B (Khuyết danh)

Bà là con gái thứ tư của đức Hiển Tông. Tiểu sử không rõ. Chồng là ông Chân (không rõ họ, chức Chưởng cơ).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ CHÍN

## 9. NGUYỄN PHÚC KHOÁT

## Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế

9.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC DU

9.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC TƯỜNG

9.3.3.1B. (Khuyết danh)

9.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THƯỜNG

9.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC SAN

9.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC DUYÊN

9.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC NGỌC BIỆN

9.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC NGỌC UYÊN



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC THẾ TÔNG HIẾU VŨ HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC KHOÁT

## (1714 – 1765)

## VŨ VƯƠNG

Ngày sinh : 18 tháng 8 năm Giáp ngọ
(26 – 9 – 1714)

Ngày mất : 20 tháng 5 năm Ất dậu
(7 – 7 – 1765)

Thân phụ : Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế
Nguyễn Phúc Thụ

Thân mẫu : Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Hậu
Trương Thị Thư

Lăng tẩm : Trường Thái
(La Khê, Hương Trà, Thừa Thiên)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 9.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế húy là NGUYỄN PHÚC KHOÁT 阮福濶 còn húy là Hiểu , con trưởng của đức Túc Tông Nguyễn Phúc Thụ và Hoàng Hậu Trương Thị Thư. Ngài sinh ngày 18 tháng 8 năm Giáp ngọ (26–9–1714).

Ban đầu ngài được phong làm Chưởng dinh dinh Tiền Thủy, tước Hiểu Chính Hầu, làm phủ đệ ở Cơ tiền đực (làng Dương Xuân).

Tháng 4 năm Mậu ngọ (1738), đức Túc Tông băng, quần thần vâng di mệnh, tôn ngài làm "Tiết Chế Thủy Bộ Chư Dinh Kiêm Tổng Nội Ngoại Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Thái Bảo Hiểu Quận Công" ngài lấy hiệu là Từ Tế đạo nhân, lúc này ngài 25 tuổi.

Sau khi lên ngôi, ngài cho khởi công xây phủ mới, ở bên tả phủ cũ. Năm Kỷ mùi (1739), hoàn tất cuộc dời đô, triều thần tôn ngài là "Thái Phó Quốc Công". Công cuộc kiến thiết mới đã làm cho đô thành Phú Xuân trở nên rộng rãi và hoa lệ. Khuôn viên phủ là ba lớp thành hình vuông vây bọc, có bảy cửa ra vào. Một trăm năm mươi đại bác được đặt rải rác khắp thượng thành. Phố xá đông đúc, đường sá rộng rãi. Dưới sông ghe thuyền qua lại không ngớt. Miền Nam thanh bình an lạc, đất nước phú cường mở ra một kỷ nguyên mới.

Vào tháng 4 năm Giáp tý (1744), quần thần dân biểu xin ngài lên ngôi vương. Ban đầu ngài từ chối nhưng Trương Phúc Loan lấy lời lẽ hơn thiệt, nhắc lại việc đức Hiển Tông (Quốc Chúa), cho đúc ấn truyền quốc và so sánh tình trạng rối ren ở miền Bắc thua kém cảnh thanh bình, hưng vượng ở miền Nam. Cuối cùng ngài chấp thuận. Ngày 12 tháng 4 năm đó, lễ đăng quang được tổ chức vô cùng trọng thể ở vương phủ và khắp cả đô thành. Súng thần công bắn rền trời, trên bộ, dưới sông giăng đèn kết hoa, cờ xí rực rỡ. Đạo ngự gồm kiệu vua, voi dàn hầu, kỵ binh và đoàn quan lại tùy tùng diễn hành khắp đô thành cho dân chúng chiêm ngưỡng rồi xuống thuyền rồng đưa thẳng về điện Trường Lạc (xây tại làng Dương Xuân, nằm ở thượng lưu sông Hương). Lễ đại xá ban hành khắp nước, các cuộc vui chơi kéo dài một tháng.

Sau đó nhiều cải cách được thi hành : phủ đổi thành điện, những gì trình lên vua gọi là tấu, Thân quân gọi là Võ lâm quân, Văn chức đổi là Hàn lâm viện. Về hành chính thì chia làm 6 bộ : Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình và Công. Phàm văn thư vẫn dùng niên hiệu vua Lê nhưng đối với các thuộc quốc thì xưng là Thiên vương. Y phục từ quan đến dân cũng thay đổi[1].

Ngài ra lệnh đúc quốc tỉ, dựng tông miếu và truy tôn tước hiệu các bậc Tiên vương. Ngài phong cho thân tộc làm Quận công, các Hoàng tử vẫn xưng là công tử, con trưởng xưng là Thái công tử. Trong cung lúc bấy giờ hiếm sinh con trai và hay chết yểu, nhiều người nghĩ là bị ông bà bắt nên phải kiêng cữ, giấu giếm. Con trai sinh ra được gọi bằng mụ, cháu trai thì gọi bằng chị (xem như là con gái).

Bờ cõi thời bấy giờ đã mở mang rộng rãi, miền Nam có 12 dinh :

1. Chính dinh (đổi thành Đô thành Phú Xuân), 2. Cựu dinh (Ái Tử), 3. Quảng Bình, 4. Lưu Đồn, 5. Bố Chính, 6. Quảng Nam, 7. Phú Yên, 8. Bình Khang, 9. Bình Thuận, 10. Trấn Biên, 11. Phiên Trấn, 12. Long Hồ.

Tình hình các dinh mới thành lập, đôi khi không yên ổn như cuộc nổi loạn của người Man ở Thuận Thành vào năm Bính dần (1746) hay cuộc nổi loạn của khách buôn người Hoa ở dinh Trấn Biên làm quan quân phải đi đánh dẹp.

(1) Theo Phủ biên tạp lục của Lê Quí Đôn thì Vũ Vương truyền cho quan và dân theo các kiểu mũ áo trong cuốn Tam tài đồ hội làm mẫu. Các quan chức phẩm hàm lớn phải dùng thái đoạn, mũ giát vàng bạc. Con trai, con gái ăn mặc quần áo gần giống như người Trung Hoa.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Về đối ngoại, cuộc tranh giành ngôi vua đã đưa nước Chân Lạp vào cảnh nội chiến kéo dài từ năm Mậu ngọ (1738) đến năm Đinh sửu (1757). Theo lời yêu cầu của các vị vua Chân Lạp, ngài phải cho quan quân can thiệp để tình hình nước này được yên ổn. Để đền đáp công ơn, các vua Chân Lạp đã hiến nhiều vùng đất cho ngài : vua Nặc Nguyên dâng hai vùng Tầm Đôn (Tân An) và Xuy Lạp (Gò Công), vua Nặc Nhuận hiến hai vùng Trà Vang (Trà Vinh, Bến Tre) và Ba Thắc (Sóc Trăng, Bạc Liêu), vua Nặc Tôn hiến các vùng Tầm Phong Long (gồm vùng đất Thất Sơn chạy dọc xuống Sa Đéc) và sau đó là các vùng Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sum, Sài Mạt và Linh Quỳnh (Kiên Giang, Long Xuyên). Như vậy đến năm Đinh sửu (1757) ngài đã mở rộng lãnh thổ của miền Nam như hiện nay.

Năm Canh thìn (1760), Thế tử Hạo mất, ngài rất thương tiếc. Thấy Hoàng tử thứ hai Nguyễn Phúc Côn khôn ngoan sáng suốt và quả quyết, ngài định lập làm Thế tử. Ngài giao Hoàng tử cho Ý Đức Hầu Trương Văn Hạnh và Thị giảng Nguyễn Cao Kỷ chăm lo dạy dỗ.

Năm Giáp thân (1764) Hoàng tử Lê Duy Mật kêu gọi ngài đem quân ra Bắc diệt họ Trịnh để phò Lê nhưng ngài không muốn gây chiến tranh với họ Trịnh.

Trong những năm về sau, mải sống trong cảnh thanh bình, xa hoa ngài đâm ra say mê tửu sắc, không thiết tha việc nước, xa rời nhiệm vụ của bậc đế vương. Thêm vào đó để dễ dàng trong việc tiếm quyền Trương Phúc Loan đã khuyến dụ ngài đi vào con đường nữ sắc. Một cung phi rất được ngài sủng ái là Công nữ Nguyễn Phúc Ngọc Cầu, con của Dận Quốc công Nguyễn Phúc Điền. Đây chính là mầm mống gây cảnh diêu tàn của triều đại sau này.

Ngày 20 tháng 5 năm Ất dậu (7–7–1765) ngài băng, ở ngôi 27 năm, thọ 52 tuổi.

* * *

Đức Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế là vị Chúa Nguyễn thứ tám trị vì ở miền Nam.

Ngài đã góp công to lớn trong cuộc Nam tiến của dân tộc Việt để đất nước chúng ta có một lãnh thổ rộng lớn như ngày nay.

Ngài thuộc đời thứ 9 của họ Nguyễn Phúc và khai sáng ra hệ IX, hiện nay gồm 7 phòng

1. Phòng 3 tức là phòng Chưởng dinh Nguyễn Phúc Mão
2. Phòng 4 tức là phòng Thành Quận công Nguyễn Phúc Cường
3. Phòng 6 tức là phòng Thiếu phó Nguyễn Phúc Chất
4. Phòng 7 tức là phòng Chưởng dinh Quận công Nguyễn Phúc Kính
5. Phòng 10 tức là phòng Cai cơ Nguyễn Phúc An
6. Phòng 17 tức là phòng Thiếu phó Quận công Nguyễn Phúc Xuân
7. Phòng 18 tức là phòng Phúc Long Công Nguyễn Phúc Thăng

### 9.2.– LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Ngài mất, lăng táng tại làng La Khê (Hương Trà, Thừa Thiên). Đến đời vua Gia Long, lăng được đặt tên là Trường Thái, ngài được thờ tại Thái Miếu, án thứ tư bên tả.

Thế tử lên ngôi, dâng thụy hiệu là : "Kiền Cương Uy Đoán Thần Nghị Thánh Dụ Nhân Từ Duệ Trí Hiếu Vũ Vương". Năm Bính dần (1806), vua Gia Long truy tôn : "Kiền Cương Uy Đoán Thần Nghị Thánh Dụ Nhân Từ Duệ Trí Hiếu Vũ Hoàng Đế". Miếu hiệu là Thế Tông.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 9.3.– GIA ĐÌNH

### 9.3.1. Hậu và phi

#### 9.3.1.1. TRƯƠNG THỊ DUNG
Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Hậu 張氏容

Bà húy là Trương Thị Dung, (còn có tên là Trừ, là Hiện), chánh quán huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bà sinh vào tháng 3 năm Nhâm thìn (tháng 4 năm 1712). Bà là con của quan Chưởng cơ Trương Văn Sáng.

Ban đầu, bà vào hầu nơi tiềm để, được phong làm Hữu Cung tần. Bà tính tình cẩn thận, có phong thái của các hậu phi thời xưa.

Bà mất ngày 6 tháng 10 năm Bính thìn (8–11–1736) lúc 25 tuổi, được phong tặng là Tu Nghi Phu Nhân, sau truy tặng Ôn Thành Trương Thái Phi. Năm Bính dần (1806) vua Gia Long truy tôn : "Ôn Thành Huy Ý Trang Từ Dục Thánh Hiếu Vũ Hoàng Hậu". Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên), tên lăng là Vĩnh Thái. Bà được phối thờ với đức Thế Tông tại Thái Miếu, án thứ tư bên tả.

Bà sinh được 3 trai, 1 gái : Hoàng trưởng tử Nguyễn Phúc Chương (được phong tước Thành Công), Hoàng tử thứ hai Nguyễn Phúc Côn (Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế), Hoàng tử thứ ba Nguyễn Phúc Dực (được phong tước Ý Công) và Công chúa Nguyễn Phúc Ngọc Dao.

#### 9.3.1.2. TRẦN THỊ XẠ 陳氏麝
Chiêu Nghi Liệt Phu Nhân

Bà húy là Trần Thị Xạ, pháp danh Hải Pháp, người làng Trung Quán, (huyện Khang Lộc, tỉnh Quảng Bình). Bà sinh năm Bính thân (1716), ngày tháng sinh không rõ. Bà là con của quan Khám Lý Năng Tài Hầu (không rõ tên).

Bà vào hầu nơi tiềm để lúc 20 tuổi. Nhờ dung hạnh, biết chìu chuộng nên hà được sủng ái. Khi đức Thế Tông lên ngôi bà được tấn phong làm Quí nhân. Bà là người hiền thục, thận trọng lời ăn tiếng nói, hành động có phép tắc. Những lúc rảnh rang bà thường đến chùa dâng hương lễ Phật. Lúc bị bệnh, bà cấm không cho tả hữu tấu trình cho đức Thế Tông biết.

Bà mất ngày 22 tháng 7 năm Canh ngọ (23–8–1750) lúc 35 tuổi. Đức Thế Tông rất thương tiếc, sắc tặng : "Chiêu Nghi Liệt Phu Nhân", thụy là Từ Mẫn. Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên), đức Thế Tông cho khắc bia dựng trước mộ (nay vẫn còn).

Bà sinh được 4 Hoàng tử là : Nguyễn Phúc Kính, Nguyễn Phúc Bản, Nguyễn Phúc Yến, Nguyễn Phúc Tuấn và 2 Hoàng nữ (không rõ tên).

#### 9.3.1.3. NGUYỄN PHÚC NGỌC CẦU 阮福玉球
Huệ Tĩnh Thánh Mẫu Nguyên Sư

Bà húy là Nguyễn Phúc Ngọc Cầu. Bà sinh năm Giáp dần (1734), ngày tháng sinh không rõ. Bà là con của Thái bảo Dận Quận công Nguyễn Phúc Điển (con thứ 12 của đức Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu).

Lúc nhập cung, bà được đức Thế Tông rất sủng ái.

Năm Giáp ngọ (1774) khi đức Duệ Tông (con của bà) vào Gia Định, bà lập ngôi chùa Phước Thành ở An Cựu (Huế) để tu.

Bà mất ngày 2 tháng 6 năm Giáp tý (8–7–1804), hưởng thọ 71 tuổi, được truy tặng là Huệ Tĩnh[1] Thánh Mẫu Nguyên Sư, đạo hiệu là Thiệu Long giáo chủ. Lăng táng trong khuôn viên chùa Phước Thành, theo kiểu hình tháp của nhà Phật.

(1) Còn đọc là Tuệ Tĩnh



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Bà sinh được hai Hoàng tử là : Nguyễn Phúc Diệu (được phong là Thiếu bảo Quận công) và Nguyễn Phúc Thuần (Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế).

**9.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ**

Đức Thế Tông có 18 Hoàng tử và 12 Hoàng nữ

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Chương | 1. Nguyễn Phúc Ngọc Tuyên |
| 2. Nguyễn Phúc Côn | 2. Nguyễn Phúc Ngọc Nguyện |
| 3. Nguyễn Phúc Mão | 3. Nguyễn Phúc Ngọc Thành |
| 4. Nguyễn Phúc Cường | 4. Nguyễn Phúc Ngọc Ái |
| 5. Nguyễn Phúc Dực | 5. Nguyễn Phúc Ngọc Muội |
| 6. Nguyễn Phúc Chất | 6. Nguyễn Phúc Ngọc Quận |
| 7. Nguyễn Phúc Kính | 7. Nguyễn Phúc Ngọc Thụ |
| 8. Nguyễn Phúc Ban | 8. Nguyễn Phúc Ngọc Xuyến |
| 9. Nguyễn Phúc Hạo | 9. Nguyễn Phúc Ngọc Dao |
| 10. Nguyễn Phúc An | 10. Khuyết danh |
| 11. Nguyễn Phúc Tuấn | 11. Nguyễn Phúc Ngọc Cơ |
| 12. Nguyễn Phúc Yến | 12. Khuyết danh |
| 13. Nguyễn Phúc Đạn | |
| 14. Nguyễn Phúc Quyền | |
| 15. Nguyễn Phúc Diệu | |
| 16. Nguyễn Phúc Thuần | |
| 17. Nguyễn Phúc Xuân | |
| 18. Nguyễn Phúc Thăng | |

**9.3.3. Anh chị em**

9.3.3.2A NGUYỄN PHÚC DU 阮福滋
Thái bảo Nghiễm Quận công

Ông là con thứ hai của đức Túc Tông, còn có tên là Nghiễm, mẹ là Hoàng Hậu Trương Thị Thơ. Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 13 tháng 5 năm Tân mùi (6–6–1751), được phong tước Thái bảo Nghiễm Quận công. Lăng táng tại làng An Ninh Thượng (Hương Trà, Thừa Thiên), nhà thờ nguyên ở An Ninh Thượng, nay đời về Ngự Bình.

Ông có 3 người con trai là : Nguyễn Phúc Diệp, Nguyễn Phúc Liêu và Nguyễn Phúc Khánh.

9.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC TƯỜNG 阮福祥
Tường Quang Hầu

Ông là con thứ ba của đức Túc Tông, mẹ là Hữu Cung tần họ Nguyễn. Ông sinh ngày 21 tháng 6 năm Mậu thân (28–7–1728). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm quan chức Cai đội.

Ông mất ngày 23 tháng chạp năm Đinh sửu (1–1–1758) lúc 30 tuổi, được phong tặng chức Cai cơ, tước Tường Quang Hầu. Lăng táng tại làng Giạ Lê Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở làng Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 1 người con trai là Nguyễn Phúc Huy.

9.3.3.1B. Khuyết danh

Trưởng nữ của đức Túc Tông, tiểu sử không rõ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

9.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THƯỜNG 阮福玉賞

Bà là con gái thứ hai của đức Túc Tông, mẹ là Tả Cung tần họ Trương. Chồng là ông Nguyễn Phúc Mao (được đổi quốc tính, chức Cai đội). Tiểu sử không rõ.

Bà mất năm Canh tuất (1790). Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

9.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC SAN 阮福玉姍

Bà là con gái thứ ba của đức Túc Tông, bà sinh năm Đinh dậu (1717). Tiểu sử không rõ. Chồng là ông Tống Phúc Dinh (làm quan chức Chưởng dinh).

Bà mất năm Đinh hợi (1767), thọ 51 tuổi. Lăng táng tại làng Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên).

9.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC DUYÊN 阮福玉玩

Bà là con gái thứ tư của đức Túc Tông, còn có tên là Sang . Tiểu sử không rõ.

Chồng là ông Nguyễn Cửu Pháp (làm quan chức Nội hữu Chưởng dinh, tước Hoán Quận công). Gặp biến cố năm Giáp ngọ (1774), bà cùng chồng theo đức Duệ Tông vào Quảng Nam. Sau ông Pháp bị bệnh, phải về lại Phú Xuân rồi mất ở đó. Bà theo đức Duệ Tông vào Gia Định. Khi Gia Định thất thủ, bà theo đức Thế Tổ (vua Gia Long) chạy qua Xiêm.

Bà mất năm nào không rõ. Năm Quí hợi (1803) hài cốt bà được đem về chôn tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

9.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC NGỌC BIỆN 阮福玉玣.

Bà là con gái thứ năm của đức Túc Tông, mẹ là Hữu Cung tần họ Nguyễn. Tiểu sử không rõ. Chồng là ông Nguyễn Phúc Tín (làm quan chức Cai đội).

Bà mất năm nào không rõ. Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

9.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC NGỌC UYỂN 阮福玉琬

Bà là con gái thứ sáu của đức Túc Tông, hiệu là Mỹ Hòa Công chúa. Tiểu sử không rõ. Chồng là ông Nguyễn Cửu Chính (làm quan chức Cai cơ).

Bà mất năm nào không rõ. Lăng táng tại làng Công Lương (Hương Thủy, Thừa Thiên).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ MƯỜI

## 10. NGUYỄN PHÚC THUẦN
## Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế

10.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC CHƯƠNG
10.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC CÔN
10.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC MÃO
10.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC CƯỜNG
10.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC DỤC
10.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC CHẤT
10.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC KÍNH
10.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC BAN
10.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC HẠO
10.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC AN
10.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC TUẤN
10.3.3.12A. NGUYỄN PHÚC YÊN
10.3.3.13A. NGUYỄN PHÚC ĐẠN
10.3.3.14A. NGUYỄN PHÚC QUYỀN
10.3.3.15A. NGUYỄN PHÚC DIỆU

10.3.3.17A. NGUYỄN PHÚC XUÂN
10.3.3.18A. NGUYỄN PHÚC THĂNG
10.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TUYỀN
10.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGUYÊN
10.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THÀNH
10.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC ÁI
10.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC NGỌC MUỘI
10.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC NGỌC QUẬN
10.3.3.7B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THU
10.3.3.8B. NGUYỄN PHÚC NGỌC XUYẾN
10.3.3.9B. NGUYỄN PHÚC NGỌC DAO
10.3.3.10B. (Khuyết danh)
10.3.3.11B. NGUYỄN PHÚC NGỌC CƠ
10.3.3.12B. (Khuyết danh)





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC DUỆ TÔNG HIẾU ĐỊNH HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC THUẦN

## (1754 – 1777)

# ĐỊNH VƯƠNG

Ngày sinh : 18 tháng 11 năm Giáp tuất
(31 – 12 – 1754)

Ngày mất : 18 tháng 9 năm Đinh dậu
(18 – 10 – 1777)

Thân phụ : Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế
Nguyễn Phúc Khoát

Thân mẫu : Huệ Tĩnh Thánh Mẫu Nguyên Sư
Nguyễn Phúc Ngọc Cầu

Táng tẩm : Trường Thiêu
(La Khê, Hương Trà, Thừa Thiên)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 10.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế húy là NGUYỄN PHÚC THUẦN 阮福淳 (còn có tên là Hân ), con thứ 16 của Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế Nguyễn Phúc Khoát và Huệ Tĩnh Thánh Mẫu Nguyên Sư Nguyễn Phúc Ngọc Cầu. Ngài sinh ngày 18 tháng 11 năm Giáp tuất (31–12–1754).

Đương thời, đức Hiếu Vũ đã lập con trai duy nhất của chính phi là Nguyễn Phúc Hào (Hoàng tử thứ 9) làm Thế tử. Thế tử mất sớm, Hoàng tử thứ nhất Nguyễn Phúc Chương cũng mất sớm nên đức Hiếu Vũ chuẩn bị để lập Hoàng tử thứ hai Nguyễn Phúc Côn (Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế) lên làm Thế tử. Nhưng khi đức Hiếu Vũ băng, quyền thần Trương Phúc Loan đổi di chiếu, phế Hoàng tử Côn hất bỏ ngục và lập Hoàng tử thứ 16 là Nguyễn Phúc Thuần, mới 12 tuổi, lên ngôi xưng hiệu là Định Vương, đạo hiệu là Khánh Phụ đạo nhân.

Lên ngôi, ngài phong cho Trương Phúc Loan là Quốc phó nên mọi quyền hành đều ở trong tay Loan. Con trai Loan thì lấy Công chúa, con gái thì gả cho Hoàng tử nên quyền lực trong Hoàng triều tập trung cả vào gia đình họ Trương. Từ đó gây nên mầm mống loạn lạc : buôn quan bán tước, sưu cao, thuế nặng, lòng người oán hận. Loan đấu thầu nguồn rừng Nam Ngãi, thu thuế nguồn vàng Thu Bồn, v.v... Hàng năm nguồn lợi trưng thu được vọt số mà chỉ nộp cho nhà nước một hai phần, của cải chất đầy như núi đến nỗi có lần gặp lụt vàng bạc, châu báu đem phơi sáng rực cả sân.

Năm Quí tỵ (1773), quân Tây Sơn nổi binh chiếm Qui Nhơn, dựng cờ "Phù Nguyễn, diệt Trương". Ba anh em Hồ Nhạc, Hồ Huệ và Hồ Lữ đổi thành họ Nguyễn, tôn phù Hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương (con của Thế tử Nguyễn Phúc Hạo), nêu tội ác của Trương Phúc Loan để thu phục nhân tâm.

Năm Giáp ngọ (1774), quân Trịnh nhân cơ hội miền Nam rối ren, đem quân vào đánh, lấy danh nghĩa "vì thân thích nhiều đời với Chúa Nguyễn nên đem quân vào giúp Chúa Nguyễn, diệt trừ Trương Phúc Loan". Nhân tâm ly tán, Phú Xuân thất thủ, ngài phải chạy vào Quảng Nam và lập Hoàng tôn Dương làm Thế tử. Quảng Nam có nguy cơ mất, ngài cùng Hoàng tôn Nguyễn Phúc Anh (tức là vua Gia Long) và xa giá đi thuyền vào Gia Định để Thế tử ở lại cố thủ.

Nguyễn Nhạc bắt được Thế tử, đưa về Hội An rồi gả con gái là Thọ Hương cho để thu phục lòng dân. Nhiều lần Nhạc yêu cầu Thế tử lên ngôi nhưng Thế tử không chấp thuận.

Năm Bính thân (1776) đức Duệ Tông vào đến Gia Định, Mạc Thiên Tứ đem các con đến hành tại (ở Bến Nghé) để bái yết. Ngài phong cho Thiên Tứ làm Đô đốc Quận công và truyền đem quân về đạo Trấn Giang đóng giữ. Cuối năm đó, Thế tử trốn được, cùng với Nguyễn Phúc Xuân vượt biển vào Nam. Lúc này Đỗ Thanh Nhân đã đánh lui quân Tây Sơn chiếm lại Sài Gòn. Vua Chân Lạp là Nặc Vinh thấy Gia Định rối ren, không nạp cống nữa. Ngài sai Chưởng sứ Nguyễn Phúc Anh đi đánh Chân Lạp, Nặc Vinh xin hàng, thế lực của Chúa Nguyễn lại được củng cố.

Tháng 11 năm Bính thân (1776), do áp lực của các tướng thuộc hạ của Đông cung, ngài nhường ngôi cho Thế tử. Thế tử (Hoàng tôn Dương) lên ngôi xưng hiệu là Tân Chính Vương, tôn ngài làm Thái thượng hoàng.

Năm Đinh dậu (1777) Nguyễn Huệ vào đánh chiếm Sài Gòn ngài chạy xuống Định Tường, rồi đến Cần Thơ. Ngày 17 tháng 8 năm Đinh dậu (18–9–1777) Tân Chính Vương và 18 quan theo hầu đều bị hại. Ngài chạy về Long Xuyên, quân Tây Sơn đánh chiếm Long Xuyên. Ngày 18 tháng 9 năm Đinh dậu (18–10–1777) ngài cùng các tướng bị Tây Sơn bắt và bị hại. Ngài mất lúc 24 tuổi, ở ngôi 12 năm.

∴



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Đức Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế là vị Chúa Nguyễn thứ chín trị vì ở miền Nam.

Khi lên ngôi ngài còn quá nhỏ tuổi, mọi quyền hành ở trong tay Trương Phúc Loan. Trong thời Loan làm Quốc phó, về mặt võ bị không được củng cố, về quan lại thì tệ nạn mua quan, bán tước làm mọi người chán nản, ít có người tài ra giúp nước. Và lại nhân tâm li tán nên khi có biến không thể chống đỡ được và cơ đồ phải rơi vào tay người khác. Tuy nhiên, lòng người còn tưởng nhớ đến công lao xây dựng miền Nam của các vị Chúa đời trước và đây là nền tảng vững chắc giúp cho Thế Tổ Cao Hoàng Đế xây dựng lại cơ đồ to lớn và rực rỡ hơn xưa.

Ngài thuộc đời thứ mười của họ Nguyễn Phúc và vì không có con trai nên không khai sáng ra một hệ mới.

## 10.2.- LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Ngài mất, ban đầu an táng tại huyện Bình Dương tỉnh Gia Định. Năm Kỷ tỵ (1809), vua Gia Long cho cải táng về làng La Khê (Hương Trà, Thừa Thiên) và đặt tên lăng là Trường Thiệu. Ngài được thờ tại Thái Miếu, án thứ tư bên hữu.

Khi đức Thế Tổ mới nhiếp chính, ngài được truy tôn : "Thông Minh Khoan Hậu Anh Mẫn Huệ Hòa Hiếu Định Vương". Đến năm Bính dần (1806), ngài được truy tôn : "Thông Minh Khoan Hậu Anh Mẫn Huệ Hòa Hiếu Định Hoàng Đế", miếu hiệu là Duệ Tông.

## 10.3.- GIA ĐÌNH

### 10.3.1. Hậu và phi

10.3.1.1. NGUYỄN THỊ CHÂU 阮氏珠
Chính phi

Bà húy là Nguyễn Thị Châu, người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bà là con của Quận công Nguyễn Cửu Sách. Tiểu sử không rõ.

Bà mất ở Gia Định trong thời kỳ ly loạn, không biết mộ táng ở đâu.

Bà sinh được một Hoàng nữ là Nguyễn Phúc Ngọc Thục.

### 10.3.2.- Hoàng tử và Hoàng nữ

Đức Duệ Tông chỉ có một Hoàng nữ là Nguyễn Phúc Ngọc Thục.

### 10.3.3. Anh chị em

Ngài có 17 anh em trai và 12 chị em gái.

10.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC CHƯƠNG 阮福暲
Thành Công

Ông là trưởng tử của đức Thế Tông, còn có tên là Trà. Mẹ là Hoàng Hậu Trương Thị Dung. Ông sinh ngày mồng 2 tháng 4 năm Nhâm tý (26–4–1732). Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 27 tháng 11 năm Quí mùi (31–12–1763), hưởng dương 32 tuổi. Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Vua Gia Long truy phong tước "Thành Công", thụy là Cương Chính. Ông được thờ ở Triển Thân Từ.

Ông không có con trai, chỉ có một người con gái (không rõ tên).

10.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC CÔN 阮福昆
Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế

Xem tiểu sử của ngài ở "Đức Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế".





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

### 10.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC MÃO 阮福昴

Nội tả Chưởng dinh

Ông là con thứ ba của đức Thế Tông, còn có tên là Văn. Mẹ là bà Nguyễn Thị Khoa. Ông sinh ngày 20 tháng giêng năm Giáp dần (23–2–1734).

Ông làm quan chức Nội tả bộ cơ Chưởng dinh. Năm Quí tỵ (1773), Trương Phúc Loan tiếm quyền, tôn thất và đại thần đều oán ghét. Quan Hàn lâm Ngô Đình Thư và Tri phủ Trần Giai Đạo được giao ngụy tạo thư của Loan thông đồng với Tây Sơn (dùng ấn của Loan đóng vào), rồi cho vất giữa đường. Tham mưu Tá (thiếu hộ) lượm được thư, báo với ông. Ông tâu với đức Thế Tông xin bỏ ngục Loan. Loan hết sức biện bạch, bảo là bị vu cáo nên khỏi tội. Loan lấy chuyện này mà oán ông, giả làm thư của địch khuyên ông theo địch, rồi cho người tố cáo ông làm phản, ra lệnh xét trị tội. Ông sợ phải bỏ trốn. Loan sai cai đội Hương đuổi theo bắt, đem dìm xuống phá Tam Giang, mọi người đều thương tiếc. Ông mất lúc 41 tuổi. Về sau, vua Gia Long xét ông có công từng làm A bảo nên cấp cho con cháu 30 mẫu tự điền. Lăng táng tại làng Cư Chánh, Thừa Thiên, nhà thờ ở làng Long Hồ (Thừa Thiên).

Ông có một người con tên là Nguyễn Phúc Liêm (còn có tên là Đồng), làm quan đến cai đội. (Khi mất được truy tặng là Tráng Võ Công Thần Phụ Quốc Võ Liệt Tướng Quân Cai Cơ.)

### 10.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC CƯỜNG 阮福暁

Thành Quận công

Ông là con thứ tư của đức Vũ Vương, còn có tên là Thành, không rõ tên họ mẹ. Ông sinh ngày 12 tháng 3 năm Ất mão (4–4–1735).

Ông làm quan chức Tiết chế Thủy bộ Thành Quận công. Năm Giáp ngọ (1774), khi quân Trịnh đến Hồ Xá, ông với Nguyễn Cửu Pháp bắt Trương Phúc Loan giao cho Hoàng Ngũ Phúc. Năm Ất mùi (1775), ông hộ giá đức Duệ Tông đến Quảng Nam. Sau đó đức Duệ Tông vào Gia Định, ông bị bệnh không đi theo được phải ở lại Quảng Nam và mất ở đó, lúc 41 tuổi.

Ông có 5 người con trai : Nguyễn Phúc Chiêu, Nguyễn Phúc Quí, Nguyễn Phúc Đàm, Nguyễn Phúc Hoàng và Nguyễn Phúc Diệu.

### 10.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC DỰC 阮福昱

Ý Công

Ông là con thứ năm của đức Vũ Vương, còn có tên là Bửu, mẹ là Hoàng Hậu Trương Thị Dung. Ông sinh ngày 16 tháng 8 năm Ất mão (1–10–1735), tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 22 tháng giêng, không rõ năm, được phong tặng Cẩm Y Vệ Đô chỉ huy tỵ Đô chỉ huy sứ, thụy là Chính Trực. Vua Gia Long cấp 15 mẫu tự điền, truy tặng là Ý Công, thờ ở Triển Thân Từ.

Ông có 3 người con là : Nguyễn Phúc Dân, Nguyễn Phúc Huy và Nguyễn Phúc Hiệp.

### 10.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC CHẤT 阮福晊

Thiếu phó

Ông là con thứ sáu của đức Vũ Vương, không rõ bà mẹ. Ông sinh ngày 14 tháng 4 năm Đinh tỵ (13–5–1737).

Ông làm quan chức Bộ binh Tiết chế. Năm Giáp ngọ (1774), quân Trịnh vây hãm dồn Lương Phúc, ông chống cự không lại. Năm Ất mùi (1775), ông hộ giá đức Duệ Tông đến Quảng Nam rồi ở lại đây giúp Đông cung Hoàng tôn Dương. Năm Bính thân (1776) ông vào Gia Định, được thăng lên Thiếu phó. Năm Đinh dậu (1777), ông theo phò Tân Chính Vương.

185



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông bị bệnh, mất ngày 10 tháng 6 năm Đinh dậu (14–7–1777). Lăng táng tại làng Dương Xuân, Hương Thủy, Thừa Thiên. Nhà thờ ở tại làng Dương Xuân.

Ông có hai người con trai là : Nguyễn Phúc Viện và Nguyễn Phúc Trường.

10.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC KÍNH 阮福璟
Chưởng dinh Quận công

Ông là con thứ bảy của đức Vũ Vương, mẹ là Chiêu Nghi phu nhân Trần Thị Xạ. Ông sinh ngày 22 tháng 9 năm Đinh tỵ (15–10–1737).

Ban đầu, ông làm quan chức Hậu dực cơ Cai đội. Năm Giáp ngọ (1774) Duệ Tông Hoàng Đế duyệt binh ở cửa Tư Dung (nay là cửa Tư Hiền) thăng ông làm Chưởng dinh Quận công, quyền Giám quốc. Năm Ất mùi (1775) ông theo đức Duệ Tông vào Nam bằng đường thủy, đến Gia Định, gió lật thuyền, ông bị chết chìm.

Ông mất ngày 19 tháng 2 năm Ất mùi (20–3–1775) lúc 38 tuổi. Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên) theo lối chiêu hồn nhập mộ.

Ông có ba người con trai là : Nguyễn Phúc Tinh, Nguyễn Phúc Tuyển và Nguyễn Phúc Đạo.

10.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC BAN 阮福班

Ông là con thứ tám của đức Vũ Vương (còn có tên là Quy), mẹ là Chiêu Nghi phu nhân Trần Thị Xạ. Ông sinh ngày 17 tháng 4 năm Kỷ mùi (24–5–1739). Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 10 tháng 11 Âm lịch (năm mất không rõ). Lăng táng tại làng Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Không rõ nơi thờ tự.

Ông có một người con trai tên Nguyễn Phúc Sóc và một người con gái (không rõ tên).

10.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC HẠO 阮福昊
Hiếu Tuyên Vương

Ông là con thứ chín của đức Vũ Vương, mẹ là Hữu Cung tần Trương Thị Hoàng. Ông sinh ngày 27 tháng 11 năm Kỷ mùi (27–12–1739).

Ban đầu, ông được lập làm Thế tử. Nhân ngày đản của đức Vũ Vương, các tôn thất và văn võ bá quan dem châu ngọc, gấm vóc dâng lên, riêng Thế tử chỉ dâng độc nhất một mâm lúa. Đức Vũ Vương lấy làm lạ, hỏi thì ông tâu : "Lúa là gốc để nuôi lấy sự sống nên con xem quí hơn châu ngọc vì thế đem dâng." Đức Vũ Vương lấy làm khen.

Ông mất ngày 18 tháng 2 năm Canh thìn (4–4–1760) lúc 22 tuổi. Đức Vũ Vương thương xót vô cùng, phong tặng là Thái bảo Quận công, an táng tại làng Long Hồ (Hương Trà, Thừa Thiên) ra lệnh cấm việc xướng ca trong 100 ngày. Đến thời kỳ trung hưng, ông được phong thụy là "Hiếu Tuyên Vương", thờ ở án thứ 5 tại Thái Miếu ở Gia Định. Năm Nhâm tí (1804) vua Gia Long cải thụy là "Duệ Tiết Ôn Lương Anh Duệ Minh Đạt Tuyên Vương", cho dựng nhà thờ ở Long Hồ để thờ.

Ông có một người con trai là Hoàng Tôn Dương (sau này đức Duệ Tông chọn làm Thế tử rồi nhường ngôi cho, xưng hiệu là Tân Chính Vương).

10.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC AN 阮福晏
Cai cơ

Ông là con thứ 10 của đức Vũ Vương (còn có tên là Vương Chiêu) mẹ là bà Đặng Thị Trúc. Ông sinh ngày 9 tháng 6 năm Canh thân (2–8–1740). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm chức Thủ cơ Cai đội.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 11 tháng 2 năm Nhâm thìn (14–3–1772) lúc 33 tuổi, được truy tặng chức Cai cơ. Lăng táng tại làng Cư Chính, Thừa Thiên. Nhà thờ tại làng Dương Phẩm (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 3 người con trai là : Nguyễn Phúc Bính, Nguyễn Phúc Chương, Nguyễn Phúc Thân và hai người con gái (không rõ tên).

### 10.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC TUẤN 阮福畯
Cai đội

Ông là con thứ 11 của đức Vũ Vương, mẹ là Chiêu Nghi phu nhân Trần Thị Xạ. Ông sinh ngày 10 tháng 7 năm Quí hợi (28–8–1743). Tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 23 tháng 4 năm Giáp thân (23–5–1764) lúc 23 tuổi, được truy tặng chức Cai đội. Lăng táng tại làng Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông chỉ có một người con gái (không rõ tên).

### 10.3.3.12A. NGUYỄN PHÚC YẾN 阮福嚥
Ông là con thứ 12 của đức Vũ Vương (còn có tên là Viêm), mẹ là Chiêu Nghi phu nhân Trần Thị Xạ. Ông sinh ngày 10 tháng 9 năm Quí hợi (26–10–1743), tiểu sử không rõ.

Ông mất ngày 15 tháng 3 năm Bính thân (2–5–1776) lúc 24 tuổi, được phong chức là Tiết chế Chưởng dinh Quận công. Lăng và nhà thờ ở làng Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có ba người con trai là : Nguyễn Phúc Hán, Nguyễn Phúc Tấn, và Nguyễn Phúc Hoàng.

### 10.3.3.13A. NGUYỄN PHÚC ĐẠN 阮福嘽
Chưởng dinh Quận công

Ông là con thứ 13 của đức Vũ Vương (còn có tên là Trường), bà mẹ là Nguyễn Thị Thanh. Ông sinh ngày 14 tháng giêng năm Giáp tý (26–2–1744). Tiểu sử không rõ, chỉ biết ông làm chức Tiết chế Chưởng dinh Quận công.

Ông mất ngày 16 tháng giêng năm Bính ngọ (15–2–1786) lúc 43 tuổi. Lăng và nhà thờ ở làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có hai người con trai là : Nguyễn Phúc Thự và Nguyễn Phúc Cẩn.

### 10.3.3.14A. NGUYỄN PHÚC QUYỀN[1] 阮福鬈
Ông là con thứ 14 của đức Vũ Vương, tên mẹ không rõ. Ông sinh ngày 17 tháng 4 năm Kỷ tỵ (2–6–1749).

Năm Ất mùi (1775), ông cùng với em là Nguyễn Phúc Xuân đến Quảng Nam chống Tây Sơn. Ông dùng Trương Phúc Tá làm mưu sĩ lại được một người lái buôn Trung Hoa tên là Tất đem của cải ra giúp để chiêu mộ nghĩa binh. Quân của ông chiếm được hai phủ Thăng Bình và Điện Bàn, thế binh rất lớn làm Nguyễn Nhạc lo sợ. Về sau, gặp năm mất mùa, lương thực thiếu, quân địch thừa cơ tấn công làm quân ông tan rã, không biết tung tích của ông ra sao.

Ông không có con trai.

### 10.3.3.15A. NGUYỄN PHÚC DIỆU 阮福曜
Thiếu hảo Quận công

Ông là con thứ 15 của đức Vũ Vương, mẹ là Công nữ Nguyễn Phúc Ngọc Cầu (về sau đi tu, khi mất được phong tặng là Huệ Tĩnh Thánh Mẫu Nguyên Sư). Ông sinh năm Quí dậu (1753). Tiểu sử không rõ.

(1) Chép theo Đại Nam Liệt Truyện 2. Theo Thiên Gia Bửu Sách Tự biên lại chép là Điện



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất sớm, được phong tặng là Thiếu bảo Quận công. Lăng táng bên cạnh lăng bà Huệ Tĩnh Thánh Mẫu.

### 10.3.3.17A. NGUYỄN PHÚC XUÂN 阮福春
Thiếu phó Quận công

Ông là con thứ 17 của đức Vũ Vương, bà mẹ là Cung tần Vũ Thị Huyên. Ông sinh ngày 20 tháng 10 năm Đinh sửu (1–12–1757).

Năm Bính thân (1775), ông cùng với anh là Nguyễn Phúc Quyển chống nhau với Tây Sơn ở Quảng Nam. Ông bị thua phải vượt bể chạy vào Bình Thuận, gặp Đông cung, theo Đông cung vào Gia Định. Đức Duệ Tông gặp ông, rất mừng, phong cho ông làm Chưởng cơ, giao giữ đồn Hương Phúc. Năm Đinh dậu (1777), Nguyễn Huệ tấn công Gia Định, ông theo đức Duệ Tông lánh vào Long Xuyên. Đến lúc Gia Định thất thủ, ông thoát được, cùng với Mạc Thiên Tứ trốn qua Xiêm xin cứu viện nhưng thất bại. Sau ông bị Nặc Ông Giao dùng kế phản gián làm vua Xiêm nghi ngờ là ông và Mạc Thiên Tứ mưu lấy thành Vọng Các, vì vậy ông bị hại.

Ông mất ngày 19 tháng 11 năm Canh tý (14–12–1780) lúc 24 tuổi. Đời vua Gia Long, ông được truy tặng là Thiếu phó Quận công. Vua cho đưa thi hài về an táng ở làng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên) và cho thờ ở miếu Trung Tiết Công thần.

Ông có một người con trai tên là Nguyễn Phúc Dịch và người con gái (không rõ tên).

### 10.3.3.18A. NGUYỄN PHÚC THĂNG 阮福昇
Phúc Long Công

Ông là con thứ 18 của đức Vũ Vương, mẹ là bà Hữu cung tần Tống Thị Quyên. Ông sinh ngày 17 tháng 11 năm Nhâm ngọ (21–12–1762).

Gặp loạn năm Giáp ngọ (1774), đức Duệ Tông vào Nam, ông lúc đó mới 13 tuổi, không theo được nên bị Tây Sơn bắt. May nhờ có tướng Tây Sơn là Nguyễn Chân muốn gả con gái cho nên hết sức giải cứu để khỏi bị giam cầm nhưng cấm không được đi đâu xa. Ông phải đi câu cá độ nhật. Năm Quí sửu (1793), khi đi câu, thấy một thây đàn ông nổi lên, trạc tuổi với mình, ông cho thây ma mặc y phục của mình, giả làm đi câu bị chết đuối. Nhờ vậy mà trốn được, ông cùng với cháu là Nguyễn Phúc Liêm (con Hoàng tử Nguyễn Phúc Mão) vào gặp đức Thế Tổ. Thế Tổ cầm tay, khóc nói : "Vận nước phải nhiều tai ách, người thân thích chịu lắm cảnh ngang trái, nào ngờ ngày nay còn gặp nhau, há chẳng do điều hay còn sót lại của các bậc tiên vương để khiến nguy mà thành phúc, nạn mà an toàn hay sao ?" Rồi đức Thế Tổ cho mở yến tiệc hết sức vui vẻ. Ông được phong làm Quốc thúc Chưởng cơ Quận công, ban lễ vật rất hậu. (Liêm cũng được phong làm Khâm sai Cai đội).

Năm Tân dậu (1801) ông theo đức Thế Tổ khôi phục kinh thành Phú Xuân. Năm Nhâm tuất (1802), Thế Tổ ngự giá thân chinh ra Bắc Hà, ông cùng với Nguyễn Văn Khiêm được giao cho giữ kinh thành, tùy tiện điều hành mọi việc. Về sau, ông được giao trông coi người trong họ, ông thường xin cho con cháu ở hệ tôn thất từ 8 đến 12 tuổi được cấp học bổng, vua chấp thuận. Năm Đinh sửu (1817), ông được phong tước Phúc Long Công, được ban sách, ấn, mũ, áo.

Ông là người trong họ được vua tôn trọng và sủng ái, vua thường gọi ông là Quốc thúc mà không gọi tên. Mỗi khi vào yết kiến, vua đứng dậy mới ngồi trên sập, ông cố từ chối nói : "Trên trời không thể có hai mặt nhật, thần Thăng này dâu có dám vậy !" Vua sai trải chiếu xuống đất cùng ngồi, ông liền đứng dậy lui ra. Vua đối với ông lễ càng hậu thì ông giữ mình càng nghiêm cẩn. Các tướng Nguyễn Văn Nhân, Lê Văn Duyệt thường bảo nhau : "Hoàng thượng dùng ân đối với người thân để được thân hơn mà ông lấy đức khiêm để càng khiêm nhường, xưa nay ít được thấy như vậy."



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 8 tháng 6 năm Kỷ mão (29–7–1819) lúc 58 tuổi. Đức Thế Tổ rất thương tiếc, cho dùng lễ thân vương đời Tống mai táng ông, bãi triều 5 ngày, ban thụy là Hòa Tĩnh. Vua cho xuất tiền kho để lo lễ tang, sai Hoàng tử Định Viễn làm chủ tế, lại bảo quan lễ bộ rằng : "Quốc thúc đối với nhà là bậc kỳ đức, đối với nước là bậc nguyên thần. Nay chẳng may mất đi, con còn bé dại, đợi lúc lớn tuổi sẽ ban cho tập tước lo việc thừa tự."

Ông có 4 người con trai là : Nguyễn Phúc Thành, Nguyễn Phúc Vĩnh, Nguyễn Phúc Tường và Nguyễn Phúc Thụy. Trưởng tử Thành mất sớm, người con thứ hai là Vĩnh, đến đời Minh Mệnh, được ban tập tước Phúc Long Hầu.

### 10.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TUYÊN 阮福玉瑄

Bà là trưởng nữ của đức Vũ Vương, mẹ là bà Tả cung tần Tống thị (không rõ tên). Ngày tháng năm sinh của bà không rõ. Bà hạ giá lấy ông Tiết chế Chưởng dinh Nguyễn Cửu Thống.

Gặp biến cố năm Giáp ngọ (1774), ông Thống mất, bà lưu ngụ ở làng Vân Dương (Hương Thủy, Thừa Thiên), cắt tóc làm ni, hiệu là Vân Dương ni cô. Khi quân Tây Sơn đào phá lăng tẩm của liệt thánh, bà và Nguyễn Đức Duệ thân đến các xã Định Môn, Kim Ngọc, Cư Chính ngầm bảo nhân dân tùy nghi bảo vệ lăng tẩm. (Nhờ vậy mà Nguyễn Ngọc Huyên, người xã Cư Chính, đã chôn dấu hài cốt ở lăng Cơ Thánh vào nơi an ổn). Năm Tân hợi (1791), bà ngầm sai người thân tín (tên Thiện) theo thuyền buôn vào Gia Định tường thuật tình hình và binh lương của Tây Sơn và dâng lên Hoài Nam khúc (do Hoàng Quang soạn) để đức Thế Tổ biết lòng dân đang mong ngóng. Đức Thế Tổ mừng lắm và từ đó thường cho người liên lạc với bà để dò xét binh tình của địch. Bà đã đóng góp nhiều công trong việc chiêu dụ tướng Tây Sơn Lê Chất qui hàng. Sau khi khôi phục giang sơn, đức Thế Tổ cấp lương bổng cho bà rất hậu và cho xây phủ tại nơi bà ở.

Bà mất năm Đinh tỵ (1809), ngày tháng mất không rõ, thọ được 72 tuổi. Đức Thế Tổ cho quan lo việc tống táng ở làng Dương Xuân (Thừa Thiên), con cháu lấy chỗ bà ở làm nơi thờ tự.

### 10.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGUYỆN 阮福玉願

Bà là con gái thứ hai của đức Vũ Vương, hạ giá lấy ông Trương Phúc Thăng (làm quan chức Trấn thủ Chưởng cơ cựu dinh, con của Trương Phúc Loan). Tiểu sử không rõ.

Bà mất năm Quí tị (1773) lúc 48 tuổi.

### 10.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THÀNH 阮福玉城

Bà là con gái thứ ba của đức Vũ Vương, sinh năm Canh thân (1740), hạ giá lấy ông Nguyễn Cửu Quản (làm quan chức Nội tả Chưởng dinh), cháu nội của ông Nguyễn Cửu Kiều). Tiểu sử không rõ.

Bà mất năm Quí mão (1783) lúc 44 tuổi.

### 10.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC ÁI 阮福玉瑷

Bà là con gái thứ tư của đức Vũ Vương, sinh năm Quí Hợi (1743), hạ giá lấy ông Nguyễn Cửu Sách (làm quan chức Tiết chế Chưởng cơ, con của ông Nguyễn Cửu Pháp). Tiểu sử không rõ.

Bà mất năm Ất mùi (1775) lúc 33 tuổi.

### 10.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC NGỌC MUỘI 阮福玉珮

Bà là con gái thứ năm của đức Vũ Vương, mẹ là Tả cung tần Trương Thị Bích, sinh năm kỷ tỵ (1749), bà hạ giá lấy ông Trương Phúc Đạo (làm quan chức Cai đội). Tiểu sử không rõ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Bà mất năm Ất dậu (1825), được ban thụy là Nhân Từ, hưởng thọ 77 tuổi.

### 10.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC NGỌC QUẬN 阮福玉璟

Bà là con gái thứ sáu của đức Vũ Vương, bà hạ giá lấy ông Tống Phúc Khuông (làm quan chức Chưởng dinh). Công chúa vì gia đình không hòa thuận bỏ về Quảng Ngãi. Đi đến Bản Tân bị dịch bất, dìm nước chết tại sông Hội An tỉnh Quảng Nam.

Bà mất lúc 25 tuổi. Tôi tớ thu nhặt hài cốt đem an táng. Năm Ất sửu (1805) vua cho đưa về an táng tại phường An Cựu (Thừa Thiên).

### 10.3.3.7B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THỤ 阮福玉璹

Bà là con gái thứ bảy của đức Vũ Vương, mẹ là Tả cung tần Trương Thị Cơ. Bà hạ giá lấy ông Trương Phúc Nhạc (làm quan chức Cai cơ, con thứ ba của Trương Phúc Loan).

Năm Ất mùi (1775), bà theo ông Nhạc vào Gia Định. Ông Nhạc mất, bà theo đức Thế Tổ ra Phú Quốc. Bà bị Tây Sơn giết tại Hà Tiên.

Bà mất lúc 37 tuổi.

### 10.3.3.8B. NGUYỄN PHÚC NGỌC XUYẾN 阮福玉玔

Bà là con gái thứ tám của đức Vũ Vương (còn có tên là Huy), hạ giá lấy ông Nguyễn Cửu Tú (làm quan chức Cai cơ). Tiểu sử không rõ.

### 10.3.3.9B. NGUYỄN PHÚC NGỌC DAO 阮福玉瑤

Bà là con gái thứ chín của đức Vũ Vương, mẹ là Trương Hoàng Hậu. Tiểu sử không rõ.

Không biết bà mất năm nào, được vua Gia Long phong tặng là Đệ nhất Cung hoàng nữ, thụy là Trinh Thục. Bà được thờ ở Triền Thân tử.

### 10.3.3.10B. (Khuyết danh)

Bà là con gái thứ 10 của đức Vũ Vương, hạ giá lấy ông Cai đội Chiểu (thiếu họ). Tiểu sử không rõ.

### 10.3.3.11B. NGUYỄN PHÚC NGỌC CƠ 阮福玉璣

Bà là con gái thứ 11 của đức Vũ Vương. Tiểu sử không rõ.

### 10.3.3.12B. (Khuyết danh)

Bà là con gái thứ 12 của đức Vũ Vương, hạ giá lấy ông Cai cơ Tín (thiếu họ). Tiểu sử không rõ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC HƯNG TỔ HIẾU KHANG HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC CÔN

## (1733 – 1765)

Ngày sinh : 29 tháng 4 năm Quí sửu
(11 – 6 – 1733)

Ngày mất : 10 tháng 9 năm Ất dậu
(24 – 10 – 1765)

Thân phụ : Thế Tông Hiếu Võ Hoàng Đế
(Nguyễn Phúc Khoát)

Thân mẫu : Thế Tông Hiếu Võ Hoàng Hậu
(Trương Thị Dung)

Lăng tẩm : Cơ Thánh
(Cư Chánh, Hương Trà, Thừa Thiên)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 10.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế húy là NGUYỄN PHÚC CÔN 阮福昆 , con thứ hai của Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế Nguyễn Phúc Khoát và Hoàng Hậu Trương Thị Dung. Ngài sinh ngày 29 tháng 4 năm Quí sửu (11–6–1733).

Khi Thế tử Nguyễn Phúc Hạo mất, đức Hiếu Vũ có ý định truyền ngôi cho ngài. Đức Hiếu Vũ giao Ngài cho Ý Đức Hầu Trương Văn Hạnh và Thị giảng Lê Cao Kỳ chăm lo dạy dỗ. Ngài vốn thông minh và có nhiều đức tính. Ban đầu ngài được phong chức Chưởng cơ. Những buổi họp quan trọng trong triều ngài đều được tham dự để am hiểu sự tình trong nước.

Năm Ất dậu (1765), đức Hiếu Vũ băng, để lại di chiếu truyền ngôi cho ngài. Vì muốn chuyên quyền, Trương Phúc Loan mật bàn với Thái giám Chữ Đức và Chưởng dinh Nguyễn Cửu Thống đổi di chiếu, đưa con thứ 16 của đức Hiếu Vũ là Nguyễn Phúc Thuần, mới 12 tuổi, lên kế nghiệp. Ý Đức Hầu và Thị giảng đều bị Trương Phúc Loan giết hại. Ngài bị giam vào ngục.

Ngài lo buồn, bị bệnh và về phủ đệ thì mất ngày 10 tháng 9 năm Ất dậu (24–10–1765), hưởng dương 33 tuổi.

* * *

Đức Hưng Tổ sống trong thời kỳ mà triều đình miền Nam bắt đầu suy tàn. Tuy được di chiếu của đức Vũ Vương để lại truyền ngôi cho ngài nhưng ngài chưa trị vì ngày nào. Sự lộng quyền của gian thần đã làm dân chúng căm phẫn và đưa đến sự sụp đổ của một triều đại. Song Ân đức của các Chúa Nguyễn đã thấm nhuần vào lòng dân miền Nam, truyền từ đời này qua đời khác, nhờ đó mà con của ngài là đức Nguyễn Phúc Anh – được sự ủng hộ của toàn dân – sau một thời gian bôn ba, đã thâu tóm giang san về một mối, mở ra một trang sử mới cho nước nhà.

## 10.2.– LĂNG, MIẾU VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY TÔN

Ngài mất, lăng táng tại xã Cư Chính (Hương Trà, Thừa Thiên). Tên lăng là Cơ Thánh, mặt sau dựa vào núi, mặt trước nhìn ra sông. Năm Canh tuất (1790) quân Tây Sơn quật hài cốt ngài đổ xuống sông phía trước mặt. Một ngư dân tên Nguyễn Ngọc Huyên[1] và con lặn hài cốt đem lên chôn chỗ khác. Đến đời vua Gia Long, do Nguyễn Ngọc Huyên chỉ chỗ, hài cốt được đưa về táng chỗ cũ. Lăng được xây lớn hơn trước.

Năm Canh tý (1780), Nhiếp Chính Vương Nguyễn Phúc Anh lên ngôi, truy tôn ngài tước : "Từ Tường Đạm Bạc Khoan Dụ Ôn Hòa Hiếu Khang Vương". Năm Bính dần (1806) vua Gia Long truy tôn ngài : "Nhân Minh Cần Hậu Khoan Dụ Ôn Hòa Hiếu Khang Hoàng Đế". Năm Tân tỵ (1821), vua Minh Mệnh cho xây Hưng Miếu (ở phía sau Thế Miếu) để thờ ngài, và dâng miếu hiệu là Hưng Tổ.

(1) Theo truyền thuyết khi Tây Sơn khai quật hài cốt đức Hưng Tổ ném xuống sông thì một hôm Nguyễn Ngọc Huyên bỏ lưới bắt cá, sau ba lần đều thấy một cái sọ nằm trong lưới. Huyên cho là sọ của một vị nào anh linh nên kiếm nơi an táng tử tế. Khi vua Gia Long lên ngôi, đi tìm lại hài cốt của thân phụ, nghe người làng tường thuật, ngài cho đòi Ngọc Huyên bảo chỉ chỗ. Khi đào được sọ lên, vua chích huyết ở tay mình cho giọt vào sọ, sọ liền hút những giọt huyết này (lối thử này cho biết mối liên hệ cốt nhục giữa hai người). Cha con Huyên đều được vua trọng thưởng. Đời vua Minh Mệnh, Huyên được lập đền thờ ở xã Cư Chính và được phong là An Ninh Bá.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 10.3.– GIA ĐÌNH

### 10.3.1. Hậu và phi

#### 10.3.1.1. NGUYỄN THỊ HOÀN 阮氏環
Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Hậu

Bà húy là Nguyễn Thị Hoàn, người làng Minh Linh tỉnh Thừa Thiên. Ngày tháng năm sinh không rõ. Bà là con của Diễn Quốc công Nguyễn Phúc Trung, bà mẹ họ Phùng (không rõ tên).

Năm Kỷ hợi (1779), khi quân Trịnh tiến đánh Phú Xuân, bà ra ở ẩn tại làng An Du, nơi quê ngoại. Khi đức Thế Tổ khôi phục được đất Gia Định, được các tướng tôn làm Đại Nguyên Súy Nhiếp Quốc Chính, bà được rước vào Gia Định và được tôn làm Quốc mẫu. Khi quân Tây Sơn tấn công Sài Côn (Sài Gòn) bà và đức Thế Tổ phải chạy ra Phú Quốc. Địch lại tiến đánh Phú Quốc, đức Thế Tổ phải chạy ra Côn Lôn, thuyền trôi dạt trên biển mấy ngày, khổ cực đắng cay muôn vạn. May nhờ gặp được nguồn nước ngọt ở giữa biển, đức Thế Tổ mới thoát nạn. Khi đức Thế Tổ về lại Phú Quốc, thuật lại sự tình khốn đốn vừa qua, bà bảo rằng : "Giữa biển lại có nước ngọt, thế là trời giúp chúng ta, con chớ nên lấy sự khó nhọc làm nản chí." Đức Thế Tổ lạy tạ và nói rằng : "Con kính cẩn tuân lời mẹ dạy". Năm Ất tỵ (1785) bà phải lánh sang Xiêm. Năm Đinh mùi (1787), bà trở về Phú Quốc. Năm Mậu thân (1788), bà về lại Gia Định. Mùa đông tháng 10 năm Bính thìn (1796), đức Thế Tổ dẫn quần thần mang kim sách, kim bửu dâng lên, tôn bà làm Quốc mẫu Vương thái phi. Năm Nhâm tuất (1802), bà được phụng nghinh về kinh thành. Năm Quí hợi (1803), đức Thế Tổ tôn bà làm Vương thái hậu và cho xây cung Trường Thọ để bà ở. Năm Bính dần (1806) đức Thế Tổ lên ngôi Hoàng Đế, tôn bà làm Hoàng thái hậu. Năm Đinh mão (1807), bà được 70 tuổi đức Thế Tổ làm lễ mừng thánh thọ.

Bà người ôn nhu, đoan trang và thương yêu mọi người, đối với chị là bà Từ phi lại càng thân thiết. Bà Từ phi lâm bệnh nặng gặp lúc bà đau, đức Thế Tổ không dám tâu lên. Đến khi bà Từ phi mất bà mới biết, bà giận không chịu ăn cơm. Khi đức Thế Tổ đến thăm, bà nói : "Thân già này chỉ có một bà chị, lúc đau ốm không được thấy mặt vì thế mà ăn không ngon, ngủ không yên". Đức Thế Tổ quì dưới thềm xin lỗi và an ủi mãi bà mới chịu dùng cơm.

Năm Tân mùi (1811) bà đau nặng. Trước đó có sao chổi mọc, người hầu tâu chuyện, bà không được vui. Có đêm ra xem rồi bảo người hầu : "Sao chổi hiện ra ứng vào thân già này."

Bà mất ngày 14 tháng 9 năm Tân mùi (30–10–1811), thọ 74 tuổi. Lăng táng tại làng Đình Môn, (Hương Trà, Thừa Thiên), tên lăng là Thụy Thánh. Đức Thế Tổ tôn thụy là : " Ý Tĩnh Huệ Cung An Trinh Từ Hiến Hiếu Khang Hoàng Hậu."

Bà sinh được ba người con trai là Hải Đông Quận vương Nguyễn Phúc Đồng, Thế Tổ Cao Hoàng Đế Nguyễn Phúc Anh, Thông Hóa Quận vương Nguyễn Phúc Điền và một con gái là Long Thành Công chúa Nguyễn Phúc Ngọc Tú.

Năm Quí dậu (1813) thần chủ bà được rước về phối thờ với đức Hưng Tổ tại Hưng Miếu.

#### 10.3.1.2. NGUYỄN THỊ (Khuyết danh) (Từ phi)

Bà là chị của Hiếu Khang Hoàng Hậu. Lúc biến loạn năm Giáp ngọ (1774) bà ẩn náu trong dân gian. Mùa xuân năm Kỷ hợi (1779) đức Thế Tổ sai người rước về Gia Định ở cùng với Hiếu Khang Hoàng Hậu. Năm Nhâm tuất (1802) bà được rước về Kinh đô, ở sau cung Trường Thọ.

Bà mất năm Đinh mão (1807), ngày tháng mất không rõ, được phong tặng : "Ý Thân Huy Gia Từ Phi". Lăng táng tại làng Dương Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên). Nhà thờ ở làng Kim



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Long (Hương Trà, Thừa Thiên). Năm Giáp thìn (1844), thần chủ bà được rước về thờ tại nhà thờ Phúc Lộc Thái Trưởng Công chúa.

Bà sinh được 3 người con trai là Tương Dương Quận vương Nguyễn Phúc Hạo, người con thứ hai mất sớm, không rõ tên và An Biên Quận vương Nguyễn Phúc Mân và 2 người con gái là Phúc Lộc Công chúa Nguyễn Phúc Ngọc Du và Minh Nghĩa Công chúa Nguyễn Phúc Ngọc Tuyền.

**10.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ**

Đức Hưng Tổ có 6 Hoàng tử và 4 Hoàng nữ

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Hạo | 1. Nguyễn Phúc Ngọc Tú |
| 2. Nguyễn Phúc Đồng | 2. Nguyễn Phúc Ngọc Du |
| 3. Nguyễn Phúc Anh (Thế Tổ Cao Hoàng Đế) | 3. Nguyễn Phúc Ngọc Tuyền |
| 4. (Khuyết danh) | 4. Nguyễn Phúc Ngọc Dụ |
| 5. Nguyễn Phúc Mân | |
| 6. Nguyễn Phúc Điển | |

**10.3.3. Anh chị em**

Ngài có 17 anh em trai và 12 chị em gái

(Xem phần này ở "Đức Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế")

Đến đời đức Triệu Tổ Nguyễn Cam, lịch sử dòng họ Nguyễn đã bước vào một giai đoạn mới. Vốn mang một dòng họ đã có ân sâu nghĩa nặng với nhà Lê và với tài trí sẵn có, ngài thấy có trách nhiệm đứng ra trung hưng nhà Lê. Công cuộc trung hưng được mọi người hưởng ứng và đạt được kết quả tốt đẹp. Bất ngờ ngài bị hại giữa chừng để binh quyền vào tay con rể là Trịnh Kiểm.

Đến đời đức Thái Tổ Nguyễn Hoàng, vì tranh giành quyền lực, Trịnh Kiểm đã nhiều lần toan tính ám hại làm ngài phải lánh mình vào vùng đất Thuận Quảng xa xôi hiểm trở. Nhưng "Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt", ngài đã hướng dẫn nhân dân lập nên một sự nghiệp trọng đại : từ vùng đất khô cằn đầy sương lam chướng khí, ngài tạo nên một biên cương mới mà về sau con cháu kế tục sự nghiệp một cách vẻ vang để chúng ta có một lãnh thổ rộng lớn như ngày nay. Ngài cũng là người khai sáng ra họ Nguyễn Phúc ngày càng đông đúc, phồn vinh.

Có lẽ do sự sống còn và về sau trở thành một đức tính qui báu của dòng họ : tính chiêu hiền đãi sĩ và nhờ đó mà dòng họ Nguyễn Phúc đã qui tụ được anh hùng hào kiệt tứ xứ cùng nhau xây dựng một miền Nam độc lập tự chủ về mọi mặt. Trong hơn hai trăm năm trị vì, tổ tiên chúng ta đã gây được một niềm tin vững chắc trong lòng dân chúng về vai trò lãnh đạo của mình. Miền Nam không có cảnh loạn lạc nổi lên nhiều nơi như đã có ở đất Bắc. Tuy thỉnh thoảng cũng có một vài biến động, nhưng đó chỉ là sự tranh giành quyền lực trong dòng họ. Vì vậy, về sau, lúc triều đại suy tàn, Trương Phúc Loan muốn thay thế vai trò lãnh đạo của dòng họ Nguyễn đã gặp phải phản ứng mạnh mẽ của dân chúng để gánh lấy một hậu quả thảm thương. Và họ Trịnh cũng như Tây Sơn đều phải dùng chiêu bài họ Nguyễn mới đạt được những mưu đồ của mình.

Trong thời gian trị vì, tổ tiên chúng ta đã hoàn thành xuất sắc vai trò lãnh đạo đất nước :

– Kế hoạch mở rộng biên cương, chương trình khẩn hoang được đưa lên hàng quốc sách. Mỗi vị Chúa, trước khi ra đi, đều dặn lại con cháu và quần thần : "... hãy kế tục sự nghiệp dở dang, đây là một gánh nặng...".

– Biết tin dùng các bậc hiền tài như Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Tấn, Nguyễn Hữu Dật...

– Biết nghe theo lời nói phải trong việc dùng người như khi nghe Nguyễn Hữu Dật tâu : "... các tướng có phương lược thì không kể thân hay sơ đều cho cầm quân, còn những người họ hàng và cố cựu mà không biết việc binh thì hậu đãi, cho bổng lộc, chớ để giữ binh quyền...". Chúa khen phải, ban thưởng cho Hữu Dật vàng bạc và báu kiếm.

– Biết dùng tài đức để cảm hóa ba quân như Hiệp Đức Hầu Nguyễn Phúc Thuần khi được mọi người đồng thanh để cử làm Nguyên súy chống lại quân Trịnh : Sau khi thắng trận, ngài cấp lương thực cho tù binh trở về cố hương, lập trai đàn siêu độ cho các tướng sĩ trận vong, xa lánh nữ sắc, nghiên cứu đạo Phật.

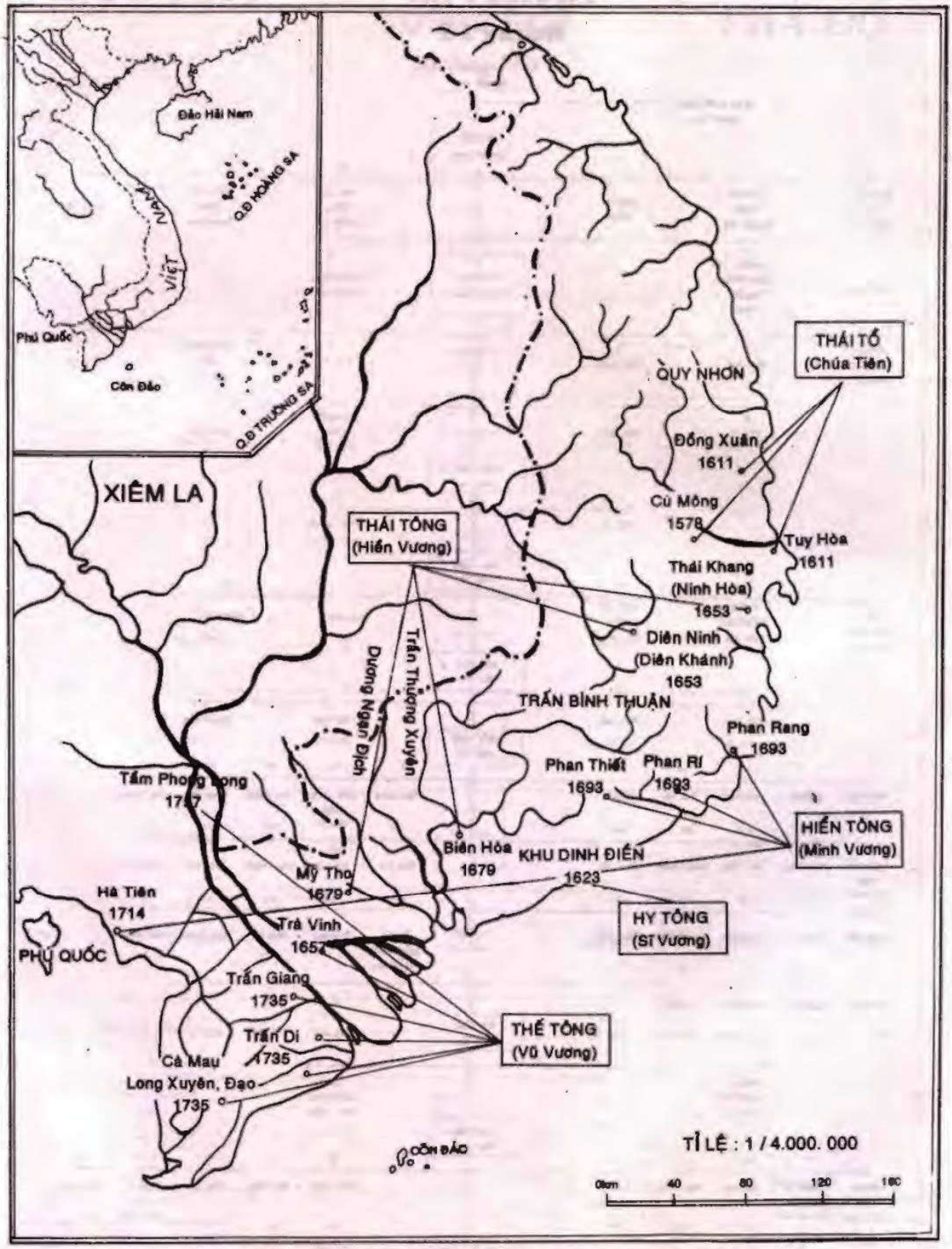
Nhờ vậy mà quân dân nhất trí một lòng cùng nhau xây dựng một miền Nam thanh bình, thịnh vượng.

Quang cảnh thanh bình đã in sâu vào lòng dân chúng nên sau đó, trong triều đại Tây Sơn tiếp theo, gặp phải tình trạng xã hội không yên ổn, mọi người ước mơ cuộc sống thanh bình ngày xưa, mong mỏi dòng họ Nguyễn trở lại vai trò lãnh đạo : "Lạy trời cho chóng gió nồm, để cho Chúa Nguyễn đong buồm thẳng ra". Vì vậy khi Thế Tổ Cao Hoàng Đế cất quân ra Bắc, lòng người theo phục, chỉ một tháng trời mà thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

Quốc hiệu Việt Nam ra đời mở ra một kỷ nguyên mới cho nước nhà.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



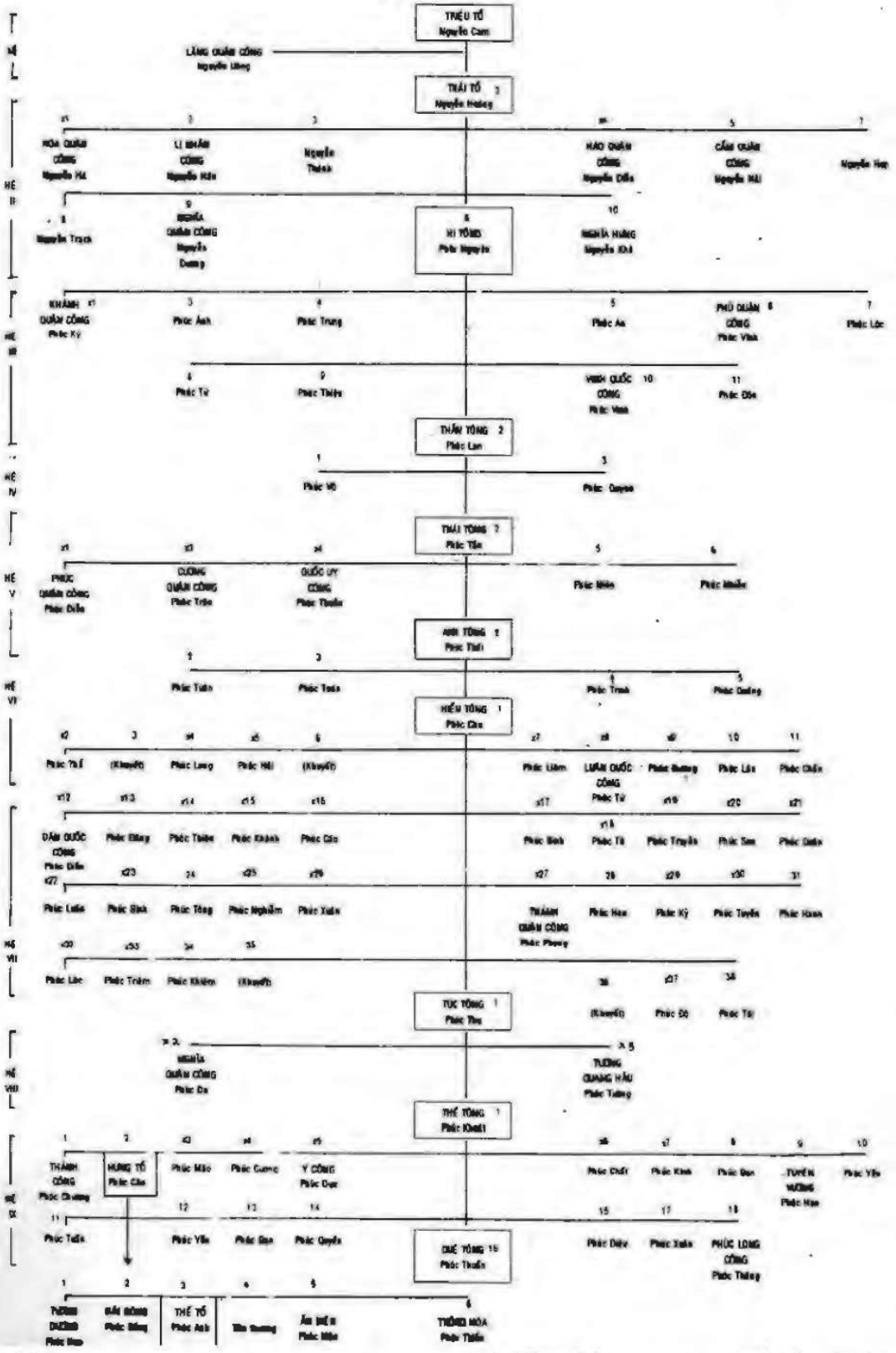

**BẢN ĐỒ 2 CÁC TIÊN TỔ MỞ NỬA NƯỚC Ở PHƯƠNG NAM**



*http://giapha.nguyenphuoctoc.info*

# VƯƠNG PHÁ — PHẢ ĐỒ 2

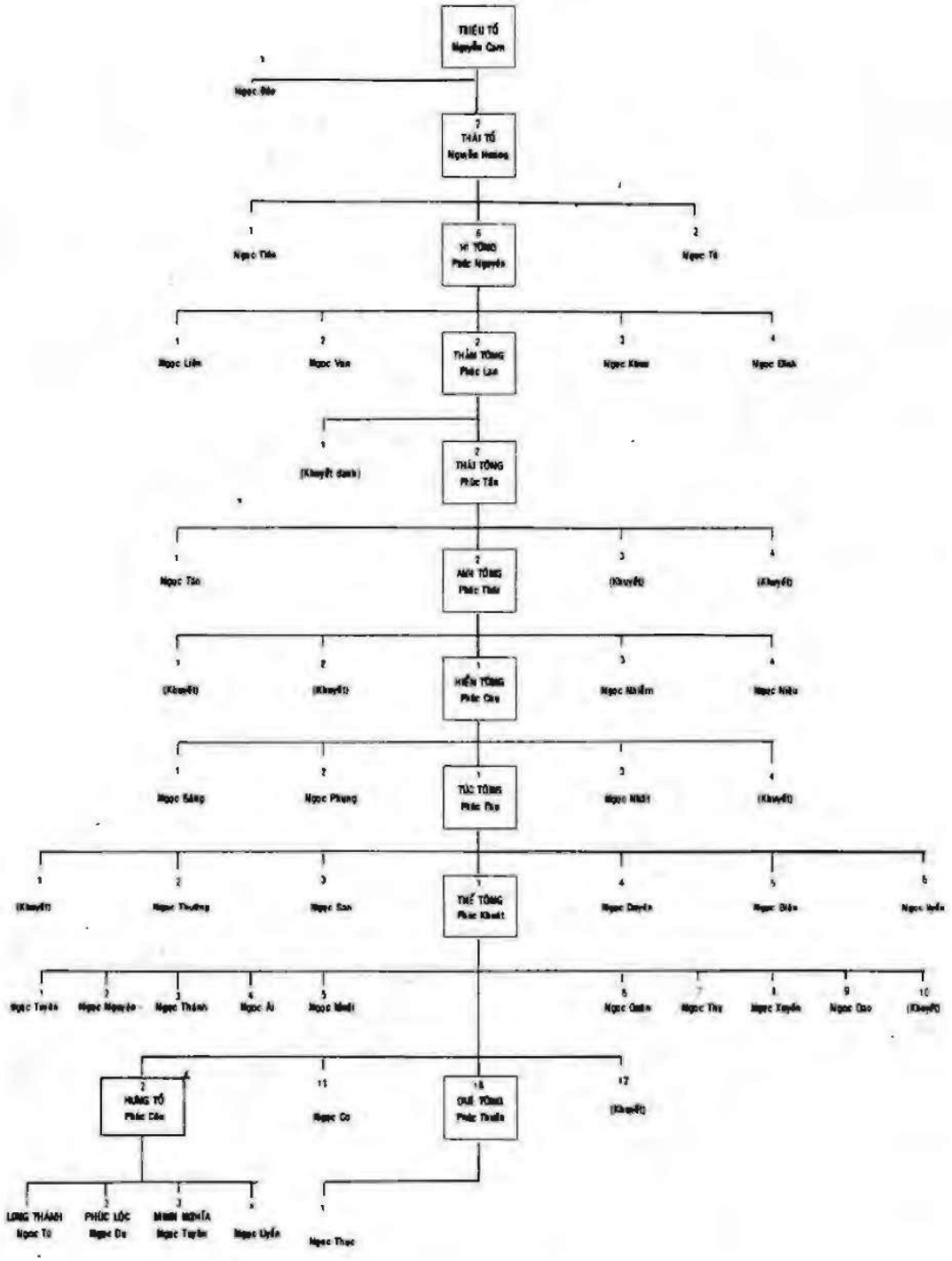
## Hoàng Tử



# VƯƠNG PHẢ

## Hoàng Nữ

# PHẢ ĐỒ 3






http://giapha.nguyenphuoctoc.info



H.5. Cổng vào lăng Trường Cơ của
Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế



H.6. Cổng vào lăng Vĩnh Hưng của
Chiêu Thánh Hiếu Triết Hoàng Hậu



H.7. Lăng Vĩnh Mậu
của Anh Tông Hoàng Hậu



H.8. Cổng lăng Trường Triệu
của Hiếu Định Hoàng Đế



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



H.9. Ngai thờ của các Đế,
hiện thờ ở Triệu Miếu



H.10. Lăng Chiêu Nghi Phu Nhân.
Bia trong thời kỳ các Chúa Nguyễn, độc nhất còn sót lại



H.11. Lăng Trường Phong
(của Hiếu Ninh Hoàng Đế)
nhìn từ bên trong ra cổng



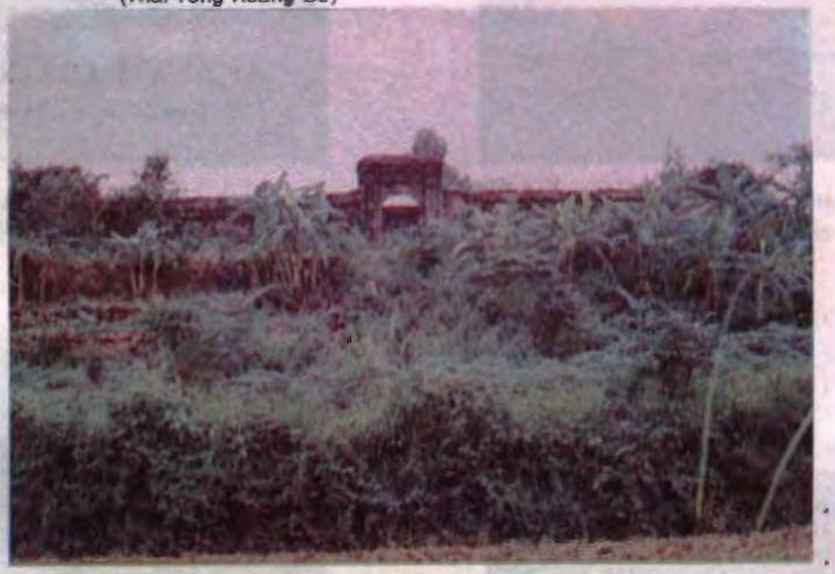
H.12. Cổng vào lăng Vĩnh Thái
(của Thế Tông Hoàng Hậu), tường bên đã sập



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



H.13. Bình Phong sau có hình rồng năm móng của lăng Trường Hưng (Thái Tông Hoàng Đế)



H.14. Lăng Trường Thái (của Thế Tông Hoàng Đế) nhìn từ xa



H.15. Lăng Quang Hưng của Huệ Thành Hiếu Triết Hoàng Hậu



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



H.16. Bên trong lăng Trường Thanh của Hiến Tông Hoàng Đế



H.17. Lăng Cơ Thánh của Hiếu Khang Hoàng Đế



H.18. Cổng và bình phong của lăng Trường Diễn (Hi Tông Hoàng Đế)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



H.19. Lăng Vĩnh Cơ của Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Hậu



H.20. Hồ Trường Mậu nhìn từ cổng lăng Trường Mậu của Anh Tông Hoàng Đế

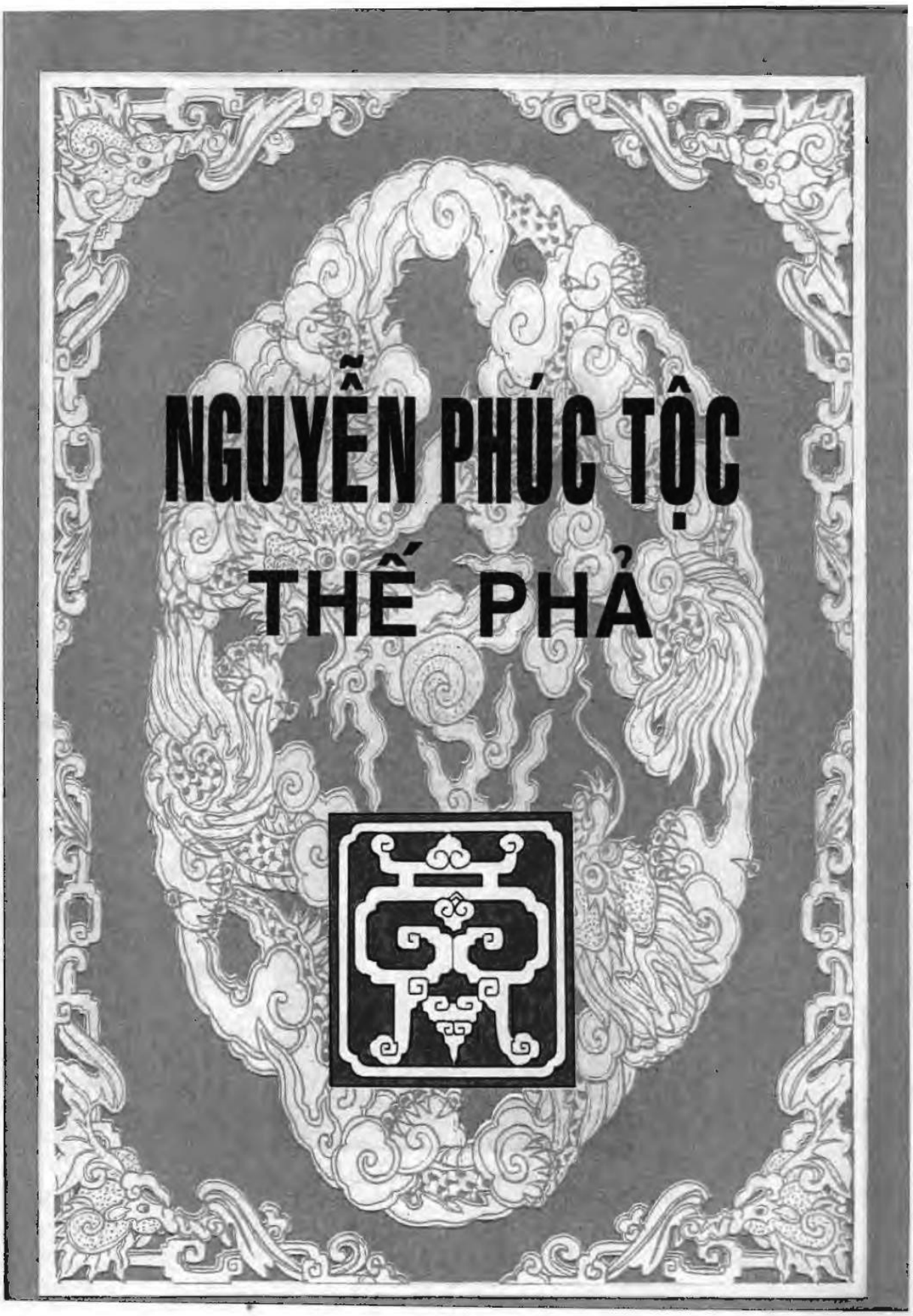


H.21. Triệu Miếu





http://giapha.nguyenphuoctoc.info


NGUYỄN PHÚC TỘC
THẾ PHẢ

# ĐẾ PHẢ

## Từ Vua Gia Long NGUYỄN PHÚC ANH đến Vua Bảo Đại NGUYỄN PHÚC THIỂN



Cao đỉnh đặt trước Thế Miếu



*http://giapha.nguyenphuoctoc.info*

*Đời thứ mười một :* Vua Gia Long
NGUYỄN PHÚC ANH

*Đời thứ mười hai :* Vua Minh Mệnh
NGUYỄN PHÚC KIỂU

*Đời thứ mười ba :* Vua Thiệu Trị
NGUYỄN PHÚC TUYỀN

*Đời thứ mười bốn :* Vua Tự Đức
NGUYỄN PHÚC THÌ
Vua Hiệp Hòa
NGUYỄN PHÚC THĂNG

*Đời thứ mười lăm :* Vua Dục Đức
NGUYỄN PHÚC ƯNG CHÂN
Vua Đồng Khánh
NGUYỄN PHÚC BIỆN
Vua Kiến Phúc
NGUYỄN PHÚC HẠO
Vua Hàm Nghi
NGUYỄN PHÚC MINH

*Đời thứ mười sáu :* Vua Thành Thái
NGUYỄN PHÚC CHIÊU
Vua Khải Định
NGUYỄN PHÚC TUẤN

*Đời thứ mười bảy :* Vua Duy Tân
NGUYỄN PHÚC HOẢNG
Vua Bảo Đại
NGUYỄN PHÚC THIỂN



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ MƯỜI MỘT

## NGUYỄN PHÚC ANH

## Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế

11.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC HẠO – Tương Dương Quận vương

11.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC ĐỒNG – Hải Đông Quận vương

11.3.3.4A. Tảo thương

11.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC MÃN – An Biên Quận vương

11.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC THIỀN – Thông Hóa Quận vương

11.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TỦ – Long Thành Công chúa

11.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TUYỀN – Minh Nghĩa Công chúa

11.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC UYỂN

11.3.3.1C. NGUYỄN PHÚC DƯƠNG – Mục Vương

11.3.3.1D. NGUYỄN PHÚC NGỌC THỤC



Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế
(ảnh chụp từ hình thờ Đức Thế Tổ ở
Nha Trang do Ô. Bửu Phi vẽ theo ảnh cũ)

# ĐỨC THẾ TỔ CAO HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC ANH

## (1762—1820)

Niên hiệu : Gia Long

Ngày sinh : 15 tháng Giêng năm Nhâm ngọ (8.2.1762)

Ngày mất : 19 tháng Chạp năm Kỷ mão (3.2.1820)

Thân phụ : Đức Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế Nguyễn Phúc Côn

Thân mẫu : Đức Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Hậu Nguyễn Thị Hoàn

Lăng tẩm : Lăng Thiên Thọ (Định Môn, Hương Thủy, Thừa Thiên)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 11.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Thế Tổ Cao Hoàng Đế húy Nguyễn Phúc Anh 阮福映 ngoài ra còn có tên Chủng và Noãn [1], là con thứ ba của Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế Nguyễn Phúc Côn và Hoàng Hậu Nguyễn Thị Hoàn. Ngài sinh ngày 15 tháng giêng năm Nhâm ngọ (8.2.1762).

### 11.1.1. Thuở thiếu thời

Khi đức Hưng Tổ mất ngài mới bốn tuổi, đức Duệ Tông rất yêu thương đem nuôi ở trong cung. Lúc 13 tuổi gặp loạn năm Giáp ngọ (1774), quân Trịnh tấn công Thuận Hóa, ngài theo đức Duệ Tông vào Quảng Nam, năm sau đến Gia Định. Đức Duệ Tông giao cho ngài giữ chức Chưởng sứ, mỗi khi có việc quân thường được mời bàn tính và các tướng rất bái phục.

Năm Đinh dậu (1777) Sài Côn (Sài Gòn) bị quân Tây Sơn chiếm, đức Duệ Tông phải lánh mình vào Long Xuyên, sau đó đức Duệ Tông và Tân chính vương (Nguyễn Phúc Dương) đều bị hại, chỉ có riêng ngài trốn thoát lánh mình ở đảo Thổ châu, rồi trở về tụ tập các tướng sĩ khởi binh ở Long Xuyên đánh lấy Sài Côn. Các tướng tôn ngài làm Đại nguyên súy Nhiếp chính quốc, lúc ấy ngài 17 tuổi.

### 11.1.2. Thời kỳ xưng vương

Năm Canh tý (1780), tướng sĩ tôn ngài lên ngôi vương ở Sài Côn, dùng ấn Đại Việt Quốc Nguyễn Chúa Vĩnh Trấn Chi Bửu. Từ năm Nhâm dần (1782) đến năm Bính Thìn (1786) quân Tây Sơn nhiều phen đánh phá Gia Định cố tâm hại cho được ngài. Ngài thất trận nhiều lần, có lúc bị vây ở Côn Lôn[2], có lúc lánh mình ra Phú Quốc rồi qua Xiêm đến hai lần và phải gởi Hoàng tử Cảnh theo giám mục Bá Đa Lộc[3] sang Pháp cầu viện [4].

Đến năm Đinh mùi (1787) ngài trở về Long Xuyên, các tướng giỏi và nghĩa quân theo về rất đông nên thế lực mạnh dần. Tháng 8 năm Mậu thân (1788) lấy thành Gia Định, năm Canh tuất (1790) chiếm lại Bình Thuận.

Năm Nhâm tý (1792) ngài tự thân đi đánh Qui Nhơn nhưng cũng không thành công. Từ đấy hằng năm cứ đến mùa gió nam ngài cho quân tiến ra đánh các tỉnh miền Trung, khi gió bấc nổi lên lại rút quân về Gia Định[5]. Năm Kỷ mùi (1799) ngài đánh Quy Nhơn lần thứ ba chiếm

(1) Đức Thế Tổ lúc nhỏ vốn có tên Chủng 𣍐 sau đức Hưng Tổ chọn một chữ trong bộ Nhật là để đặt tên cho ngài, gồm bên trái là chữ 日 Nhật bên phải là chữ Anh 英 (theo Sử Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu), bản dịch Đại Nam Thực Lục Chính Biên của Viện Sử học Hà Nội thì chép bên trái chữ Nhật 日 bên phải chữ Ương 央. Nguyên hai chữ trên đều có cùng nghĩa, cùng âm. Theo phiên thiết ở Khang Hy Tự điển đọc là ảnh nhưng âm Anh nên ngày trước đọc là Anh. Vì thế trong dòng họ đều kiêng và đọc trại chữ Anh thành Yến, anh em thì đọc thành yến em.
Khi đức Duệ Tông nuôi ngài ở trong cung lại đặt tên là 暖 Noãn và sau lấy tên này làm tên chính. Các sách sử triều Nguyễn đều ghi tên húy này đầu tiên.

(2) Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên chép ngài chạy về Côn Lôn rồi qua Phú Quốc, Tây Sơn đem ghe thuyền đến vây Côn Lôn đến ba vòng, theo Maybon trong Histoire moderne du pays d'Annam thì đức Thế Tổ lúc bị Tây Sơn đuổi đánh thế cùng không thể nào chạy xa xuôi nhiều vòng từ Phú Quốc đến Côn Lôn, và quân Tây Sơn cũng không đủ thực lực vây đảo này đến ba vòng. Côn Lôn ở đây có lẽ chỉ đảo Kohrong trong vịnh Xiêm La, là đảo nhỏ ở gần Phú Quốc.

(3) Bá Đa Lộc là phát âm của chữ Pedro tiếng Bồ Đào Nha, chữ này trong tiếng Pháp là Pierre, tên thánh của giáo sĩ Pigneau de Béhaine (tiếng Hán Việt gọi là Bi Nhu). Sau giáo sĩ mất tại Thị Nại và đưa về Gia Định an táng, lăng của giáo sĩ gọi là lăng Cha Cả.

(4) Khi giám mục Bá Đa Lộc đưa Hoàng tử Cảnh sang Pháp xin cầu viện, giám mục thay mặt đức Thế Tổ ký với De Montmorin Thượng Thư Bộ Ngoại giao Pháp thay Pháp hoàng một hòa ước gọi là Hòa ước Versailles gồm 10 điều khoản vào ngày 28.11.1787. Nhưng đến năm 1788 Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Ấn Độ được toàn quyền giúp Thế Tổ, đã trì hoãn không đưa quân giúp và gởi ý kiến về nước. Qua tháng 10 năm 1789 Tham Chính viện ở Pháp (Conseil d'Etat) bác đề nghị thi hành hiệp ước. Về sau khi đức Thế Tổ thu phục được đàng trong có viết thư đề ngày 17 tháng chạp năm Cảnh Hưng thứ 50 (21.1.1791) gửi cho Pháp hoàng, đại ý cảm ơn và nói hiện đã thu phục được một phần giang sơn không cần cứu viện của Pháp nữa.

(5) Người trong nước trông ngóng quân của ngài từ Gia Định ra đánh Tây Sơn nên thời bấy giờ có câu ca dao còn truyền



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

được thành đổi tên là Bình Định, giao cho Vũ Tính và Ngô Tùng Chu giữ. Bình Định ở vị trí lẻ loi khó tiếp viện, nên mùa thu năm đó quân Tây Sơn vây thành và chặn đường tiếp viện phía nam. Nhờ Vũ Tính giỏi cố thủ nên thành không bị mất. Năm Canh thân (1800) ngài tự thân đi cứu viện đánh nhau nhiều phen với quân Tây Sơn nhưng không giải được vây. Năm Tân dậu (1801) nghe theo lời khuyên của các tướng và nhất là lời tâu của Vũ Tính[1], qua mùa hạ ngài theo đường thủy dẫn quân đánh Thuận Hóa. Ngày mồng một tháng 5 năm Tân dậu (1801) tiến quân vào cửa Tư Hiền, ngày mồng hai tiến đến bến Trường Hà, ngày mồng ba (2.6.1801) thu phục lại Kinh đô cũ. Xa giá tiến vào Kinh thành, ngài cho thu ấn tín, niêm phong kho tàng của Tây Sơn và an định dân chúng.

Từ ngày giữ chức Đại nguyên súy đến lúc này trải qua 25 năm, ngài được 40 tuổi, nhiều phen vào sinh ra tử mới thu phục lại Kinh đô.

**11.1.3 Thời kỳ xưng đế**

Đến tháng tư năm Nhâm tuất (1802) ngài cho sửa chữa Hoàng thành, qua ngày mồng một tháng 5 cho lập đàn ở xã An Ninh (nay là Kim Long, Hương Trà, Thừa Thiên) hiệp tế trời đất về việc đặt niên hiệu, hôm sau ngày mồng hai tháng 5 (1.6.1802) vua ngự ở điện nhận lễ triều hạ, đặt niên hiệu Gia Long, ban lệnh đại xá khắp nước. Sau đó cho dựng Thái miếu ở bên trái Hoàng thành.

Qua tháng 6 ngày đưa quân ra Bắc tiểu trừ quân địch. Đến ngày 21 tháng 6 xa giá tiến vào Thăng Long thực hiện việc thống nhất sơn hà[2] Sau đó ngài ban dụ cho các cựu thần nhà Lê cùng kẻ sĩ Bắc Hà đến triều kiến, tùy theo tài năng mà bổ dụng. Ngài còn chu cấp cho những người trung nghĩa ở miền Bắc đã bỏ mình. Ngài đến viếng miếu thờ vua Lê Thái Tổ, sắc phong cho con cháu nhà Lê và họ Trịnh, cấp cho tự điền và mộ phu để lo việc thờ tự tổ tiên. Đến tháng 10 ngài trở về Thanh Hóa yết kiến lăng miếu ở Thiên Tôn[3] ngày 26 trở về Kinh bái yết Thái miếu.

Tháng 11 năm Nhâm tuất (1802) ngài làm lễ tế trời đất, yết Thái miếu hiến phu và xử trị vua quan Tây Sơn[4].

Tháng giêng năm Giáp tý (1804) ngài làm lễ nhận tuyên phong của nhà Thanh, qua tháng 2 đổi quốc hiệu là Việt Nam và mãi đến năm Bính dần (1806) ngài mới làm lễ lên ngôi Hoàng Đế ở điện Thái Hòa.

Cuối đời Tây Sơn chính sự thối nát, phong tục hủy hoại nên việc cai trị rất khó khăn, mọi việc trong nước đều được ngài sắp đặt từ đầu. Ngài chia nước thành 23 trấn 4 dinh, trấn lại chia thành phủ, huyện, châu và xã. Trong triều thì được phân thành 6 bộ : Lại, Hộ, Binh, Hình, Công, Lễ, lại đặt Đô sát viện để lo việc can gián vua và đàn hặc các quan.

---

tung đến giờ :
Lay trời cho cả giò nồm,
Để cho chúa Nguyễn kéo buồm thẳng ra.

(1) Trong bài biểu Vũ Tính cho người lên đưa ra khỏi thành dâng lên cho Thế Tổ có viết : "Tướng giỏi, binh mạnh của Ngụy Tây Sơn đều ở tại đây. Phú Xuân hiện là thành trống không. Thực hiện kế này giống như lấy ngói đổi vàng. Chiếm được Phú Xuân mà đổi lấy một mạng của thần thì thần cho là quá đủ".

(2) Khi Thế Tổ tiến đánh Thăng Long, vua Tây Sơn là Nguyễn Quang Toản cùng với các em là Quang Thùy, Quang Duy, Quang Thiệu vượt sông Nhị Hà đến Xương Giang trú trong chùa Thọ Xương (thuộc Bắc Ninh), dân chúng tràn đến bắt. Quang Thùy thắt cổ chết, còn Quang Toản, Quang Duy và Quang Thiệu bị bắt bỏ cũi đem nộp tại thành Thăng Long. Quân Tây Sơn bấy giờ hoàn toàn tan rã.

(3) tức núi Triệu Tường có lăng đức Triệu Tổ ở đó (thuộc huyện Tống Sơn, Thanh Hóa).

(4) hiến phu : hiến là dâng lên, phu là tù binh, tức dâng lên những tù binh đã bắt được.
Vua quan Tây Sơn đều bị giết vào tháng 11 này. Nhà Tây Sơn kể từ Nguyễn Huệ lên ngôi vua đến giờ được 14 năm



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Về việc binh ngài cho giảm bớt quân, đặt phép tuyển chọn quân ở các dinh trấn, cho quân phòng thủ những nơi hiểm yếu trong nước. Về tài chánh thì đặt lại các loại thuế, thể thức miễn giảm thuế. Ngoài ra cho sửa sang lại hệ thống giao thông, đắp đê điều phòng ngừa thiên tai. Để bài trừ những tệ đoan xã hội ngài cho đặt ra những pháp luật nghiêm minh, sai Nguyễn Văn Thành soạn ra bộ luật gồm 22 quyển 398 điều căn cứ theo luật Hồng Đức và luật nhà Thanh.

Tuy nhờ vũ công mà lấy lại cơ nghiệp, nhưng ngài rõ việc giữ nước cần phải có những quan văn giỏi, cho nên rất chú trọng đến việc học hành. Ngài cho dựng Văn miếu thờ đức Khổng Tử tại Kinh đô và các dinh trấn, lại đặt Quốc tử giám, mở khoa thi đào tạo kén chọn nhân tài, đặt quan đốc học và các người khoa bảng dời Lê trông coi việc dạy dỗ. Ngài cũng lo đến việc soạn quốc sử và sách địa dư, sai soạn bộ Cương Mục tiền biên và chính biên, sai Binh bộ Thượng thư Lê Quang Định nghiên cứu các vùng trong nước từ Lạng Sơn đến Hà Tiên về địa thế, phong tục, thổ sản... để soạn bộ Nhất Thống Địa Dư chí gồm 10 quyển, lại sai tìm những sách sử đời trước để sửa chữa và soạn quốc sử.

Với tổ tiên ngài lo sửa sang lại các lăng tẩm[1], đem về Kinh an táng những người thân trong họ đã bỏ mình vì nước, với họ tộc ngài giao cho Phúc Long Công trông coi và dụ rằng : "Xưa nay các bậc đế vương đều lấy sự thuận hòa và hậu đãi người trong gia tộc làm trọng, nhưng phải có phép tắc ràng buộc mới giữ vẹn được tình thân và cùng chung hưởng phú quý. Trước đây khi vận nước điêu linh các thân tộc phải chịu nhiều nỗi cay đắng. Nay ta nhờ ân trạch của liệt Thánh lấy lại non sông, muốn thân tộc giữ phép tắc để cùng hưởng phúc chung, nhưng gần đây nghe nói có kẻ chiếm đoạt nhà đất của dân, có kẻ say sưa dọa nạt dân, làm nhiều điều phi pháp thực là đáng ghét. Việc trị nước trước hết phải tề gia, xem như họ hàng Tây Sơn cậy thế hung hãn khiến mọi người đều ta thán mà đến bại vong, gương ấy trước mắt. Nay nên họp lại mà răn dạy không được kiêu ngạo ngang ngược mà mắc tội. Pháp luật thi hành từ gần trước, phải thận trọng".

Việc giao thiệp với các nước ngoài ngài đều lấy chủ trương hòa làm chính. Sau khi thống nhất, ngài cho người sang cầu phong ở Trung Hoa và chịu việc triều cống. Với Xiêm La thì cho giảng hòa để đưa Nặc Ông Chân về cai trị Chân Lạp. Với Tây phương và nhất là người Pháp, tuy có nhiều người giúp đỡ ngài trong lúc còn trong cảnh gian truân và vẫn còn nhận chức tại triều đình, ngài tránh không muốn cho họ xâm lấn vào quyền hạn của mình. Ngài vẫn để cho tàu của Pháp ghé bến Đà Nẵng để buôn bán. Nhờ sự ngoại giao khéo léo và không biệt đãi một nước nào nên rất được lòng các lân bang và các nước Tây phương.

### 11.1.4 Thời kỳ cuối đời

Năm Giáp tuất (1814) ngài cho xây lăng Thiên Thụ ở làng Định Môn (Hương Thủy, Thừa Thiên). Năm Bính tý (1816) ngài được 55 tuổi cho ban dụ về việc lập Thái Tử và cho lập hoàng

(1) Trong Đại Nam Liệt Truyện chép về Nguyễn Huệ (vua Quang Trung) có ghi : "Huệ tàn ngược vô đạo, sơ cứ đô thành giả, Liệt thánh chư tôn giai phạm chi" (Huệ tàn bạo vô đạo, lúc mới chiếm cứ Kinh đô xâm phạm tất cả các lăng của Liệt thánh).
Tất cả các lăng tẩm từ đức Thái Tổ đến đức Thế Tông đều bị phá hoại. Riêng về lăng của đức Hưng Tổ vào năm Canh tuất (1790) quân Tây Sơn khai quật hài cốt đổ xuống sông trước mặt tức sông Hương. Theo truyền thuyết sau khi thua đức Thế Tổ nhiều trận, Tây Sơn cho rằng nhà Nguyễn có mồ mả phát vương, mới sai đào hài cốt các bậc tiên vương nhà Nguyễn đổ xuống hố sâu và sai Nguyễn Văn Ngữ đào lăng Hưng Tổ đổ xuống sông.
Trong Đại Nam Liệt Truyện tiền biên, trong phần chép về Hoàng Nữ Ngọc Tuyển (con đức Thế Tông) có chép : "... gặp lúc giặc Tây Sơn vô đạo phạm lăng tẩm các Liệt thánh, bà mật lệnh cho con rể là Nguyễn Đức Duệ với lão nì thân tín đến các xã Định Môn, Kim Ngọc, Cư Chính ngầm khiến nhân dân tùy nghi bảo vệ, cho nên có người ở xã Cư Chính là Nguyễn Ngọc Huyên chôn dấu Cơ thánh lăng ở nơi an ổn". Điều trên chứng tỏ các lăng đều bị đào bới.
Khi tu sửa các lăng, đức Thế Tổ cho an táng ở tại nơi cũ. Nhưng di tích cũ chẳng còn lại một gì. Ngay các lăng của Hoàng Tử, Công Chúa từ đời Thái Tổ đến Hưng Tổ cũng bị phá hủy.
Trong sử nhà Nguyễn dùng những chữ nhẹ nhàng như "phạm", "xâm phạm" để chỉ hành động của Tây Sơn vì là phép kỵ húy trong việc dùng chữ trước các lăng của Liệt thánh.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

tử thứ tư Nguyễn Phúc Đảm làm Thái Tử, chế áo mũ và ban kim sách, kim bửu. Ngày 11 tháng chạp năm Kỷ mão (1819) ngài đau nặng cho triệu Thái tử, các thân công cùng đại thần vào nhận di chiếu. Ngày 19 tháng chạp (3.2.1820) giờ Tị ngài băng thọ 58 tuổi.

*
* *

Ngài là người khôn ngoan có tài trí, rất giỏi việc binh, mang đức tính của người khai sáng cơ nghiệp. Trong 25 năm trời chống nhau với địch, phiêu giạt chân trời góc biển, biết bao phen hoạn nạn vẫn không làm nản lòng, một niềm lo khôi phục cơ nghiệp của liệt thánh.

Ngài biết chọn người để dùng, đối đãi với tướng sĩ một lòng chân thành khiến hào kiệt các nơi quy về và một lòng giúp đỡ, ngài biết khích lệ các tướng sĩ nên có những người hy sinh trong việc khôi phục cơ nghiệp[1]. Ngay những người Tây phương tuy cũng vì quyền lợi riêng của họ, nhưng hết lòng phò tá, như cha Bá Đa Lộc[2] quá tín thân để ngài gởi gấm con côi, cha lại còn bỏ tiền ra mua khí giới cùng tàu thuyền để giúp việc khôi phục. Người trong nước một lòng mong ngóng, trông ngài thắng lợi để có cuộc sống thanh bình.

Ngài là người có óc tiến bộ, biết tổ chức quân đội theo Tây phương, xây Kinh thành theo những kiến trúc mới, đổi mới việc truyền giáo của các giáo sĩ, ngài đã từng nêu ý kiến với giám mục Bá Đa Lộc là cần có sự kết hợp giữa Thiên chúa giáo và phong tục cổ truyền của dân tộc ta để tránh sự va chạm. Trong thời ngài Phật giáo lại được chấn hưng. Sau cơn tàn phá của binh lửa, ngài cho trùng tu rất nhiều chùa chiền trong nước.

Ngài một lòng nghĩ đến tổ tiên, ngay trong những lúc chưa an định đã lập miếu thờ ở Gia Định, rồi sau đó dựng Thái miếu. Triệu miếu khi lấy lại được Kinh đô. Đối với mẹ, ngài rất chí hiếu trong những lúc hoạn nạn vẫn muôn vàn lo lắng. Với vợ thật chí tình, chẳng bao giờ quên được những lúc cùng trải bao gian khổ và vì thế đã đưa Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu từ bậc Phi tiến đến Vương Hậu rồi Hoàng Hậu. Ngài một lòng yêu thương con cháu nhưng rất nghiêm khắc, như rất thương Hoàng Tử Cảnh vì có nhiều công trong buổi dựng nước, mến Thiệu Hóa quận vương vì tính hiền từ thận trọng, khen thưởng Thọ Xuân vương vì hiếu học nhưng rất quở trách Định Viễn quận vương lúc ham chơi. Ngoài ra ngài cho thu thập các gia phả liên quan đến dòng họ, vì vậy các chi họ Nguyễn khắp nơi gởi gia phả về nhận họ hàng. Các ngọc phả được dâng lên như "Hoàng Triều Tông Đồ", "Hoàng Gia Phả Hệ", "Hoàng Triều Ngọc Phả" v.v...

Người ta thường bảo ngài khắc nghiệt đối với công thần, đặt luật lệ với dân quá hà khắc, nhưng thử hỏi trong giai đoạn trung hưng lòng người ly tán, muốn lập kỷ cương, xếp việc cai trị mang lại an vui ấm no cho dân, nếu phép tắc không rõ ràng, thưởng phạt không nghiêm minh thì làm sao giữ được nước. Ngài đã nhìn xa thấy rộng khi lập hoàng tử thứ tư lên kế vị, vì hiểu việc dựng nước đã khó nhưng việc giữ nước lại càng khó. Bởi thế không những ngài khôi phục được nghiệp cũ, thống nhất đất nước mà còn sửa sang được mọi việc khiến nước ta trở thành một cường quốc trong vùng vào thời bấy giờ. Công nghiệp của ngài quả thật lớn lao.

### 11.2.- LĂNG VÀ MIẾU THỜ

Tháng 3 năm Canh thìn (1820), Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế dâng tôn thụy là Thế tổ Khai Thiên Hoằng Đạo Lập Kỷ Thủy Thống Thần Văn Thánh Vũ Tuấn Đức Long Công Chí Nhân Đại Hiếu Cao Hoàng Đế. Qua tháng 4 an táng ngài ở lăng Thiên Thụ.

---

(1) Theo giúp đức Thế Tổ khôi phục lại cơ nghiệp có rất nhiều người tài giỏi như Vũ Tĩnh, Chu Văn Tiếp, Vũ Di Nguy, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Ngô Tùng Châu... Ngay những tướng Tây Sơn về hàng cũng hết sức phò tá như Lê Chất, Ngô Văn Sở...

(2) Ngoài giám mục Bá Đa Lộc còn rất nhiều người Pháp theo giúp đức Thế Tổ trong việc khôi phục như Olivier de Puymane (ông Tín), Philipe Vannier (ông Chấn), Jean Marie Dayot (ông Trí), De Forcant (ông Lăng), Laurent Barlay (ông Mân)....



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Nhâm ngọ (1822) vua Minh Mệnh cho rước thần chủ về thờ ở điện Hoàng Nhân; dựng Thế miếu và thờ ngài ở gian chính giữa.

Ngoài ra ngài còn được thờ ở điện Minh Thành tại lăng Thiên Thụ, điện Phụng Tiên ở trong cung.

## 11.3.– GIA ĐÌNH

### 11.3.1. Hậu và phi

#### 11.3.1.1. TỐNG THỊ LAN 宋氏蘭
(Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu)

Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu húy Tống Thị Lan, tự là Liên 蓮, người quê Tống Sơn, Thanh Hóa, là con gái thứ ba của Qui Quốc Công Tống Phúc Khuông, mẹ họ Lê. Bà sinh ngày 25 tháng 12 năm Tân tị (19.1.1762)

Khi có biến năm Giáp ngọ (1774), bà theo cha vào Nam đến ở Gia Định. Năm Mậu tuất (1778) bà 18 tuổi, được tiến cung rồi tấn phong làm Nguyên Phi. Bà thận trọng lễ phép, cư xử đúng theo lễ nghi nên Thế tổ rất sủng ái.

Năm Quí mão (1783) quân Tây Sơn đánh Gia Định, Thế Tổ phải lánh mình ra Phú Quốc, người Xiêm đem thuyền đến đón. Trước khi sang Xiêm, Thế Tổ cho Hoàng tử Cảnh qua Pháp cầu viện. Ngài lại đem ra một dật vàng giao cho bà một nửa mà bảo rằng : "Con chúng ta đi rồi, ta cũng sẽ đi đây. Phi ở lại phụng thờ quốc mẫu[1], chưa biết sau này sẽ gặp nhau ở đâu và vào lúc nào, Phi cất vàng này làm của tin[2]".

Năm Mậu thân (1788) khi Thế Tổ lấy lại Gia Định, cho người đến Phú Quốc đón bà. Từ đấy mỗi lần Thế Tổ thân chinh bà đều đi theo.

Năm Bính thìn (1796) bà được lập làm Vương hậu. Đến năm Bính dần (1806) được lập làm Hoàng Hậu.

Giờ tuất ngày 3 tháng 2 năm Giáp tuất (22.2.1814) bà mất, thọ 54 tuổi. Ngày 18 làm lễ thành phục, Thế tổ sai Hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm dâng lễ điện[3]. Qua năm sau bà được an táng tại lăng Thiên Thụ[4].

Tháng 6 năm Canh thìn (1820) tôn thụy là : Thừa Thiên Tá Thánh Hậu Đức Từ Nhân Giản Cung Tề Hiếu Dục Chính Thuận Nguyên Cao Hoàng Hậu.

Năm Nhâm ngọ (1822) thần chủ của bà được rước vào thờ ở Thế miếu, ở bên phải thần chủ của Thế Tổ. Bà còn được thờ ở điện Phụng Tiên trong Hoàng thành và điện Minh Thành ở lăng Thiên Thụ.

Bà là người nhân hậu, cần kiệm, biết thương yêu tất cả mọi người. Trong lúc bôn ba nơi gian hiểm, bà tự tay dệt nhung phục cho quân sĩ. Một hôm đang đi thuyền thì gặp địch, Thế Tổ giục quân cố sức đánh, bà cũng cầm trống thúc quân khiến tướng sĩ phấn chấn mà đạnh bại

---

(1) tức Hiếu Khang Hoàng Hậu mẹ đức Thế Tổ.

(2) Về sau khi định yên đất nước, bà đem dật vàng dâng lên cho Thế Tổ. Thế Tổ nói : "Dật vàng làm tin còn, tất trời giúp cho ta, không nên quên lúc gian nan, cần giữ lại cho con cháu cùng biết". Sau bà đem giao cho Thánh Tổ. Thánh Tổ cho khắc trên dật vàng các chữ "Thế Tổ Đế Hậu Quí mão bá thiên thời tín vật" (của làm tin của Thế Tổ Đế và Hậu khi bôn ba năm Quí mão), rồi cho đem thờ ở điện Phụng Tiên.

(3) Lúc hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm (Thánh Tổ) được 3 tuổi, Thế Tổ khiến bà nuôi làm con, bà đòi phải làm giấy. Thế Tổ khiến Lê Văn Duyệt viết một tờ giấy ban cho bà, từ đấy hoàng tử Đảm vào Đại Nội hầu cận làm con của bà. Khi bà mất quần thần nhiều người bàn để cho Hoàng tôn Đán (Mỹ Đường) con của Hoàng tử Cảnh làm chủ tế, nhưng Thế Tổ bảo : 'Hoàng tử tử là con của Hậu có khế hẳn hoi thì phải đứng làm chủ tế. Việc quốc gia đại sự đâu có thể theo lệ mọi nhà mà làm'. Nguyễn Văn Thành lại cho là khó xưng hô trong chức văn. Thế Tổ bảo : 'con theo lệnh cha tế mẹ là danh chính ngôn thuận, có gì phải bàn'

(4) Lăng này khi xây Thế Tổ dựa theo phép cổ, hợp táng cả Đế và Hậu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

đích. Đức hạnh của bà thật xứng đáng là bậc mẫu nghi trong thiên hạ, đúng với câu được ghi trong văn sách lập làm Hoàng Hậu :

Hòa dịu cần kiệm tỏ đức hay, làm khuôn mẫu cho mọi gia đình.

Đem phong hóa quan thư[1] khiến Tu, Tề, Trị, Bình được trông cậy[2].

Bà sinh được hai hoàng tử, trưởng là Nguyễn Phúc Chiêu mất sớm, con thứ là Nguyễn Phúc Cảnh sau được lập làm Đông cung.

Ông Tổng Phúc Khuông thân sinh của bà được phong Thái Bảo tước Quốc Công, và được lập nhà thờ ở Phú Xuân, (Thừa Thiên) gọi là Tống công từ (sau đổi thành Qui Quốc công Tống công từ), rồi lại được đời về Kim Long, (Thừa Thiên) và đổi tên là Qui Quốc Công từ.

### 11.3.1.2. TRẦN THỊ ĐANG 陳氏瑞

(Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu)

Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu húy là Trần Thị Đang, lại húy là Kính 璥 người làng Văn Xá (Hương Trà, Thừa Thiên) là con gái của Thọ Quốc công Trần Hưng Đạt, mẹ họ Lê. Bà sinh giờ ngọ ngày 27 tháng 11 năm Mậu tý (4.1.1769).

Gặp biến cố năm Giáp ngọ (1774), Hiếu Khang Hoàng Hậu về ẩn náu ở làng An Du, bà được vào hầu. Năm Mậu tuất (1778) khi Thế Tổ nhiếp chính ở Gia Định, sai người ra rước quốc mẫu vào Nam, bà cùng với các công chúa đều đi theo hầu. Bà tấn cung năm 14 tuổi được phong là Tả cung tần còn gọi là Nhị phi.

Khi quân Tây Sơn còn mạnh thế, bà theo Thế Tổ phiêu dạt nhiều nơi, đêm đêm thường thắp hương cầu khẩn : "lúc này vận nước còn khó khăn chưa được an định, nếu sinh con mà bỏ đi thì bất nhân mà mang theo chỉ thêm bận lòng chúa thượng. Nếu số mệnh có con thì xin thái bình rồi mới sinh, mong Trời ban cho như thế".

Năm Mậu thân (1788) khi khắc phục được Gia Định, một đêm bà nằm mộng thấy thần nhân dâng lên một cái tỉ và hai cái ấn, tỉ có mầu sáng đẹp như mặt trời, ấn thì một cái màu sắc tím và một cái màu rất nhạt, bà nhận lấy tất cả[3]. Đến năm Tân hợi (1791) bà 24 tuổi sinh ra Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế.

Năm Tân tị (1821) bà được tấn tôn làm Hoàng Thái Hậu.

Năm Tân sửu (1841), Hiến Tổ dâng tôn hiệu là : Nhân Tuyên Từ Khánh Thái Hoàng Thái Hậu.

Năm Quý mão (1843) nhân trong cung gặp việc tốt là "ngũ đại đồng đường"[4], việc hiếm thấy xưa nay nên Hiến Tổ dâng Kim sách tấn tôn là : Thánh Mẫu Nhân Tuyên Từ Khánh Phúc Thọ Khang Ninh Thái Hoàng Thái Hậu.

Tháng 8 năm Bính ngọ (1846), bà không được khỏe, qua giờ dậu ngày 18 tháng 9 (6.11.1846) bà mất, thọ 79 tuổi. Đức Hiến Tổ dâng tôn thụy là : Thuận Thiên Hưng Thánh Quang Dũ Hóa Cơ Nhân Tuyên Từ Khánh Đức Trạch Nguyên Công Cao Hoàng Hậu.

Tháng 12 năm đó bà được an táng tại Lăng Thiên Thụ hữu[5]

---

(1) Quan thư là tên của một thiên trong Kinh thi vịnh về đức của bậc Hậu phi.

(2) Tu Tề Trị Bình là tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ của sách Đại Học, dùng để chỉ công việc của Thế Tổ.

(3) Tỉ là cái ấn của nhà vua. Đây là điềm bà sinh được ba người con trai, Tỉ tượng trưng cho Thánh Tổ, cái ấn màu nhạt tượng trưng cho Thiệu Hóa Quận Vương mất sớm lúc mới 22 tuổi.

(4) Ngũ đại đồng đường là năm đời cùng sống trong một nhà. Đây là lúc An Phong Quận vương Hồng Bảo con của đức Hiến Tổ sinh được con trai là Ưng Đạo. Tính từ Bà đến Ưng Đạo là 5 đời.

(5) Lăng Thiên Thụ hữu nằm bên phải của lăng Thiên Thụ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tháng 11 năm Mậu thân (1848) thần chủ của bà được rước về thờ ở Thế miếu tại gian chính ở bên trái thần chủ của Thế Tổ.

Bà là người cần kiệm, hiền từ, thông thuộc kinh sử, tính lại khiêm cung thường hay lo nghĩ đến dân. Năm Canh thìn (1820) khi xây xong cung Từ Thọ, dức Thánh Tổ và quần thần dâng biểu xin tôn hiệu, bà không chịu nhận mà ban rằng : "Ta biết rõ lòng thành của Hoàng Đế và các quan, nghĩ đến Ninh lăng[1] của Tiên đế mà ăn ngủ không ngon. Nay trời lại sinh lệ khí khiến quân dân sinh bệnh rất nhiều, thấy Hoàng Đế lo lắng suốt ngày, khiến ta không yên mà thương xót không xiết. Tai họa vị tất do người làm vua kém dức mà sinh ra, nhưng được thiên hạ phải có trách nhiệm với thiên hạ, còn ta được sự phụng dưỡng của thiên hạ phải có cái lo của thiên hạ, xin các bậc nguyên lão giúp Hoàng Đế hoàn thành những việc chưa trọn để đổi lại ý trời, khiến dân an vui là ta rất mừng".

Bà luôn luôn nghĩ đến việc nước, khuyên con nhủ cháu mà ít khi nghĩ đến mình. Một lần khi Thánh Tổ đến hầu cơm, bà đứng dậy đi lại tỏ ý mạnh mẽ và bảo với Thánh Tổ : "Ta biết rằng Hoàng Đế siêng năng lo lắng suốt ngày, há để cái thân già gần 70 tuổi này làm Hoàng Đế phải lo lắng thêm, nên ta gắng ăn uống thêm và thấy trong mình khỏe khoắn lắm, con chớ lo".

Một lần vào năm Quý mão (1843) nhân cùng Hiến Tổ đến ao Minh giám câu cá, bà dã dùng chuyện cá nước để khuyên vua : "Cá ở nơi ao này chẳng lo bị vây bắt, đối với các lương thần ở trong nước cũng như thế. Ngày xưa vua Chiêu Liệt nhà Hán được Gia Cát Vũ Hầu[2] giúp sức tự ví như cá gặp nước. Đạo trị nước của vua cần gần người hiền, tránh xa kẻ gian, chớ xa xỉ, phải tiết kiệm".

Bà thường lựa lúc để khuyên Hiến Tổ nên dùng những người cũ, tuân theo phép tắc của tiên triều, xử sự đúng vai trò của vua, đem đạo quân thần ngày xưa để chỉ bảo, lại khuyên nên nghĩ đến dân mà chăm lo việc nước. Có lần bà cùng với vua lên lầu Ký ân ở vườn Thường mậu nhìn ra đồng ruộng bà bảo : "Thánh Tổ đặc biệt thương Hoàng Đế hơn các con khác, nội biết rõ từ lâu. Trước dây Thánh Tổ cho dựng vườn này nhưng vì sợ phú quý mà sinh xa xỉ, nên cho dựng phủ trước đồng ruộng là để Hoàng Đế biết thương nhà nông, rõ việc cày bừa là gian nan. Hoàng Đế nên tiết kiệm chớ lấy việc ăn uống xài phí, xây cung thất vườn tược làm vui, vì như thế không rõ chí của Tiên Đế".

Trên 60 năm lo lắng cho chồng, con rồi cháu, bà đã tỏ ra là bậc mẫu nghi, hưởng được sự phụng dưỡng của thiên hạ trên 30 năm. Đã phú quý thọ khảo mà thấy được cả cháu lẫn chắt là điều hiếm có từ xưa đến nay, thật là :

Sáng suốt cao xa ngang bằng trời đất vĩnh viễn dài lâu.

Nhận hưởng khói hương dôn đốc con cháu kế thừa mãi mãi[3]

Bà sinh được ba hoàng tử, trưởng tử là Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế thứ hai là Kiến An Vương Nguyễn Phúc Đài, thứ ba là Thiệu Hóa Quận Vương Nguyễn Phúc Chấn.

Năm Nhâm ngọ (1822) bà cho xây Dụ Khánh từ ở phía tây Kinh thành để thờ Hà Hoa Quận Công, ông nội của bà, về sau đổi tên là Thọ Quốc công từ. Bà lại lập từ đường tại Văn xá thờ năm đời họ Trần từ tổ thứ năm của bà là Trần Phúc Tư (sau gọi là Dụ Khánh từ).

---

(1) Ninh lăng là lễ an táng nhà vua, ở đây chỉ lễ an táng Thế Tổ Cao Hoàng Đế.

(2) Chiêu Liệt Hoàng Đế tức Lưu Bị đời Tam quốc bên Trung Hoa, Lưu Bị được Gia Cát Vũ Hầu Khổng Minh phò tá ví như cá gặp nước.

(3) Trích văn tôn thụy bà vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

11.3.1.3. LÊ THỊ BÌNH 黎氏坪
(Đức phi)

Bà người Lam Sơn (Thọai Nguyên, Thanh Hóa) là con gái út của vua Lê Hiển Tông, em gái của Ngọc Hân Công Chúa, mẹ không rõ. Bà sinh ngày 12 tháng 12 năm Giáp thìn (22.1.1785).

Năm Nhâm tuất (1802) bà vào hầu Thế Tổ, chẳng bao lâu được phong là Tả cung tần.

Bà mất ngày 12 tháng 9 năm Canh ngọ (10.10.1810), tặng là Đức phi, thụy Cung Thận.. Tẩm ở làng Trúc Lâm (Thừa Thiên), nhà thờ ở Kim Long, (Thừa Thiên) sau dời qua làng Phú Xuân. Hiện nay bà được thờ tại nhà thờ phòng Thường Tín.

Bà sinh được hai hoàng tử và hai hoàng nữ. Trưởng nam là Quảng Uy Công Nguyễn Phúc Quân, con thứ là Thường Tín Công Nguyễn Phúc Cự, trưởng nữ là An Nghĩa Công Chúa Ngọc Ngôn, thứ nữ là Mỹ Khê Công Chúa Ngọc Khuê.

11.3.1.4. LÂM THỨC. 林拭
(Chiêu dung)

Bà còn có tên húy là Thí, năm sinh và mất không rõ, lúc mất được ban tên thụy là Trinh Thục.

Bà sinh được một hoàng tử là Nguyễn Phúc Tuấn mất sớm và hai hoàng nữ, trưởng là Bình Hưng Công Chúa Ngọc Quỳnh, thứ là Bảo Lộc Công Chúa Ngọc Anh.

11.3.1.5. NGUYỄN THỊ TẦN. 阮氏濒
(Chiêu Dung)

Bà sinh ngày 4 tháng 10 năm Tân hợi (31.10.1791). Năm Tân mùi (1811) nhập cung vào hầu Thế Tổ. Bà mất ngày 22 tháng 4 năm Đinh dậu (26.5.1837), thọ 47 tuổi, ban thụy là Uyên Thuận.

Bà sinh được một hoàng tử là Tử Sơn Công Nguyễn Phúc Mão.

11.3.1.6. PHẠM THỊ LỘC 范氏祿
(Chiêu dung)

Năm sinh và mất không rõ. Lúc mất bà được ban thụy là Huy Thục.

Bà sinh được hai hoàng nữ, trưởng là Bình Thái Công Chúa Ngọc Châu và thứ là Bảo Thuận Công chúa Ngọc Xuyến.

11.3.1.7. HOÀNG THỊ CHỨC 黃氏職
(Chiêu dung)

Năm sinh và mất không rõ. Lúc mất bà được ban thụy là Trang Ý.

Bà sinh được một hoàng nữ là Phú Triêm Công Chúa Ngọc Trân.

11.3.1.8. TỐNG THỊ THUẬN 宋氏順
(Chiêu dung)

Năm sinh và mất không rõ. Lúc mất bà được ban thụy là Trang Thục.

Bà sinh được một hoàng nữ là Nghĩa Hòa Công Chúa Ngọc Nguyệt.

11.3.1.9. DƯƠNG THỊ SỰ[1] 楊氏事
(Tiệp dư)

Bà người Duy Xuyên (Điện Bàn, Quảng Nam), con của Tuyên Uy tướng quân Dương Trung. Năm sinh và mất của bà không rõ. Khi mất được ban thụy là Tĩnh Thục.

(1) Chép theo sách Thiên Gia Bửu Sách Tự Biên, nhưng dựa vào Phả của phòng Định Viễn thì chép là Dương Thị Huyền.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Bà sinh được một hoàng tử là Định Viễn Quận Vương Nguyễn Phúc Bính, và một hoàng nữ là An Lễ Công Chúa Ngọc Cửu

11.3.1.10. DƯƠNG THỊ DƯỠNG 楊 氏 養
(Tiệp dư)

Năm sinh và mất không rõ. Khi mất bà được ban thụy là Ôn Tĩnh.

Bà sinh được một hoàng nữ là An Thái Công Chúa Ngọc Nga

11.3.1.11. NGUYỄN THỊ ĐIỀN 阮 氏 田
(Chiêu nghi)

Năm sinh và mất không rõ. Khi mất bà được ban thụy là Trinh Nhã.

Bà sinh được một hoàng tử là Diên Khánh Vương Nguyễn Phúc Tấn.

11.3.1.12. TRỊNH THỊ THANH 鄭 氏 清
(Mỹ nhân)

Năm sinh không rõ. Bà mất năm Tân mão (1831) được ban thụy Cung Lệ.

Bà sinh được một hoàng tử là An Khánh Công Nguyễn Phúc Quang.

11.3.1.13. CÁI THỊ THU 盖 氏 秋
(Mỹ nhân)

Năm sinh và mất không rõ. Lúc mất bà được ban thụy Như Ý.

Bà sinh được một hoàng nữ là An Điền Công Chúa Ngọc Vân

11.3.1.14. NGUYỄN THỊ VĨNH 阮 氏 永
(Mỹ nhân)

Năm sinh và mất không rõ. Lúc mất bà được ban thụy Cung Lệ.

Bà sinh được một hoàng nữ là Định Hòa Công Chúa Ngọc Cơ

11.3.1.15. TRẦN THỊ THỂ 陳 氏 彩
(Mỹ nhân)

Năm sinh và mất không rõ. Khi mất bà được ban thụy Lương Dung.

Bà sinh được một hoàng nữ là Công Chúa Ngọc Bích.

11.3.1.16. TRẦN THỊ HÁN 陳 氏 漢
(Tài nhân)

Năm sinh và mất không rõ. Bà sau được về quê quán. Bà sinh được một hoàng nữ là Công Chúa Ngọc Lý.

11.3.1.17. PHAN THỊ HẠC 潘 氏 鶴
(Tài nhân)

Năm sinh và mất không rõ.

Bà sinh được một hoàng nữ là Công Chúa Ngọc Thành.

11.3.1.18. NGUYỄN THỊ UYÊN 阮 氏 淵
(Tài nhân)

Năm sinh và mất không rõ. Bà sau được về quê quán.

Bà sinh được một hoàng nữ là Công Chúa Ngọc Thiều.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

11.3.1.19. ĐẶNG THỊ DUYÊN 鄧 氏 緣
(Tài nhân)

Năm sinh và mất không rõ.

Bà sinh được một Hoàng nữ là Công Chúa Ngọc Trình.

11.3.1.20. TỐNG THỊ LÂU 宋 氏 樓
(Tả cung tần)

Năm sinh và mất không rõ.

Bà sinh được một Hoàng nữ là Đức Hòa Công Chúa Ngọc Ngoạn..

11.3.1.21. NGUYỄN THỊ THỤY 阮 氏 瑞
(Cung tần)

Năm sinh và mất không rõ.

Bà sinh được một Hoàng tử là Điện Bàn Công Nguyễn Phúc Phổ.

Ngoài ra còn có một số bà không rõ tên và lai lịch.

**11.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ**

Ngoài những hoàng tử và hoàng nữ mất sớm lúc sinh tại Gia Định Thế Tổ có 13 hoàng tử và 18 hoàng nữ :

| Hoàng tử | Hoàng nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Cảnh | 1. Nguyễn Phúc Ngọc Châu |
| 2. Nguyễn Phúc Hy | 2. Nguyễn Phúc Ngọc Quỳnh |
| 3. Nguyễn Phúc Tuấn | 3. Nguyễn Phúc Ngọc Anh |
| 4. Nguyễn Phúc Đảm | 4. Nguyễn Phúc Ngọc Trân |
| 5. Nguyễn Phúc Đài | 5. Nguyễn Phúc Ngọc Xuyến |
| 6. Nguyễn Phúc Bính | 6. Nguyễn Phúc Ngọc Ngoạn. |
| 7. Nguyễn Phúc Tấn | 7. Nguyễn Phúc Ngọc Nga |
| 8. Nguyễn Phúc Phổ | 8. Nguyễn Phúc Ngọc Cửu |
| 9. Nguyễn Phúc Chần | 9. Nguyễn Phúc Ngọc Nguyệt |
| 10. Nguyễn Phúc Quân | 10. Nguyễn Phúc Ngọc Ngôn |
| 11. Nguyễn Phúc Cự | 11. Nguyễn Phúc Ngọc Vân |
| 12. Nguyễn Phúc Quang | 12. Nguyễn Phúc Ngọc Khuê |
| 13. Nguyễn Phúc Mão | 13. Nguyễn Phúc Ngọc Cơ |
| | 14. Nguyễn Phúc Ngọc Thiều |
| | 15. Nguyễn Phúc Ngọc Lý |
| | 16. Nguyễn Phúc Ngọc Thành |
| | 17. Nguyễn Phúc Ngọc Bích |
| | 18. Nguyễn Phúc Ngọc Trình |

**11.3.3. Anh chị em**

11.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC HẠO 阮 福 皞
(Tương Dương Quận Vương)

Ông là con trưởng của đức Hưng Tổ, mẹ là Từ phi họ Nguyễn. Năm sinh không rõ. Ban đầu ông giữ chức Cai Cơ, mất trong khi đánh giặc, ông mất ngày 18 tháng 7 âm lịch (không rõ





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

năm). Năm Ất sửu (1805) ông được tặng là Thái Phó Quốc Công thụy Trung Nghĩa, được thờ ở Thái miếu.

Năm Giáp tuất (1814) vua Gia Long gia tặng là Trang công, cho thờ ở Triền Thân từ[1]. Năm Tân mão (1831) vua gia tặng là Tá Vận Tôn Thần Tôn Nhân Phủ Hữu Tôn Chính, cải thụy là Cung Mục ban tước Tương Dương Quận Vương. Năm Canh tuất (1850) ông được rước về thờ ở Thân Huân từ.[2] Ông vô tự.

### 11.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC ĐỒNG 阮福峒
(Hải Đông Quận Vương)

Ông là con thứ hai của đức Hưng tổ, em cùng mẹ với đức Thế Tổ. Năm sinh không được rõ. Ban đầu ông giữ chức đội trưởng đội thuyền Gia Tam.

Mùa xuân năm Ất mùi (1775), ông theo đức Duệ Tông vào Nam, đến ở Gia Định và thường hay đi đánh giặc.

Năm Đinh dậu (1777), quân Tây Sơn xâm phạm Long Xuyên, ông bị giặc hại.

Ông mất ngày 18 tháng 9 năm Đinh dậu (18.10.1777). Năm Kỷ dậu (1789) ông được tặng là Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Cẩm Y Vệ Chưởng Vệ Sự Chưởng Cơ, thụy Anh Nghị.

Năm Ất sửu (1805) vua Gia Long phong tặng là Dực Vận Minh Nghĩa Tôn Thần Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Thái Sư, tước Quốc công và đổi thụy là Trung Tiết, cho thờ ở Thái Miếu.

Năm Giáp tuất (1814) vua gia tặng là Uy Công, cho thờ ở Triền thân từ.

Năm Tân mão (1831) vua gia tặng là Tá Vận Tôn Thần Tôn Nhân Phủ Hữu Tôn Chính, cải thụy Cung Ý, phong tước Hải Đông Quận Vương.

Năm Quý mão (1843) vua Minh Mệnh cho lập nhà thờ ở Tân An[3] (Hương Thủy, Thừa Thiên) để thờ ông cùng với Thông Hóa Quận Vương Nguyễn Phúc Điển, Thuận An Công Nguyễn Phúc Hy.

Ông vô tự.

### 11.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC MÂN 阮福旻
(An Biên Quận Vương).

Ông là con thứ 5 của đức Hưng Tổ, mẹ là Từ phi họ Nguyễn, em cùng mẹ với Tương Dương Quận Vương Nguyễn Phúc Hạo. Năm sinh không rõ.

Mùa xuân năm Ất mùi (1775) ông theo đức Duệ Tông vào Gia Định giữ chức Thiếu phó Quận Công. Năm Nhâm dần (1782) quân Tây Sơn tấn công Sài Côn, Thế Tổ phải lánh mình ra Phú Quốc, sau đó cùng với Chu Văn Tiếp đại phá địch ở Ngưu Chữ, chiếm lại Sài Côn rước Thế Tổ về.

---

(1) Triền Thân từ ở Vân Dương (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ này gồm hai phần, phần trước gọi là Tiền từ gồm 9 gian xây năm Giáp tuất (1814). Phần sau gọi là Hậu từ gồm 7 gian 2 chái xây năm Nhâm thìn (1832). Tiền từ thờ các vị hoàng tử mất sớm, hậu từ thờ các vị hoàng nữ mất sớm.

(2) Thân Huân từ ở Tân An (Hương Thủy, Thừa Thiên) xây dựng năm Quý mão (1843) gồm 5 gian 2 chái. Ban đầu thờ Hải Đông Quận Vương, Thông Hóa Quận Vương, Thuận An Công. Từ năm Canh tuất (1850) đem Tương Dương Quận Vương và An Biên Quận Vương vào thờ chung và đổi tên là Thân Huân từ.

(3) Tức đền thờ Thân Huân ở chú (2).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Mùa xuân năm Quý mão (1783) quân Tây Sơn lại tấn công, ông giữ lũy Giác ngư. Lũy bị hãm, ông chạy qua cầu treo bị địch chặt đứt cầu rơi xuống nước mà chết.

Ông mất ngày 24 tháng 2 năm Quý mão (26.3.1783).

Năm Kỷ dậu (1789) ông được tặng Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Cẩm Y Vệ Chưởng Vệ Sự Chưởng Dinh, thụy là Trung Dũng.

Năm Ất sửu (1805) vua Gia Long gia tặng là Tuyên Lực Tôn Thần Khai Phủ Phụ Quốc Nguyên Súy Thái Phó Nghị Công, thụy Trung Hiến, cho thờ ở Triển thân từ. Đến năm Giáp thân (1824) vua Minh Mệnh cho thờ ở Thế Miếu.

Năm Tân mão (1831) vua gia tặng là Tá Vận Tôn Thần Tôn Nhân Phủ Tôn Nhân Lệnh, cải thụy là Trung Hoài, phong tước An Biên Quận Vương.

Năm Canh tuất (1850) rước về thờ ở Thân Huân từ.

Ông vô tự.

### 11.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC THIỂN 阮福暹
(Thông Hóa Quận Vương)

Ông là con thứ sáu của đức Hưng Tổ, em cùng mẹ với đức Thế tổ. Năm sinh không rõ.

Năm Ất mùi (1775) ông theo đức Duệ Tông vào Gia Định, thường hay đi đánh giặc.

Năm Quý mão (1783) quân Tây Sơn tấn công Sài Côn, ông theo Thế Tổ lánh mình ra Phú Quốc. Đến đảo Diệp Thạch, địch đuổi theo kịp, ông bị bắt, mắng chửi địch cho đến chết.

Ông mất vào tháng 6 năm Quý mão (1783).

Năm Kỷ dậu (1789) ông được phong là Cẩm Vệ Y Chưởng Vệ Sự Cai Cơ, thụy Tráng Tiết.

Năm Ất sửu (1805) vua Gia Long tặng là Dực Vận Tĩnh Nạn Tôn Thần Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân thái Bảo Quốc Công, thụy Trung Mẫn, cho thờ ở Thái Miếu.

Năm Giáp tuất (1814) vua gia tặng là Tương Công, thờ ở Triển thân từ.

Năm Giáp thân (1824) vua Minh Mệnh cho thờ ở Thế Miếu. Năm Tân mão (1831) vua gia tặng Tá Vận Tôn Thần Tôn Nhân Phủ Tôn Nhân Lệnh, đổi thụy là Trung Tráng, phong tước Thông Hóa Quận Vương.

Năm Quý mão (1843) ông được rước về thờ tại Thân Huân từ.

Ông vô tự.

### 11.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TÚ 阮福玉秀
(Long Thành Công Chúa)

Bà là trưởng nữ của đức Hưng Tổ, chị cùng mẹ với đức Thế Tổ. Sinh năm Kỷ mão (1759).

Khi có loạn Giáp ngọ (1774), bà theo Hiếu Khang Hoàng Hậu ẩn náu ở làng An Dụ (Quảng Trị). Mùa xuân năm Kỷ hợi (1779) bà theo hậu vào Gia Định rồi lấy chồng là Cai Cơ Lê Phúc Điển. Năm Quý mão (1783) khi đánh nhau với quân Tây Sơn ở đảo Diệp Thạch, Phúc Điển phải cởi áo đổi cho Thế Tổ để Thế Tổ thoát mình, nên bị địch bắt, ông mắng chửi địch cho đến chết.

Khi chồng mất, bà còn trẻ tuổi, giữ tiết. Bà từng bảo rằng : "Điển làm bề tôi biết giữ nghĩa mà chết, ta làm vợ há đổi tiết sao, khi nào lấy lại Kinh đô cũ ta sẽ xuất gia thờ Phật". Thế Tổ khen chí của bà.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Đầu đời Gia Long, vua làm nhà tại làng Dương Xuân, (Thừa Thiên) cho bà ở. Bà thường xin cắt tóc đi tu nhưng vua không cho.

Bà mất vào tháng 11 năm Quý mùi (1828), thọ 65 tuổi.

Khi bà bị bệnh nặng, Thánh tổ Nhân Hoàng Đế đến thăm, bà khóc tâu rằng : "Cắt tóc thờ Phật là ý nguyện của vị vong nhân[1], ý nguyện này chưa được toại, xin bệ hạ làm cho trọn ý nguyện đó. Sau khi chết xin chớ để tóc, và liệm bằng áo cà sa thì dù ở dưới chốn cửu tuyền cũng hoàn thành được ý nguyện đó'. Vua lấy làm cảm động.

Sau khi mất, Thánh tổ đem lời đó bàn với em là Kiến An Công. Công tâu rằng : "Thân thể tóc da con người nhận từ cha mẹ, khi sinh ra trọn vẹn thì khi mất cũng phải để như vậy mới là đúng lẽ. Bệ hạ trị vì thiên hạ nên giữ chính đạo, trừ bỏ dị đoan, không thể nghe theo lời xin của Công Chúa được". Vua cho là phải, rồi sai Diên Khánh Công bàn với bộ Lễ lo việc tang cho bà.

Bà được ban thụy là Trinh Tĩnh, tặng Long Thành Thái Trưởng Công Chúa[2], tẩm bà ở Định Môn, Hương Trà (thường gọi là lăng Hoàng Cô) bên cạnh lăng Thụy thánh của Hiếu Khang Hoàng Hậu.

Vì bà vô tự nên Thường Tín Công Nguyễn Phúc Cự, con của đức Thế Tổ, trông coi việc thừa tự.

### 11.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC DU 阮福玉瑜
(Phúc Lộc Công Chúa)

Bà là con gái thứ hai của đức Hưng Tổ, mẹ là Từ phi họ Nguyễn. Bà sinh năm Nhâm ngọ (1762).

Mùa xuân năm Kỷ hợi (1779) bà theo Hiếu Khang Hoàng Hậu vào Gia Định, lấy chồng là Chưởng Hậu Quân Vũ Tính.

Năm Tân dậu (1801), thành Bình Định bị thất thủ, Vũ Tính mất. Đầu đời Gia Long, vua xây nhà ở Xuân Hòa, (Thừa Thiên) cho bà ở. Tháng 6 năm Canh thìn (1820) bà mất, thọ 59 tuổi thụy là Nhu Gia. Năm Kỷ sửu (1829) bà được truy thọ 59 tuổi thụy là Nhu Gia. Năm Kỷ sửu (1829) bà được truy tặng là Phúc Lộc Thái Trưởng Công Chúa. Hiện bà được thờ ở nhà thờ họ Vũ thuộc phường Phú Cát, Huế.

Bà sinh được một con trai là Vũ Khánh và hai con gái.

### 11.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TUYỀN 阮福玉璿
(Minh Nghĩa Công Chúa)

Bà là con gái thứ 3 của đức Hưng Tổ, mẹ là Từ phi họ Nguyễn tức em cùng mẹ với Phúc Lộc Công Chúa. Bà sinh năm Giáp dần (1764). Mùa xuân Kỷ hợi (1779) bà theo Hiếu Khang Hoàng Hậu vào Gia Định, rồi lấy chồng là Cai Cơ Nguyễn Hữu Thụy.

Mùa xuân năm Nhâm dần (1782) Tây Sơn đánh Sài Côn, bà cùng với chồng dẫn thuộc hạ đến Lộc Dã để chống giặc. Tướng địch là Nguyễn Văn Kim biết được đem quân đánh úp, quân của Hữu Thụy thua phải rút lui về giang Lãng, rồi địch tấn công, quân của Hữu Thụy tan vỡ, bà và chồng thất lạc nhau. Bà ngầm đến ở Ba Phủ, có người quê ở Bình Hóa đem lương khô và làm nhà lá cho bà ở. Tướng địch Nguyễn Văn Kim do thám biết tin bắt bà đưa về lũy. Đốc

(1) Chỉ người đàn bà góa.

(2) Cách gọi theo Trung Hoa. Đời nhà Hán, chị và em gái của vua gọi là Trưởng Công Chúa. Đời nhà Đường, cô của vua gọi là Thái Trưởng Công Chúa.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

chiến của địch bức bách bà đưa về Sài Côn. Khi thuyền đến sông Tam Đà, bà vì nghĩa không chịu nhục, nghiêm mặt mắng địch rồi nhảy xuống sông mà mất.

Bà mất vào tháng tám năm Nhâm Dần (1782), được 19 tuổi.

Năm Mậu tuất (1838) bà được truy tặng là Minh Nghĩa Thái Trưởng Công Chúa, thụy Trinh Liệt. Bà được thờ tại Triển Thân từ.

Bà vô tự.

11.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC UYỂN 阮福玉琬

Bà là con gái thứ tư của đức Hưng Tổ, mẹ là Tống Thị Diên, bà sinh năm Bính Tuất (1766).

Khi có biến năm Giáp ngọ (1774), bà vì tuổi nhỏ, ẩn náu trong dân sau lấy chồng người huyện Tống Sơn, Thanh Hóa là Tống Phúc Tín.

Mùa đông năm Canh ngọ (1810) bà mất, thọ 45 tuổi.

Bà sinh được bốn con trai và một con gái.

11.3.3.1C. NGUYỄN PHÚC DƯƠNG 阮福暘
(Mục Vương)

Ông là con Thế Tử Nguyễn Phúc Hạo, cháu nội của Thế Tông Hoàng Đế, là em con chú của đức Thế Tổ.

Ông tính tình nhân từ, mặt mày dẹp đẽ như tranh. Khi gặp loạn năm Giáp ngọ (1774), ông theo đức Duệ Tông vào Quảng Nam. Bọn Nguyễn Phúc Chất tâu với đức Duệ Tông lập ông làm Đông Cung Thế Tử mưu đồ việc khôi phục. Đông cung được lệnh ở lại trông coi Quảng Nam.

Quân Tây Sơn do Nguyễn Văn Nhạc điều khiển muốn bắt ông để mượn tiếng sai bảo mọi người, nên đem quân tấn công. Ông bị Nhạc bắt đem về Hội An. Bây giờ Tống Phúc Hạp[1] dẫn quân từ Gia Định lấy lại Phú Yên, thế quân rất mạnh nên sai người đến Nhạc đòi lại ông. Nhạc phải đưa ông về An Thái. Nhạc lại muốn mượn tiếng ông để thu phục nhân tâm nên đưa về Bồng Giang và gả con gái là Thọ Hương cho ông, và khoản đãi một cách tôn kính. Nhạc giả vờ lấy nghĩa phù lập Đông cung an định xã tắc để trá hàng, Hạp không phòng bị nên bị đánh bại chạy về Vân Phong.

Năm Bính thân (1776) Nhạc thấy thế lực mình mỗi ngày mỗi mạnh nên tự xưng là Tây Sơn Vương, đưa ông về chùa Thập Tháp. Mùa đông năm đó ông lén trốn về Gia Định.

Bọn Lý Tài trước đây bỏ Nguyễn Nhạc theo giúp Tống Phúc Hạp nghe ông trốn về, đến rước về Sài Côn và lập nên làm Tân Chính Vương, tôn Duệ Tông làm Thái Thượng Vương.

Năm Đinh dậu (1777) Nguyễn Huệ dẫn quân Tây Sơn đánh Sài Côn, ông bị thua phải lui về giữ Tranh giang. Duệ Tông cũng đến đấy. Duệ Tông bảo rằng : "Ta chống với giặc ở trước mặt Tài Phụ, còn cháu lo giữ mặt sau Tranh Giang". Tháng 4 năm đó dịch tấn công Tranh Giang, ông lui về giữ Trà Luật, chưởng cơ Tống Phúc Thiệm đón ông về Ba Việt. Mùa thu năm đó các tướng đều bị bệnh chết, chỉ còn một mình Tống Phúc Hòa chiến đấu với dịch. Ông thấy quân ít, thiếu lương định chạy vào Bình Thuận hợp binh với Chu Văn Tiếp. Việc chưa thành thì giặc tấn công Ba Việt, Phúc Hòa chết, ông sợ dồn binh bị thám sát nên hứa với dịch sẽ nạp mình

(1) Tống Phúc Hạp là tướng dưới triều Thế Tông Hoàng Đế, giữ Long Hồ, tính khảng khái, có tài thao lược, xem việc đánh giặc là trách nhiệm của mình. Khi mất mọi người đều thương xót, bỏ cày, bỏ buôn bán 3 ngày. Đầu đời Minh Mệnh ông được phong là Trung Đẳng thần.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

nếu để an toàn quân và dân trong đồn. Giặc bằng lòng, ông giữ đúng lời hứa. Năm đó ông cùng 18 người đi theo đều bị dịch hại.

Ông mất vào ngày 18 tháng 9 năm Đinh dậu (18.10.1777).

Ban đầu ông được ban thụy là Hiếu Huệ Vương thờ tại Thái Miếu ở Gia Định. Năm Giáp tý (1804) vua Gia Long cải thụy là Cung Mẫn Ánh Đoán Huyền Mặc Vĩ Văn Mục Vương.

Năm Kỷ tỵ (1809) vua cho cải táng đem về chôn tại Long Hồ (Hương Trà, Thừa Thiên), thờ chung tại miếu của thân sinh ông[1], cấp tự điền 100 mẫu, và cho Nguyễn Phúc Diệu làm cai đội lo việc thừa tự.

Năm Ất dậu (1825) vua ra lệnh lấy lại tự điền, cấp tiền trong kho để lo việc cúng tế.

### 11.3.3.1D. NGUYỄN PHÚC NGỌC THỤC 阮福玉淑

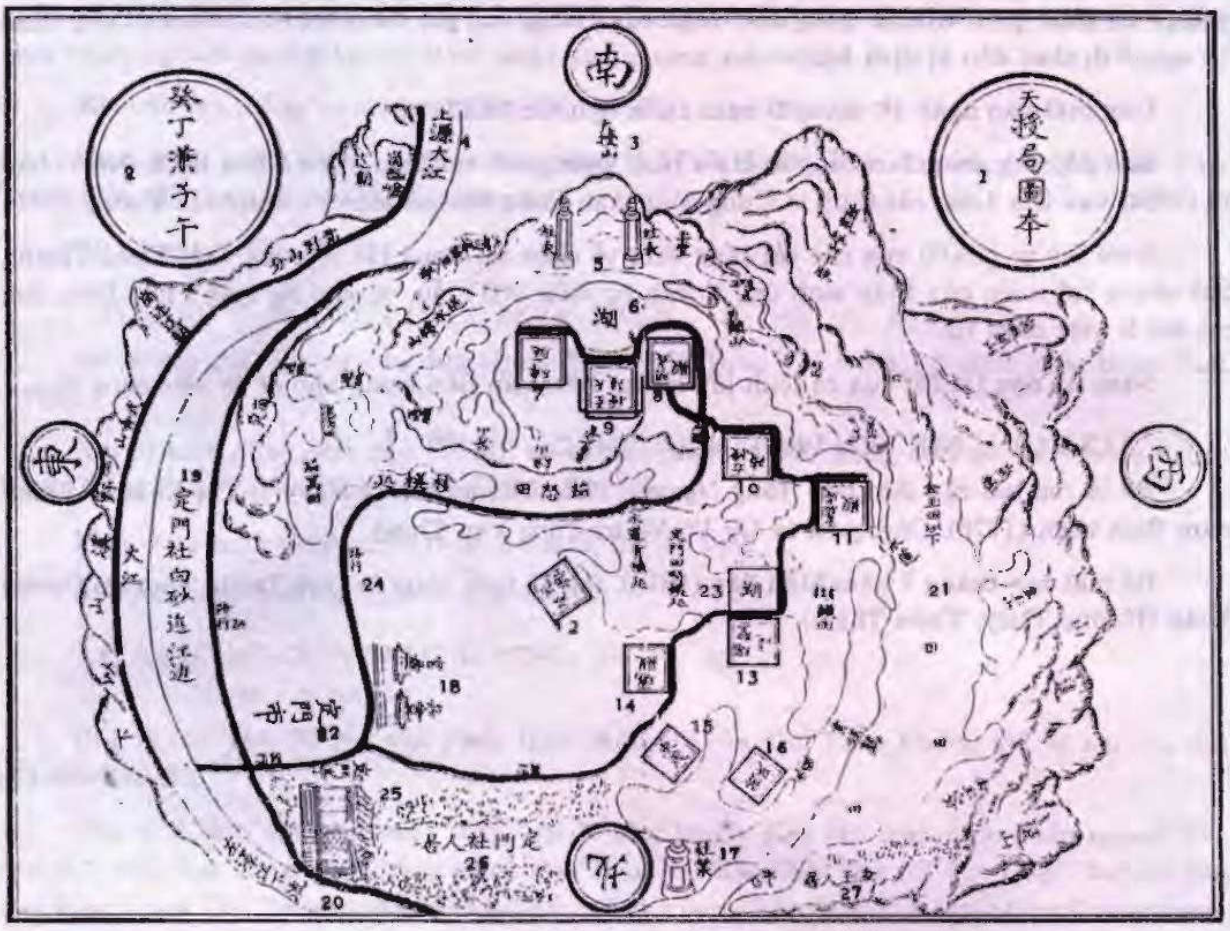
Bà là con gái của đức Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần, mẹ là Nguyễn Thị Châu. Bà sinh năm Bính thân (1776). Chồng bà là Uy Vũ Vệ uý Tống Văn Thịnh.

Bà mất vào tháng 7 năm Mậu dần (1818), thọ 43 tuổi, thụy là Huệ Trinh. Tẩm tại Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

(1) Miếu có tên là Tuyền Mục nhị Vương tử (có nghĩa nhà thờ của 2 Vương Mục và Tuyên) ở Long Hồ, (Hương Trà, Thừa Thiên), xây dựng năm Giáp tý (1804) gồm chính đường và tiền đường thờ Tuyên Vương (Nguyễn Phúc Hạo) và Mục Vương (Nguyễn Phúc Dương).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



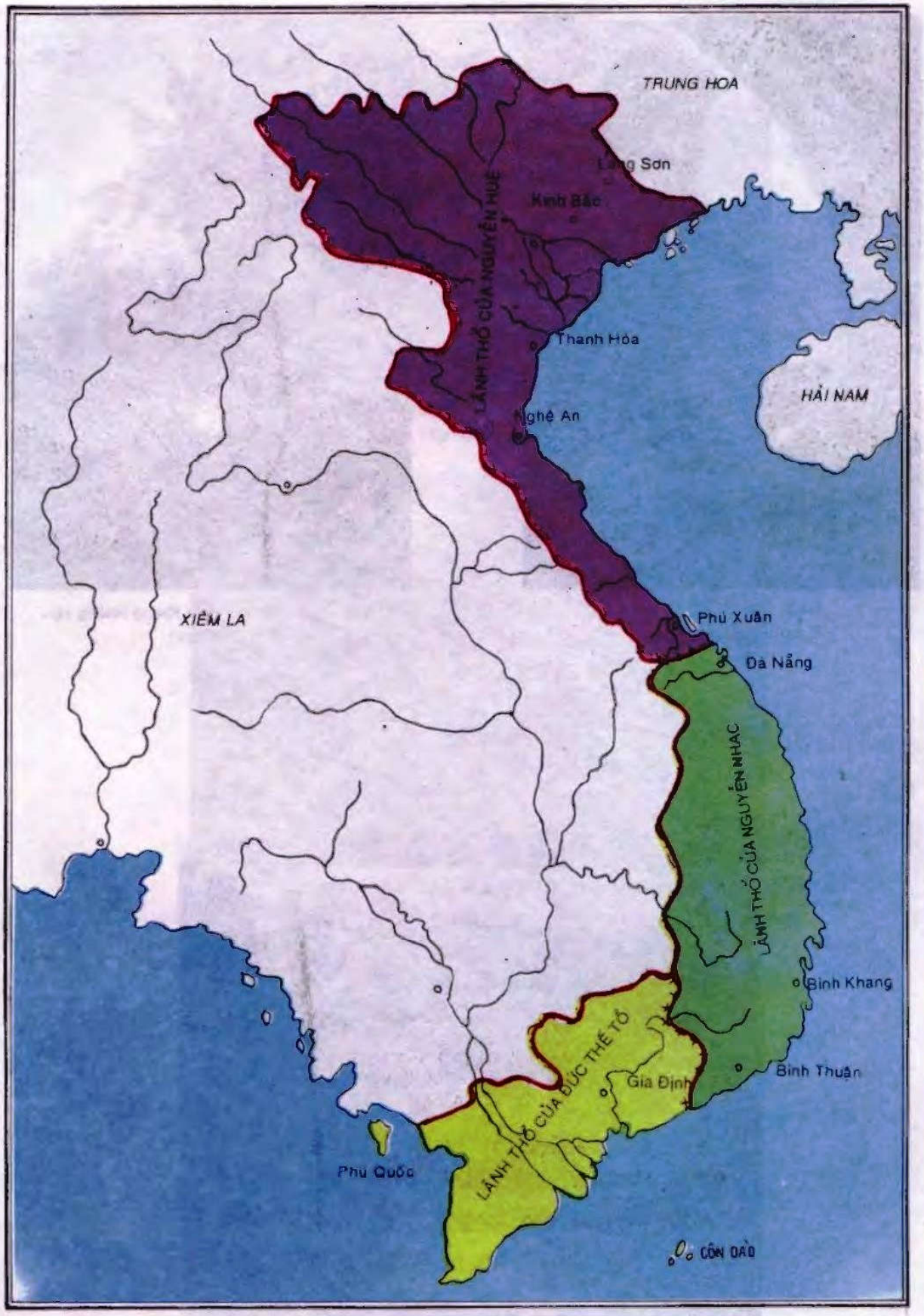

**(Bản đồ của Bộ Công)**
**KHU VỰC LĂNG THIÊN THỤ**

1. Bản đồ khu vực Thiên Thụ
2. Hướng Qui Đinh kiêm Tí Ngọ (tức hướng Bắc Nam)
3. Núi Thiên Thụ
4. Thượng lưu sông lớn
5. Trụ biểu
6. Hồ
7. Bia đình
8. Điện Minh Thành
9. Lăng Thiên Thụ tả
10. Lăng Thiên Thụ hữu
11. Điện Gia Thành
12. Lăng Quang Hưng
13. Lăng Thụy Thánh
14. Thụy Điện
15. Lăng Vĩnh Mậu
16. Lăng Hoàng Cô
17. Trụ cấm
18. Nhà Lính – Nhà quan
19. Bờ sông gần bãi cát làng Định Môn
20. Hạ lưu sông Tả trạch
21. Ruộng làng Kim Ngọc
22. Chợ Định Môn
23. Hồ
21. Đường sá
25. Đình làng Định Môn
26. Cư dân làng Định Môn
27. Cư dân Kim Ngọc

**BẢN ĐỒ 3**



http://giapha.nguyenphuoctoc.info




BẢN ĐỒ 4 ĐẠI VIỆT TRONG GIAI ĐOẠN 1790



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



H.24. Bia lăng Thiên Thụ
của Thế Tổ Cao Hoàng Đế



H.25. Tẩm Điện thờ Hiếu Khang Hoàng Hậu
(Sở Thụy)



H.26. Lăng Thiên Thụ của Thế Tổ Cao Hoàng Đế và Hoàng Hậu (song tẩng)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



H.27. Cổng vào lăng Thiên Thụ hữu của Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu



H.28. Bên ngoài lăng Hoàng Cô của Long Thành Thái Trưởng Công Chúa



H.29. Điện Gia Thành thờ Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ MƯỜI HAI

## NGUYỄN PHÚC KIỂU
## Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế

12.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC CẢNH – Anh Duệ Hoàng Thái Tử
12.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC HY – Thuận An Công
12.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC TUẤN
12.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC DÀI – Kiến An Vương
12.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC BÍNH – Định Viễn Quận Vương
12.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC TẤN – Diên Khánh Vương
12.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC PHỔ – Diện Bàn Công
12.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC CHẤN – Thiệu Hóa Quận Vương
12.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC QUẢN – Quảng Uy Công
12.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC CỰ – Thường Tín Quận Vương
12.3.3.12A. NGUYỄN PHÚC QUANG – An Khánh Vương
12.3.3.13A. NGUYỄN PHÚC MÃO – Từ Sơn Công
12.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC CHÂU – Bình Thái Công Chúa
12.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC QUỲNH
12.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC ANH – Bảo Lộc Công Chúa
12.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TRẦN – Phú Triêm Công Chúa



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

12.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC NGỌC XUYẾN – Bảo Thuận Công Chúa

12.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGOẠN – Đức Hòa Công Chúa

12.3.3.7B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGA – An Thái Công Chúa

12.3.3.8B. NGUYỄN PHÚC NGỌC CỬU – An Lễ Công Chúa

12.3.3.9B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGUYỆT – Nghĩa Hòa Công Chúa

12.3.3.10B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGÔN – An Nghĩa Công Chúa

12.3.3.11B. NGUYỄN PHÚC NGỌC VÂN – An Diễm Công Chúa

12.3.3.12B. NGUYỄN PHÚC NGỌC KHUÊ – Mỹ Khê Công Chúa

12.3.3.13B. NGUYỄN PHÚC NGỌC CƠ – Định Hòa Công Chúa

12.3.3.14B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THIỀU

12.3.3.15B. NGUYỄN PHÚC NGỌC LÝ

12.3.3.16B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THÀNH

12.3.3.17B. NGUYỄN PHÚC NGỌC BÍCH

12.3.3.18B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TRÌNH

# ĐỨC THÁNH TỔ NHÂN HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC KIỂU

## (1791 – 1841)

Niên hiệu : Minh Mệnh

Ngày sinh : 23 tháng 4 năm Tân hợi
(25.5.1791)

Ngày mất : 28 tháng 12 năm Canh tý
(20.1.1841)

Thân phụ : Thế Tổ Cao Hoàng Đế Nguyễn Phúc Ánh

Thân mẫu : Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu Nguyễn Thị Dang

Lăng tẩm : Hiếu Sơn lăng
(Hải Cát, Hương Trà, Thừa Thiên)



Thế Miếu



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 12.1.– THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế húy là Nguyễn Phúc Kiểu, 阮福皎 còn húy **Đảm**[1], con thứ tư của đức Thế Tổ Nguyễn Phúc Anh và Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu Nguyễn Thị Đang. Ngài sinh ngày 23 tháng 4 năm Tân Hợi (25.5.1791) tại làng Tân Lộc, tỉnh Gia Định[2]

### 12.1.1. Thuở thiếu thời

Thuở nhỏ ngài thông minh, hiếu học, lại giỏi về cỡi ngựa bắn cung, tính tình nhân từ biết thương yêu anh em cùng mọi người. Lúc lên 8 tuổi có lần ngài chơi với tên tiểu hầu, khi ngủ trưa bị nó vẽ lên mặt, đức Thế Tổ bắt gặp, ngài phải tự nhận mình vẽ để cho tên hầu khỏi tội. Gặp những lúc Thế Tổ quở trách các hoàng tử, ngài thường khóc lóc xin tha.

Năm Ất Hợi (1815) ngài được lập làm Thái Tử, đến ở cung Thanh Hòa để dự phần xét đoán chính sự làm quen với việc nước.

### 12.1.2. Thời kỳ trị vì

Tháng giêng năm Canh thìn (1820) ngài lên nối ngôi, bấy giờ đã 30 tuổi nên rất am hiểu việc triều chính, việc gì cũng muốn tỏ tường. Nhiều lần xong buổi chầu, ngài dòi một vài quan đại thần ở lại để bàn việc, hoặc hỏi sự tích xưa, hoặc hỏi những nhân vật cùng phong tục các nước xa lạ. Ngài rất siêng năng, thức khuya dậy sớm xem xét công việc, có khi thắp đèn đọc sớ chương ở các nơi gởi về đến trống canh ba mới nghỉ. Ngài thường bảo các quan : "Lòng người thì ai cũng muốn an phận, không ai muốn sinh chuyện thay đổi. Nhưng lúc trẻ mạnh mà không chịu sửa sang thì lúc già yếu mỏi mệt còn làm gì được. Vì vậy trẫm không lúc nào dám lười biếng". Vì thế trong thời kỳ trị vì ngài đã đổi thay rất nhiều việc, từ nội trị, ngoại giao cho đến những cải cách xã hội cùng những việc trong dòng họ.

Về nội trị, guồng máy cai trị trong nước được sửa đổi, cải thiện lề lối trung ương tập quyền, cho bỏ các dinh và trấn mà thành lập các tỉnh. Nước được chia thành 31 tỉnh, đặt các quan Tổng đốc, Tuần phủ, Bố Chính Sứ, Án Sát và Lĩnh Binh để trông coi[3]. Các cơ quan điều khiển tại Triều cũng đổi mới, Thị Thư Viện đổi thành Văn Thư Phòng vào năm Canh thìn (1820), rồi thành Nốc Các vào năm Kỷ sửu (1829) đó là cơ quan như văn phòng thư ký của ngài. Năm Giáp ngọ (1830) ngài đặt ra Cơ mật viện để trông coi những việc quốc quân trọng yếu.

Ngài cho định lại quan chế, đặt mức lương bổng của các quan tùy theo ngạch trật, chia phẩm trật thành chín cấp mỗi cấp lại phân ra chính và tùng[4], định tiền gạo cho mỗi cấp cùng thời hạn lãnh bổng. Ngoài ra ngài còn cho cấp tiền dưỡng liêm để tránh sự hà lạm của quan lại đối với dân chúng.

Để xã hội có qui củ cùng nề nếp, ngài cho thống nhất việc đo lường và thống nhất y phục. Năm Bính thân (1836) phủ huyện được cấp các cân mẫu, rồi năm Kỷ hợi (1839) được cấp các

---

(1) Lúc nhỏ ngài có tên là Đảm khi lập làm Thái tử được đặt tên là Kiểu.

(2) Đầu năm Nhâm thìn (1832) ngài cho lập chùa Khải Tường tại làng Tân Lộc để ghi nhớ việc ngài chào đời tại đây. Chùa có vị trí ở góc hai con đường Trần Quí Cáp và Lê Quí Đôn, trong vườn của trường Đại học y khoa Sài Gòn. Trong chùa có một tượng Phật bằng gỗ thếp vàng cao chừng 1,96 m ngồi trên tòa sen được mang từ Huế vào thờ. Vào khoảng năm Canh thân (1860) chùa bị quân Pháp chiếm đóng. Sau vì chiến tranh chùa bị hư nát và tượng được mang trưng bày tại Viện Bảo Tàng Sài Gòn.

(3) Quan Tổng Đốc thì coi việc quân dân, khảo hạch quan lại, sửa sang bờ cõi trong hạt, tuần phủ thì coi việc giáo dục chính trị và giữ gìn phong tục, Bố Chính Sứ thì coi việc thuế má, dinh điền, lính tráng, truyền đạt các điều lệ cùng ân trạch triều đình, Án Sát Sứ coi việc hình luật kiểm tra dịch, lính binh chuyên coi binh tình. Quan Tổng Đốc thường trông coi hai hoặc ba tỉnh, còn tỉnh nhỏ thì Tuần phủ là quan đầu tỉnh.

(4) Phẩm cấp quan chế gồm 9 bậc từ nhất phẩm đến cửu phẩm, mỗi phẩm chia làm hai là Chính và Tùng, như chính nhất phẩm, tùng nhất phẩm, chính nhị phẩm, tùng nhị phẩm...



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

loại thước mộc, thước may, thước đo ruộng. Về y phục ngài từng bảo : "Ngày nay nước nhà cương thổ đã hiệp nhất thì chính trị, phong tục lẽ nào khác biệt", nên nhiều đạo dụ đã ban bố để y phục ở Bắc và Nam được giống nhau.

Ngài còn nghĩ đến việc giúp lưu chuyển tiền bạc, tránh cho người đi xa khỏi mang theo nhiều tiền, như năm Bính thân (1836) đặt ra Giao Tứ Vụ ở Cao Bằng để chuyển đổi tiền bạc, cơ quan này có nhiệm vụ như ngân hàng ngày nay.

Việc khẩn hoang rất được khuyến khích, ngài cho quan lại mộ dân lập những ấp mới ở trong Nam cũng như ngoài Bắc, khiến cho việc phân phối ruộng đất được hợp lý. Ngoài ra ngài cho sửa sang hệ thống giao thông, đắp đê, đào kinh sửa cầu để hàng hóa trong nước được lưu thông dễ dàng. Ngài lại ban dụ cho lập nhà dưỡng tế tại các tỉnh để giúp đỡ những người nghèo khổ, tàn tật hoặc già cả không nơi nương tựa.

Việc học trong thời ngài trị vì rất được chú trọng. Ngài thường bảo : "Đạo trị nước phải gây dựng nhân tài", nên những người có tài đều được nâng đỡ, trọng dụng. Năm Tân tị (1821), ngài cho lập Quốc tử giám, các giám sinh học tại trường đều được hưởng học bổng để ăn học[1]. Về thi cử ngoài kỳ thi Hương đã định ở đời Thế Tổ, ngài cho mở thêm kỳ thi Hội và thi Đình, cho định phân điểm để phân hạng người thi đỗ, rồi định rõ những năm thi Hương, thi Hội và thi Đình. Ngài cũng khuyến khích việc soạn sách, và tìm sách cổ vì thế có nhiều sách giá trị được soạn ra như Gia Định Thông chí, Minh Bột Di Hoán văn thảo, Lịch triều Hiến Chương Loại chí...[2].

Lúc ngài lên nối ngôi việc trong nước đã ổn định, nhưng về vũ bị vẫn cho luyện tập kỹ càng. Những nơi hiểm yếu trong nước đều được lập đồn ải, ở biển thì lập pháo đài. Nước ta có bờ biển dài nên về thủy quân được ngài rất chú trọng, các vùng hải đảo đều được đánh mốc giúp cho sự lưu thông dễ dàng. Vì binh lực mạnh nên giặc giã trong nước lần hồi dều được dẹp yên.

Trong thời kỳ ngài trị vì, bờ cõi nước ta được mở rộng, lãnh thổ của nước ta bấy giờ lớn nhất trong lịch sử. Nhiều vùng ở Lào vì tránh sự xâm lăng của quân Xiêm đã xin nội thuộc và được lập thành các phủ Trấn Tĩnh, Lạc Biên, Trấn Biên, Trấn Định và Trấn Man. Nói chung các vùng Sầm Nứa, Trấn Ninh, Savanakhét bấy giờ đều thuộc vào nước ta. Nước Chân Lập vẫn chịu sự bảo hộ và được ngài đổi thành Trấn Tây Thành, những địa danh đều được đặt tên tiếng Việt, nhưng quan lại ta thuở đó làm nhiều điều sai trái khiến cuối đời ngài dân ở đó nổi dậy cấu kết với quân Xiêm mà đánh phá.

Việc ngoại giao cũng được ngài chăm lo thấu đáo. Với Trung Hoa vẫn noi theo đời Thế Tổ, năm Tân tị (1821) ngài ra Bắc nhận thụ phong của nhà Thanh. Với Xiêm La và Diến Điện tình giao hảo được thắt chặt. Ngài chú ý nhất là các nước ở phương Tây. Việc người Anh chiếm Ấn Độ, người Bồ chiếm Ma Cao, người Tây Ban Nha chiếm Phi Luật Tân nhắc nhở ngài họa xâm lược của các nước Âu châu. Trước khi lên ngôi ngài đã từng giao hảo với những người phương Tây theo giúp đức Thế Tổ, ngài hiểu rõ họ và không tránh được nghi ngờ, nhất là sau khi bắt

(1) Quốc Tử Giám đặt ra cũng để đào tạo nhân tài, người học ở trường gọi là giám sinh. Giám sinh chia làm nhiều hạng :
– Tông sinh là những người trong Hoàng Tộc do Tôn Nhân Phủ chọn vào học.
– Cống Sinh là những người do địa phương hằng năm tuyển chọn đưa về Kinh học.
– Ấm sinh là con em của những nhà tập ấm được chọn lựa cho vào học.
Giám sinh được cấp học bổng hàng tháng gọi là lẫm hi (cấp lương lấy ở kho) và cũng chia nhiều hạng. Lẫm hi gồm tiền gạo, dầu thắp đèn.

(2) Sách được soạn vào thời Thánh Tổ rất nhiều như Gia Định Thông Chí, Minh Bột di hoán văn thảo của Trịnh Hoài Đức, Bản Triều Ngọc Phả của Hoàng Công Tài, Khai Quốc Công Nghiệp Chí của Cung Văn Hi, Minh Lương Khải Cáo Lục của Nguyễn Đình Chính, Cố Sự Biên Lục của Vũ Văn Bưu. Thánh Tổ còn sai soạn bộ Liệt Thánh thực lục tiền biên, Khâm Định Tiểu Bình Lưỡng Kỳ Phỉ Khấu Phương Lược, ngài làm ra hai bộ Nam Kỳ Tặc Khấu Thi Tập, Ngự Chế Thi Tập...





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

được linh mục Marchand (cố Du) theo giúp Lê Văn Khôi ở thành Phan An[1] thì ngài càng từ chối sự giao thương với phương Tây. Sau cuộc nha phiến chiến tranh vào năm Kỷ hợi (1839), người Anh vì mối lợi kinh tế đã xâm lăng Trung Hoa, đó là khởi đầu sự đe dọa của các nước Âu châu nên ngài cho thuyền đi thăm dò ở các nơi. Năm Canh tí (1840) cho thuyền đến Penang rồi Calcutta xem sự sắp đặt chiến tranh của người Anh, sang Batavia xem động tịnh của người Hòa Lan, rồi cử phái bộ ngoại giao sang Anh và Pháp. Việc sắp đặt ngoại giao cho ta thấy ngài xứng đáng là vua của nước độc lập biết lo nghĩ xa xôi.

Việc dòng họ ngài đã để tâm nhiều, nhất là khi con cháu càng ngày càng đông. Năm Canh thìn (1820) cho lập Tôn Nhân Phủ để trông coi các việc trong Hoàng Tộc, liệt kê những người thân sơ, cấp tước lộc cho con cháu, cấp dưỡng người cô quả, lo việc tang tế hôn lễ, lập từ tế coi các chi công tính cùng lo việc thờ cúng. Năm Tân tị (1821) cho khởi đầu việc biên soạn Ngọc Điệp, đến năm sau lại cho soạn Hoàng Tử Phả, Hoàng Nữ Phả cùng Tông Phả, đến năm Giáp thân (1824) thì làm xong Ngọc Điệp, lại đặt lệ 6 năm tu sửa Ngọc Điệp một lần, 3 năm tu sửa Tôn Phổ...[2]. Ngài lại ban ngự chế để hệ kim sách định 20 chữ thuộc bộ Nhật để chọn làm tên cho các vua ngày sau, ban Đế hệ thi và phiên hệ thi dùng để đặt tên mà định thân sơ các nhánh trong họ. Ngoài ra ngài còn cho soạn Liệt thánh thực lục ghi công lao của các liệt thánh đời trước. Ngài cho sửa sang lại lăng tẩm liệt thánh, sửa sang lại các cung điện như Điện Thái Hòa, Đại Cung Môn, xây cất Ngọ Môn, Hưng Miếu, Thế Miếu...

Ngài là người siêng năng, chịu khó tìm tòi học hỏi, trọng những người có tài năng nên đời ngài có nhiều người phò tá giỏi, khiến thực thi thành công những chính sách cải tổ của ngài để nước ta trở thành có kỷ cương nề nếp. Tuy nhiên không tránh được những điều quá nghiêm khắc đối với dân cũng như quan. Với quan niệm Nho giáo là phong hóa đất nước phát xuất từ chốn cung cấm, pháp luật thi hành khởi sự ở người thân, nên đối với ngài phép nước chẳng chừa một ai. Với anh em như Điện Bàn Công, An Khánh Công đều bị nghiêm trị, với con cái ngài từng bảo : "Phàm con nhà giàu sang ăn ngon mặc đẹp không quen vất vả thì đến lúc làm việc làm chẳng nổi, Trẫm từ ngày lên ngôi coi chầu xét việc đến khi xế bóng mới nghỉ, dầu ở trong cung cũng xem xét các sớ chương ở các nơi gởi về. Trẫm nghĩ có siêng năng thì việc mới thành nên chẳng dám nhàn rỗi. Các con còn trẻ có sức mạnh nên tập làm việc chớ ham chơi bời, biếng nhác". Với quan lại thì ức chế quyền hành, nghiêm răn hoạn quan, với hoàng thân quốc thích thì ngăn cản dự việc chính sự, đó là ngài để phòng những hậu họa.

Trong 21 năm cầm quyền ngài chăm lo mọi việc không hề nghỉ ngơi, những lúc thong dong ngài cũng lưu ý đến việc văn chương, ngự chế được 5 tập thơ (Minh Mệnh thánh chế thi tập), 2 tập văn cùng các bài tản văn như Thiên cơ dự triệu, Cổ khí minh văn, mục đích tải đạo, mở rộng phép học. Ngài là vị vua khác thường, thay đổi được những thói quê mùa từ đời Lê, Lý, Trần ngày trước, mở ra lối cai trị văn minh muôn đời cho nước Đại Nam[3] ta.

---

(1) Năm Quí tỉ (1833) Lê Văn Khôi con nuôi của Tả quân Lê Văn Duyệt khởi loạn đánh lấy 6 tỉnh Nam Kỳ, bị quan quân tiến đánh phải cố thủ ở thành Phan An (Gia Định), chống giữ gần 3 năm, trong 6 người chủ chốt bắt được ở thành Phan An có giáo sĩ Marchand.

(2) Ngọc Phả (ngọc chỉ sự tôn quí, phả là sách chép các nhân vật) là từ gọi chung cuốn phả chép những người trong dòng họ nhà vua gồm có Ngọc Điệp (điệp là bản văn) là sách chép tiểu sử của những vua, Hoàng Tử phổ sách chép tiểu sử các hoàng tử, Hoàng nữ phổ sách chép tiểu sử các con gái của vua, Tôn thất phổ sách chép các người thuộc các phiên hệ của nhà vua.
Khi làm xong Ngọc phả lệ định 6 năm sẽ tu sửa ngọc điệp một lần, và 3 năm tu sửa các phả kia. Đến năm Giáp thân (1824), định lại đến 6 năm mới tu sửa toàn bộ. Đến năm Tự đức 33 Canh thìn (1880) định Ngọc Điệp cứ 12 năm duyệt lại một lần vào những năm Tí, công việc này được thực hiện vào năm Mậu tí (1888), Nhâm tí (1912)...

(3) Ngày 3 tháng 2 năm Mậu tuất (1838) ngài cho đổi tên nước là Đại Nam. Lời chiếu đại lược nói rằng : "Đức Triệu Tổ dựng nên cơ nghiệp ở cõi Nam, đức Thế Tổ lấy được cả đất Việt Thường, nhân dân thêm đông, lãnh thổ thêm rộng, nay đổi tên là nước Đại Nam, kể từ năm thứ 20 (Minh Mệnh), hoặc gọi là nước Đại Việt Nam cũng được" (Đính tập quốc sử di biên – Phan Thúc Trực).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ngày 19 tháng chạp năm Canh tý (1841) ngài đau nặng, đến ngày 28 tháng chạp (20–1–1841) ngài mất tại điện Quang Minh, hưởng thọ 50 tuổi trị vì được 21 năm.

## 12.2.– LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TÔN PHONG

Ngài mất, lăng táng tại núi Cẩm Kê ấp An Bằng huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên gọi là Hiếu Lăng[1].

Khi Hiến Tổ Chương Hoàng Đế lên ngôi dâng tôn thụy là Thánh Tổ Thể Thiên Xương Vận Chí Hiếu Thuần Đức Văn Vũ Minh Đoán Sáng Thuật Đại Thành Hậu Trạch Phong Công Nhân Hoàng Đế.

Ngài được thờ tại Thế Miếu ở gian thứ nhất bên trái. Ngoài ra còn được thờ tại điện Phụng Tiên trong Hoàng thành cũng như thờ tại điện Sùng Ân ở Hiếu Lăng.

## 12.3.– GIA ĐÌNH

### 12.3.1. Hậu và phi

#### 12.3.1.1. HỒ THỊ HOA 胡氏華
Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu

Bà húy Hồ Thị Hoa còn có tên là Thật, 實 người huyện Bình An, Biên Hòa là con gái của Phúc Quốc công Hồ Văn Bôi, mẹ họ Hoàng. Bà sinh ngày 5 tháng 11 năm Tân hợi (30.11.1791).

Năm Bính dần (1806) đức Thế Tổ và Thuận Thiên Hoàng Hậu tuyển chọn con gái công thần làm phi cho Thánh Tổ nên bà được vào hầu nơi tiềm để. Bà tính dịu dàng thận trọng, hiền đức, một lòng hiếu kính nên Thế Tổ rất ngợi khen ban cho tên Thật. Nguyên trước đó Thế Tổ bảo : "Phi[2] nguyên có tên Hoa là lấy ý nghĩa ở 4 chữ "Đặc dĩ phương văn" (để truyền hương thơm) sao bằng tên Thật gồm cả phúc lẫn quả.

Tháng năm năm Đinh mão (1807) bà sinh Hiến Tổ Chương Hoàng Đế mới được 13 ngày thì bà mất.

Bà mất ngày 23 tháng 5 năm Đinh mão (28.6.1807), lúc 17 tuổi. Lăng của bà được xây năm Tân sửu (1841) ở xã Cư Chính, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Tháng 6 năm Tân tị (1821) được sách tặng Chiêu Nghi, thụy Thuận Đức hợp thờ tại Gia Phi Phạm thị tử[3].

Tháng 5 năm Bính thân (1836) bà được tặng là Thân Phi. Tháng 10 năm Mậu tuất (1838) sắc lập nhà thờ tại làng Vạn Xuân phía tây sông Hữu hộ thành và đến năm Kỷ hợi (1839) rước thần chủ về thờ tại đấy.

Năm Tân sửu (1841) vua Hiến Tổ dâng tôn thụy là Tá Thiên Lệ Thánh Đoan Chính Cung Hòa Đốc Khánh Từ Huy Minh Hiền Thuận Đức Nhân Hoàng Hậu, đặt tên nhà thờ là Vĩnh Tư Điện, tên lăng là Hiếu Đông. Ngày 20 tháng 8 năm đó rước thần chủ của bà về thờ ở điện Hiếu Tư (nơi để tử cung của Thánh Tổ và thờ Thánh Tổ) nhà thờ cũ được triệt bỏ.

(1) Theo sách Miếu Húy Chư Tôn Tự chép năm Đồng Khánh thứ ba, tên đúng của lăng là Hiếu Sơn lăng, về sau gọi tắt là Hiếu lăng.

(2) Từ này dùng để gọi chung vợ các hoàng tử.

(3) Gia Phi từ lúc đầu có tên là Hồ Phạm Nhị Tần từ (nhà thờ hai bà Tần họ Hồ và Phạm) được dựng ở phía đông sông Hộ thành ngoài Kinh thành vào đầu đời Minh Mệnh để hợp thờ bà và Gia phi Phạm Thị Tuyết (thân mẫu của Thọ Xuân Vương). Qua năm Kỷ hợi (1839) lại làm nhà thờ riêng cho Gia phi ở bên phải bờ phía Tây sông Hộ thành đến năm Kỷ dậu (1849) Thọ Xuân Vương mới dời đến ấp Bông Trì (nay là Phú Cát, Huế).





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ngày 9 tháng 1 năm Quí mão (1843) rước thần chủ của bà về phối thờ với đức Thánh Tổ ở Thế Miếu tại gian thứ nhất bên trái.

Bà chỉ sinh được một hoàng tử là Nguyễn Phúc Tuyền (Hiến Tổ Chương Hoàng Đế).

Thân sinh của bà là ông Hồ Văn Bôi vào năm Bính tuất (1826) được truy tặng Nghiêm Vũ Tướng Quân Thượng Hộ Quân Đô Thống, thân mẫu được tặng nhị phẩm phu nhân. Đến năm Tân sửu (1841) Hiến Tổ truy phong ông làm Đặc Tiến Trấng Vũ Tướng Quân Đô Thống Phủ Đô Thống Chưởng Phủ Sự Thái Bảo thụy Trung Dũng, tước Phúc Quốc Công và bà là Nhất phẩm Quốc Công phu nhân, thụy Ý Thuận. Ngoài ra cho lập nhà thờ ở Xuân Hòa, (Hương Trà, Thừa Thiên). Đồng thời cũng lập nhà thờ tại nguyên quán gọi là Hồ tộc từ đường.

### 12.3.1.2. NGÔ THỊ CHÍNH 吳氏政
Hiền phi

Bà húy Ngô Thị Chính còn húy là 嬌 Kiều người huyện Đăng Xương (Quảng Trị) là con của Chưởng Cơ Ngô Văn Sở[1], mẹ họ Nguyễn. Bà sinh năm Nhâm tí (1792).

Bà vào hầu đức Thánh Tổ từ khi ngài còn nơi tiềm để. Năm Canh thìn (1820) được phong làm Cung tần, rồi dần được tấn phong Hiền phi.

Bà mất năm Quí mão (1843), mộ ở làng Châu Chử, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà sinh được 5 Hoàng tử và 4 Hoàng nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Chính | – Nguyễn Phúc Ngọc Tông |
| – Nguyễn Phúc Miên Hoành | – Nguyễn Phúc Khuê Gia |
| – Nguyễn Phúc Miên Áo | – Nguyễn Phúc Uyển Diễm |
| – Nguyễn Phúc Miên Quân | – Nguyễn Phúc Thụy Thục |
| – Nguyễn Phúc Miên Uyển | |

### 12.3.1.3. PHẠM THỊ TUYẾT 范氏雪
Gia phi

Bà húy Phạm Thị Tuyết, còn húy là Hà, 瑕 người Tuy Viễn, Bình Định con gái của ông Phạm Văn Chẩn (được truy phong Quang Lộc Tự Thiếu Khanh). Năm sinh không rõ, bà mất năm Nhâm thân (1812), năm Tân tỵ (1821) được tặng làm Tu Nghi thụy Đoan Lệ, ban đầu thờ ở Hổ Phạm Nhị Tần từ, sau đời thờ riêng ở gia Phi từ.

Bà sinh được một hoàng tử là Nguyễn Phúc Miên Định.

### 12.3.1.4. TRẦN THỊ TUYẾN 陳氏線
Trang tần

Bà húy Trần Thị Tuyến, còn húy là Hương, 香 người Phú Lộc, Thừa Thiên, con gái của Trần Công Nghị (được truy tặng Vệ úy). Bà sinh ngày 21 tháng 11 năm Tân hợi (16.12.1791) vào hầu vua năm Kỷ tị (1809) lúc vua còn nơi tiềm để. Bà mất ngày 14 tháng 11 năm Tân hợi (4.1.1852) thọ 61 tuổi, thụy là Uyên Thục.

Bà sinh được 2 hoàng tử là : Nguyễn Phúc Miên Nghi và Nguyễn Phúc Miên Tích

(1) Ngô Văn Sở ban đầu làm chức Đại tư mã Triều Tây Sơn sau về theo đức Thế Tổ. Năm Kỷ mùi (1799) theo giúp Vũ Tính giữ thành Bình Định. Đến đời Gia Long được phong Chưởng Cơ làm Quản Bạo ở trấn Thanh Hoa Ngoại. Sau phạm tội bị cách chức rồi mất. Đến năm Nhâm ngọ (1822) được truy phục chức Chưởng Cơ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

### 12.3.1.5. NGUYỄN THỊ BẢO 阮氏寶
Thục tần

Bà húy Nguyễn Bị Bửu, người Bình Chương, Gia Định con quan tư không Nguyễn Khắc Thiệu, sinh ngày 30 tháng 7 năm Tân dậu (7.9.1801). Năm Giáp tuất (1814) bà được vào hầu đức Thánh Tổ khi ngài còn ở nơi tiềm để. Sau bà được tấn phong là Thục tần.

Năm Kỷ dậu (1849) con trai bà là Tùng Thiện Vương xây Tiêu Viên xin vua rước mẹ về phụng đưỡng.

Ngày 17 tháng 8 năm Tân hợi (12.9.1851) bà mất. Nguyên lúc trước bà được phong Thục tần nhưng phạm lỗi nên bị thu lại sách phong, khi bà mất Tùng Thiện Vương dâng sớ cầu khẩn xin lại, lời lẽ trong sớ hết sức thống thiết nên vua Tự Đức động lòng đặc ân cấp lại, ban thụy là Đoan Liệt.

Bà sinh được 4 Hoàng Tử và 3 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Thẩm | – Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh |
| – Nguyễn Phúc Miên Hựu (mất sớm) | – Nguyễn Phúc Trinh Thận |
| – Tảo thương (chưa có tên) | – Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa |
| – Tảo thương (chưa có tên) | |

### 12.3.1.6. TRẦN THỊ HUÂN 陳氏勳
Huệ tần

Bà húy Trần Thị Huân còn húy là Lại, 賴 người Diên Khánh, Quảng Nam, con gái của ông Trần Văn Hùng (được truy tặng Vệ Úy). Năm sinh và mất của bà không rõ, thụy Uyển Thuận.

Bà sinh được 6 Hoàng Tử và 9 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Trạch | – Nguyễn Phúc Như Thục |
| – Nguyễn Phúc Miên Phục | – Nguyễn Phúc Tường Hòa |
| – Nguyễn Phúc Miên Tĩnh | – Nguyễn Phúc Nhàn An |
| – Nguyễn Phúc Miên Ngôn | – Nguyễn Phúc Thục Tư |
| – Nguyễn Phúc Miên Thất | – Nguyễn Phúc Hòa Nhàn |
| – Nguyễn Phúc Miên Sách | – Nguyễn Phúc Như Hòa |
| | – Nguyễn Phúc Lương Nhàn |
| | – Nguyễn Phúc Lương Tĩnh |
| | – Nguyễn Phúc Phúc Tường |

### 12.3.1.7. HỒ THỊ TÙY 胡氏隨
An tần

Bà húy Hồ Thị Tùy lại húy là Khiên, 騫 người tổng Bái Ân, (Triệu Phong, Quảng Trị), con gái của ông Hồ Văn Chiêm (được truy tặng Cẩm y vệ Hiệu úy), mẹ bà họ Lâm. Bà sinh vào tháng 2 năm Ất mão (1795). Năm Canh ngọ (1810) bà được vào hầu Thánh Tổ nơi tiềm để. Khi Thánh Tổ lên nối ngôi vào năm Canh thìn (1820) bà được phong Tài nhân, rồi năm Giáp thân (1824) phong Mỹ nhân, năm Kỷ sửu (1829) phong Tiệp dư, năm Bính thân (1836) phong An tần.

Bà mất ngày 18 tháng 10 năm Kỷ hợi (23.11.1839) thọ 45 tuổi, ban thụy là Hoa Diễm. Bà được vua sắc phong cho lập từ đường để thờ gọi là Ý Thục từ. Đến năm Canh ngọ (1870) bà được rước về thờ tại nhà thờ của Tương An Quận Vương con trưởng của bà.





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tẩm bà ở làng Cư Chính, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà sinh được 3 Hoàng Tử và 1 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Bửu | – Nguyễn Phúc Nhu Thuận |
| – Nguyễn Phúc Miên Tế | – Nguyễn Phúc Miên Tuấn |

12.3.1.8. NGUYỄN THỊ KHUÊ 阮氏奎
Hòa tần

Bà húy Nguyễn Thị Khuê còn húy là Bích Chi, 碧芝 người Phúc Lộc, Gia Định, là con gái của Chưởng Cơ Nguyễn Văn Thanh trấn thủ tỉnh Quảng Yên. Năm sinh và mất không rõ. Lúc mất được ban thụy là Tĩnh Nhã

Bà sinh được 4 Hoàng Tử và 6 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Cư | – Nguyễn Phúc Tường Tĩnh |
| – Nguyễn Phúc Miên Tĩnh | – Nguyễn Phúc Thục Tuệ |
| – Nguyễn Phúc Miên Bảo | – Nguyễn Phúc Tĩnh An |
| – Nguyễn Phúc Miên Thân | – Nguyễn Phúc An Nhàn |
| | – Nguyễn Phúc Trinh Hòa |
| | – Nguyễn Phúc Tĩnh Trang |

12.3.1.9. NGUYỄN THỊ THÚY TRÚC 阮氏翠竹
Lệ tần

Bà húy Nguyễn Thị Thúy Trúc còn húy là Điện, 奠 người Bình Sơn, Quảng Nghĩa, con gái của Phó Vệ úy Nguyễn Gia Quý. Năm sinh và mất không rõ. Khi mất bà được ban thụy Thục Tấc.

Bà sinh được 6 Hoàng Tử và 2 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Lương | – Nguyễn Phúc Trinh Nhàn |
| – Nguyễn Phúc Miên Khấp | – Nguyễn Phúc Nhu Nghi |
| – Nguyễn Phúc Miên Lâm | |
| – Nguyễn Phúc Miên Chỉ | |
| – Nguyễn Phúc Miên Bằng | |
| – Nguyễn Phúc Miên Lịch | |

12.3.1.10. LÊ THỊ ÁI 黎氏愛
Tiệp dư

Bà húy Lê Thị Ái lại húy Cầu, 丸, người An Triền, (Phong Điền, Thừa Thiên) là con gái thứ ba của Cẩm Y Hiệu úy Trần Tiến Thành. Bà sinh ngày 20 tháng 10 năm Kỷ mùi (17.11.1799).

Năm Giáp tuất (1813) bà được tuyển vào hầu đức Thánh Tổ nơi tiềm để, sung vào hàng cung nhân. Năm Canh thìn (1820) được phong là Tài nhân, năm Giáp thân (1824) phong Mỹ nhân, năm Bính thân (1836) sách phong Tiệp dư.

Bà vốn người chí hiếu, tư chất trung hậu. Vua Tự Đức từng khen : "Lê tiệp dư tiên triều tư chất trung hậu, mọi việc trong cung cư xử hợp lễ".



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Bà mất ngày 26 tháng 8 năm Quý hợi (8/10/1863) thụy Tịnh Nhu, táng tại Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên) Nhà thờ ở tại Phú Vang, (Thừa Thiên) :

Bà sinh được 3 Hoàng Tử và 2 Hoàng Nữ

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Trinh | – Nguyễn Phúc Trang Tĩnh |
| – Nguyễn Phúc Miên Long | – Nguyễn Phúc Nhàn Trinh |
| – Nguyễn Phúc Miên Quan | |

12.3.1.11. NGUYỄN THỊ VIÊN 阮 氏 圓
Tiệp dư

Bà húy Nguyễn Thị Viên, người Phong Điền, Thừa Thiên là con gái của Thiếu bảo Quận công Nguyễn Văn Khiêm. Năm sinh và mất không rõ. Khi mất bà được ban thụy là Dao Thụ. Ban đầu thờ bà ở Ý Thục từ.

Bà sinh được 2 Hoàng Tử và 3 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Sủng | – Nguyễn Phúc Phương Trinh |
| – Nguyễn Phúc Miên Tiệp | – Nguyễn Phúc Nhàn Tuệ |
| | – Nguyễn Phúc Hòa Trinh |

12.3.1.12. LƯƠNG THỊ NGUYỆN 梁 氏 願
Quí nhân

Bà húy Lương Thị Nguyện, người Phù Mỹ, Bình Định, con gái của ông Lương Đình Súy (được truy tặng Cẩm y Hiệu úy). Bà sinh ngày 1 tháng 9 năm Canh thân (18.10.1800), mất ngày 8 tháng 11 năm Tân mùi (9.12.1871) được ban thụy là Trang Thuận. Tẩm ở Nguyệt Biều (Dương Xuân, Hương Thủy, Thừa Thiên). Bà được thờ tại phủ của Lạc Biên quận công.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Khoan và 2 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Quang Tĩnh, Nguyễn Phúc Đoan Thận.

12.3.1.13. CÁI THỊ TRINH 蓋 氏 禎
Quí nhân

Bà húy Cái Thị Trinh còn húy là Đoan, 端 người Hải Lăng, Quảng Trị, là con gái của ông Cái Văn Hợp (được truy tặng Cẩm Y Hiệu úy). Năm sinh và mất không rõ. Khi mất ban thụy Trang Thuận, thờ tại Ý thục từ.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Túc và 2 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Hòa Thục, Nguyễn Phúc Vĩnh Gia

12.3.1.14. NGUYỄN THỊ TRƯỜNG 阮 氏 長
Quí nhân

Bà húy Nguyễn Thị Trường, người Phong Điền, Thừa Thiên, là con gái của Cẩm Y Vệ Hiệu úy Nguyễn Hữu Trạc. Năm sinh và mất không rõ. Khi mất bà được ban thụy Đoan Tịnh

Bà sinh được 3 Hoàng Tử và 1 Hoàng Nữ

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Thẩn | – Nguyễn Phúc Đoan Trinh |
| – Nguyễn Phúc Miên Cung | |
| – Nguyễn Phúc Miên Gia | |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

12.3.1.15. ĐỖ THỊ TÙNG 杜 氏 松
Quí nhân

Bà húy Đỗ Thị Tùng còn húy là Bí, người ấp Trầm Bái, xã Dương Xuân Thượng (Hương Trà, Thừa Thiên), là con gái của ông Đỗ Văn Thạch (được truy tặng Hiệu úy). Năm sinh và mất không rõ. Gia đình của bà có 3 người con gái tiến cung vào hầu đức Thánh Tổ là bà, Quí nhân Đỗ Thị Tâm và Tài nhân Đỗ Thị Cương.

Khi mất bà được ban thụy Đoan Ý.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Phong

12.3.1.16. ĐỖ THỊ TÂM 杜 氏 心
Quí nhân

Bà húy Đỗ Thị Tâm còn húy là Duyên, 緣 con gái của ông Đỗ Văn Thạch (được truy tặng Hiệu úy), em cùng mẹ với Quí nhân Đỗ Thị Tùng. Bà sinh ngày 24 tháng 8 năm Giáp tý (27.09.1804), mất ngày 25 tháng 2 năm Quí hợi (12.4.1863), được ban thụy Trang Thuận

Bà sinh được 5 Hoàng Tử và 3 Hoàng Nữ

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Hoạn | – Nguyễn Phúc Gia Tiết |
| – Nguyễn Phúc Miên Dẫn | – Nguyễn Phúc Lương Trinh |
| – Nguyễn Phúc Miên Vân | – Tảo thương |
| – Nguyễn Phúc Miên Khách | |
| – Nguyễn Phúc Miên Hoang | |

12.3.1.17. LÊ THỊ LỘC 黎 氏 祿
Quí nhân

Bà húy Lê Thị Lộc, còn húy là Thúy Nhi. Gốc tích và năm sinh mất không rõ.

Bà sinh được 3 Hoàng Tử và 2 Hoàng Nữ :

| Hoàng tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Thanh | – Nguyễn Phúc Thục Tĩnh |
| – Nguyễn Phúc Miên Kiển | – Nguyễn Phúc Thụy Thận |
| – Nguyễn Phúc Miên Ngụ | |

12.3.1.18. NGUYỄN THỊ HẠNH 阮 氏 幸
Quí nhân

Bà húy Nguyễn Thị Hạnh, người Quảng Điền, Thừa Thiên. Năm sinh và mất không rõ.

Bà sinh được 2 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Miêu, Nguyễn Phúc Miên Ổn và 1 Hoàng Nữ Nguyễn Phúc Trang Nhàn.

12.3.1.19. NGUYỄN THỊ BÂN 阮 氏 彬
Mỹ nhân

Bà húy Nguyễn Thị Bân, còn húy là Lạc, 緒 , người Do Linh, Quảng Trị. Năm sinh, mất không rõ. Khi mất được ban thụy là Thục Thận.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Thủ và 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Lương Đức.


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

12.3.1.20. ĐOÀN THỊ THỤY 段 氏 瑞
Mỹ nhân

Bà húy Đoàn Thị Thụy người Phú Vang, Thừa Thiên,là con gái của Cẩm Y Hiệu úy Đoàn Đức Nghĩa. Năm sinh và mất không rõ. Khi mất bà được ban thụy là Đoan Ý.

Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Gia Trinh

12.3.1.21. ĐINH THỊ NGHĨA 丁 氏 義
Tài nhân

Bà húy Đinh Thị Nghĩa. Lai lịch cùng năm sinh,mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Trử và 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Gia Trang.

12.3.1.22. TRẦN THỊ TIỄN 陳 氏 錢
Tài nhân

Bà húy Trần Thị Tiễn còn húy là Thư. Lai lịch cùng năm sinh,mất không rõ.

Bà sinh được 2 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Tuyên và Nguyễn Phúc Miên Trụ

12.3.1.23. NGUYỄN THỊ TÍNH 阮 氏 姓
Tài nhân

Bà húy Nguyễn Thị Tính, người Quảng Trị, con gái của Tham Tri bộ binh Nguyễn Công Tiệp. Năm sinh và mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Tằng.

12.3.1.24. ĐỖ THỊ CƯƠNG 杜 氏 岡
Tài nhân

Bà húy Đỗ Thị Cương còn húy là Mẫu Đơn, 牡 丹 húy là Phong 峰. Bà là em gái của Quí nhân Đỗ Thị Tâm và Quí nhân Đỗ Thị Tùng. Năm sinh và mất không rõ. Khi mất được ban thụy là Thục Thận.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Khế và 2 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Nhàn Thục, Nguyễn Phúc Gia Tĩnh.

12.3.1.25. TRẦN THỊ THANH 陳 氏 清
Tài nhân 菊 香

Bà húy Trần Thị Thanh, còn húy là Hà Hương. Lai lịch và năm sinh,mất không rõ. Khi mất bà được ban thụy Trang Thận.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Triện

12.3.1.26. TRẦN THỊ TRÚC 陳 氏 竹
Tài nhân

Bà húy Trần Thị Trúc. Lai lịch cùng năm sinh,mất không rõ.

Bà ainh được 2 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy và Nguyễn Phúc Gia Thụy

12.3.1.27. TRẦN THỊ TIÊM 陳 氏 薇
Tài nhân chưa xếp vao giai thứ

Bà húy Trần Thị Tiêm, người Phú Vang, Thừa Thiên. Năm sinh và mất không rõ.

Bà sinh được một Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Trinh Đức.





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

12.3.1.28. BÙI THỊ SƠN 裴 氏 山

Tài nhân chưa xếp vào giai thứ.

Bà húy là Bùi Thị Sơn, lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Điều và 2 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Hòa Thận, Nguyễn Phúc Trinh Tĩnh

12.3.1.29. LÝ THỊ CẦM 李 氏 琴

Cung nhân

Bà húy Lý Thị Cầm, lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Nhàn Tĩnh.

12.3.1.30. CAO THỊ DIỆU 高 氏 妙

Cung nhân

Bà húy Cao Thị Diệu, người Do Linh, Quảng Trị. Năm sinh, mất không rõ. Tẩm ở thôn Tứ Tây (An Cựu-Thừa Thiên).

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Tả

12.3.1.31. ĐẶNG THỊ YẾU ĐIỆU 鄧 氏 窈 窕

Cung nhân

Bà húy Đặng Thị Yếu Điệu, lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Trang Tường

12.3.1.32. LÊ THỊ ĐÍNH 黎 氏 訂

Cung nhân

Bà húy Lê Thị Đính, lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Trinh Thụy

12.3.1.33. TRẦN THỊ MỸ 陳 氏 美

Cung nhân

Bà húy Trần Thị Mỹ, lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ

Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Hòa Tường

12.3.1.34. TRẦN THỊ NHÃ 陳 氏 雅

Cung nhân

Bà húy Trần Thị Nhã, người Quảng Điền, Thừa Thiên. Năm sinh và mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Miên Thích

12.3.1.35. TRẦN THỊ NHẠN 陳 氏 雁

Cung nhân

Bà húy Trần Thị Nhạn, lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Nhàn Thận

12.3.1.36. HỒ THỊ THỂ 胡 氏 彩

Cung nhân 素 禁

Bà húy Hồ Thị Thể, còn húy là Tố Cẩm. Lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Sạ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

12.3.1.37. LÊ THỊ THÔNG 黎 氏 通

Cung nhân

Bà húy Lê Thị Thông, lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Trinh Nhu

12.3.1.38. NGUYỄN THỊ XUÂN 阮 氏 椿

Cung nhân

Bà húy Nguyễn Thị Xuân, người Gia Định, con gái của Chính đội Nguyễn Văn Châu. Năm sinh và mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Ký và 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Nhu Tĩnh

12.3.1.39. PHAN THỊ VIÊN 潘 氏 員

Cung nhân

Bà húy Phan Thị Viên, lai lịch cùng năm sinh.mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng tử là Nguyễn Phúc Miên Thể

12.3.1.40. TRẦN THỊ NGHIÊM 陳 氏 嚴

Cung nhân

Bà húy Trần Thị Nghiêm, lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được 2 Hoàng Tử và 3 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Miên Phú | – Nguyễn Phúc Đoan Thuận |
| – Nguyễn Phúc Miên Tống | – Nguyễn Phúc Thục Thận |
| | – Tảo thương chưa có tên. |

12.3.1.41. NGUYỄN THỊ VĨNH 阮 氏 永

Bà húy Nguyễn Thị Vĩnh, người huyện Hương Trà, Thừa Thiên. Năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được một Hoàng tử là Nguyễn Phúc Miên Vũ

12.3.1.42. NGUYỄN THỊ DƯỢC 阮 氏 藥

Bà húy Nguyễn Thị Dược, lai lịch cùng năm sinh, mất không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Miên Ngô

12.3.1.43. LÊ THỊ TƯỜNG 黎 氏 祥

Bà húy Lê Thị Tường là con gái của công thần thời trung hưng là Lê Chất. Bà vốn được phong Cung tần, nhưng năm Minh Mệnh 16 (1835) Lê Chất bị nghị tội, nên bà cũng bị phế. Năm sinh và mất của bà không rõ.

Bà sinh được 1 Hoàng tử là Nguyễn Phúc Miên Liêu.

Ngoài ra còn một số bà khác nhưng không rõ tên cùng lai lịch.

**12.3.2. Hoàng Tử và Hoàng Nữ**

Kể cả những người mất sớm (tảo thương), đức Thánh Tổ có 78 Hoàng Tử và 64 Hoàng Nữ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Tuyển (vua Hiến Tổ) | 1. Nguyễn Phúc Ngọc Tông |
| 2. Nguyễn Phúc Chính | 2. Nguyễn Phúc Khuê Gia |
| 3. Nguyễn Phúc Miên Định | 3. Nguyễn Phúc Uyển Diễm |
| 4. Nguyễn Phúc Miên Nghi | 4. Nguyễn Phúc Lương Đức |
| 5. Nguyễn Phúc Miên Hoành | 5. Nguyễn Phúc Quang Tĩnh |
| 6. Nguyễn Phúc Miên Áo | 6. Nguyễn Phúc Hòa Thục |
| 7. Nguyễn Phúc Miên Thẩn | 7. Nguyễn Phúc Trinh Đức |
| 8. Nguyễn Phúc Miên Phú | 8. Nguyễn Phúc Nhu Thuận |
| 9. Nguyễn Phúc Miên Thủ | 9. Nguyễn Phúc Nhu Thục |
| 10. Nguyễn Phúc Miên Thẩm | 10. Nguyễn Phúc Đoan Thuận |
| 11. Nguyễn Phúc Miên Trinh | 11. Nguyễn Phúc Đoan Trinh |
| 12. Nguyễn Phúc Miên Bửu | 12. Nguyễn Phúc Vĩnh Gia |
| 13. Nguyễn Phúc Miên Trữ | 13. Nguyễn Phúc Đoan Thận |
| 14. Nguyễn Phúc Miên Hựu | 14. Nguyễn Phúc Nhàn Thận |
| 15. Nguyễn Phúc Miên Vũ | 15. Nguyễn Phúc Gia Trinh |
| 16. Nguyễn Phúc Miên Tống | 16. Nguyễn Phúc Gia Tiết |
| 17. Nguyễn Phúc Miên Thành | 17. Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy |
| 18. Nguyễn Phúc Miên Tể | 18. Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh |
| 19. Tảo thương | 19. Tảo thương |
| 20. Tảo thương | 20. Nguyễn Phúc Thục Thận |
| 21. Nguyễn Phúc Miên Tuyên | 21. Nguyễn Phúc Thục Tĩnh |
| 22. Nguyễn Phúc Miên Long | 22. Nguyễn Phúc Trang Tĩnh |
| 23. Nguyễn Phúc Miên Tích | 23. Nguyễn Phúc Trang Nhàn |
| 24. Tảo thương | 24. Nguyễn Phúc Gia Thụy |
| 25. Tảo thương | 25. Nguyễn Phúc Trinh Thận |
| 26. Nguyễn Phúc Miên Cung | 26. Nguyễn Phúc Trinh Nhàn |
| 27. Nguyễn Phúc Miên Phong | 27. Nguyễn Phúc Tường Hòa |
| 28. Nguyễn Phúc Miên Trạch | 28. Nguyễn Phúc Tường Tĩnh |
| 29. Nguyễn Phúc Miên Liêu | 29. Nguyễn Phúc Nhàn Thục |
| 30. Nguyễn Phúc Miên Mật | 30. Nguyễn Phúc Nhàn Trinh |
| 31. Nguyễn Phúc Miên Lương | 31. Nguyễn Phúc Thụy Thận |
| 32. Nguyễn Phúc Miên Gia | 32. Nguyễn Phúc Thụy Thục |
| 33. Nguyễn Phúc Miên Khoan | 33. Tảo thương |
| 34. Nguyễn Phúc Miên Hoạn | 34. Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa |
| 35. Nguyễn Phúc Miên Túc | 35. Tảo thương |
| 36. Nguyễn Phúc Miên Quang | 36. Nguyễn Phúc Lương Trinh |
| 37. Nguyễn Phúc Miên Tuấn | 37. Nguyễn Phúc Gia Trang |
| 38. Tảo thương | 38. Nguyễn Phúc Gia Tĩnh |
| 39. Tảo thương | 39. Nguyễn Phúc Thục Tuệ |
| 40. Nguyễn Phúc Miên Quân | 40. Nguyễn Phúc Nhàn Tĩnh |
| 41. Nguyễn Phúc Miên Khắp | 41. Nguyễn Phúc Nhàn An |
| 42. Nguyễn Phúc Miên Tằng | 42. Nguyễn Phúc Tĩnh An |
| 43. Nguyễn Phúc Miên Tĩnh | 43. Nguyễn Phúc Thục Tư |
| 44. Nguyễn Phúc Miên Thể | 44. Nguyễn Phúc Nhu Nghi |
| 45. Nguyễn Phúc Miên Dần | 45. Tảo thương |
| 46. Tảo thương | 46. Nguyễn Phúc Phương Trinh |





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

47. Nguyễn Phúc Miên Cư
48. Nguyễn Phúc Miên Ngôn
49. Nguyễn Phúc Miên Sạ
50. Tảo thương
51. Nguyễn Phúc Miên Thanh
52. Nguyễn Phúc Miên Tĩnh[1]
53. Nguyễn Phúc Miên Sủng
54. Nguyễn Phúc Miên Ngô
55. Nguyễn Phúc Miên Kiển
56. Nguyễn Phúc Miên Miêu
57. Nguyễn Phúc Miên Lâm
58. Nguyễn Phúc Miên Tiệp
59. Nguyễn Phúc Miên Văn
60. Nguyễn Phúc Miên Uyển
61. Nguyễn Phúc Miên Ổn
62. Nguyễn Phúc Miên Trụ
63. Nguyễn Phúc Miên Khế
64. Nguyễn Phúc Miên Ngụ
65. Nguyễn Phúc Miên Tả
66. Nguyễn Phúc Miên Triện
67. Nguyễn Phúc Miên Thất
68. Nguyễn Phúc Miên Bảo
69. Nguyễn Phúc Miên Khách
70. Nguyễn Phúc Miên Thích
71. Nguyễn Phúc Miên Điều
72. Nguyễn Phúc Miên Hoang
73. Nguyễn Phúc Miên Chí
74. Nguyễn Phúc Miên Thẩn
75. Nguyễn Phúc Miên Ký
76. Nguyễn Phúc Miên Bàng
77. Nguyễn Phúc Miên Sách
78. Nguyễn Phúc Miên Lịch

47. Nguyễn Phúc Hòa Thận
48. Nguyễn Phúc Hòa Nhàn
49. Nguyễn Phúc Hòa Tường
50. Nguyễn Phúc Nhan Huệ
51. Nguyễn Phúc An Nhàn
52. Nguyễn Phúc Nhu Hòa
53. Nguyễn Phúc Hòa Trinh
54. Nguyễn Phúc Lương Nhàn
55. Nguyễn Phúc Trinh Hòa
56. Nguyễn Phúc Lương Tĩnh
57. Nguyễn Phúc Trinh Tĩnh
58. Tảo thương
59. Nguyễn Phúc Nhu Tĩnh
60. Nguyễn Phúc Tĩnh Trang
61. Nguyễn Phúc Trinh Nhu
62. Nguyễn Phúc Trinh Thụy
63. Nguyễn Phúc Trang Tường
64. Nguyễn Phúc Phúc Tường



**12.3.3. Anh chị em**

Anh trưởng của Thánh Tổ là ngài Nguyễn Phúc Chiêu mất sớm tại Gia Định, ngoài ra còn một số các ngài khác cũng mất sớm ở đấy như Nguyễn Phúc Xương, Nguyễn Phúc Khải, Nguyễn Phúc Đại, Nguyễn Phúc Nhật..., còn các bà thì không được rõ. Hiện Thánh Tổ có 12 anh em trai và 18 chị em gái.

12.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC CẢNH 阮福景
Anh Duệ Hoàng Thái Tử

Ông là con thứ hai của đức Thế Tổ, mẹ là Thừa thiên Cao Hoàng Hậu. Ông sinh ngày 2 tháng 3 năm Canh tý (6.4.1780) tại Gia Định.

Năm Quí mão (1783) khi ông được 4 tuổi, Tây Sơn tấn công Gia Định ông phải theo Thế Tổ lánh ra Phú Quốc. Khi Thế Tổ sắp sang Xiêm gởi ông cho Giám mục Bá Đa Lộc đưa sang Pháp để cầu viện.

Mùa xuân năm Ất tị (1785) ông đến Tiểu Tây (một đảo ở Ấn Độ). Gặp lúc nước Pháp có loạn, ông phải ở lại thành Pondichery tại Ấn Độ. Đến tháng 6 năm Bính ngọ (1786) ông mới

(1) Cùng âm với tên của hoàng tử thứ 43.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

sang Pháp. Pháp Hoàng đã dùng vương lễ để tiếp đãi ông. Tuy các cận thần của Pháp hoàng phản đối về việc Pháp đưa quân sang nước ta, nhưng về sau, có lẽ do sự thuyết phục của Bá Đa Lộc, hòa ước Versaille được ký kết giữa Bá Đa Lộc (đại diện cho Đức Thế Tổ) và Hầu tước Mont Morin (đại diện cho vua Louis 16).[1] Trong thời gian sống ở Paris cũng như ở Versaille do diện mạo khả ái và là một hoàng tử từ phương xa đến, dân chúng Pháp đua nhau đón tiếp và đặt nhiều bài hát câu ca để tặng ông. Sống ở Pháp một thời gian, không thấy Pháp hoàng nhắc nhở gì đến chuyện cứu viện, ông cùng giám mục Bá Đa Lộc lên tàu La Dryade trở về lại Ấn Độ.

Mùa thu năm Đinh mùi (1787) Thế Tổ về Gia Định rất nhớ ông, sai quan bộ Hộ Trần Phúc Giai và quan thuộc đội tiểu sai Tống Phúc Ngọc đi đón. Mùa hạ năm Kỷ dậu (1789) ông trở về, Thế Tổ an ủi : "Con đi đến nơi chân trời góc biển đã 6 năm nay, ngày nay được tụ hội thật là trời giúp".

Mùa xuân năm Quí sửu (1792) các quan tâu xin lập ông làm Thái Tử, Thế Tổ sách lập ông làm Đông Cung Cảnh Quận công, ban ấn Đông cung, phong nguyên súy, đặt các quan làm việc tại Súy phủ, chọn các đại thần giúp đỡ để ông quen việc chính trị. Thế Tổ lại cho dựng nhà Thái học, đặt chức Phụ đạo đốc học, Hàn lâm thị học để giảng dạy kinh sử cho Thái Tử. Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định được sung vào làm chức thị giảng.

Mùa hạ năm đó, Thế Tổ thân chinh đánh Qui Nhơn, để ông trấn giữ Gia Định, qua mùa đông đưa ông ra trấn Diên Khánh. Vua ban dụ rằng : "Từ xưa các bậc đế vương không ai là không học nên Thái Giáp nhờ học mà làm châu hiền của vua Thành Thang, Thành vương lo học mà làm vua hiền nhà Chu[2], con lúc rảnh việc binh nên nghe lời sư phó, siêng nghe giảng kinh sách, học để cho biết rõ để khi gặp việc binh có thể điều khiển tướng sĩ, lúc thái bình có thể tể gia trị quốc, còn kẻ tả hữu thì nên chọn những người ngay thẳng, đừng dùng những người xấu, con nên cố gắng đi". Ông bái tạ vâng lời.

Năm Giáp dần (1794) quân Tây Sơn vây đánh Diên Khánh, Thế Tổ phải tự thân đi cứu viện, thừa cơ ông đánh úp các lũy Hà Nha, Thị Dã, Chủ Sơn, quân địch tan vỡ bắt hơn 2000 tù binh. Thế Tổ thấy ông ở ngoài lâu nên cho về Gia Định.

Năm Đinh tị (1797) ông theo Thế Tổ đi đánh Qui Nhơn, rồi đánh Quảng Nam, khi quân trở về ông tâu xin cho soạn 'Hiển trung chư thần liệt truyện' chép truyện các bậc tôi trung đời trước để khuyến khích mọi người, được Thế Tổ chấp nhận.

Ông tư chất thông sáng, thông suốt kinh sử, thích nghe những lời nói thẳng. Quan Phụ đạo Ngô Tùng Chu làm trọn trọng trách của bậc sư phó, giúp ông nhiều điều bổ ích. Một hôm giảng đến thiên Nhạc ký[3], Tùng Chu bảo : "Người xưa làm nhạc để hòa đồng với trời đất". Ông nói : "Người xưa làm nhạc như thế nên mới động thiên địa, cảm quỷ thần, mà nay tế ở miếu lại cứ theo tục dùng bọn nữ nhạc, bọn xướng hát, thật là vô vị". Nhiều khi ông cùng Tùng Chu bàn luận suốt đêm không biết mệt. Tùng Chu từng nói : "Súy phủ tay không rời cuốn sách thật là có ích".

Mùa xuân năm Tân dậu (1801) ông bị bệnh đậu mùa mà mất.

Ông mất ngày 7 tháng 2 năm Tân dậu (20.3.1801), lúc 22 tuổi. Thế Tổ nghe tin rất thương xót, sai Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Tử Chân cùng bộ Lễ lo việc tang. Ông được an táng tại Bình Dương, Gia Định.

---

(1) Hòa ước này về sau không được hai bên thi hành.

(2) Thái Giáp là vua nhà Thương ở Trung Hoa, cháu vua Thành Thang, nhờ Y Doãn giúp đỡ nên biết tu sửa đức hạnh khiến chư hầu qui phục. Thành vương là cháu nội vua Văn vương sáng lập nhà Chu.

(3) Nhạc Ký là tên một thiên trong sách Lễ Ký, sách này do Tài thánh đời Hán soạn.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Giáp tí (1804) vua cho thờ ông tại Tả vu của Thái Miếu, ban thụy là Anh Duệ Hoàng Thái Tử, lập viên tẩm[1] ở Vỹ Dạ. Năm Bính dần (1806) lập nhà thờ ở ấp Bình Lục huyện Phú Vang gọi là Anh Duệ Hoàng Thái Tử từ[2]. Năm Kỷ tị (1809) cải táng tại Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông lúc nhỏ gặp vận nước gian truân phải phiêu dạt chốn đất khách 6 năm trời, được dựng làm Đông cung trong 8 năm, trên trông coi việc nước, dưới vỗ về ba quân, uy đức sáng tỏ khắp thiên hạ. Đến khi mất xa gần nghe tin đều than khóc.

Ông có hai con trai, trưởng là Nguyễn Phúc Mỹ Đường (còn có tên là Đán), được phong tước Ứng Hòa Công, thứ là Nguyễn Phúc Mỹ Thủy (còn có tên là Kính) được phong tước Thái Bình Công. Năm Giáp thân (1824) Mỹ Đường bị lỗi nặng bắt phải nộp ấn thụ[3] giáng làm thứ dân. Con cả của Mỹ Đường là Nguyễn Phúc Lệ Chung lo phụng thờ Duệ Anh Hoàng Thái Tử. Đến đời Tự Đức, Lệ Chung được phong Cảm Hóa Quận Công.

Ông và con cháu mở ra phòng 1 thuộc đệ nhất Chính hệ, và bài phiên hệ thi dành cho phòng này là :

*Mỹ Duệ Tăng Cường Tráng*
*Liên Huy Phát Bội Hương*
*Lệnh Nghi Hàm Tốn Thuận*
*Vỹ Vọng Biểu Khôn Quang*

### 12.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC HY 阮福僖
Thuận An Công

Ông là con thứ hai của đức Thế Tổ, không rõ mẹ là ai, sinh năm Nhâm dần (1782). Ban đầu ông giữ chức Khâm sai Cai đội. Mùa đông năm Mậu ngọ (1798) Chưởng tiền quân Nguyễn Phúc Hội mất, vua muốn chọn chức súy, các tướng đều đề cử ông, nhưng vua ban rằng : "Hy tuổi còn nhỏ chưa quen việc binh" nên không chấp nhận.

Mùa hạ năm Kỷ mùi (1799) Thế Tổ thân chinh đánh Qui Nhơn, ông ở lại trấn giữ Gia Định. Mùa hạ năm Canh thân (1800) ông lại theo Thế Tổ đi đánh Qui Nhơn, khi đi đến cửa bể Câu Huân, vua sai ông ở lại giữ Diên Khánh, rồi khiến ông dẫn thuộc hạ đến giữ lũy Hội An. Chẳng được bao lâu lại gọi ông về Gia Định.

Ông là bậc anh hào được mọi người kính nể, ông có một cái búa đồng thường mang theo để ra lệnh cho mọi người nên được gọi là Phủ công (phủ là cái búa).

Ông mất ngày 9 tháng 4 năm Tân dậu (21.5.1801) lúc 20 tuổi, khi đang còn trông coi việc quân. Ông được phong tặng là Đặc Tấn Phụ Quốc Tướng quân Thiếu úy Quận Công, thụy Đôn Mẫn. Mộ táng tại Gia Định.

Năm Giáp tí (1804) vua cho thờ ông tại Tả vu của Thái Miếu, năm Giáp tuất (1814) gia tặng Hoài công, thờ ông tại Triển Thân từ[4].

---

(1) Viên tẩm là vùng có mộ, huyệt của Hoàng Phi cùng Thái Tử ở chế độ ngày trước.

(2) Về sau vì kiêng chữ Anh nên đổi thành Tăng Duệ Hoàng Thái Tử từ.

(3) Nguyễn Phúc Mỹ Đường vốn được phong Ứng Hòa Công nên khi bị cách phải nộp ấn thụ tức là ấn và dây đeo ấn.

(4) Triển thân chữ lấy trong Kinh Thư có nghĩa đôn đốc tình thương yêu người thân. Triển Thân từ được dựng vào năm Giáp tuất (1814) tại Vân Dương, Hương Thủy, chính đường có 9 gian để thờ các hoàng tử các triều trước tảo thương. Đến năm Nhâm thìn (1832) lại xây hậu từ (nhà thờ phía sau) để thờ các hoàng nữ các triều đại trước tảo thương.





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Tân mão (1831) vua gia tặng ông là Tôn Nhân Phủ Tả Tôn Chính, tước Thuận An Công, rồi năm Kỷ hợi (1839) cho dựng bia ở mộ phần.

Năm Quí mão (1843) ông được đưa về thờ tại Thân Huân từ[1].

Ông vô tự

### 12.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC TUẤN 阮福畯

Ông là con thứ ba của đức Thế Tổ, mẹ là Chiêu dung Lâm Thức, năm sinh và mất không rõ. Ông mất năm 12 tuổi, thờ tại Thân Huân từ, táng tại Gia Định. Năm Kỷ tị (1809) cải táng tại Nguyệt Biều, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

### 12.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC ĐÀI 阮福吴
Kiến An Vương

Ông là con thứ 5 của đức Thế Tổ, em cùng mẹ với đức Thánh Tổ, sinh ngày 23 tháng 8 năm Ất mão (5.10.1795)

Năm Đinh sửu (1817) ông được phong là Kiến An Công.

Ông vốn tính ngay thẳng, rộng rãi, lấy lễ tiếp đãi kẻ sĩ, học rộng hay thơ vì thế tiêu pha phung phí, bổng lộc thường không đủ.

Lúc đức Thánh Tổ mới nối ngôi từng ban cho ông 2000 quan tiền và bảo rằng : "Bổng lộc của em là đồ béo bở của dân, phải cần kiệm để hưởng lấy nghiệp nhà, hoang phí chi tổn hại đức, em phải nghĩ kỹ. Ta vì thiên hạ giữ tiền bạc, há dùng của công mà tạo ân riêng sao ?"

Năm Quí tị (1833) ông sai tên Lê Văn Quát thuộc hạ trong phủ đi Hà Nội mua ngựa, Quát lại đến Cao Bằng sách nhiễu tiền của dân. Quan tuần phủ Lạng Sơn là Hoàng Văn Quyền đem việc đó tâu lên, ông bị phạt mất lương trong 1 năm.

Năm Nhâm dần (1842) nhân ông tuổi cao nên vua ban chiếu cho miễn quỳ lạy mà chỉ vái một vái làm lễ khi có yến tiệc trong nội hoặc khi nhận ban thưởng, năm sau được cho miễn lễ dâng rượu chúc thọ, được cho ngồi hầu ở hàng trên những khi có yến tiệc lớn. Vua lại cấp cho chiếc thuyền để theo hộ giá. Khi ông thọ 50 tuổi được vua ban thưởng tiền và các vật hạng, đại để rất được vua yêu quí.

Tác phẩm của ông để lại là Dưỡng mông và Bảo quang[2]

Ông mất ngày 21 tháng 9 năm Kỷ dậu (5.11.1849), thọ 55 tuổi, được truy tặng Kiến An Vương, ban thụy Cung Thận. Tẩm tại Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 40 con trai và 41 con gái. Con trưởng là Nguyễn Phúc Lương Kỳ mất năm Mậu tý (1828) được tặng Phụng Ân Tướng quân sau cải thành Phụng Quốc Khánh. Con thứ là Nguyễn Phúc Lương Viên vào năm Quí mão (1843) được phong Phúc Trạch Đình hầu, đến năm Ất mão (1855) tập tước Kiến An Quận công.

Ông và con cháu mở ra phòng 5 thuộc đệ I Chính hệ, và bài Phiên hệ thi ban cho phòng này là :

---

(1) Thân Huân (có nghĩa công lao của những người thân thuộc) từ được dựng năm Quí mão (1843) tại Tân An, Hương Thủy, Thừa Thiên. Trước tiên đến nay thờ Hải Đông Quận Vương, Thông Hóa Quận Vương và Thuận An Công gọi là Hải Đông Quận vương, Thuận An Công từ. Năm Canh tuất (1850) đem thờ thêm Tương Dương Quận Vương và An Bình Quận Vương, rồi đổi tên là Thân Huân từ.

(2) Dưỡng mông : dưỡng là nuôi, mông là tối tăm, có nghĩa là nuôi chí tối tăm. Bảo quang : bảo là dấu kỹ, quang là ánh sáng có nghĩa che dấu ánh sáng. Tên hai cuốn đều mang ý nghĩa thích ở ẩn.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*Lương Kiến Ninh Hòa Thuật*
*Du Hành Suất Nghĩa Phương*
*Dưỡng Di Tương Thức Hảo*
*Cao Túc Thể Vi Tường*

### 12.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC BÍNH 阮福昺
Định Viễn Quận vương

Ông là con thứ 6 của đức Thế Tổ và mẹ là bà Tiệp dư Dương Thị Sự, còn có tên Nhựu, sinh ngày 16 tháng 7 năm Đinh tỵ (6.9.1797).

Khi còn là Hoàng tử ông rất ham chơi nên Thế Tổ hết sức trách mắng, Thánh Tổ lúc chưa lên ngôi phải nhiều lần cầu xin cha tha thứ cho ông. Về sau ông biết hối cải thay đổi tính nết, tuân theo phép tắc nên được ngợi khen.

Năm Đinh sửu (1817) ông được phong Định Viễn Công, năm Nhâm dần (1842) hộ giá theo vua Hiến Tổ ra Bắc sung làm Ngự tiền Thân thần trong lễ nhận sắc phong của nhà Thanh, khi vua hồi loan ban thưởng ông rất hậu.

Ông mất ngày 3 tháng 7 năm Quí hợi (16.8.1863), thọ 67 tuổi.

Ông là người trung hậu, biết giữ phận bề tôi nên khi mất vua rất thương tiếc, ban thụy là Đôn Lượng, cấp 10 mẫu thự điền để lo thừa tự. Nhà thờ ở Phú Thạnh (Phú Vang, Thừa Thiên). Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 42 con trai và 31 con gái. Con trưởng Nguyễn Phúc Tĩnh Cơ vào năm Quí mão (1843) được phong Bái Trạch Đình hầu, con thứ Tĩnh Phương ân phong Phụng Quốc khanh, con thứ Tĩnh Long ân phong Trợ Quốc khanh.

Ông và con cháu mở ra phòng 6 thuộc dệ I Chính hệ, và bài phiên hệ thi ban cho phòng này là :

*Tĩnh Hoài Chiêm Viễn Ái*
*Cảnh Ngưỡng Mậu Thanh Kha*
*Nghiễm Cách Do Trung Đạt*
*Liên Trung*(1) *Tập Cát Đa*

### 12.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC TẤN 阮福晉
Diên Khánh Vương

Ông là con thứ 7 của đức Thế Tổ, mẹ là Chiêu nghi Nguyễn Thị Điền, còn húy là Thản. Ông sinh ngày 16 tháng 2 năm Kỷ mùi (21.3.1799).

Ông tính tình hiền lành, dáng mạo khôi ngô. Năm Đinh sửu (1817) được phong là Diên Khánh Công.

Năm Canh thìn (1820) vì việc riêng ông tùy tiện dùng roi đánh cai đội Lê Văn Hương, việc tâu lên khi Thánh tổ đang cùng với các Hoàng Tử ở nơi điện riêng. Vua rơi nước mắt mà trách cứ ông rằng : 'Cai đội là quan của triều đình, có tội gì thì cứ tâu lên, sao tự quyền lấy roi mà đánh. Phép nước của tiên đế đặt ra là chung cho thiên hạ, há anh em ta lấy đó mà dùng riêng. Em không thấy khi tiên đế quở trách nặng nề Định Viễn Công sao, lúc ấy Công quá nhỏ, anh hai ba lần cầu xin tha mà tiên đế không tha. Sở dĩ như vậy vì để lo các hoàng thân, hoàng tử sinh trưởng ở chốn phú quí, cậy sự thương yêu mà phạm phép nước, không thể không nghiêm

(1) Từ này đồng âm với từ thứ tư ở câu 3.





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

khắc răn de. Nay trẫm lấy lòng của tiên đế làm lòng mình mà yêu thương em, thì em cũng phải lấy lòng của trẫm làm lòng mình mà yêu thương trẫm chứ, cùng nhau thận trọng giữ gìn luật pháp để giữ mãi tiếng tăm của mình. Việc trái phép như thế lần sau chớ có làm'. Ông rập đầu lạy tạ.

Năm Nhâm thìn (1832), ông nhẹ dạ nghe theo lời tên lái buôn Diệp Liên Phong, lấy thuyền nhà Thanh cải trang làm thuyền của mình để mưu toan trốn thuế, việc phát giác ông hoảng sợ xin chịu tội. Vua thấy ông biết hối không đám che giấu nên tha tội. Từ đấy ông cố gắng sửa đổi tính tình nên việc học và đức hạnh càng tăng tiến.

Đến đời Thiệu Trị, ông thường theo hầu một bên vua, tuy ở vai vế trên nhưng kính cẩn giữ phép, thận trọng trong công việc suốt 7 năm, những lúc vua đau yếu ông hầu cận sớm tối, nên vua đi chúc cho vua Dực Tông sau này hậu đãi ông để báo đáp công khó nhọc.

Năm Canh tuất (1850) vua thưởng cho ông một chiếc thuyền dùng để đi theo hầu, lại sách phong cho mẹ ông làm Chiêu Nghi để trọn ý của tiên đế.

Ông thờ mẹ rất có hiếu, hiểu được tính mẹ, phụng dưỡng không chút thiếu sót khiến người đời chẳng có gì để chê trách. Năm Nhâm tí (1852) mẹ mất ông quá đau xót, sau lễ tiểu tường thì đau nặng.

Ông mất ngày 23 tháng 6 năm Giáp dần (17.7.1854), thọ 56 tuổi, được truy phong là Diên Khánh Vương, thụy Cung Chính. Tâm ở An Cựu (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ tại Vỹ Dạ (Phú Vang, Thừa Thiên).

Khi ông đau vua đặc biệt cho ngự y đến bắt mạch chữa bệnh, ngày nào cũng sai người đến thăm hỏi. Ông thường nghĩ đến việc nước, báo ân vua. Khi đau nặng ông thường nói với người nhà rằng : "Cả nhà chịu hậu ân của nước, chưa báo đền được một chút nào, một mai chết đi nuốt hận mãi mà thôi", ông chẳng nhắc một lời nào về chuyện nhà.

Ông có 20 con trai và 28 con gái. Trưởng tử là Diên Vực, năm Quí mão (1843) được phong làm Mộ Trạch Đình hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 7 thuộc đệ I Chính hệ, và bài phiên hệ thi ban cho phòng là :

*Diên Hội Phong Hanh Hợp*
*Trọng Phùng Tuấn Lãng Nghi*
*Hậu Lưu Thành Tú Diệu*
*Diễn Khánh Thích Phương Huy*

### 12.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC PHỐ 阮福普
Điện Bàn Công

Ông là con thứ 8 của Thế Tổ, mẹ là Cung tần Nguyễn Thị Thoại, sinh ngày 29 tháng 3 năm Kỷ mùi (3.5.1799)

Năm Đinh sửu (1817) được phong làm Điện Bàn Công

Năm Bính tuất (1826) ông đặt cần quan chức, dùng ấn tín riêng. Việc phát giác, ông đến cửa khuyết xin chịu tội. Vua phạt cất bổng 3 năm, dẹp hết thuộc binh, không cho dự triều và phán rằng : "Em bẩm tính ngu muội đến nỗi bị kẻ xấu mê hoặc làm bậy nhiều việc, mấy lần mắc tội lớn. Nghĩ đến chuyện đó ai cũng giận, từ nay trở đi cố gắng giữ gìn tốt thì trẫm sẽ ra ân cho, nếu quen thói không chừa trẫm sẽ vì đại nghĩa mà trị, không thể vì em mà bẻ cong pháp luật, ngày đêm nên cảnh tỉnh hối cải".



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Từ đó ông rất hối không dám làm bậy nữa, duy tính hay thiên vị, bọn tôi tớ đã yêu thích thì ban cho không biết bao nhiêu mà kể, nên trong nhà thường túng thiếu.

Ông mất ngày 26 tháng 7 năm Canh thân (11.9.1860), thọ 62 tuổi, ban thụy là Cung Đốc. Tẩm ở An Ninh (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Thần Phù (Hương Thủy, Thừa Thiên) rồi sau dời về chùa Thiên Thai ngoại ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 6 con trai và 3 con gái. Ông cùng con cháu mở ra phòng 8 thuộc đệ I chính hệ bài phiên hệ thi ban cho phòng là :

*Tín Điện Tư Duy Chính*
*Thành Tồn Lợi Thỏa Trinh*
*Túc Cung Thừa Hữu Nghị*
*Vinh Hiển Tập Khanh Danh*

### 12.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC CHẦN 阮福 診
Thiệu Hóa Quận Vương

Ông là con thứ 9 của đức Thế Tổ, em cùng mẹ với đức Thánh Tổ, sinh ngày 10 tháng 3 năm Qúi hợi (30.4.1803).

Ông tính thận trọng, hiền hòa, cư xử rất lễ độ nên Thế Tổ rất thương yêu.

Năm Đinh sửu (1817) ông được phong là Thiệu Hóa Công.

Ông tính ham học, thích làm điều thiện. Thánh Tổ rất yêu, đem chỗ ở ngày trước của mình ban cho, lại cho dựng nhà riêng ở làng An Ninh làm nơi đọc sách khi rảnh việc triều. Trong vườn nhà riêng ngoài thì trồng tre xanh, bên trong có ao thả sen trắng nên nơi này được gọi là thôn Bạch Liên và vườn Thê Phụng[1]

Đức Hiến Tổ kém ông 4 tuổi vào đầu thời Minh Mệnh khi xuất các[2] thường cùng ông học tập, rất kính trọng ông.

Ông mất ngày 5 tháng 9 năm Giáp thân (26.10.1824) lúc 22 tuổi vua rất thương tiếc phong là Thiệu Hóa Quận Vương, ban thụy Cung Lượng. Ngày đưa đám vua lên lầu ở cửa Đông Nam trông theo, khóc mà đưa tiễn.

Khi ông mới bị bệnh, Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu lấy làm lo, một hôm thắp hương khấn trời : "Bệnh Công có an không, xin mộng cho biết". Đêm ấy hậu mộng thấy một ông già đến trước mặt tâu : "Công mất rồi".

Tẩm ông ở An Ninh (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Vỹ Dạ (Phú Vang, Thừa Thiên)

Ông có 2 con trai, con trưởng là Thiện Khuê, năm Ất mùi (1835) được tập phong Thiệu Hóa Công, sau vì phung phí phạm tội bị giáng xuống làm Thiệu Hóa Đình Hầu, đến năm Canh thân (1860) được phục nguyên tước. Con thứ là Thiện Chỉ năm Mậu tuất (1839) được ân phong Lại Trạch Đình hầu.

Ông cùng con cháu mở ra Phòng 9 thuộc đệ I Chính hệ và bài phiên hệ thi ban cho Phòng là :

*Thiện Thiệu Kỳ Tuấn Lý*
*Văn Tri Tại Mẫn Du*

(1) Bạch Liên có nghĩa là sen trắng, Thê Phụng là chim phượng đậu.

(2) Xuất các : xuất là ra khỏi, các là gác (chỉ cung điện), đây là từ dùng để chỉ khi hoàng tử được phong và ra ở riêng.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*Ngưng Lân Tài Chí Lạc*
*Địch Đạo Duẩn Phu Hưu*

12.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC QUÂN 阮福昀
Quảng Uy Công

Ông là con thứ 10 của đức Thế Tổ, mẹ là Đức phi Lê Thị Bình, sinh ngày 7 tháng 4 năm Kỷ tị (20.5.1809).

Ông thuở nhỏ tính ham chơi, kiêu ngạo ngông cuồng. Giáo đạo là Ngô Đình Giới[1] dạy khá nghiêm nên ông rất ghét. Một hôm ông khiến tôi tớ bắt con nhái trói nơi sân, cầm roi mà đánh và bảo : "Mi dám khinh tau sao ?" để làm trò đùa.

Đầu đời Minh Mệnh vua cho Trần Đại Nghĩa làm giá đạo cho ông, ban cho Trần Đại Nghĩa một cây roi và bảo : "Em nhỏ của trẫm sinh ở chốn thâm cung, không dạy bảo không thể trở thành người đức hạnh được. Khanh hôm sớm dạy bảo, có lỗi cứ đánh chớ để thành ngạo mạn và lười biếng". Vua lại sai Hàn lâm Trực giảng Nguyễn Đăng Sĩ sung vào làm giảng quan trong phủ của ông.

Năm Đinh sửu (1817) ông được phong làm Quảng Uy Công.

Ông mất ngày 24 tháng 4 năm Kỷ sửu (26.5.1829) vì bệnh đậu mùa, lúc 21 tuổi, thụy là Cung Trực. Tẩm ở Trúc Lâm, (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông vô tự. Kế tập không rõ.

Bài thiên hệ thi ban cho Phòng là :

*Phụng Phù Huy Khải Quảng*
*Kim Ngọc Trúc Tiêu Kỳ*
*Điển Học Kỳ Gia Chí*
*Đôn Di Khắc Tự Trì*

12.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC CỰ 阮福𣏌
Thường Tín Quận Vương

Ông là con thứ 11 của đức Thế Tổ, em cùng mẹ với Quảng Uy Công, sinh ngày 4 tháng 9 năm Canh ngọ (2.10.1810).

Năm Đinh sửu (1817) được phong Thường Tín Công

Năm Quí mùi (1823) được trông coi việc thừa tự Long Thành Thái Trưởng Công Chúa (Nguyễn Phúc Ngọc Tú).

Ông mất ngày 25 tháng 6 năm Canh ngọ (11.8.1849), lúc 40 tuổi, thụy Ôn Tĩnh. Tẩm ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên), nhà thờ ở Xuân Vinh (Phú Lộc, Thừa Thiên). Năm phong Quận Vương không rõ.

Ông có 7 con trai 11 con gái. Con trai thứ 3 là Nguyễn Phúc Thường Đồng được phong Vĩnh Ân Hầu, con trai thứ 5 là Nguyễn Phúc Thường Lâu được phong Trợ Quốc khanh.

Ông và con cháu mở ra phòng 11 thuộc đệ I chính hệ và bài phiên hệ thi ban cho Phòng là :

*Thường Cát Tuân Gia Huấn*
*Lâm Tùy Trang Thạnh Cung*

(1) Từ này vốn đọc Giải, nên Quảng Uy Công mới bắt con nhái, hai từ này có âm tương tự.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*Thận Tu Di Tấn Đức*
*Thụ Ích Mậu Tân Công.*

12.3.3.12A. NGUYỄN PHÚC QUANG 阮福晃
An Khánh Vương

Ông là con thứ 12 của đức Thế Tổ, mẹ là Mỹ Nhân Trịnh Thị Thanh, ông sinh ngày 23 tháng 7 năm Tân mùi (10.9.1811).

Năm Ất dậu (1825) ông được phong là An Khánh Công.

Năm Tân mão (1832) được gia ân hậu cấp. Năm Nhâm thìn (1832) tang mẹ đã xong xuôi, ông lại tâu xin gạch ngói và xin chi trước cho tiền bổng của năm sau. Vua ban dụ rằng : "An Khánh Công trước đây nhân vì tang riêng nài xin những hai ba lần, trẫm thấy là Thân công nên đặc cách ban thưởng nhiều cho quân đến giúp việc lại gia ân cho mượn trước tiền bổng để lo tang. Nay chẳng biết thế nào là đủ lại xin nữa, xem ra chỉ là việc riêng mong đừng dùng lời hàm hồ để quấy rầy".

Tờ tâu của ông bị trả lại và nghiêm lệnh : "Từ nay về sau không chịu an phận mà tâu bậy việc gì thì giao cho Tôn nhân phủ cùng Bộ Hình nghiêm trị không tha."

Từ đấy về sau ông không dám xin bậy việc gì nữa.

Năm Quí tị (1833) trong 3 ngày tết, ông thay vua đi tế các miếu, bị chậm trễ ông dâng sớ xin chịu tội. Việc đưa xuống Tôn nhân phủ trị tội, ông bị phạt mất một năm bổng.

Ông mất ngày 25 tháng 5 năm Ất tỵ (29.6.1845), lúc 35 tuổi, thụy là Trang Mẫn. Tẩm tại Trúc Lâm (Hương Trà, Thừa Thiên). Ông được thờ tại Triển Thân từ. Năm phong Vương không rõ.

Ông vô tự. Về sau ông Nguyễn Phúc Diên Điệp con của Diên Khánh Công qua kế tập phòng An Khánh Vương lo việc thừa tự và đổi tên là Khâm Thịnh.

Bài phiên hệ thi ban cho phòng 12 dệ I Chính hệ này là :

*Khâm Tùng Xưng Ý Phạm*
*Nhã Chính Thủy Hoằng Qui*
*Khởi Để Đằng Cần Dự*
*Quyến Ninh Công Tập Hi*

12.3.3.13A. NGUYỄN PHÚC MÃO 阮福昴
Từ Sơn Công

Ông là con thứ 13 của đức Thế Tổ, mẹ là Chiêu dung Nguyễn Thị Tần. Ông sinh ngày 2 tháng 10 năm Quí dậu (25.10.1813).

Năm Ất dậu (1825) ông được phong là Từ Sơn Công.

Năm Quí tị (1833) phụng mệnh vua đi cúng tế vào dịp Tết nguyên đán bị chậm trễ, vua hạ lệnh Tôn Nhân phủ định tội và ông bị phạt mất ba năm bổng. Về sau ông biết hối, lo giữ gìn phép tắc, học hành chăm chỉ được vua rất ngợi khen.

Ông mất ngày 1 tháng 7 năm Mậu thìn (18.8.1868), thọ 56 tuổi, ban thụy là Ôn Thận. Tẩm ở Thanh Thủy Thượng, (Thừa Thiên). Nhà thờ ở Xuân Hòa (Hương Thủy, Thừa Thiên).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông có 10 con trai và 11 con gái. Con trưởng là Nguyễn Phúc Tử Đản được phong Mộc Đức Hầu, con thứ hai là Nguyễn Phúc Tử Cương được phong Tân Ân Hầu rồi tập tước Tử Sơn Huyện công. Cháu ông là Nguyễn Phúc Thể Cẩm tập phong Huyện hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 13 thuộc đệ I chính hệ và bài phiên hệ thi ban cho Phòng là :

*Tử Thể Dương Quỳnh Cẩm*
*Phu Văn Ái Diệu Dương*
*Bách Chi Quân Phụ Dực*
*Vạn Diệp Hiệu Khuông Tương*

### 12.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC CHÂU 阮福玉珠
Bài Thái Công Chúa

Bà là con gái trưởng của đức Thế Tổ, mẹ là Chiêu Dung Phạm Thị Lộc. Bà sinh năm Nhâm dần (1782).

Năm Mậu Thìn (1808) bà lấy chồng là Vệ úy Nguyễn Văn Ngoạn,con trai của Đoan Hùng Quận công Nguyễn Văn Trương.

Năm Quí tị (1833) Nguyễn Văn Ngoạn mất.

Năm Canh tí (1840) bà được phong Bình Thái Trưởng Công chúa.

Bà mất vào tháng 7 năm Đinh mùi (1847) thọ 66 tuổi, ban thụy là Đoan Tuệ.

Bà có một người con gái.

### 12.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NGỌC QUỲNH 阮福玉瓊
Bình Hưng Công Chúa

Bà là con gái con thứ 2 của đức Thế Tổ, mẹ là Chiêu dung Lâm Thức. Bà sinh năm Mậu thân (1788).

Năm Mậu thìn (1808) bà lấy chồng là Chưởng vệ Phạm Văn Tín,con của Tiên Hưng Quận Công Phạm Văn Nhân.

Năm Canh tí (1840) bà được phong Bình Hưng công chúa.

Mùa hạ năm Kỷ dậu (1849) bà mất, thọ 62 tuổi, ban thụy là Uyển Thục.

Bà có 2 người con trai và 1 người con gái.

### 12.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC NGỌC ANH 阮福玉瑛
Bảo Lộc Công Chúa

Bà là con gái thứ 3 của đức Thế Tổ, mẹ là Chiêu dung Lâm Thức. Bà sinh năm Canh tuất (1790).

Năm Mậu thìn (1808) bà lấy chồng là Vệ úy Trương Phúc Đặng,con trai của Cai cơ Trương Phúc Tuấn.

Năm Đinh hợi (1827) Trương Phúc Đặng vì bắt người trái phép bị cách chức nghị tội, Đặng sợ tự tử mà chết. Về sau được khai phục lại nguyên hàm.

Năm Canh tí (1840) bà được phong Bảo Lộc Trưởng Công chúa.

Mùa xuân năm Canh tuất (1850) bà mất, thọ 61 tuổi, ban thụy là Trinh Hòa.


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Bà có 1 người con trai và 3 người con gái.

12.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TRẦN 阮福玉珍
Phú Triêm Công Chúa

Bà là con gái thứ tư của đức Thế tổ, mẹ là Chiêu Dung Hoàng Thị Chức. Bà sinh năm Canh tuất (1790).

Năm Mậu dần (1818) bà lấy chồng là Vệ úy Nguyễn Đức Long,con trai của Thiếu bảo Đô thống chế Nguyễn Đức Thạnh.

Mùa hạ năm Kỷ mão (1819) bà mất, lúc 30 tuổi, ban thụy là Tĩnh Chất.

Về sau được truy phong là Phú Triêm Trưởng Công chúa.

Tâm bà ở Trúc Lâm, (Hương Trà, Thừa Thiên).

Bà vô tự.

12.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC NGỌC XUYẾN 阮福玉圳
Bảo Thuận Công Chúa

Bà là con gái thứ năm của đức Thế Tổ, mẹ là Chiêu Dung Phạm Thị Lộc, tức em cùng mẹ với Bình Thái công chúa. Bà sinh ngày 5 tháng 9 năm Nhâm tí (20.10.1792).

Năm Mậu dần (1818) bà lấy chồng là Vệ úy Nguyễn Huỳnh Toán,con trai của Kiến Xương Quận Công Nguyễn Huỳnh Đức. Nguyễn Huỳnh Toán mất ngay năm đó.

Về sau bà cải giá lấy Vệ úy Trương văn Minh rồi chồng cũng mất trước.

Năm Canh tí (1840) bà được phong Bảo Thuận Trưởng Công Chúa.

Năm Tân Hợi (1851) bà mất, thọ 60 tuổi được ban thụy là Trinh Tuệ.

Bà không có con, năm Ất mùi (1835) nhận con chồng là Trương Văn Giám làm con kế tự.

12.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGOẠN 阮福玉琓
Đức Hòa Công Chúa

Bà là con gái thứ sáu của đức Thế Tổ, mẹ là Tá cung tần Tống Thị Lâu. Bà sinh năm Giáp dần (1794).

Năm Mậu dần (1818) bà lấy chồng là Vệ úy Mai Đức Nhu,con trai của Vĩnh Lại Hầu Mai Đức Nghị. Đức Nhu mất ngay vào năm này.

Năm Đinh hợi (1827) bà mất, lúc 34 tuổi được ban thụy là Trang Khiết.

Về sau được truy phong là Đức Hòa Trưởng Công chúa.

Bà vô tự.

12.3.3.7B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGA 阮福玉娥
An Thái Công Chúa

Bà là con gái thứ bảy của đức Thế Tổ, mẹ là Tiệp dư Dương thị Dưỡng. Bà sinh ngày 20 tháng 10 năm Bính thìn (21.11.1796).

Năm Mậu dần (1818) bà lấy chồng là Vệ úy Nguyễn Đức Thiền,con trai của Khoái Châu Quận công Nguyễn Đức Xuyên. Năm đó Nguyễn Đức Thiền mất.

Về sau bà cải giá lấy Lãnh binh Trấn tây là Vũ Viết Tuấn,con trưởng của Thị nội Thống chế Vũ Viết Bửu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Canh tí (1840) Vũ Viết Tuấn đem quân cứu viện lũy Sa tôn bị thương nặng rồi mất.

Năm Giáp dần (1854) bà được phong An Thái Trưởng Công chúa.

Năm Bính thìn (1856) bà mất, thọ 61 tuổi được ban thụy là Nhu Hòa.

Bà có 3 người con trai và 2 người con gái.

12.3.3.8B. NGUYỄN PHÚC NGỌC CỬU 阮 福 玉 玖
An Lễ Công Chúa

Bà là con gái thứ 8 của đức Thế tổ, mẹ là Tiệp Dư Dương Thị Sự, tức em cùng mẹ với Định Viễn Quận vương Nguyễn Phúc Bính. Bà sinh năm Nhâm tuất (1802).

Năm Quí mùi (1823) bà lấy chồng là ông Lê Hậu,con trai của ông Lê Chất công thần đời Thế Tổ.

Năm Canh dần (1830) Lê Hậu mất.

Năm Bính ngọ (1846) bà mất, thọ 45 tuổi, ban thụy là Uyển Thục.

Về sau mới được truy phong An Lễ Thái Trưởng Công chúa.

12.3.3.9B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGUYỆT 阮 福 玉 玥
Nghĩa Hòa Công Chúa.

Bà là con gái thứ 9 của đức Thế Tổ, mẹ là Chiêu Dung Tống Thị Thuận. Bà sinh năm Quí hợi (1803)

Năm Quí mùi (1823) bà lấy chồng là Phó Vệ úy Nguyễn Đức Hổ (con trai của Khoái châu Quận công Nguyễn Đức Xuyên).

Năm Bính ngọ (1846) bà mất, được 44 tuổi, ban thụy là Cung Khiết, tặng là Nghĩa Hòa trưởng công chúa.

Bà có 3 người con trai và 4 người con gái.

12.3.3.10B. NGUYỄN PHÚC NGỌC NGÔN 阮 福 玉 琂
An Nghĩa Công Chúa.

Bà là con gái thứ 10 của đức Thế Tổ, mẹ là Đức phi Lê Thị Bình, em gái cùng mẹ với Quảng Uy Công Nguyễn Phúc Quân. Bà sinh ngày 7 tháng 7 năm Giáp tý (11.8.1804).

Năm Quí mùi (1823) bà lấy chồng là ông Lê Văn Yến là con trưởng của ông Lê Văn Phong và là con thừa tự của Tả quân Lê Văn Duyệt.

Năm Ất mùi (1835) xử vụ án của Lê Văn Duyệt, Lê Văn Yến bị tội chết.

Năm Giáp dần (1854) phong bà là An Nghĩa Thái trưởng công chúa.

Năm Bính thìn (1856) bà mất, được 53 tuổi, ban thụy là Trinh Lệ.

Bà có 3 người con trai.

12.3.3.11B. NGUYỄN PHÚC NGỌC VÂN 阮 福 玉 玧
An Điềm Công Chúa

Bà là con gái thứ 11 của đức Thế Tổ, mẹ là Mỹ nhân Cái Thị Thu. Bà sinh ngày 25 tháng 5 năm Ất sửu (22.6.1805).

Năm Quí mùi (1823) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Thường Tuân người Phong Điền, Thừa Thiên (con của Thị Trung Đô thống tặng Thiếu bảo Quận công Nguyễn Văn Khiêm).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Mậu thân (1848) Nguyễn Thường Tuấn mất.

Năm Giáp dần (1854) bà được phong An Điềm công chúa.

Năm Kỷ tỵ (1869) bà mất, thọ 65 tuổi, ban thụy là Hậu Mẫn.

Bà có 3 người con trai và 3 người con gái.

12.3.3.12B. NGUYỄN PHÚC NGỌC KHUÊ 阮 福 玉 珪
Mỹ Khê Công Chúa

Bà là con gái thứ 12 của đức Thế Tổ, mẹ là Đức phi Lê Thị Bình. Bà sinh năm Định mão (1807).

Năm Ất dậu (1825) bà lấy chồng là Vệ úy Nguyễn Văn Thiện (con trai của Kinh môn Quận công Nguyễn Văn Nhân).

Năm Đinh hợi (1827) bà mất, lúc 21 tuổi, ban thụy là Trinh Ý.

Về sau mới được phong Mỹ Khê Thái Trưởng Công chúa.

Bà có 1 người con trai.

12.3.3.13B. NGUYỄN PHÚC NGỌC CƠ 阮 福 玉 璣
Định Hòa Công Chúa

Bà là con gái thứ 13 của đức Thế Tổ, mẹ là Mỹ nhân Nguyễn Thị Vĩnh. Bà sinh ngày 22 tháng 7 năm Mậu thìn (13.9.1808).

Năm Kỷ sửu (1829) bà lấy chồng là Vệ úy Nguyễn Huỳnh Thành,con thứ Kiến xương Quận công Nguyễn Huỳnh Đức.

Năm Nhâm thìn (1832) Nguyễn Huỳnh Thành mất, bà lập am ở làng Dương Xuân để ở[1].

Năm Bính thìn (1856) bà mất, thọ 49 tuổi, phong tặng là Định Hòa Thái Trưởng Công chúa, thụy Đoan nhàn.

Bà có 2 người con trai.

12.3.3.14B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THIỀU 阮 福 玉 珧

Bà là con gái thứ 14 của đức Thế Tổ, mẹ là Tài nhân Nguyễn Thị Uyên, năm sinh không rõ, được 1 tuổi thì mất.

12.3.3.15B. NGUYỄN PHÚC NGỌC LÝ 阮 福 玉 理

Bà là con gái thứ 15 của đức Thế Tổ, mẹ là Tài nhân Trần Thị Hán, bà sinh năm Kỷ tỵ (1809). Bà mất năm Kỷ mão (1819) lúc 11 tuổi.

12.3.3.16B. NGUYỄN PHÚC NGỌC THÀNH 阮 福 玉 城

Bà là con gái thứ 16 của đức Thế Tổ, mẹ là Tài nhân Phan Thị Hạc. Bà sinh năm Nhâm thân (1812).

Năm Kỷ sửu (1829) bà lấy chồng là Vệ úy Hồ Văn Thập,con của Phúc Quốc công Hồ Văn Bối[2], chưa nghênh hôn thì bà mất, được 18 tuổi, ban thụy là Nhu Khiết.

---

(1) Nơi này hiện là chùa Đồng thuyền và bà được xem như người sáng lập chùa. Hai con trai của bà đều mất sớm. Hiện nay bà và gia đình chồng còn được thờ ở phía sau chùa.

(2) Phúc quốc công Hồ Văn Bối là thân sinh của Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu. Mẹ vua Thiệu Trị.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

12.3.3.17B. NGUYỄN PHÚC NGỌC BÍCH 阮福玉碧

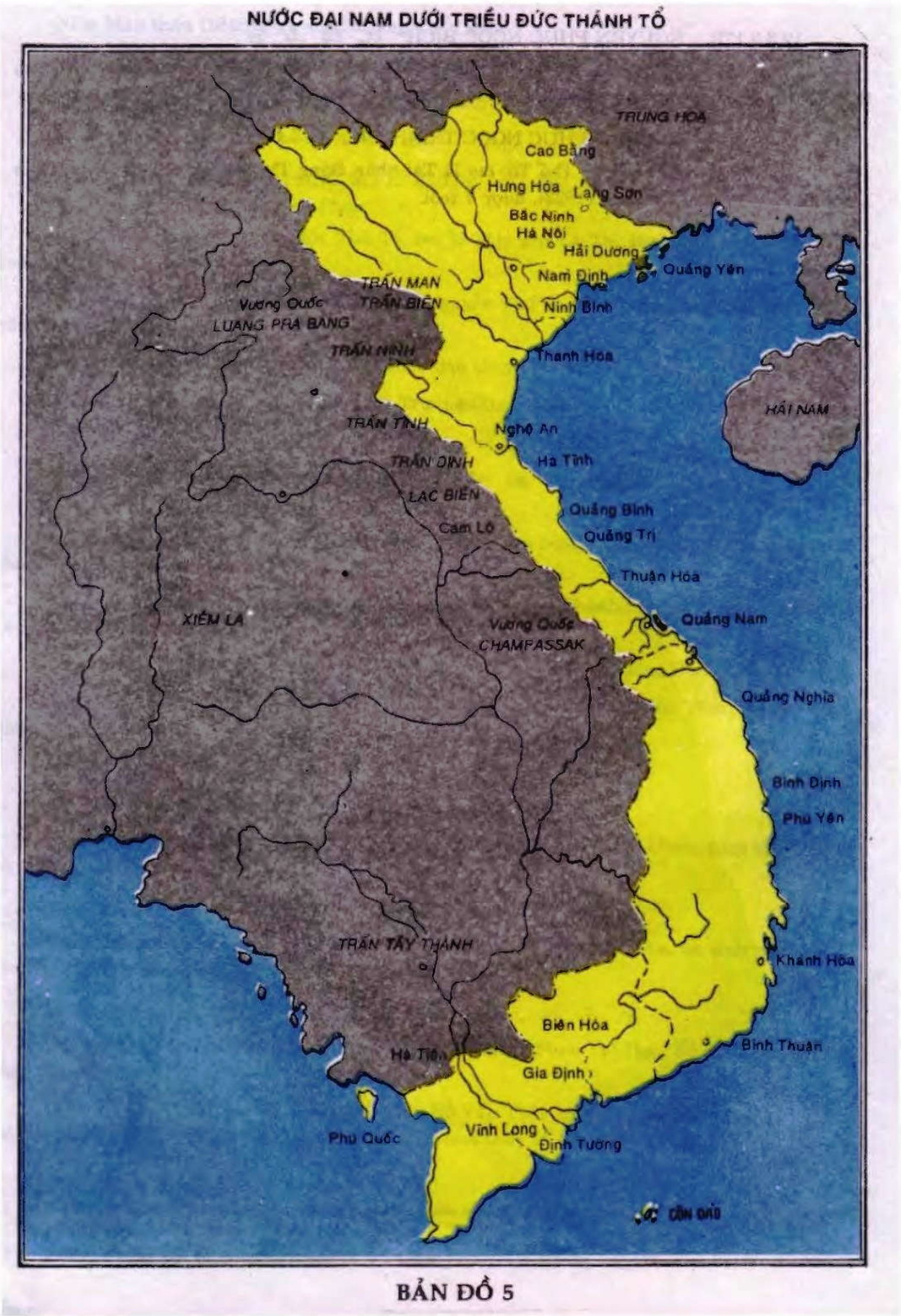
Bà là con gái thứ 17 của đức Thế Tổ, mẹ là Mỹ nhân Trần Thị Thể. Bà sinh năm Nhâm thân (1812), bà mất năm Kỷ mão (1819) được 8 tuổi.

12.3.3.18B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TRÌNH 阮福玉珵

Bà là con thứ 18 của đức Thế Tổ, mẹ là Tài nhân Đặng Thị Duyên. Bà sinh năm Đinh sửu (1817), mất năm Quí mùi (1823), được 7 tuổi.



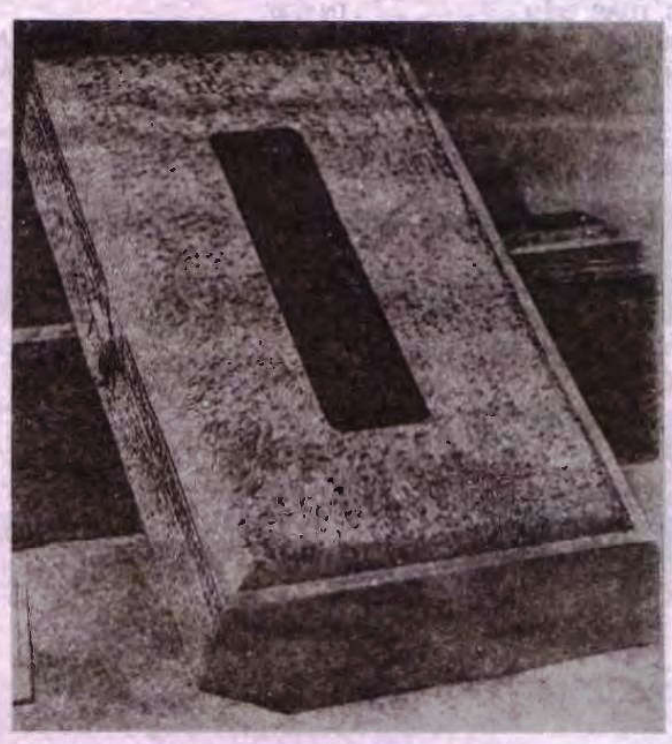
http://giapha.nguyenphuoctoc.info



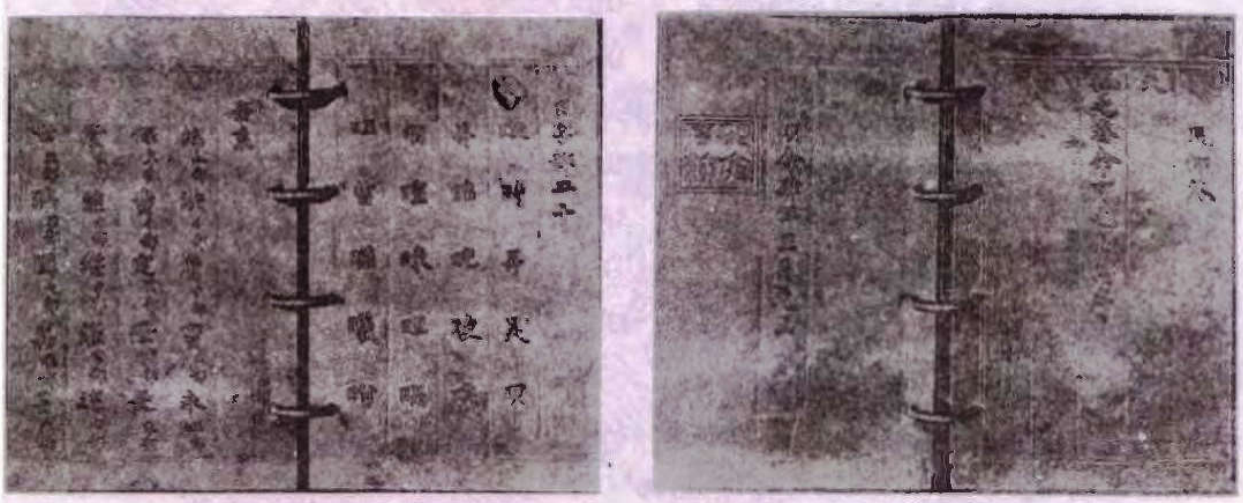

BẢN ĐỒ 5



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



KIM QUỸ chứa Kim Sách đời Gia Long với các chữ "Gia Long Ngũ Niên Quần Thần Tôn Thượng Kim Sách"
(Kim Sách do quần thần dâng lên vào năm Gia Long thứ 5.)



KIM SÁCH đời Minh Mệnh
Chép 20 chữ thuộc bộ Nhật và Đế hệ thi



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Nhật tự bộ nhị thập (20 chữ thuộc bộ Nhật)

TUYÊN, THÌ, THĂNG, HẠO, MINH
BIỆN, CHIÊU, HOẢNG, TUẤN, ĐIỂN,
TRÍ, HUYÊN, GIÁN, HUYÊN[1], LỊCH
CHẤT, CHIẾT, YẾN, HY, DUYÊN.

ĐẾ HỆ :

MIÊN (Miên), HỒNG (Nhân), ƯNG (Thì),
BỬU (Sơn), VĨNH (Ngọc), BẢO (Phụ),
QUÍ (Nhân), ĐỊNH (Ngôn), LONG (Thủ)
TRƯỜNG (Hỏa) HIỂN (Bối), NĂNG (Lực),
KHAM (Thủ), KẾ (Ngôn), THUẬT (Tâm)
THẾ (Ngọc), THỤY (Thạch), QUỐC (Bại),
GIA (Hỏa), XƯƠNG (Tiểu)

Dụng ngưỡng đáp Thiên Tổ chi quyến mệnh khả dã.
Thị vi tư.
Minh Mệnh tứ niên Chính nguyệt Nguyên đán
(Dùng để kính đáp ân chiếu cố của Tiên Tổ.
Ấy là kế nghiệp
Ngày Mồng Một tháng Giêng năm Minh Mệnh thứ tư)

Ấn : MINH MỆNH THÂN HÀN

(1) Hai chữ Huyên ở câu này đồng âm



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ MƯỜI BA

## NGUYỄN PHÚC TUYỀN

## Hiến Tổ Chương Hoàng Đế

13.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC CHÍNH

13.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC MIÊN DỊNH – Thọ Xuân Vương

13.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC MIÊN NGHỊ – Ninh Thuận Quận Vương

13.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC MIÊN HOÀNH – Vĩnh Tường Quận Vương

13.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC MIÊN ÁO – Phú Bình Quận Vương

13.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THẨN – Nghi Hòa Quận Công

13.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC MIÊN PHU – Phú Mỹ Quận Công

13.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THỦ – Hàm Thuận Công

13.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THẨM – Tùng Thiện Vương

13.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRINH – Tuy Lý Vương

13.3.3.12A. NGUYỄN PHÚC MIÊN BỬU – Tương An Quận Vương

13.3.3.13A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRỬ – Tuân Quốc Công

13.3.3.14A. NGUYỄN PHÚC MIÊN HƯU

13.3.3.15A. NGUYỄN PHÚC MIÊN VŨ – Lạc Hóa Quận Công

13.3.3.16A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TÔNG – Hà Thanh Quận Công

13.3.3.17A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THÀNH



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.18A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TỂ – Nghĩa Quốc Công

13.3.3.19A. Tảo Thương

13.3.3.20A. Tảo Thương

13.3.3.21A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TUYÊN

13.3.3.22A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LONG

13.3.3.23A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TÍCH – Trấn Man Quận Công

13.3.3.24A. Tảo Thương

13.3.3.25A. Tảo Thương

13.3.3.26A. NGUYỄN PHÚC MIÊN CUNG – Sơn Định Quận Công

13.3.3.27A. NGUYỄN PHÚC MIÊN PHONG – Tân Bình Quận Công

13.3.3.28A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRẠCH

13.3.3.29A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LIÊU – Quì Châu Quận Công

13.3.3.30A. NGUYỄN PHÚC MIÊN MẬT – Quảng Ninh Quận Vương

13.3.3.31A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LƯƠNG – Sơn Tĩnh Quận Công

13.3.3.32A. NGUYỄN PHÚC MIÊN GIA – Quảng Biên Quận Công

13.3.3.33A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KHOAN – Lạc Biên Quận Công

13.3.3.34A. NGUYỄN PHÚC MIÊN HOẠN

13.3.3.35A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TÚC – Ba Xuyên Quận Công

13.3.3.36A. NGUYỄN PHÚC MIÊN QUAN – Kiến Tường Công

13.3.3.37A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TUẤN – Hòa Thạnh Vương

13.3.3.38A. Tảo Thương

13.3.3.39A. Tảo Thương

13.3.3.40A. NGUYỄN PHÚC MIÊN QUÂN – Hòa Quốc Công

13.3.3.41A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KHÁP – Tuy An Quận Công

13.3.3.42A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TẰNG – Hải Quốc Công

13.3.3.43A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TỊNH

13.3.3.44A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THẾ – Tây Ninh Quận Công

13.3.3.45A. NGUYỄN PHÚC MIÊN DẦN – Trấn Tĩnh Quận Công

13.3.3.46A. Tảo Thương

13.3.3.47A. NGUYỄN PHÚC MIÊN CƯ – Quảng Trạch Quận Công

13.3.3.48A. NGUYỄN PHÚC MIÊN NGÔN – An Quốc Công

13.3.3.49A. NGUYỄN PHÚC MIÊN SẠ – Tĩnh Gia Công

13.3.3.50A. Tảo Thương

13.3.3.51A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THANH – Trấn Biên Quận Công

13.3.3.52A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TỈNH – Diện Quốc Công

13.3.3.53A. NGUYỄN PHÚC MIÊN SỦNG – Tuy Biên Quận Công

13.3.3.54A. NGUYỄN PHÚC MIÊN NGÔ – Quế Sơn Quận Công

13.3.3.55A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KIỂN – Phong Quốc Công

13.3.3.56A. NGUYỄN PHÚC MIÊN MIÊU – Trấn Định Quận Công

13.3.3.57A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LÂM – Hoài Đức Quận Vương

13.3.3.58A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TIỆP – Ba Xuyên Quận Công

13.3.3.59A. NGUYỄN PHÚC MIÊN VÂN – Cẩm Giang Quận Công

13.3.3.60A. NGUYỄN PHÚC MIÊN UYỂN – Quảng Hóa Quận Công

13.3.3.61A. NGUYỄN PHÚC MIÊN ỔN – Nam Sách Quận Công

13.3.3.62A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRỤ

13.3.3.63A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KHẾ

13.3.3.64A. NGUYỄN PHÚC MIÊN NGỤ

13.3.3.65A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TẢ – Trấn Quốc Công

13.3.3.66A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRIỆN – Hoằng Hóa Quận Vương

13.3.3.67A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THẤT

13.3.3.68A. NGUYỄN PHÚC MIÊN BẢO – Tân An Quận Công

13.3.3.69A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KHÁCH – Bảo An Quận Công

13.3.3.70A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THÍCH – Hậu Lộc Quận Công

13.3.3.71A. NGUYỄN PHÚC MIÊN ĐIỀU – Kiến Hòa Quận Công

13.3.3.72A. NGUYỄN PHÚC MIÊN HOANG – Kiến Phong Quận Công

13.3.3.73A. NGUYỄN PHÚC MIÊN CHÍ – Vĩnh Lộc Quận Công

13.3.3.74A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THẨN – Phù Cát Quận Công

13.3.3.75A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KÝ – Cẩm Xuyên Quận Vương

13.3.3.76A. NGUYỄN PHÚC MIÊN BÀNG – An Xuyên Vương

13.3.3.77A. NGUYỄN PHÚC MIÊN SÁCH

13.3.3.78A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LỊCH – An Thành Vương

13.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TÔNG

13.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC KHUÊ GIA – An Phú Công Chúa

13.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC UYỂN ĐIỂM – Lộc Thành Công Chúa

13.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG ĐỨC – An Thường Công Chúa

13.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC QUANG TĨNH – Hương La Công Chúa

13.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC HÒA THỤC – Vĩnh An Công Chúa

13.3.3.7B. NGUYỄN PHÚC TRINH ĐỨC – An Trang Công Chúa

971



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.8B. NGUYỄN PHÚC NHU THUẬN – Phong Hòa Công Chúa
13.3.3.9B. NGUYỄN PHÚC NHU THỤC – An Cát Công Chúa
13.3.3.10B. NGUYỄN PHÚC DOAN THUẬN – Định Mỹ Công Chúa
13.3.3.11B. NGUYỄN PHÚC DOAN TRINH – Phú Mỹ Công Chúa
13.3.3.12B. NGUYỄN PHÚC VĨNH GIA – Phương Duy Công Chúa
13.3.3.13B. NGUYỄN PHÚC DOAN THẬN – Tân Hòa Công Chúa
13.3.3.14B. NGUYỄN PHÚC NHÀN THẬN – Quỳnh Lâm Công Chúa
13.3.3.15B. NGUYỄN PHÚC GIA TRINH – Mậu Hòa Công Chúa
13.3.3.16B. NGUYỄN PHÚC GIA TIẾT – Mỹ Ninh Công Chúa
13.3.3.17B. NGUYỄN PHÚC VĨNH THỤY – Phú Phong Công Chúa
13.3.3.18B. NGUYỄN PHÚC VĨNH TRINH – Quy Đức Công Chúa
13.3.3.19B. Tảo Thương
13.3.3.20B. NGUYỄN PHÚC THỤC THẬN – Hàm Đức Công Chúa
13.3.3.21B. NGUYỄN PHÚC THỤC TĨNH – Xuân An Công Chúa
13.3.3.22B. NGUYỄN PHÚC TRANG TĨNH – Hòa Mỹ Công Chúa
13.3.3.23B. NGUYỄN PHÚC TRANG NHÀN – Triêm Đức Công Chúa
13.3.3.24B. NGUYỄN PHÚC GIA THỤY – Bình Xuân Công Chúa
13.3.3.25B. NGUYỄN PHÚC TRINH THẬN – Lại Đức Công Chúa
13.3.3.26B. NGUYỄN PHÚC TRINH NHÀN – Nghĩa Diễn Công Chúa
13.3.3.27B. NGUYỄN PHÚC TƯỜNG HÒA – Mỹ Hà Công Chúa
13.3.3.28B. NGUYỄN PHÚC TƯỜNG TĨNH – Xuân Vinh Công Chúa
13.3.3.29B. NGUYỄN PHÚC NHÀN THỤC – Gia Lạc Công Chúa
13.3.3.30B. NGUYỄN PHÚC NHÀN TRINH
13.3.3.31B. NGUYỄN PHÚC THỤY THẬN – Bình Thạnh Công Chúa
13.3.3.32B. NGUYỄN PHÚC THỤY THỤC
13.3.3.33B. Tảo Thương
13.3.3.34B. NGUYỄN PHÚC TĨNH HÒA – Thuận Lễ Công Chúa
13.3.3.35B. Tảo Thương
13.3.3.36B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG TRINH – Bái Ân Công Chúa
13.3.3.37B. NGUYỄN PHÚC GIA TRANG
13.3.3.38B. NGUYỄN PHÚC GIA TĨNH – Kim Hương Công Chúa
13.3.3.39B. NGUYỄN PHÚC THỤC TUỆ – Vĩnh Chân Công Chúa
13.3.3.40B. NGUYỄN PHÚC NHÀN TĨNH – Thuận Hòa Công Chúa
13.3.3.41B. NGUYỄN PHÚC NHÀN AN – Phương Hương Công Chúa

979



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.42B. NGUYỄN PHÚC TĨNH AN – Nghĩa Dường Công Chúa

13.3.3.43B. NGUYỄN PHÚC THỤC TƯ – Xuân Hòa Công Chúa

13.3.3.44B. NGUYỄN PHÚC NHU NGHI – Xuân Lai Công Chúa

13.3.3.45B. Tảo Thương

13.3.3.46B. NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG TRINH – Phú Hậu Công Chúa

13.3.3.47B. NGUYỄN PHÚC HÒA THẬN – Định Thành Công Chúa

13.3.3.48B. NGUYỄN PHÚC HÒA NHÀN – Mỹ Duệ Công Chúa

13.3.3.49B. NGUYỄN PHÚC HÒA TƯỜNG – Hương Khê Công Chúa

13.3.3.50B. NGUYỄN PHÚC NHÀN TUỆ – Mỹ Thuận Công Chúa

13.3.3.51B. NGUYỄN PHÚC AN NHÀN – Xuân Vân Công Chúa

13.3.3.52B. NGUYỄN PHÚC NHU HÒA – Da Lộc Công Chúa

13.3.3.53B. NGUYỄN PHÚC HÒA TRINH – Lâm Thạnh Công Chúa

13.3.3.54B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG NHÀN – Thông Lãng Công Chúa

13.3.3.55B. NGUYỄN PHÚC TRINH HÒA

13.3.3.56B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG TĨNH

13.3.3.57B. NGUYỄN PHÚC TRINH TĨNH – Bái Trạch Công Chúa

13.3.3.58B. Tảo Thương

13.3.3.59B. NGUYỄN PHÚC NHU TĨNH

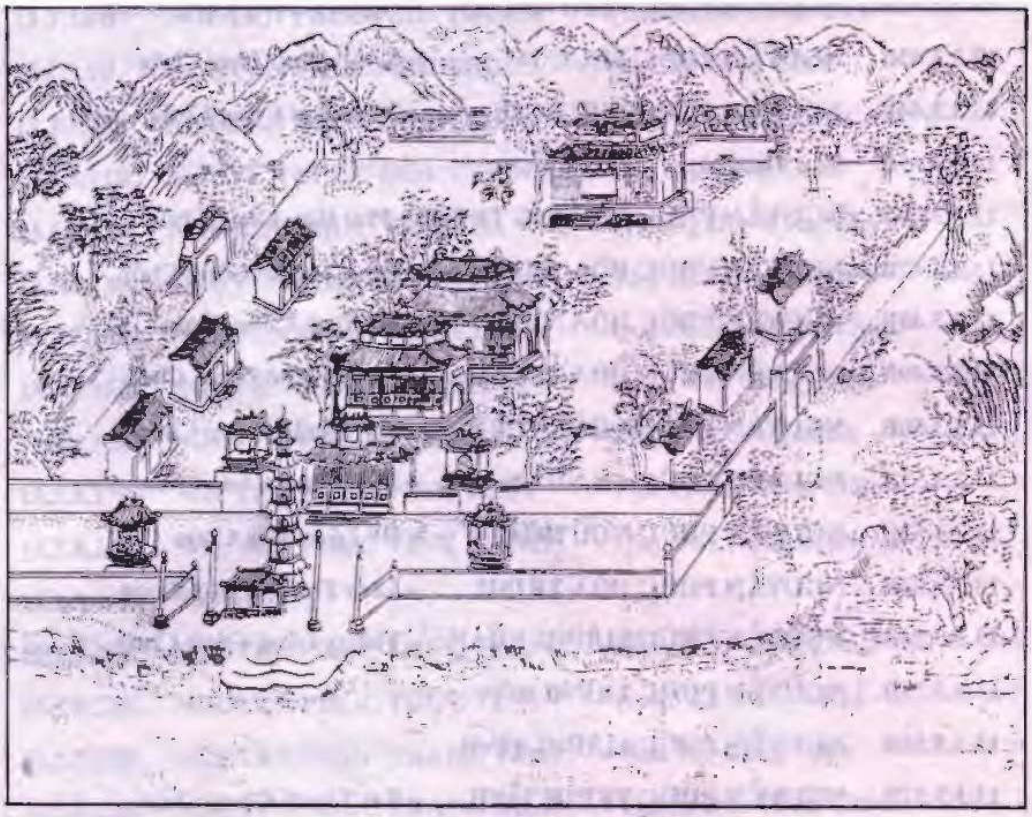
13.3.3.60B. NGUYỄN PHÚC TĨNH TRANG

13.3.3.61B. NGUYỄN PHÚC TRINH NHU – Mỹ Trạch Công Chúa

13.3.3.62B. NGUYỄN PHÚC TRINH THỤY

13.3.3.63B. NGUYỄN PHÚC TRANG TƯỜNG – Bình Long Công Chúa

13.3.3.64B. NGUYỄN PHÚC PHÚC TƯỜNG – Nghi Xuân Công Chúa



CHÙA THIÊN MỤ dưới thời Hiến Tổ

Ngự chế : Tiếng chuông Thiên Mụ
(Cảnh thứ 14 của đất Thần Kinh)

Chùa Thiên mụ : Kết ngưng tinh khí
Sông núi anh linh.

Hùng tráng quay triều về chốn Kinh thành
Mạnh mẽ cúi nhìn xuống miền Hương thủy.
Mở mang Liên hoa đạo pháp – Un đúc bồi diệp chân như.
Trời đoái nghĩ đến Thánh[1] khiến Thần nữ giáng xuống
cho mở mang cơ nghiệp
Thánh thụ mệnh ở Trời cho Phạm cung dựng lên để
nhận lãnh phúc duyên.
Nên đặt danh chùa, truyền đời thắng tích –
Lại bày Thánh ý, trọn vẹn thiện duyên.
Đọc văn bia làm sáng soi cảnh sắc,
Nghe chuông chùa để giác ngộ non sông.

Gò cao chùa cổ trấn dòng trong,
Như ánh trăng rằm rạng cõi không.
Trăm tám tiếng kinh tiêu oán kết
Ba nghìn cõi tục lắng tơ lòng.
Vắng vẳng trưa vang u giới cảm
Ngân nga sáng vọng đạo thiền nồng.
Dấu Phật công Thần ban bốn bể
Nhân lành quả phúc khắp non sông.

Ngự chế thi : Thiên Mụ chung thanh
(Thần Kinh đệ thập tứ cảnh)

Thiên Mụ tự đỉnh độc trừ tinh
sơn xuyên linh sảng
Long bàn hồi thủ đạo cùng Kinh thành
Hổ khiếu cao tồn phủ lâm Hương phái.
Xiển phát Liên hoa chi phán giới–Diệu hàm Bối diệp chi
chân thuyên.
Thiên quyến Thánh nhi triệu cơ thủ địa giáng tường
Thần nữ.
Thánh thừa Thiên nhi tích phúc tư sơn doanh kiến
Phạm cung.
Cố hữu thị danh vĩnh lưu thắng tích–Trùng minh
Thánh niệm viên mãn thiện duyên.
Đổ bi văn nhi kim bích tăng huy–Thính chung hưởng
nhi bửu châu giác ngộ.

Cao cương cổ sát trấn tiền xuyên
Nguyệt tướng thường viên tự tại thiên.
Bách bát hồng thanh tiêu bách kết
Tam thiên thế giới tỉnh tam duyên.
Tăng hoằng ngọ nhật u minh cảm,
Liêu lượng dần tiêu đạo vị huyền.
Phật tích thánh công thùy hải vũ,
Thiện nhân phúc quả phổ cai diên.

---

(1) chỉ Đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC HIẾN TỔ CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

## HỦY

# NGUYỄN PHÚC TUYỀN

## (1807 – 1847)

Niên hiệu : Thiệu Trị

Ngày sinh : 11 tháng 5 năm Đinh mão
(16.6.1807)

Ngày mất : 27 tháng 9 năm Đinh mùi
(4.10.1847)

Thân phụ : Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế Nguyễn Phúc Kiểu

Thân mẫu : Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu Hồ Thị Hoa

Lăng tẩm : Xương Lăng
(Cư Chính, Hương Thủy, Thừa Thiên)



Bia khắc Ngự chế "Hương Giang Hiểu Phiếm" bên sông Hương



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 13.1. THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Hiến Tổ Chương Hoàng Đế húy Nguyễn Phúc Tuyền 阮福㬎 còn húy là Miên Tông và húy là Dung[1]. Ngài là con trưởng của Đức Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế Nguyễn Phúc Kiểu và Hoàng Hậu Hồ Thị Hoa. Ngài sinh ngày 11 tháng 5 năm Đinh mão (16.6.1807) tại ấp Xuân Lộc ở phía đông Kinh thành Huế[2].

Lúc sinh được 13 ngày thì mẹ mất, ngài khóc mãi. Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu đem về nuôi ở trong cung. Đức Thế Tổ có đến thăm và bảo rằng : "Trẻ con mới sinh ra mà đã biết thương khóc mẹ, sau này thế nào cũng giữ trọn đạo hiếu". Thế Tổ bèn đặt cho tên là Dung.

Đầu đời Minh Mệnh ngài được xuất các và đến Chí Thiện đường để học. Đến năm Canh dần (1830) ngài được phong là Trường Khánh Công. Năm Đinh dậu (1837) được kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả tôn chính[3] trông coi các việc thuộc dòng họ, từ việc lập các phố, ban chức tước cho đến việc định phép tắc, chọn nhân tài, giúp đỡ người trong họ.

Ngài được đức Thánh Tổ đặc biệt yêu thương, những lúc Tế giao tên ngài được mật cáo để cầu trời, trao mệnh nước cho ngài.

Ngày 19 tháng 12 năm Canh tí (1840) Thánh Tổ se mình gọi ngài vào hầu. Đến ngày 28 lại cho gọi ngài cùng các thân công, đại thần vào chầu. Thánh Tổ dụ với cố mệnh đại thần[4] Trương Đăng Quế cùng với các quan rằng : "Hoàng trưởng tử Trường Khánh Công về thế thứ là hàng trưởng, kể về đức lẫn tuổi đáng được hưởng ngôi lớn, các khanh nên hết lòng phò tá, nếu thấy làm việc gì không hợp lẽ thì nên dẫn lời của trẫm mà can gián". Trước mặt thân công và đại thần Trương Đăng Quế tuyên bố : "Hoàng đế ban rằng : Hoàng trưởng tử Miên Tông sẽ nối ngôi".

Ngày 20 tháng giêng năm Tân sửu (11.2.1841) ngài lên ngôi ở điện Thái Hòa, đặt niên hiệu là Thiệu Trị.

Ngài vốn người hiền hòa, siêng năng việc nước nhưng không bày ra những việc mới. Mọi công việc nội trị cũng như ngoại giao đều noi theo đời Thánh Tổ, mong giữ gìn những thành quả đạt được, nối tiếp và hoàn thiện những công việc còn dở dang.

Việc ngoại giao thì đối với Trung Hoa, ngài cho sứ sang báo việc tang và đến năm Nhâm dần (1842) ngài ngự giá ra Bắc nhận sắc phong của triều đình nhà Thanh.

Với các nước Xiêm La và Chân Lạp lại gặp nhiều rắc rối, và vì thế ở miền Nam có giặc giã nổi lên. Cuối đời Thánh Tổ quan lại ta ở Chân Lạp làm nhiều việc trái lẽ nên người Chân Lạp thường cấu kết với quân Xiêm nổi lên đánh phá khiến quân ta dẹp mãi chẳng yên. Thừa cơ đó có Lâm Sâm cùng với các thầy chùa nổi loạn ở Trà Vinh. Khi ngài lên nối ngôi nghe lời tâu của Tạ Quang Cự cho quân rút khỏi Chân Lạp về trấn giữ An Giang. Thừa dịp này quân Xiêm đem binh thuyền đánh phá miền biên giới phía nam, ngài phải cho các tướng ở triều đình đem quân đánh dẹp Lâm Sâm và đẩy lùi quân Xiêm ra khỏi biên giới.

---

(1) Dung 㬎 là mặt trời lúc giữa trưa, tên của đức Thế Tổ đặt cho ngài lúc mới sinh. Khi còn là hoàng tử ngài được đặt tên theo thể thức được quy định, có tên là Miên Tông 綿宗 Lúc lên ngôi ngài chọn chữ đầu tiên trong bài thơ 20 chữ thuộc bộ nhất ghi trong Kim sách dùng để đặt tên cho các vua về sau, nên ngài có tên sau cùng là Tuyền.

(2) Ngày trước nơi này là phủ của Phúc Quốc Công Hồ Văn Bôi tức ông ngoại của ngài, vậy ngài sinh tại nhà ngoại. Về sau chùa Diệu Đế được dựng lên tại đây.

(3) Trong Tôn nhân phủ gồm các quan Tả Hữu tôn chính (2 người), Tả Hữu tôn nhân (2 người) để trông coi việc trong Hoàng tộc, quản lý người thân sơ, nuôi nấng, ban phước lộc cho người trong họ. Ngoài ra còn có quan Tả Hữu tôn khanh (2 người), Tả hữu tá lý (2 người) để coi trật trong tông thất và cấp dưỡng cho trẻ cô ấu, giúp đỡ trong việc tang hôn.

(4) Cố mệnh : cố là ngoảnh lui, mệnh là sai khiến, lệnh khi sắp mất. Ý nói người sắp mất giống như đi xa còn ngoảnh lui dặn dò. Cố mệnh đại thần là vị quan lớn được vua dặn dò trước khi mất.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tuy nhiên nước Chân Lạp vẫn không được yên ổn vì quân Xiêm vốn tàn bạo nên Nặc Ông Tôn em của vua Chân Lạp phải sang miền Nam nước ta cầu viện. Năm Ất tị (1845) ngài sai Vũ Văn Giải kinh lý nước Chân Lạp. Lần này quân ta tiến đến Nam Vinh, sau đó cùng quân Xiêm giảng hòa và phong cho Nặc Ông Tôn làm vua Chân Lạp, nhận sự triều cống và quân ta rút về nước.

Trong thời ngài trị vì, người Pháp thường tìm cách can thiệp vào nội bộ nước ta, họ lấy việc cấm đạo làm cớ đem binh thuyền đến các cảng. Khi ngài mới lên ngôi còn khoan dung trong việc truyền đạo Thiên Chúa nhưng việc giam các giáo sĩ thì vẫn còn. Năm Quí mão (1843) trung tá Pháp là Favin Lévêque đem tàu đến Đà Nẵng xin tha cho 5 giáo sĩ đang bị giam, năm Ất tỵ (1845) Thiếu tá Pháp là Duplan đem tàu chiến đến Đà Nẵng xin tha cho giám mục Lefèvre đang bị giam tại Huế; rồi năm Đinh mùi (1847) trung tá Pháp Rigault de Genouilly lại đem tàu đến Đà Nẵng yêu cầu bỏ dụ cấm đạo, và xung đột xảy ra ở hai bên. Đây là lần giao tranh đầu tiên giữa quân ta và quân Pháp, kết quả thuyền của ta đều bị bắn chìm. Từ đó việc cấm đạo Thiên Chúa càng nghiêm ngặt.

Việc nội trị thì ngài chỉ nối tiếp triều Minh Mệnh, ngài cũng chú trọng về việc học hành, cho soạn tiếp bộ Thực lục về Liệt Thánh và hoàn thành bộ Đại Nam Hội Điển Sử Lệ vào tháng 6 năm Qui mão (1843).

Về việc dòng họ thì ngài sai soạn tiếp Ngọc Điệp về Thánh tổ, tiếp tục chỉnh đốn việc định thế thứ ở các Phòng. Năm Ất tỵ (1845) ngự chế ban cho các Phòng những bộ chữ Hán để theo đó mà đặt tên cho con cháu về sau. Rồi cho định lại số quan lại ở các Phủ Hoàng tử Thân công. Ngài còn cho sửa sang lại lăng tẩm của Liệt Thánh dời trước.

Ngài sống hoàn toàn theo tinh thần của nhà Nho, lấy điều thiện làm đầu, ngài thường dẫn câu "nghe được điều thiện thì báo cho nhau biết, thấy điều thiện thì chỉ dẫn cho nhau, giỏi điều thiện thì làm chủ dân chúng". Nhưng ngài vốn mến chuộng lý thuyết nhà Phật đúng với 4 chữ ngài thường bảo "cư Nho mộ Thích". Năm Giáp thìn (1844) ngài cho dựng tháp Từ Nhân (sau đổi là Phước Duyên) trước chùa Thiên Mụ để cầu mong bà nội ngài (Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu) sống trên 80 tuổi. Tháp cao 3 trượng 7 thước (21,28m) để thờ 7 vị cổ Phật, mục đích ban ân huệ ra khắp bốn phương. Rồi năm Bính ngọ (1846) cho dựng chùa Diệu Đế ở phía đông Kinh thành, ngay tại nơi ngài sinh ra đời, để mong cho dân chúng tiến gần đến điều thiện. Lại nhân mừng có cháu nội trai đầu lòng và được điềm tốt "ngũ đại đồng đường"[1], ngài cho đúc chuông chùa Diệu Đế vào tháng 6 năm Bính ngọ (1846) trên chuông có ấn "Hoan phụng Ngũ Đại Đồng Đường nhất thống Thiệu Trị chi bửu" và có ghi lời kệ rằng :

"……
*Nguyện thử chung thanh siêu pháp giới*
*Thiết vi u ám tất giai văn"*
*(Mong tiếng chuông vượt qua pháp giới*
*Để truyền vào mọi nẻo tối tăm"*

Trong thời gian ngài trị vì đất nước đã ổn định nên ngài thường hay ngự du. Vốn học rộng hiểu biết nhiều và văn hay chữ giỏi nên ngài sáng tác rất nhiều thơ văn. Một số thơ của ngài được chép trong Ngự chế Bắc thành thi tập, Ngự chế danh thắng đô hội thi, một số bài được chọn ra khắc vào các bia dựng quanh Kinh thành hoặc ở trong nước để ghi lại những thắng cảnh. Thơ của ngài hầu hết là chữ Hán, ngoài những bài có tính cách khuyên răn, ý tải đạo thánh hiền, rất nhiều bài thơ tả cảnh diễn tả tình cảm của ngài trước cảnh sắc của đất nước :

(1) Ngũ đại đồng đường là năm đời cùng sống chung một nhà. Kể từ Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu cho đến con trai của An Phong Quận Vương Hồng Bảo là 5 đời.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*Ba bình Hương thủy lung yên sắc*
*Chu trục thần phong động lỗ thanh*
*Thiên tứu vị can như ngạn thượng*
*Sơn hoa do luyến kết vân anh*

(Hương giang hiểu phiếm)

*(Hương giang sóng lặng lồng sắc khói*
*Gió sớm thuyền xuôi động mái chèo*
*Sương dọng chưa khô bờ sóng lặng*
*Hoa núi còn vương áng mây trôi)*

(Sớm đạo Hương giang)

hoặc dầy thiền vị :

*Bách bát hồng thanh tiêu bách kết*
*Tam thiên thế giới tỉnh tam duyên*

(Thiên Mụ chung thanh)

*(Trăm tám tiếng chuông tan nghiệp chướng*
*Ba nghìn thế giới tỉnh tam duyên)*

(Tiếng chuông Thiên Mụ)

Trị vì được 7 năm thì ngài mất. Ngài mất ngày 27 tháng 9 năm Đinh mùi (4.10.1847), thọ 41 tuổi.

*
* *

Ngài là người rất trọng đạo thánh hiền, mẹ mất sớm, một lòng trọn hiếu với cha với bà nội, tính tình ngài lại điềm đạm nên công việc ngài thi hành không có gì vượt quá những lề lối các đời trước. Ngài rất lo lắng việc nước, trọng nhân tài, xa lánh người xấu, những kẻ xu nịnh. Một lần ngài đi bái yết lăng Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế trở về, xem đánh cá trên sông Hương, bọn thị vệ và chài lưới lén bỏ trước cá vào lưới để khi cất lưới lên cho ngài thấy nhiều cá nhảy tung tăng. Ngài liền bảo các quan theo hầu rằng : "Ngày xưa viên quan coi ao nuôi cá mà Tử Sản[1] không trông thấy nên mới nói dối được Tử Sản, nay bọn phường chài đánh cá trước mắt ta mà còn dám nói dối. Xem việc này thì đủ biết bọn sủng thần thật đáng ghét". Rồi ngài ban ngự chế thi trong đó có câu :

*"Ngư tiểu tu trừng viễn hạnh thần*

(Việc đánh cá tuy nhỏ nhưng răn phải xa lánh bọn nịnh thần)

Tuy nhiên thời gian trị vì của ngài quá ngắn ngủi, các quan đại thần không hiểu thời thế chẳng theo kịp những biến chuyển của thế giới nên không có những cải tổ thích hợp rất cần thiết cho hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ.

## 13.2. LĂNG, MIẾU THỜ VÀ CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TÔN PHONG

Ngài mất, lăng xây tại làng Cư Chính (Hương Thủy, Thừa Thiên) gọi là Xương Lăng.

Vua Dực Tông lên nối ngôi dâng tôn thụy là : Hiến Tổ Thiệu Thiên Long Vận Chí Thiện Thuần Hiếu Khoan Minh Duệ Đoán Văn Trị Võ Công Thánh Triết Chương Hoàng Đế.

(1) Tử Sản là quan nước Trịnh có người đem biếu con cá sống. Ông sai người giữ vườn đem nuôi trong ao, người này bắt cá nấu ăn rồi nói dối thật có lý để Tử Sản tin là cá còn trong ao.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ngài được thờ ở Thế Miếu tại án thứ nhất bên phải, thờ tại điện Phụng Tiên trong Hoàng thành và thờ tại điện Biểu Đức ở Xương Lăng. Ngoài ra ngài còn được thờ ở chùa Diệu Đế và xem như vị sáng lập ra chùa này.

## 13.3. GIA ĐÌNH

### 13.3.1. Hậu phi

#### 13.3.1.1. PHẠM THỊ HẰNG 范氏姮
Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu

Bà người Tân Hòa, tỉnh Gia Định húy là Phạm Thị Hằng, còn húy là Thường 常 là Hạc 鶴 Bà là con gái của Lễ Bộ Thượng Thư tặng Cần Chính Điện Đại Học Sĩ phong Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng. Bà sinh ngày 19 tháng 5 năm Canh ngọ (20.6.1810). Thuở nhỏ bà thích đọc sách, thông kinh sử, tính rất hiếu hạnh. Năm bà 12 tuổi mẹ bị bệnh thích nằm một mình không cho gia nhân tới hầu, bà phải một mình lo thuốc men cơm nước. Đến khi mẹ mất bà than khóc mãi, xa gần đều nức tiếng ngợi khen. Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu nghe tiếng hiền đức tuyển vào cung cho hầu Hiến Tổ nơi tiềm để. Vì đức hạnh và thuận thảo nên được vua rất sủng ái.

Đồng thời tiến cung với bà có Lệnh phi Nguyễn Văn Thị Nhiệm, con gái của Kinh môn Quận Công Nguyễn Văn Nhân, nhờ tước cha nên Lệnh phi có vị thứ ở trên bà. Một hôm Thánh Tổ ban cho hai bà mỗi người một chiếc áo hoa bằng sa, khi đến bái tạ thì được Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu ban cho mỗi người một chiếc nút áo bọc vàng. Hai nút áo đó một nút chạm hình chim phụng, một nút chạm hình hoa nên Hậu truyền lệnh gói kỹ, cho hai người chọn và dặn không được mở cứ để vậy mà dâng lên và chúc rằng ai chọn được nút chim phụng thì sinh con trước. Bà nhường cho Lệnh phi chọn trước, đến khi dâng lên thì bà chọn được nút có chạm hình chim phụng. Điềm đó đúng với những việc xảy ra sau này. Năm Giáp thân (1824) bà sinh Diễm Phúc Công chúa, cách năm sau sinh Công chúa Uyên Ý. Một hôm bà nằm mộng thấy thần nhân áo dai lụng thụng, tóc và mày trắng xóa đem trao cho bà một mảnh giấy vàng chữ đỏ có đấu triện và một xâu chuỗi ngọc trong sáng, bảo bà xem đó sẽ thấy nghiệm về sau, bà đón nhận và sau đó có thai sinh ra Dực Tông Anh Hoàng Đế vào năm Kỷ sửu (1829).

Bà là người kính cẩn nghiêm trang cử chỉ hợp lễ. Những lúc có khánh hạ triều bái trong cung bà lúc nào cũng giữ đúng lễ nghi, mọi người trông dung mạo đều phải kính nể.

Khi Hiến Tổ nối ngôi phong bà làm cung tần. Năm Nhâm dần (1842) vua ra Bắc làm lễ thụ phong dẫn bà theo hầu, vì ít cung tần đi theo nên bà được hầu cận bên vua. Những tín vật và ấn triện đều được giao cho bà cất giữ. Khi hồi loan thân thể tiều tụy, tóc rụng nhiều, đó cũng là do lòng kính cẩn lo âu của bà mà sinh ra như vậy.

Hiến Tổ mỗi khi rảnh rỗi đọc sách đến khuya chưa ngủ, bà hầu cận chẳng biết mệt, nhiều khi gà gáy sáng mới ăn cơm tối. Bà đối với Lệnh phi hết lòng thương yêu, với các cơ thiếp khác hết sức nâng đỡ, lại thường khuyên các cung tần gắng sức trong công việc mà chẳng hề có ý tranh cạnh, khi người khác có lỗi bà thường tự nhận lấy làm lỗi của mình.

Năm Quí mão (1843) bà được phong làm Thành phi. Năm Bính ngọ (1846) được phong Quí phi.

Tính bà nhớ dai, tất cả những việc xưa trong sách, hoặc những điều ghi chép trong các văn thư bà chỉ đọc qua là nhớ ngay, mỗi khi vua hỏi đến là bà tâu ngay không hề thiếu sót. Khi vua ngự ở Khâm văn điện bàn việc nước thì bà ở sau vách để nghe lời tâu của bá quan và lời


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

chỉ thị của vua để khi cần mà trình lại. Việc trong cung thì bà hết lòng nuôi nấng dạy dỗ các Hoàng tử, Hoàng nữ. Hiến Tổ rất ngợi khen và trọng vọng bà, mỗi khi kiến diện thường gọi là "Phi" mà không gọi tên. Hiến Tổ từng bảo : "Phi tính thận trọng nuôi tất cả Hoàng tử và Hoàng nữ như con của mình, có đức như thế tức phúc lớn cho con cháu sau này'.

Khi Hiến Tổ đau nặng bà phục vụ ngày đêm. Những việc về sau bà đều được vua dặn đò kỹ càng. Vua lại bảo với quần thần : "Quí phi là nguyên phối của trẫm, phúc đức hiền minh giúp việc trong cung cho trẫm đã 7 năm, ý trẫm muốn lập làm Hoàng hậu tiếc thay chưa kịp".

Năm Kỷ dậu (1849) vua Dực Tông tôn bà làm Hoàng Thái Hậu. Năm Quí mùi (1883) vua Dực Tông mất để đi chiếu tấn tôn bà làm Từ Dũ Thái Hoàng Thái Hậu nhưng đến năm Ất dậu (1885) mới làm lễ tôn phong.

Bà ở trong cung ngôi tôn cực cao, hưởng sự phụng dưỡng của thiên hạ nhưng tính bà cần kiệm, đồ dùng và y phục rất đơn sơ chẳng khác gì lúc chưa ở ngôi cao. Bà thường bảo chưa làm ích lợi gì cho nước nên phải tiết kiệm, lại từng nói : 'Nhớ lúc còn trẻ, nhà không đủ tiền để thắp đầu suốt đêm, nay nhờ ân trời hưởng được giàu có khắp bốn bể, cái gì cũng được cung phụng thì nên lấy đủ dùng mà thôi còn thì giữ lại để dùng vào việc nước'.

Sau khi vua Dực Tông mất, tai bà bị điếc mất không nhìn rõ. Quân Pháp xâm lấn các tỉnh miền Nam nước ta trong đó có quê của bà, quan lại chia thành hai phe chủ chiến và chủ hòa, phe nào cũng trá mệnh bà để truyền lệnh như giam tự quân (vua Dục Đức), lập Nguyễn Phúc Hồng Dật lên ngôi rồi hại, đưa Nguyễn Phúc Ưng Lịch kế vị...

Khi Kinh thành có biến vào năm Ất dậu (1885), bà bị ép đưa ra Quảng Trị, bà không chịu đi, quan lại phải đưa bà về lánh mình ở Khiêm cung. Sau đó Nguyễn Văn Tường rước bà về cung để yên lòng thiên hạ.

Bà là người có đức lớn, là người vợ biết chăm lo cho chồng, người mẹ hiền nghiêm khắc răn dạy con. Những lời của bà dạy đều được ghi trong Từ Huấn Lục. Bà thường lấy chữ Khiêm mà khuyên răn, Kinh lễ có câu 'Quân tử dĩ Khiêm thối vi lễ' (người quân tử lấy nhún nhường làm phép tắc).

Năm Định hợi (1887) vua Đồng Khánh dâng tôn hiệu là Từ Dũ Bác Huệ Thái Hoàng Thái Hậu.

Bà mất ngày 5 tháng 4 năm Tân sửu (22.5.1901) thọ 92 tuổi, vua Thành Thái dâng Tôn thụy là : Nghi Thiên Tá[1] Thánh Từ Dũ Bác Huệ Trai Cung Tuệ Đạt Thọ Đức Nhân Công Chương Hoàng Hậu. An táng tại Xương Thọ Lăng ở làng Cư Chính (Hương Thủy, Thừa Thiên) nằm ở phía bên phải ngoài la thành của Xương Lăng.

Năm Kỷ dậu (1849) nhân Tứ tuần khánh thọ của bà, vua gia tặng cho thân phụ của bà là Phạm Đăng Hưng là Đặc Tiến Vinh Lộc Đại Phu Thái Bảo Cần Chính Điện Đại Học Sĩ tước Đức Quốc Công thụy Trung Nhã, cho lập nhà thờ ở Kim Long gọi là Đức Quốc Công Từ. Tháng 7 năm đó truy tặng cho Cao tổ, Tằng tổ và tổ phụ của bà.

### 13.3.1.2. NGUYỄN THỊ NHẬM 阮氏任
Lệnh phi

Bà là con gái của Kinh Môn Quận Công Nguyễn Văn Nhân, năm sinh và mất cùng mộ phần không rõ. Bà sinh được một Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Nhàn Yên

(1) "Liệt truyện" và "Miếu húy chư tôn tự" đều chép là Tá, riêng ở Thần chủ thờ trong Thế Miếu chép là Tán.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.1.3. NGUYỄN THỊ XUYÊN 阮氏川
Thục Phi

Bà húy Nguyễn Thị Xuyên còn húy là Quyên, người phương Thuận Trạch (Lệ Thủy, Quảng Bình), là con gái của Chưởng Cơ Nguyễn Văn Phụng trông coi việc binh tại Hải Dương. Bà sinh ngày 2 tháng 6 năm Mậu thìn (24.7.1808). Bà tấn cung năm Ất dậu (1825) khi vua Hiến Tổ đang còn ở nơi tiềm để.

Năm Tân sửu (1841) bà được phong Cung tần, năm Qui mão (1843) phong là Đức tần, năm Bính ngọ (1846) phong là Thục phi.

Bà mất ngày 22 tháng 8 năm Ất dậu (1885), thọ 78 tuổi ban thụy là ý Thuận. Mộ tại Dương Xuân Thượng, Hương Thủy, Thừa Thiên.

Bà sinh được 2 Hoàng tử là Nguyễn Phúc Hồng Y, Nguyễn Phúc Hồng Kỷ và 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Vi Nhu

13.3.1.4. VŨ THỊ VIỆN 武氏媛
Lương phi

Bà húy Vũ Thị Viện lại húy là Đoàn Viên 團圓 người huyện Hương Trà (Thừa Thiên), là con gái của Phó vệ úy Vũ Hữu Lình. Năm sinh và mất không rõ. Bà sinh được 4 Hoàng Tử và 2 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Hồng Hưu | – Nguyễn Phúc Ý Phương |
| – Nguyễn Phúc Hồng Kiện | – Nguyễn Phúc Minh Tư |
| – Nguyễn Phúc Hồng Bàng | |
| – Nguyễn Phúc Hồng Thụ | |

13.3.1.5. NGUYỄN THỊ HUYÊN 阮氏嬛
Đức tần

Bà người Phú Vang, (Thừa Thiên) là con gái của Khoái châu Quận Công Nguyễn Đức Xuyên (chức Chưởng Phủ sự tặng Thái phó). Năm sinh và mất của bà không rõ. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Diêu và 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Đôn Trinh

13.3.1.6. TRƯƠNG THỊ THẬN 張氏慎
Đoan tần

Bà húy là Thận lại húy là Tuân, người Tống Sơn, (Thanh Hóa) là con gái của Vệ úy Minh Đức Hầu Trương Văn Minh, mẹ là bà Vũ Thị Tôn. Bà sinh ngày 1 tháng giêng năm Đinh sửu (16.2.1817).

Năm Ất mùi (1835) bà được vào hầu nơi tiềm để. Năm Tân sửu (1841) bà được phong Cung tần, năm Quí mão (1843) phong Huy tần, năm Bính ngọ (1846) phong Đoan tần.

Bà mất ngày 1 tháng 12 năm Mậu tí (2.1.1889) thọ 72 tuổi. Tẩm ở Dương Xuân Hạ (Hương Thủy, Thừa Thiên). Đến năm Đinh tị (1917) cải táng về Long Khê (Hương Trà, Thừa Thiên)

Bà sinh được 2 Hoàng Tử và 4 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Hồng Kháng | – Nguyễn Phúc Ủy Thanh |
| – Nguyễn Phúc Hồng Dật | – Nguyễn Phúc Liên Diệu |
| | – Nguyễn Phúc Nhàn Nhã |
| | – Nguyễn Phúc Nhàn Đức |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.1.7. NGUYỄN THỊ YÊN 阮 氏 嫣
Nhu tần

Bà húy Nguyễn Thị Yên còn húy là Quyền 娟 là Độ 度 Bà người Lệ Thủy (Quảng Bình), chị của Thục phi Nguyễn Thị Xuyên. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Truyền và 1 Hoàng nữ là Nguyễn Phúc Nhã Viện.

13.3.1.8. PHAN THỊ KHẢNG 潘 氏 抗
Nhàn tần

Bà người huyện Diên Phước, (Quảng Nam) là con gái của Cẩm y vệ hiệu úy Phan Văn Phụng. Ngày tháng năm sinh, mất không rõ. Bà sinh được một Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Phương Thanh.

13.3.1.9. HOÀNG THỊ TẦN 黃 氏 頻
Thuận tần

Bà còn húy là Tường Vi 薔薇 người huyện Lệ Thủy, (Quảng Bình) là con gái của Cẩm y thiên hộ Hoàng Văn Quý. Ngày tháng năm sinh, mất không rõ. Bà sinh được 1 Hoàng Tử và 3 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Hồng Tử | – Nguyễn Phúc Lương Huy<br>– Nguyễn Phúc Đoan Lương<br>– Nguyễn Phúc Phúc Huy |

13.3.1.10. ĐINH THỊ HẠNH 丁 氏 幸
Quí tần

Không biết rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Tử và 2 Hoàng Nữ. Con trai bà là trưởng nam của vua Thiệu Trị :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| – Nguyễn Phúc Hồng Bảo | – Nguyễn Phúc Ái Chân<br>– Nguyễn Phúc Thục Nghiên |

13.3.1.11. NGUYỄN THỊ LOAN 阮 氏 鸞
Tiệp dư

Bà người huyện Do Linh, Quảng Trị là con gái của ông Nguyễn Đình Thiện (được truy tặng Cẩm Y Hiệu úy). Ngày tháng năm sinh mất không rõ. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Đình và 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Thanh Cát.

13.3.1.12. NGÔ THỊ XUÂN 吳 氏 春
Quí nhân

Bà còn húy là Hạc, không rõ lai lịch. Bà sinh được một Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Tố.

13.3.1.13. PHAN THỊ THỤC 潘 氏 淑
Tài nhân

Không biết rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Tham.

13.3.1.14. ĐỖ THỊ TRINH 杜 氏 貞
Tài nhân

Không biết rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Kiệm.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.1.15. TRƯƠNG THỊ THÚY 張 氏 翠
Tài nhân

Bà người làng Phú Vang, (Thừa Thiên) là con gái của Chánh đội Trương Đình Tuyên. Năm sinh và mất không rõ. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Phó.

13.3.1.16. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG 阮 氏 芳
Tài nhân

Bà còn húy là Hương, lai lịch không rõ. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Phì.

13.3.1.17. TRƯƠNG THỊ LƯƠNG 張 氏 良
Tài nhân

Không biết rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Thiệu và 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Thục Trang.

13.3.1.18. VŨ THỊ DUYÊN 武 氏 緣
Tài nhân

Bà người huyện Diên Phước, (Quảng Nam) là con gái của Tiền phong Trí bạ Vũ Khanh. Năm sinh và mất không rõ. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Nghĩ.

13.3.1.19. NGUYỄN THỊ VỊ 阮 氏 味
Tài nhân

Bà con húy là Hương Nhi 香[illegible] lai lịch không rõ. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Thị

13.3.1.20. TRẦN THỊ SÂM 陳 氏 森
Tài nhân

Bà còn húy là Cát Phúc. Lai lịch không rõ. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Tiệp

13.3.1.21. TRƯƠNG THỊ VĨNH 張 氏 永
Tài nhân

Bà còn húy là Nghĩa. 義 không rõ lai lịch. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Cai

13.3.1.22. NGUYỄN THỊ KINH 阮 氏 京
Tài nhân

Bà người huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh là con gái của ông Nguyễn Duy Tân. Năm sinh và mất không rõ. Bà sinh được 2 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Phương Nghiên và Nguyễn Phúc Đoan Cẩn

13.3.1.23. NGUYỄN THỊ KHUÊ 阮 氏 奎
Tài nhân

Không rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 2 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Thanh Đề và Nguyễn PHúc Lệ Nhàn

13.3.1.24. PHAN THỊ DIỆU 潘 氏 妙
Tài nhân

Bà người huyện Diên Phúc, (Quảng Nam) là con gái của Thự Phó Vệ úy hưu trí Phan Sách. Năm sinh và mất không rõ. Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Sinh Đình


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.1.25. NGUYỄN THỊ HUỆ 阮氏惠
Cung nhân

Không rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Điểm Uyên

13.3.1.26. HỒ THỊ Ý NHI 胡氏懿兒
Cung nhân

Không rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Gia Phúc

13.3.1.27. NGUYỄN THỊ HƯƠNG NHỤY 阮氏香蕊
Cung nhân

Không rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Trang Nhã

13.3.1.28. MAI THỊ TRIÊM 枚氏霑
Cung nhân

Không rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Uyển Như

13.3.1.29. BÙI THỊ BÚT 裴氏筆
Cung nhân

Không rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Tử là Nguyễn Phúc Hồng Nghê

13.3.1.30. NGUYỄN THỊ THÂN 阮氏申
Cung nga

Không rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Thận Huy

13.3.1.31. NGUYỄN THỊ LỆ 阮氏麗

Không rõ lai lịch của bà. Bà sinh được 1 Hoàng Nữ là Nguyễn Phúc Trinh Huy

Ngoài ra còn một số bà không rõ danh tính và không có con.

**13.3.2. Hoàng tử và Hoàng nữ**

Kể cả những vị mất sớm, đức Hiến Tổ có tất cả 29 Hoàng Tử và 35 Hoàng Nữ :

| Hoàng Tử | Hoàng Nữ |
|---|---|
| 1. Nguyễn Phúc Hồng Bảo | 1. Nguyễn Phúc Tĩnh Hảo |
| 2. Nguyễn Phúc Thì (vua Dực Tông) | 2. Nguyễn Phúc Nhàn Yên |
| 3. Nguyễn Phúc Hồng Phó | 3. Nguyễn Phúc Uyên Ý |
| 4. Nguyễn Phúc Hồng Y | 4. Nguyễn Phúc Huy Nhu |
| 5. Nguyễn Phúc Hồng Kiệm | 5. Nguyễn Phúc Thúy Diêu |
| 6. Nguyễn Phúc Hồng Tố | 6. Nguyễn Phúc Phương Nghiên |
| 7. Nguyễn Phúc Hồng Phi | 7. Nguyễn Phúc Ái Chân |
| 8. Nguyễn Phúc Hồng Hưu | 8. Nguyễn Phúc Nhã Viện |
| 9. Nguyễn Phúc Hồng Kháng | 9. Nguyễn Phúc Thanh Đề |
| 10. Nguyễn Phúc Hồng Kiện | 10. Nguyễn Phúc Thục Nghiên |
| 11. Nguyễn Phúc Hồng Thiệu | 11. Nguyễn Phúc Sính Đình |
| 12. Nguyễn Phúc Hồng Truyền | 12. Tảo thương (chưa có tên) |
| 13. Nguyễn Phúc Hồng Bàng | 13. Nguyễn Phúc Ủy Thanh |
| 14. Nguyễn Phúc Hồng Tham | 14. Tảo thương |
| 15. Nguyễn Phúc Hồng Trước | 15. Nguyễn Phúc Lệ Nhàn |
| 16. Nguyễn Phúc Hồng Nghĩ | 16. Nguyễn Phúc Trang Ly |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

17. Nguyễn Phúc Hồng Thị
18. Nguyễn Phúc Hồng Tiệp
19. Tảo thương (chưa có tên)
20. Nguyễn Phúc Hồng Thụ
21. Nguyễn Phúc Hồng Kỷ
22. Nguyễn Phúc Hồng Từ
23. Nguyễn Phúc Hồng Đình
24. Tảo thương (chưa có tên)
25. Nguyễn Phúc Hồng Diêu
26. Nguyễn Phúc Hồng Cai
27. Tảo thương (chưa có tên)
28. Nguyễn Phúc Hồng Nghê
29. Nguyễn Phúc Hồng Dật (vua Hiệp Hòa)

17. Nguyễn Phúc Đoan Cẩn
18. Nguyễn Phúc Đôn Trinh
19. Nguyễn Phúc Liên Diệu
20. Nguyễn Phúc Uyển Như
21. Nguyễn Phúc Thanh Cát
22. Nguyễn Phúc Nhàn Nhã
23. Nguyễn Phúc Thận Huy
24. Nguyễn Phúc Ý Phương
25. Nguyễn Phúc Trinh Huy
26. Nguyễn Phúc Lương Huy
27. Nguyễn Phúc Đoan Lương
28. Nguyễn Phúc Trang Nhã
29. Nguyễn Phúc Thục Trang
30. Nguyễn Phúc Phương Thanh
31. Nguyễn Phúc Nhân Đức
32. Nguyễn Phúc Minh Tư
33. Nguyễn Phúc Điểm Uyên
34. Nguyễn Phúc Phúc Huy
35. Nguyễn Phúc Gia Phúc

**13.3.3. Anh chị em**

13.3.3.2A. NGUYỄN PHÚC TRINH 阮福晸

Ông là con thứ hai của đức Thánh Tổ, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chinh được 1 tuổi thì mất. Thờ tại Triền Thân Từ.

13.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC MIÊN ĐỊNH 阮福綿定
Thọ Xuân Vương

Ông có tự là Minh Tĩnh, hiệu Đông Trì. Ban đầu được đức Thế Tổ ban cho tên Yến 宴, đến năm Quí mùi (1823) ban Kim sách ngự chế về đế hệ thi nên có tên là Miên Định.

Ông là con thứ ba của đức Thánh Tổ, mẹ là Gia phi Phạm Thị Tuyết, sinh ngày 6 tháng 7 năm Canh ngọ (5.8.1810), được 3 tuổi thì mẹ mất. Ông được Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu đem nuôi ở trong cung. Thuở nhỏ ông yếu đuối nhưng thông minh ham học, ngày ngày thường mang sách đến chái tây của điện Cần Chính để nghe giảng, Thế Tổ thấy vậy rất ngợi khen. Lúc trưởng thành dáng dấp to lớn mạnh mẽ. Đầu đời Minh Mệnh ông cùng với Hoàng Trưởng Tử (vua Thiệu Trị) được xuất các[1], ông học hành càng tinh thông, nổi danh về thơ lại giỏi về ứng chế[2]. Như phụng họa bài "Cấm trung tử quì hoa" (Hoa quì trong cung cấm) ông có 2 câu được truyền tụng :

*"Tự tòng duệ tảo lưu đề vịnh*
*Quang chiếm quần phương độc dẫn danh'*
*(Từ khi được đế vương đề vịnh,*
*Chiếm lấy quần hoa dệ nhất danh)*

(1) Xuất các là ra ở riêng, tức cho lập phủ để ở riêng, từ này dùng cho các hoàng tử, thái tử.

(2) Đây là thể thơ văn vua ra đề tài, hoặc họa lại bài thơ của vua.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tuy Thạnh Quận Công Trương Đăng Quế tôn ông là người ứng chế nổi danh đương thời, cho nên Tùng Thiện Vương Miên Thẩm trong cung từ[1] có câu :

*Tất cánh trầm tam hoàn đệ nhất*
*Đương gia thiến thú Thọ Xuân Công*
*(Tuy ở hàng ba nhưng thành nhất*
*Nổi tiếng đương thời Thọ Xuân Công)*

Năm Quí mùi (1823) ông được lập phủ ở phía trái Kinh thành để tiện việc phụng hầu vua. Năm Canh dần (1830) ông được sách phong là Thọ Xuân Công.

Mùa xuân năm Ất mùi (1835) ông và Hoàng Trưởng Tử được vào hầu vua ở Đông các, vua ban cho mỗi người một lư hương và một cây đàn quí mà bảo rằng : "lư để truyền hương thơm, đàn để vang âm thanh, chính là lúc các con cần có hương và danh truyền khắp nơi".

Mùa thu năm Bính thân (1836) lúc vua sắp đặt các quan chức ở Tôn nhân phủ, ông được đặt làm Tôn Nhân Phủ Hữu tôn chính để củng cố mọi việc trong Tôn Nhân Phủ, quản lý bà con xa gần.

Mùa xuân năm Nhâm Dần (1842) Hiến tổ ngự giá ra Bắc để làm lễ tuyên phong, ngày chánh lễ, sứ nhà Thanh đi kiệu thẳng vào cửa Chu tước[2] các quan đón tiếp không ngăn được, ông nghiêm nét mặt thét bắt đứng lại, sứ mới xuống kiệu thong thả đi vào. Khi xong việc trở về, vua ban cho ông một viên ngọc trắng để đeo có khắc 4 chữ "đặc dị quyến hưu" (yêu thương che chở đặc biệt).

Năm Ất sửu (1865) ông đổi làm Tôn Nhân Phủ Tả Tôn Chính và vua Dực Tông khuyên ông gắng sức giữ gìn khuôn phép trong dòng họ. Ông cũng xin mở trường học kiếm người khoa giáp đạo đức sung làm chưởng giáo để dẫn dắt con cháu trong họ.

Năm Giáp tuất (1874) ông được phong là Thọ Xuân Quận Vương.

Năm Mậu dần (1878) gặp Ngũ tuần vạn thọ tiết[3] ông được tấn phong là Thọ Xuân Vương. Trong dụ vua ban có viết : "... Thọ Xuân Quận Vương tuổi gần 70 gồm đủ phúc thọ, lại biết lo lắng trung thành, hết lòng với triều đình từ trước đến nay. Đức tốt đó chẳng riêng trẫm kính yêu mà mọi người đều ngưỡng vọng".

Năm Canh thìn (1880) con trai kế tập của ông là Nguyễn Phúc Hồng Cát mất, ông lo thành bệnh, đâng sớ xin nghỉ việc ở Tôn Nhân Phủ nhưng vua không thuận.

Mùa hạ năm Qui mùi (1883) vua Dực Tông mất để đi chiếu cho ông cùng với Tuy Lý Quận Vương phụ giúp tự quân[4]. Rồi đến mùa hạ năm Ất dậu (1885) khi Xuất đế (vua Hàm Nghi) ra Bắc, Lưỡng cung[5] giao ông nhiếp chính việc nước.

Ông mất ngày 10 tháng 10 năm Bính Tuất (5.11.1886) thọ 77 tuổi được ban thụy Đoan Khắp. Tẩm ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở ấp Đông Trì (nay là phường Phú Cát, Thừa Thiên).

Tác phẩm của ông để lại có Minh Mệnh cung từ, Tĩnh Minh Ái Phương thi tập.

(1) Chỉ thơ văn thuật những chuyện trong cung.

(2) Chu Tước là tên gọi chung của 7 sao trong nhị thập bát tú nằm ở phương Nam gồm các sao Tỉnh, Liễu, Quỷ, Tinh, Trương, Dực, Chẩn. Vì thế cổng Chu Tước tức cổng xây về hướng Nam tức là cổng chính.

(3) Đây chỉ lễ thọ 50 tuổi của vua Tự Đức.

(4) Tự quản tức là vua sắp lên nối ngôi, đây là vua Dục Đức tức Cung Tông Huệ Hoàng Đế.

(5) Lưỡng cung là từ gọi chung hai bà Từ Dũ Hoàng Thái Hậu và Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông vốn bản tính hiếu thuận, cung kính thận trọng, tuổi cao đức lớn được triều đình trông cậy, nắm trọng trách trong công tộc hơn 30 năm, trông coi thiết lập các giáo điều thưởng phạt, chọn người hiền tài, hoàn thành phần lớn trong khánh phả. Năm Ất dậu khi có biến nguy cấp, ông nắm vai trò nhiếp chính chuyển nguy thành yên, nếu chẳng có đức độ thì khó được như vậy. Ông được phú quí, sống thọ, nhiều con trai, các điều phúc đầy đủ như thế hiếm thấy từ xưa đến nay trong các bậc vương tước. Đời ông đúng như câu đối mà vua Dực Tông mừng thọ lúc ông 50 tuổi :

*Dữ quốc đồng hưu tình ân báo quốc*
*Hà thiên tích hựu thọ khắp tri thiên*
*(Đồng yên với nước đem ân tình báo quốc*
*Đội phúc tự trời hưởng tuổi thọ tri thiên*[1]

Ông có 78 con trai và 66 con gái. Con trưởng là Nguyễn Phúc Hồng Tuấn được phong là Ân Mông Đình hầu, đích tôn là Nguyễn Phúc Ưng Hào tập phong Thọ Xuân Hương công kiêm nhiếp Tôn Nhân Phủ Hữu tôn khanh, năm Nhâm dần (1902) cải thành Quang Lộc Tự Khánh trông coi việc trong phủ.

Ông và con cháu mở ra phòng 3 thuộc dệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Thủy 水 : để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC MIÊN NGHI 阮福綿宜
### Ninh Thuận Quận Vương

Ông ban đầu có tên là Dục 昱 sau vua ban ngự chế Kim sách về để hệ thi nên đổi tên là Miên Nghi. Ông là con thứ tư của đức Thánh Tổ, mẹ là Trang tần Trần Thị Tuyến. Ông sinh ngày 5 tháng 12 năm Canh ngọ (30.12.1810).

Ông hình dáng to lớn kỳ lạ, tính hào hùng không như các anh em khác.

Năm Canh dần (1830) ông được phong là Đức Thọ Công.

Năm Quí tị (1833) vì phạm lỗi nên cải phong là Ninh Thuận công.

Năm Bính thân (1836) ông được giữ chức Tôn Nhân Phủ Tả Tôn Nhân.

Năm Canh tuất (1850) ông xin lập Tông Học Đường để dạy các con cháu hoàng thân, vua ngợi khen sai định chương trình để khích lệ việc học. Ông lại xin cử người phạm tội là Cử nhân Phạm Văn Xưởng sung làm giảng tập, vua khiển trách ông : "Giáo tập phải là người có đức hạnh mới đáng là bậc mô phạm, nếu dùng người phạm tội sung vào chức đó thì sự thể chẳng ra gì cả".

Ông tuy ở địa vị phú quý nhưng thích làm ruộng, lấy việc đồng áng làm niềm vui, muốn lấy việc cần lao làm gương cho mọi người. Năm Nhâm tí (1852) khi ông đem lúa tốt dâng lên vua, vua Dực Tông có làm bài Gia hòa (lúa tốt) để tỏ việc làm của ông, trong bài có câu :

*Khởi đặc thực cần du tố khổn*
*Dục lệnh trùng cốc thiết châm qui*
*(ăn rau nào có e dè*
*ý muốn trồng trọt làm nề để soi)*

Năm Giáp tuất (1874) ông được phong là Ninh Thuận Quận Vương. Ông lấy cớ lệ của triều đình không phong vương lúc còn sống nên xin từ chối. Rồi nhân bệnh chưa kịp tuyên phong mà mất.

(1) Tri thiên là từ dùng để chỉ 50 tuổi trích trong câu ở sách Luận Ngữ "Ngũ thập tri thiên mệnh"(50 tuổi biết mệnh trời).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 1 tháng 7 năm Giáp tuất (12.8.1874), thọ 65 tuổi. Vua nghe tin rất đau buồn rồi nhân việc phong tước quận vương đổi thành truy tặng là Ninh Thuận Quận Vương, việc an táng chiếu theo lệ vương tước mà làm. Vua ban thụy là Đoan Túc và làm bài thơ để điếu. Trong thơ có câu :

*Nhĩ thuận diệc vãn thọ*
*Phiên bình quí vọng sùng*
*(Nhĩ thuận*[1] *cũng là thọ*
*Phiên bình*[2] *thật đáng tôn).*

Nhà thờ ông hiện ở Tiên Nộn (Phú Vang, Thừa Thiên). Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 34 con trai và 41 con gái. Trưởng tử là Nguyễn Phúc Hồng Tự được ấn phong là Hàm Ân Đình hầu sau tập phong Ninh Thuận Huyện công. Con thứ tư là Nguyễn Phúc Hồng Phẩm được tập phong Ninh Thuận Huyện hầu.

Ông cùng con cháu lập nên phòng 4 thuộc đệ nhị chính hệ, được ngự chế ban cho bộ Khẩu 口 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC MIỄN HOÀNH 阮福綿宏
### Vĩnh Tường Quận Vương

Ông là con thứ năm của đức Thánh Tổ, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính ban đầu có tên là Thự về sau đổi tên là Miên Hoành. Ông sinh ngày 22 tháng 5 năm Tân mùi (12.7.1811).

Thuở nhỏ ông ham học, lúc xuất các học tinh thông kinh sử.

Năm Canh dần (1830) được phong là Vĩnh Tường Công

Ông mất ngày 4 tháng 10 năm Ất mùi (23.11.1835), lúc 25 tuổi, được ban thụy là Trang Mục, truy tặng là Vĩnh Tường Quận Vương.

Tẩm ở Vạn Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên) sau đời về ấp Đông Trì (nay là phường Phú Cát, Huế)

Ông có 4 con trai và 2 con gái. Trưởng tử là Nguyễn Phúc Hồng Duy được tập phong tước Quận Công về sau can tội bị mất tước nhưng rồi được khai phục tước Phụng quốc Lang. Con thứ của ông là Nguyễn Phúc Hồng Kỷ được ấn phong làm Bình Trạch Hầu rồi cải phong là Vĩnh Tường Hầu. Cháu ông là Nguyễn Phúc Ưng Tấn được tập phong Kỳ ngoại hầu.

Ông và con cháu lập nên Phòng 5 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Mịch 糸 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC MIỄN ÁO 阮福綿奧
### Phú Bình Quận Vương

Ông ban đầu có tên là An, 安 về sau ban ngự chế Kim sách về đế hệ thi nên cải đổi thành tên Miên Áo. Ông là con thứ sáu của đức Thánh Tổ, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính. Ông sinh ngày 27 tháng 11 năm Bính tí (4.1.1817).

Năm Canh dần (1830) được phong làm Phú Bình Công. Năm Bính thân (1836) ông được cử làm Hữu Tôn Nhân ở Tôn Nhân phủ.

(1) Nhĩ thuận là từ để chỉ 60 tuổi dựa theo câu trích trong Luận ngữ : "Lục thập nhĩ thuận" (60 tuổi nghe gì hiểu ngay).

(2) Phiên bình là hàng rào và bình phong, chỉ những người thần làm hàng rào, bình phong che chở cho nhà vua.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Giáp tí (1864) con thứ của ông là Nguyễn Phúc Hồng Tập vì bất mãn việc ký hòa ước Nhâm tuất (1862) với Pháp, đem quân làm việc trái phép khiến ông chịu tội lây phải mất tước.

Ông mất ngày 6 tháng 1 năm Ất sửu (1.2.1865) thọ 50 tuổi, không được ban thụy.

Năm Mậu dần (1878) gặp đại lễ Ngũ tuần đại khánh, vua Dực Tông rộng lòng nghĩ lại, ban dụ rằng : "Cố Phú Bình Công Miên Áo là người hiền lành, tính tình điềm đạm cũng là phên dậu của triều đình, chỉ vì mềm yếu không biết dạy con nên liên lụy chịu tội. Nay ra ân truy phục tước cũ".

Về sau ông được truy phong Phú Bình Quận Vương.

Tẩm ông ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Nhà thờ tại Dương Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên), sau dời về phường Phú Cát (Thừa Thiên).

Ông có 10 con trai và 7 con gái. Trưởng tử Nguyễn Phúc Hồng Quế ban đầu được tập tước Hoài Ân Hầu rồi Kỳ Ngoại hầu, nhưng sau liên lụy đến việc của Nguyễn Phúc Hồng Tập mà mất tước. Con thứ 7 của ông là Nguyễn Phúc Hồng Vinh năm Giáp thân (1883) được tập phong Phú Bình Hầu.

Ông và con cháu lập nên phòng 6 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Mộc 木 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THẨN 阮福綿宸
**Nghi Hòa Quận Công**

Ông là con thứ bảy của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Nguyễn Thị Trường. Ông sinh ngày 1 tháng 1 năm Đinh sửu (16.2.1817).

Thuở nhỏ ông được đến Chí Thiện Đường để học với các hoàng tử. Năm Canh tí (1840) ông được phong là Nghi Hòa Quận Công.

Năm Ất sửu (1865) vua thấy ông có tuổi mà đức hạnh đáng trọng nên cho miễn phải lạy những lúc triều kiến.

Ông mất ngày 12 tháng 9 năm Mậu dần (7.10.1878), thọ 62 tuổi, thụy là Cung Lượng. Tẩm ở Dương Xuân thượng, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Nam Phổ (Phú Vang, Thừa Thiên).

Ông và con cháu mở ra phòng 7 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Túc 足 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC MIÊN PHÚ 阮福綿富
**Phù Mỹ Quận Công**

Ông là con thứ tám của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Trần Thị Nghiêm. Ông sinh ngày 13 tháng giêng năm Đinh sửu (28.2.1817).

Lúc còn là Hoàng tử ông thường kiêu ngạo, phóng túng, gia nhân đã từng cỡi ngựa đạp chết người. Vua biết được giận lắm, sai lột áo mũ không cho liệt vào hàng các Hoàng tử, bắt gọi bằng tên húy. Về sau ông biết hối cải nên được cấp lại áo mũ và tước hiệu nhưng không cho vào triều kiến. Đến năm Tân sửu (1841) mới cho vào hầu.

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Phù Mỹ Quận Công.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Nhâm ngọ (1882) ông cho bày trường hát xướng, đem người ngoại quốc vào xem. Ông bị bắt lỗi và giáng xuống làm Kỳ nội hầu.

Năm Quí mùi (1883) được phục lại nguyên tước.

Ông mất ngày 28 tháng 2 năm Ất dậu (15.4.1885), thọ 69 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở Thanh Thủy (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên) (sau dời về Phú Cát, Thừa Thiên).

Ông có 13 con trai, 8 con gái. Con thứ là Nguyễn Phúc Hồng Minh được tập phong là Phù Mỹ Đình hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 8 thuộc đệ nhị chính hệ, ngự chế ban cho bộ Thực 食 để đặt tên cho con cháu trong Phòng.

### 13.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THỦ 阮福綿守
### Hàm Thuận Công

Ông có tự là Thị Phủ, hiệu Thận Trai là con thứ chín của đức Thánh Tổ, mẹ là Mỹ nhân Nguyễn Thị Ban. Ông sinh ngày 10 tháng 2 năm Kỷ mão (5.3.1819).

Lúc còn hoàng tử tính khiêm cung, khi xuất các học thông kinh sử. Năm Canh tí (1840) được phong là Hàm Thuận Quận Công.

Ông mất ngày 28 tháng 8 năm Kỷ mùi (24.9.1859) thọ 41 tuổi, thụy Đôn Cung. Tẩm ở Gia Lê Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở ấp Xuân An (Phú Xuân, Hương Trà, Thừa Thiên) (về sau dời về phường Vĩnh Lợi, Thừa Thiên).

Năm Giáp thân (1844) ông được truy tặng là Hàm Thuận Công

Ông có 27 con trai và 35 con gái. Con thứ tư là Nguyễn Phúc Hồng Hiển tập phong Kỳ ngoại hầu, về sau can tội bị mất tước.

Ông cùng con cháu mở ra phòng 9 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban bộ Hiệt 頁 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THẨM 阮福綿審
### Tùng Thiện Vương

Ông có tên tự là Trọng Uyên, và Thận Minh, hiệu Thương Sơn và Bạch hào tử, ban đầu có tên là Hiển và sau ban Kim sách ngự chế về đế hệ thi nên đổi tên là Miên Thẩm.

Ông là con thứ 10 của đức Thánh Tổ, mẹ là Thục tần Nguyễn Thị Bảo. Ông sinh ngày 24 tháng 10 năm Kỷ mão (11.12.1819). Lúc mới sinh ra có tướng lạ. Đức Thế Tổ được tin rất mừng ban cho 10 lượng vàng. Thuở nhỏ ông hay khóc và nhiều bệnh, Thục tần ngày đêm lo chăm sóc nhưng không được như ý. Chưa đầy năm càng khóc dữ, mắt tối lại mà có dường máu. Thục tần quá lo, tìm mọi cách chữa trị nhưng vô hiệu. Đột nhiên có vị đạo sĩ tên Vân đến xin gặp và bảo : "Đây là tinh khí của Thái Bạch Kim Tinh giáng xuống, cúng tất lành". Quả nhiên đúng như lời nói đó.

Năm bốn tuổi ông đĩnh ngộ lạ thường, theo học nữ sư[1] ở trong cung, lúc 7 tuổi được đến học ở Dưỡng chính đường. Ông thường chịu khó học tập, không ham chơi, mỗi lần học thuộc lòng hơn cả trăm trang sách. Một hôm vào hầu Thục tần thấy trên bàn có chiếc quạt trên có đề bài ngũ tuyệt[2] đời nhà Đường, trong đó nhiều chữ ông không rõ. Thấy thích quá nên ông cố

(1) Phụ nữ làm thầy dạy trong cung gọi là nữ sư.

(2) Ngũ tuyệt tức loại thơ ngũ ngôn tứ tuyệt gồm 4 câu mỗi câu 5 chữ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

xin mẹ cho được. Hôm sau ông hỏi người giảng tập rằng đó là thơ gì. Người này theo sự hiểu biết của mình mà giảng giải, rồi ông hỏi nghĩa lại xin dạy cho luật bằng trắc. Có thể thấy ông thích hợp với thơ sớm như vậy.

Năm Đinh hợi (1827) ông được 9 tuổi đi theo vua trong lễ tế giao có làm bài Nam giao thi. Sách gì ông học cũng tường tận, hơi lớn được học sử và thư, lại thích cảnh núi sông, thích giao du với các văn sĩ nên kiến văn càng ngày càng rộng rãi và có thi tập từ đó.

Lúc 16 tuổi ông theo vua lên đàn Nam Giao có làm bài "Trai cung tùng thụ" (Thông ở Trai cung), rồi lại được theo vua lên Ngự Bình để ứng chế thi phú, trong thơ có nhiều câu được mọi người tán thưởng.

Năm Kỷ hợi (1839) ông được phong là Tùng Quốc Công, cho lập phủ ở phường Liêm năng gần Tĩnh phố của Tuy Quốc Công[1]. Thường ngày hai ông cùng nhau xướng họa thi văn.

Năm Kỷ dậu (1849) ông thấy mẹ tuổi già nên xin xây riêng Tiêu viên rước mẹ về phụng dưỡng.

Năm Tân hợi (1851) gặp lễ Tế Nam Giao, ông theo vua đến Trai cung. Lễ triều xong vua cho ông ngồi, sai họa tám bài Xuân du (đi chơi xuân) và một bài "Hoa thủy tiên", chiều đến phụng mệnh phê bình các bài thơ "Vịnh thông" của các hoàng đệ. Đến đêm vua lại cho vào hầu để hỏi về hai cuốn thơ Ngư Dương và Qui Ngu[2] hay dở ra sao, ông cứ theo sở kiến của mình mà tâu lên. Vua bằng lòng ban thưởng cho chiếc ngự y

Tháng 8 năm đó mẹ ông mất. Nguyên trước kia mẹ ông được phong Thục tần, nhưng vì làm việc trái lẽ nên bị tội thu lại sách phong. Đến lúc này ông dâng sớ cầu khẩn xin lại sách phong cho mẹ, lời lẽ rất thống thiết. Vua Dực Tông động lòng đặc ân cấp lại. Ông lại dựng lều tranh cạnh tẩm mẹ, đau xót tiều tụy, lo lắng trọn lễ.

Năm Giáp dần 1854) ông được phong là Tùng Thiện Công. Ông lại tâu xin mua 12 mẫu tự điền ở xã Dương Xuân, cất nhà ở gọi là Phương Thôn Thảo Đường, đào mương dẫn nước tạo thành ao gọi là Hoàng tử pha[3], trên ao có giường tre, là nơi uống rượu ngâm vịnh và cũng là nơi đọc sách.

Trước kia con gái của ông là Công nữ Thể Cúc gả cho Đoàn Trưng là con trai của Đoàn Cử Nhất, khi việc mưu phản của Trưng bị dẹp tan vào năm Bính dần (1866), ông trói con gái cùng cháu ngoại đem dâng nạp, thượng sớ xin chịu tội vì không biết dạy bảo. Vua bảo : "Chú vốn có học, từ lâu đội ân sủng, há có lòng phản nghịch sao, nhưng chọn rể không cẩn thận để mất thanh danh, nay phạt trừ bổng trong 8 năm"

Năm Mậu thìn (1868) lúc ông mừng thọ 50 tuổi, vua ban cho vàng bạc, gấm lụa, rượu trà, văn phòng tứ phẩm và làm bài thơ "Hoài Công" (Nhớ đến "Công") ban cho, khiến họa lại.

Ông mất ngày 30 tháng 3 năm Canh ngọ (30.4.1870), thọ 52 tuổi, được ban thụy là Văn Nhã. Vua rất thương xót, tự làm bài văn tế sai Tuy Lý Công dâng cúng. Tẩm của ông tại Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở phường Vĩnh Ninh (Thừa Thiên).

Năm Mậu dần (1878) được truy tặng Tùng Thiện Quận Vương

Năm Giáp tý (1924) được truy tăng là Tùng Thiện Vương.

---

(1) Tuy Quốc Công tức Tuy Lý Vương, lúc này chỉ mới được phong tước công.

(2) Ngư dương thi thoại là sách của Vương Sĩ Chấn đời Thanh soạn gồm 3 cuốn lời lẽ trang nhã, khéo léo mà người sau khó viết hơn được. Qui Ngu là sách do Cát Lập Phương đời Tống soạn gồm có 1 cuốn lời lẽ bình dị.

(3) Pha là ao, vũng chứa nước.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông là người thông minh học rộng, được triều đình chiếu cố. Khi ông bị bệnh vua cho ngự y chữa trị, ban sâm quế cùng thuốc quý, thường cho người đến thăm hỏi. Ông gắng gượng dâng biểu lên vua, trong biểu có câu : "Sống chết đều do mệnh, chỉ có một điều hận là không được thấy cương thổ nước nhà như xưa. Trộm nghĩ xây dựng cơ nghiệp là chuyện khó, nhưng giữ gìn chẳng phải dễ. Tài lực là điều qui trọng, muốn an vui cần phòng bị, việc trị nước thì trên dưới phải một lòng đó là điều phúc cho tông miếu, điều may cho thiên hạ".

Đến khi bệnh quá nặng, ông dặn dò con cháu nên cần kiệm trong lễ tang và cúng tế, xong lấy tay vạch bài tuyệt cú :

*"Bán sinh học đạo thái hồ đồ,*
*Thoát tỉ như kim nải thức đồ*
*Tiến Sáng đình ba Thiên Mụ nguyệt*
*Thúy Hương lâm ảnh hữu nhân vô."*
*(Học đạo nửa đời thật viển vông*
*Thoát tỉ[1] nên dường mới được thông*
*Sóng chốn Sáng đình, trang Thiên mổ*
*Hương giang bóng mát biết hay không ?)*

Văn ông lời lẽ trang nhã khuôn phép, rất xuất sắc về thơ, vua Dực Tông từng sai ông soạn tập Liệt Đại Thi Tuyển Duyệt Bình (Đọc và bình thơ tuyển chọn ở các đời). Trước đây đã truyền tụng câu "Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường" (Thơ như Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương thì thơ đời Thịnh Đường không còn đáng kể). Lao Sùng Quang, khâm sứ triều Thanh là tiến sĩ đệ nhị giáp khi đến kinh đô làm lễ tuyên phong vào đầu đời Tự Đức đã cùng ông xướng họa thi văn. Ông đem thơ đã làm cho Quang đọc và rất được ngợi khen. Trong bài tự Thương sơn thi tập, Sùng Quang có viết : "Thương sơn có lẽ trời sinh ra để cậy làm khuôn phép, há chẳng phải nước Nam lấy đó làm đích cho các thi nhân noi theo sao ?".

Ông có lập thi xã, Hoàng dệ, Hoàng muội, tân khách, những người yêu thi văn đều được mời vào, mỗi khi gặp yến tiệc đều lấy thi phú làm vui. Bình sinh ông có sáng tác 14 tập là : Nạp bị tập, Thương sơn thi tập, Thương sơn thi ngoại, Thương sơn từ tập, Tĩnh y ký, Thức Cốc biên, Lão sinh thường đàm, Học giả chí, Tĩnh ky tập, Lịch Đại Đế Vương Thống Hệ, Đồ Thi Kinh, Quốc Âm Ca, Độc Ngã Thư, Sao Nam Cầm Phổ, Lịch Đại Thi Tuyển.

Ông có 20 con trai và 12 con gái. Con thứ ba là Nguyễn Phúc Hồng Phì tập tước Huyện công, làm quan Tả tham tri bộ Lại. Khi vua Hiệp Hòa bị quyền thần hãm hại phế bỏ thì Hồng Phì bị hại theo, về sau được phục lại hàm Tham Tri. Con thứ 8 của ông là Nguyễn Phúc Hồng Tích được tập phong Huyện hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 10 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Nhục [illegible] để đặt tên cho con cháu trong phòng

### 13.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRINH
### Tuy Lý Vương

Ông có tên tự là Khôn Chương và Qui Trọng, hiệu Tĩnh Phố và Vi Dã, là con thứ 11 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Lê Thị Ái. Ông sinh ngày 19 tháng 12 năm Kỷ mão (3.2.1820).

Thuở nhỏ ông thông minh đĩnh ngộ, lúc 7 tuổi được dạy học Hiếu Kinh[2] thì đã thuộc lòng khiến mọi người kinh lạ, thật ra từ lúc 4 tuổi ông đã được mẹ truyền khẩu mà vẫn còn nhớ mãi

(1) Thoát tỉ : thoát là cởi ra, tỉ là dép, ý nói chuyện dễ dàng. Trong bài này nói đến việc từ giã cõi đời thật dễ dàng.

(2) Hiếu Kinh là tên một cuốn sách của đức Khổng Tử dùng để dạy trẻ con khi mới học.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

không quên. Ông rất hiếu học nên được vua cha rất thương yêu, có lúc ông bị bệnh vua bãi triều ở Văn Minh điện, tự thân đến thăm hỏi. Đó là chuyện rất hiếm thấy, việc này có ghi trong Thương sơn cung từ :

*"Bất thị Miên Trinh kim đới bệnh*
*Thử gian hà xứ đắc thiên hương ?'*
*(Miên Trinh chẳng bệnh hôm nay,*
*Hương trời lan đến chốn nào trong cung ?)*

Lúc lớn lên ông học rộng, giỏi văn chương và nhất là có tài về thơ. Năm Kỷ hợi (1839) ông được phong là Tuy Quốc Công, cho lập phủ riêng. Phủ của ông ở cạnh phủ của Tùng quốc công nên thường ngày cùng nhau xướng họa, lại cùng mời các anh em đến thưởng thức thi phú.

Khi mẹ bị bệnh, ông được vào Dưỡng chính đường để hầu hạ, sớm khuya chẳng lúc nào trễ nãi, mọi người đều khen là chí hiếu. Năm Đinh mùi (1847) ông xây phủ riêng ở Vi Dã rước mẹ về phụng dưỡng.

Năm Tân hợi (1851) vua Dực Tông cho thiết lập Tôn học đường để dạy các công tử, công tôn và giao cho ông trông coi. Năm Nhâm tí (1852) vào dịp tết phụng họa thơ của vua, ông có câu :

*"Ngự lê, tiên quật phân hoài tụ*
*Qui dĩ huyên đường hữu lão thân"*
*(Quả quýt, trái lê thu trong áo*
*Mong sớm mang về biếu mẫu thân)*

được vua khuyên son và phê là chí tình.

Năm Giáp dần (1854) được tấn phong là Tuy Lý Công.

Năm Mậu ngọ (1858) nhân sinh nhật thứ 40 của ông, vua có tặng câu đối :

*Văn chất kiêm ưu, công kham dương thử*
*Hiếu từ đại lạc, ngã diệc tự chi*
*(Rực rỡ văn đức, ông nên nhận lấy*
*Mừng vui từ hiếu, ta cũng giống thoy)*

Năm Ất sửu (1865) vua khiến ông kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu tôn nhân, ông lấy cớ chịu tang mẹ mà chối từ nhưng không được. Năm Tân mùi (1871) thăng Tôn Nhân Phủ Tả tôn nhân.

Năm Mậu dần (1878) nhân mừng Ngũ tuần đại khánh, ông được phong là Tuy Lý Quận Vương. Năm Nhâm ngọ (1882) ông được thăng làm Tôn Nhân Phủ Hữu tôn chính. Năm Quí mùi (1883) vua Dực Tông mất để di chiếu cho ông cùng với Thọ xuân Vương giúp đỡ việc nước, có gì không đúng phải nói thẳng. Nhưng quyền thần Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết âm mưu phế tự quân, ông sợ bị hại phải lánh mình đến ở với viên thuyền trưởng tàu La Vipère của Pháp ở Thuận An. Sau đó Pháp đưa ông về và bị Tường, Thuyết qui tội giáng xuống làm Huyện công, bắt ông giam tại binh xá phủ Thừa Thiên, rồi đưa đi an trí tại Quảng Nghĩa. Con cháu của ông cũng bị đưa đi an trí tại Bình Định, Quảng Nghĩa, Phú Yên. Còn hai con của ông là Nguyễn Phúc Hồng Sâm và Nguyễn Phúc Hồng Tu thì bị hại.

Năm Ất dậu (1885) kinh thành có biến[1], nhóm Lê Trung Đình ở Quảng Nghĩa thừa dịp tôn ông làm Phụ Chính vương, ông từ chối không theo. Khi Cảnh Tông Hoàng Đế lên nối ngôi triệu ông về Kinh khai phục tước Tuy Lý Công, con cháu của ông đều được trở về.

(1) Đây là biến cố ngày 23 tháng 5 năm Ất dậu, quân Pháp tấn công Kinh thành Huế.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Kỷ sửu (1889) Thành Thái nguyên niên nhân cử phụ thần, ông vì tuổi cao đức trọng được cử làm Đệ nhất Phụ chính Thân thần kiêm nhiếp Tôn Nhân phủ Tả tôn chính, phục lại tước Tuy Lý Quận Vương. Trước kia vì biến động mà gia sản mất sạch nên ông được vua ban 1000 quan để dựng phủ, quan người Pháp cũng tặng ông Bắc đẩu bội tinh hạng nhì.

Năm Giáp ngọ (1894) ông được thăng là Tuy Lý Vương.

Năm Đinh dậu (1897) vì tuổi già ông xin thôi việc ở Tôn nhân phủ nhưng khi vào triều kiến vẫn được giữ chức Phụ chính thân thần như xưa mà phong thêm chức Phụ nghị cận thần. Chẳng bao lâu ông bị bệnh, con cháu cho mời thầy đến trị bệnh thì ông bảo : "Ta lúc trẻ cùng với anh em bàn chuyện về tuổi thọ của người xưa, có người mong được sống như Lão tử hoặc Bành tổ, ta cười nói mong như thế thì quá nhiều, ta chỉ mong sống như Thích Ca là quá đủ, nay đã được như vậy thì còn ham gì nữa".

Ông mất ngày 24 tháng 10 năm Đinh dậu (18.11.1897), thọ 79 tuổi. Nghe tin ông mất vua rất thương xót ban thụy là Đoan Cung, cấp 1000 quan lo việc tang. Tẩm ông ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Vĩ Dã, (Thừa Thiên).

Ông tính tình chân thật, ham mê sách vở, vui với việc học, nổi danh về thơ. Thám hoa Nguyễn Đức Đạt trong bài tựa Vĩ Dã thi tập có viết : "Cái học của Vương thuần thục nên thoát ra lời tao nhã, có hơi của Hà Giang, Trần Tư đời Hán mà không thiếu giọng của Xương Lê[1].

Cuối đời của ông gặp nhiều tai ách, nhưng lòng trung quân ái quốc càng gia tăng làm sáng tỏ lòng của bậc Thân thần.

Các tác phẩm của ông gồm Vĩ Dã Hợp Tập gồm cả thơ lẫn văn tất cả 11 cuốn. Ông cũng nổi tiếng về thơ Nôm, ngoài những bài xướng họa được lưu truyền ông còn có những tác phẩm như Nữ Phạm Diễn Nghĩa, Nghinh Tường Khúc.

Ông có 77 người con trai và 37 người con gái. Nguyễn Phúc Hồng Tu con của ông ban đầu được tập phong Huyện công rồi bị quyền thần hãm hại, đến triều Đồng Khánh mới được phục hồi nguyên tước. Còn các con khác như Nguyễn Phúc Hồng Nhĩ ban đầu làm Điển Bạ, sau tập tước Công sung chức Tôn Nhân Phủ Tả tôn khanh rồi cải làm Tham Tri bộ Lễ.

Ông và con cháu mở ra phòng 11 thuộc dệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Thảo 艸 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.12A. NGUYỄN PHÚC MIÊN BẢO[2] 阮福綿寶
Tương An Quận Vương

Ông có tự là Duy Thiện, hiệu Khiêm Trai, con thứ 12 của đức Thánh Tổ, mẹ là An tần Hồ Thị Tùy. Ông sinh ngày 19 tháng 4 năm Canh thìn (20.5.1820).

Thuở trẻ vốn có thể lực nên ông ham thích võ nghệ, cỡi ngựa bắn cung. Lúc lớn lên tính tình ông thận trọng, giữ lễ, ham đọc sách, tinh thông kinh sử.

Năm Ất dậu (1825) xây xong Dưỡng chính đường bên trong cấm thành, vua cho ông ra ở đấy cùng với các Hoàng Tử Miên Thẩn, Miên Phú, Miên Thủ, Miên Thẩm, Miên Trinh. Năm Canh đần (1830) ông được ban mũ áo đại triều bồi tế ở Văn miếu. Đến năm Tân mão (1831)

(1) Hà Giang tức Hà Giang Vương con của Hán Cảnh đế, hiếu học chuộng cổ, giữ được học thuật của nho gia.
– Trần Tư tức Trần Tư Vương người thời Tam Quốc, con của Tào Tháo có tài làm thơ, đi bảy bước đã làm xong bài thơ.
– Xương Lê là tên hiệu của Hàn Dũ, người đời Đường, làm quan đến Binh Bộ thị lang, có tài văn chương, đời sau tôn làm bậc thánh về tản văn.

(2) Chữ này đọc theo phiên thiết ở Khang Hy Tự Điển có âm Bảo (Bát + Thạo) vì kiêng nên sau đọc thành Bửu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

cùng với anh là Miên Trinh ra ở Quảng Phúc Đường (ở trong Kinh thành sau chùa Giác Hoàng). Năm Quí tị (1833) ông được lập phủ riêng.

Năm Kỷ hợi (1839) sách phong ông là Tương An Quốc Công. Đến năm Nhâm dần (1842) ông hộ giá vua Hiến Tổ ra Bắc, vì lo liệu việc thận trọng nên qua năm sau được phong là Tương An Công.

Ông mất ngày 10 tháng 2 năm Giáp dần (8.3.1854) lúc 35 tuổi, ban thụy là Cung Nghị. Tẩm và nhà thờ tại Nguyệt Biều, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông rất nổi tiếng về thơ, lại sở trường về thơ quốc âm. Sáng tác của ông có nhiều bài nổi danh. Đương thời tài ông sánh bằng Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương. Về chữ Hán, tác phẩm của ông gồm có Khiêm Trai Thi Tập, Khiêm Trai Văn Tập, nhưng hai khúc "Hoài Cổ Âm" và khúc "Trăm thương" của ông rất được truyền tụng. Thơ ông thường được nỗi buồn rầu ai oán :

*Thương ôi chi xiết thương ôi,*
*Trăng tròn cũng khuyết bể vơi khôn đầy.*
*Thương ôi như vượn lìa cây,*
*Như chim lìa tổ như mây lìa ngàn.*

...

*Thương ai thương hủy thương hoài*
*Thương thầm thương kín thương dài thương dông*
*Thương chi thương khéo lông bông*
*Thương chi cảnh có người không thương gì ?*

...

(Trăm thương)

hoặc

*Bên cảnh bên tình khéo vấn vương*
*Sầu xuân đưa hạ chạnh trăm đường*
*Tiếng ve dài dặc nghe thêm thám*
*Mặt nguyệt tròn hin thấy để thương*
*Vàng thếp giếng ngô sa lá gió*
*Bạc xuy chậu cúc nẩy chồi sương*
*Dầu chong trắng dĩa chưa an giấc*
*Lâm phá thanh sầu đà hết phương*

(Vô đề)

Ông vốn từng là giáo đạo cho An Phong Quận Vương và Dực Tông Hoàng Đế thuở hai ngài còn là Hoàng tử, nên được vua Dực Tông rất chiếu cố. Năm Mậu dần (1878) nhân dịp ngự tuần đại khánh, vua Dực Tông ban dụ rằng: "Các chú đã mất là Tương An Công và Quảng Ninh Công đều có học và đức hạnh ngang hàng với Tùng Thiện Công, Tuy Lý Công, tính tình lại hiền hậu mà vốn là em yêu của Tiên Đế, tuy được đặc phong nhưng vốn thân thiết với trẫm chẳng may mất sớm chưa được hưởng ân trạch gì. Gặp ngày lễ mừng, ân đức ban khắp cả huống gì là người thân thuộc, mà cũng để biểu trưng cho sự tốt lành". Rồi vua sai quan đến nhà thờ truy tặng là Tương An Quận Vương.

Ông có 18 con trai và 7 con gái. Con thứ là Nguyễn Phúc Hồng Bị được tập phong Tương An Huyện Công, năm Nhâm thìn (1892) cải tập phong Quận Công.

---



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông và con cháu mở ra phòng 12 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Y 衣 để đặt tên cho con cháu trong phòng

13.3.3.13A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRỮ 阮福綿宁
Tuân Quốc Công

Ông là con thứ 13 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Đinh Thị Nghĩa, sinh ngày 2 tháng 6 năm Canh thìn (11.7.1820). Lúc còn Hoàng tử theo học kinh sử, đến năm Quí mão (1843) được phong là Tùng Hóa Quận Công.

Năm Đinh mão (1867) sứ Pháp đến triều kiến, ông tiếp đãi không đúng nghi lễ bị khiển trách trừ mất một năm bổng. Năm Mậu dần (1878) vua thấy ông tuổi cao đức hạnh nên tấn phong là Tuân Quốc Công.

Năm Giáp thân (1883) ông được cử làm Tôn Nhân Phủ Tả tôn nhân. Năm Đinh hợi (1887) ông can dự vào việc bãn phong vương phi[1] bị giáng xuống Huyện công. Nhân việc đó mà ông oán trách rồi say sưa bỏ việc triều chính. Triều đình định tội theo lệ phạt trượng rồi giam, nhưng vua nghĩ tình ông tuổi già lại an chuẩn cấp bổng theo tước Kỳ ngoại hầu nhưng lệnh cho Tôn nhân phủ theo dõi kỹ để cho ông sợ mà hối cải.

Năm Kỷ sửu (1889) ông được phục nguyên tước.

Ông mất ngày 6 tháng 7 năm Canh dần (20.8.1890) thọ 71 tuổi, thụy là Cung Mục. Tâm ông ở An Cựu (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Đông Trì (Hương Trà, Thừa Thiên) (phường Phú Cát, Huế).

Ông có 13 con trai và 10 con gái. Con thứ 2 là Nguyễn Phúc Hồng Toán được tập phong Hương hầu.

Ông và con cháu mở ra Phòng 13 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Trúc 竹 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.14A. NGUYỄN PHÚC MIÊN HỰU 阮福綿宥

Ông là con thứ 14 của đức Thánh Tổ, mẹ là Thục tần Nguyễn Thị Bảo. Ông sinh ngày 4 tháng 9 năm Tân tị (29.9.1821). Ông mất ngày 7 tháng 10 năm Giáp thân (27.11.1824) lúc 4 tuổi. Tâm ở Bình An (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.15A. NGUYỄN PHÚC MIÊN VŨ 阮福綿宇
Lạc Hóa Quận Công.

Ông là con thứ 15 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Nguyễn Thị Vĩnh. Ông sinh ngày 29 tháng 1 năm Nhâm ngọ (21.2.1822).

Năm Canh tí (1840) ông được phong là Lạc Hóa Quận Công.

Ông mất ngày 3 tháng 10 năm Kỷ dậu (17.11.1849), lúc 28 tuổi, thụy là Hòa Thận. Tâm ông ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Chợ Dinh (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 7 con trai và 9 con gái. Con thứ 4 là Nguyễn Phúc Hồng Siêu tập phong Kỳ ngoại hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 15 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Hỏa 火 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

---

(1) Đây là việc ông cùng với Hòa Thanh Vương tâu can việc phong vương phi cho thân mẫu của vua Đồng Khánh.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.16A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TÔNG 阮福綿宋
Hà Thanh Quận Công

Ông là con thứ 16 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Trần Thị Nghiêm. Ông sinh ngày 24 tháng 2 năm Nhâm ngọ (17.3.1822).

Lúc còn hoàng tử, tính tình ông trung hậu, giữ lễ, nên năm Quí mão (1843) được phong Hà Thanh Quận Công.

Ông mất ngày 17 tháng Giêng năm Mậu ngọ (2.3.1858) lúc 37 tuổi, được ban thụy là Trang Giản.

Tẩm của ông ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên) nhà thờ ở Dương Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 7 con trai và 9 con gái. Con thứ tư là Nguyễn Phúc Hồng Siêu tập phong Kỳ ngoại hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 16 thuộc đệ nhị chính hệ và được ban cho bộ Cân 巾 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.17A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THÀNH 阮福綿宬

Ông là con thứ 17 của đức Thánh Tổ, mẹ không rõ, ngày và năm sinh, mất không rõ, chỉ biết là mất sớm.

13.3.3.18A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TỄ 阮福綿宰
Nghĩa Quốc công

Ông có tự là Bỉnh Chân và Trọng Chân hiệu là Chất Uyển. Ông là con thứ 18của đức Thánh Tổ, mẹ là An tần Hồ Thị Tùy. Ông sinh ngày 7 tháng 9 năm Nhâm ngọ (21.10.1822).

Khi xuất các ông học thông thuộc kinh thư, có đức hạnh nên năm Canh tí (1840) được phong là Tư Nghĩa Quận công.

Ông mất ngày 26 tháng 10 năm Giáp thìn (5.12.1844), lúc 23 tuổi, ban thụy Cung Đạt. Tẩm ông ở Nguyệt Biều, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở phường Vĩnh Lợi, Huế.

Ông là người nhún nhường, biết giữ phép tắc, khi nghe tin ông mất vua rất đau buồn, ban tiền 1000 quan cùng vải vóc hoa quả... tự khí, khiến Ninh Thuận công đến ban rượu, ban tế. Truy tặng ông là Nghĩa Quốc Công. Con của ông còn nhỏ nhưng cũng được chuẩn cho hưởng bổng của công tử.

Ông có 2 con trai và 1 con gái. Con trưởng Nguyễn Phúc Hồng Hảo trước tập phong Đôn Nghĩa Đình hầu về sau có lỗi bị mất tước, cháu là Nguyễn Phúc Ưng Hạp tập phong Tá quốc khanh.

Ông cùng con cháu mở ra phòng 18 thuộc đệ nhị chính hệ và ngự chế ban cho bộ Thủ 攴 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.19A. Tảo thương chưa có tên

13.3.3.20A. Tảo thương chưa có tên

13.3.3.21A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TUYÊN 阮福綿宣

Ông là con thứ 21 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Trần Thị Tiền. Ông mất sớm, không rõ năm sinh, mất.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.22A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LONG 阮福綿隆

Ông là con thứ 22 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Lê Thị Ái, ông là em cùng mẹ với Tuy Lý Vương Nguyễn Phúc Miên Trinh, mất sớm không rõ năm sinh và mất.

13.3.3.23A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TÍCH 阮福綿寔
Trấn Man Quận Công

Ông là con thứ 23 của đức Thánh Tổ, mẹ là Trang tần Trần Thị Tuyến, ông sinh ngày 26 tháng giêng năm Quí mùi (8.3.1823).

Năm Canh tí (1840) được phong là Trấn Man Quận Công.

Ông mất ngày 25 tháng 6 năm Bính dần (5.8.1866), thọ 44 tuổi, thụy là Cung Huệ. Tẩm ông ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở ấp Trung Bộ, phường đệ ngũ (Hương Trà, Thừa Thiên). Về sau nhà thờ dời về Bến Ngự, Huế, hiện nay thì sụp đổ không còn vết tích.

Ông có 9 con trai và 8 con gái.

Ông và con cháu lập ra phòng 23 thuộc đệ nhị chính hệ và ngự chế ban cho bộ Xa 車 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.24A. Tảo thương chưa có tên.

13.3.3.25A. Tảo thương chưa có tên.

13.3.3.26A. NGUYỄN PHÚC MIÊN CUNG 阮福綿宮
Sơn Định Quận Công.

Ông là con thứ 26 của đức Thánh Tổ, mẹ là quí nhân Nguyễn Thị Trường. Ông sinh ngày 17 tháng 12 năm Quí mùi (17.1.1824).

Lúc còn hoàng tử ông thông minh, hiếu học. Năm Quí mão (1843) được phong là Sơn Định Quận Công.

Ông mất ngày 16 tháng 8 năm Kỷ dậu (2.10.1849) lúc 27 tuổi, ban thụy Đôn Thuận. Tẩm ông ở Dương Hòa (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở ấp Trung bộ (Hương Trà, Thừa Thiên) (nay dời đến An Cựu Tây, Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 7 con trai và 4 con gái. Con thứ hai là Nguyễn Phúc Hồng Uẩn trước được tập phong Kỳ Ngoại Hầu, sau ra làm quan, đến năm Bính tuất (1886) cải nhận tước Hồng Lô tự khanh coi việc ở bộ Hình kiêm chức Hữu tôn khanh ở Tôn nhân phủ, năm Tân mão (1891) thăng Quang Lộc tự khanh đổi làm Thủ Hộ sứ rồi mất.

Ông và con cháu mở ra phòng 26 thuộc đệ nhị chính hệ và ngự chế ban cho bộ Dậu 酉 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.27A. NGUYỄN PHÚC MIÊN PHONG 阮福綿豐
Tân Bình Quận Công

Ông là con thứ 27 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Đỗ Thị Tùng. Ông sinh ngày 18 tháng 4 năm Giáp thân (16.5.1824). Ông tính tình đôn hậu, thực thà, giỏi nhã ca và đầu hồ[1].

(1) Đầu hồ là một trò chơi phong lưu trang nhã dành cho những gia đình quyền quý, trò chơi này từ Trung Hoa truyền sang. Hồ gồm một cái bầu miệng rộng chừng 5 phân cổ dài có eo, bụng phình như bầu rượu được gắn liền với cái cơi có cán mặt trống. Bầu và cơi được đặt trên cái đế. Người chơi ôm một bó gồm 12 thẻ bằng gỗ, và cầm thẻ ném vào một tấm gỗ đặt giữa người đó và hồ sao cho thẻ trúng tấm gỗ đội lên rơi vào bầu.
Nhã là những bài thơ ca được chép trong Kinh thi. Đây ý nói giỏi về ca hát.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Canh tí (1840) ông được phong là Tân Bình Quận Công

Ông mất ngày 17 tháng 9 năm Canh thân (30.10.1860), lúc 37 tuổi thụy Tĩnh Ý.

Ông có 1 con trai mất sớm và 3 con gái.

Tẩm tại Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Ban đầu thờ ông ở Triển thân từ đến năm Ất dậu (1885) rước về thờ ở Thân Huân từ.

Phòng 27 này được ngự chế ban cho bộ Cách 革 để đặt tên cho con cháu.

13.3.3.28A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRẠCH 阮福綿宅

Ông là con thứ 28 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huan, sinh ngày 20 tháng 4 năm Giáp thân (18.5.1824), mất ngày 9 tháng giêng năm Bính tuất (15.2.1826) lúc 3 tuổi.

Năm Đinh mão (1867) thờ ông ở Triển Thân từ.

13.3.3.29A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LIÊU 阮福綿寮
Quì Châu Quận Công.

Ông là con thứ 29 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung tần Lê Thị Tường. Ông sinh ngày 29 tháng 7 năm Giáp thân (23.8.1824)

Thuở nhỏ thông minh, đến lúc xuất các ông dốc chí học hành nên thông suốt kinh sử, nổi danh về thơ.

Năm Quí mão (1843) được phong Qui Châu Quận Công.

Tháng 2 năm Giáp dần (1854) ông theo vua Dực Tông đến nhà Thái học có ứng chế Thị học ca gồm 8 bài được vua khen thưởng cho ghi chép vào Tích Ung Canh Ca Hội Tập[1].

Ông mất năm Tân tị (1881), thọ 58 tuổi, ban thụy là Cung Lượng. Tẩm tại An Cựu (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở An Cựu (Hương Thủy, Thừa Thiên), sau dời về Hà Lan (Quảng Điền – Thừa Thiên).

Ông có 5 con trai và 9 con gái. Con thứ 2 là Nguyễn Phúc Hồng Chất trước được tập tước Kỳ Ngoại Hầu đến năm Bính tuất (1886) cải là Quang Lộc Tự khanh lãnh chức Hộ lãng Phó sứ, rồi bị tội giáng xuống bốn cấp, đến năm Kỷ sửu (1889) lãnh chức Tri phủ Quảng Ninh.

Ông và con cháu mở ra phòng 29 thuộc dệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Ấp 邑, để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.30A. NGUYỄN PHÚC MIÊN MẬT[2] 阮福綿宓
Quảng Ninh Quận Vương

Ông có hiệu là Văn Đĩnh, là con thứ 30 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Ông sinh ngày 4 tháng 7 năm Ất dậu (17.8.1825). Thuở nhỏ ông thông minh và thích văn thơ. Lớn lên những sách vở ngoài thư, kinh ông đều đọc cả nên vua rất thương yêu.

Năm Canh tí (1840) ông được phong là Ninh Quốc Công.

Năm Nhâm dần (1842) khi vua Hiến Tổ ngự giá Bắc tuần trở về thấy ông học hành tăng tiến nên tấn phong là Quảng Ninh Công.

Ông mất ngày 10 tháng 4 năm Đinh mùi (23.5.1847) lúc 22 tuổi, vua rất đau buồn, ban thụy là Đôn Hòa.

(1) Tích Ung là nhà học do vua lập ra, canh ca là những bài thi ca xướng họa. Đây là tập ghi chép những bài xướng họa về việc học.

(2) Chữ này trong Khang Hy tự điển phiên thiết Mỹ Tất tức đọc Mật, các bản Việt ngữ trước kia đều đọc lầm là Bí.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tâm ông ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Năm Ất dậu (1885) dưới thời Hồng Khánh ông được thờ ở Triển Thân từ.

Ông là người khiêm cung đôn hậu, đương thời ông có lập Tụ Hương Thư Viện để lúc rảnh rỗi việc triều đến đấy đọc sách, ở đấy cũng là nơi tụ hội những danh sĩ nổi danh để đề vịnh, xướng họa. Ông có sáng tác Hàn Nhiên Thi Tập.

Lúc vua Dực Tông còn nơi tiềm để thường cùng học với ông. Mỗi lúc gặp chung phiên trực trong cung thường cùng nhau xướng họa. Đến khi vua tức vị thì ông đã mất, nhân thấy di cảo của ông còn để lại trong cung vua rất xúc cảm để trên tập đó bài thơ sau :

*Nhất biệt thiên thu dĩ hận trường*
*Di thư trung đổ bội phần thương*
*Cẩm thành lậu thủy thùy liên cú*
*Thám viện hoa tàn khởi tụ hương.*
*Đạm bạc tâm đồng Đào Tĩnh Tiết*
*Thanh cao vận tục Mạnh Tương Dương*
*Tức kim dạ tĩnh tần phi quá*
*Phong tập hàn đăng nguyệt chiếu lương.*
*(Cách biệt nghìn thu oán hận sâu*
*Di thư[1] thấy lại biết bao sầu*
*Cẩm thành trống điểm cùng ai họa*
*Đình viện hoa rơi Tụ hương dâu*
*Đạm bạc nơi lòng Đào Tĩnh Tiết[2]*
*Thanh cao nối chí Mạnh Tương Dương[3]*
*Lặng lẽ đêm nay ngồi lật lại*
*Gió chạm đèn khuya nguyệt chiếu lâu*

Về sau em cùng mẹ với ông là An Quốc Công Nguyễn Phúc Miên Ngôn sưu tập lại di cảo cho khắc in, việc chưa xong thì mất, và có dặn dò anh là Tùng Thiện Vương thay thế làm việc đó. Vương dâng biểu lên vua. Vua ban rằng : "Quảng Ninh Công Miên Mật bản tính khiêm cung, điềm đạm hiếu thiện, trước kia từng cùng học với trẫm, giúp trẫm nhiều về đức nhân, chẳng may tuổi thọ quá ngắn nên hôm nay không còn được thấy trong lòng trẫm nhớ mãi". Vua tự làm thơ sai quan đến Từ đường ban cúng cùng đem lời dụ cùng thi văn truyền ra cho rõ đức hiền thiện của ông.

Năm Mậu dần (1878) nhân gặp tiết Ngũ tuần đại khánh của vua Dực Tông, vua thấy ông là người có học hạnh và em yêu của tiên đế, không may bị mất sớm chẳng hưởng được ân trạch nên truy phong ông là Quảng Ninh Quận Vương.

Ông có 3 con trai và 2 con gái đều mất sớm.

Phòng này được ngự chế ban bộ Xước 辶 để đặt tên cho con cháu.

13.3.3.31A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LƯƠNG 阮福綿良
Sơn Tĩnh Quận Công

Ông là con thứ 31 của đức Thánh Tổ, mẹ là Lệ tần Nguyễn Thị Điện. Ông sinh ngày 21 tháng 1 năm Bính tuất (27.2.1826).

(1) Di thư là sách để lại sau khi mất.

(2) Đào Tĩnh Tiết tức Đào Tiềm người đời Tấn, tự là Uyên Minh, văn chương phóng khoáng siêu dật, không ham công danh, từ quan lui về ở ẩn, an bần lạc đạo, lấy thơ rượu làm vui. Người đời gọi ông là Tĩnh Tiết tiên sinh.

(3) Mạnh Tương Dương tức Mạnh Hạo Nhiên người đời Đường ở Tương Dương, giỏi về thơ ngũ ngôn, học theo tiết khí của Đào Tiềm.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Lúc còn là Hoàng tử tính tình điềm đạm, đến năm Canh tí (1840) được phong là Sơn Tĩnh Quận Công.

Ông mất ngày 11 tháng 7 năm Quí hợi (24.8.1863) lúc 38 tuổi, thụy là Hòa Hậu. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở trong Nội thành (sau dưa về An Cựu Tây, Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 7 con trai 11 con gái. Con trưởng Nguyễn Phúc Hồng Đình tập phong Kỳ Ngoại Hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 31 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Vũ 雨 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.32A. NGUYỄN PHÚC MIÊN GIA 阮福綿家
Quảng Biên Quận Công

Ông là con thứ 32 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quý nhân Nguyễn Thị Trường. Ông sinh ngày 16 tháng 4 năm Bính tuất (22.5.1826).

Năm Quí mão (1843) ông được phong là Quảng Biên Quận Công.

Ông mất ngày 18 tháng 6 năm Ất Hợi (20.7.1875), thọ 50 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở Bình An (Hương Thủy, Thừa Thiên) Nhà thờ ở ấp Đông Trì, (Hương Trà, Thừa Thiên) (nay thuộc phường Phú Hiệp, Huế).

Ông có 15 con trai và 11 con gái. Con trưởng Nguyễn Phúc Hồng Đôn tập phong Kỳ Ngoại Hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 32 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Phộc 攴 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.33A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KHOAN 阮福綿寬
Lạc Biên Quận Công

Ông là con thứ 33 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Lương Thị Nguyện. Ông sinh ngày 4 tháng 6 năm Bính tuất (8.7.1825).

Lúc còn là hoàng tử ông hiếu học và đức hạnh nên năm Canh tí (1840) được phong Lạc Biên Quận Công.

Năm Kỷ dậu (1849) vua Dực Tông đến thăm nhà Thái học, ông theo hỗ giá vàng lệnh làm 12 bài "Thi học" (xem việc học) được vua ngợi khen cho chép vào Tích Ung Canh Ca Hội Tập.

Ông mất ngày 20 tháng 7 năm Quí hợi (2.9.1863), lúc 38 tuổi. Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở ấp Trung Bộ (Hương Thủy, Thừa Thiên). Về sau đến năm Bính tí (1876) mua phủ của Mỹ Trạch Công chúa cũng ở tại vùng này để làm nhà thờ.

Ông vốn giỏi thơ văn, có hiệu là Lật Viên, có lưu lại Lật Viên Thi Tập. Vua Dực Tông có khi sánh ông với Tuy Lý Vương và Tùng Thiện Vương mà bảo : "Đỉnh túc tam phân" (chia ba chân vạc). Lúc ông sắp mất có viết mấy dòng cho Tuy Lý Vương : "vân hạc tương chiêu thỉnh tiên sinh nhất lai, trì tất bất cập" (mây bạc sắp mời em, xin ông anh đến ngay, chậm ắt không kịp).

Ông dùng hai chữ "vân hạc" vì bình sinh theo tiên thuật, giữa sân phủ có xây hồ bán nguyệt dùng vào việc tu hành, trong phủ có biển ghi ba chữ "Dưỡng hồi trai" (nhà nuôi sự tối tăm) để bày tỏ ý muốn ở ẩn của mình.

Ông có 4 con trai và 3 con gái. Con thứ ba là Nguyễn Phúc Hồng Khiêm bị can vào án Đoàn Trưng nên bị cách công tử, về sau được khôi phục và tập phong Kỳ Ngoại Hầu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông và con cháu mở ra phòng 33 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Tiêu 髟 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.34A. NGUYỄN PHÚC MIÊN HOẠN 阮 福 綿 宦

Ông là con thứ 34 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Đỗ Thị Tâm. Ông sinh ngày 28 tháng 7 năm Bính tuất (31.8.1826).

Ông mất ngày 28 tháng 11 năm Mậu tuất (13.1.1839), lúc 13 tuổi. Ông chưa được phong tước, tẩm ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Thờ ông ở Triền thân tử.

13.3.3.35A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TÚC[1] 阮 福 綿 宿
Ba Xuyên Quận Công

Ông là con thứ 35 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Cái Thị Trinh. Ông sinh ngày 1 tháng 2 năm Đinh hợi (26.2.1827).

Năm Canh tí (1840) ông được phong là Ba Xuyên Quận Công

Ông mất ngày 3 tháng 12 năm Quí sửu (1.1.1854), lúc 27 tuổi. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Phú Mỹ, Huế.

Ông có một người con nuôi.

Ông và con cháu mở ra phòng 35 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Mễ 米 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.36A. NGUYỄN PHÚC MIÊN QUAN 阮 福 綿 官
Kiến Tường Công

Ông có tên tự là Tắc Tư, là con thứ 36 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Lê Thị Ái. Ông sinh ngày 26 tháng 4 năm Đinh hợi (21.5.1827).

Thuở nhỏ ông rất khác người lại chí tình. Lúc mới được 8, 9 tuổi gặp lúc mẹ có bệnh ông cùng với anh phục vụ thuốc thang mà chẳng biết mệt, cung nhân đều ngợi khen là xử sự giống người lớn. Khi xuất các ngoài việc học kinh sử, ông còn học về thuốc và tướng thuật, rất xuất sắc.

Lúc nhỏ ông lấm bệnh, một hôm soi gương buồn rầu bảo với anh là Miên Trinh rằng : "Học thì lấy Tử Chiêm[2] làm thầy, sống thì giống Khương Quăng[3] là lạc thú nhất trên đời. Sao em quá yếu đuối chắc phận sống cũng có hạn, em chẳng giống được anh". Miên Trinh an ủi ông rằng : "Tôn Thúc yếu đuối mà giỏi văn[4], Trương Tử Phòng[5] giống đàn bà mà nho nhã. Há mọi người như bọn Bí Dục[6] có sức cử đỉnh bạt núi mà sống lâu như Bành Tổ[7] sao ?" Tuy vậy ông vẫn phiền muộn.

---

(1) Chữ này có 2 âm : âm là Túc có nghĩa "Trú, ở lại", một âm là Tú có nghĩa là "Sao"

(2) Tử Chiêm là tên tự của Tô Thức người đời Tống giỏi thơ văn. Ông đậu tiến sĩ năm 21 tuổi, hoạn lộ rất thăng trầm. Ông cất nhà ở bên sườn núi phía Đông nên lấy biệt hiệu là Đông Pha cư sĩ. Ông là 1 trong 8 đại văn gia đời Đường Tống.

(3) Khương Quăng tự Bá Hoài người đời Đông Hán, thông suốt ngũ kinh, am hiểu rất tinh tường. Vua Hoàn Đế muốn dùng ông nhưng ông không chịu ra, vua sai người vẽ mặt, ông trốn đi. Hoạn quan Tào Tiết muốn chọn ông là Thái Thú, ông trốn vào Thanh Châu sống nghề coi bói, đến hơn 70 tuổi mới trở về quê.

(4) Tôn Thúc tức Tôn Thúc Ngao người nước Sở đời Xuân Thu, tính cần kiệm, thận trọng. Làm tướng quốc nước Sở chỉ trong 3 tháng, ông đã khiến nước Sở trở nên cường thịnh.

(5) Trương Tử Phòng tức Trương Lương người nước Hàn, khi Tần diệt lục quốc ông theo giúp Hán Cao Tổ Lưu Bang diệt Tần dựng nên nhà Hán.

(6) Bí Dục tức Mạnh Bí và Hạ Dục tên của hai dũng sĩ thời xưa.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Canh tí (1840) ông được phong Kiến Tường Quận Công.

Ông mất ngày 18 tháng chạp năm Bính ngọ (3.2.1847), lúc 20 tuổi, ban thụy Cung Lượng. Tâm ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Vĩ Dã (Phú Vang, Thừa Thiên).

Năm Bảo Đại 14 (1939) ông được truy tặng là Kiến Tường Công.

Ông có 3 con trai và 1 con gái. Con trưởng Nguyễn Phúc Hồng Mục tập phong Kỳ Ngoại Hầu.

Ông và con cháu lập nên phòng 36 thuộc dệ nhị chính hệ và ngự cho ban bộ Mục 目 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.37A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TUẤN 阮福綿濬
Hòa Thạnh Vương

Ông có các tên tự Dương Hiền, Ngạn Chi, Ngạn Thúc, Trọng Diên, hiệu là Tùng Viên, Tử Tài, xưng là Nhã Đường chủ nhân, Lạc Thiện Lão nhân. Ông là con thứ 37 của đức Thánh Tổ, mẹ là An tần Hồ Thị Tùy. Ông sinh ngày 18 tháng 5 năm Đinh hợi (12.6.1827) ở nhà sau của Văn Cấm viện.

Năm Tân mão (1831) phụng chỉ ra Quảng Phúc Đường để học cùng với anh em. Tháng giêng năm Quí mão (1843) ông được sắc ban cho lập phủ (ở sau chùa Giác hoàng trong Đại nội), lại được tấn phong là Hòa Thạnh Quận Công.

Năm Kỷ tỵ (1869) ông cho lập biệt thự tại làng Vạn Xuân, có dựng một lầu tên Hi Ngã sào.

Dưới triều Giản Tôn Nghị Hoàng Đế năm Giáp thân (1883) ông được tấn phong là Thạnh Quốc Công.

Đến năm Ất dậu (1885) kinh thành có biến, ông cùng gia đình bỏ chạy đến Lưu Biêu, phủ lâu đều bị cướp phá, gia sản cháy thiêu. May mà phủ chính và một ngôi lầu vẫn còn.

Năm Bính tuất (1886) ông được 60 tuổi, dời đến ở tại vườn riêng ở ấp Đông Trì. Qua năm Đinh hợi (1887) ông can chuyện phong Vương phi cho thân mẫu vua Đồng Khánh nên bị cách tước. Đến năm Kỷ sửu (1889) ông được truy phục lại tước cũ.

Năm Quí tị (1893) ông phụng mệnh kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả tôn nhân, rồi phụng mệnh Tam cung hầu vua tại Hồ Tĩnh Tâm vì vua bị bệnh tâm thần, ông dẫn dắt các quan đại thần ở lục bộ, phân chia nhau mà phụng trực.

Tháng 4 năm Ất mùi (1895) ông được tấn phong Hòa Thạnh công. Qua tháng chạp năm sau ông xin thôi việc về nghỉ vì tuổi già.

Ông mất ngày 12 tháng 5 năm Đinh mùi (22.6.1907), thọ 81 tuổi, thụy Đoan Cung. Tâm ở Dương Xuân Hạ (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Phú Mỹ, Huế.

Sau khi mất, ông được truy phong là Hòa Thạnh Quận Vương rồi Hòa Thạnh Vương.

Tác phẩm của ông để lại gồm có Nhã Đường Thi Tập (10 cuốn), Nhã Đường Văn Tập, Hiếu Kinh Lập Bản, Quốc Âm Hiếu Sử.

Ông có 34 con trai và 27 con gái.

Ông và con cháu mở ra phòng 37 thuộc dệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Nữ 女 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.38A. Tảo thương chưa có tên.

(7) Bành Tổ là người đời Đường Nghiêu ở Trung Quốc, được phong ở Bành thành, tương truyền sống đến 700 tuổi.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.39A. **Tảo thương chưa có tên.**

13.3.3.40A. **NGUYỄN PHÚC MIÊN QUÂN** 阮福綿宭
**Hòa Quốc Công.**

Ông là con thứ 40 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính. Ông sinh ngày 21 tháng 7 năm Mậu tí (31.8.1828).

Năm Canh tí (1840) được phong là Hòa Quốc Công.

Ông mất ngày 4 tháng 7 năm Quí hợi (17.8.1863), lúc 36 tuổi, thụy Đôn Duẫn. Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Khánh Lộc (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 6 con trai và 6 con gái. Trưởng Tử Nguyễn Phúc Hồng Chuẩn tập phong Hòa Hương Hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 40 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Chuy 佳 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.41A. **NGUYỄN PHÚC MIÊN KHÁP**[1] 阮福綿洽
**Tuy An Quận Công**

Ông là con thứ 41 của đức Thánh Tổ, mẹ là Lệ tần Nguyễn Thị Thúy Trúc. Ông sinh ngày 27 tháng 8 năm Mậu tí (5.10.1828).

Năm Canh tí (1840) ông được phong là An Nhân Quận Công. Đến năm Nhâm dần (1842) cải phong là Tuy An Quận Công.

Ông mất ngày 2 tháng 6 năm Quí tị (14.7.1893), thọ 66 tuổi, tên thụy không rõ. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Dương Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên) (về sau nhà thờ dời về Phú Mỹ, Huế).

Ông có 10 con trai và 15 con gái.

Ông và con cháu lập ra phòng 41 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Phương 方 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.42A. **NGUYỄN PHÚC MIÊN TẰNG** 阮福綿曾
**Hải Quốc Công**

Ông là con thứ 42 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Nguyễn Thị Tính. Ông sinh ngày 19 tháng 9 năm Mậu tí (27.10.1828).

Năm Bính ngọ (1846) được phong là Hải Ninh Quận Công.

Ông tính tình vui vẻ, phóng khoáng, thường nuôi gà đá, chó săn rong chơi thỏa thích. Phàm thuyền buôn của nhà Thanh đến Kinh có vật gì lạ thì ông bán đổ đạc mà mua cho kỳ được. Nhưng gặp người cùng sở thích thì mang cho mà chẳng tiếc. Suốt ngày lo chuyện trà nước, yến tiệc, ham vui phong nguyệt không gò bó, khách có đến nhà thì khiến phu nhân lo mua rượu uống, lại cười nói tự do chẳng biết giữ cái cao quí của bậc công hầu.

Năm Quí mùi (1883), vua Dục Đức bị quyền thần phế bỏ, ông là người thân thiết với vua nên sợ bị họa, dẫn gia quyến đến Thuận An trốn vào ở với các quan lại người Pháp. Sau ông bị đưa trở về, kết tội giáng xuống làm Kỳ ngoại hầu, đưa đi an trí ở Bình Định.

---

(1) Chữ này được phiên thiết trong Khang Hy tự điển là Khẩu 口 Hạp 合 thiết tức đọc là Khấp. Trước đây các sách Việt ngữ cứ theo âm chữ Hiệp ở dưới bộ Miên mà đọc thành Hiệp hoặc Hợp



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Ất dậu (1885) phụng chỉ của Lưỡng cung[1] ông được trở về Kinh phục lại tước Quận Công.

Năm Bính thân (1896) ông được tấn phong là Hải Quốc công.

Ông mất ngày 4 tháng 3 năm Bính thân (16.4.1896), thọ 69 tuổi, thụy Cung Mục. Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ nay ở Phú Thuận, Huế.

Ông có 6 con trai và 3 con gái. Năm Quí mùi (1883) các con ông đều bị tội mà giáng làm Tôn thất, không được làm việc gì cả. Đến năm Ất dậu (1885) mới được khai phục. Con thứ 4 của ông là Nguyễn Phúc Hồng Dư có công hộ giá vua Đồng Khánh trong năm Bính tuất (1886) nên được thăng hai trật bổ làm Tư vụ tại Tôn nhân phủ với hàm Tòng lục phẩm.

Ông và con cháu mở ra phòng 42 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Khiếm 欠 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.43A. NGUYỄN PHÚC MIỄN TÌNH[2] 阮福綿窘

Ông là con thứ 43 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân, ông sinh ngày 1 tháng 12 năm Mậu tí (5.1.1829), mất ngày 28 tháng 6 năm Đinh dậu (30.7.1837) lúc 8 tuổi.

Tẩm ở Bình An (Hương Thủy, Thừa Thiên). Năm Đinh mão (1867) thờ ông ở Triều Thân từ.

13.3.3.44A. NGUYỄN PHÚC MIỄN THẾ 阮福綿寀
Tây Ninh Quận Công

Ông là con thứ 44 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Phan Thị Viên. Ông sinh ngày 1 tháng 12 năm Mậu tí (5.1.1829)

Năm Canh tuất (1850) ông được phong Tây Ninh Quận Công.

Ông mất ngày 22 tháng 8 năm Giáp tí (22.9.1864), lúc 37 tuổi, thụy Đoan Nghị. Tẩm ở An Cựu (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 4 con trai 1 con gái. Con thứ hai là Nguyễn Phúc Hồng Trách tập phong Tá quốc Khanh.

Ông và con cháu mở ra phòng 44 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Mao 毛 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.45A. NGUYỄN PHÚC MIỄN DẦN 阮福綿寅
Trấn Tĩnh Quận Công

Ông là con thứ 45 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quý nhân Đỗ Thị Tâm. Ông sinh ngày 15 tháng 3 năm Kỷ sửu (18.4.1829).

Lúc còn hoàng tử tính vốn cao ngạo, phóng túng hay trái gia pháp nên thường bị vua quở trách.

Năm Canh tí (1840) được phong là Trấn Tĩnh Quận Công.

Khi ông xuất phủ thường ham chơi nên đức Hiền Tổ biết được không cho dự vào triều ban. Về sau biết hối cải vua mới chuẩn cho dự triều.

Năm Đinh mùi (1847) vì hành vi sơ xuất mà bị giáng xuống Kỳ nội hầu, đến năm Giáp dần (1854) mới được phục hồi nguyên tước.

---

(1) Lưỡng cung dùng để chỉ hai bà Từ Dũ Hoàng Thái Hậu và Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu.

(2) Từ này có nghĩa là những chốn sở quan cấm lai vãng, đồng âm với tên của hoàng tử thứ 52.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Giáp tuất (1874) khi sứ thần Pháp quốc đến triều kiến, ông giữ không đúng nghi lễ nên bị phạt mất một năm bổng. Mùa thu năm đó ông phụng mệnh trông coi tế thu hưởng, ông lại mặc áo trắng đi vào cửa bên trái của miếu, bị bộ Lễ trích tội nên giáng xuống làm Đình Hầu.

Năm Mậu dần (1878) gặp Ngũ tuần đại khánh của vua Dực Tông, vua dụ rằng : "Nguyên Trấn Tĩnh Quận Công Miên Dần bị giáng xuống làm Đình Hầu vì tội đại bất kính không thể lượng thứ được, nhưng trẫm nghĩ đến tình người thân và cũng đã biết hối cải nên cho phục lại tước Quận Công"

Ông mất ngày 23 tháng Giêng năm Ất dậu (9.3.1885), thọ 57 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ông ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Dương Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên) (về sau dời về Phú Nhơn, Thành Nội, Huế).

Ông có 15 con trai và 9 con gái. Con thứ 4 là Nguyễn Phúc Hồng Hân được tập phong Kỳ Ngoại Hầu, rồi ra làm quan thăng dần đến Tham tri bộ binh, lại chuyển quan làm Tuần vũ tỉnh Quảng Trị, về sau bị tội nên giáng cấp.

Ông và con cháu mở ra phòng 45 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Vũ 羽 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.46A. Tảo thương chưa có tên

13.3.3.47A. NGUYỄN PHÚC MIÊN CƯ 阮福綿宮
Quảng Trạch Quận Công

Ông là con thứ 47 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Ông sinh ngày 19 tháng 9 năm Kỷ sửu (16.10.1829).

Thuở nhỏ ông rất thông minh, vừa mới lớn đã học hết kinh sử, đọc các sách của bách gia, thông suốt Thích Lão. Khi bàn luận rất rành mạch, viện dẫn chứng cớ rõ ràng. Ông rất phong lưu, nổi danh về thơ, lấy tự là Trọng Trừ, vua rất yêu thương thường ngợi khen.

Năm Canh tí (1840) ông được phong là Quảng Trạch Quận Công.

Ông mất ngày 9 tháng 3 năm Giáp dần (6.4.1854) lúc 26 tuổi, thụy Đoan Mẫn. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Phú Mỹ, Huế. Năm Ất dậu (1885) ông được thờ ở Thân Huân từ.

Khi bị bệnh ông thường ngân nga mãi câu :

*Sầu cực hốt sinh Y Lạc tưởng*
*Xuy sinh kỳ hạc tạ thi nhân*
*(Sầu lắm đột mơ miền Y Lạc*[1]
*Thổi tiêu cỡi hạc biệt người đời).*

Đến khi ông mất mọi người đều bảo là sấm thi. Sáng tác của ông để lại có Thảo Viên Thi được Tùng Thiện Vương khắc in và đề tựa.

Ông có 5 con trai, 6 con gái. Con trưởng Nguyễn Phúc Hồng Quản tập phong Kỳ ngoại hầu rồi mất.

Ông và con cháu mở ra phòng 47 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Môn 門 để đặt tên cho con cháu trong phòng. Về sau vì không có người nối dõi nên Nguyễn Phúc Hồng Tuyên con thứ 75 của Thọ Xuân Vương quá kế phòng này.

(1) Y, Lạc là tên hai con sông ở Trung Quốc. Ngày xưa Chu Linh Vương (vua nhà Chu) con là Thái tử thích thổi sáo, giả tiếng chim phụng thường đến chơi ở vùng này.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.48A. NGUYỄN PHÚC MIÊN NGÔN 阮福綿言
An Quốc Công

Ông là con thứ 48 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Ông sinh ngày 7 tháng 12 năm Kỷ sửu (1.1.1830).

Thuở nhỏ ông thông minh ham học, giỏi thơ văn. Đến lúc 20 tuổi xuất các kinh sử đều thông thuộc, sách bách gia cuốn nào cũng đọc, văn ông chải chuốt dễ thuộc, ông lấy tên tự là Hòa Phủ, hiệu Mạn Viên, đương thời danh ngang bằng với Quảng Nirh Quận Vương, vua rất thương mến, thường bảo hai ông là một cặp ngọc xinh đẹp.

Năm Canh tí (1840) ông được phong An Bình Quận Công

Ông bị bệnh mất ngày 16 tháng 9 năm Quí sửu (18.10.1853), lúc 25 tuổi. Vua nghe tin rất đau buồn, ban thụy là Cẩn Tuệ, truy tặng An Quốc Công. Tẩm ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Năm Ất dậu (1885) thờ ông ở Thân Huân từ.

Ông có viết Mạn Viên Thi Tập được Tùng Thiện Vương đề tự.

Ông có 2 con trai và 1 con gái. Con thứ hai là Nguyễn Phúc Hồng Tuấn ban đầu được tập phong, sau vì tội bán nhà thờ bất đổi sang họ mẹ, đến năm Kỷ sửu (1889) được trở lại họ, sang năm Tân mão (1891) phục lại tước Kỳ Ngoại Hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 48 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Sách 千 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.49A. NGUYỄN PHÚC MIÊN SẠ[1] 阮福綿宲
Tĩnh Gia Công

Ông là con thứ 49 của đức Thánh Tổ, mẹ là cung nhân Hồ Thị Thể. Ông sinh ngày 19 tháng 2 năm Canh dần (13.3.1830).

Năm Canh tuất (1850) ông được phong là Tĩnh Gia Quận Công.

Ông mất ngày 04 tháng 12 năm Tân sửu (13.1.1902) thọ 72 tuổi. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Kim Long (Hương Trà, Thừa Thiên).

Về sau ông được truy phong là Tĩnh Gia Công.

Ông có 9 con trai và 7 con gái.

Ông cùng con cháu mở ra phòng 49 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Nghiễm 广 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.50A. Tảo thương chưa có tên

13.3.3.51A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THANH 阮福綿青
Trấn Biên Quận Công

Ông có tự Gián Trọng, hiệu Quân Đình là con thứ 51 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Lê Thị Lộc. Ông sinh ngày 2 tháng 8 năm Canh dần (18.9.1830).

Ông vốn người yếu đuối nhiều bệnh, lúc xuất các học thư kinh, có danh về thơ, cũng thông suốt y lý. Năm Canh tí (1840) ông được phong là Trấn Biên Quận Công. Năm Mậu thân (1848) vì bỏ bê việc học, ông bị phạt mất chín tháng bổng, về sau biết hối lỗi nên vua chiếu cố. Năm Ất sửu (1865) vua se mình, cho triệu ông vào cung chẩn mạch rồi cho vào hầu ở trai cung, vua

(1) Chữ 宲 có nghĩa rộng rãi cùng âm với chữ 佐 đọc là Sạ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

cũng thường cho thăm hỏi ông. Năm đó Thọ Xuân công được lệnh làm Tôn Nhân Phủ Tả Tôn Chính có dề cử ông.

Năm Bính tí (1876) ông theo vua đi Thuận An, có phụng họa ngự chế Thuận An thi gồm 80 vận, được vua rất ngợi khen. Mùa thu năm đó vua cho hỏi về y lý thì ông đang bị bệnh, chưa trình tấu thì bệnh trở nặng, vua liền ban cho thuốc men nhưng rồi ông cũng mất. Ông mất ngày 24 tháng 12 năm Bính tí (6.2.1877) thọ 47 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ông ở Phú Xuân, (Hương Trà, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Dương Nỗ (Phú Vang, Thừa Thiên).

Bình sinh ông sáng tác có tập Quân Đình Thi Thảo.

Ông có 17 con trai và 10 con gái. Con thứ hai là Nguyễn Phúc Hồng Hàng tập phong Kỳ Ngoại Hầu, rồi làm việc ở bộ Công sau đổi làm Miếu lang coi việc cúng cấp mở miếu, về sau được thăng Kiển Hộ sứ. Con thứ ba là Nguyễn Phúc Hồng Vịnh tuổi nhỏ đã thông minh thích ngâm vịnh, có Đào Trang Thi Tập được đem khắc in, Tuy Lý Vương phải khen là con không làm hổ danh của cha. Ông này lại thông mạch lý ban đầu làm tri huyện sau đổi thành trợ giáo rồi lãnh hàm Thị giảng mà về hưu.

Con thứ năm Nguyễn Phúc Hồng Thuyền nhậm hàm Hàn Lâm Viện Kiểm Thảo.

Ông và con cháu mở ra phòng 51 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Chu 舟 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.52A. NGUYỄN PHÚC MIỄN TỈNH[1] 阮福綿寔
Điện Quận Công

Ông là con thứ 52 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Ông sinh ngày 26 tháng 9 năm Canh dần (11.11.1830).

Lúc còn hoàng tử ông học hành giỏi, thông suốt kinh sách nên được vua khen thưởng. Năm Canh tí (1840) ông được phong là Điện Quốc Công.

Ông mất ngày 17 tháng 2 năm Canh ngọ (18.3.1870) thọ 41 tuổi, thụy Cung Nhã. Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Dương Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên) (sau dời về Phú Mỹ, Huế).

Ông có 10 con trai và 7 con gái. Con thứ là Nguyễn Phúc Hồng Dư tập phong Điện hương hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 52 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Điền 田 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.53A. NGUYỄN PHÚC MIỄN SỦNG 阮福綿寵
Tuy Biên Quận Công

Ông là con thứ 53 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Nguyễn Thị Viên. Ông sinh ngày 26 tháng 2 năm Tân mão (8.4.1831).

Thuở nhỏ ông chăm học, biết giữ lễ. Năm Canh tí (1840) ông được phong là Tuy Nhân Quận Công. Năm Nhâm dần (1842) cải phong là Tuy Biên Quận Công.

Ông mất ngày 3 tháng 7 năm Ất sửu (23.7.1865), lúc 35 tuổi, thụy Cẩn Mục. Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Năm Phố (Phú Vang, Thừa Thiên).

(1) Chữ này có nghĩa "tỏ rõ", đồng âm với tên của hoàng tử thứ 43.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông có 4 con trai và 2 con gái. Con trưởng Nguyễn Phúc Hồng Siêu tập phong Kỳ Ngoại Hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 53 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Phong 風 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.54A. NGUYỄN PHÚC MIỄN NGỎ 阮福綿喜
Quế Sơn Quận Công

Ông là con thứ 54 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Nguyễn Thị Nhạc. Ông sinh ngày 29 tháng 4 năm Tân mão (9.6.1831).

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Quế Sơn Quận Công.

Ông mất ngày 22 tháng 7 năm Quí dậu (13.9.1873), lúc 43 tuổi, thụy Cung Lượng. Tâm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở An Ninh Thượng (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 7 con trai và 5 con gái. Con trai thứ năm Nguyễn Phúc Hồng Đích tập phong Kỳ Ngoại Hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 54 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Hắc 黑 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.55A. NGUYỄN PHÚC MIỄN KIỂN[1] 阮福綿宴
Phong Quốc Công

Ông là con thứ 55 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí Nhân Lê Thị Lộc. Ông có tự là Trọng Cung, sinh ngày 23 tháng 8 năm Tân mão (28.9.1831). Lúc xuất các học thong kinh sử, giỏi văn từ được vua thương yêu. Năm Bính ngọ (1846) được phong là Phong Quốc Công.

Năm Mậu thân (1848) bỏ bê việc học bị phạt mất bổng, nên sinh ra phẫn hận đóng cửa đọc sách, hết mình trong việc học hành. Năm Giáp dần (1854) vua đến nhà Thái học, ông theo hổ giá có dâng Thị học thi được vua ngợi khen cho chép vào Tích Ung Canh Ca Hội Tập.

Ông mất ngày 26 tháng 6 năm Giáp dần (20.7.1854), lúc 24 tuổi, thụy Hoằng Nhã. Tâm ở Dương Xuân Hạ (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Vĩ Dã (Phú Vang, Thừa Thiên).

Ông có 7 con trai, 4 con gái. Con trưởng Nguyễn Phúc Hồng Thông tập phong Hương Hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 55 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Nhĩ 耳 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.56A. NGUYỄN PHÚC MIỄN MIỀU[2] 阮福綿廟
Trấn Định Quận Công

Ông nguyên có tên Nguyễn Phúc Miên Cầu 寀 về sau đổi thành Nguyễn Phúc Miên Miêu (1) là con thứ 56 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Nguyễn Thị Hạnh. Ông sinh ngày 1 tháng 12 năm Tân mão (3.1.1832). Thuở nhỏ chịu khó học hành, biết giữ lễ độ nên năm Canh tí (1840) ông được phong Trấn Định Quận Công.

Ông mất ngày 1 tháng 5 năm Ất sửu (25.5.1865), lúc 35 tuổi, thụy Đôn Ý. Tâm ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Trường Sùng Nội (Hương Trà, Thừa Thiên).

(1) Chữ này dùng thông nghĩa với chữ ; kiến có nghĩa "bền chặc"

(2) Chữ này cổ tự của chữ 苗 có nghĩa "mầm non". Tên "Cầu" bị đổi vì phạm tên húy của bà Ngọc Cầu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông có 3 con trai, 2 con gái. Trưởng tử là Nguyễn Phúc Hồng Chuyên ban đầu tập phong, sau bị tội cách mất tước đổi sang họ mẹ. Năm Kỷ sửu (1889) mới được khai phục nguyên tước. Cháu của ông là Nguyễn Phúc Ưng Chân tập phong Tá Quốc Khanh.

Ông và con cháu mở ra phòng 56 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Ngõa 瓦 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.57A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LÂM 阮福綿淋
Hoài Đức Quận Vương

Ông là con thứ 57 của đức Thánh Tổ, mẹ là Lệ tần Nguyễn Thị Điện. Ông sinh ngày 18 tháng 12 năm Tân mão (20.1.1832).

Năm Bính ngọ (1846) ông được phong Hoài Đức Quận Công. Năm Giáp thân (1884) ông được sung làm Tôn Nhân Phủ Tả Tôn Nhân. Lúc vua Hàm Nghi lên nối ngôi ông dời làm Tôn nhân phủ Hữu tôn chính sung Phụ chính thân thần. Ông tham dự triều chính gặp lúc vận nước khó khăn nhưng biết khiêm cung tự chế để vượt qua những trở ngại. Năm Ất dậu (1885) ông được phong là Lạc Quốc Công. Mùa thu năm đó tấn phong ông là Hoài Đức Công sung chức Tôn Nhân Phủ Hữu Tôn Chính.

Năm Kỷ sửu (1889) Thành Thái nguyên niên ông sung làm phụ chính thân thần. Khi nắm quyền hành ông hết sức công bình, siêng năng, tuân giữ phép nước.

Mùa thu năm Giáp ngọ (1894) ông được tấn phong Hoài Đức Quận Vương.

Ông mất ngày 5 tháng 12 năm Đinh dậu (28.12.1897), thọ 67 tuổi, thụy Đoan Cung. Tẩm ở Dương Xuân, Hương Thủy, Thừa Thiên. Nhà thờ ở phường Đệ Lục (Hương Trà, Thừa Thiên) (nay thuộc phường Phú Cát, Huế)

Ông vốn tính trung hậu, khiêm cung, giữ gìn phép tắc. Khi nắm việc cai quản họ hàng ông thành công trong việc giáo huấn con em tuân giữ phép nước, nên ông được ân sủng của triều đình suốt đời.

Ông có 11 con trai và 9 con gái.

Ông và con cháu mở ra phòng 57 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Cung 弓 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.58A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TIỆP 阮福綿寔
Duy Xuyên Quận Công

Ông là con thứ 58 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Nguyễn Thị Viên. Ông sinh ngày 23 tháng 7 năm Nhâm thìn (18.8.1832).

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Duy Xuyên Quận Công.

Ông mất ngày 27 tháng 10 năm Tân mùi (9.12.1871), lúc 40 tuổi, thụy Huệ Mục. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở ấp Trường Súng Nội (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 5 con trai và 8 con gái. Con trưởng Nguyễn Phúc Hồng Chí ban đầu được tập phong, rồi bị tội mất tước, hết thời gian chịu tội trở về làm công tử. Con thứ hai Nguyễn Phúc Hồng Đề tập phong Tá quốc khanh.

Ông và con cháu mở ra phòng 58 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Kiến 見 để đặt tên cho con cháu trong phòng.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.59A. NGUYỄN PHÚC MIÊN VĂN[1] 阮福綿寪
Cẩm Giang Quận Công

Ông là con thứ 59 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Đỗ Thị Tâm. Ông sinh ngày 5 tháng 9 năm Nhâm thìn (28.9.1832)

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Cẩm Giang Quận Công.

Ông mất ngày 13 tháng 7 năm Ất mùi (1.9.1895), thọ 64 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở Bình An (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở ấp Đông Trì Tả (Hương Trà, Thừa Thiên) (nay là Phú Hiệp, Huế).

Ông có 10 con trai và 2 con gái.

Ông và con cháu mở ra phòng 59 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Xí 嵩 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.60A. NGUYỄN PHÚC MIÊN UYỂN 阮福綿宛
Quảng Hóa Quận Công

Ông là con thứ 60 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hiến phi Ngô Thị Chỉnh. Ông sinh ngày 23 tháng 12 năm Nhâm thìn (12.2.1833).

Năm Canh tí (1840) ông được phong Quảng Hóa Quận Công.

Ông mất ngày 23 tháng 10 năm Quí tỵ (30.11.1893), được 62 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Phú Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 2 con trai và 7 con gái.

Ông và con cháu mở ra phòng 60 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Tẩu 走 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.61A. NGUYỄN PHÚC MIÊN ỔN 阮福綿寧
Nam Sách Quận Công

Ông là con thứ 61 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Nguyễn Thị Hạnh. Ông sinh ngày 24 tháng 1 năm Quí tị (15.3.1833).

Năm Canh tuất (1850) ông được phong là Nam Sách Quận Công.

Ông mất ngày 7 tháng 1 năm Ất mùi (1.2.1895), thọ 63 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở Kim Long (Hương Trà, Thừa Thiên) Nhà thờ ở Trường Súng (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 8 con trai và 4 con gái.

Ông và con cháu mở ra phòng 61 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Giác 角 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.62A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRỤ 阮福綿宙

Ông là con thứ 62 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Trần Thị Tiến. Ông sinh ngày 5 tháng 2 năm Quí tị (25.3.1833)

Ông mất ngày 27 tháng 7 năm Tân sửu (12.9.1841), được 9 tuổi. Tẩm ở Bình An (Hương Thủy, Thừa Thiên). Ông được thờ ở Triền Thân từ.

---

(1) Trong Khang Hi tự điển chữ này đồng âm với chữ Văn 晚 là buổi chiều tối. Người sau đọc theo âm của chữ ở dưới bộ Miên thành ra "Miễn" là sai.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.63A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KHÊ 阮福綿契

Ông là con thứ 63 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Đỗ Thị Cương. Ông sinh ngày 25 tháng 2 năm Quí tị (14.4.1833)

Ông mất ngày 4 tháng 12 năm Mậu tuất (18.1.1839), được 6 tuổi. Tẩm ở Bình An (Hương Thủy, Thừa Thiên). Ông được thờ ở Triển Thân từ.

13.3.3.64A. NGUYỄN PHÚC MIÊN NGỤ 阮福綿寓

Ông là con thứ 64 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Lê Thị Lộc. Ông sinh ngày 10 tháng 3 năm Quí tị (29.4.1833).

Lúc nhỏ thông minh hơn người lại ham học, hằng ngày chỉ lo việc bút nghiên sách vở, vừa mới lớn thì bị tang mẹ nên quá đau buồn rồi bị bệnh đậu mùa mà mất cách mẹ mất 13 ngày.

Ông mất ngày 4 tháng 2 năm Đinh mùi (20.3.1847), lúc 15 tuổi.

Tẩm ở An Cựu (Hương Thủy, Thừa Thiên). Năm Đinh mão (1867) ông được thờ ở Triển Thân từ, đến năm Ất dậu (1885) được thờ ở Thân Huân từ.

Ông chưa có gia thất, vì mất sớm nên không ban thụy.

13.3.3.65A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TÀ 阮福綿寫
Trấn Quốc Công

Ông là con thứ 65 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Cao Thị Diệu. Ông sinh ngày 18 tháng 4 năm Quí tị (5.6.1833).

Thuở nhỏ ông thông minh ham học, năm Canh tuất (1850) được phong là Trấn Ninh Quận Công.

Năm Bính tuất (1886) ông được phong Trấn Quốc Công.

Ông mất ngày 8 tháng 7 năm Kỷ sửu (4.8.1889), thọ 57 tuổi.

Tẩm ở An Cựu (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Phú Hội, Huế.

Ông có 1 con trai và 1 con gái.

Ông và con cháu lập nên phòng 65 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Mạch 派 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.66A. NGUYỄN PHÚC MIÊN TRIỆN 阮福綿宸
Hoằng Hóa Quận Vương

Ông là con thứ 66 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Trần Thị Thanh. Ông sinh ngày 3 tháng 6 năm Quí tị (19.7.1833).

Năm Canh tuất ông được phong là Triệu Phong Quận Công

Năm Mậu dần (1878) ông được phong là Quỳnh Quốc Công

Năm Quí mùi (1883) ông được phong là Hoằng Hóa Công. Tháng 11 năm này ông phải tội bị giáng xuống làm Hoằng Hóa Hương Công. Đến tháng 10 năm Ất dậu (1885) được phục lại tước Quận Công.

Năm Kỷ sửu (1889) Thành Thái nguyên niên ông phụng mệnh dẫn phái đoàn sang Pháp. Dưới triều Thành Thái ông được phong tặng dần đến tước Hoằng Hóa Quận Vương.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 4 tháng 4 năm Ất tỵ (7.5.1905) thọ 73 tuổi. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở phường Phú Cát, Huế.

Ông có 1 con gái là Nguyễn Phúc Đồng Canh (tự Quý Lương, hiệu Đạm Phương Nữ Sử). Vì không có người nối dõi nên về sau con thứ 42 của Thọ Xuân Vương là Nguyễn Phúc Hồng Du quá kế (đổi tên là Hồng Hậu).

Ông lập nên Phòng 66 và được ngự chế ban bộ Hán 丁 để đặt tên cho con cháu.

13.3.3.67A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THẤT 阮福綿室

Ông là con thứ 67 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Ông sinh ngày 24 tháng 6 năm Giáp ngọ (30.7.1834), ông mất ngày 22 tháng 5 năm Đinh dậu (24.6.1837), lúc 4 tuổi. Tẩm ở Bình An (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.68A. NGUYỄN PHÚC MIÊN BẢO[1] 阮福綿寀
Tân An Quận Công

Ông là con thứ 68 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Ông sinh ngày 29 tháng 3 năm Ất mùi (26.4.1835).

Thuở nhỏ ông tính tình thận trọng lại hiếu học nên được vua chiếu cố. Lúc Hiến Tổ Hoàng Đế nối ngôi ông càng được sủng ái. Năm Quí mão (1843) ông được phong là Tân An Quận Công.

Ông mất ngày 19 tháng 6 năm Giáp dần (13.7.1854), lúc 20 tuổi thụy Tuệ Mục. Tẩm ở Dương Xuân Hạ (Hương Thủy, Thừa Thiên). Năm Đinh mão (1867) thờ ông ở Triển Thân từ. Đến năm Ất dậu (1885) đưa ông về thờ ở Thân Huân từ.

Phòng 68 này được ban bộ Vi 口 để đặt tên cho con cháu.

13.3.3.69A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KHÁCH 阮福綿客
Bảo An Quận Công

Ông là con thứ 69 của đức Thánh tổ, mẹ là Quí nhân Đỗ Thị Tâm. Ông sinh ngày 9 tháng 4 năm Ất mùi (6–5–1835).

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong Bảo An Quận Công

Ông mất ngày 5 tháng 11 năm Mậu ngọ (9.12.1858), lúc 24 tuổi, thụy Ôn Mẫn. Tẩm ở Dương Xuân Hạ (Hương Thủy, Thừa Thiên.)

Ông có 2 con trai và 2 con gái đều mất sớm. Năm Đinh mão (1867) ông được thờ ở Triển Thân tiền từ. Đến năm Ất dậu (1885) được đưa về thờ ở Thân Huân từ. Sau đó lập nhà thờ ở Dương Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên) để thờ ông. Đến năm Kỷ sửu (1889) chuẩn cho người con trai thứ 5 của phòng thứ 72 thuộc đệ nhị chính hệ (Phòng Kiến Phong Quận Công) là Nguyễn Phúc Hồng Ngai đổi tên thành Nguyễn Phúc Hồng Ích để nối dõi ông, và cho tập phong tước Kỳ Ngoại Hầu.

Phòng 69 này được ngự chế ban cho bộ Mãnh 皿 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.70A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THÍCH[2] 阮福綿寔
Hậu Lộc Quận Công

Ông là con thứ 70 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Trần Thị Nhã. Ông sinh ngày 29 tháng 7 năm Ất mùi (21.9.1835)

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Hậu Lộc Quận Công.

(1) Chữ này phiên thiết bát 博 + bão 抱 đọc : Bảo

(2) Theo Khang Hy tự điển từ này phiên thiết là Thương 倉 + 曆 Lịch, đọc Thích.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông mất ngày 16 tháng 12 năm Tân tị (4.2.1882), thọ 47 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở Thanh Thủy (Hương Thủy, Thừa Thiên) (sau dời về núi Chóp Vung rồi lại dời về Thiên An, Thừa Thiên). Nhà thờ ở An Cựu (Hương Thủy, Thừa Thiên) (sau dời về Phú Mỹ, Huế rồi dời về Bao Vinh, Huế, từ năm 1962 dời về thờ ở 90 Lam Sơn, Huế).

Ông có 13 con trai và 7 con gái. Trưởng tử Nguyễn Phúc Hồng Xứ tập phong Kỳ ngoại hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 70 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Hổ 虎 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.71A. NGUYỄN PHÚC MIỄN ĐIỀU 阮福綿窕
Kiến Hòa Quận Công

Ông là con thứ 71 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Bùi Thị San. Ông sinh ngày 27 tháng 12 năm Ất mùi (13.2.1836).

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Kiến Hòa Quận Công

Ông mất ngày 12 tháng 6 năm Tân mão (17.7.1891), thọ 57 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở An Cựu Tây (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông có 14 con trai và 10 con gái. Con thứ là Nguyễn Phúc Hồng Tiến lúc đầu được tập phong sau vì buông thả, không giữ lễ nên bị tước tịch.

Ông và con cháu mở ra phòng 71 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Qua 戈 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.72A. NGUYỄN PHÚC MIỄN HOANG 阮福綿宏
Kiến Phong Quận Công

Ông là con thứ 72 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Đỗ Thị Tâm. Ông sinh ngày 6 tháng 4 năm Bính thân (20.5.1836).

Thuở nhỏ tính tình ông thận trọng, chăm lo việc học. Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Kiến Phong Quận Công.

Ông mất ngày 7 tháng 6 năm Mậu tí (15.7.1888), thọ 53 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở Trảm Bái (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Xuân An (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 12 con trai và 9 con gái. Con thứ tư Nguyễn Phúc Hồng Tước tập phong Kỳ Ngoại Hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 72 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Bạch 白 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.73A. NGUYỄN PHÚC MIỄN CHÍ 阮福綿祩
Vĩnh Lộc Quận Công

Ông là con thứ 73 của đức Thánh Tổ, mẹ là Lệ tần Nguyễn Thị Điện. Ông sinh ngày 10 tháng 8 năm Bính thân (20.9.1836).

Năm Nhâm tí (1850) ông được phong là Vĩnh Lộc Quận Công

Ông mất ngày 16 tháng 11 năm Mậu tí (18.12.1888) thọ 53 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở An Cựu (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở An Quán (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 13 con trai, 18 con gái. Con thứ hai Nguyễn Phúc Hồng Cạnh tập phong Kỳ Ngoại Hầu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ông và con cháu mở ra phòng 73 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Lập 立 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.74A. NGUYỄN PHÚC MIÊN THÂN 阮福綿宸
Phù Cát Quận Công

Ông là con thứ 74 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Ông có tên tự Trọng Chí, hiệu Trúc Viên, sinh ngày 18 tháng 6 năm Đinh dậu (20.7.1837).

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Phù Cát Quận Công

Ông mất ngày 17 tháng 7 năm Ất Hợi (17.8.1875) được 39 tuổi, thụy Cung Lượng. Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Bao Vinh (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 4 con trai và 6 con gái. Con thứ 3 Nguyễn Phúc Hồng Trạch tập phong Kỳ Ngoại Hầu.

Ông và con cháu mở ra phòng 74 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Vi 韋 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.75A. NGUYỄN PHÚC MIÊN KỶ 阮福綿寄
Cẩm Xuyên Quận Vương

Ông là con thứ 75 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Nguyễn Thị Xuân. Ông sinh ngày 11 tháng 3 năm Mậu tuất (5.4.1838).

Thuở nhỏ lúc còn hoàng tử về học và hạnh của ông đều được vua ngợi khen. Năm Kỷ mùi (1859) ông được phong là Cẩm Xuyên Quận Công

Năm Mậu dần (1878) nhân Ngũ tuần đại khánh của vua Dực Tông, vua thấy ông cùng với Văn Lãng Quận Công đều là những bậc thân thần giỏi văn chương nên tấn phong ông là Cẩm Quốc Công.

Ông mất ngày 24 tháng 10 năm Tân tị (15.12.1881) thọ 44 tuổi, thụy Cung Mục. Tẩm ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Vi Dã (Phú Vang, Thừa Thiên).

Ông có 7 con trai, 13 con gái. Con thứ hai Nguyễn Phúc Hồng Thỏa tập phong Hương Hầu rồi bổ dụng làm quan thăng dần đến chức Chưởng vệ thự Đề đốc tỉnh Thanh Hóa, sau về Kinh làm Thống chế Binh nhất vệ rồi sung chức Hộ Lăng.

Về sau ông được truy phong Quận Vương.

Ông và con cháu mở ra phòng 75 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Thân 身 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

13.3.3.76A. NGUYỄN PHÚC MIÊN BÀNG[1] 阮福綿穷
An Xuyên Vương

Ông là con thứ 76 của đức Thánh Tổ, mẹ là Lệ tần Nguyễn Thị Điện. Ông sinh ngày 13 tháng 4 nhuận năm Mậu tuất (5.6.1838).

Năm Mậu ngọ (1858) ông được phong là An Xuyên Quận Công

Năm Ất dậu (1885) ông được gia phong làm Xuyên Quốc Công, giữ chức Hữu tôn nhân ở Tôn nhân phủ.

Năm Nhâm thìn (1892) can vào việc lính hầu chết đuối nên ông bị giáng xuống làm Quận Công. Đến tháng 8 năm Quí tị (1893) mới được phục tước Quốc Công.

(1) Chữ này là chữ cổ của chữ 穷 Bàng. Người sau không rõ đọc theo âm chữ Phương dưới bộ Miên.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Bính thân (1896) ông được phong là An Xuyên Công. Đến tháng giêng năm Đinh dậu (1897) ông kiêm nhiếp Tả Tôn Nhân ở Tôn nhân phủ. Đến tháng 2 năm Mậu tuất (1898) ông được phong là An Xuyên Quận Vương

Ông mất ngày 16 tháng 7 năm Nhâm dần (19.8.1902), thọ 65 tuổi, thụy Đoan Trang. Tẩm ở Thanh Thủy Thượng, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ ở Dương Xuân (Hương Trà, Thừa Thiên).

Tháng 8 năm Nhâm dần (1902) ông được truy tặng An Xuyên Vương.

Ông có 9 con trai, 6 con gái.

Ông và con cháu mở ra phòng 76 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Bì 皮 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.77A. NGUYỄN PHÚC MIÊN SÁCH 阮福綿寀

Ông là con thứ 77 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Ông sinh ngày 6 tháng 11 năm Kỷ hợi (11–12–1839).

Ông mất ngày 20 tháng 12 năm Ất mão (27–1–1856), lúc 17 tuổi. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

### 13.3.3.78A. NGUYỄN PHÚC MIÊN LỊCH 阮福綿瀝
An Thành Vương

Ông là con thứ 78 của đức Thánh Tổ, mẹ là Lệ tần Nguyễn Thị Điện. Ông sinh ngày 23 tháng 3 nhuận năm Tân sửu (13.5.1841).

Năm Mậu ngọ (1858) ông được phong là An Thành Quận Công

Sau đó ông được gia phong dần đến Quận Vương.

Ông mất ngày 13 tháng 9 năm Kỷ mùi (5.11.1919), thọ 79 tuổi. Tẩm ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên). Nhà thờ hiện ở Phú Cát, Huế.

Sau khi mất ông được truy tặng là An Thành Vương.

Ông có 8 con trai và 6 con gái.

Ông và con cháu mở ra phòng 78 thuộc đệ nhị chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Kim 金 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 13.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC NGỌC TÔNG 阮福玉琮

Bà là trưởng nữ của đức Thánh Tổ, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính. Bà sinh ngày 9 tháng 6 năm Nhâm thân (17.7.1812), mất ngày 5 tháng 3 năm Giáp thân (3.4.1824) lúc 13 tuổi, thụy An Tĩnh. Tẩm ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Ban đầu thờ bà ở Triển thân từ, đến mùa thu năm Ất dậu (1885) đưa đến thờ ở Thân Huân từ.

### 13.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC KHUÊ GIA 阮福珪嘉
An Phú Công Chúa

Ban đầu bà có tên là Chương Gia sau đổi thành Khuê Gia là con gái thứ 2 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính. Bà sinh ngày 17 tháng 7 năm Quí dậu (12.8.1813).

Thuở bé tính bà hiền lành, dễ bảo. Năm Quí tị (1833) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Văn Túc, người Tân Hòa, Gia Định, (con trai của thự Tả quân Đô thống Chưởng phủ sự Lương văn hầu Nguyễn Văn Hiếu).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Ất tị (1845) Nguyễn Văn Túc mất.

Năm Giáp dần (1854) bà được phong là An Phú Công Chúa.

Bà mất ngày 4 tháng 4 năm Ất sửu (28.4.1865), thọ 53 tuổi, thụy Trung Tín. Tẩm ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 3 con trai và 3 con gái.

### 13.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC UYỂN DIỄM. 阮福琬琰
Lộc Thành Công Chúa

Bà là con gái thứ 3 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính. Bà sinh năm Ất hợi (1815).

Thuở bé bà tính tình dịu dàng, biết lo lắng. Năm Quí tị (1833) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy được tập phong Hoài bầu tên Vũ Văn Mỹ, người Bình Dương Gia Định, (con trai của Khinh xa Đô úy Vũ Khánh, cháu nội của Hoài Quốc Công Vũ Tính)

Bà mất ngày 18 tháng 7 năm Bính thân (29.8.1836) được 22 tuổi phong tặng là Lộc Thành Công Chúa, thụy Đoan Khiết.

Công chúa có 1 con gái.

### 13.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG ĐỨC 阮福良德
An Thường Công Chúa

Bà là con thứ 4 của đức Thánh Tổ, mẹ là Mỹ nhân Nguyễn Thị Bân. Bà sinh ngày 13 tháng 6 năm Đinh sửu (26.7.1817). Ban đầu bà có tên Tam Xuân sau được vua ban cho tên này.

Bà thuở nhỏ thông minh biết lo lắng công việc nên được vua rất thương yêu. Năm chín tuổi sinh mẫu bị bệnh, gặp tiết Vạn thọ các hoàng nữ đều được vào hầu cơm vua, gặp lúc đại thần dâng dản sâm, vua chia cho các Hoàng nữ ăn. Đến lượt bà thì ngậm trong miệng không nuốt. Vua lấy làm lạ hỏi, bà liền bước ra khỏi chiếu thưa rằng : "mẹ con bị bệnh không được hưởng ân trạch, nghe nói thức ăn này rất bổ nên con để dành lại cho mẹ". Vua ngợi khen mãi, để dành riêng một đĩa để bà đem về cho mẹ.

Khi bà hơi lớn được vua cho ra ở điện Trinh Minh, khiến nữ quan dạy thư, sử, nữ công. Bà học rất tấn bộ. Mùa hạ năm Mậu tí (1828) nữ tì ở điện Trinh Minh bất cẩn để lửa cháy đến màn trướng, bà kinh hãi trở dậy gọi gấp người trong ban trực, rồi tự thân đôn đốc dập tắt lửa. Lúc đó vua từ Thuận An trở về, nghe được chuyện khen ngợi và ban cho bà 3 lạng vàng. Trong cung từ của Thọ Xuân Vương có câu :

*"Vương cơ bất tác phi lai trĩ*
*Bác đắc An Thường mãn tụ kim"*
*(Vương cơ[1] vội tụ đến ngay*
*Thấy vàng đầy ắp trên tay An Thường)*

là để chỉ chuyện trên.

Năm Giáp ngọ (1834), vua tuần du phương Nam sai bà vào hầu ở cung Từ Thọ (nơi đức Thuận Thiên Hoàng Hậu ở). Bà vào chầu hôm sớm nét mặt luôn luôn vui tươi nên đức Từ rất hài lòng. Khi hồi loan vua thưởng bà một thẻ bài bạch ngọc màu mỡ đê.

(1) Vương cơ là từ dùng để chỉ các Công chúa con vua.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Giáp ngọ (1834) gặp tang mẹ, bà quá đau buồn chẳng buồn trang điểm, hết lòng lo lắng việc tang. Năm Canh tí (1840) Thánh Tổ se mình bà tự thân nấu cháo sắc thuốc, sớm tối dâng lên hầu hạ không biết mệt cho đến khi vua thăng hà. Trong 3 năm để tang cha bà không hề cười.

Năm Tân sửu (1841) bà lấy chồng là Phan Văn Oánh, con thứ của Đô Thống Phủ Chưởng Phủ Sự Chương Nghĩa Hầu Phan Văn Thúy. Sau khi về nhà chồng, tình cảm lứa đôi rất khắn khít, bà chẳng cậy mình là con vua, lo thờ mẹ chồng nuôi con, giữ gìn đúng phép tắc chốn khuê môn.

Năm Mậu thân (1848) bà được phong là An Thường Công Chúa.

Năm Nhâm tuất (1862) phò mã Phan Văn Oánh mất, bà dâng sớ xin xây sinh phần để lo việc hợp táng về sau.

Năm Ất dậu (1885) bà đang trực tại điện Hiếu Từ thì nghe tin có biến ở Kinh thành[1], bà lạy khóc rồi lánh trốn đến Hiếu Lăng. Ở lăng lính canh đều bỏ trốn hết, bà vào trong thấy các tự khí vất bỏ bừa bãi, bà lớn tiếng khóc và ở lại lăng mà không chịu đi. Đến lúc Tam Cung[2] trở về bà theo hầu cận một bên. Khi vua Cảnh Tông tức vị bà mới chịu trở về lại phủ.

Lúc về già bà mộ đạo Phật, lấy biệt hiệu Thanh Từ. Khi Tôn nhân phủ để nghị xin thưởng cho bà tấm biển "Hiếu hạnh khả phong" thì bàn bạc với nhau rằng chốn nhà vua cầm đầu phong hóa trong nước, không thể y theo lệ dân thường được, nên bãi bỏ việc đó.

Bà mất ngày 6 tháng 4 năm Tân mão (13.5.1891), thọ 75 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm của bà ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 4 con trai, 4 cháu nội và 5 chắt nội. Con trưởng của bà tên Huy được tập ấm Hiệu Úy.

### 13.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC QUANG TỊNH 阮福光靜
Hương La Công Chúa

Bà là con thứ 5 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Lương Thị Nguyện. Bà sinh năm Đinh sửu (1817).

Thuở bé bà thông minh, kín đáo đỉu dàng, năm Quí mão (1843) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Hoàng Kế Viêm người huyện Phong Lộc, Quảng Bình (con trai của Hiệp Biện Đại Học sĩ Hoàng Kim Sán).

Lấy chồng được 1 năm thì bà mất. Bà mất ngày 17 tháng 10 năm Giáp thìn (26.11.1844), lúc 28 tuổi, được tặng là Hương La Công Chúa thụy Huy Mẫn.

Tẩm của bà ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 1 con trai nhưng mất khi mới sinh. Phò mã Hoàng Kế Viêm làm quan thăng đến chức Đông Các Đại Học sĩ rồi về hưu.

### 13.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC HÒA THỤC 阮福和淑
Vĩnh An Công Chúa

Bà là con gái thứ 6 của đức Thánh Tổ, mẹ là Qui nhân Cái Thị Trinh. Bà sinh ngày 3 tháng 6 năm Mậu dần (5.7.1818).

---

(1) tức biến cố vào ngày 23 tháng 5 năm Ất dậu, quân Pháp tấn công Kinh thành Huế

(2) Tam cung chỉ ba bà ở trong cung là Từ Dũ Hoàng Thái Hậu, Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu và Học Phi Nguyễn Thị Hương.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Quí mão (1843) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Trường, người Bình Dương, Gia Định (con trai của Thị vệ Nguyễn Văn Lộc).

Năm Giáp dần (1854) bà được phong là Vĩnh An Công Chúa.

Năm Đinh mão (1867) Phò mã Nguyễn Trường mất.

Bà mất ngày 20 tháng 10 năm Quí tị (27.11.1893), thọ 76 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm của bà ở Nguyệt Biểu (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 2 con trai và 2 con gái.

13.3.3.7B. NGUYỄN PHÚC TRINH ĐỨC 阮福貞德
An Trang Công Chúa

Bà là con gái thứ 7 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Trần Thị Tiềm. Bà sinh năm Mậu dần (1818).

Năm Quí mão (1843) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Trần Văn Thạnh, người Bình Dương, Gia Định (con của Thị lang bộ Công Trần Văn Tính).

Năm Giáp dần (1854) bà được phong là An Trang Công Chúa.

Bà mất ngày 18 tháng 8 năm Quí hợi (30.9.1863), thọ 45 tuổi, thụy Trang Thuận.

Tẩm của bà ở Nguyệt Biểu (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Kỷ mão (1879) phò mã Trần Văn Thạnh mất.

Bà có 2 con gái.

13.3.3.8B. NGUYỄN PHÚC NHU THUẬN 阮福柔順
Phong Hòa Công Chúa

Bà là con gái thứ 8 của đức Thánh Tổ, mẹ là An tần Hồ Thị Tùy. Bà sinh ngày 27 tháng 3 năm Kỷ mão (21.4.1819).

Bà mất ngày 23 tháng 9 năm Canh tí (18.10.1840), lúc 22 tuổi, phong là Phong Hòa Công Chúa, thụy Đoan Diễm

Tẩm của bà ở Cư Chính (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ban đầu bà được thờ ở Triển Thân từ, đến năm Ất dậu được đưa về thờ ở Thân Huân từ.

13.3.3.9B. NGUYỄN PHÚC NHU THỤC 阮福柔淑
An Cát Công Chúa

Bà là con gái thứ 9 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Bà sinh ngày 29 tháng 10 năm Kỷ mão (16.12.1819).

Năm Quí mão (1843) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Phú, người Tống Sơn, Thanh Hóa, (con trai của Chưởng Phủ sự Tân Long Hầu Nguyễn Xuân).

Năm Kỷ dậu (1849) Phò mã Nguyễn Phú mất.

Năm Giáp dần (1854) bà được phong là An Cát Công Chúa.

Năm Bính tuất (1886) bà mất, thọ 68 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm của bà ở Nguyệt Biểu (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 1 con trai và 2 con gái.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.10B. NGUYỄN PHÚC ĐOAN THUẬN 阮福端順
Định Mỹ Công Chúa

Bà là con gái thứ 10 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Trần Thị Nghiêm. Bà sinh ngày 12 tháng 7 năm Canh Thìn (20.8.1820).

Năm Nhâm dần (1842) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Đỗ Tài người Tân Long, Gia Định (con trai của Thống chế Đỗ Quí).

Năm Kỷ dậu (1849) Phò mã Đỗ Tài mất.

Bà mất ngày 3 tháng 5 năm Giáp dần (29.5.1854)[1], lúc 35 tuổi, phong tặng là Định Mỹ Công Chúa, thụy Nhu Tĩnh.

Tẩm của bà ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ban đầu bà được thờ ở Triển Thân từ, đến năm Ất dậu (1885) đưa về thờ ở Thân Huân từ.

13.3.3.11B. NGUYỄN PHÚC ĐOAN TRINH 阮福端貞
Phú Mỹ Công Chúa

Bà là con thứ 11 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Nguyễn Thị Trường. Bà sinh ngày 23 tháng 4 năm Tân tị (24.5.1821).

Năm Ất tị (1845) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Đoàn Văn Tuyển người Đông Xuyên, An Giang (con trai của Tiền phong Dinh đô thống Đoàn Văn Sách).

Năm Quí hợi (1863) Phò mã Đoàn Văn Tuyển mất.

Năm Canh ngọ (1870) bà được phong là Phú Mỹ Công Chúa.

Bà mất ngày 15 tháng 11 năm Kỷ hợi (17.12.1899), thọ 79 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm bà ở Trúc Lâm (Hương Trà, Thừa Thiên).

Bà có 1 con trai và 5 con gái.

13.3.3.12B. NGUYỄN PHÚC VĨNH GIA 阮福永嘉
Phương Duy Công Chúa

Bà là con thứ 12 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Cái Thị Trinh. Bà sinh năm Tân tị (1821).

Năm Ất tị (1845) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Lê Tăng Mậu người Bảo Hựu, Vĩnh Tường, (con của Thiếu bảo Ân quang tử Lê Văn Đức).

Bà mất ngày 29 tháng 11 năm Kỷ dậu (11.1.1850), được 29 tuổi, thụy Uyên Diễm.

Tẩm bà ở Trúc Lâm (Hương Trà, Thừa Thiên).

Năm Quí sửu (1853) Phò mã Lê Tăng Mậu mất.

Bà có 2 con trai và 2 con gái.

Năm Giáp dần (1854) thờ bà tại Triển Thân hậu từ, đến năm Ất dậu (1855) đưa về thờ ở Thân Huân từ.

(1) Theo Phả của Phòng Hà Thanh Quận Công chép bà mất năm Ất mão, lúc 36 tuổi, ở đây chép theo Liệt truyện.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.13B. NGUYỄN PHÚC ĐOAN THẬN 阮福端慎
Tân Hòa Công Chúa

Bà là con gái thứ 13 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Lương Thị Nguyện. Bà sinh ngày 10 tháng 12 năm Tân tị (2.1.1822).

Năm Ất tị (1845) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Trịnh Hoài Cẩn, người Tân Long, Gia Định, (con trai của Thiếu bảo Cần Chính Điện Đại Học Sĩ Trịnh Hoài Đức).

Năm Bính dần, Phò mã mất rồi bà cũng mất vào năm đó. Bà mất ngày 10 tháng 4 năm Bính dần (23.5.1866), thọ 45 tuổi, được tặng Tân Hòa Công Chúa thụy Phương Tĩnh.

Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Hiện bà được thờ tại phủ Lạc Biên Quận Công (em trai cùng mẹ với bà) ở tại phường Phú Cát, Huế.

Bà có 2 con trai và 2 con gái. Con trưởng của bà là Trịnh Hoài Tín.

13.3.3.14B. NGUYỄN PHÚC NHÀN THẬN 阮福嫻慎
Quỳnh Lâm Công Chúa

Bà là con gái thứ 14 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Trần Thị Nhận. Bà sinh năm Nhâm ngọ (1822).

Năm Ất tị (1845) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Tăng Dũng, người Phong Điền, Thừa Thiên (con trai của Chưởng Phủ Vân Hội Nam Nguyễn Tăng Minh).

Bà mất ngày 17 tháng 8 năm Kỷ dậu (3.10.1849), lúc 28 tuổi, tặng Quỳnh Lâm Công Chúa, thụy Trang Tuệ.

Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Ất sửu (1865) bà được thờ ở Triển Thân hậu từ. Đến năm Ất dậu (1885) rước thờ ở Thân Huân từ.

Năm Bính dần (1866) Phò mã Nguyễn Tăng Dũng mất.

Bà có 1 con trai.

13.3.3.15B. NGUYỄN PHÚC GIA TRINH 阮福嘉貞
Mậu Hòa Công Chúa

Bà là con gái thứ 15 của đức Thánh Tổ, mẹ là Mỹ nhân Đoàn Thị Thụy. Bà sinh ngày 21 tháng 8 năm Quí mùi (25.9.1823).

Năm Ất tị (1845) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Bình Khánh Nam Trần Văn Đức, người Bình Dương, Gia Định, (con trai của Thống Chế tiền phong Dinh Bình Khánh Tử Trần Văn Trí).

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Mậu Hòa Công Chúa.

Năm Mậu dần (1878) Phò mã mất.

Bà mất ngày 11 tháng 8 năm Ất dậu (19.9.1885), thọ 65 tuổi, ban thụy Mỹ Thục. Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 9 con trai và 3 con gái.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.16B. NGUYỄN PHÚC GIA TIẾT 阮福嘉節
Mỹ Ninh Công Chúa

Bà là con gái thứ 16 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Đỗ Thị Tâm. Bà sinh ngày 26 tháng 11 năm Quí mùi (27.12.1823). Bà mất ngày 19 tháng 10 năm Tân sửu (1.12.1841) lúc 19 tuổi, được phong là Mỹ Ninh Công Chúa, thụy Diễm Khiết.

Tẩm của bà ở Nguyệt Biều (Hương thủy, Thừa Thiên).

Ban đầu bà được thờ ở Triển Thân hậu từ, đến năm Ất dậu (1885) đưa về thờ ở Thân Huân từ.

13.3.3.17B. NGUYỄN PHÚC VĨNH THỤY[1] 阮福永瑞
Phú Phong Công Chúa.

Công Chúa là con gái thứ 17 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Trần Thị Trúc. Bà sinh ngày 4 tháng 2 năm Giáp thân (4.3.1824).

Năm Canh tuất (1850) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Tấn Vị người Hương Trà, Thừa Thiên, (con trai của Chưởng Phủ Ninh Lạc tử Nguyễn Tấn Lâm).

Bà mất ngày 10 tháng 3 năm Quí hợi (27.4.1863), thọ 40 tuổi, được phong là Phú Phong Công Chúa, thụy Uyển Hòa.

Tẩm của bà ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Giáp tuất (1874) Phò mã Nguyễn Tấn Vị mất.

Bà vô tự

13.3.3.18B. NGUYỄN PHÚC VĨNH TRINH 阮福永禎
Qui Đức Công Chúa

Bà có biệt hiệu Nguyệt Đình, là con gái thứ 18 của đức Thánh Tổ, mẹ là Thục tần Nguyễn Thị Bảo. Bà sinh ngày 25 tháng 5 năm Giáp thân (21.6.1824).

Thuở nhỏ bà thông minh, biết lo lắng và rất chí tình. Ban đầu bà được vua cho theo nữ sử[2] ở trong cung để học, lúc hơi lớn bà đã thích ngâm vịnh. Anh bà là Tùng Thiện Vương dạy cho bà luật thơ Đường và bà hiểu rất rành rẽ.

Năm Canh tuất (1850) bà lấy chồng Phò mã Đô úy Phạm Đăng Thuật người Tân Hòa, Gia Định, (con trai của Cần Chính Điện Đại học sĩ Thái Phó Đức Quốc Công Phạm Đăng Hưng, em út của Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu. Đăng Thuật có tự Kê Chi, hiệu Tiêu Lâm cũng giỏi thơ văn).

Bà là người sinh trong chốn cung đình, lấy chồng nơi quí thích, không khoe khoang chi ham thích sách vở mà thôi. Các giai tác bà cùng chồng xướng họa thường được các Thân vương ngợi khen.

Năm Tân dậu (1861) có biến động ở miền Nam[3], Phò mã nhận chiếu chỉ đến Gia Định để xem xét và mất khi làm nhiệm vụ. Được tin vua rất thương tiếc truy tặng là Quang Lộc Tự khanh. Bà dâng lên bài biểu lời lẽ thống thiết xin đưa linh cữu chồng về Kinh để an táng.

(1) Tên này chép theo Đại Nam Liệt Truyện Chính Biên nhị tập, cuốn 9 trang 12b, trong Thiên Gia Bửu Sách Tư Biên bản chép tay chép là Vĩnh Đoan 綖 Hai chữ này hơi giống nhau.

(2) Nữ Sử là tên chức quan trong cung, những người đàn bà có học hành thường được chọn để giao phó.

(3) Năm Tân dậu (1861) Pháp tấn công các tỉnh ở Nam Kỳ, Phạm Đăng Thuật được vua phái vào Nam để theo dõi tình hình và bị chết.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Từ lúc chồng mất, bà một lòng thể cư tang, mười mấy năm không ra khỏi cửa, ai cũng khen là giữ tiết.

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Qui Đức Công Chúa.

Bà mất ngày 22 tháng 3 năm Nhâm thìn (18.4.1892), thọ 69 tuổi, thụy Cung Thục. Tẩm của bà ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà là người trinh tiết dịu dàng, vốn do thiên tính mà lại được giáo huấn trong chốn cung cấm nên hành vi trước sau đều chín chắn. Trong bài tựa tập Nguyệt Đình Thi Thảo của bà, Tuy Lý Vương có viết : "phát ra ở tình, dừng lại ở lễ...".

Bà có một con gái tên Uyển La mất sớm, sau bà nuôi cháu của chồng là Đặng Tiến để nối dõi, nhưng Tiến phóng túng nên bà lập từ đường trước mộ chồng và mua ruộng để lo hậu sự. Đến năm Ất hợi (1875) vin theo lệ của Công Chúa Ngọc Cơ bà tâu xin vua cho chọn người chân chất ở địa phương để làm giám tự. Phạm Ngọc Hy là người trong xã Dương Xuân được lọ liệu việc đó. Về sau Hy chết mà con còn nhỏ nên Nguyễn Phúc Hồng Cao con của Tùng Thiện Vương trông coi việc cúng cấp, đến 3 năm thì con của Hy là Phạm Ngọc Tùy trưởng thành mới đảm nhận lại việc tế tự.

13.3.3.19B. Tảo thương chưa có tên

Mẹ là Cung nhân Trần Thị Nghiêm.

13.3.3.20B. NGUYỄN PHÚC THỤC THẬN 阮福淑慎
Hàm Đức Công Chúa

Bà là con gái thứ 20 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Trần Thị Nghiêm. Bà sinh ngày 10 tháng 5 năm Ất dậu (25.6.1825).

Chồng bà là Phò mã Đô úy Lê Ngô. Năm lấy chồng và năm được phong Hàm Đức Công Chúa không rõ.

Bà mất ngày 6 tháng 1 năm Đinh mùi (18.2.1907), thọ 83 tuổi, thụy không rõ.

Tẩm của bà ở Phú Lương, (Quảng Điền, Thừa Thiên).

13.3.3.21B. NGUYỄN PHÚC THỤC TĨNH 阮福淑靜
Xuân An Công Chúa

Bà là con gái thứ 21 của đức Thánh Tổ, mẹ là Qui nhân Lê Thị Lộc. Bà sinh ngày 20 tháng 8 năm Ất dậu (01.10.1825).

Năm Canh tuất (1850) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy tặng Đề đốc Trương Phúc Lý người Tống Sơn, Thanh Hóa (con của Thống chế Trương Phúc Trường).

Bà mất ngày 9 tháng 3 năm Bính thìn (13.4.1856), lúc 32 tuổi, được phong là Xuân An Công Chúa, thụy Nhàn Uyển. Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Mậu thìn (1868) Phò mã Trương Phúc Lý mất.

Bà có 3 con trai và 2 con gái.

13.3.3.22B. NGUYỄN PHÚC TRANG TĨNH 阮福莊靜
Hòa Mỹ Công Chúa

Bà là con gái thứ 22 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Lê Thị Ái. Bà sinh ngày 20 tháng 8 năm Ất dậu (1.10.1825).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Thuở bé bà xinh đẹp, đoan trang và rất có chí khí. Trước vốn có mụt nhọt nên trên trán có vết sẹo, có người bảo nên dùng phấn thoa và nhưng bà chẳng chịu, ai cũng lấy làm lạ.

Nữ sử Đinh Phụng làm giáo thụ trong cung thường bảo với mọi người : "Hoàng nữ Trang Tĩnh chẳng những thông minh mà đoan trang đị dàng như tên của vua ban cho". Bà thường hay dẫn đo suy nghĩ, hầu mẹ ở trong cung hiểu biết trước ý của mẹ nên được mẹ rất thương yêu.

Bà mất ngày 3 tháng 2 năm Đinh mùi (19.3.1847), lúc 23 được phong là Hòa Mỹ Công Chúa, thụy Gia Thục.

Tẩm của bà ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Đinh mão (1867) thờ bà ở Triền Thân từ. Năm Ất dậu (1885) đưa về thờ ở Thân Huân từ.

13.3.3.23B. NGUYỄN PHÚC TRANG NHÀN 阮福莊嫻
Triêm Đức Công Chúa

Bà là con gái thứ 23 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Nguyễn Thị Hạnh. Bà sinh ngày 13 tháng 10 năm Ất dậu (22.11.1825).

Năm Canh tuất (1850) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Đặng Đức Nhuận người Bồng Sơn, Bình Định (con của Tứ phẩm Đặng Đức Thiêm, cháu nội của Thượng thư Bộ Lễ Đặng Đức Siêu).

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Triêm Đức Công Chúa.

Bà mất ngày 21 tháng 3 năm Nhâm thìn (17.4.1892), thọ 68 tuổi, tên thụy không rõ.

Tẩm của bà ở Nguyệt Biều (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 5 con trai và 3 con gái.

13.3.3.24B. NGUYỄN PHÚC GIA THỤY 阮福嘉瑞
Bình Xuân Công Chúa

Bà là con gái thứ 24 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Trần Thị Trúc. Bà sinh ngày 16 tháng 10 năm Ất dậu (25.11.1825).

Năm Canh tuất (1850) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy được truy tặng Cẩm binh Phó vệ Hoàng Văn Thu người Đăng Xương, Quảng Trị, (con của Thống chế Hoàng Văn Hậu).

Bà mất ngày 17 tháng 6 năm Canh thân (3.8.1860), được 36 tuổi, tặng Bình Xuân Công Chúa, thụy Tĩnh Phương.

Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Bính tuất (1866), Phò mã Hoàng Văn Thụ mất.

Bà có 1 con trai và 1 con gái.

13.3.3.25B. NGUYỄN PHÚC TRINH THẬN 阮福貞慎
Lại Đức Công Chúa

Bà có tự là Thúc Khanh hay Nữ Chi, hiệu Mai Am là con gái thứ 25 của đức Thánh Tổ, mẹ là Thục tần Nguyễn Thị Bảo. Bà sinh ngày 11 tháng 8 năm Bính tuất (12.9.1826).

Lúc trẻ bà cùng với chị là Qui Đức Công Chúa (tự Trọng Khanh) và em là Thuận Lễ Công Chúa (tự Quí Khanh) học thơ ở Tùng Thiện Vương, và nổi tiếng Tam Khanh ở chốn Kinh thành, nhưng bà là xuất sắc hơn cả.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong Diệu Liên Công Chúa, về sau đổi thành Lại Đức Công Chúa[1], nhưng bà vốn có hiệu Mai Am nên người đương thời thường gọi là Mai Am Công Chúa.

Chồng bà là Hiệu úy Thân Trọng Di, sau khi lập gia đình sắt cầm hòa vận, ai ai cũng khen là phúc tuệ trời cho, cùng nhau xướng họa để lại nhiều giai tác.

Bà mất ngày 16 tháng 11 năm Quí mão (3.1.1904), thọ 79 tuổi, thụy không rõ.

Tẩm của bà ở Nguyệt Biều, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có để lại Diệu Liên Thi tập, được khắc in và nhiều bậc khoa bảng đại danh đương thời đề tựa. Bà có bài thơ "Ức mai" (Nhớ mai) được danh sĩ ở Kinh hồi bấy giờ đều khen phục :

*Lâm đường tạc dạ sóc phong xuy*
*Tiểu các thanh hàn độc tọa trì*
*Địch lý quan san sầu cựu khúc*
*Thủy biên ly lạc nhận tiền kỳ*
*Hương nam tuyết bắc vô phương tấn,*
*Nguyệt địa vân giai hữu mộng tỳ*
*Dục bả tân từ viễn tương tặng,*
*Mỹ nhân uyển tại thủy chi mỵ.*
*(Lâm đường gió bấc đêm qua*
*Hiu hắt gác vắng lạnh xa đáng trần*
*Địch xưa gợi nỗi quan san[2]*
*Mơ về bến cũ bên hàng dậu thưa[3]*
*Nam Bắc giờ bặt tin nhau*
*Thêm mây trăng đất chỉ cầu mộng thôi[4]*
*Xa cách gởi đến lời thơ*
*Mỹ nhân còn đứng bên bờ nước trong[5][6]*

Ông Hà Đình đề vào tập thơ của bà có hai câu :

*Ngâm đáo Ức mai thanh vận tuyệt,*
*Bất phương biệt hiệu tác Mai Am*
*(Thanh vận "Ức mai" vô cùng tuyệt*
*Danh hiệu Mai Am đáng để đời)*

---

(1) Tên Lại Đức không thấy được đề cập đến trong thi văn của bà, có lẽ được đổi vào triều Thành Thái vì kiêng tên húy.

(2) Trong các khúc địch cổ ở Trung Hoa có khúc Mai Hoa. Câu này có ý nói nghe tiếng địch cảm thấy buồn vì núi sông ngăn cách.

(3) Ngày trước tại nhà ẩn sĩ Lãm Bô tức Hòa Tĩnh tên sinh ở Cô Sơn cạnh Tây Hồ, trồng nhiều mai quanh hồ làm hàng rào. Câu này ý nói nhớ đến rừng mai ở Cô Sơn.

(4) Ở nguyên văn là Hương Nam tuyết Bắc là lấy chữ trong bài thơ của Trương Duyệt đời Đường :
*Khứ tuế Kinh nam mai tự tuyết*
*Kim niên Kế Bắc tuyết như mai*
*(Kinh Nam năm ngoái Mai như tuyết*
*Kế Bắc ngày nay tuyết tựa mai)*
để diễn tả ý bắc nam xa cách

(5) "Thêm mây trăng đất" do nguyên văn là "Nguyệt địa vân giai" lấy ở trong câu thơ vịnh Mai của Lục Du đời Tống :
*Nguyệt địa vân giai ám đoạn trường*
*Truy tầm thủy giải thưởng cô phương ?*
*(Bâu lòng nhớ cảnh trăng mây*
*Người cùng thưởng ngoạn giờ đây phương nào ?)*
diễn tả cảnh tiên trăng trên mây.

(6) Mỹ nhân đây để chỉ cây mai nhưng lấy ý từ câu thơ của Cao Khải đời Minh :
*Nguyệt minh lâm hạ mỹ nhân lai*
*(Mỹ nhân dưới ánh trăng soi tỏ)*





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

13.3.3.26B. NGUYỄN PHÚC TRINH NHÀN 阮福貞嫻
Nghĩa Điền Công Chúa

Bà là con gái thứ 26 của đức Thánh Tổ, mẹ là Lệ tần Nguyễn Thị Diện. Bà sinh ngày 20 tháng 5 năm Đinh hợi (14.6.1827).

Chồng bà là Phò mã Đô úy Hoàng Kỳ, năm lấy chồng không rõ.

Bà được phong là Nghĩa Điền Công Chúa năm Kỷ tị (1869)

Bà mất ngày 24 tháng 6 năm Nhâm dần (28.7.1902), thọ 76 tuổi, thụy không rõ.

Tẩm của bà ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.27B. NGUYỄN PHÚC TƯỜNG HÒA 阮福祥和
Mỹ Hà Công Chúa[1]

Bà là con gái thứ 27 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Bà sinh ngày 20 tháng 5 năm Đinh hợi (14.6.1827).

Bà mất ngày 16 tháng 5 năm Đinh mùi (28.6.1847), được 21 tuổi, thụy Tuệ Tĩnh

Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ban đầu thờ bà ở Triển Thân từ, đến năm Ất dậu (1885) rước đến thờ ở Thân Huân từ.

Năm phong công chúa không rõ (1)

13.3.3.28B. NGUYỄN PHÚC TƯỜNG TĨNH 阮福祥靜
Xuân Vinh Công Chúa

Bà là con gái thứ 28 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Bà sinh ngày 20 tháng 12 năm Đinh hợi (5.2.1828).

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Lương Tấn Lễ người Quảng Điền, Thừa Thiên (cháu của Hiệp Biện Đại học sĩ Lương Tấn Tường).

Năm Ất sửu (1865) Lương Tấn Lễ mất.

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Xuân Vinh Công Chúa.

Bà mất ngày 17 tháng 12 năm Giáp tuất (24.1.1875), thọ 48 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm của bà ở Dương Xuân Hạ, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 1 con trai và 3 con gái.

13.3.3.29B. NGUYỄN PHÚC NHÀN THỤC 阮福嫻淑
Gia Lạc Công Chúa

Bà là con gái thứ 29 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Đỗ Thị Cương. Bà sinh ngày 4 tháng 5 năm Mậu tí (15.6.1828).

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Văn Tuấn người Lệ Thủy, Quảng Bình (con trai của Lãnh binh tặng Chưởng vệ Nguyễn Văn Phụng).

Bà mất ngày 4 tháng 11 năm Giáp tí (2.12.1864), được 37 tuổi, thụy Tuệ Nhã, phong Gia Lạc Công Chúa.

---

(1) Trong Thiên Gia Bửu Sách Tư Biên chép là Mỹ Hà công chúa nhưng trong Đại Nam Liệt Truyện Chính Biên chỉ ghi là Hoàng Nữ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Canh ngọ (1870) Phò mã Nguyễn Văn Tuấn mất.

Bà có 3 con trai.

13.3.3.30B. NGUYỄN PHÚC NHÀN TRINH 阮福嫻貞

Bà là con gái thứ 30 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Lê Thị Ái. Bà sinh năm Kỷ sửu (1829) và mất ngày 16 tháng 9 năm Canh dần (01.11.1830), lúc 1 tuổi.

13.3.3.31B. NGUYỄN PHÚC THUY THẬN 阮福瑞慎
Bình Thạnh Công Chúa

Bà là con gái thứ 31 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Lê Thị Lộc. Bà sinh ngày 6 tháng 3 năm Kỷ sửu (9.4.1829).

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Hồ Phan

Không rõ năm bà được phong là Bình Thạnh Công Chúa.

Bà mất ngày 16 tháng 12 năm Bính ngọ (29.1.1907), thọ 74 tuổi.

Tẩm bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.32B. NGUYỄN PHÚC THỤY THỤC 阮福瑞淑

Bà là con gái thứ 32 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính. Bà sinh năm Kỷ sửu (1829), mất ngày 25 tháng 4 năm Quí tị (12.6.1835), lúc 5 tuổi.

13.3.3.33B. Tảo thương chưa có tên

13.3.3.34B. NGUYỄN PHÚC TĨNH HÒA 阮福靜和
Thuận Lễ Công Chúa

Bà có tự là Quí Khanh và Diễm Chi, biệt hiệu Thường Sơn, con gái thứ 34 của đức Thánh Tổ, mẹ là Thục tần Nguyễn Thị Bảo. Bà sinh năm Canh dần (1830).

Bà thuở nhỏ thông minh, dịu dàng ham thích việc học nên vua rất thương yêu. Ban đầu bà được học nữ công và phép tắc trong chốn cung cấm, nhưng bà tinh thông thư, sử và thơ văn. Hễ bà học được bài nào là đem dạy cho người khác ở trong cung nên thường được gọi là nữ sư. Lúc hơi lớn được theo anh là Tùng Thiện Vương về ở phủ riêng để hầu mẹ, nhờ vậy mà học được thi luật. Bà rất giỏi về âm luật, khéo về từ khúc nên thường bày đội nữ nhạc cho đàn hát ở trong nhà. Khi anh chị em đến yến hội, bà thường đánh trống thổi tiêu làm vui. Trong bài tựa tập thi của bà, Tùng Thiện Vương có viết :

*"Tăng Thành[1] nguyệt tĩnh, dạ tụng văn yểu điệu chi thanh,*
*Động Đình[2] phong cao, thu tấu đi kim tì chi nhạc"*

(Tăng Thành trăng thanh, đêm đến bình văn lời yểu điệu, Động Đình gió lộng, thu về tấu khúc nhạc tơ vàng)

là để nói đến chuyện trên

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Đặng Văn Cát, người Quảng Điền, Thừa Thiên (con của Văn Minh Đại học sĩ Thiếu bảo Đặng Văn Thiêm). Sau khi vu qui sắt cầm

(1) Tăng Thành là nơi Ban Tiệp Dư một nữ sĩ đời Hán ở.

(2) Động Đình tên một hồ nước đẹp ở Trung Hoa.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

hòa hợp, cùng nhau ngâm vịnh, lập thi xã, nhưng không được sung sướng như lúc còn ở nhà, nên bà có bài "Thuật Hoài" (tỏ nỗi lòng) như sau :

*"Thục trúc dị hoa cường tự khoan*
*Giác vô ngôn xứ thế nan can*
*Thương tâm tối thị đinh ninh nguyệt*
*Bất tri đoàn viên mạn nhật khan".*
*(Cấm trúc dời hoa gắng tự an,*
*Lặng tiếng im hơi lệ chứa chan*
*Tưởng nhất những khi sân trăng tỏ,*
*Ngày trước đoàn viên nhớ muôn vàn.)*

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Thuận Lễ Công Chúa.

Bà mất ngày 5 tháng 3 năm Nhâm ngọ (22.4.1882), thọ 53 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm của bà ở Bác Vọng, (Quảng Điền, Thừa Thiên).

Phò mã Đặng Huy Cát về sau vì con (tên Phổ) mà bị tội lây phải cách tước. Bà có 4 con trai và 6 con gái.

Tác phẩm của bà để lại có Huệ Phố Thi Tập.

13.3.3.35B. Tảo thương chưa có tên

13.3.3.36B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG TRINH 阮福良貞
Bái Ân Công Chúa

Bà là con gái thứ 36 của đức Thánh Tổ, mẹ là Quí nhân Đỗ Thị Tâm. Bà sinh ngày 12 tháng 9 năm Canh dần (28.10.1830)

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Đức Huy người Hải Lăng, Quảng Trị (con trai của Bố chính sứ về hưu tên Nguyễn Đức Hộ).

Năm Ất sửu (1865) Phò mã Nguyễn Đức Huy mất.

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Bái Ân Công Chúa.

Bà mất ngày 20 tháng 3 năm Tân mão (28.4.1891), thọ 62 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm của bà ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên)

Bà có 2 con trai và 2 con gái.

13.3.3.37B. NGUYỄN PHÚC GIA TRANG 阮福嘉莊

Bà là con gái thứ 37 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Trần Thị Tiền. Bà sinh ngày 21 tháng 2 năm Tân mão (3.4.1831), mất ngày 12 tháng 10 năm Đinh mùi (19.11.1847) được 17 tuổi.

Tẩm của bà ở Bình An, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.38B. NGUYỄN PHÚC GIA TĨNH 阮福嘉靜
Kim Hương Công Chúa

Bà là con gái thứ 38 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Đỗ Thị Cương. Bà sinh ngày 29 tháng 5 năm Tân mão (8.7.1831)

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy lĩnh chức Thị vệ ở Chưởng vệ Quản là Lê Thuận Lý, người Lệ Thủy, Quảng Trị (con trai của Chưởng vệ Lê Thuận Tĩnh).


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Bà mất ngày 17 tháng 4 năm Canh thân (6.6.1860), được 30 tuổi, tặng Kim Hương Công Chúa, thụy Nhu Tắc.

Tẩm của bà ở Dương Xuân hạ, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.39B. NGUYỄN PHÚC THỤC TUỆ 阮福淑慧
Vĩnh Chân Công Chúa

Bà là con gái thứ 39 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn thị Khuê. Bà sinh ngày 1 tháng 1 năm Nhâm thìn (2.2.1832).

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Trương Văn Cát, người Tống Sơn, Thanh Hóa, là con trai của Quản Cơ Trương Văn Minh.

Bà mất ngày 18 tháng 8 năm Giáp dần (9.10.1854), được 23 tuổi, tặng Vĩnh Chân Công Chúa, thụy Trang Hòa.

Tẩm của bà ở Dương Xuân Hạ, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Phò mã Trương Văn Cát về sau có tội giáng làm Quản cơ, đến năm Đinh mão (1877) được phục lại tước Phò mã Đô úy.

13.3.3.40B. NGUYỄN PHÚC NHÀN TĨNH 阮福嫻靜
Thuận Hòa Công Chúa

Bà là con gái thứ 40 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Lý Thị Cẩm, bà sinh ngày 2 tháng 2 năm Nhâm thìn (3.3.1832)

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Văn Ngữ người Bình Sơn, Quảng Nghĩa (con trai của Chưởng vệ Nguyễn Văn Lưu).

Bà mất ngày 6 tháng 2 năm Quí hợi (24.3.1863), lúc 32 tuổi, được phong là Thuận Hòa Công Chúa thụy Đoan Tuệ.

Năm Giáp tí (1864) Phò mã Nguyễn Văn Ngữ mất.

Bà có 1 con gái.

13.3.3.41B. NGUYỄN PHÚC NHÀN AN 阮福嫻安
Phương Hương Công Chúa

Bà là con gái thứ 41 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Bà sinh ngày 7 tháng 7 năm Nhâm thìn (2.8.1832).

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Hoàng Văn Ban, người Bình Long, Gia Định (con của Thự Tổng đốc Hoàng Văn Ấn).

Bà mất ngày 9 tháng 3 năm Giáp dần (6.4.1854), được 23 tuổi, tặng Phương Hương Công Chúa, thụy Tuệ Hòa.

Tẩm của bà ở An Cựu, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Đinh tị (1857) bà được thờ ở Triền Thân từ, đến năm Ất dậu (1885) dưa về thờ ở Thân Huân từ

Bà có 2 con gái.

13.3.3.42B. NGUYỄN PHÚC TĨNH AN 阮福靜安
Nghĩa Đường Công Chúa

Bà là con gái thứ 42 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Bà sinh ngày 13 tháng 6 năm Quí tị (29.7.1833).





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Lê Chí Hiếu, người Hải Lăng, Quảng Trị (con của Tiền quân Đô thống Lê Chí Tín).

Bà mất ngày 4 tháng 4 năm Đinh tị (27.4.1857), lúc 25 tuổi, được phong là Nghĩa Đường Công Chúa, thụy Nhu Trang.

Tẩm của bà ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên)

Năm Ất tị (1875) Phò mã Lê Chí Hiếu mất.

13.3.3.43B. NGUYỄN PHÚC THỤC TƯ 阮福淑姿
Xuân Hòa Công Chúa

Bà là con gái thứ 43 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Bà sinh ngày 20 tháng 6 năm Quí tị (5.8.1833)

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Đống người Lệ Thủy, Quảng Bình (con trai của Hiệp biện Đại học sĩ tặng Thiếu sư Nguyễn Đăng Tuấn).

Năm Quí hợi (1863) Phò mã Nguyễn Đống mất.

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Xuân Hòa Công Chúa.

Năm Canh ngọ (1870) bà bị Ngô Thị Cát đánh lừa, nên không biết giữ thể giá thành ra bị tước mất danh hiệu Công Chúa. Đến năm Ất tị (1875) bà mới được phục hồi danh hiệu Công Chúa.

Bà mất ngày 23 tháng 2 năm Kỷ mão (15.3.1879), được 46 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm của bà ở Châu Chữ, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 4 con trai và 2 con gái.

13.3.3.44B. NGUYỄN PHÚC NHU NGHI 阮福柔儀
Xuân Lai Công Chúa

Bà là con gái thứ 44 của đức Thánh Tổ, mẹ là Lệ tần Nguyễn Thị Điện. Bà sinh ngày 11 tháng 10 năm Quí tị (22.11.1833).

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Đình Tứ.

Năm Bính dần (1866) vợ chồng bà che dấu con của Nguyễn Phúc Ưng Đạo, tức cháu của An Phong Quận Vương Hồng Bảo trong vụ án Đoàn Trưng[1], nên Nguyễn Đình Tứ bị tước mất Phò mã Đô úy và bà bị tước bổng trong 2 năm.

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Xuân Lai Công Chúa.

Bà mất ngày 26 tháng 11 năm Kỷ mão (7.1.1880), được 47 tuổi, thụy không rõ.

Tẩm của bà ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên)

13.3.3.45B. Tảo thương chưa có tên

Mẹ là Quí nhân Đỗ Thị Tâm

13.3.3.46B. NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG TRINH 阮福芳貞
Phú Hậu Công Chúa

Bà là con gái thứ 46 của Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Nguyễn Thị Viên. Ban đầu bà có tên là An Thụy về sau đổi thành Phương Trinh. Bà sinh ngày 21 tháng 5 năm Giáp ngọ (27.6.1854).

(1) Đoàn Trưng khởi loạn ở Kinh thành vào năm Bính dần (1866) lấy tiếng tôn phò Hoàng tôn Nguyễn Phúc Ưng Đạo con của An Phong Quận Vương Hồng Bảo, việc thất bại, Ưng Đạo bị tội giảo, con cái đều phải chịu tội. Thị Đế là em của Phò mã Nguyễn Đình Tứ lại là vợ thứ của Ưng Đạo nên mới mang con vào trốn ở nhà của vợ chồng Công Chúa.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy tập phong Ân kỵ Úy Nguyễn Văn Duật người Lễ Dương, Quảng Nam (cháu của Thần Sách Đô Thống Chế Nguyễn Văn Vân).

Năm Nhâm tuất (1862) Phò mã Nguyễn Văn Duật mất.

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Phú Hậu Công Chúa.

Bà mất ngày 20 tháng 11 năm Bính tuất (15.12.1886), thọ 53 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm của bà ở tại Nguyệt Biều, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 3 người con.

13.3.3.47B. NGUYỄN PHÚC HÒA THẬN 阮福和慎
Định Thành Công Chúa

Bà là con gái thứ 47 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Bùi Thị Sơn, bà sinh ngày 21 tháng 5 năm Giáp ngọ (27.6.1884).

Năm Tân hợi (1851) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Hanh, người huyện Tống Sơn, Thanh Hóa (con của Chưởng vệ Nguyễn Quí).

Bà mất ngày 14 tháng 11 năm Canh thân (25.12.1860), được 27 tuổi, tặng Định Thành Công Chúa, thụy Uyển Nhàn.

Tẩm của bà ở An Cựu, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Bính tuất (1886) Phò mã Nguyễn Hanh mất.

Bà có 3 con trai và 1 con gái.

13.3.3.48B. NGUYỄN PHÚC HÒA NHÀN 阮福和嫻
Mỹ Duệ Công Chúa

Bà là con gái thứ 48 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Bà sinh ngày 5 tháng 7 năm Ất mùi (28.8.1835).

Chồng bà là Phò mã đô úy Nguyễn Trân. Năm bà lấy chồng và năm được sách phong Công Chúa không rõ.

Bà mất ngày 26 tháng 4 năm Nhâm tí (11.6.1912), thọ 78 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Tẩm của bà ở An Cựu, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.49B. NGUYỄN PHÚC HÒA TƯỜNG 阮福和祥
Hương Khê Công Chúa

Bà là con gái thứ 49 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Trần Thị Mỹ. Bà sinh ngày 6 tháng 9 năm Ất mùi (27.10.1835).

Chồng bà là Phò mã Đô úy Dương Dũ. Năm bà lấy chồng và năm được sách phong Công Chúa không rõ.

Không rõ năm tháng mất cùng con cái.

Tẩm của bà ở An Cựu, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.50B. NGUYỄN PHÚC NHÀN TUỆ 阮福嫻慧
Mỹ Thuận Công Chúa

Bà là con gái thứ 50 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Nguyễn Thị Viên. Bà sinh ngày 29 tháng 10 năm Ất mùi (18.12.1835).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Quí sửu (1853) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Phạm Hữu Hóa người Hương Thủy, Thừa Thiên, (con của Tổng đốc Hà Ninh Thái bảo Tân Phúc hầu Phạm Hữu Tâm. Phò mã trước làm Thái bộc Tự khanh Tá lý thuộc bộ Công, về sau bị giáng hai trật và cho về nguyên quán).

Bà mất ngày 23 tháng 12 năm Nhâm tuất (10.2.1863), lúc 28 tuổi, tặng Mỹ Thuận Công Chúa, thụy Đoan Mỹ.

Tẩm của bà ở Hương Trà, Thừa Thiên.

Bà có 3 con trai và 2 con gái.

13.3.3.51B. NGUYỄN PHÚC AN NHÀN 阮福安嫻
Xuân Vân Công Chúa

Bà là con gái thứ 51 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Bà sinh năm Bính thân (1836).

Năm Quí sửu (1853) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Hồ Văn Ngoạn người Nghĩa An, Biên Hòa (con của Chưởng vệ Hồ Văn Thập, cháu của Chưởng phủ sự Quốc Công Hồ Văn Bôi).

Bà mất ngày 13 tháng 6 năm Giáp dần (7.7.1854), lúc 19 tuổi, được phong là Xuân Vân Công Chúa, thụy Uyển Tĩnh.

Tẩm của bà ở An Cựu, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Bính dần (1866) Phò mã Hồ Văn Ngoạn mất.

13.3.3.52B. NGUYỄN PHÚC NHU HÒA 阮福柔和
Đa Lộc Công Chúa

Bà là con gái thứ 52 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Bà sinh ngày 18 tháng 6 năm Bính thân (31.7.1836).

Năm Quí sửu (1853) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Hồ Hoàn

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Đa Lộc Công Chúa.

Bà mất ngày 3 tháng 7 năm Kỷ tị (7.8.1929), thọ 94 tuổi

Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.53B. NGUYỄN PHÚC HÒA TRINH 阮福和貞
Lâm Thạnh Công Chúa

Bà là con gái thứ 53 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tiệp dư Nguyễn Thị Viên. Bà sinh ngày 26 tháng 10 năm Bính thân (4.12.1836).

Năm Quí sửu (1853) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Lương Cung người Phong Điền, Thừa Thiên, (con của Đô thống lãnh chức Tổng đốc Bình Thắng Nam Nguyễn Lương Gian).

Bà mất ngày 4 tháng 9 năm Kỷ tị (8.10.1869), lúc 34 tuổi được phong là Lâm Thạnh Công Chúa, thụy không rõ.

Năm Quí dậu (1873) Phò mã Nguyễn Lương Cung mất.

Bà có 2 con trai, 1 con gái.

13.3.3.54B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG NHÀN 阮福良嫻
Thông Lãng Công Chúa

Bà là con gái thứ 54 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Bà sinh ngày 18 tháng 12 năm Đinh dậu (13.1.1838).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Quí sửu (1853) bà lấy chồng là phò mã đô úy Nguyễn Tấn Dinh người Hương Trà, Thừa Thiên (con của Chưởng vệ sung Để đốc Ninh Lạc Nam Nguyễn Tấn Phát, cháu của Đô thống Chưởng phủ sự Kinh Lạc tử Nguyễn Tân Lâm).

Bà mất ngày 6 tháng 10 năm Nhâm thân (6.11.1872), lúc 36 tuổi, thụy Lệ Nhu.

Bà có 2 con trai và 2 con gái.

13.3.3.55B. NGUYỄN PHÚC TRINH HÒA 阮福貞和

Bà là con gái thứ 55 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Bà sinh ngày 2 tháng 11 năm Mậu tuất (18.12.1838), mất ngày 6 tháng 7 năm Kỷ hợi (14.8.1839), lúc 2 tuổi.

Tẩm ở Bình An, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.56B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG TĨNH 阮福良靜

Bà là con gái thứ 56 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Bà sinh ngày 2 tháng 11 năm Mậu tuất (18.12.1838), mất ngày 14 tháng 12 năm Kỷ hợi (18.1.1840), lúc 2 tuổi.

Tẩm ở Bình An, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.57B. NGUYỄN PHÚC TRINH TĨNH 阮福貞靜
Bái Trạch Công Chúa

Bà là con gái thứ 57 của đức Thánh Tổ, mẹ là Tài nhân Bùi Thị San. Bà sinh ngày 15 tháng 5 năm Kỷ hợi (25.6.1839).

Chồng bà là Phò mã Đô úy Lê Hộ.

Năm lập gia thất và năm được sách phong Bái Trạch công chúa không rõ.

Bà mất ngày 28 tháng 9 năm Kỷ dậu (10.11.1909), thọ 71 tuổi.

Tẩm của bà ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên)

13.3.3.58B. Tảo thương chưa có tên.

13.3.3.59B. NGUYỄN PHÚC NHU TĨNH 阮福柔靜

Bà là con gái thứ 59 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Nguyễn Thị Xuân. Bà sinh ngày 24 tháng 6 năm Kỷ hợi (3.8.1839). Bà mất ngày 5 tháng 3 năm Ất tỵ (11.4.1845), được 7 tuổi.

Tẩm của bà ở Bình An, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.60B. NGUYỄN PHÚC TĨNH TRANG 阮福靜莊

Bà là con gái thứ 60 của đức Thánh Tổ, mẹ là Hòa tần Nguyễn Thị Khuê. Bà sinh ngày 15 tháng 6 năm Canh tí (13.7.1840), mất ngày 18 tháng 5 năm Đinh mùi (30.6.1847), được 8 tuổi.

Tẩm của bà ở Bình An, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.61B. NGUYỄN PHÚC TRINH NHU 阮福貞柔
Mỹ Trạch Công Chúa

Bà là con gái thứ 61 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Lê Thị Thông. Bà sinh ngày 20 tháng 9 năm Canh tí (15.10.1840).

Chồng bà là Phò mã Đô úy Nguyễn Thường Giảng.

Năm lập gia thất và năm được phong Mỹ Trạch Công Chúa không rõ.

Bà mất ngày 14 tháng 3 năm Nhâm dần (21.4.1902), thọ 63 tuổi.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tẩm ở dâu không rõ.

Bà có 3 con trai.

13.3.3.62B. NGUYỄN PHÚC TRINH THỤY 阮福貞瑞

Bà là con gái thứ 62 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Lê Thị Đính. Bà sinh ngày 7 tháng 3 năm Tân sửu (29.3.1841), mất ngày 6 tháng 6 năm Ất tị (10.7.1845), được 5 tuổi.

Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

13.3.3.63B. NGUYỄN PHÚC TRANG TƯỜNG 阮福莊祥
Bình Long Công Chúa

Bà là con gái thứ 63 của đức Thánh Tổ, mẹ là Cung nhân Đặng Thị Yểu Điệu. Bà sinh ngày 25 tháng 3 năm Tân sửu (16.4.1841).

Năm Đinh tị (1857) lấy chồng là Phò mã Đô úy lãm Đề đốc Thánh Hóa tên Nguyễn Như Cung người Quảng Điền, Thừa Thiên (con của Tiền quân Đô thống phủ Đô thống Nguyễn Như Thăng).

Bà mất ngày 6 tháng 4 năm Giáp tí (11.5.1864), được 24 tuổi, tặng Bình Long Công Chúa, thụy Lệ Nhã.

Tẩm của bà ở Nguyệt Biều, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Ất dậu (1885) bà được thờ ở Thân Huân Từ.

Bà có 1 con gái.

13.3.3.64B. NGUYỄN PHÚC PHÚC TƯỜNG 阮福福祥
Nghi Xuân Công Chúa

Bà là con gái thứ 64 của đức Thánh Tổ, mẹ là Huệ tần Trần Thị Huân. Bà sinh ngày 20 tháng 5 năm Tân sửu (8.7.1841)

Năm Đinh tị (1857) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Hoàng Tố người Tuy Viễn, Bình Định (con của Tả quân Đô thống Hoàng Chiến).

Bà mất ngày 23 tháng 2 năm Ất sửu (20.3.1865), tặng Nghi Xuân Công Chúa, thụy Uyển Phương.

Tẩm của bà ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà có 1 con trai và 1 con gái.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ MƯỜI BỐN

## I. NGUYỄN PHÚC THỊ

## Dực Tông Anh Hoàng Đế

14.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC HỒNG BẢO – An Phong Quận Vương
14.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC HỒNG PHÒ – Thái Thanh Quận Vương
14.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC HỒNG Ý – Thụy Thái Vương
14.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC HỒNG KIỆN
14.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TỐ – Hoằng Trị Vương
14.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC HỒNG PHÌ – Vĩnh Quốc Công
14.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC HỒNG HƯU – Gia Hưng Vương
14.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC HỒNG KHÁNG – Phong Lộc Quận Công
14.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC HỒNG KIÊN – An Phúc Quận Vương
14.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC HỒNG THIỆU
14.3.3.12A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TRUYỀN – Tuy Hòa Quốc Vương
14.3.3.13A. NGUYỄN PHÚC HỒNG BÀNG
14.3.3.14A. NGUYỄN PHÚC HỒNG THAM
14.3.3.15A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TRƯỚC
14.3.3.16A. NGUYỄN PHÚC HỒNG NGHĨ – Hương Sơn Quận Công
14.3.3.17A. NGUYỄN PHÚC HỒNG THỊ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

14.3.3.18A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TIỆP – Mỹ Lộc Quận Công
14.3.3.19A. Tảo thương
14.3.3.20A. NGUYỄN PHÚC HỒNG THỤ
14.3.3.21A. NGUYỄN PHÚC HỒNG KỶ
14.3.3.22A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TỪ
14.3.3.23A. NGUYỄN PHÚC HỒNG ĐÌNH – Kỳ Phong Quận Công
14.3.3.24A. Tảo thương
14.3.3.25A. NGUYỄN PHÚC HỒNG DIÊU – Phú Lương Công
14.3.3.26A. NGUYỄN PHÚC HỒNG CAI – Kiên Thái Vương
14.3.3.27A. Tảo thương
14.3.3.28A. NGUYỄN PHÚC HỒNG NGHÊ
14.3.3.29A. NGUYỄN PHÚC THĂNG – Văn Lãng Quận Vương
14.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC TĨNH HẢO – Diên Phúc Công Chúa
14.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NHÀN YÊN – An Thạnh Công Chúa
14.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC UYÊN Ý
14.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC HUY NHU – An Mỹ Công Chúa
14.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC THÚY DIÊU
14.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG NGHIÊN
14.3.3.7B. NGUYỄN PHÚC ÁI CHÂN
14.3.3.8B. NGUYỄN PHÚC NHÃ VIỆN – Hoài Chính Công Chúa
14.3.3.9B. NGUYỄN PHÚC THANH DỀ – Thuận Chính Công Chúa
14.3.3.10B. NGUYỄN PHÚC THỤC NGHIÊN
14.3.3.11B. NGUYỄN PHÚC SINH ĐÌNH
14.3.3.12B. Tảo thương
14.3.3.13B. NGUYỄN PHÚC ỦY THANH
14.3.3.14B. Tảo thương
14.3.3.15B. NGUYỄN PHÚC LỆ NHÀN – Quí Chính Công Chúa
14.3.3.16B. NGUYỄN PHÚC TRANG LY
14.3.3.17B. NGUYỄN PHÚC DOAN CẨN
14.3.3.18B. NGUYỄN PHÚC DÔN TRINH – Phú Lệ Công Chúa
14.3.3.19B. NGUYỄN PHÚC LIÊU DIỆU
14.3.3.20B. NGUYỄN PHÚC UYỂN NHƯ
14.3.3.21B. NGUYỄN PHÚC THANH CÁT – Quảng Thi Công Chúa
14.3.3.22B. NGUYỄN PHÚC NHÀN NHÃ


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

14.3.3.23B. NGUYỄN PHÚC THẬN HUY – An Phúc Công Chúa

14.3.3.24B. NGUYỄN PHÚC Ý PHƯƠNG – Đồng Phú Công Chúa

14.3.3.25B. NGUYỄN PHÚC TRINH HUY – Xuân Lâm Công Chúa

14.3.3.26B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG HUY – Tự Tân Công Chúa

14.3.3.27B. NGUYỄN PHÚC DOAN LƯƠNG – Tuy Lộc Công Chúa

14.3.3.28B. NGUYỄN PHÚC TRANG NHÃ

14.3.3.29B. NGUYỄN PHÚC THỤC TRANG

14.3.3.30B. NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG THANH

14.3.3.31B. NGUYỄN PHÚC NHÀN ĐỨC – Lạc Thành Công Chúa

14.3.3.32B. NGUYỄN PHÚC MINH TƯ

14.3.3.33B. NGUYỄN PHÚC DIỄM UYÊN

14.3.3.34B. NGUYỄN PHÚC PHÚC HUY – Thuận Mỹ Công Chúa

14.3.3.35B. NGUYỄN PHÚC GIA PHÚC – Phục Lễ Công Chúa



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỨC DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

## HÚY

# NGUYỄN PHÚC THÌ

## (1829 – 1883)

Niên hiệu : Tự Đức

Ngày sinh : 25 tháng 8 năm Kỷ sửu
(22.9.1829)

Ngày mất : 16 tháng 6 năm Quí mùi
(19.7.1883)

Thân phụ : Hiến Tổ Chương Hoàng Đế Nguyễn Phúc Tuyền

Thân mẫu : Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu Phạm thị Hằng

Lăng tẩm : Khiêm lăng
(Dương Xuân, Hương Thủy, Thừa Thiên)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 14.1. THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Đức Dực Tông Anh Hoàng Đế húy Nguyễn Phúc Hồng Nhậm 阮福洪任 , khi lên nối ngôi ngài chọn tên là Thì 時 Ngài là con thứ hai của đức Hiến Tổ Nguyễn Phúc Tuyền và Từ Dũ Hoàng hậu Nguyễn thị Hằng. Ngài sinh ngày 25 tháng 8 năm Kỷ sửu (22.9.1829).

Lúc sơ sinh thể chất ngài yếu đuối ốm đau mãi, vì mẹ bệnh phải giao cho vú nuôi chăm sóc thiếu chu đáo. Lúc biết đi cầm được phấn viết, có người hỏi viết chữ gì thì ngài đáp : "Chữ Trạng" (tức Trạng Nguyên), ai cũng lấy làm lạ. Khi để chỏm ngài được giao cho sư phó dạy bảo, ngài đã làm được câu đối. Một hôm Hiến Tổ vui hỏi các con tên gì và ý nghĩa thế nào, ai cũng theo ý mình mà đáp, đến phiên ngài, ngài tâu theo lời dạy của sư phó : "Hồng là nặng nề, to lớn, Nhậm là gánh vác". Hiến Tổ mỉm cười nói : "Gánh gì mà nặng, gánh củi sao ?".

Từ Dũ Hoàng hậu dạy ngài cũng rất nghiêm khắc, từ cách đi đứng đến ứng đối đều hợp với lễ nghi chốn triều đình. Từ nhỏ sáng sớm ngài đã phải ra nhà ngoài để học đến trưa mới được vào, nếu bài không thuộc là bị bà phạt ngay.

Hơi lớn ngài đã được đức Hiến Tổ dẫn đi theo, có hôm được ở lại đêm tại vườn Thường mậu với vua, rồi được Hiến Tổ đọc cho chép những lời phê trên các án thu thẩm[1], ý Hiến Tổ cũng muốn cho ngài quen công việc nước.

Năm Tân sửu (1841) khi Hiến Tổ đã lên nối ngôi ngài được ra ở Thiện Khánh đường để lo việc học hành, rồi năm Nhâm dần (1842) được theo Hiến Tổ ra Bắc làm lễ tuyên phong. Đến năm Quí mão (1843) ngài được phong là Phúc Tuy Công.

Tháng 6 năm Đinh mùi (1847) ngài bị bệnh đậu mùa, suốt tháng thuốc thang mới tạm lành, thể chất vì thế mà suy yếu cho đến sau này. Lúc mới lành đã được Hiến Tổ cho vào chầu và ban cho bộ sách "Chí Thiện Đường Thi Văn Hội Tập" và dụ rằng : "Bộ sách này là ý chỉ của Hoàng Tổ ta để lại, tâm pháp và trị pháp đều ở trong đó con nên bắt chước". Ý định của đức Hiến Tổ cho ngài nối ngôi đã khởi từ đó.

Tháng 8 năm Đinh mùi (1847) đức Hiến Tổ se mình, biết mình đau nặng nên cho đòi Cố mệnh lương thần Trương Đăng Quế, các đại thần Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp vào hầu và bảo : "Ta nối nghiệp lớn đã 7 năm, ngày đêm lo lắng không dám vui chơi, mấy lâu se mình, hôm nay đã mệt lắm. Ta lo nghiệp lớn của tổ tông phó thác cho ta nên phải chọn người để yên xã tắc. Trong mấy người con Hồng Bảo tuy lớn nhưng vì thứ xuất[2] mà lại kém cỏi ít học, ham chơi, nối nghiệp lớn không được, con thứ hai là Phúc Tuy Công thông minh ham học, giống in như ta đáng nối ngôi vua. Hôm trước ta đã phê vào chiếu để trong long đồng[3], các người phải kính noi theo, đừng trái mệnh".

Qua tháng 10 ngài lên nối ngôi, lấy niên hiệu là Tự Đức, bấy giờ ngài được 19 tuổi.

Ngài là vị vua trọng việc học nên lúc mới lên ngôi ngài đã cho sửa sang việc thi cử, đặt ra Tập Hiền viện, Khai Kinh điện để làm nơi bàn chính sự cùng làm thơ phú. Ngài cho soạn bộ "Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục", là bộ sử soạn từ thời Thượng cổ cho đến nhà Hậu Lê. Về việc binh cũng được ngài coi trọng, trong năm Tân dậu (1861) ngài cho chọn những người có sức khỏe làm võ sinh, năm Ất sửu (1865) cho mở khoa thi võ tiến sĩ.

(1) Thu thẩm : thu là mùa thu, thẩm là xét. Ngày xưa các án tử hình ở các nơi gởi về Bộ Hình, thì cứ đến mùa thu sẽ xét để định đoạt.

(2) Thứ xuất : là do bà thiếp sinh ra.

(3) Ống bằng đồng ngoài có vẽ rồng để đựng chỉ, dụ của vua



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Việc cai trị trong nước ngài cũng rất chăm lo, cho các đại thần đi kinh lược các tỉnh để xem xét việc của các quan bên ngoài, đồng thời về tâu trình tình hình sinh sống của dân chúng tại địa phương.

Tuy nhiên trong thời ngài trị vì loạn lạc nổi lên nhiều nơi, nhất là ở miền Bắc. Năm Tân hợi (1851) có loạn Tam Đường, năm Giáp dần (1854) có loạn châu chấu, năm Tân dậu (1861) có loạn Tạ Văn Phụng[1].

Khi loạn lạc ở miền Bắc tạm yên thì xảy ra việc nổi loạn tại Kinh thành. Ngài nguyên là con thứ hai của đức Hiến Tổ mà được lên nối ngôi, anh của ngài là Nguyễn Phúc Hồng Bảo muốn lấy lại ngôi vua nên sau đó bị kết tội và chết ở trong ngục. Đến năm Bính dần (1866) đang lúc xây Khiêm Lăng quân sĩ tại đây quá vất vả nên nhiều kẻ oán giận, lợi dụng tình trạng này anh em họ Đoàn là Đoàn Trưng, Đoàn Tư Trực và Đoàn Hữu Ái lấy việc tôn phù Nguyễn Phúc Ưng Đạo, con trưởng của Hồng Bảo để tạo loạn, họ dụ lính ở Khiêm Lăng tràn vào Kinh thành âm mưu giết ngài. Sau nhờ qua chường vệ Hồ Oai đóng cửa điện kịp thời, gọi quân cứu viện đến mới dẹp yên.[2]

Việc làm ngài đau khổ nhất là việc Pháp xâm chiếm đất đai nước nhà. Năm Bính thìn (1856), rồi năm Mậu ngọ (1858) Pháp tấn công cửa biển Đà Nẵng. Tháng giêng năm Kỷ mùi (1859) Pháp chiếm Gia Định rồi tiến chiếm ba tỉnh của miền đông Nam kỳ vào năm Tân dậu (1861) buộc ngài ký hòa ước Nhâm tuất (1862). Vì đất đai là di sản của tổ tiên để lại phải có bổn phận bảo vệ giữ gìn nên ngài cử phái bộ sang Pháp để xin chuộc ba tỉnh miền Đông Nam kỳ năm Quí hợi (1863), nhưng thất bại. Đến năm Đinh mão (1867) Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền Tây Nam kỳ[3], rồi tiến đánh miền Bắc, triều đình Huế mất hết chủ quyền tại Bắc và Nam phải ký hòa ước Giáp tuất (1873).

Khi nghe tin quân Pháp đánh phá các nơi, chiếm cứ các đồn lũy ngài ngày đêm lo lắng, ăn ngủ không yên. Được tin thắng trận thì ngài hết sức mừng rỡ, ban chức tước cùng gấm vóc vàng bạc cho những người có công, cho lập miếu thờ những người bỏ thân vì nước. Ngài cũng cố tiết kiệm những chi tiêu để bổ sung quân phí[4]. Nhưng trước một hoàn cảnh biến chuyển quá nhanh, trở tay không kịp, chính ngài cũng rõ dã tâm của người Pháp nhưng sức lực quân đội ta không đủ mạnh. Người Pháp ngoài sức mạnh vũ lực còn lợi dụng giáo dân Thiên chúa để đánh Đà Nẵng, tấn công miền Bắc.

Những lúc rảnh rỗi ngài có những thú vui riêng như đi săn bắn, xem hát, đọc sách, làm thơ. Thơ văn của ngài để lại khá nhiều cả chữ Nôm lẫn chữ Hán như "Việt Sử Tổng Vịnh Thi Tập", "Tự Đức Thánh Chế Thi Tập", "Tứ Huấn Lục", "Luận Ngữ Diễn Ca", "Thập Điều Diễn Ca". Việc làm thơ, ngâm vịnh ngài vốn có tài từ lúc còn là Hoàng tử, nhiều lúc đang hầu cơm

(1) Loạn Tam đường là bọn Quảng nghĩa đường, Lục thắng đường và Đức thắng đường nổi lên ở Thái Nguyên, sau nhờ Nguyễn Đăng Giai lâm Kinh lược Bắc kỳ dụ hàng mới yên.
Loạn châu chấu nổi lên ở Sơn Tây tôn Lê Duy Cự dòng dõi nhà Lê làm minh chủ, năm nổi lên ở Sơn Tây có nhiều châu chấu phá hoại mùa màng nên mới có tên gọi như vậy.
Tạ văn Phụng trước theo các giáo sĩ Thiên chúa ra ngoại quốc, sau theo Trung tướng Pháp là Charner về đánh Quảng Nam rồi ra Bắc xưng là Lê Duy Ninh con cháu nhà Lê, tự tôn làm minh chủ, đem bọn giặc khách ở bể vào đánh lấy Hải Ninh. Ngoài ra họ còn tìm cách liên hệ với quân Pháp ở Nam kỳ. Loạn nổi lên từ năm Tân dậu (1860) đến năm Ất sửu (1865) mới dẹp yên.

(2) Loạn này về sau gọi là loạn Chày vôi. Anh em họ Đoàn vốn chiêu mộ được một toán quân, kéo qua Khiêm Cung uy hiếp và dụ dỗ bọn lính và thợ đang công tác xây lăng về Kinh nổi loạn, bọn này vác chày nện vôi kéo về Kinh nên mới gọi là loạn Chày vôi.

(3) Ba tỉnh miền đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Gia Định và Định Tường. Ba tỉnh miền tây là Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

(4) Không những nhà vua tiết kiệm chi tiêu mà các bà trong cung cũng phải giảm bớt lương bổng sung vào công khố.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

đức Hiến Tổ, đang ăn cũng bỏ đũa để ngâm vịnh, được vua Hiến Tổ rất ngợi khen. Thơ của ngài nhiều bài lời lẽ chất phác tự nhiên, chính ngài đã từng bảo : "Làm thơ tả ngay những điều trong tâm can mình mà không gọt đũa", như :

.....

*Sẵn thế núi non đà tạo lập*
*Thêm hình điện các lại hào hùng*
*Khắp đường rậm rạp cành xuân mát,*
*Vào cửa mình quên nắng hạ nồng*

(Lên Khiêm Cung)

hoặc : *... Thần núi ứng mưa thêm dậm dậm*
*Ơn trời rưới nước khắp ào ào*
*Trăm đồng hạt ngọc nhờ no đủ*
*Một giọt cân vàng khó ước ao...*

(Mừng được mưa)

Nhưng cũng nhiều bài rất điêu luyện :

*Sự đời ngẫm nghĩ nghĩ mà ghê,*
*Sống gởi rồi ra lại thác về*
*Khôn dại cùng chung ba tấc đất,*
*Giàu sang chưa chín một nồi kê.*
*Tranh giành trước mắt mây tan tác.*
*Đày dọa sau thân núi nặng nề*
*Muốn đến hải tiên tiên chẳng bảo*
*Gượng làm chút nữa để mà nghe*

(Ngẫm sự đời)

hoặc trong các bài nhớ Công chúa Diên Phúc :

....

*Tương chúc ba trăm diêu sắt hướng*
*Tần lâu vận ứng ngọc tiêu thanh*
*Đồ bi tuyền nhưỡng thiên niên tại*
*Vĩ tặng hoàn khuê nhất ngữ vinh*
*(Tiếng đàn lặng sóng sông Tương*
*Lầu Tần vấy phủ bao đường tiêu âm*
*Suối vàng mang hận ngàn năm*
*Hoàn khuê chưa tặng sao rằng là vinh)*

*... Nhân vân tụ tán ưng vô định,*
*Đại mộng hoang bi khước kỷ hồi*
*(Vô thường tụ tán mây trôi*
*Huống gì mộng lớn mấy hồi buồn vui)*

Trong lúc tình hình đất nước nguy ngập thì ngài lâm bịnh mà mất. Ngài mất ngài 16 tháng 6 năm Quí mùi (19.7.1883), thọ 55 tuổi, trị vì được 36 năm.

Vốn thấm nhuần Nho học, ngài suốt đời sống trong tinh thần Nho giáo, ngài xem trọng việc kính trời, trung hiếu, lấy đức Khiêm làm đạo để noi theo. Khiêm là kính là nhường, có địa



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

vị mà không ở, tự uốn nắn để hạ mình, vì thế nên ngài sống thanh đạm, nhưng cũng làm ngài trở nên mềm yếu. Ngài cũng tự biết đức mình không đủ để thay đổi thói tục, tài mình không đủ để làm mọi người hăng hái. Ngài thường ca tụng những người con thảo, những bề tôi hiền nhưng chính ngài bị tổn thương trong tình anh em, và việc này khiến ngài bị ám ảnh mãi, ngài từng than thở : "Ôi quả lòng ta có như vậy không, hay bị những kẻ ti tiện đưa đến chỗ lầm lỗi", vì ngài tuy cầm quyền sanh sát nhưng chưa bao giờ ra lệnh giết ai trước khi chưa thành án.

Trong lúc vận nước khó khăn, quan lại lười biếng cầu an, lại ở trong một thế giới hám lợi, công khanh sĩ tử tham tàn đối trá, phô trương đôi chút công nhỏ để che những lỗi lầm lớn, hám lợi nhỏ để mang lấy họa to, ai cho thế là không phải thì xúm nhau mà chê bai ngu muội...(1) nên việc mất nước thời đó là lỗi chung của triều đình mà ngài là người đứng nhận trách nhiệm.

Người ta chê ngài nhu nhược, thiếu tài lãnh đạo trong lúc trị vì mà còn để di hại về sau, nhưng thử nghĩ trong hoàn cảnh đó khó có ai xoay xở được, ngay cả Trung Hoa cũng là miếng mồi xâu xé của các nước phương Tây. Nhưng là một người con chí hiếu, một vị vua có tính khiêm cung và nhiều đức tính khác thì ngài là người đáng quí đáng nêu gương trong họ tộc.

## 14.2. LĂNG VÀ MIẾU THỜ – CÁC TƯỚC HIỆU ĐƯỢC TRUY PHONG

Lăng của ngài gọi là Khiêm Lăng ở làng Dương Xuân Thượng, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Lăng khởi công xây từ tháng 9 năm Giáp tí (1864) hoàn thành tháng 8 năm Đinh mão (1867) đang lúc ngài đang còn trị vì. Đây là một kiến trúc tinh xảo trong một khung cảnh thơ mộng. Trong lăng các điện, các cổng, hồ, nhà bia... đều kết với chữ Khiêm để đặt tên. Lúc sinh thời ngài cùng với văn vũ bá quan thường năng lui tới đây, có khi lưu lại để yến tiệc, ngâm vịnh nên được gọi là Khiêm Cung, sau khi ngài mất gọi là Khiêm Lăng(2).

Sau khi mất, ngài được tôn thụy là "Dực Tông Thế(3) Thiên Hanh Vận Chí Thành Đạt Hiếu Thể Kiện Đôn Nhân Khiêm Cung Minh Lược Duệ Văn Anh Hoàng Đế".

Ngài được thờ ở ân thứ hai bên trái trong Thế miếu cũng như trong điện Phụng Tiên. Ngoài ra ngài còn được thờ trong điện Hòa Khiêm ở Khiêm Lăng

## 14.3. GIA ĐÌNH

### 14.3.1. Hậu và phi

#### 14.3.1.1. VŨ THỊ DUYÊN
Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu 武 氏 緣

Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu húy là Duyên, còn húy là Hài 諧 người Lệ Thủy (Quảng Bình), con của Ngự tiền đại thần Thái tử Thái bảo Đông các Đại học sĩ Đặc tiến Kim tỉ Vinh Lộc Đại phu Lệ Quốc Công Vũ Xuân Cẩn, mẹ bà họ Trần được phong Lệ Quốc nhất phẩm phu nhân. Bà sinh ngày 12 tháng 5 năm Mậu tí (23.6.1828)

Lúc nhỏ bà đoan trang dịu dàng, lại thích đọc sử sách, quen với giáo huấn chốn phòng khuê. Năm Quí mão (1843) bà được tuyển vào hầu vua Dực Tông nơi tiềm để. Bà vốn đức hạnh lại chịu khó hầu hạ Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu, được hậu ngợi khen nên vua rất thương mến.

(1) Trích bia lăng Tự Đức

(2) Trong bia của lăng Tự Đức, ngài đã viết : "Tổng danh chi viết Khiêm Cung, hậu tất vị chi Khiêm Lăng" (tên gọi chung là Khiêm Cung, ngày sau tất gọi là Khiêm Lăng).

(3) Ở thần chủ thờ tại Thế Miếu ghi là Kế.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Mậu thân (1848) khi vua Dực Tông lên ngôi phong bà làm Cung tần. Năm Canh tuất (1850) khi định lại giai bậc trong chốn cung cấm, bà được phong Cẩn phi.

Năm Canh thân (1860) bà được tấn phong Thuần phi, năm Tân dậu (1861) cải phong là Trung phi. Năm Canh ngọ (1870) tấn phong bà làm Hoàng Quí phi. Đến tháng 12 năm Nhâm ngọ (1883) bà bị giáng làm Trung phi vì nhân vua không được khỏe đang dùng thuốc, bà công việc bề bộn sai cung nhân dâng bữa cơm chiều hơi muộn. Tuy nhiên bà vẫn còn giữ được giai bậc cũ nhưng không được trông coi cả sáu viện.

Năm Quí mùi (1883) khi vua Dực Tông mất, di chiếu để lại tôn bà làm Hoàng Hậu, lo quản lý mọi việc bên trong cung và hết lòng lo dạy bảo tự quân.

Nhưng tự quân (Cung Tông Huệ Hoàng Đế) mới nối ngôi được 3 ngày thì bị quyền thần hại và đón lập Văn Lãng Công lên kế nghiệp tức vua Hiệp Hòa. Mùa thu năm đó Tôn nhân phủ và đình thần theo di chiếu tấn tôn bà làm Hoàng Hậu ở cung Gia thọ (nơi Nghi Thiên Hoàng Hậu ở) nhưng bà từ chối và ban rằng : "Ta phụng chiếu dạy dỗ tự quân mà nay tự quân như thế này tức ta có lỗi, chỉ xin lên Khiêm Cung để được phụng hầu". Vua Hiệp Hòa lại xin rước bà đến Cao Minh điện để bái yết dâng cơm nhưng bà cũng không nhận. Sau đó bà lên ở Khiêm Cung, vua Hiệp Hòa phải bàn tính với đình thần và tôn bà làm Khiêm Hoàng Hậu[1].

Năm Giáp thân (1883) nhân gặp sinh nhật của Bà, vua Kiến Phúc cải đổi là Thiên Thu tiết và cùng với các Thân công, các quan ở bộ Lễ đến Khiêm Cung làm lễ bái mừng.

Tháng 5 năm Ất dậu (1885) người Pháp tấn công Kinh thành, bà cùng Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu theo vua Hàm Nghi ra Bắc. Sau khi Nguyễn văn Tường thu xếp xong với người Pháp, rước bà và Hậu về ở Khiêm Cung. Đến khi vua Cảnh Tông nối nghiệp, Pháp giao trả thành trì cho ta, bà được rước từ Khiêm Cung trở về cung Trường Ninh.

Tháng 3 năm Đinh hợi (1887) theo di chiếu của vua Dực Tông tôn phong bà nhưng vì biến cố chưa cử hành được, nay tôn bà làm Trang Ỷ Hoàng Thái Hậu.

Tháng 10 năm Kỷ sửu (1889) tấn tôn bà làm Trang Ỷ Thuận Hiếu Thái Hoàng Thái Hậu.

Bà mất ngày 27 tháng 4 năm Nhâm dần (03.6.1902), thọ 75 tuổi, qua tháng 5 vua Thành Thái dâng tôn thụy là Lệ Thiên Phụ Thánh Trang Ỷ Thuận Hiếu Cẩn Thứ Ôn Từ Hiền Minh Tĩnh Thọ Anh Hoàng Hậu.

Lăng của bà gọi là Khiêm Thọ Lăng ở trong khuôn viên của Khiêm Lăng thuộc Hương Thủy, Thừa Thiên.

Bà được phối thờ với vua Dực Tông tại án thứ hai bên trái trong Thế Miếu cũng như trong điện Phụng Tiên. Ngoài ra bà còn được phối thờ trong điện Hòa Khiêm ở Khiêm Lăng.

Bà không có con, năm Kỷ tị (1866) theo lệnh của vua Dực Tông bà nhận cháu là Nguyễn Phúc Ưng Chân làm dưỡng tử.

Mùa đông năm Ất dậu (1885) dưới triều Đồng Khánh, gia phong cho thân phụ bà làm Lệ Quốc công, đích mẫu họ Bạch cũng như sinh mẫu họ Trần của bà làm Lệ Quốc Phu nhân, cho dựng nhà thờ gọi là Lệ Quốc công từ. Năm Bính tuất (1886) lại truy phong cho các đời trước

(1) Theo di chiếu của vua Dực Tông thì tự quân (vua Dục Đức) sẽ đứng ở vai con tôn bà làm Hoàng Thái Hậu. Nhưng tự quân bị hại, vua Hiệp Hòa nối ngôi, bà đối với vua là Chị dâu nên việc tôn phong phải bàn lại với Tôn nhân phủ và đình thần. Sau Thọ Xuân Vương nếu trường hợp nhà Tống bên Trung Hoa, khi Tống Thái Tổ mất, em là Triệu Quang Nghĩa lên nối ngôi tức vua Thái Tông không thể tôn chị dâu làm Thái Hậu vì khó xưng hô, nên tôn làm Hoàng Hậu, vì thế vua Hiệp Hòa tôn bà làm Khiêm Hoàng Hậu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

trong dòng họ bà, ban thụy cho dích mẫu, sanh mẫu cùng cho lập nhà thờ họ là Tích Chỉ từ và sửa sang các mộ phần tổ tiên.

14.3.1.2. NGUYỄN THỊ CẨM 阮氏錦
Thiện phi

Bà người Quảng Điền (Thừa Thiên), con gái của Hải An Kinh Lược kiêm Tổng đốc Định An Nguyễn Đình Tân dưới triều vua Dực Tông. Năm sinh và mất không rõ.

Năm Canh thân (1860) bà được tấn phong Thiện phi.

Năm Ất sửu (1865) bà theo lệnh vua Dực Tông nhận công tử Nguyễn Phúc Ưng Thị làm dưỡng tử, lúc này công tử mới 2 tuổi, về sau lên ngôi tức vua Cảnh Tông.

14.3.1.3. NGUYỄN THỊ HƯƠNG 阮氏香
Học phi

Bà người Vĩnh Long, lai lịch không rõ.

Năm Canh ngọ (1870) bà theo lệnh vua Dực Tông nhận công tử Nguyễn Phúc Ưng Hỗ làm dưỡng tử, lúc này công tử mới 2 tuổi, về sau công tử lên nối ngôi tức vua Giản Tông.

14.3.1.4. LÊ THỊ...
Cung phi

Không rõ lai lịch, tên tuổi, chỉ biết bà từ Thuận tần được phong lên Cung phi vào năm Canh thân (1860).

14.3.1.5. NGUYỄN THỊ BÍCH 阮氏璧
Lễ tần

Bà có tự là Lương Đoàn, người huyện An Phúc thuộc Ninh Thuận, con thứ tư của nguyên Bố chính sứ Thanh Hóa Nguyễn Nhược Sơn, mẹ bà là Thục nhân họ Nguyễn. Khi có thai mẹ bà nằm mộng thấy sao Bích[1] sa vào miệng và nuốt đi, vì thế đặt tên bà là Bích.

Lúc nhỏ bà thông minh, lớn lên nổi tiếng về văn học. Năm Mậu thân (1848) bà được 19 tuổi, quan Phụ chính đại thần Lâm Duy Nghĩa làm biểu tiến bà, vua Dực Tông khiến bà làm bài thơ "Tảo mai" (hoa mai nở sớm), bà ứng làm ngay, trong đó có hai câu :

*"Nhược giao dụng nhữ hòa canh vị*
*Nguyện tác lương thần hữu phụ Thương".*
*(Nếu giao trong việc nêm canh,*
*Xin làm tôi giỏi trung thành giúp Thương)*[2]

Vua khen thưởng, ban cho bà 20 đỉnh bạc, rồi tuyển vào cung, sung chức Thượng nghị viện sự.

Năm Canh tuất (1850) bà được phong là Tài nhân. Bà là người giỏi văn chương, biết giữ lễ thường được theo hầu cận vua trong cung, hoặc đi theo trong lúc ngự du để phụng ứng chế[3], và được vua rất quí mến.

Năm Canh thân (1860) bà được phong là Mỹ nhân rồi phong Quí nhân, năm Mậu thìn (1868) tấn phong là Tiệp dư.

---

(1) Bích là tên một trong nhị thập bát tú, tương sách vỡ.

(2) Thương là tên một triều đại ở Trung Hoa từ 1766 trước TL đến 1123 trước TL.

(3) tức làm thơ, phú theo những đề vua ban, hoặc họa thơ của vua.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Khi vua Giản Tông (Kiến Phúc) và vua Cảnh Tông (Đồng Khánh) chưa lên ngôi, đều được bà dạy về kinh diển cùng những việc trong chốn cung cấm nên mọi người đều gọi bà là Tiệp dư phu tử (Đức Thầy Tiệp dư).

Năm Quí mùi (1883) vua Dực Tông mất, tất cả những ý chỉ, sắc dụ của Lưỡng cung (Tá Thiên Hoàng Hậu và Lệ Thiên Hoàng Hậu) đều do tay bà thảo ra.

Năm Ất dậu (1885) khi Kinh thành có biến, bà theo Lưỡng cung ra Quảng Trị, bà có làm bài thơ chữ Nôm gọi là "Loan dư hạnh Thục quốc âm ca" (Bài ca bằng chữ Nôm nói về xe vua đến đất Thục)[1].

Năm Nhâm thìn (1892) thương công khó nhọc của bà, Tá Thiên Hoàng Hậu phong bà là "Lễ tần bậc ba".

Bà mất năm Kỷ dậu (1909), thọ 80 tuổi.

**14.3.2. Hoàng Tử - Hoàng Nữ**

Đức Dực Tông không có con nối dòi nên phải nuôi ba cháu làm dưỡng tử, một người con của Thụy Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Y, 2 người con của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai :

1. Nguyễn Phúc Ưng Chân
2. Nguyễn Phúc Biện
3. Nguyễn Phúc Hạo

**14.3.3. Anh chị em**

14.3.3.1A. NGUYỄN PHÚC HỒNG BÀO 阮福洪俵
An Phong Quận Vương

Ông là con trưởng của đức Hiến Tổ, mẹ là Quí nhân Đinh Thị Hạnh. Ông sinh ngày 12 tháng 3 năm Ất dậu (29.4.1825).

Ông thuở nhỏ người khỏe mạnh, có học nhưng tính tình phóng túng ít chịu gò bó vào khuôn phép nên thường bị vua cha quở trách. Năm Canh tí (1840) ông được phong là An Phong Đình hầu, rồi năm Quí mão (1843) được phong An Phong Công.

Sau khi đức Hiến Tổ mất để lại di chiếu truyền ngôi cho vua Dực Tông là con thứ hai, trong chiếu có viết : "... trong mấy người con của ta, Hồng Bảo tuy lớn tuổi nhưng vì thứ xuất[2] lại ít học, ham vui chơi, không thể nối nghiệp...".

Cuối năm Tân hợi (1851) nhân Tết Âm lịch, ông bị bắt trong khi sửa soạn bỏ trốn. Theo lời ông thì bị bạn bè khinh khi và nghèo khó nên muốn xa Kinh thành trốn đi sống ở nước ngoài. Sau đó vua Dực Tông xá tội cho ông và lưu ông lại Kinh thành[3].

(1) Bài này gọi tắt là Hạnh Thục Ca 1018 câu. Hạnh Thục là vua đến đất Thục lấy việc Đường Minh Hoàng tránh nạn An Lộc Sơn vào đất Thục. Ở đây kể chuyện vua Hàm Nghi tránh nạn trốn ra Quảng Trị.

(2) Thứ xuất nghĩa là do bà thứ phi sinh ra. Sử nhà Nguyễn chép về việc của An Phong Quận Vương quá vắn tắt, chứng tỏ thiếu minh bạch. Di chiếu đức Hiến Tổ tuy có chép trong "Quốc Triều Chính Biên", nhưng dính vào việc truất phế ông dương nhiên phải có đại thần Trương Đăng Quế và bà Từ Dũ.

(3) Về việc này theo Linh mục Pellerin thì ông định trốn sang Tân-gia-ba để nhờ người Anh giúp lấy lại ngôi vua.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Đến năm Quí sửu (1853), nhân bắt được thuộc hạ ở trong Phủ của ông là Trần Tuấn Đức buộc tội là qua thông ước với Cao Miên gây việc chiến tranh nên ông bị bắt giam, rồi sau đó ông mất ở trong ngục[1]. Ông mất vào tháng giêng năm Giáp dần (1854), ngày không biết rõ.

Ông bị tội bất đổi qua họ mẹ là họ Đinh, nên con trưởng của ông là Nguyễn Phúc Ưng Đạo phải đổi thành Đinh Đạo.

Mười mấy năm sau, đến năm Bính dần (1866), Đoàn Trưng rể của Tùng Thiện Vương, dựa vào uy tín của ông và lòng công phẫn của dân quân đang xây dựng Khiêm Lăng để gây cuộc chính biến ở Kinh thành và tôn phù Hoàng tôn Ưng Đạo. Việc không thành khiến cho Ưng Đạo cùng mẹ và anh em đều bị xử tử[2].

Năm Mậu tuất (1898) (Thành Thái thứ 10) ông được truy phục lại tước An Phong Công. Đến triều Khải Định ông được truy tặng An Phong Quận Vương.

Năm Ất sửu (1865) mộ phần của ông được cải táng đưa về chôn ở chân núi Ngự Bình, đến triều Khải Định được vua ra lệnh cải táng lần nữa, nhưng không rõ hiện ở đâu.

Nhà thờ ở Thanh Thủy (Hương Thủy, Thừa Thiên). Ông Ưng Tuynh con thứ 8 của Thái Thạnh Quận Vương qua kế phòng An Phong.

Ông đứng đầu Phòng I thuộc đệ tam chính hệ và ngự chế ban cho bộ Thốn 寸 để đặt tên cho con cháu trong Phòng.

### 14.3.3.3A. NGUYỄN PHÚC HỒNG PHÓ 阮 福 洪 付
Thái Thạnh Quận Vương

Ông là con thứ 3 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Trương Thị Thúy. Ông sinh ngày 1 tháng 3 năm Quí tị (20.4.1833).

Năm Bính ngọ (1846) ông được phong là Thái Quốc Công, năm Mậu dần (1878) được phong là Thái Thạnh Công.

Ông mất ngày 20 tháng 3 năm Canh dần (08.5.1890), thọ 58 tuổi, thụy là Trang Cung.

Năm Đinh dậu (1897) ông được troy tặng là Thái Thạnh Quận Vương.

Tẩm của ông ở Hải Cát, (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông có 26 con trai và 28 con gái. Con trai thứ 3 là Nguyễn Phúc Ưng Cận ban đầu được tập phong, về sau bị tội phế làm thứ dân.

Ông và con cháu mở ra Phòng 3 thuộc đệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Cân 巾 để đặt tên cho con cháu trong Phòng.

### 14.3.3.4A. NGUYỄN PHÚC HỒNG Y 阮 福 洪 依
Thụy Thái Vương

Ông có tự Quân Bác, là con thứ 4 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thục phi Nguyễn Thị Xuyên. Ông sinh ngày 28 tháng 7 năm Quí tị (11.9.1833).

---

(1) Việc chết của ông rất mờ ám, ở "Quốc Triều Chính Biên Toát yếu" chỉ chép có hơn 3 hàng, trong "Đại Nam Chính Biên Đệ Tứ Kỷ" chép nhiều hơn nhưng chẳng rõ ràng gì, chép ông phản nghịch thắt cổ chết. Trong một bài của cụ Ưng Trình viết (Một quan niệm về phương pháp đọc sử) có ghi lúc cải táng mộ ông dưới triều Khải Định theo lời kể của cụ Ưng Dinh thuở đó làm thơm tri bộ Hình, thì trong quan tài có chôn theo một viên đá, phụ lão ở đó kể rằng ngày trước họ nghe nói khi ông bị giam có một bức tường sập xuống đè chết ông, nên chôn theo viên đá để làm chứng. Điều đó chứng tỏ thời đó họ đã sắp xếp một cái chết hữu lý cho ông, vì nếu để ông sống cũng khó làm yên lòng vua Dực Tông cùng các quan lại quanh vua.

(2) Khi Đoàn Trưng gây biến ở Kinh thành cũng dựa vào nhóm hoàng thân có cảm tình với ông, nên sau khi dẹp yên biến động nhiều hoàng thân bị tội cách tước. Triều đình dựa vào vụ này để cố tiêu diệt gia đình của ông mà trừ hậu hoạn. Ta thấy Trưng chủ xướng mà vợ không có tội gì hết, còn Ưng Đao chẳng qua bị mượn tiếng hoàng tôn mà cả nhà bị tru di.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Thuở bé ông thông minh đĩnh ngộ khác thường, lúc lớn học rộng giỏi thơ văn nên được vua cha rất thương yêu.

Năm Nhâm dần (1842) khi đức Hiến Tổ ra Bắc lo lễ bang giao, sai ông cùng với Hoàng nhị tử (tức vua Dực Tông) đi theo. Ông khéo hầu cận vua nên lúc về vua rất ngợi khen.

Năm Bính ngọ (1846) ông được phong là Kiến Thụy Công.

Vào đầu triều Tự Đức ông cùng với Tùng Thiện Vương vào hầu vua Dực Tông ở vườn tập bắn, vua sai ông cùng với Tùng Thiện Vương làm bài liên cú[1] theo đề "Qui đông tân tình hậu uyển tập xạ" (lúc tháng chạp trời mới tạnh mưa tập bắn tại vườn sau).

Năm Kỷ dậu (1849) vua đến nhà Thái học, ông đi theo và dâng lên bài "Thị học" (quan sát việc học) được vua ngợi khen và cho ghi vào "Tích Ung Canh Ca Hội Tập".

Năm Tân mùi (1871) ông được lệnh kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu tôn nhân. Năm Nhâm thân (1872) nhân ông đến tuổi thọ 40, vua Dực Tông đem phẩm vật trong kho ban cho và ngự chế bài thơ để ban cho ông. Thơ rằng :

*Giới đệ thân trung hậu,*
*Do nhi phàn ngoại vinh.*
*Văn chương sư Tử Kiến,*
*Đức nghiệp mộ Đông Bình*
*Lực thiêm niên cận tráng,*
*Thân nhàn phúc dị tinh*
*Quí dư đa bất cập,*
*Tứ tuế thiểm vi huynh.*

*Ngô đệ tuy rằng chúng*
*Duy quân khả kết minh*
*Tài phan duyên học thực*
*Đức mậu đắc làn tình*
*Thu nguyệt tam bôi tửu*
*Xuân phong nhất trạo khinh*
*Gia đình chân lạc sự*
*Thế thượng tẩn phù danh*

*(Trung hậu vốn tính trời sinh,*
*Em yêu nhỏ tuổi, nổi danh trong ngoài*
*Văn Chương Tử Kiến[2] kém tài*
*Đức hạnh xem càng sánh vai Đông Bình[3]*
*Càng già sức khỏe càng tinh*
*Thân nhàn mà được phúc sinh vô cùng*
*Thẹn rằng ta chẳng ngang bằng*
*Nhỏ hơn bốn tuổi mà thành ra anh.)*

(1) Tức bài thơ gồm nhiều câu mỗi người làm một câu.

(2) Tử Kiến tức Tào Thực con của Tào Tháo đời Tam Quốc có tự là Tử Kiến, giỏi làm thơ, đi bảy bước đã ứng khẩu đọc được bài thơ, về sau Tử Kiến được phong là Trần Tư Vương.

(3) Đông Bình tức Đông Bình Vương con thứ tám của vua Quang Vũ nhà Đông Hán, giỏi kinh thuật, có công sửa sang lễ nhạc. Ông lại là người hiếu thiện. Vua Hán thường ngày hỏi ông trị gia như thế nào là hạnh phúc nhất, ông đáp : "Thiện tối lạc".



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*Em ta tuy thật là dông*
*Chỉ có mình chú dáng cùng kết mình*
*Học hành nổi tiếng tài danh*
*Lại thêm đức hạnh vang quanh tiếng đồn,*
*Trời thu dãm chén rượu ngon,*
*Gió xuân một chiếc thuyền con nhẹ nhàng,*
*Gia đình êm ấm an khang*
*Phù danh dâu dễ buộc ràng tấm thân)*

Ông bị bệnh và mất ngày 11 tháng 1 năm Đinh sửu (23.2.1877), thọ 45 tuổi. Nghe tin, vua Dực Tông hết sức đau buồn, truy tặng là Kiến Thụy Quận Vương, ban thụy Tuệ Đạt.

Năm Đinh dậu (1897) vua Thành Thái tấn tặng ông là Thụy Thái Vương, thụy Đôn Chính.

Tẩm ông ở Lai Thành, Hương Trà, Thừa Thiên.

Nhà thờ ở ấp Đông Trì, (Hương Trà, Thừa Thiên) (nay thuộc phường Phú Cát, Huế).

Ông bẩm tính thích giao tiếp bạn bè, lấy việc sáng tác thi văn làm vui. Trong những lúc vui chơi chốn sông hồ rừng núi, hoặc những lúc yến hội thù tiếp bè bạn đều có ngâm vịnh. Thơ của ông hoặc hoài cổ, hoặc cảm hứng trước cảnh thiên nhiên đều được chép thành tập để lại[1].

Ông có 43 con trai và 24 con gái. Trưởng Tử là Nguyễn Phúc Ưng Khánh tập phong Thụy Quận công. Con thứ 3 của ông là Nguyễn Phúc Ưng Ái được vua Dực Tông nhận làm dưỡng tử, sau được truy tôn là Cung Tông Huệ Hoàng Đế. Con của Nguyễn Phúc Ưng Khánh là Nguyễn Phúc Bửu Thạch được tập phong Kiến Thụy Công.

Ông và con cháu mở ra phòng 4 thuộc đệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Hương 香 rồi sau đổi thành bộ Thạch 石. để đặt tên cho con cháu trong phòng.

Phụ chép

– TRẦN THỊ NGA
Đoan Thục phu nhân

Bà là đệ nhất phủ thiếp của Thụy Thái Vương, sinh ngày 22 tháng 4 năm Nhâm thìn (20.5.1832) và mất ngày 5 tháng 9 năm Tân hợi (26.10.1911), thọ 80 tuổi, tôn thụy là Đoan Thục phu nhân.

Năm Quý sửu (1853) bà sinh được Nguyễn Phúc Ưng Ái sau được vua Dực Tông nhận làm dưỡng tử đổi tên là Nguyễn Phúc Ưng Chân. Năm Qui mùi (1883) Ưng Chân bị quyền thần phế bỏ, đến năm Nhâm thìn (1892) được truy tôn là Cung Tông Huệ Hoàng Đế.

### 14.3.3.5A. NGUYỄN PHÚC HỒNG KIỆM 阮福洪儉

Ông là con thứ 5 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Đỗ Thị Trinh. Ông sinh ngày 3 tháng 9 năm Giáp ngọ (5.10.1834), mất ngày 19 tháng 4 năm Nhâm dần (28.5.1842), được 9 tuổi.

Tẩm của ông ở Cư Chính, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Nhâm thân (1872) ông được thờ tại Triển Thân từ.

### 14.3.3.6A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TỐ 阮福洪慬
Hoằng Trị Vương

Ông là con thứ 6 của đức Hiến Tổ, mẹ là Quí nhân Ngô Thị Xuân. Ông sinh ngày 23 tháng 9 năm Giáp ngọ (25.10.1834).

(1) Hiện nay thi văn của ông để lại đều bị tiêu hủy hoặc thất tán hết.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Bính ngọ (1846) ông được phong là Hoằng Trị Quận công.

Năm Mậu dần (1878) được gia phong là Nghi Quốc công.

Ông mất ngày 27 tháng 7 năm Nhâm tuất (18.9.1922), thọ 90 tuổi, được truy phong là Hoằng Trị Vương, thụy không rõ.

Tẩm của ông ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Nhà thờ hiện ở Phú Cát, Huế.

Ông có 4 con trai và 10 con gái.

Ông và con cháu mở ra Phòng 6 thuộc đệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Vông 网 để đặt tên cho con cháu trong Phòng.

### 14.3.3.7A. NGUYỄN PHÚC HỒNG PHÌ 阮 福 洪 怩
Vĩnh Quốc công

Ông là con thứ 7 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Nguyễn Thị Phương. Ông sinh ngày 15 tháng 1 năm Ất mùi (12.2.1835).

Năm Canh tuất (1850) ông được phong là An Sơn Quận công

Ông mất ngày 2 tháng 3 năm Quí hợi (19.4.1863), được 29 tuổi, truy phong Vĩnh Quốc công, thụy Lương Mẫn.

Tẩm ông ở An Cựu, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Ất dậu (1885) dưới triều Đồng Khánh ông được thờ ở Thân Huân từ.

### 14.3.3.8A. NGUYỄN PHÚC HỒNG HƯU 阮 福 洪 休
Gia Hưng Vương

Ông vốn húy là Thuyên, con thứ 8 của đức Hiến Tổ, mẹ là Lương phi Vũ Thị Viên. Ông sinh ngày 11 tháng 8 năm Ất mùi (2.10.1835).

Lúc xuất các ông học hành tinh thông kinh sử. Năm Bính ngọ (1846) ông được phong là Gia Hưng Công. Năm Quí mùi (1883) tấn phong ông là Gia Hưng Quận vương kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu tôn nhân.

Năm Quí mùi (1883) khi Giản Tông Hoàng Đế tức vị, Hoàng thân trong Tôn nhân phủ tâu rằng : "Việc nước đang rối rắm mà vua còn quá trẻ, cần có người thân thần trung hậu lão luyện phò giúp", vì thế ông được chọn làm Phụ Chính Thân thần nhưng vẫn giữ việc ở Tôn nhân phủ.

Khi vua Giản Tông mất, quyền thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường lập Công tử Nguyễn Phúc Ưng Lịch lên làm vua, nhưng quan Khâm sứ Pháp là Rheinart lại muốn lập Gia Hưng Quận vương, triều đình ta không chịu. Sau đó năm Ất dậu (1885) khi vua Hàm Nghi kế vị, Trấn Tĩnh Quận công Nguyễn Phúc Miên Dẫn tâu rằng : "Gia Hưng Quận vương theo việc tư mà bỏ việc công, tiết lộ việc lớn của nhà nước, lại mang tai tiếng về tình ái". Vua hạ lệnh Tôn nhân phủ điều tra. Thuyết và Tường cho rằng nhiều lần ông đã liên lạc với Khâm sứ Pháp trước đây là Rheinart và những tình tiết do Trấn Tĩnh Quận công tâu là có thực nên định án bỏ ngục.

Sau nhờ Khâm sứ Lemaire can thiệp nên ông bị cách hết chức tước và đưa đi an trí ở Lao Bảo, Quảng Trị, các Công tử bị giáng xuống làm Tôn thất và đưa đi an trí các nơi. Ông mất tại Lao Bảo ngày 25 tháng 3 năm Ất dậu (9.5.1885)[1] thọ 51 tuổi.

(1) Theo tin truyền lại bấy giờ thì ông bị Thuyết sai người đón đường giết chết trong lúc đi an trí. Việc này cũng có thể tin được vì Tường và Thuyết tìm cách triệt hạ phe chủ hòa ở trong triều đình.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Ất dậu (1885) khi Pháp tấn công Kinh thành, vua Hàm Nghi theo Tôn Thất Thuyết ra Quảng Trị, Thọ Xuân Vương Nguyễn Phúc Miên Định làm nhiếp chính, theo ý chỉ của Lưỡng cung xóa hết tội cho ông truy phục tước Gia Hưng Công, đưa về Kinh an táng, phục lại tước tịch cho các Công tử.

Năm Kỷ sửu (1889) vua Thành Thái truy phục tước Gia Hưng Quận vương và ban thụy Cung Túc. Về sau ông được truy tặng tước Gia Hưng Vương.

Tẩm của ông ở Trúc Lâm, (Hương Trà, Thừa Thiên).

Nhà thờ ở phường Đệ ngũ, Hương Trà, Thừa Thiên (nay thuộc phường Phú Cát, Huế).

Ông có 10 con trai và 15 con gái. Con thứ 7 của ông là Nguyễn Phúc Ưng Huy ban đầu tập phong Gia Hưng Huyện hầu, đến năm Canh dần (1890) tập phong Gia Hưng Quận công rồi làm Tả tôn khanh ở Tôn nhân phủ.

Ông cùng con cháu mở ra Phòng 8 thuộc đệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Sách 子 để đặt tên cho con cháu trong Phòng.

### 14.3.3.9A. NGUYỄN PHÚC HỒNG KHÁNG 阮福洪伉
Phong Lộc Quận Công

Ông là con thứ 9 của đức Hiến Tổ, mẹ là Đoan tần Trần Thị Thận. Ông sinh ngày 1 tháng 4 năm Đinh dậu (5.5.1837).

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Phong Lộc Quận Công.

Tháng 7 năm Giáp dần (1854) ông theo vua Dực Tông đến nhà Thái học, phụng mệnh ứng chế "Thị học thi" (quan sát việc học) gồm 6 bài được vua khen thưởng cho chép vào tập Tích Ưng Canh Ca.

Ông mất ngày 3 tháng 1 năm Ất mão (19.2.1855), lúc 30 tuổi, thụy Cung Hậu.

Tẩm của ông ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Canh dần (1890) vua Thành Thái chuẩn cho người con thứ 2 trong Phòng Văn Lãng Quận vương (phòng thứ 29 thuộc đệ tam chính hệ) là Nguyễn Phúc Ưng Hiệp qua tập tự cho ông và được phong Kỳ ngoại hầu, đổi tên thành Ưng Học.

Ông mở ra Phòng 9 thuộc đệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Tử 孑 để đặt tên cho con cháu trong Phòng.

### 14.3.3.10A. NGUYỄN PHÚC HỒNG KIỆN 阮福洪健
An Phúc Quận vương

Ông là con thứ 10 của đức Hiến Tổ, mẹ là Lương phi Vũ Thị Viên. Ông sinh ngày 2 tháng 4 năm Đinh dậu (6.5.1837).

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là An Phúc Quận công.

Năm Quí mùi (1863) phong là Thường Quốc công.

Năm Tân mão (1891) tấn phong ông là An Phúc công.

Ông mất ngày 23 tháng 5 năm Ất mùi (15.7.1895), thọ 59 tuổi.

Tẩm của ông ở Bình An, (Hương Thủy, Thừa Thiên).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Kỷ hợi (1899) vua Thành Thái truy phong ông là An Phúc Quận vương, ban thụy Trang Cung, cho lập nhà thờ ở ấp Đông Gia, Hương Thủy, Thừa Thiên (nay nhà thờ ở Phú Cát, Huế).

Ông tính tình phóng khoáng, vui chơi với cỏ cây, thích văn nhân, thường cùng học trò chuyện suốt ngày không chán. Lúc về già ông mang nhiều bệnh tật lại nghiện hút. Ông rất thân thiết với Hải Quốc công Nguyễn Phúc Miên Tằng, tới lui thường xuyên với nhau.

Ông có 12 con trai và 10 con gái. Con trưởng là Nguyễn Phúc Ưng Di được tập phong An Phúc Quận công.

Ông và con cháu mở ra Phòng 10 thuộc đệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Củng 廾 để đặt tên cho con cháu trong Phòng.

14.3.3.11A. NGUYỄN PHÚC HỒNG THIỆU 阮福洪佋

Ông là con thứ 11 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Trương thị Lương. Ông sinh ngày 2 tháng 4 năm Đinh dậu (6.5.1837), mất ngày 13 tháng 8 năm đó (12.9.1837).

14.3.3.12A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TRUYỀN 阮福洪傳
Tuy Hòa Quận vương

Ông là con thứ 12 của đức Hiến Tổ, mẹ là Nhu tần Nguyễn thị Yên. Ông sinh ngày 4 tháng 8 năm Đinh dậu (3.9.1837).

Năm Nhâm tí (1852) ông được phong là Tuy Hòa Quận công

Năm Giáp thân (1883) ông được phong là Vinh Quốc công.

Ông mất ngày 21 tháng 6 năm Kỷ sửu (18.7.1889), thọ 51 tuổi, truy phong là Tuy Hòa Quận vương, ban thụy Trang Cung.

Tẩm của ông ở Dương Xuân Thượng (Hương Thủy, Thừa Thiên)

Nhà thờ ở Hương Trà, (Thừa Thiên).

Ông có 8 con trai và 4 con gái. Con thứ tám là Nguyễn Phúc Ưng Đồng được tập phong Tuy Hòa Quận công.

Ông và con cháu mở ra Phòng 12 thuộc đệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Sam 彡 để đặt tên cho con cháu trong Phòng.

14.3.3.13A. NGUYỄN PHÚC HỒNG BÀNG 阮福洪傍

Ông là con thứ 13 của đức Hiến Tổ, mẹ là Lương phi Vũ thị Viện. Ông sinh ngày 9 tháng 5 năm Mậu tuất (30.6.1838), mất ngày 16 tháng 6 năm Quí mùi (21.7.1853), lúc 16 tuổi.

Tẩm của ông ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ông được thờ ở Triển Thân từ.

14.3.3.14A. NGUYỄN PHÚC HỒNG THAM 阮福洪㑹

Ông là con thứ 14 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Phan thị Thục. Ông sinh ngày 27 tháng 7 năm Mậu tuất (15.9.1838) và mất ngày 20 tháng 7 năm Kỷ hợi (28.8.1839), được 2 tuổi.

Tẩm của ông ở Cư Chính, (Hương Trà, Thừa Thiên).

Ông được thờ ở Triển Thân từ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

14.3.3.15A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TRƯỚC 阮福洪僖

Tảo thương, năm sinh mất cùng mẫu thân không rõ.

14.3.3.16A. NGUYỄN PHÚC HỒNG NGHĨ 阮福洪儗
Hương Sơn Quận công

Ông là con thứ 16 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Vũ thị Duyên. Ông sinh ngày 26 tháng 6 năm Kỷ hợi (5.8.1839).

Năm Mậu ngọ (1858) ông được phong là Hương Sơn Quận công.

Ông mất ngày 22 tháng 9 năm Giáp tí (22.10.1864), lúc 26 tuổi, thụy Thông Lượng.

Tẩm của ông ở Hương Sơn, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Đinh mão (1867) ông được thờ ở Triển Thân từ.

Năm Ất dậu (1885) ông được đưa đến thờ ở Thân Huân từ.

Ông có 2 con gái.

14.3.3.17A. NGUYỄN PHÚC HỒNG THỊ 阮福洪侍

Ông là con thứ 17 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Nguyễn thị Vị. Ông sinh năm Kỷ hợi (1839) và mất ngày 1 tháng 6 năm Nhâm dần (8.7.1842), lúc 5 tuổi.

Tẩm ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

14.3.3.18A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TIỆP 阮福洪倢
Mỹ Lộc Quận công

Ông là con thứ 18 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Trần thị Sâm. Ông sinh ngày 11 tháng 2 năm Canh tí (14.3.1840).

Năm Kỷ mùi (1859) ông được phong là Mỹ Lộc Quận công

Ông mất ngày 2 tháng 7 năm Quí hợi (15.8.1863), lúc 24 tuổi, thụy Đôn Thận.

Tẩm của ông ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Ất dậu (1885), dưới triều Đồng Khánh, ông được thờ ở Thân Huân từ.

Ông có 1 con gái.

Phòng 18 này được ban cho bộ Băng / để đặt tên cho con cháu trong Phòng.

14.3.3.19A. Tảo thương chưa có tên

14.3.3.20A. NGUYỄN PHÚC HỒNG THỤ 阮福洪倕

Ông là con thứ 20 của đức Hiến Tổ, mẹ là Lương phi Vũ thị Viên. Ông sinh ngày 19 tháng 9 năm Nhâm dần (22.10.1842) và mất ngày 2 tháng 7 nhuận năm Quí mão (26.8.1843), lúc 2 tuổi.

Tẩm ở Cư Chính, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

14.3.3.21A. NGUYỄN PHÚC HỒNG KỲ 阮福洪儀

Ông là con thứ 21 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thục phi Nguyễn thị Xuyên. Ông sinh ngày 12 tháng 12 năm Nhâm dần (12.1.1843) và mất ngày 10 tháng 4 năm Quí mão (19.5.1843), lúc 2 tuổi.

Tẩm ở Cư Chính, (Hương Thủy, Thừa Thiên).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

14.3.3.22A. NGUYỄN PHÚC HỒNG TỪ 阮福洪徐

Ông là con thứ 22 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thuận tần Hoàng thị Tần. Ông sinh ngày 29 tháng 9 năm Quí mão (20.11.1843) và mất ngày 26 tháng 10 năm Đinh mùi (3.11.1847), lúc 5 tuổi.

14.3.3.23A. NGUYỄN PHÚC HỒNG ĐỈNH 阮福洪從
Kỳ Phong Quận công[1]

Ông là con thứ 23 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tiệp dư Nguyễn thị Loan. Ông sinh ngày 11 tháng 10 năm Quí mão (2.12.1843).

Lúc ông còn Hoàng tử thường kiêu căng, phóng túng nên bị vua Dực Tông quở trách nặng nề.

Năm Mậu ngọ (1858) ông được phong là Kỳ Phong Quận công.

Sau đó ông lại cậy thế đánh lính Điển môn nên bị tội trừ bổng trong 2 năm.

Năm Mậu dần (1878) ông ỷ quyền bắt người đòi tiền chuộc, việc phát giác ông bị giáng xuống làm Hoàng tử. Qua năm Tân tị (1881) mới được ân chuẩn cho phục lại tước Kỳ Phong Quận công.

Năm Giáp thân (1884) vua Giản Tông mất, vua Hàm Nghi kế vị, lúc làm lễ phát tang, cùng lễ nhận ngọc tỉ đều lười lấy cớ này nọ thoái thác không vào chầu, nên bị tội đoạt mất tước bắt đổi sang họ mẹ.

Ông mất vào năm đó. Ông mất ngày 23 tháng 3 năm Giáp thân (18.4.1884), thọ 41 tuổi, được gia ân phục tước Phong Hương hầu, thụy Cung Lượng.

Năm Ất dậu (1885) dưới triều Đồng Khánh ông được truy phục tước Kỳ Phong Quận công.

Tẩm của ông ở An Cựu, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Nhà thờ ở phường Đệ lục (Hương Trà, Thừa Thiên) (nay ở Phú Cát, Huế).

Ông có 7 con trai và 3 con gái. Trưởng tử là Nguyễn Phúc Ưng Sung tập tước Phong Đình hầu.

Ông và con cháu mở ra Phòng 23 thuộc đệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Nhân 儿 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

14.3.3.24A. Tảo thương chưa có tên

14.3.3.25A. NGUYỄN PHÚC HỒNG DIÊU 阮福洪僥
Phú Lương Công

Ông là con thứ 25 của đức Hiến Tổ, mẹ là Đức tần Nguyễn thị Huyên. Ông sinh ngày 12 tháng 5 năm Ất tị (16.6.1845).

---

(1) Tước phong cho ông là Kỳ Anh Quận Công, sau cử chữ Anh nên đổi thành Kỳ Phong. Việc ông không dự lễ tôn phong vua Hàm Nghi, bà Lễ tần Nguyễn thị Bích có ghi một đoạn trong Hạnh thục ca :

....
Tôn vương bèn mới chọn ngày
Hàm Nghi niên hiệu ban nay trong ngoài
Lập thiếu bái hạ đủ người
Kỳ Anh thiếu mặt khen tài cả gan !
Vậy nên đến nỗi chết oan,
Râu hùm vuốt ngược, phòng toan khỏi nào !
Làm cho thiên hạ trông vào
Hoàng thân còn vậy huống bao những người.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Ất sửu (1865) ông được phong là Phú Lương Quận công.

Ông mất ngày 3 tháng 6 năm Ất hợi (5.7.1875), lúc 31 tuổi, thụy Cung Lượng.

Tẩm của ông ở An Ninh thượng, (Hương Trà, Thừa Thiên).

Nhà thờ không rõ.

Năm ông được phong tước công cũng không rõ.

Ông có 5 con trai và 5 con gái. Trưởng tử là Nguyễn Phúc Ưng Ngẫu tập phong Kỳ ngoại hầu, đến năm Ất dậu (1885) đổi làm Phó Quản cơ rồi vu cáo người theo giặc để nhận tiền hối lộ nên bị cách tước đổi sang họ mẹ.

Ông và con cháu mở ra Phòng 25 thuộc đệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Lỗi 耒 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

### 14.3.3.26A. NGUYỄN PHÚC HỒNG CAI 阮 福 洪 侅
Kiên Thái Vương

Ông là con thứ 26 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Trương thị Vĩnh. Ông sinh ngày 5 tháng 11 năm Ất tị (3.12.1845).

Thuở nhỏ ông lo học hành, đức hạnh tốt nên năm Ất sửu (1865) ông được phong là Kiến Quốc công, (phong tước Quốc công cho ông vì vua thấy ông học hành nổi bật).

Ông mất ngày 22 tháng 4 năm Bính tí (15.5.1876), lúc 31 tuổi, thụy Thuần Nghị.

Ông bẩm tính nhân hậu, cần kiệm hiếu học mà biết tuân phép tắc nên khi vua nghe tin ông mất vô cùng thương tiếc, cấp cho những đồ thờ trong cung để tỏ tấm lòng ưu ái khác thường.

Năm Ất dậu (1885) vua Đồng Khánh lên ngôi tôn ông là Thúc Phụ Kiên Thái Vương[1].

Tẩm của ông ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ban đầu nhà thờ ông được lập ở sau phường Dưỡng Sinh trong Kinh thành, về sau dưa về nhà thờ Đình Phương ở Thiên Thành (nay ở An Cựu, Huế).

Ông có 5 con trai và 7 con gái. Trưởng tử là Nguyễn Phúc Ưng Thị và con thứ hai Nguyễn Phúc Ưng Đăng đều được vua Dực Tông nhận làm dưỡng tử, về sau lên ngôi tức là vua Cảnh Tông và vua Giản Tông. Con thứ 5 của ông là Nguyễn Phúc Ưng Lịch sau lên ngôi tức vua Hàm Nghi, vì thế trong dân gian truyền tụng câu :

*Một nhà sinh đặng ba vua,*
*Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài*

là để chỉ gia đình của ông.

Ông và con cháu (ngoại trừ trưởng tử) mở ra phòng 26 thuộc đệ tam chính hệ, được ngự chế ban cho bộ Đậu 豆 để đặt tên cho con cháu trong phòng.

Phụ chép

- BÙI THỊ THANH
  Thái Vương phi

(1) Thúc phụ là chú, khi vua Dực Tông nhận vua Cảnh Tông làm dưỡng tử thì vua Cảnh Tông phải gọi cha mình thành ra chú và mẹ mình thành thím, cho nên tôn cha là Thúc Phụ, tôn mẹ là Thúc Mẫu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Bà người làng Cát Sơn (Hiền Lương, Quảng Trị), sinh vào triều vua Minh Mệnh, bà được nhập phủ vào triều Tự Đức. Khi Cảnh Tông Hoàng Đế kế vị truy tôn bà là Hoàng Thúc Mẫu Thuần Nghị Kiên Thái Vương Phi, thụy Đoan Nhu.

Bà mất ngày 3 tháng 10 năm Canh tí (24.11.1900).

Tẩm của bà ở Dạ Lê, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Bà sinh được 3 trai và 2 gái

1. Nguyễn Phúc Ưng Thị (tức vua Cảnh Tông)

2. Nguyễn Phúc Ưng Đăng (tức vua Giản Tông)

3. Nguyễn Phúc Ưng Quyên (Kiên Quận công)

1. Nguyễn Phúc Như Khuê

2. Nguyễn Phúc Như Tư

14.3.3.27A. Tảo thương chưa có tên

14.3.3.28A. NGUYỄN PHÚC HỒNG NGHÊ 阮福洪倪

Ông là con thứ 27 của đức Hiến Tổ, mẹ là Cung nhân Bùi thị Bút. Ông sinh ngày 6 tháng 4 năm Đinh mùi (19.5.1847), mất ngày 18 tháng 8 năm đó (26.9.1847), được 1 tuổi.

Tẩm của ông ở Cư Chính (Hương Thủy, Thừa Thiên).

14.3.3.29A. NGUYỄN PHÚC THĂNG 阮福昇
Văn Lãng Quận vương
(vua Hiệp Hòa)

Xem phần vua Hiệp Hòa chép ở trang 366–367

14.3.3.1B. NGUYỄN PHÚC TĨNH HẢO 阮福靜好
Diên Phúc Công chúa

Bà là trưởng nữ của Hiến Tổ, mẹ là Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu, bà là chị cùng mẹ với vua Dục Tông. Bà sinh năm Giáp thân (1824). Thuở nhỏ bà thông minh dịu dàng, thường được vào hầu Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu và hậu rất vừa ý.

Năm Bính ngọ (1846) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn văn Ninh người Bảo Hựu, Vĩnh Long (con trai của Thái Bảo Chưởng Phủ Sự Hoàng Trung Hầu Nguyễn văn Trọng). Mùa hè năm ấy bà được sắc phong là Diên Phúc Công chúa. Sau khi vu qui vợ chồng bà tâm đầu ý hợp.

Bà mất năm Mậu thân (1848), lúc 25 tuổi, thụy là Đoan Nhã.

Bà được vua Dục Tông rất thương yêu, ngài thường làm thơ tưởng nhớ đến bà. Năm Tân mùi vua đến nhà thờ làm lễ dâng rượu có làm bài thơ để ghi nhớ :

*Tỉ tỉ nguyên phi thiếu*
*Đồng bào chỉ nhị nhân*
*Văn thư tằng vi bảo*
*Chử chúc vị năng thân*
*Ôn thanh bằng thủy cọng*
*Ưu lao độc ngã tần*
*Văn tu liêu điện giả*
*Kiến nguyệt bội thương thần*
*(Chị ta nguyên chẳng trẻ*





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

*Ruột thịt chỉ hai tên,*
*Nghe sách từng quên đói*
*Nấu nướng chẳng hề quen*
*Thương nhau chung ấm lạnh*
*Lo lắng chỉ vì em,*
*Đêm khuya dâng tặng lễ*
*Nhìn trăng cảm thương thêm)*

Nhà thờ của bà ở Kim Long (Thừa Thiên), bà còn được thờ tại chùa Diệu Đế.

Năm Nhâm thân (1872) chồng bà mất.

14.3.3.2B. NGUYỄN PHÚC NHÀN YÊN 阮福嫻嫣
An Thạnh Công chúa

Bà là con thứ hai của đức Hiến Tổ, mẹ là Lệnh phi Nguyễn văn thị Nhậm.

Năm Bính ngọ (1846) bà lấy chồng tên Tạ Quang Ân là con trai của Trung quân Tạ Quang Cự.

Năm sinh, năm mất cùng nhà thờ và tẩm đều không rõ.

14.3.3.3B. NGUYỄN PHÚC UYÊN Ý 阮福淵懿

Bà là con gái thứ ba của đức Hiến Tổ, mẹ là Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu, bà sinh năm Bính tuất (1826). Được ba tuổi thì bà mất.

Ngày trước bà được thờ tại Lệ Thục từ, hiện nay thờ bà tại chùa Diệu Đế.

14.3.3.4B. NGUYỄN PHÚC HUY NHU 阮福徽柔
An Mỹ Công chúa

Bà là con gái thứ 4 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thục phi Nguyễn thị Xuyên. Bà sinh năm Bính tuất (1826). Thuở nhỏ bà dịu dàng, đoan trang biết giữ gìn khuôn phép chốn cung cấm nên rất được vua cha thương yêu.

Năm Bính ngọ (1846) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Trương Trụ, người Bình Sơn, Quảng Ngãi (con trai của Cần Chính Điện Đại Học Sĩ tặng Thái Sư Tuy Thạnh Quận công Trương Đăng Quế).

Năm Canh tuất (1850) bà được phong là An Mỹ Công chúa.

Bà mất năm Ất dậu (1885), thọ 60 tuổi, tên thụy không rõ.

Bà có 2 con trai và 2 con gái.

Tẩm và nhà thờ không rõ.

14.3.3.5B. NGUYỄN PHÚC THÚY DIÊU 阮福翠姚

Bà là con gái thứ 5 của đức Hiến Tổ, mẹ không rõ. Bà sinh năm Canh dần (1830), mất năm Quí tị (1833), lúc 4 tuổi.

Bà được thờ tại Lệ Thục từ.

14.3.3.6B. NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG NGHIÊN 阮福芳妍

Bà là con gái thứ 6 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Nguyễn thị Kinh, bà sinh năm Canh dần (1830), mất năm Nhâm thìn (1832), được 3 tuổi.

Bà được thờ tại Lệ Thục từ.





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

14.3.3.7B. NGUYỄN PHÚC ÁI CHÂN 阮福愛嗔

Bà là con gái thứ 7 của đức Hiến Tổ, mẹ là Quí nhân Đinh thị Hạnh, tức bà là em cùng mẹ với An Phong Quận vương Hồng Bảo. Bà sinh năm Canh dần (1830) và mất năm Giáp ngọ (1834), được 5 tuổi.

Bà được thờ tại Lệ Thục từ.

14.3.3.8B. NGUYỄN PHÚC NHÃ VIỆN 阮福雅媛
Hoài Chính Công Chúa

Bà là con gái thứ 8 của đức Hiến Tổ, mẹ là Nhu tần Nguyễn thị Yên. Bà sinh năm Nhâm thìn (1832).

Năm Canh tuất (1850) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Vũ văn Chuyên, người Bình Sơn, Quảng Ngãi (con của Đô Thống Chưởng Phủ Sự Vũ văn Giải).

Năm Giáp tuất (1874) bà được phong là Hoài Chính Công chúa.

Bà mất năm Ất hợi (1875), được 44 tuổi, thụy Mỹ Thục. Nhà thờ và tẩm không rõ.

Năm Mậu dần (1878) Vũ văn Chuyên mất.

Bà có 3 con trai và 1 con gái.

14.3.3.9B. NGUYỄN PHÚC THANH ĐỀ 阮福清媞
Thuận Chính Công chúa

Bà là con gái thứ 9 của đức Hiến tổ, mẹ là Tài nhân Nguyễn thị Khuê. Bà sinh năm Quí tị (1833), thuở nhỏ bà thành thật, điềm đạm đáng làm khuôn phép.

Năm Canh tuất (1850) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Trần văn Thứ, người Hương Trà (Thừa Thiên), (con trai của Thượng thư hưu trí Trần văn Trung), sau Phò mã nhận chức Quản cơ tại Sơn Tây.

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Thuận Chính Công chúa

Bà mất năm Kỷ tị (1869) lúc 37 tuổi, thụy Trang Chính

Tẩm và nhà thờ không rõ.

Bà có 3 con trai và 2 con gái.

14.3.3.10B. NGUYỄN PHÚC THỤC NGHIÊN 阮福淑妍

Bà là con gái thứ 10 của đức Hiến Tổ, mẹ là Quí nhân Đinh thị Hạnh. Bà sinh năm Quí tị (1833), mất năm Bính thân (1836), được 4 tuổi.

Bà được thờ tại Lệ Thục từ.

14.3.3.11B. NGUYỄN PHÚC SÍNH ĐÌNH 阮福娉婷

Bà là con gái thứ 11 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Phan thị Diệu. Bà sinh năm Giáp ngọ (1834), mất năm Bính thân (1836), được 3 tuổi.

Bà được thờ tại Lệ Thục từ.

14.3.3.12B. Tảo thương (chưa có tên)

14.3.3.13B. NGUYỄN PHÚC ỦY THANH 阮福婑婧

Bà là con gái thứ 13 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thụy tần Trương Thị Thận. Bà sinh năm Ất mùi (1835), mất năm Đinh dậu (1837) được 3 tuổi.

Bà được thờ tại Lệ thục từ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

14.3.3.14B. Tảo thương (chưa có tên)

14.3.3.15B. NGUYỄN PHÚC LỆ NHÀN 阮福麗嫻
Qui Chính Công Chúa

Bà là con gái thứ 15 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Nguyễn Thị Khuê. Bà sinh năm Bính thân (1836).

Năm Qui sửu (1853) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Duy (con trai của Vệ úy tập tước Hoằng Trung Bá Nguyễn Văn Tuấn, cháu nội của Đô Thống Phủ Sự Hoằng Trung Hầu Nguyễn Văn Trọng).

Năm Đinh mão bà được phong Qui Chính Công Chúa, cùng năm đó thì chồng mất.

Bà mất năm Nhâm ngọ (1882), được 47 tuổi, không rõ tên thụy.

Năm Ất dậu (1885) dưới triều Đồng Khánh bà được thờ ở Triển Thân từ.

Bà có 1 con trai

14.3.3.16B. NGUYỄN PHÚC TRANG LI 阮福莊嬶

Bà là con gái thứ 16 của đức Hiến Tổ, mẹ không rõ. Bà sinh năm Đinh dậu (1837), mất năm Mậu tuất (1838), được 2 tuổi.

Bà được thờ ở Lệ Thục từ.

14.3.3.17B. NGUYỄN PHÚC ĐOAN CẨN 阮福端嬚
Mậu Lâm Công Chúa

Bà là con gái thứ 17 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Nguyễn Thị Kinh.

Năm sinh mất, lăng tẩm cùng nhà thờ và gia đình đều không rõ.

14.3.3.18B. NGUYỄN PHÚC ĐÔN TRINH 阮福敦貞
Phú Lệ Công Chúa

Bà còn có tên là Diễm Hài, là con gái thứ 18 của đức Hiến Tổ, mẹ là Đức tần Nguyễn Thị Huyên. Bà sinh năm Mậu tuất (1838).

Năm Quí sửu (1853) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Cửu Toản người Tống Sơn, Thanh Hóa, (con của Tổng đốc Ninh Thái Nguyễn Văn Đức). Bà là người đôn hậu khiêm cung, giữ lễ giáo, đúng phong cách của bậc Công chúa.

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong Phú Lệ Công Chúa

Bà mất năm Canh dần (1890), thọ 53 tuổi, tên thụy không rõ.

Năm Đinh dậu (1897) Nguyễn Cửu Toản mất

Bà có 1 con trai và 3 con gái.

Lăng tẩm và nhà thờ không rõ.

14.3.3.19B. NGUYỄN PHÚC LIÊU DIỆU 阮福嫽妙

Bà là con gái thứ 19 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thụy tần Trương Thị Duyên. Bà sinh năm Mậu tuất (1838) và mất trong năm ấy.

Bà được thờ ở Lệ Thục từ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

14.3.3.20B. NGUYỄN PHÚC UYỂN NHƯ 阮福婉如

Bà là con gái thứ 20 của đức Hiến Tổ, mẹ là Cung nhân Mai Thị Triêm. Bà sinh năm Kỷ hợi (1839), mất năm Nhâm tí (1852), được 14 tuổi.

Bà được thờ tại Lệ Thục từ.

14.3.3.21B. NGUYỄN PHÚC THANH CÁT 阮福清姞
Quảng Thi Công Chúa

Bà là con gái thứ 21 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tiệp dư Nguyễn Thị Loan. Bà sinh năm Kỷ hợi (1839).

Năm Quí sửu (1853) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Trương Văn Chất người Quảng Điền, Thừa Thiên (con trai của Tổng đốc Trương Văn Uyển).

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Quảng Thi Công Chúa.

Bà mất năm Kỷ mão (1879), được 41 tuổi, thụy Mỹ Thục.

Trương Văn Chất về sau bị tội tước chức.

Bà có 6 con trai và 3 con gái.

Tẩm cùng nhà thờ không rõ.

14.3.3.22B. NGUYỄN PHÚC NHÀN NHÃ 阮福嫻雅

Bà là con gái thứ 22 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thụy tần Trương Thị Thận. Bà sinh năm Kỷ hợi (1839), mất năm Canh tí (1840), được 2 tuổi.

Bà được thờ ở Lệ Thục từ.

14.3.3.23B. NGUYỄN PHÚC THẬN HUY 阮福慎徽
An Phúc Công Chúa

Bà là con gái thứ 23 của đức Hiến Tổ, mẹ là Cung Nga Nguyễn Thị Thân. Bà sinh năm Canh tí (1840).

Năm Ất mão (1855) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Đức Quyết người Hải Lăng, Quảng Trị (con trai của Tổng đốc Nguyễn Đức Hoạt). Lấy chồng được hai năm thì mất.

Bà mất năm Đinh tị (1857) được 18 tuổi, phong tặng là An Phúc Công Chúa, thụy Nhàn Trinh.

Năm Kỷ mùi (1859) Nguyễn Đức Quyết mất

Bà có 1 con gái

Ban đầu thờ bà ở Triền Thân hậu từ. Năm Ất dậu (1885) rước đến thờ ở Thân Huân từ.

14.3.3.24B. NGUYỄN PHÚC Ý PHƯƠNG 阮福懿妨
Đồng Phú Công Chúa

Bà là con gái thứ 24 của đức Hiến Tổ, mẹ là Lương phi Vũ Thị Viện. Năm sinh mất cùng gia đình đều không rõ.

14.3.3.25B. NGUYỄN PHÚC TRINH HUY 阮福貞徽
Xuân Lâm Công Chúa

Bà là con gái thứ 25 của Hiến Tổ, mẹ là Cung nga Nguyễn Thị Lệ. Bà sinh năm Tân sửu (1841).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Năm Đinh tị (1857) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Trần Hương người Chương Nghĩa, Quảng Nghĩa (con của Tổng đốc Trần Hoằng).

Bà mất năm Mậu ngọ (1858), được 18 tuổi, phong là Xuân Lâm Công Chúa thụy Huệ Thục.

Ban đầu thờ bà ở Triền Thân hậu từ, đến năm Ất dậu (1885) đưa đến thờ ở Thân Huân từ.

14.3.3.26B. NGUYỄN PHÚC LƯƠNG HUY 阮福良徽
Tự Tân Công Chúa

Bà là con gái thứ 26 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thuận tần Hoàng Thị Tấn. Bà sinh năm Tân sửu (1841). Năm mất cùng gia đình đều không rõ.

14.3.3.27B. NGUYỄN PHÚC ĐOAN LƯƠNG 阮福端良
Tuy Lộc Công Chúa

Bà là con gái thứ 27 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thuận tần Hoàng Thị Tấn. Bà sinh năm Nhâm dần (1842).

Năm Đinh tị (1857) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Trọng Khoa người Thụy Nguyên, Thanh Hóa (con của Thống chế sung Đề đốc Nguyễn Trọng Thao).

Năm Mậu thìn (1868) Nguyễn Trọng Khoa mất. Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Tuy Lộc Công Chúa.

Bà mất năm Giáp ngọ (1894), thọ 53 tuổi, tên thụy không rõ.

Bà có 3 con trai và 2 con gái.

14.3.3.28B. NGUYỄN PHÚC TRANG NHÃ 阮福莊雅

Bà là con gái thứ 28 của đức Hiến Tổ, mẹ là Cung nhân Nguyễn Thị Hương Nhụy. Bà mất khi mới 2 tuổi.

14.3.3.29B. NGUYỄN PHÚC THỤC TRANG 阮福淑莊

Bà là con gái thứ 29 của đức Hiến Tổ, mẹ là Tài nhân Trương Thị Lương. Bà sinh năm Quí mão (1843), mất năm Đinh mùi (1847), được 5 tuổi.

Bà được thờ ở Lê Thục từ

14.3.3.30B. NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG THANH 阮福芳聲

Bà là con gái thứ 30 của đức Hiến Tổ, mẹ là Nhàn tần Phan Thị Kháng. Bà sinh năm Quí mão (1843), mất năm Canh tuất (1850), được 8 tuổi.

14.3.3.31B. NGUYỄN PHÚC NHÀN ĐỨC 阮福嫻德
Lạc Thành Công Chúa

Bà là con gái thứ 31 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thụy tần Trương Thị Thận. Năm sinh, mất, năm được sắc phong cùng gia đình đều không rõ.

14.3.3.32B. NGUYỄN PHÚC MINH TƯ 阮福明姿

Bà là con gái thứ 32 của đức Hiến Tổ, mẹ là Lương phi Vũ Thị Viện. Bà sinh năm Ất tị (1845) và mất trong năm này.

Bà được thờ ở Lệ Thục từ.

14.3.3.33B. NGUYỄN PHÚC ĐIỂM UYÊN 阮福恬淵

Bà là con gái thứ 33 của đức Hiến Tổ, mẹ là Cung nhân Nguyễn Thị Huệ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Bà sinh năm Bính ngọ (1846) và mất năm Canh Tuất (1850), được 5 tuổi.

Bà được thờ ở Lệ Thục từ.

14.3.3.34B. NGUYỄN PHÚC PHÚC HUY 阮 福 福 徽
Thuận Mỹ Công Chúa

Bà là con gái thứ 34 của đức Hiến Tổ, mẹ là Thuận tần Hoàng Thị Tần. Bà sinh năm Bính ngọ (1846).

Năm Tân dậu (1861) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Đình Tiếp, người Quảng Điền, Thừa Thiên là con của Thượng thư Nguyễn Đình Tân. Phò mã lúc đó đang làm Án sát tỉnh Bình Thuận.

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Thuận Mỹ Công Chúa

Bà mất năm Canh ngọ (1870), lúc 25 tuổi, thụy là Trinh Uyển.

Năm Giáp thân (1884), Nguyễn Đình Tiếp mất.

Bà có 2 con trai và 1 con gái.

14.3.3.35B. NGUYỄN PHÚC GIA PHÚC 阮 福 嘉 福
Phục Lễ Công Chúa

Bà là con gái thứ 35 của đức Hiến Tổ, mẹ là Cung nhân Hồ Thị Ý Nhi. Bà sinh năm Đinh mùi (1847).

Năm Quí hợi (1863) bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Nguyễn Lâm người Quảng Điền, Thừa Thiên (con trai của Vũ Hiển Điện Đại Học Sĩ Tri Dũng Tướng Tráng Liệt Bá Nguyễn Tri Phương).

Năm Kỷ tị (1869) bà được phong là Đông Xuân Công Chúa

Năm Quí dậu (1873), Nguyễn Lâm tòng quân theo cha ra Hà Nội. Khi thành bị quân Pháp phá vỡ, ông cùng cha là Nguyễn Tri Phương bị trúng đạn mà mất, được truy tặng là Thị Lang bộ Binh.

Bà ở góa rồi phải tội bị phế làm thứ dân đổi sang họ mẹ. Về sau bà biết hối lỗi nên đến năm Ất dậu (1885) dưới triều Đồng Khánh được gia ân khai phục, đổi là Phục Lễ Công Chúa.

Bà mất năm Mậu tí (1888), lúc 42 tuổi.

Bà có 3 con trai và 2 con gái.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

**14.3.3.29A. NGUYỄN PHÚC THĂNG** 、阮福昇

Văn Lãng Quận Vương
(vua Hiệp Hòa)

Ngài là con thứ 29 của đức Hiến Tổ, mẹ là Đoan tần Trương Thị Thận. Lúc còn là Hoàng tử có tên Hồng Dật 洪佚 , lên ngôi chọn trong kim sách tên Thăng. Ngài sinh ngày 24 tháng 9 năm Đinh mùi (1.11.1847).

Thuở nhỏ ngài thông minh ham học, được vua Dực Tông rất thương yêu, trong thơ ngự chế của vua có bài :

*Ngô đệ thập tứ nhân*
*Hiếu học giả thậm thiểu*
*Trừ khước Kiến Thụy Công*[1]
*Kim thượng tồn Văn Lãng*

*(Em ta được mười bốn*
*Ham học thật ít người*
*Ngoại trừ Kiến Thụy Công*
*Nay chỉ còn Văn Lãng)*

Năm Ất sửu (1865) ngài được phong Văn Lãng Quận công, năm Mậu dần (1878) được phong là Lãng Quốc công.

Năm Nhâm ngọ (1882) ngài được lệnh kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu tôn khanh. Năm Quí mùi (1883) vua Dực Tông mất, tự quân là vua Dục Đức bị quyền thần Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết (theo di chiếu làm Phụ chính đại thần), phế bỏ. Họ lập ngài lên ngôi vào ngày 27 tháng 6 năm Quí mùi (30.7.1883), lấy niên hiệu khởi đầu cho năm sau là Hiệp Hòa. Khi làm lễ tấn tôn ngài, các quan đang sắp hàng để lạy thì có một con chim quạ đậu trên ngọn cây trước điện kêu 4 tiếng lớn, khi đọc chiếu lại có 1 đoàn dê đi qua cầu Kim Thủy nên người ta lấy đó làm điềm không tốt.

Khi mới lên nối ngôi, ngài đối với hai quan phụ chính cũng tử tế nhưng dần dần thấy họ quá chuyên quyền nên lấy làm khó chịu, có ý định từng bước loại bỏ Tôn Thất Thuyết. Thuyết giả vờ xin thôi việc ở bộ Binh, ngài nhận lời chuyển ông sang bộ Lễ, rồi bộ Lại. Thuyết dâu cam chịu mất quyền lực vẫn tiếp tục điều hành ở bộ Binh ngoài ra còn lập đội cận vệ riêng gọi là Phấn nghĩa đội[2].

Bấy giờ vấn đề giao thiệp với Pháp là quan trọng nhất, ý kiến của ngài và một số hoàng thân trái ngược với ý kiến của hai phụ chính ông Tường và ông Thuyết, ngài muốn để Pháp bảo hộ cho yên, nên ủy thác cho Tuy Lý Vương thay ngài trực tiếp giao thiệp với đại diện Pháp ở Huế, điều này làm Tôn Thất Thuyết lo sợ và bất bình.

Thấy hai viên phụ chính coi thường nhà vua nên hai Hoàng thân Nguyễn Phúc Hồng Phì và Nguyễn Phúc Hồng Sâm[3] bàn với ngài tìm cách giết đi, bằng cách mượn tay quân Pháp để

(1) tức Thụy Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Y (xem 14.3.3.4A).

(2) Đội quân này mặc áo xanh đội mũ rộng vành, mang mã tấu, gồm những tên đâm thuê chém mướn. Thuyết thường dùng họ để hại những người trái ý với mình.

(3) Hồng Sâm tự Dao Khanh, hiệu Di hiện con của Tuy Lý Vương, thuở nhỏ đã nổi tiếng thông minh, lúc 9 tuổi đã làm thơ, khi 13 tuổi đã từng để vịnh tranh Tô Thức du Xích bích khiến mọi người kinh lạ. Vì có tài nên vua Dực Tông phong làm Thị Giảng học sĩ trông coi việc trong nội các. Ông tính tình cương trực, luận việc lợi quốc lợi dân khác hẳn với các quan cầm quyền hồi đó.
Hồng Phì là con thứ ba của Tùng Thiện Vương lập phong Huyện công, làm quan Lại bộ tham tri.
Lúc vua Hiệp Hòa bị phế Tuy Lý Vương cùng với Hồng Phì, Hồng Sâm trốn đến Thuận An ở với ông Picard Deslelan người Pháp, thuyền trưởng tàu La Vipère. Sau đó bị Pháp giao trả cho triều đình Việt Nam, nên Hồng Sâm và Hồng Phì bị ông Tường và Thuyết hại.





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

trừ ông Tường và ông Thuyết. Hồng Sâm lãnh sứ mệnh đi điều đình với khâm sứ De Champeaux và đồng ý ngày giờ để thủy quân Pháp tấn công bộ Binh bất Tôn Thất Thuyết. Việc này chẳng may bị tiết lộ. Liền sau đó việc ngài tiếp kiến với De Champeaux tại Văn Minh điện do Tuy Lý Vương hướng dẫn làm Tường, Thuyết tức giận và lo sợ mất quyền mà còn bị hại, nên ngày 30 tháng 10 hai ông họp các quan lấy sớ tâu lên Lưỡng Cung buộc phải phế ngài. Trong sớ buộc tội ngài tư thông ngoại quốc, dung dưỡng bọn phản quốc và một vài hành vi như hủy đồ tự khí làm đồ trang sức, lấy đai vàng đúc con cờ...

Trước tình thế không có quyền lực trong tay ngài phải viết chiếu thoái vị, định quay về tư dinh thì bị Ông Ích Khiêm và Trương Văn Để theo lệnh Thuyết đón ngoài cửa Hiển Nhân bắt ngài đem giam ở Dục Đức Đường. Sau đó họ ép ông phải uống thuốc độc mà mất. Ông Thuyết muốn hại ngài gấp vì sợ người Pháp biết mà can thiệp.

Ngài mất ngày 30 tháng 10 năm Quí mùi (29.11.1883), được 37 tuổi.

Lúc đầu ngài được chôn cất đơn sơ, sau khi triều đình ổn định mới an táng lại.

Tẩm của ngài ở Dương Xuân Hạ, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Năm Kỷ hợi (1899) dưới triều Thành Thái được lệnh ghi chép ngài ở trong sử là Phế Đế.

Năm Tân mão (1891) truy phong ngài là Văn Lãng Quận Vương, thụy Trang Cung.

Kể từ ngày vua Dục Đức bị phế cho đến ngày ngài bị phế, để hai viên phụ chính đưa vua Kiến Phúc lên kế vị chỉ trong vòng 4 tháng[1]

Ngài có 11 con trai và 6 con gái

Ngài và con cháu mở ra phòng 29 thuộc dệ tam chính hệ và được ngự chế ban cho bộ Thập 十 để đặt tên cho con cháu trong Phòng. Đến năm Kỷ mùi (1919) dưới triều Khải Định, ngự chế ban cho thêm bộ Ngưu 牛 để đặt tên.

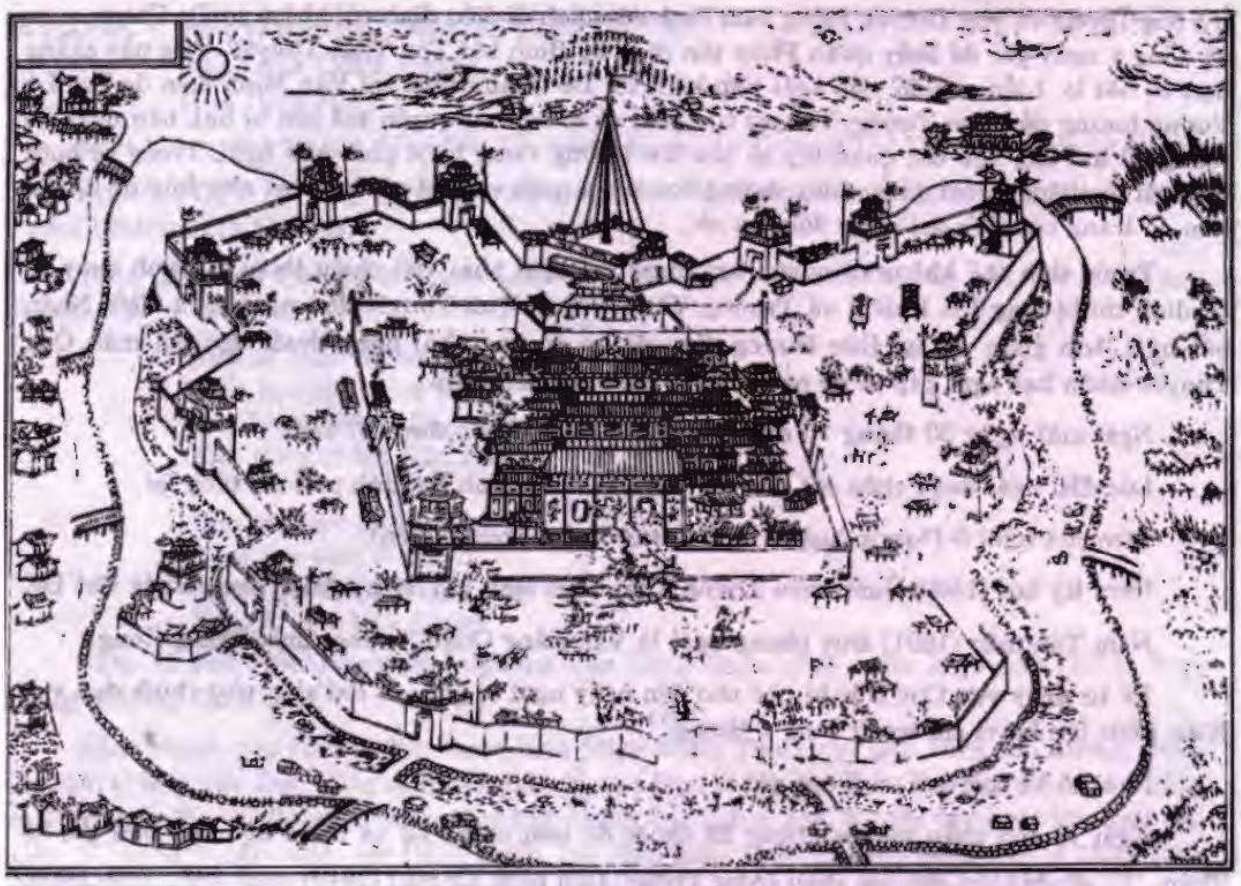
---

(1) Cảm cảnh cho thời cuộc giữa ta và Pháp, trong 4 tháng mà có đến 3 vua, có người viết câu đối mà bây giờ còn truyền tụng :

*Nhất giang lưỡng quốc, nan phân thuyết*
*Tứ nguyệt tam vương, triệu bất tường*
*(Một sông đôi nước, khôn đường nói*
*Bốn tháng ba vua, triệu chẳng lành)*



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



Kinh Thành HUẾ đời HIẾN TỔ

Ngự chế :

**TRÙNG MINH VIỄN CHIẾU**

Kinh thiên trực tủng giáng không trung,
Tam tiết nguy nga đạt tử thông.
Thôi xán vân hà chưng ỷ hạm,
Tinh huỳnh nhật nguyệt khảm diêu lung.
Thiên phương quang cảnh thường quang lãng.
Vạn lý sơn hà tận hội thông.
Tinh nhất nguy vi tư chúc ấn,
Cao minh du cửu đạo khâm sùng.

**Sáng soi rực rỡ**

Chống trời cao vút giữa không trung,
Bốn phía nguy nga mái chập chùng.
Cột thếp sáng ngời mây vấn vũ,
Cửa son rực rỡ ánh linh lung.
Từ bề cảnh sắt thường quang đãng,
Vạn phương sông núi khéo cùng thông.
Thẩm nghĩ ở cao cần rõ đạo,
Cao mà bền vững đáng tôn sùng.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ MƯỜI LĂM

## 15.I. NGUYỄN PHÚC ƯNG CHÂN

### Cung Tông Huệ Hoàng Đế

### Vua Dục Đức



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

### 15.1.1. NGUYỄN PHÚC ƯNG CHÂN 阮福膺禛

Cung Tông Huệ Hoàng Đế (vua Dục Đức)

Đức Cung Tông Huệ Hoàng Đế húy Nguyễn Phúc Ưng Chân là dưỡng tử của đức Dực Tông Anh Hoàng Đế và Lệ Thiên Hoàng Hậu. Ngài vốn là con thứ hai của Thụy Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Y, mẹ là Đệ nhất phủ thiếp Trần Thị Nga. Ngài sinh ngày 4 tháng 1 năm Quí sửu (11.2.1853).

Thuở còn Công tử ngài có tên là Ưng Ái 膺鐿 đến năm Kỷ tị (1869) ngài được 17 tuổi, vua Dực Tông chọn làm dưỡng tử và đổi tên thành Ưng Chân. Qua năm Canh ngọ (1870) vua cho xây Dục Đức Đường ở ngoài cửa Hiển Nhân của Hoàng thành để ngài ở và học hành, cho ban dụ về việc chọn ngài làm Hoàng trưởng tử cho trong ngoài được rõ, rồi giao cho Lệ Thiên Hoàng Hậu trông coi việc dạy bảo. Ngoài ra vua còn chỉ định các Đại thần đến Dục Đức đường để làm giáo đạo. Cũng vì ở Dục Đức đường nên sau này người ta thường gọi ngài là vua Dục Đức.

Vua Dực Tông muốn chọn được người nối ngôi tài giỏi, nên thường để ý xem xét những hành vi của ngài. Tính ngài ít ham học lại ít khi chịu câu thúc, vì thế thường bị vua quở trách.

Năm Bính tí (1876) vì việc giao thiệp với quan ở Thái Y viện là Nguyễn Tán, ngài bị phạt bổng trong 1 năm. Rồi năm Nhâm ngọ (1882) viên thị vệ hiệp lĩnh Nguyễn Văn Thành giả lệnh Thái hậu đưa con gái đến Dục Đức đường dâng làm thứ thiếp cho ngài, việc phát giác ngài bị phạt mất bổng trong hai năm.

Năm Quí mùi (1883) ngài được phong là Thụy Quốc Công. Tháng 6 năm đó vua Dực Tông đau nặng, ngày 14 cho triệu quần thần ban di chiếu để ngài lên nối ngôi. Trong di chiếu ý của vua Dực Tông muốn cảnh tỉnh ngài, mong ngài noi theo đường thiện, nên đã có đoạn viết về nết xấu của ngài : "...Đản vi hữu mục tật, bí nhi bất tuyên, cửu khủng bất minh, tính phả hiếu dâm diệc đại bất thiện, vị tất năng đương đại sự. Quốc hữu trưởng quân xã tắc chi phúc, xả thử hà dĩ tai !". (... Nhưng vì có tật ở mắt nên hành vi mờ ám sợ sau này thiếu sáng suốt, tính lại hiếu dâm cũng là điều chẳng tốt chưa chắc đã đảm đương được việc lớn. Nước có vua lớn tuổi là điều may cho xã tắc, nếu bỏ đi thì biết làm sao đây).

Vua lại giao cho Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết làm phụ chính đại thần, còn Thọ Xuân Vương, Tuy Lý Vương lo can ngăn những điều sai quấy của tự quân. Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết cùng Trần Tiễn Thành dâng sớ xin vua bỏ đoạn trên, lấy cớ di chiếu lập người nối ngôi trời thì những lời trên không hợp, nhưng vua Dực Tông không nghe lời, cho rằng viết vậy để cảnh tỉnh ngài.

Ngày 18 tháng 6 ngài triệu tập quần thần ở Quang Minh điện và nói : "Vua là bậc đứng đầu trăm họ, phải là người có đạo đức đứng đầu, di chiếu của Tiên đế vì lo cho trăm họ, nên có lời răn bảo nghiêm khắc như trên. Ngày nay việc nước khó khăn, quan hệ ngoại giao căng thẳng, nếu để lời di chiếu lan truyền thì quân Pháp sẽ tìm cớ gây rối, mà các lân bang cũng xem thường, với tình hình như vậy, đình thần giải quyết ra sao ?". Ngài để nghị quần thần xem có thể bỏ đoạn trên không thì quần thần tâu rằng : "Hội đồng phụ chính đã tâu xin bỏ nhưng Tiên đế không chịu". Ngài lại yêu cầu các quan suy nghĩ thêm để tìm cách tránh hại cho việc nước.

Trước đây ngài vốn có giao thiệp qua lại với người Pháp, từ năm Tân tị (1881) ngài đã từng chuyển giao nhiều tài liệu quan trọng về việc nước cho trú sứ Pháp là Rheinart[1]. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường vốn nắm mọi quyền hành trong nước sợ tai họa khi ngài

(1) Theo Nguyễn Thế Anh trong cuốn Đế chế và Sự kiện thực dân ở Việt Nam.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

lên nối ngôi, nên thừa dịp này âm mưu việc phế lập. Hai ông lừa Trần Tiễn Thành, đề nghị ông này đọc nhỏ đoạn di chiếu nói trên trong buổi lễ Tấn tôn tự quán.

Qua hôm 19 tháng 6 làm Lễ tấn tôn, khi Trần Tiễn Thành đọc di chiếu đến đoạn nói trên, không biết vì không đọc hay đọc ú ớ, không nghe rõ, liền bị Tôn Thất Thuyết đàn hặc, cử Tham Tri Nguyễn Trọng Hợp đọc lại, rồi kết tội tự quân dâng lên Lưỡng cung[1]. Ngài bị kết ba tội :

– Muốn sửa di chiếu – Có đại tang mà mặc áo màu – Hư hỏng chơi bời.

Ba ngày sau lại thiết triều, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết tuyên bố phế bỏ ngài theo chiếu của Lưỡng cung, ngài bị giáng xuống là Thụy Quốc Công. Triều thần đều ngơ ngác chẳng ai dám nói gì, chỉ có quan ngự sử Phan Đình Phùng đứng lên phản đối liền bị Tôn Thất Thuyết bắt giam, cách chức đuổi về.

Sau đó ngài bị giam ở Dục Đức đường, rồi đời sang giam tại viện Thái Y. Đến tháng 9 năm đó ngài bị đưa vào giam tại ngục thất phủ Thừa Thiên, rồi bị bỏ đói mà mất.

Ngài mất ngày 6 tháng 9 năm Giáp thân (24.10.1884), được 32 tuổi.

Năm Ất dậu (1885) vua Đồng Khánh, tấn tôn ngài là Thụy Nguyên Quận Vương, ban thụy Trang Cung.

Năm Nhâm thìn (1892) vua Thành Thái truy tôn ngài là Cung Tông Huệ Hoàng Đế.

Ban đầu ngài được an táng tạm ở hố trống xứ Tứ Tây, An Cựu, (Hương Thủy, Thừa Thiên). Về sau xây lăng tại dấy gọi An Lăng. Năm Kỷ sửu (1889) vua Thành Thái cho lập miếu Hoàng Khảo (còn gọi là Tân miếu) ở trong Hoàng thành để thờ ngài. Năm Đinh dậu (1897) đổi tên miếu thành Cung Tông miếu, qua năm Kỷ hợi (1899) vua cho xây điện Long Ân tại An Lăng để thờ ngài.

### 15.1.2. PHAN THỊ ĐIỂU 潘氏調
Từ Minh Huệ Hoàng Hậu

Bà người huyện Quảng Điền, (Thừa Thiên), là con của Phù Quốc Công Phan Đình Bình. Bà sinh ngày 27 tháng 7 năm Ất mão (8.9.1855). Lúc xảy ra việc phế Cung Tông Huệ Hoàng Đế, bà được đưa đi an trí tại nhà Trấn Vũ bên trong Thành nội. Năm Ất dậu (1885) khi vua Đồng Khánh lên nối ngôi, bà trở về sống tại quê ngoại là làng Phú Lương, (Quảng Điền). Đến tháng 10 năm đó, Phan Đình Bình bị tội, bà phải trở lại ở tại nhà Trấn Vũ. Khi vua Đồng Khánh mất, quần thần đến thỉnh Hoàng tử Bửu Lân con bà lên nối ngôi, bà mới trở về sống trong cung. Năm Nhâm thìn (1892), vua Thành Thái tấn tôn bà là Hiếu Minh Huệ Hoàng Hậu.

Bà mất ngày 12 tháng 11 năm Bính ngọ (27.12.1906), thọ 52 tuổi, táng tại An Lăng.

### 15.1.3. Hoàng Tử và Hoàng Nữ

Cung Tông Huệ Hoàng Đế có 11 con trai và 8 con gái

1. Nguyễn Phúc Bửu Cương (tảo thương)
2. Nguyễn Phúc Bửu Thị (tảo thương)
3. Nguyễn Phúc Bửu Mỹ (tảo thương)
4. Nguyễn Phúc Bửu Nga (tảo thương)
5. Nguyễn Phúc Bửu Nghi (tảo thương)
6. Nguyễn Phúc Bửu Côn (tảo thương)

(1) Lưỡng cung : ở đây chỉ hai bà Từ Dũ Thái Hoàng Thái Hậu và Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

7. Nguyễn Phúc Bửu Lân – Hoài Trạch Công (vua Thành Thái)
8. Nguyễn Phúc Bửu Tuân (tảo thương)
9. Nguyễn Phúc Bửu Toản – Tuyên Hóa Công
10. Nguyễn Phúc Bửu Khiêm – Hoài Ân Công
11. Nguyễn Phúc Bửu Lỗi – Mỹ Hóa Quận Công
1. Nguyễn Phúc Tốn Tùy – Mỹ Lương Công Chúa
2. Nguyễn Phúc Môn Gia – Phúc Lâm Công Chúa
3. Nguyễn Phúc Như Tâm
4. Nguyễn Phúc Thị Nghị
5. Nguyễn Phúc Học Giá
6. Nguyễn Phúc Mẫn Sự
7. Nguyễn Phúc Thông Lý
8. Nguyễn Phúc Châu Hoàn – Tân Phong Công Chúa



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



# 15.H. NGUYỄN PHÚC BIỆN
## Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế
### Vua Đồng Khánh



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 15.II. NGUYỄN PHÚC BIỆN 阮福昇

Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế

Ngài húy Nguyễn Phúc Biện là con trưởng của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai, mẹ là Thái vương phi Bùi Thị Thanh. Lúc còn công tử ngài có tên là Ưng Thị 膺豉 sau khi được vua Dực Tông chọn làm dưỡng tử đổi tên thành Ưng Đăng 膺禮 sau khi lên ngôi, chọn tên trong Kim sách là Biện.

Ngài sinh ngày 12 tháng giêng năm Giáp tí (19.2.1864). Năm Ất sửu (1865) lúc 2 tuổi ngài được vua Dực Tông đưa vào cung giao cho bà Thiện phi Nguyễn Thị Cẩm nhận làm dưỡng tử. Năm Kỷ mão (1879) vua chuẩn cho ngài ra ở Chính Mông đường để học hành, nên ngài thường được mọi người gọi là Ngài Chính Mông.

Năm Quí mùi (1883) ngài được phong là Kiên Giang Quận Công

Năm Giáp thân (1884) nhân lệnh đi tế Thanh minh tại các tôn lăng, ngài trở về chậm trễ nên bị giáng xuống làm Kiên Giang hầu.

Năm Ất dậu (1885) kinh thành Huế bị Pháp tấn công, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Bắc, Nguyễn Văn Tường ra đầu thú với Pháp. Nhưng sau hai tháng ông Tường không thể đưa vua Hàm Nghi trở về nên người Pháp đày sang đảo Tahiti, Tổng đốc Hà Ninh là Nguyễn Hữu Độ được Pháp triệu về Kinh đô thay thế cho Nguyễn Văn Tường để chủ tọa viện Cơ mật. Nguyễn Hữu Độ thương lượng với Pháp với sự đồng ý của Lưỡng cung[1] truất phế vua Hàm Nghi và lập ngài lên nối ngôi.

Tháng 8 năm Ất dậu, ngài lên ngôi ở Điện Thái Hòa, lấy niên hiệu là Đồng Khánh[2].

Ngài vốn thể chất yếu đuối, nhiều bệnh, tính tình hiền lành, thích trang sức, hay đọc sách và thích nghiên cứu Kinh Dịch, bói toán[3]. Ngài là vị vua đầu tiên của nước ta nhận sự bảo hộ của Pháp tiếp xúc với nền văn minh phương Tây, đã dùng hàng hóa cũng như thực phẩm của Pháp.

Giai đoạn ngài trị vì triều đình ở trong hoàn cảnh túng thiếu, phần thì vàng bạc do Tôn Thất Thuyết chở ra Quảng Trị, phần thì lính Pháp vơ vét trong khi chiếm cứ kinh thành năm Ất dậu (1885), trong nước không được ổn định, sĩ phu ở trong Nam cũng như ngoài Bắc khắp nơi nổi lên chống Pháp theo hịch cần vương của vua Hàm Nghi, hoàn cảnh này được phản ảnh qua câu ca dao thời đó :

*"Ngẩm xem thế sự mà rầu*
*Ở giữa Đồng Khánh hai đầu Hàm Nghi".*

Năm Bính tuất (1886) ngài tuần du ra Bắc để dụ vua Hàm Nghi trở về nhưng việc chẳng thành. Khi đến Quảng Bình ngài bị bệnh phải đùng tàu thủy trở về Kinh.

---

(1) Lưỡng cung ở đây chỉ hai bà Từ Dũ Thái Hoàng Thái Hậu và Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu.

(2) Đồng có nghĩa là cùng, Khánh là mừng. Đồng Khánh có nghĩa là cùng vui mừng, ý nói triều đình ta và người Pháp đều vui mừng.
Ngài là anh cả của vua Kiến Phúc và vua Hàm Nghi. Vua Kiến Phúc đã mất, vua Hàm Nghi thì xuất bôn, nên thời bấy giờ có câu ca dao còn truyền tụng đến ngày nay :
*"Một nhà sinh đặng ba vua*
*Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài"*

(3) Trong lễ Tôn Thụy hiệu của ngài, vua Thành Thái có đăng bài sách trong có viết : "... Giỏi nghiên cứu lý số, thông suốt cái học của người và trời đất". Ngài thường thích chuyện huyền bí, hết sức tôn sùng Đức Thiên Y A Na tại đền Ngọc Trấn (điện Hòn Chén).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tháng 11 năm Mậu tí (1888) ngài nhuốm bệnh, chẳng ăn uống gì được, thỉnh thoảng lại lên cơn sốt, nhức mỏi trong người, đêm thường thấy ác mộng. Các ngự y đều bị quở trách có người bị giam. Sau cùng ngài phải nhờ đến bác sĩ người Pháp là Cotte chữa trị nhưng cũng vô hiệu. Đến cuối năm thì ngài mất[1].

Ngày mất ngày 27 tháng 12 năm Mậu tí (28.1.1889) được 25 tuổi, trị vì hơn 3 năm. Năm Kỷ sửu (1889), vua Thành Thái dâng tôn thụy là :

Cảnh Tông Hoằng Liệt Thống Thiết Mẫn Huệ Thuần Hoàng Đế.

Lăng của ngài gọi là Tư Lăng ở Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Ngài được thờ ở án thư ba bên trái trong Thế miếu cũng như trong điện Phụng Tiên, ngoài ra ngài còn được thờ ở điện Ngưng Hy tại Tư Lăng[2]

Về phi tần, ngài cũng có nhiều bà, chúng ta chỉ chép hai Hậu và một số bà có con.

1. NGUYỄN THỊ NHÀN 阮氏嫻
   Phụ Thiên Thuần Hoàng Hậu

Bà người Thanh Hóa, là con gái của quan Kinh lược Bắc kỳ Nguyễn Hữu Độ. Bà sinh ngày 1 tháng 11 năm Canh ngọ (22.12.1870). Khi lên ngôi vua Cảnh Tông phong bà làm Hoàng Quí phi.

Bà mất ngày 14 tháng 10 năm Ất hợi (9.11.1935), thọ 66 tuổi.

Ngày tháng năm bà được tôn phong Hoàng Hậu không rõ.

Vào triều Bảo Đại bà được truy tôn là Phụ Thiên Dực Thánh Khôn Nguyên Xương Minh Mục Từ Quảng Trang Tĩnh Nhân Thọ Thuần Hoàng Hậu. Bà được gọi là Thánh Cung.

Lăng của bà gọi là Tư Minh lăng ở Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên) gần Tư Lăng.

Bà được phối thờ với vua Cảnh Tông ở án thứ ba bên trái trong Thế miếu cũng như trong điện Phụng Tiên.

Bà sinh được hai con trai đều mất sớm là :

– Nguyễn Phúc Bửu Nguy

– Nguyễn Phúc Bửu Nga

2. DƯƠNG THỊ THỤC
   Hựu Thiên Thuần Hoàng Hậu 楊氏熟

Bà người Phú Lộc, (Thừa Thiên) là con gái của Phú Lộc Quận Công Dương Quang Hướng. Bà sinh ngày 26 tháng 3 năm Mậu thìn (18.4.1868).

Năm Bính tuất (1886) bà được phong là Hòa tần. Năm Kỷ hợi (1899) được phong là Tiệp dư. Năm Bính thìn (1916) bà được phong là Hoàng Thái phi.

Ngày 11 tháng 12 năm Quí hợi (16.1.1924) bà được phong Khôn nghi Hoàng Thái Hậu.

Ngày 25 tháng 2 năm Quí dậu (20.3.1933) dưới triều Bảo Đại, bà được phong Khôn Nghi Xương Đức Thái Hoàng Thái Hậu.

---

(1) Ngài mất hết sức bất ngờ, nên có giả thuyết nghi ngờ ngài bị người Pháp ám hại.

(2) Lúc ngài còn là Hoàng Tử thường hay đến cầu khẩn tại đền Ngọc Trản, xin nữ thần Thiên Y A Na phù hộ và xem mình có thể cầm quyền trị nước không. Trong một buổi hầu đồng, thần cho biết năm lên ngôi và cả năm mất nữa. Sau khi lên ngôi, ngài đổi tên đền thành Điện Huệ Nam tự nhận là đệ tử của Thần, các lễ tế tại Điện thành quốc lễ. Theo di chúc của ngài, về sau người ta thờ ngài tại điện Huệ Nam, thờ cùng với 6 vị tướng quân.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Bà mất ngày 2 tháng 8 năm Giáp thân (18.9.1944), thọ 77 tuổi, được dâng tôn thụy là Hựu Thiên Tương Thánh Khôn Nghi Xương Đức Khoan Hậu Từ Hòa Thọ Khang Trang Túc Thuần Hoàng Hậu.

Bà thường được gọi là Tiên Cung.

Lăng của bà gọi là Tư Thông lăng ở An Cựu, Hương Thủy, Thừa Thiên, dân chúng thường gọi là lăng Vạn Vạn.

Bà sinh được 2 con trai :

- Nguyễn Phúc Tuấn (tức Hoằng Tông Tuyên Hoàng Đế)
- Nguyễn Phúc Bửu Khát

3. TRẦN (ĐĂNG) THỊ ĐỒNG 陳 登 氏 同
Quan Phi

Lai lịch cùng năm sinh, mất đều không rõ

Bà sinh được hai con trai là :

- Nguyễn Phúc Bửu Tủng (An Hóa Công)
- Nguyễn Phúc Bửu Quyền

4. HỒ THỊ QUI 胡 氏 歸
Tiệp dư

Lai lịch cùng năm sinh, mất đều không rõ.

Bà sinh được ba con gái :

- Nguyễn Phúc Hỷ Duyệt
- Nguyễn Phúc Hi Hi (Ngọc Sơn Công Chúa)
- Nguyễn Phúc Nhu Hi

5. ... BÁ HIỆP 伯 合

Lai lịch cùng năm sinh, mất đều không rõ.

Bà sinh được một gái là :

- Nguyễn Phúc Hân Hân



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



# 15.III. NGUYỄN PHÚC HẠO
## Giảng Tông Nghị Hoàng Đế
### Vua Kiến Phúc





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 15.III. NGUYỄN PHÚC HẠO 阮福昊
### Giảng Tông Nghị Hoàng Đế

Ngài húy là Nguyễn Phúc Hạo, lúc còn là công tử có tên Ưng Đăng 登 khi được vua Dực Tông nhận làm đưỡng tử lại đổi thành Ưng Hổ 祜 Ngài là con thứ ba của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai và Kiên Thái Vương phi Bùi Thị Thanh. Ngài sinh ngày 2 tháng giêng năm Kỷ tị (12.2.1869).

Tháng giêng năm Canh ngọ (1870), ngài được 2 tuổi, vua Dực Tông nhận vào cung, giao cho bà Học phi Nguyễn Thị Hương nuôi làm dưỡng tử. Năm Nhâm ngọ (1832) vua cho ngài ra học tại Dưỡng Thiện dường vì thế mọi người thường gọi ngài là ngài Dưỡng Thiện.

Thuở nhỏ ngài đã hiểu biết sớm, tính tình thận trọng, trang nghiêm biết giữ đạo làm con, lại ham thích sách vỡ nên vua Dực Tông rất thương yêu. Vua sai các quan mang các tấu chương ở các nha thuộc của các Bộ đến cắt nghĩa cho ngài rõ để tập quen chính sự, ý muốn cho ngài nối ngôi, nhưng tuổi ngài lúc đó còn quá nhỏ.

Khi vua Dực Tông mất năm Quí mùi (1883) có để di chiếu bảo : "Ưng Đăng tính thận trọng, để bảo, hầu hạ sớm hôm cẩn thận, chưa có khuyết điểm gì nhưng tuổi còn ít, học chưa thông, đương lúc khó khăn này chưa chắc đã am hiểu công việc, nên trẫm đành bỏ lòng riêng mà theo mưu kế lớn... nhưng cho người sung làm Hoàng Tử đổi tên thành Ưng Hổ".

Tháng 10 năm Quí mùi (1883) vua Hiệp Hòa bị quyền thần phế, ngài đang ở tại Khiêm Cung, được các quan rước về tôn lên làm vua.

Ngày 3 tháng 11 năm Quí mùi (2.12.1883), ngài lên ngôi ở điện Thái Hòa đặt niên hiệu là Kiến Phúc, chọn chữ thứ tư trong 20 chữ thuộc bộ Nhật ở Kim sách để làm tên, đó là chữ Hạo.

Ngài lên ngôi vua mới 15 tuổi nên mọi việc trong triều đều tự tay hai quan Phụ chính Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chủ trương. Thuyết thì nóng nảy ai cũng khiếp sợ, đa nghi hay chém giết, Tường có tài trí, giỏi giao thiệp nhưng có tính tham lam và tàn nhẫn. Hai ông này giữ triều chính, quan thì trong tay ông Tường, binh quyền thì trong tay ông Thuyết, nhưng thường việc gì cũng do ông Tường xui khiến. Hoàng thân quốc thích cho đến các quan ai có điều gì trái ý với họ đều bị bắt giam hay chém giết cả. Ông Thuyết mộ quân Phấn nghĩa để hộ vệ mình thường hay tiếm dùng nghi vệ của vua, ông Tường thì nhận tiền hối lộ của những người khách bất dân tiêu loại tiền sểnh mòng và xấu đúc ở bên Trung Hoa.

Đối với nước Pháp thì mặc dù trước đây đã ký hòa ước Quí mùi nhưng người Pháp vẫn tìm cách xâm lấn miền Bắc nước ta. Sau khi ký hiệp ước Fournier với Trung Hoa, họ đánh chiếm các tỉnh miền Bắc như Hưng Hóa, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Sơn Tây, triều đình phải ký hòa ước Giáp thân (1884) nhận sự bảo hộ của Pháp[1].

(1) Hòa ước này còn gọi là hòa ước Patenôtre, do công sứ của Pháp là Patenôtre đại diện đứng ký. Trước khi ký người Pháp báo nước ta không còn là phiên thuộc của Trung Hoa nên giao ấn của nhà Thanh tuyên phong cho họ nhưng Nguyễn Văn Tường không chịu xin đem nấu phá đi. Ấn này nặng 8 kg bằng bạc mạ vàng có khắc mấy chữ Việt Nam Quốc Vương chi ấn. Và sau đó ấn được nấu cho chảy ở lầu Khâm sứ trước mặt quan lại ta và Pháp trước khi ký hòa ước.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ngài lên ngôi được 8 tháng thì mất. Ngài mất ngày 10 tháng 6 năm Giáp thân (31.7.1884)[1], được 16 tuổi.

Vua Hàm Nghi lên nối ngôi dâng tôn thụy là : Giản Tông Thiệu Đức Chí Hiếu Uyên Duệ Nghị Hoàng Đế.

Lăng của ngài gọi là Bồi Lăng nằm bên trong la thành của Khiêm Lăng về phía tay phải, tức ở vùng Dương Xuân, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

Ngài được thờ ở án thứ 2 bên phải trong Thế miếu cũng như trong điện Phụng Tiên, ngoài ra còn được thờ ở điện Chấp Khiêm tại Bồi Lăng.

(1) Việc ngài mất nêu lên một nghi án, sử chỉ chép ngài chết vì bệnh. Có thuyết bảo Nguyễn Văn Tường giết ngài bằng cách bỏ độc dược vào thang thuốc. Những giả thuyết nêu ra về cái chết của ngài có thể kể như sau :
– Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đồng ý giết vua Kiến Phúc để tôn một vị vua nhỏ tuổi hơn, mong nắm trọn quyền bính.
– Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết cho rằng hòa ước Giáp Thân quan lại ta nhân danh của Kiến Phúc để ký với Pháp mà nay vua không còn thì hòa ước sẽ mất hết hiệu lực.
– Bà Học phi mẹ nuôi của vua Kiến Phúc có tư tình với Nguyễn Văn Tường, một hôm nhân vua đau, Tường bạn đêm tự tiện vào thăm có trò chuyện với bà Học phi, vua là quở và có nói với Tường một câu : "Thấy đừng tưởng gươm nhà Nguyễn không sắc". Tường thấy nguy nên đến Thái Y viện bốc một thang thuốc dâng lên, và hôm sau vua mất.





http://giapha.nguyenphuoctoc.info



# 15.IV. NGUYỄN PHÚC MINH

## Vua Hàm Nghi



*http://giapha.nguyenphuoctoc.info*

## 15.IV. NGUYỄN PHÚC MINH 阮福明
Vua Hàm Nghi

Ngài húy là Nguyễn Phúc Ưng Lịch 膺曆 sau khi lên ngôi chọn chữ thứ năm trong 20 chữ thuộc bộ Nhật ở Kim sách làm tên, đó là chữ Minh. Ngài là con thứ năm của Kiên Thái vương Nguyễn Phúc Hồng Cai, mẹ là bà Phan Thị Nhàn. Ngài sinh ngày 17 tháng 6 năm Tân mùi (3.8.1871).

Sau khi vua Kiến Phúc mất, ngày 12 tháng 6 năm Giáp thân (2.8.1884), Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường lập ngài lên nối ngôi vì thấy ngài nhỏ tuổi dễ thao túng dưới sự phụ chính của họ. Khi lập ngài, triều đình Huế không tin cho Tổng Trú Sứ của Pháp biết nên họ hết sức phản đối. Sau cùng họ chấp nhận nhưng bắt ngài phải chịu lễ tuyên phong của người Pháp.

Ngày 27 tháng 6 năm Giáp thân (17.8.1884), viên Khâm sứ Pháp là Rheinart và Đại tá Guerrier vào cửa chính tại Ngọ môn để thực hiện lễ tuyên phong ngài. Ngài lên ngôi lấy niên hiệu là Hàm Nghi, lúc đó ngài mới 14 tuổi.

Việc bang giao giữa ta và người Pháp lúc bấy giờ rất căng thẳng. Tôn Thất Thuyết cho lập đồn Tân sở ở gần Cam Lộ, Quảng Trị thuộc miền Thượng du để phòng khi có biến động thì đưa quân vào đấy để chống giữ quân Pháp. Mặt khác ông cho mộ thêm quân và chuyển dần lương thực vũ khí cùng của cải ra đấy.

Trong triều đình nhiều người chủ hòa muốn thương thuyết với người Pháp vì liệu sức quân ta không chống nổi Pháp, đều bị Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết hoặc bắt giam, hoặc đày đi hoặc giết chết. Chính phủ Pháp biết rõ đều này nên lệnh cho Trú sứ của Pháp tại Huế phải tìm cách áp lực để cách chức Tôn Thất Thuyết.

Tháng 5 năm Ất dậu (1885) thống tướng của Pháp là De Courcy được cử làm Toàn quyền Trung Bắc Kỳ đưa quân vào Huế, tìm cách bắt Tôn Thất Thuyết nên cho mời các quan ở Viện cơ mật sang Tòa Khâm bàn về việc triều yết vua Hàm Nghi. Tôn Thất Thuyết biết được tin này nên tránh không đến dự. Vì biết De Courcy quyết tâm bắt mình nên Tôn Thất Thuyết quyết định tấn công Tòa Khâm.

Nửa đêm 22 rạng 23 tháng 5 năm Ất dậu (5.7.1885), quân ta tấn công Tòa Khâm sứ và đồn binh ở Mang Cá. Pháp bị tấn công bất ngờ nên tìm cách cố thủ chống giữ. Đến sáng ngày 23 Pháp bắt đầu phản công bắn phá tiến chiếm Kinh thành. Nhiều nhà cửa bị quân Pháp đốt, dân chúng bị giết rất nhiều, ngoài ra dân chúng tranh chạy ra các ngã cửa thành dày xéo nhau chết vô kể. Đến 3 giờ sáng hôm 23 quân ta hoàn toàn thất bại, Tôn Thất Thuyết đưa ngài và Tam cung (Từ Dũ Hoàng Thái Hậu, Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu và Học phi) ra Tân Sở. Ngài lên đường theo ngã Trường Thi (La Chữ, Thừa Thiên), dừng tại Trường Thi rồi lên đường đến làng Văn Xá để nghỉ lại đêm. Tôn Thất Thuyết cho làm hịch Cần Vương đứng tên ngài kêu gọi mọi người nổi lên chống Pháp.

Ngày 27 tháng 5 ngài đến Quảng Trị. Sau đó Từ Dũ Hoàng Thái Hậu nhất định đòi trở về Huế. Tôn Thất Thuyết ép ngài ra Tân Sở. Ngài phải bái biệt Tam cung lên đường.

Đến Tân Sở rồi ngài lại phải đi lên Bảng Sơn, Cam Lộ tìm cách ra Bắc. Nhưng thuyền chiến của Pháp chiếm Nhật Lệ rồi chiếm tỉnh Quảng Bình, đổ quân đánh Đồng Hới, ngài phải trở về Tân Sở.

Lúc ngài ra Bắc, Nguyễn Văn Tường ở lại Huế, nhờ giám mục Caspar can thiệp để ra đầu thú với De Courcy. De Courcy chấp nhận nhưng hạn cho ông hai tháng phải sắp đặt cho yên việc nước. Ngày 24 tháng 5 Nguyễn Văn Tường làm tờ hiểu thị cho nhân dân toàn quốc rõ là



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

hai nước Pháp–Nam vẫn hòa hiếu như cũ, mặt khác sai người ra Quảng Trị tâu lên với ngài về việc giảng hòa với Pháp và xin rước ngài cùng Tam cung trở về Kinh. Ngày 3 tháng 6 Tam cung về Khiêm Lăng. Sau đó Từ Dũ Hoàng Thái Hậu nhiều phen cho người đi tìm đón ngài về nhưng không gặp. Triều đình Huế phải thương thuyết với Pháp để đặt Thọ Xuân Vương Miên Định làm giám quốc. Vì không đưa được ngài trở về Kinh nên Nguyễn Văn Tường bị Pháp đưa đi an trí tại Tahiti. Tổng đốc Hà Ninh Nguyễn Hữu Độ được đưa về thay thế trông coi viện Cơ Mật, và thương lượng với Pháp lập Kiên Giang Quận Công lên ngôi tức vua Cảnh Tông vào tháng 4 năm Ất dậu (1885), trước đó Tam cung xuống dụ truất phế ngài.

Ở lại Tân Sở được 4, 5 ngày, Tôn Thất Thuyết lại đưa ngài theo thượng đạo đến Mai Lĩnh, Lao Bảo rồi Hướng Hóa để ra Bắc. Khi ngài đến Hà Tĩnh quân Pháp đuổi theo, Tôn Thất Thuyết phải đưa ngài trốn đi nơi khác, rồi về ẩn cư vùng thượng du tỉnh Quảng Bình. Tôn Thất Thuyết thấy chống Pháp không nổi nên bỏ ngài ở lại Quảng Bình, còn mình tìm đường ra Bắc trốn sang Trung Hoa để tìm kế khác chống lại Pháp.

Suốt từ năm Bính tuất (1886) đến năm Đinh hợi (1887), ngài lẩn trốn trong miền thượng lưu sông Gianh thuộc huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình. Theo hầu ngài có hai con của Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Đàm và Tôn Thất Thiệp. Đến tháng 9 năm Mậu tí (1888), người Pháp mua chuộc được tên người Mường là Trương Quang Ngọc vốn theo hầu cận ngài, ngày 26 tháng 9 năm Mậu tí (30.10.1888) Ngọc dẫn thủ hạ đến bắt ngài. Qua hôm sau quân Pháp đưa ngài về trạm Thừa Hóa (thuộc Cầu Hai, Thừa Thiên).

Vua Cảnh Tông được tin, phái quan đến đón, định đưa ngài về Kinh, lại truyền lệnh cho bộ Binh ra địa phận đầu tỉnh để nghênh tiếp. Nhưng quân Pháp đã có lệnh đưa ngài đi an trí tại Alger thuộc Algérie nên họ đã đưa ngài đến cửa Tư Hiền, theo tàu La Comète vào Sài Gòn, để rồi theo tàu Biên Hòa đến nước Algérie vào ngày 12 tháng 2 năm Kỷ sửu (13.1.1889).

Ở Algérie ngài sống tại biệt thự Gia Long bên trên khu đồi El Biar cách thủ đô Alger 12 cây số. Trong biệt thự có miếu thờ tiên tổ. Tại tha hương ngài vẫn giữ phong tục của Việt Nam từ cách ăn mặc cho đến những nghi thức khác. Ngài còn theo học nhạc và có nhiều tác phẩm hội họa. Ngài sống tại đây cho đến lúc mất.

Ngài mất ngày 28 tháng 11 năm Nhâm ngọ (4.1.1943) thọ 72 tuổi. Lăng ngài ở trong biệt thự Gia Long.

Ở tại Algérie ngài có lấy vợ người Pháp là con gái của viên chức Thương Chánh Lalauer, sinh được 1 con trai và hai con gái :

1. Nguyễn Phúc Minh Đức

2. Nguyễn Phúc Như Mai (bà này đậu Kỹ sư Nông lâm)

3. Nguyễn Phúc Như Lý (bà này lập gia đình với đại tá không quân, thuộc hoàng tộc nước Bỉ).



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ MƯỜI SÁU

## 16.I. NGUYỄN PHÚC CHIÊU

### Hoài Trạch Công

### Vua Thành Thái



*http://giapha.nguyenphuoctoc.info*

## 16.I. NGUYỄN PHÚC CHIÊU 阮福昭

Hoài Trạch Công (vua Thành Thái)

Ngài là con thứ 7 của Đức Cung Huệ Hoàng Đế và Từ Minh Hoàng Hậu. Khi chưa lên ngôi ngài có tên là Bửu Lân 寶嶙 . Lúc lên ngôi ngài lấy chữ thứ 7 thuộc bộ Nhật trong Kim sách làm tên, đó là chữ Chiêu. Ngài sinh ngày 22 tháng 2 năm Kỷ mão (14.3.1879).

Năm Quí mùi (1883) Cung Tông Huệ Hoàng Đế bị quyền thần phế, ngài cùng vua bị giam ở Giảng đường thuộc Thái Y Viện. Khi vua mất năm Giáp thân (1884), ngài theo mẹ về ở quê ngoại tại làng Phú Lương, (Thừa Thiên). Năm Mậu tí (1888) ông ngoại ngài là Phan Đình Bình bị tội, ngài lại theo mẹ đến ở nhà Trần Vũ ở phía đông trong Kinh thành.

Tháng Chạp năm Mậu tí (1888) vua Cảnh Tông mất. Phụng mệnh Lưỡng cung với sự đồng ý của Khâm sai người Pháp là Rheinart, đại thần triều đình Huế đến rước ngài lên ngôi, bấy giờ ngài mới 10 tuổi[1].

Khi vào cung, ngài đến bái yết tử cung Tiên đế[2], sau đó sang nội các chọn ngày làm lễ tấn tôn. Bấy giờ ngài có chọn một cuốn sách trong nội các, lật ra bói hai câu hỏi các quan về ý nghĩa. Các đại thần xem xong đều mừng cho là ngài có chân mệnh đế vương[3].

Ngày mồng 2 tháng Giêng năm Kỷ sửu (1.2.1889) ngài lên ngôi ở điện Thái Hòa, lấy niên hiệu là Thành Thái. Tuân lệnh Lưỡng cung ngài chọn Tuy Lý Vương, Hoài Đức Quận Vương, Nguyễn Trọng Hiệp, Trương Quang Đản làm phụ chính.

Các thân thần và đại thần thay nhau phò tá và giảng dạy kinh sách cùng chữ Pháp cho ngài. Ngài vốn thông minh nhưng tính khí bất thường ham chơi bời, ít chịu nghe lời can gián, nhiều đêm ngài cỡi ngựa ra chơi ngoài Kinh thành chẳng ai ngăn cản được. Vì tính khí và hành vi của ngài nên đến tháng 3 năm Qui tị (1893) các quan phụ chính phải tâu lên Lưỡng cung để đưa ngài ra an dưỡng tâm thần tại Cung Bồng Dinh ở hồ Tĩnh Tâm[4].

Đến năm Bính thân (1896) các Thân thần đều đã cáo lão, ngài càng phóng túng. Sau đó quan Kinh lược Hoàng Cao Khải về triều lại bất hòa với quan Vũ Hiển Điện Nguyễn Thân, thành ra quan lại trong triều chia làm hai phe khiến ngài càng coi thường các đại thần. Vả lại

---

(1) Việc ngài được lên ngôi ở Huế người ta thường truyền lại câu chuyện như sau :
Vua Đồng Khánh mất, các quan Cơ Mật không dám tự tiện chọn vua mới, nên cùng nhau sang Tòa Khâm để hỏi ý kiến quan Khâm Sứ. Lúc ấy ông Diệp Văn Cương làm quan tại Tòa Khâm. Quan Cơ Mật hỏi : "Hiện nay vua Đồng Khánh đã thăng hà, theo ý của quý Khâm Sứ thì nên chọn ai kế vị ?". Ông Diệp lại dịch câu trên thành : "Nay vua Đồng Khánh đã thăng hà, Lưỡng tôn cung và cơ mật viện đồng ý chọn hoàng tử Bửu Lân lên nối ngôi, không biết ý kiến quí Khâm Sứ như thế nào ?". Nghe vậy quan Khâm Sứ đáp : "Nếu Lưỡng tôn cung và cơ mật viện đã đồng ý chọn Hoàng tử Bửu Lân thì tôi cũng xin tán thành". Câu này ông Diệp lại dịch là : "Theo ý tôi thì các quan cơ mật nên chọn Hoàng tử Bửu Lân là hơn cả".
Sự lên ngôi của vua Thành Thái nhờ công của ông Diệp Văn Cương rất lớn, ông là chồng của bà Công nữ Thiện Niệm con của Thụy Thái Vương, là cô ruột của vua Thành Thái.

(2) Tử cung là từ chỉ quan tài của vua hay hoàng hậu. Ở đây chỉ quan tài của vua Đồng Khánh.

(3) – Câu đầu trong thiên Công Dã Tràng ở Luận ngữ là : Tử vị Công Dã Tràng : "Khả thê dã. Tuy tại lụy tiết chi trung, phi kỳ tội dã dĩ kỳ tử thê chi".
(Khổng Tử nói về Công Dã Tràng rằng : "Có thể gả con gái cho trò ấy. Dù trò ấy ở trong cảnh tù tội nhưng không phải là người có tội". Rồi đem gả con gái cho Công Dã Tràng.
– Câu hai trong Thiên Ung Dã là : Tử viết : "Ung dã, khả sử Nam diện.
(Khổng Tử nói rằng : "Trò Ung có thể ngồi ngoảnh mặt về hướng nam (tức vị trí của vua ngồi để trị nước)
Hai câu này đều đúng với hoàn cảnh của ngài vào lúc đó.

(4) Hồ Tịnh Tâm là một trong 12 thắng cảnh đất Thần Kinh, trong hồ có ba đảo : Bồng Lai, Phương Trượng và Dinh Châu. Trên đảo Bồng Lai có Điện Bồng Dinh, tạ Thanh Lâm và lầu Trừng Giang.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

phần lớn các đại thần đều nịnh bợ với người Pháp, mà quyền hạn của triều đình Huế càng ngày càng thu hẹp.

Năm Quí mão (1903) các đại thần ở triều tố cáo lẫn nhau, nói đến cả những hành vi của ngài với toàn quyền Pháp là Boulloche, ngài cũng nêu ý kiến về họ, vì thế Hoàng Cao Khải và Nguyễn Thân đều phải về hưu. Từ đó ngài không còn bị quan lại kiềm chế, nên hành vi của ngài không tránh được những sự thái quá. Ngoài ra ngài cũng tỏ chống đối người Pháp ra mặt.

Đến năm Đinh mùi (1907) dưới áp lực của Pháp, triều đình Huế cho rằng ngài có bệnh tâm thần, phụng mệnh Lưỡng cung họ bắt ngài phải thoái vị. Sau đó ngài bị Pháp đưa đi an trí ở Cap Saint Jacques (Vũng Tàu). Năm Bính thìn (1916), người Pháp đưa ngài đi an trí ở đảo Réunion, một thuộc địa của Pháp ở châu Phi.

Ngài tại vị 19 năm, khi thoái vị được phong là Hoài Trạch Công. Năm Quí sửu (1913) dưới triều Duy Tân, ngài được chép vào sử dưới danh hiệu Phế Đế.

Năm Đinh hợi (1947), ngài được trở về sống tại Sài Gòn cho đến khi mất.

Ngài mất ngày 18 tháng 2 năm Ất mùi (9.3.1955), thọ 77 tuổi, không có miếu hiệu.

Ngài được an táng tại An Cựu, Hương Thủy, Thừa Thiên cạnh An Lăng.

Ngài là người có nhiều tư tưởng cấp tiến như cắt tóc ngắn, lái ô tô, xuống máy.

Ngài cũng có tài về thơ văn Hán cũng như Nôm. Trong dịp ra Bắc năm Nhâm dần (1902) ngài có sáng tác bài thơ "Thăng Long Thành" gói ghém tâm sự sót xa của ngài trước tình hình đất nước :

*Kỷ độ tang thương kỷ độ kinh*
*Nhất phiên hồi thủ nhất phiên tình*
*Ngưu hồ dĩ biến tam triều cuộc*[1]
*Hổ động không dư bách chiến thành*
*Nùng lĩnh phù vân kim cổ sắc*
*Nhị hà lưu thủy khốc ca thanh*
*Cầm hổ đoạt sáo nhân hà tại ?*
*Thùy vị giang san tẩy bất bình ?*

tạm dịch :

*Mấy độ tang thương khiến hãi kinh*
*Lắm phen ngoảnh lại xót xa tình*
*Hổ Ngưu dã dổi ba triều đại*
*Động hổ còn trơ vạn trận thành*
*Núi Nùng mây phủ nhìn kim cổ*
*Sông Nhĩ dòng trôi vẳng khốc thanh*
*Cầm hổ đoạt sáo còn dâu nữa,*
*Ai giúp giang san gỡ bất bình*

(1) Ngư Hổ tức Hồ Tây. Hổ động có lẽ là thành Thăng Long. Trong thơ của Phạm Trọng Mưu, bài "Thăng Long hoài cổ" có câu "Ngưu hồ dĩ biến tam triều cuộc Long động không dư bách chiến thành, thì thành Long đổ tức thành Thăng Long.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ngài có nhiều phu nhân, có 19 con trai và 26 con gái[1].

1. Nguyễn Phúc Vĩnh Diễn
2. Nguyễn Phúc Vĩnh Linh
3. Nguyễn Phúc Vĩnh Trân
4. Nguyễn Phúc Vĩnh Uyển
5. Nguyễn Phúc Vĩnh San (vua Duy Tân)
6. Nguyễn Phúc Vĩnh Ngoạn
7. Nguyễn Phúc Vĩnh Kỳ
8. Nguyễn Phúc Vĩnh Chương
9. Nguyễn Phúc Vĩnh Sâm
10. Nguyễn Phúc Vĩnh Khuê
11. Nguyễn Phúc Vĩnh Giác
12. Nguyễn Phúc Vĩnh Kha
13. Nguyễn Phúc Vĩnh Vũ
14. Nguyễn Phúc Vĩnh Ngọc
15. Nguyễn Phúc Vĩnh Tiên
16. Nguyễn Phúc Vĩnh Lưu
17. Nguyễn Phúc Vĩnh Quỳnh
18. Nguyễn Phúc Vĩnh Khôi
19. Nguyễn Phúc Vĩnh Khôi (đồng âm với 18.)

1. Nguyễn Phúc Lương Trinh
2. Nguyễn Phúc Lương Kiều
3. Nguyễn Phúc Lương Yên
4. Nguyễn Phúc Lương Xuân
5. Nguyễn Phúc Lương Huyen
6. Nguyễn Phúc Lương Viện
7. Nguyễn Phúc Lương Diệu
8. Nguyễn Phúc Lương Ngoạn
9. Nguyễn Phúc Lương Diên
10. Nguyễn Phúc Lương Nghiên
11. Nguyễn Phúc Lương Huyền
12. Nguyễn Phúc Lương Nhiêu
13. Nguyễn Phúc Lương Hân
14. Nguyễn Phúc Lương Tường
15. Nguyễn Phúc Lương Chuyên
16. Nguyễn Phúc Lương Nhân
17. Nguyễn Phúc Lương Tĩnh
18. Tảo thương
19. Nguyễn Phúc Lương Linh
20. Nguyễn Phúc Lương Mỹ
21. Tảo thương
22. Nguyễn Phúc Lương Cát
23. Nguyễn Phúc Lương Hảo
24. Nguyễn Phúc Lương Hy
25. Nguyễn Phúc Lương Thâm
26. Nguyễn Phúc Lương Hoàn

(1) Số con của ngài còn nhiều hơn, chưa khảo xét được đầy đủ. Ở đây chép dựa theo phả của Đệ tử Chính hệ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



# 16.II. NGUYỄN PHÚC TUẤN
## Hoằng Tông Tuyên Hoàng Đế
### Vua Khải Định



*http://giapha.nguyenphuoctoc.info*

**16.II. NGUYỄN PHÚC TUẤN** 阮福晙

Hoằng Tông Tuyên Hoàng Đế

Ngài húy Nguyễn Phúc Bửu Đảo 寶島 , lúc lên ngôi chọn chữ thứ 9 trong Kim sách để đặt tên, đó là chữ Tuấn. Ngài là con trưởng của đức Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế và Hựu Thiên Thuần Hoàng Hậu. Ngài sinh ngày mồng 1 tháng 9 năm Ất dậu (8.10.1885).

Khi vua Cảnh Tông mất, ngài mới được 4 tuổi, vì còn quá nhỏ nên Lưỡng cung cùng triều đình dưới sự đồng ý của người Pháp đưa vua Thành Thái lên ngôi.

Năm Bính ngọ (1906) ngài được phong là Phụng Hóa Công.

Đến tháng 4 năm Bính thìn (1916), Pháp đưa vua Duy Tân đi an trí tại đảo Réunion, triều đình Huế và người Pháp mới lập ngài lên ngôi. Ngài lên ngôi ngày 17 tháng 4 năm Bính thìn (18.5.1916), lấy niên hiệu là Khải Định.

Sau khi lên ngôi vua, ngài nhận thấy trong giai đoạn trị vì của hai vua trước, người Pháp dần dần thu hết quyền hành, nên mong chấn chỉnh triều cương để bảo tồn quốc thể.

Tháng 5 năm Nhâm tuất (1922) với sự thuyết phục của Khâm sứ người Pháp là Pasquier, ngài thực hiện chuyến công du tại Pháp nhân cuộc "đấu xảo thuộc địa" tại Marseille. Nhân chuyến đi này ngài muốn vận động với các dân biểu trong quốc hội Pháp cùng với báo giới để yêu cầu Pháp nới lỏng quyền thống trị, thực hiện đúng hiệp định Giáp thân (1884), mà theo đó Pháp chỉ là nước bảo hộ, nhưng việc chẳng thành. Tuy nhiên trong chuyến đi này đã giúp cho ngài nhận định được phương pháp làm việc của triều đình Huế quá lỗi thời, cũng như thấy tình hình thế giới đã thay đổi có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tương lai đất nước.

Năm Giáp tí (1924) ngài ngọa bệnh, nhưng trong năm này lễ Tứ Tuần Đại Khánh của ngài được tổ chức hết sức long trọng. Qua năm Ất sửu (1925) bệnh tình ngài trở nên trầm trọng, rồi ngài mất.

Ngài mất vào giờ Mão ngày 20 tháng 9 năm Ất sửu (6.11.1925), thọ 41 tuổi. Vua Bảo Đại dâng tôn thụy là Hoằng Tông Tự Đại Gia Vận Thánh Minh Thần Trí Nhân Hiếu Thành Kính Dĩ Mô Thừa Liệt Tuyên Hoàng Đế.

Lăng của ngài gọi là Ưng lăng ở Châu Chữ (Hương Thủy, Thừa Thiên). Ngài được thờ ở án thứ ba bên phải trong Thế miếu cũng như điện Phụng Tiên và tại Ưng Lăng.

Ngài là người nho nhã, mãnh khảnh hơi bạc nhược. Ngài chuộng trang sức, thích mỹ thuật nhưng thiên về chi tiết hơn là đại thể. Ngài lại thích đời sống thanh bình an ổn, nên suốt thời kỳ ngài trị vì chẳng có gì rắc rối. Ngài khởi xướng ra lễ mừng "Hưng Quốc Khánh Niệm" vào ngày 2 tháng 5 âm lịch hàng năm.

* HOÀNG THỊ CÚC 黃氏菊

Đoan Huy Hoàng Thái Hậu

Bà húy là Hoàng Thị Cúc, con gái của Thái Thường Thị Khanh Nghi Quốc Công Hoàng Văn Tích. Bà sinh ngày 08 tháng giêng năm Canh dần (28.1.1890). Bà vào hầu vua Hoằng Tông lúc vua chưa lên ngôi, còn mang tước phụng Hóa Công. Năm Quí sửu (1913) bà sinh được công tử Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy mà sau này lên nối ngôi tức vua Bảo Đại.

Năm Đinh tị (1917) bà được phong Tam giai Huệ Tần.

Năm Mậu ngọ (1918) bà được phong Nhị giai Huệ Phi



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Sau khi vua Hoằng Tông mất, vua Bảo Đại lên nối ngôi, tôn phong bà là Đoan Huy Hoàng Thái Hậu vào ngày 25 tháng 2 năm Quí dậu (20.3.1933). Và bà thường được tôn xưng là Từ Cung.

Bà đã đóng góp nhiều công sức trong việc thờ tự các Liệt Thánh cũng như sửa sang lại tôn miếu trong thời kỳ vua Bảo Đại trị vì, cũng như lúc vua lưu vong tại Pháp. Trong những năm tháng có chiến tranh bà chẳng hề rời bỏ kinh đô, chẳng kể hiểm nguy, ở lại để lo việc hương khói. Bà rất chiếu cố đến họ tộc và được bà con rất trọng nể. Bà tuy kiến thức học vấn chẳng nhiều nhưng lễ nghi phép tắc đúng là bậc mẫu nghi.

Bà mất ngày 3 tháng 10 năm Canh thân (10.11.1980) tại Huế, hưởng thọ 91 tuổi.

Bà được an táng vào ngày 10 tháng 10 năm Canh thân (17.11.1980). Lăng của bà bên cạnh Từ Lăng thuộc vùng Dương Xuân (Hương Thủy, Thừa Thiên). Bà được thờ tại ngôi nhà số 79 đường Phan Đình Phùng, Huế vốn là nhà ở của bà trong một thời gian dài lúc cuối đời. Bà sinh được một người con trai là :

- Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy.

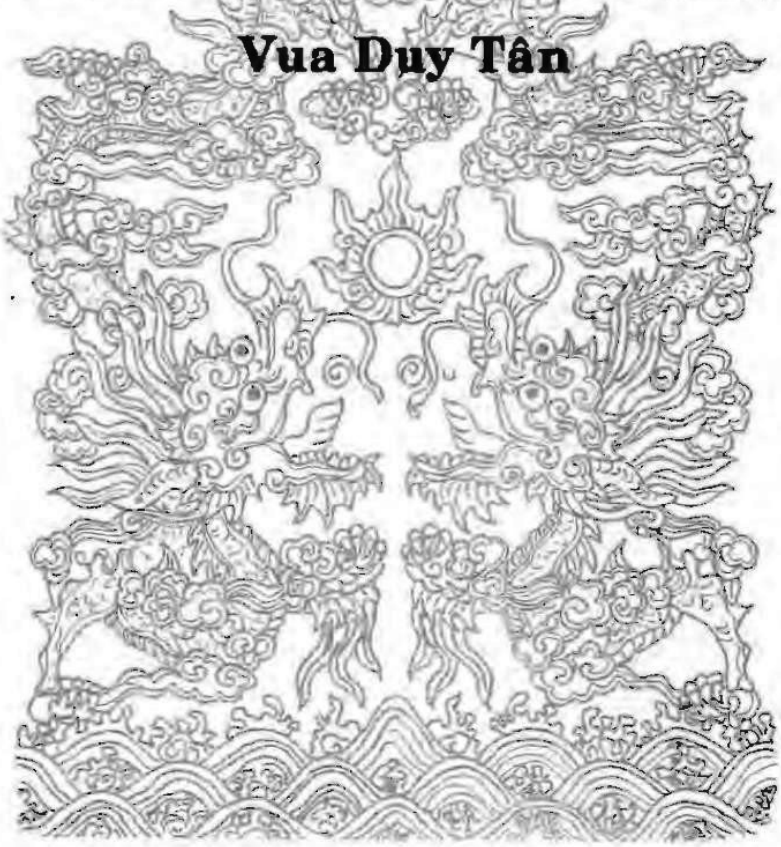


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# ĐỜI THỨ MƯỜI BẢY

## 17.I. NGUYỄN PHÚC HOẢNG

### Vua Duy Tân





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## 17.I. NGUYỄN PHÚC HOẢNG 阮福晃
Vua Duy Tân

Ngài húy Nguyễn Phúc Vĩnh San, 永珊 lúc lên ngôi chọn chữ thứ 8 trong Kim sách để đặt tên đó là chữ Hoảng. Ngài là con thứ 5 của Hoài Trạch Công (vua Thành Thái) và bà Nguyễn (Tài) Thị Định. Ngài sinh ngày 26 tháng 8 năm Canh tí (19.9.1900).

Năm Đinh mùi (1907), vua Thành Thái thoái vị nhường ngôi cho ngài, lúc đó ngài mới 8 tuổi. Ngày 28 tháng 7 năm đó triều thần tấn tôn ngài lên ngôi, lấy niên hiệu là Duy Tân.

Tuy còn nhỏ nhưng lúc lên ngôi ngài đã tỏ ra chững chạc, nghiêm nghị khiến người Pháp khâm phục. Ngài học hành thông minh khiến các giáo đạo phải ngợi khen[1]. Dù ở ngôi tôn nhưng ngài thường tỏ vẻ buồn rầu, phần thì phụ thân bị đưa đi an trí, phần thì người Pháp nắm hết quyền hành. Ngài đã nhiều phen bày tỏ nổi bất bình với quan lại người Pháp.

Khi Thế giới đại chiến lần thứ I phát sinh (1914), nước Pháp lâm vào tình trạng khó khăn. Quân Pháp ở Đông Dương phần lớn được đưa về nước chiến đấu. Một số trí sĩ tham dự vào phong trào chống thuế năm Mậu thân (1908) muốn nhân cơ hội này lật đổ nền thống trị của người Pháp. Những người cầm đầu công cuộc này như Thái Phiên, Lê Ngung, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Võ Văn Trứ... biết ngài có chí lớn nên muốn tìm cách đưa ngài vào nhóm để phô trương thanh thế. Trần Cao Vân và Thái Phiên thường giả dạng người câu cá theo thủy đạo để vào cung bàn bạc với ngài. Họ thường lấy việc vua Thành Thái bị đày và trú sứ Mahé đào lăng vua Tự Đức để kích thích thêm lòng bất mãn của ngài. Chương trình của nhóm này là muốn khích động những người lính mới được Pháp mộ đang luyện tập tại Huế (để đưa sang Pháp chiến đấu) cùng với lính khố đỏ, khố xanh ở Kinh thành và ở các tỉnh để trù chiếm lấy Huế, Quảng Nam, Quảng Nghĩa và từ đó tiến đến lật đổ chính phủ Nam triều rồi lập chính phủ khác nhưng vẫn tôn ngài làm vua.

Chương trình dự trù khởi sự vào ngày 2 tháng 4 năm Bính thìn (3.5.1916) và trong đêm đó ngài sẽ tìm cách xuất cung. Chẳng ngờ âm mưu bị bại lộ, tòa Khâm Sứ Pháp biết trước tin này nên giữ lính ở trong trại và tước hết khí giới của các tân binh. Ngài chẳng biết gì nên hôm đó giả thường dân trốn ra khỏi kinh thành và được Thái Phiên cùng Trần Cao Vân dẫn đi trốn. Họ đưa ngài về Hà Trung rồi sau dẫn về ẩn núp tại chùa Thiên Tông. Ba ngày sau đó người Pháp tìm bắt được ngài và giam giữ tại Măng Cá. Pháp giao cho triều đình Huế nghị án. Kết quả ngài bị Pháp đưa đi an trí tại đảo Réunion một thuộc địa của Pháp tại Phi Châu.

Trong thời gian sống tại đảo Réunion ngài tiếp tục học về điện tử và sinh ngữ, nhờ vậy ngài thông thạo tiếng Anh và Y Pha Nho và nhất là rất giỏi tiếng Pháp. Ngài thỉnh thoảng diễn thuyết về các đề tài khoa học. Ngoài ra ngài còn chơi nhạc, đua ngựa và đấu kiếm...

Trong trận thế chiến Thế giới lần thứ II, ngài tham gia kháng chiến chống Đức trong quân đội Pháp, ngày 5.5.1945 ngài sang Pháp với cấp bậc Chuẩn úy rồi được bổ sung vào bộ tham mưu của sư đoàn 9e D.I.C của Pháp đóng tại Đức rồi sau đó được tướng De Gaulle của Pháp ký sắc lệnh bổ nhiệm thăng ngài làm Tiểu đoàn trưởng vào ngày 25.9.1945 rồi bằng lòng để ngài về nước tham gia quốc sự. Sau đó vào ngày 24 tháng 12 năm 1945 ngài theo một phi cơ đưa về thành phố Saint Denis để thăm gia đình. Khi bay ngang xứ cộng hòa Trung Phi (xứ Bangui) thì phi cơ ngộ nạn.

Ngài mất ngày 21 tháng 11 năm Ất dậu (25.12.1945) được 46 tuổi. Ngài được an táng tại nghĩa trang Thiên Chúa giáo M'Baiki thuộc xứ cộng hòa Trung phi. Năm Đinh mão (1987) ngài được cải táng trong khuôn viên của An Lăng thuộc An Cựu, (Hương Thủy, Thừa Thiên).

(1) Giáo sư Eberhart người Pháp gốc Đức dạy ngài về khoa học và Pháp văn, ngợi khen ngài rất thông minh. Ông này sau bị nghi ngờ dính vào vụ án Duy Tân nên phải trở về nước.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ngài là người thông minh, lúc làm vua tuy chưa trưởng thành nhưng hay nghĩ ngợi về việc nước. Nhân một hôm đến cửa Tùng (Quảng Trị) khi ra nghỉ mát ngồi câu cá, ngài có đọc một câu :

*"Ngồi trên nước không ngăn được nước*
*Buông câu ra lỡ dì phải lần"*[1]

Lúc ngài bị bắt, triều đình Huế nghị án, quan Thượng thư Hồ Đắc Trung trong bản kết tội ngài đã có mấy câu sau gỡ lỗi cho ngài và đổ tội cho nhóm người hoạt động chống Pháp :

*"Thủy nhi Hậu hồ thùy điếu, thiện tả chiếu văn nhi Thương bạc đình thuyền yêu nghinh Thánh giá. Hà trung mạch phạn, Ngũ phong kê thang. Thánh thế phong trần giai bi bối vi chi tội nghiệt dã"*

(Ban đầu buông câu ở Hậu hồ, mạo viết chiếu văn, rồi đâu thuyền ở Thương Bạc đến đón rước nhà vua, dâng cơm nếp làng Hà Trung, cháo gà núi Ngũ Phong, làm mình rồng phải chịu dãi dầu gió bụi đều là tội nghiệt của bọn ấy cả).[2]

Năm Ất mão (1916) ngài kết hôn với bà Mai Thị Vàng con của ông Mai Khắc Đôn, bà sau được phong là Hoàng quí phi. Bà không có con. Khi ngài bị đưa đi an trí tại đảo Réunion bà có đi theo, được 2 năm thì trở về nước vì không hạp thủy thổ. Sau đó gần 10 năm ngài li hôn với bà mục đích cho phép bà đi lấy chồng, nhưng bà vẫn ở vậy cho đến khi mất. Bà mất ngày 25 tháng 1 năm Canh thân (11.3.1980) tại Kim Long, Thừa Thiên, Huế.

Năm Đinh mão (1927) ngài kết duyên với bà Fernande Antier, người quốc tịch Pháp và sinh được 4 con là :

1. Rita Suzy Georgette Vĩnh San sinh năm Kỷ tị (1929)
2. Guy Georges Vĩnh San sinh năm Quí dậu (1933)
3. Yves Claude Vĩnh San sinh năm Giáp tuất (1934)
4. Joseph Royer Vĩnh San sinh năm Mậu dần (1938)

Sau ngài lại kết hôn với bà Maillot Marie Ersnestine và sinh ra

– Marie Gisèle Andrée năm Giáp thân (1945)

(1) Câu này dùng chữ "nước" với hai ý nghĩa. Thương thư Nguyễn Hữu Bài lúc đó đi theo ngài có làm câu đối là ngụ ý can ngăn ngài :
"Nghĩ việc đời mà ngán cho đời, đánh nhắm mắt đến đâu hay đó"

(2) Tương truyền Trần Văn Cao lúc sắp bị xử tử vì vụ án Duy Tân, đã có viết câu đối trên giấy vấn thuốc nhờ người đưa cho quan Thượng thư Hồ Đắc Trung ngỏ ý nhờ cứu gỡ cho vua Duy Tân. Câu đối viết :
"Trung là ai, nghĩa là ai, cân đai vông long là ai, nở để cô thần tử biệt.
Trời còn đó, đất còn đó, xã tắc sơn hà còn đó, mong cho Thánh thượng an toàn".



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



# 17.II. NGUYỄN PHÚC THIỂN

## Vua Bảo Đại



*http://giapha.nguyenphuoctoc.info*

## 17.II. NGUYỄN PHÚC THIỂN 阮福璇

Vua Bảo Đại

Ngài húy Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy 永瑞 , lúc lên ngôi chọn chữ thứ 10 trong Kim sách để đặt tên, đó là chữ Thiển. Ngài là con độc nhất của Hoằng Tông Tuyên Hoàng Đế và Đoan Huy Hoàng Thái Hậu. Ngài sinh ngày 23 tháng 9 năm Quí sửu (22.10.1913).

Ngày 2 tháng 4 năm Nhâm tuất (28.4.1922) ngài được tấn phong Đông cung Hoàng thái tử.

Đức Hoằng Tông muốn ngài được đào tạo theo Tây học nên ủy thác cho toàn quyền Pháp là Charles đưa ngài sang du học tại Pháp năm Nhâm tuất (1922), bấy giờ ngài mới 10 tuổi.

Khi vua Hoằng Tông mất vào năm Ất sửu (1925) toàn quyền Monguillot cho thành lập hội đồng phụ chính với ông Tôn Thất Hân đứng đầu đại diện cho ngài đang còn du học tại Pháp. Rồi ép Hội đồng phụ chính ký hiệp định mới qui định những sự liên hệ giữa Pháp và triều đình Huế. Kết quả của hiệp định này là viên Khâm Sứ Pháp sẽ là Chủ tịch Hội đồng nội các của Nam triều, và triều đình Huế không còn ngân sách riêng nữa.

Ngày 25 tháng 11 năm Ất sửu (8.1.1926) ngài lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Bảo Đại. Sau đó ngài trở lại Pháp tiếp tục công việc học cho đến năm Nhâm thân (1932).

Ngày 8 tháng 8 năm Nhâm thân (8.9.1932) ngài trở về Huế. Qua ngày 10 tháng 8 ngài ban hành một đạo dụ bày tỏ ý muốn việc cầm quyền có sự tham gia của toàn dân theo hình thức của một chính phủ Quân chủ lập hiến và cải tổ quan lại, nền giáo dục và tư pháp. Qua tháng 9 năm Nhâm thân (tháng 10 năm 1932) ngài ban hành nghị định bãi bỏ hiệp định ký ngày 20 tháng 9 năm Ất sửu (6.11.1925) đã nói trên.

Ngày 17 tháng 10 năm Nhâm thân (4.11.1932) ngài thực hiện cuộc hành hương về lăng Trường Nguyên và Nguyên Miếu tại Thanh Hóa. Sau đó ngài đi khắp các tỉnh miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận để quan sát dân tình. Các vùng Tây nguyên thuộc Hoàng triều cương thổ cũng được ngài đặt chân đến.

Ngày 8 tháng 4 năm Quí dậu (2.5.1933) Ngài ban hành một đạo dụ cải tổ nội các, quyết định tự mình chấp chính và cử 5 nhân vật mới vào Hội đồng Thượng thư là Thái Văn Toản, Phạm Quỳnh, Hồ Đắc Khải, Ngô Đình Diệm và Bùi Bằng Đoàn[1]. Ngay sau đó ngài công bố một chương trình sửa đổi hành chính, ban hành hình luật mới cùng thể lệ và chương trình thi cử, đổi thay nền giáo dục phổ thông trong nước, rồi cải tổ Viện Dân Biểu Trung Kỳ. Để thực hiện những việc đó một ủy ban gồm các Thượng thư và các viên chức cao cấp người Pháp được thành lập.

Việc cải tổ này vấp phải sự chống đối của giới bảo thủ và các cơ quan hành chính của chính phủ bảo hộ, ngoài ra có sự chống đối giữa các quan Thượng thư nên chẳng thực thi được điều gì cả. Điều này khiến ngài hết sức thất vọng vì biết người Pháp vẫn tiếp tục nắm hết quyền

(1) Các vị Thượng thư mới này thay thế các Thượng thư cũ là Nguyễn Hữu Bài (bộ Lại), Tôn Thất Đàn (bộ Hình), Phạm Liệu (bộ Binh), Võ Liêm (bộ Lễ), Vương Tứ Đại (bộ Công). Việc này được Hoài Nam Nguyễn Trọng Cẩn ghi lại trong bài thơ sau, đến nay còn truyền tụng :

Năm trụ khi không rớt cái lình,
Đất trời sấm dậy thảy đều kinh.
Bài không đeo nữa đem dâng Lại.
Đàn nỏ ai nghe khéo dấu Hình.
Liệu thế không xong Binh chẳng được,
Liêm dành giữ tiếng Lễ đừng rình.
Công danh thôi thế là hưu hĩ,
Đại sư xin nhường lớp hậu sinh.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

hành, còn ngài chỉ đóng vai trò làm vì. Nên về sau ngài ít quan tâm việc nước chỉ còn biết theo các thú giải trí, tiêu khiển như thể thao, săn bắn...

Ngày 24 tháng giêng năm Ất dậu (8.3.1945) quân Nhật dưới quyền đại tướng Nishihura đánh úp chiếm lấy Đông Dương, loại sự cầm quyền của người Pháp tại vùng này. Ngày 27 tháng giêng năm Ất dậu (11.3.1945), ngài ban hành tuyên cáo độc lập có phó thự của các thành viên Hội đồng cơ mật. Ngày 6 tháng 2 (19.3.1945) Hội đồng cơ mật từ chức. Qua ngày 6 tháng 3 (17.4.1945) nội các Trần Trọng Kim được thành lập.

Sau bốn tháng hoạt động, Nội các này xin từ chức. Ngày 18 tháng 7 năm Ất dậu (25.8.1945) ngài ban chiếu thoái vị.

NGUYỄN THỊ LAN 阮氏蘭

Nam Phương Hoàng Hậu

Bà húy Nguyễn Thị Lan còn có tên thánh là Marie Thérèse Nguyễn Hữu Hào. Bà là con của Long Mỹ Quận Công Nguyễn Hữu Hào, người tỉnh Gò Công. Bà sinh ngày 17 tháng 10 năm Giáp dần (04.12.1914).

Năm Đinh mão (1927) bà du học tại Pháp, học tại trường Couvent des oiseaux tại Paris.

Năm Nhâm thân (1932) bà trở về nước và gặp vua Bảo Đại trong một chuyến nghỉ mát ở Đà Lạt.

Ngày 6 tháng 2 năm Giáp tuất (20.3.1934) bà tấn cung, vào ở điện Kiến Trung. Ngày 10 tháng 2 năm Giáp tuất (24.3.1934) được tấn phong là Nam Phương Hoàng Hậu. Lễ tấn phong được cử hành long trọng tại điện Dưỡng Tâm.

Năm Kỷ mão (1939) bà theo vua Bảo Đại sang Pháp cùng với ba con. Trong chuyến đi này bà cùng vua ghé La Mã và được Đức Giáo Hoàng đón tiếp.

Sau khi vua Bảo Đại thoái vị, bà sang sống tại Pháp và ở đấy với các con cho đến lúc mất.

Bà mất năm Quí mão (1963). Lăng bà ở tại Pháp.

Bà sinh được 2 con trai và 3 con gái :

– Nguyễn Phúc Bảo Long : Sinh năm Ất hợi (1936) được phong Hoàng Thái Tử vào năm Kỷ mão (1939), hiện sống tại Pháp.

– Nguyễn Phúc Bảo Thăng sinh năm Quí mùi (1943)

– Nguyễn Phúc Phương Mai sinh năm Đinh sửu (1937)

– Nguyễn Phúc Phương Liên sinh năm Mậu dần (1938)

– Nguyễn Phúc Phương Dung sinh năm Tân tị (1942)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Từ năm Mậu dần (1558) Thái Tổ vào Nam chiêu tập lưu dân, đem theo con cháu cùng họ hàng xây dựng cơ nghiệp ở phương Nam cho đến năm Giáp ngọ (1774) Định Vương bị thua quân Trịnh bỏ Kinh đô lánh mình vào Nam, tính non 200 năm con cháu họ Nguyễn Phúc từ một số lượng ít ỏi đã sinh sôi này nở trở thành một họ tộc phồn thịnh ở phương Nam. Nhưng đã cực thịnh thì phải có lúc suy tàn. Biến cố năm Giáp ngọ đã khiến con cháu li tán, một số bị quân Trịnh bắt hoặc giết, một số theo chân Định Vương vào Nam rồi một phần bỏ mình trong cuộc chiến đấu chống quân Tây Sơn về sau, phần còn lại hoặc lánh mình nơi thảo dã, hoặc theo Thế Tổ lưu lạc nay đây mai đó trong giai đoạn mà người ta thường gọi là "tẩu quốc". Nhưng chính trong giai đoạn lận đận, khốn cùng này, con cháu trong họ vẫn mang ý chí phấn đấu, đã cùng với phần lớn binh sĩ khi thì chiến đấu khi thì khai hoang những vùng đất tại miền Nam, nơi mà trước đây chưa hề có bước chân người, để khiến cho Thế Tổ có nơi nương tựa trong cuộc chiến giành lại cơ nghiệp về sau. Vì thế nhiều chi họ của ta còn nương náu sống tại miền Nam cho đến ngày nay.

Nhờ ân trạch của các Tiên vương đã thấm nhuần khắp phương Nam, nên Thế Tổ được nhiều tầng lớp dân chúng trợ giúp đánh bại quân Tây Sơn. Suốt 25 năm trời chiến đấu gian khó, ngài đã khôi phục Kinh đo, rồi thống nhất đất nước. Con cháu trong dòng họ bấy giờ cùng nhau qui tụ lại để xây dựng đất nước trong giai đoạn trung hưng. Nước ta dần dần được ổn định, để đến đời Thánh Tổ mọi việc đều được củng cố, đất nước được mở mang thêm, đạt đến giai đoạn cực thịnh trong lịch sử. Việc cai trị tuy đã được các đế nghiên cứu, tham khảo các triều đại trước đây ở Trung Hoa cũng như nước ta, nhưng sau một thời gian thái bình lâu dài, hưởng thụ nhiều, nền tảng đạo đức giảm sút dần, các bậc anh tài có trí óc theo kịp với biến chuyển thế giới, không có cơ hội tham gia ý kiến, trong họ tộc lại thiếu đoàn kết, đặt quyền lợi cá nhân lên trên quyền lợi chung khiến đưa dần đất nước vào lòng kiềm tỏa của ngoại nhân và gây nên việc thất thủ kinh đô chết chóc khủng khiếp. Tuy đây là tình trạng chung của nhiều quốc gia, bị thực dân xâm chiếm nhưng đó cũng là điều lầm lỗi sẽ được lịch sử đánh giá.

Như người xưa đã nói "tề gia" rồi mới "trị quốc". Để việc cai trị được củng cố, việc tổ chức và quản lý người trong họ tộc là việc ưu tiên, nhất là đối với dòng họ ta càng ngày càng đông. Việc này đã khởi đầu từ đời Thế Tổ và được kiện toàn vào đời Thánh Tổ cùng Hiến Tổ. Giống như Tông thất các triều đại trước đây ở nước ta cũng như Trung Hoa, việc tổ chức này tùy hoàn cảnh mà đổi thay. Thời phong kiến thì cấp đất mà phong, thời quân chủ thì ban bổng lộc và chức vị cho con cháu. Lúc mới bước chân vào Nam, thời Thái Tổ và Hy Tông hoàng đế trước áp lực quân Trịnh phải giao những chức vụ trọng yếu cho những người trong họ, nhưng dần dần phải nhường quyền cho các bậc anh tài để lui về củng cố họ tộc. Đến khi Thái Tổ thống nhất đất nước việc quản lý họ tộc là vấn đề tiên quyết, nhất là họ tộc bị li tán một thời gian dài. Con cháu có khuôn phép, nề nếp thì mới an quốc định dân được. Thánh Tổ đã noi theo triều Minh bên Trung Hoa đã đặt Tông nhân phủ[1] mà cầm đầu là Tả tông lệnh với Tả Hữu Tông Chính do các Thân công đảm trách, để coi sóc người trong họ và cố vấn trong việc trị nước. Từ đó họ tộc được phân chia thành Tiền hệ, Chính hệ, Đế hệ và Phiên hệ. Điều này cốt phân biệt thứ tự cùng thân sơ. Thân để chỉ những hoàng tử, hoàng tôn, hoàng đế. Sơ để chỉ những bà con khác mà gọi chung là Tông thất. Như thời còn Hiến Tổ trị vì thì con cháu ngài (đệ III chính hệ) và con cháu Thánh Tổ (đệ II chính hệ) gọi là Thân, bước sang đời Dực Tông thì đệ II chính hệ trở thành sơ[2]. Đó là lẽ bình thường trong tông tộc các Đế vương. Sự phân chia cốt để tạo ổn định

(1) Thời đức Thánh Tổ gọi là Tông nhân phủ, nhưng đến khi Thánh Tổ mất Hiến Tổ lên kế nghiệp vì kiêng chữ "Tông" tên của Hiến Tổ và chữ "Nhân" chữ trong Miếu hiệu của Thánh Tổ nên về sau phải đọc trại thành Tôn nhơn phủ.

(2) Đến đời vua Dực Tông là đình đổi con cháu Đệ II chính hệ thành Tông thất, nhưng lúc đó đang có chiến tranh với Pháp nên không kịp thi hành. Về sau đến đời Thành Thái đã có sắc dụ đổi con cháu trong đệ II và III chính hệ thành Tông thất, nhưng uy quyền vua đã giảm sút, nên con cháu trong hệ này về sau chỉ xưng tên mà thôi, tình trạng này kéo dài cho đến bây giờ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

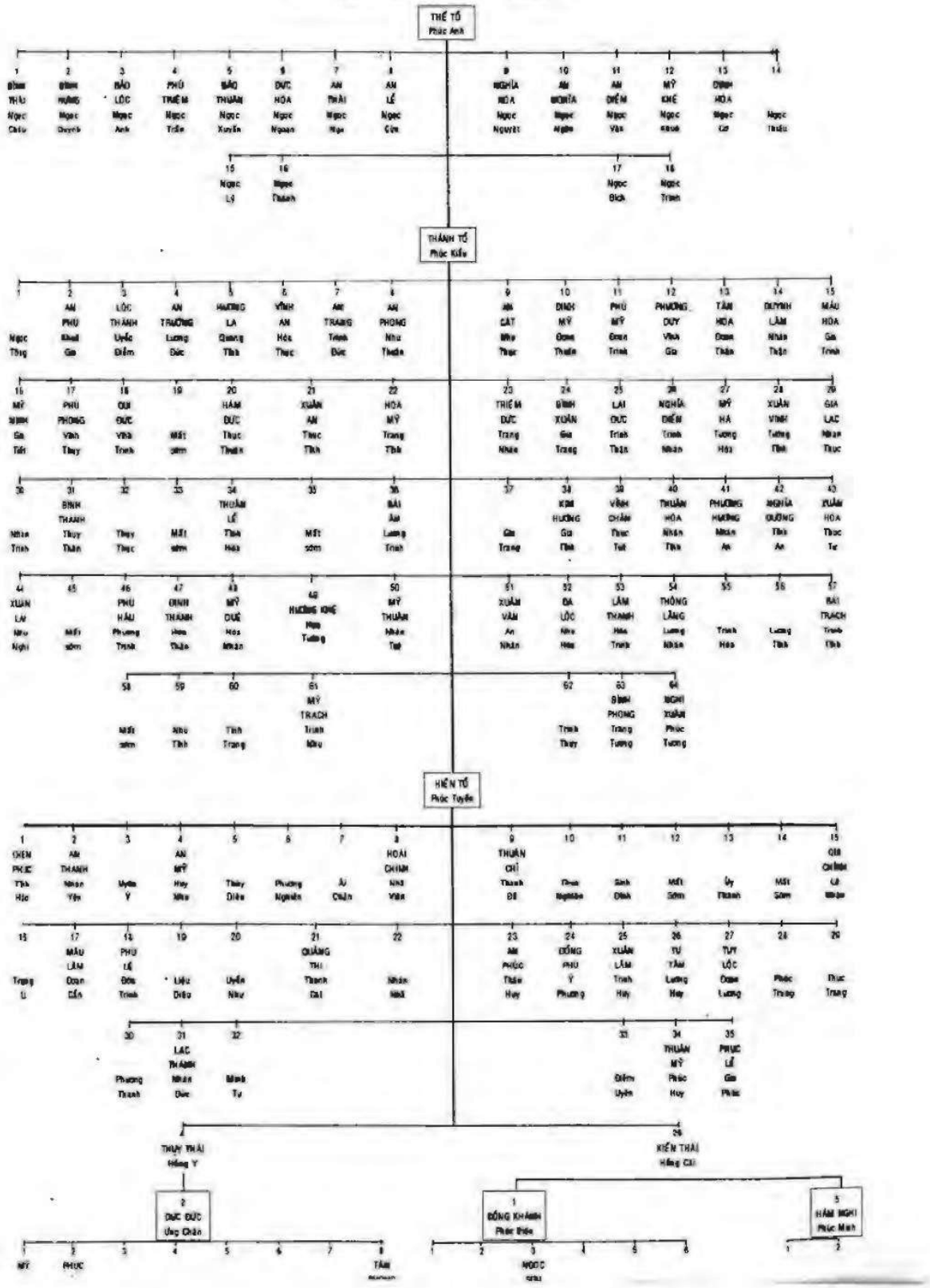
trong việc cai trị. Thân mà nắm quyền hành lớn đương nhiên tạo mầm mống tiếm quyền để sinh loạn, vì thế thường cho bổng lộc, có tước mà không có chức. Sơ thì không có bổng lộc nhưng ưu tiên dùng theo tài năng nên luôn luôn gắng sức mà lo củng cố dòng họ. Vì thế suốt mấy trăm năm cầm quyền họ ta luôn có những bậc anh tài về mọi mặt.

Trong giai đoạn về sau khi người Pháp can dự vào quyền chính, uy quyền của nhà vua giảm sút đáng kể, việc quản lý họ tộc cũng lỏng lẻo, việc phong tước cũng thiếu thận trọng so với các đời trước, tuy chỉ là hư danh, vì thế chỉ lo hưởng thụ, việc gìn giữ thanh danh cũng kém dần, khiến họ hàng càng lúc càng xa cách. Việc phân chia Tiền hệ, Chính hệ, Phiên hệ, Đế hệ lại trở thành mối hiềm nghi phân biệt trong họ tộc, làm mất thâm ý của các Liệt Thánh ngày trước.

Việc dựng lại phả hệ mấy mươi đời với những Hệ, Phòng chặt chẽ cho thấy sự phân chia rành mạch, thứ lớp, là một mối dây liên kết họ tộc thành một khối, giúp cho con cháu thấy được đức độ của tiên tổ, để cùng nhau đoàn kết giữ gìn đức hạnh làm sáng tỏ ân đức cũng như công nghiệp của tiền nhân, tạo sự bền vững cho họ tộc để cùng sánh bước với các họ tộc khác trong cả nước làm rạng rỡ cho Tổ quốc Việt Nam yêu quý.

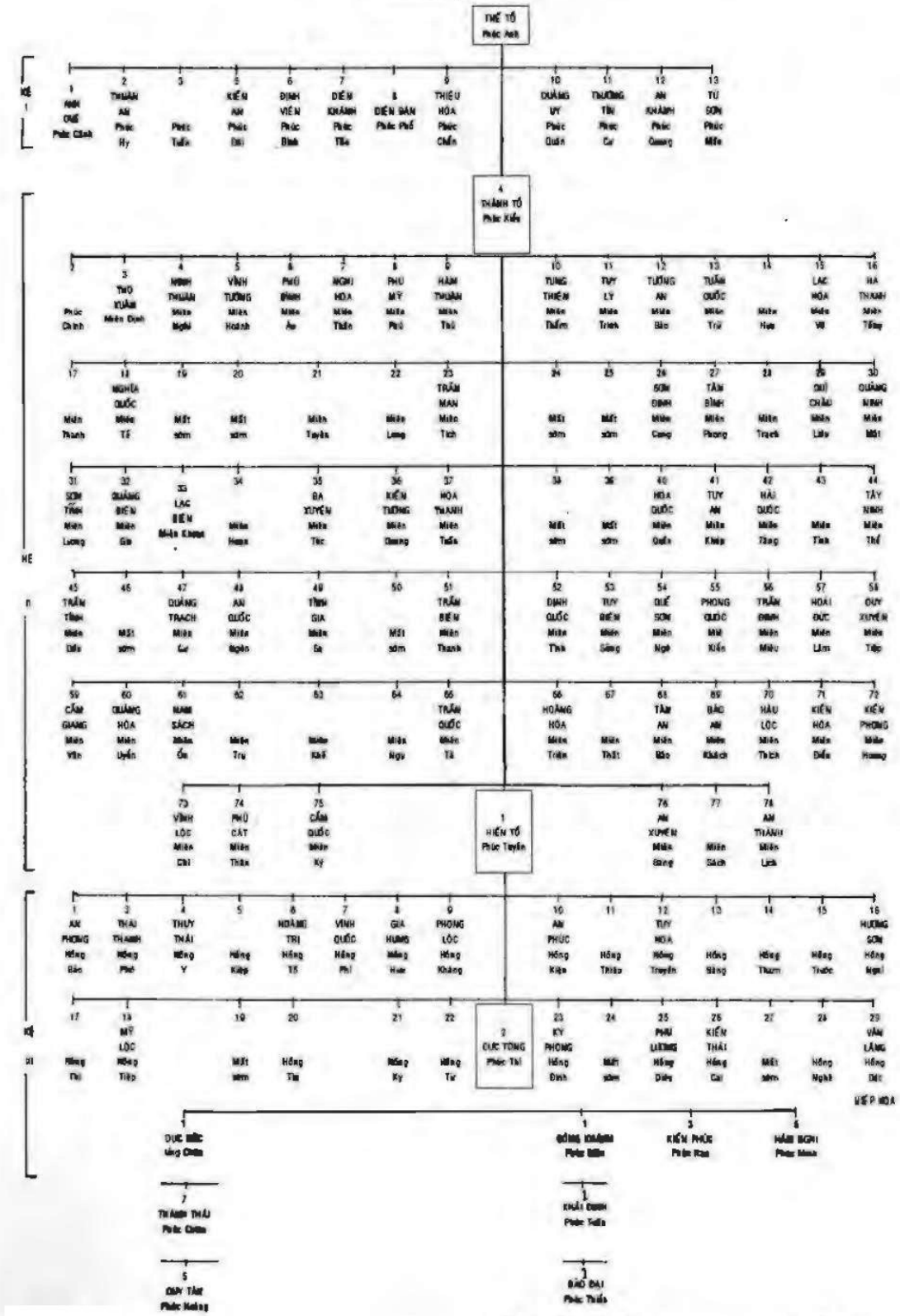
# ĐẾ PHẢ PHẢ ĐỒ 4

## Hoàng Tử - Công Chúa



# ĐẾ PHẢ — PHẢ ĐỒ 5

## Hoàng Tử





VUA TỰ ĐỨC
Dực Tông Anh Hoàng Đế



VUA HÀM NGHI



VUA ĐỒNG KHÁNH
Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế



VUA THÀNH THÁI



VUA DUY TÂN



VUA KHẢI ĐỊNH
Hoàng Tông Tuyên Hoàng Đế



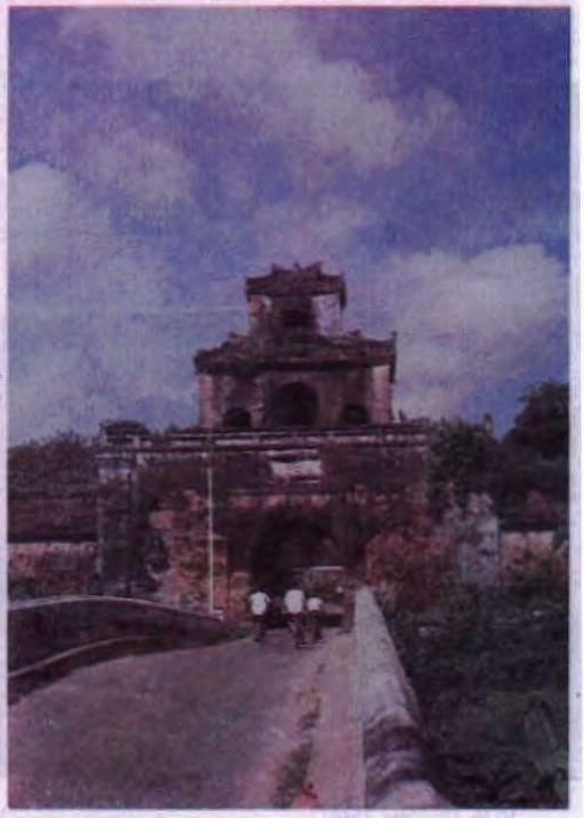
http://giapha.nguyenphuoctoc.info



Ngọ Môn, Cổng chính vào Kinh Thành



Hiển Lâm Các và Khu vực trước Thế Miếu



Cửa Thể Nhân, một trong những cửa vào Kinh Thành



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



Quốc Tử Giám



Từ Minh Lăng
của Phụ Thiên Thuần
Hoàng Hậu



Điện Long Đức
Cạnh Thái Miếu



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



Vạc đồng đúc dưới triều Thái Tông Hoàng Đế



Cổng Trường An trong Đại Nội



Lư đốt giấy vàng
đúc dưới triều vua Dực Tông Anh Hoàng Đế



http://giapha.nguyenphuoctoc.info



Cổng chính vào Thế Miếu



Bình phong hình Long Mã ở cổng Trường An



Bình phong ở lăng Cơ Thánh



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# PHỤ LỤC

## CÁCH ĐẶT TÊN TRONG HỌ NGUYỄN PHÚC

Khi đức Thái Tổ Nguyễn Hoàng dựng cơ nghiệp tại phương Nam truyền ngôi cho con là đức Hy Tông Nguyễn Phúc Nguyên, con cháu về sau mới thực sự ghép chữ Phúc vào với họ Nguyễn, dựng nên họ Nguyễn Phúc. Để phân biệt thế thứ (thứ tự các đời), thân sơ (bà con xa gần) trong họ có những lề lối cách thức đặt tên riêng. Nhưng vì họ Nguyễn Phúc nắm quyền cai trị nước trong một thời gian dài nên cách thức đặt tên dần dần có khuôn phép và đặc biệt so với các họ khác.

Ngày trước khi Hán học còn thịnh hành và việc lập phả trong họ do chính quyền đảm trách nên không có chuyện nhầm lẫn về thế thứ, thân sơ và người trong họ cũng ít lưu ý đến. Ngày nay con cháu càng ngày càng đông, vốn Hán học lại thiếu vì vậy việc đặt tên cho con cháu có những lầm lẫn đáng tiếc, khiến việc lập phả cho các chi trong họ trở nên khó khăn. Mục đích bài này là trình bày một cách khái quát cách đặt tên trong họ Nguyễn Phúc, và điều chỉnh một số sai lầm đã xảy ra, giúp cho việc lập phả sau này được phần dễ dàng.

### I. THỜI KỲ XƯNG VƯƠNG Ở PHƯƠNG NAM

Trong thời kỳ này các tiên tổ họ Nguyễn Phúc vẫn còn thần phục vua Lê, tuy nắm quyền lực ở phương Nam nhưng vẫn tự nhận là bề tôi nhà Lê. Về cách đặt tên người trong họ ở giai đoạn này chẳng có gì đặc biệt, tên của các Chúa đều được đặt với những chữ thuộc bộ Thủy 水 ( 氵 ) còn tên các Hoàng tử, Hoàng tôn thì tùy tiện.

Đến đời đức Thế Tông xưng vương, việc đặt tên có phần thay đổi, các hoàng tử đều được đặt tên với những chữ thuộc bộ Nhật 日, riêng người kế vị ngoài tên trên còn chọn thêm một tên là chữ thuộc bộ Thủy sau khi lên ngôi. Vì thế ta thấy các tên Chương 暲 (Hoàng Trưởng Tử), Côn 昆 (Đức Hưng Tổ), Kính 暻 (Hoàng Thất Tử)... đều là những chữ thuộc bộ Nhật. Riêng đức Duệ Tông khi còn hoàng tử có tên Hân 昕 thuộc bộ Nhật, sau khi kế nghiệp chọn tên Thuần 淳 thuộc bộ Thủy. Với các Hoàng tôn cách đặt tên chẳng có luật lệ gì.

Khi đức Thế Tổ thống nhất đất nước, dựng nên triều đại nhà Nguyễn, việc đặt tên cho các hoàng tử cũng noi theo đời trước. Ngài cho chọn những chữ thuộc bộ Nhật để đặt tên cho các hoàng tử như Cảnh 景 (Đông Cung), Hy 曦 (Thuận An Công), Hạo 昊 (Kiến An Vương)..., nhưng các hoàng tôn thì tùy tiện như Yến 宴 (Thọ Xuân Vương) là chữ thuộc bộ Miên, Dực 昱 (Ninh Thuận Quận Vương) là chữ thuộc bộ Nhật...



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tên các Hoàng nữ, Công chúa từ đức Thái Tổ cho đến Thế Tổ đều được đặt tên kép lấy chữ Ngọc khởi đầu như Ngọc Đỉnh, Ngọc Vạn, Ngọc Khoa hoặc Ngọc Tú, Ngọc Du..., các tên sau phần lớn cũng chọn những chữ thuộc bộ Ngọc 玉 để đặt.

## II. THỜI KỲ TỪ ĐỨC THÁNH TỔ TRỞ VỀ SAU

Khi Thánh Tổ lên kế nghiệp, việc trong và ngoài nước đã ổn định nên ngài chú trọng nhiều đến dòng họ, cho lập Tôn nhân phủ để coi sóc các người trong họ, lập Ngọc Phả để ghi tên những người thân thuộc. Giống như các triều đại trước và mô phỏng theo Trung Hoa, dùng từ Tông Thất để gọi chung những người cùng họ với nhà vua. Ngoài ra ngài còn phân biệt thân sơ bằng cách phân chia thành Đế hệ và Phiên hệ – Tiền hệ và Chính hệ.

– Tiền hệ hay gọi tắt Hệ dùng để chỉ con cháu của các Đế từ đức Thái Tổ cho đến đức Duệ Tông, gồm 9 đời (tức con cháu thuộc chính Chúa xưng vương ở phương Nam).

– Chính hệ là con cháu của đức Thế Tổ (Gia Long) trở về sau.

– Trong chính hệ phân làm hai :

* Đế hệ chỉ con cháu của đức Thánh Tổ (Minh Mệnh)

* Phiên hệ (phiên là hàng rào) ý nói làm phên rào cho Hoàng gia, để chỉ con cháu của anh em đức Thánh Tổ.

Trong phép đặt tên do Thánh Tổ ban ra chỉ chú trọng đến Đế hệ và phần con cháu của anh em Thánh Tổ thuộc Phiên hệ. Tên được đặt là tên kép có chữ đầu xác định Thế (đời) căn cứ vào ngự chế Đế hệ thi và Phiên hệ thi. Đó là những bài thơ mỗi bài gồm 20 chữ có ý nghĩa tốt đẹp dành cho con cháu của Thánh Tổ và anh em của Thánh Tổ.

**1/ Cách đặt tên trong Đế hệ**

Đế hệ thi

| | |
|---|---|
| *Miên Hồng Ưng Bửu Vĩnh* | 世賢保綿 |
| *Bảo Quí Định Long Trường* | 瑞能貴洪 |
| *Hiền Năng Kham Kế Thuật* | 國堪定膺 |
| *Thế Thụy Quốc Gia Xương* | 嘉繼隆寶 |
| | 昌述長永 |

Như trên đã nói, tên sẽ là tên kép có chữ đầu định Thế (đời) căn cứ vào bài thơ trên, khởi đầu từ con của Thánh Tổ (đời thứ 13 kể từ đức Triệu Tổ). Con của Thánh Tổ có tên khởi đầu bằng chữ Miên, cháu nội của Thánh Tổ có tên khởi đầu bằng chữ Hồng, v.v.... Như ta thấy các hoàng tử con của Thánh Tổ là Miên Tông (Hiến Tổ), Miên Định (Thọ Xuân Vương), Miên Trinh (Tuy Lý Vương)... con của Ninh Thuận Quận Vương Miên Nghi là Hồng Kỳ, Hồng Duy...

Chữ thứ hai trong tên kép sẽ được đặt theo luật sau :

*1.1. Hoàng tử*

Nếu là hoàng tử thì tên sẽ chọn trong các chữ thuộc bộ chữ Hán ghi kèm theo Đế hệ thi (được khắc trong kim sách) : Miên (Miên), Hồng (Nhân), Ưng (Thị), Bửu (Sơn), Vĩnh (Ngọc), Bảo



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

(Phụ), Quí (Nhân), Định (Ngôn), Long (Thủ), Trường (Hòa), Hiền (Bối), Năng (Lực), Kham (Thủ), Kế (Ngôn), Thuật (Tâm), Thế (Ngọc), Thụy (Thạch), Quốc (Đại), Gia (Hòa), Xương (Tiểu)

綿(糸部) 洪(氵部) 膺(月部) 寶(宀部) 永(水部)
保(亻部) 貴(貝部) 定(宀部) 隆(阝部) 長(長部)
賢(貝部) 能(月部) 堪(土部) 継(糸部) 述(辶部)
世(一部) 瑞(玉部) 國(口部) 嘉(口部) 昌(日部)

Con của đức Thánh Tổ đó tên kép với chữ đầu là Miên 綿 , chữ sau chọn trong những chữ thuộc bộ Miên 宀 để đặt như : Thẩm 審 (Tùng Thiện Vương), Hoành 宏 (Vĩnh Tường Quận Vương), Khoan 寬 (Lạc Biên Quận Công)...

Con của đức Hiến Tổ Miên Tông (có tên kép khởi đầu là chữ Hồng 洪 , chữ sau chọn trong những chữ thuộc bộ Nhân 亻 để đặt như Nhậm 任 (đức Dực Tông), Y 依 (Thụy Thái vương), Cai 陔 (Kiên Thái Vương), Dật 佚 (Văn Lãng Quận Vương)...

Rồi cứ tương tự như vậy mà đặt cho các đời kế tiếp.

1.2. Khi Hoàng tử được chọn để kế nghiệp, thì ngoài tên kép được đặt trong lúc còn làm hoàng tử, sau ngày đăng quang thành vị vua mới, ngài sẽ chọn một tên đơn; đó là một trong 20 chữ thuộc bộ Nhật 日 chép sẵn trong kim sách, phải theo thứ tự mà chọn lấy. Hai mươi chữ thuộc bộ Nhật này là :

*Tuyền, Thì, Thăng, Hạo, Minh*
*Biện, Chiêu, Hoảng, Tuấn, Điển*
*Trí, Huyên, Giám, Huyên, Lịch*
*Chất, Chiết, Yến, Hy, Duyên*

晛 智 昇 暶
晢 暄 昭 時
暹 暕 晃 昇
曉 晅 晙 昊
昭 暘 暎 明

Vì thế khi lên ngôi vua Thiệu Trị (Hiến Tổ) có tên là Tuyền 暶 vua Tự Đức (Dực Tông) có tên là Thì 時 vua Hiệp Hòa có tên là Thăng 昇 , vua Kiến Phúc có tên là Hạo 昊 . Thành thử làm một vị vua có thể có rất nhiều tên làm số húy tự càng gia tăng. Hãy lấy ví dụ trường hợp của vua Đồng Khánh, lúc còn công tử có tên Ưng Thị 豉 ; chữ Thị được đặt trong bộ Đậu 豆 mà ngự chế ban cho phòng Kiên Thái, khi được vua Tự Đức chọn làm con nuôi trở thành hoàng tử được đặt tên mới là Ưng Đăng (chữ Đăng 禋 thuộc bộ Thị ( 礻(示) ) bộ đính kèm với chữ Ưng trong Đế hệ thi), sau khi lên ngôi vua, thuộc vào vị vua thứ 6 nên chọn chữ thứ 6 trong 20 chữ thuộc bộ Nhật ghi trong kim sách, vì thế lại có tên Biện 昇 . Trường hợp của vua Kiến Phúc cũng giống vậy. Vua Hàm Nghi thì không phải là Hoàng Tử nên không có nhiều tên như vua Đồng Khánh.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ngoài ra khi mất các vị vua còn chọn tên thụy bằng 9 chữ ghi trên cửu đỉnh là Cao, Nhân, Chương, Anh, Nghị, Thuần, Tuyên, Dũ, Huyền. Vua Gia Long có thụy là... Cao Hoàng Đế, vua Minh Mệnh có thụy là... Nhân Hoàng Đế... Riêng các vua Hiệp Hòa, Dục Đức, Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân bị phế trước khi mất nên không có Thụy.

*1.3. Con cháu của các Hoàng tử*

Tên con cháu của các hoàng tử cũng là tên kép, chữ đầu của tên kép căn cứ vào Đế hệ thi để định Thế, chữ sau thì theo bộ chữ Hán mà ngự chế ở thời Hiến Tổ ban cho mỗi hoàng tử để đặt tên cho con cháu sau này. Ví dụ : Phòng Thọ Xuân được ban bộ Thủy 水 Phòng Phú Bình được ban bộ Mộc 木, Phòng Vĩnh Tường bộ Mịch 糸, Phòng Thụy Thái bộ Thạch 石, Phòng Gia Hưng bộ Sách...

Đặt tên theo cách này khi nhìn tên ta biết thuộc bộ chữ Hán nào và suy ra Phòng của người có tên đó, nhờ đó dễ dàng so sánh thứ bậc. Ví dụ : Hồng Tuấn 洪浚, Hồng Triêm 洪沾, Ưng Hào 膺濠, các chữ Tuấn, Triêm, Hào đều thuộc bộ Thủy nên biết thuộc Phòng Thọ Xuân. Hồng Quế 洪桂, Hồng Trạch 洪擇, Hồng Vinh 洪榮, các chữ Quế Trạch, Vinh thuộc bộ Mộc nên biết thuộc phòng Phú Bình. Thọ Xuân vương là anh của Phú Bình Quận Vương nên các ông Hồng Tuấn, Hồng Triêm ở vai anh các ông Hồng Quế, Hồng Trạch, Hồng Vinh,còn ông Ưng Hào gọi các ông Hồng Quế, Hồng Trạch, Hồng Vinh bằng chú.

Đó là tên còn họ Nguyễn Phúc thì ngày trước không được sử dụng để đặt trước tên, mà lại dùng một số chữ đặt trước tên xác định vị thứ của người có tên đối với vị Hoàng tử mở ra Phòng. Trường hợp này ta sẽ trình bày rõ ở phần tên các Tôn nữ.

*1.4. Hoàng nữ, Công chúa và Tôn nữ*

Từ thời Thánh Tổ trở về sau định rõ con gái của vua gọi là Hoàng nữ, khi được sắc phong thì trở thành Công chúa có tên hiệu riêng. Ví dụ Hoàng nữ Lương Đức được phong Công chúa có hiệu An Thường, Hoàng nữ Quang Tĩnh được phong Công chúa có hiệu là Hương La... Ngoài ra còn bắt chước theo đời Hán và Đường tại Trung Hoa, thời kỳ còn vua cha thì gọi là Công chúa, ở vào giai đoạn chị em với vua thì gọi là Trưởng Công chúa, còn nếu còn sống ở thời kỳ vua gọi bằng cô thì xưng là Thái Trưởng Công chúa.

Tên của Hoàng nữ, Tôn nữ thường tên kép và được tùy tiện không theo qui luật nào cả.

Muốn rõ vị trí của các Tôn nữ này phải biết tên của anh em trai họ để dựa vào đấy suy ra đời suy ra Phòng. Ngoài ra cũng giống ở phái nam người ta còn gọi thêm một số chữ xác định thứ tự của họ đối với vị Hoàng tử mở ra Phòng. Trước hết ta phải xác định ý nghĩa của số chữ đó :

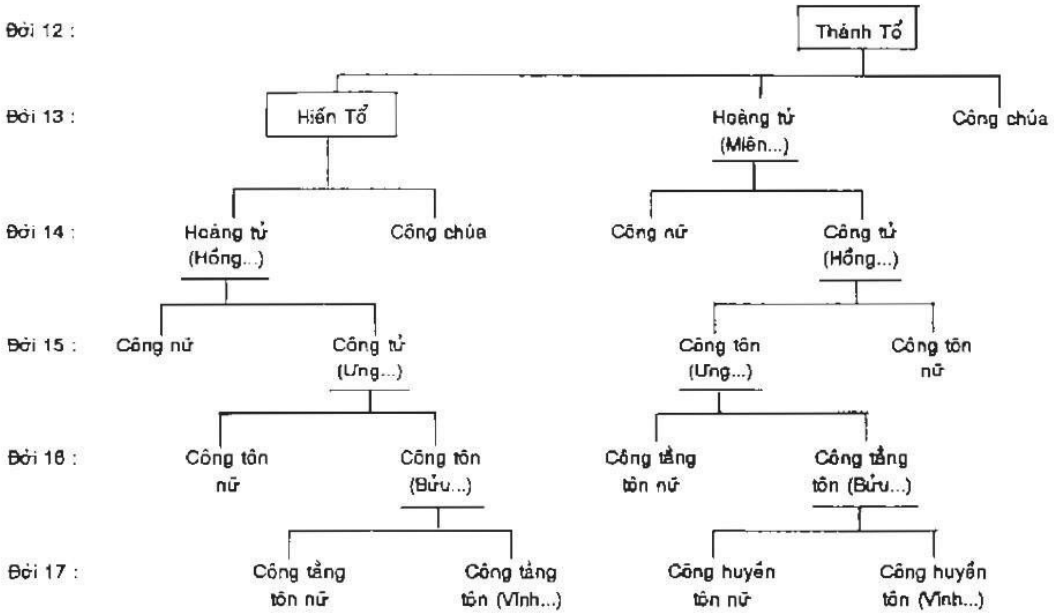
- Công 公 : nghĩa là "ông" chỉ vị Hoàng tử mở ra Phòng
- Tôn 孫 : nghĩa là cháu nội
- Tử 子 : là con, chỉ con trai
- Nữ 女 : là gái – con gái
- Tằng tôn 曾孫 : là cháu gọi bằng cố
- Huyền tôn 玄孫 : là cháu gọi bằng sơ



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Như vậy Công tử là con trai của Hoàng tử, Công nữ là con gái của Hoàng tử, Công tôn là cháu gọi Hoàng tử bằng ông nội, Công tôn nữ là cháu gái gọi Hoàng tử bằng ông nội, Công huyền tôn là cháu gọi Hoàng tử bằng sơ, Công huyền tôn nữ là cháu gái gọi Hoàng tử bằng sơ...

Ở ví dụ sau đây ta sẽ thấy rõ từ con đến các cháu của hoàng tử.




Như vậy ta thấy cùng là Công tôn, Công tôn nữ, Công Tằng tôn, Công tằng tôn nữ... tùy theo đời hay nói rõ hơn là khác hệ sẽ có thứ bậc sai biệt nhau.

Do đó nếu là con trai của Hoàng tử sẽ gọi là Công tử... con gái của Hoàng tử gọi là Công nữ, cháu nội của Hoàng tử là Công tôn, Công tôn nữ...

Ví dụ : Công tằng tôn Bửu Trạch, Công huyền tôn nữ Xuân Vinh... Về sau Công huyền tôn nữ hơi dài nên bỏ chữ Công mà còn Huyền tôn nữ. Người ta còn gọi tiếp sau Huyền tôn nữ là Lai tôn nữ (Lai : 來 đến nữa, con của Huyền tôn là Lai tôn), nhưng để đơn giản các đời kế tiếp chỉ gọi là Tôn nữ với ý nghĩa là cháu gái.

**2/ Cách đặt tên trong Phiên hệ – Tiền hệ**

*2.1. Phiên hệ*

Anh em của đức Thánh Tổ gồm 12 người, Hoàng tam tử mất sớm, Thuận An Công mất trước khi ngự chế Phiên hệ thi, nên chỉ có 10 bài Phiên hệ thi ban cho 10 Phòng lập thành Hệ nhất chính. Về sau Quảng Uy Công vô tự nhưng được quá kế nên vẫn kể đủ 10 phòng. Giống như Đế hệ thi, những bài Phiên hệ thi giúp cho xác định thứ tự của đời.

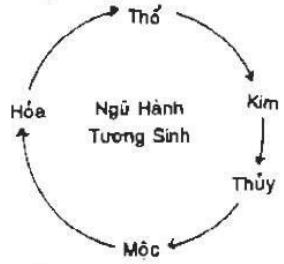
Con cháu anh em của Thánh Tổ cũng được đặt tên kép, chữ đầu theo thứ tự sẽ chọn trong Phiên hệ thi của Phòng tương ứng. Kể từ đời thứ 13 trở đi, tức từ đời con của các Hoàng tử mới đặt, như vậy những chữ khởi đầu ở các Phiên hệ thi sẽ tương ứng với chữ Miên ở bài Đế hệ thi.

Về chữ thứ hai trong tên kép thì lại chọn các chữ trong những bộ chữ Hán gồm bộ Thổ, bộ Kim, bộ Thủy, bộ Mộc, bộ Hỏa, lại dùng theo luật tương sinh của ngũ hành mà đặt tên khởi đầu bằng những chữ thuộc bộ Thổ.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Theo luật tương sinh thì Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ và cứ trở lại mãi. Như vậy cha đặt tên bộ Thổ, con sẽ đặt tên bộ Kim, cháu đặt tên ở bộ Thủy...




Ví dụ ở Phòng Anh Duệ Hoàng, Thái Tử, con của Thái Tử có tên là Mỹ Đường 美堂 (Mỹ 美 là chữ khởi đầu Phiên hệ thi thuộc phòng Anh Duệ, Đường 堂 là chữ thuộc bộ Thổ). Con của Mỹ Đường (tức là cháu của Thái tử) có tên Lệ Chung 麗鐘 (Lệ là chữ thứ hai trong Phiên hệ thi và Chung là chữ thuộc bộ Kim)...

Ở phòng Diên Khánh Vương, con của Vương có tên Diên Vực 延域 (Diên là chữ khởi đầu Phiên hệ thi ở Phòng Diên Khánh, Vực là chữ thuộc bộ Thổ), cháu của Vương có tên Hội Kỳ 會錡 (Hội là chữ thứ hai trong Phiên hệ thi, Kỳ là chữ thuộc bộ Kim).

*2.2. Tiền hệ*

Đến đời Thánh Tổ con cháu trong các phòng ở Tiền hệ đã quá đông, Tôn Nhân Phủ cho lập Hoàng Triều Tông Phả để ghi chép phân Phòng, phân Chi cho rõ rệt. Giống như các đời trước tên thường chỉ là tên đơn (một chữ) và không có quy luật bó buộc nào.

*2.3. Các Tông Nữ*

Tên của phái nữ trong Phiên hệ và Tiền hệ cũng tùy tiện mà đặt, khi tên kép khi tên đơn.

Ở các Phiên hệ và Tiền hệ nam cũng như nữ không dùng họ Nguyễn Phúc để đặt trước tên như trước kia, con trai sẽ dùng Tông Thất, con gái sẽ dùng Tông Nữ để đặt trước tên. Tông 宗 là đông họ, thất 室 là nhà, Tông thất là chữ kép dùng để chỉ những người trong dòng họ nhà vua, và Tông nữ để chỉ con gái trong dòng họ nhà vua.

Về sau đến khi đức Hiến Tổ kế nghiệp, chữ Tông 宗 phạm trọng húy (vì tên của Hiến Tổ là Miên Tông) nên thay vì viết Tông Thất 宗室 lại đổi thành Tôn Thất 尊室 với Tôn 尊 có nghĩa đáng kính, Tông Nữ 宗女 đổi thành Tôn Nữ 尊女

Cần chú ý Tôn Nữ ở Đế hệ tuy cùng âm nhưng khác nghĩa, vì Tôn 孫 trong Tôn Nữ ở Đế hệ có nghĩa là cháu.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# PHIÊN HỆ THI

## (Chép theo Thiên Gia Sách Tư Biên)

靖懷昭遠愛
景仰茂清珂
嚴格由衷達
連忠集吉多

**Phòng Định Viễn**

Tĩnh Hoài Chiêm Viễn Ái
Cảnh Ngưỡng Mậu Thanh Kha
Nghiễm Cách Do Trung Đạt
Liên Trung Tập Cát Đa

良建(謹)寧(安)和術
倣行平義方
養怡相式好
高宿彩為祥

**Phòng Kiến An**

Lương Kiến (Cẩn) Ninh (An)
Hòa Thuật
Du Hành Suất Nghĩa Phương
Dưỡng Di Tương Thức Hảo
Cao Túc Thể Vi Tường

美齊英疆壯
聯輝發佩香
令儀咸共順
偉望表坤光

**Phòng Anh Duệ**

Mỹ Duệ Anh Cường Tráng
Liên Huy Phát Bội Hương
Lệnh Nghi Hàm Tốn Thuận
Vĩ Vọng Biểu Khôn Quang

善紹期純(循)理
聞知在敏猷
凝麟才至樂
迪道允孚休

**Phòng Thiệu Hóa**

Thiện Thiệu Kỳ (Thuần) Tuấn Lý
Văn Tri Tại Mẫn Du (Cẩu)
Ngưng Lân Tài Chí Lạc
Địch Đạo Duẫn Phu Hưu

信莫思惟正
誠存利妥(建)貞
肅恭承友誼
榮顯卿名

**Phòng Điện Bàn**

Tín Điện Tư Duy Chính
Thành Tồn Lợi Thỏa (Kiến) Trinh
Túc Cung Thừa Hữu Nghị
Vinh Hiển Tập Khanh Danh

廷會豐享合
重(元)逢鳳(森)朗宜
後晉成秀妙
衍慶適方徵

**Phòng Diên Khánh**

Diên Hội Phong Hanh Hợp
Trọng (Nguyên) Phùng Tuấn
(Thái) Lãng Nghi
Hậu Lưu Thành Tú Diệu
Diễn Khánh Thịch Phương Huy



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

欽從苗稱懿範
愷悌騰勤譽
雅正始弘規
眷寧共緝熙

**Phòng An Khánh**

Khâm Tòng (Hoa) Xưng Ý Phạm
Nhã Chính Thủy Hoằng Qui
Khải Đễ Đằng Cần Dự
Quyến Ninh Cọng Tập Hy.

常吉祐遵家訓
臨粹莊盛恭
慎修弥進德
受益懋新功

**Phòng Thường Tín**

Thường Cát (Hổ) Tuân Gia Huấn
Lâm Túy Trang Thạnh Cung
Thận Tu Di Tiến Đức
Thụ Ích Mậu Tân Công

鳳符徵啓廣
金玉卓標奇
典學期加志
敦彝克自持

**Phòng Quảng Uy**

Phụng Phù Trưng Khải Quảng
Kim Ngọc Trác Tiêu Kỳ.
Điển Học Kỳ Gia Chí
Đôn Di Khắc Tự Trì

**GHI CHÚ :**

- Chữ ghi trong vòng đơn là chữ nguyên của Phiên Hệ thi về sau phạm húy nên đổi lại.
- Sách Thiên Gia Bửu Sách Tự biên này chép vào cuối đời Đồng Khánh khi vua Thành Thái mới kế nghiệp, về sau Phòng Anh Duệ Hoàng Thái Tử vì kiên chứ Anh đổi thành Tăng Duệ Hoàng Thái Tử, và câu đầu của Phiên hệ thi đổi thành :
  Mỹ Duệ Tăng Cường Trắng

慈采揚瓊錦
敷文藹耀煜
百支均皆翊
萬葉效匡袞

**Phòng Tử Sơn**

Từ Thể Dương Quỳnh Cẩm
Phu Văn Ái Diệu Dương (Hoàng)
Bách Chi Quân (Giai) Phụ Dực
Vạn Diệp Hiệu Khuông Tương.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# MỘT SỐ HÚY DANH CẦN BIẾT TRONG HỌ NGUYỄN PHÚC

Húy có nghĩa là dấu đi, là tránh. Húy tự là những chữ cần dấu, cần tránh, Húy danh tức tên húy là tên cần dấu cần tránh. Những tên của những người có địa vị tôn qui, tên của bậc bề trên vì lễ độ cần tránh dùng nói đến, và đó là nguồn gốc dẫn đến có những húy danh. Húy danh có từ thời Xuân Thu bên Trung Hoa, những tên của các vị vua chúa, các vị thần, những bậc hiền tài đều được tránh khi nói đến, rồi dần đến những sắc dụ ngăn cấm dân chúng dùng những húy tự, và ảnh hưởng đến ngôn ngữ trong xã hội tạo ra thành thói tục.

Nước ta chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa nên vấn đề húy kỵ cũng giống. Chính vì húy danh mà người ta đặt ra tên tự, tên hiệu để dùng cho tiện. Và từ đời này đến đời khác, khắc sâu vào ngôn ngữ dân tộc, việc tránh dùng tên húy trở thành thói tục lễ độ làm đẹp cho ngôn ngữ. Thời trước trong nước ta khi giao tiếp nhau người ta rất tránh khi nói đến tên của người đối diện hoặc tên những người thân thuộc của họ, lề lối ăn nói lễ độ này vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến bây giờ. Người ta cố gắng dùng chức tước hoặc bằng cấp để gọi như ông Hường, ông Cửu, anh Tú... để gọi người có tước Hồng Lô Tự Khanh, người có hàm cửu phẩm, người đậu tú tài... còn những người bình dân thì gọi nhau bằng anh hai, anh ba, chị sáu...

Vì như trên nên việc kiêng kỵ tên các vua chúa, các hậu phi, các quan lớn, các thánh thần là một điều rất tự nhiên trong xã hội ngày trước. Họ Nguyễn Phúc qua một thời gian dài nắm quyền, có nhiều tiên tổ làm vương làm vua, tên của họ đương nhiên phải kiêng kỵ, không những những người trong họ tộc kiêng kỵ mà cả dân trong nước, nên gọi chung là Quốc húy. Bài này có mục đích trình bày một số Quốc húy của các tiên tổ có ảnh hưởng trong ngôn từ của dân chúng làm thay đổi từ ngữ dùng trong xã hội, để cho con cháu sau này biết rõ.

Trong thời kỳ từ Thái Tổ dựng nước mở vương nghiệp ở phương Nam cho đến đức Duệ Tông, tuy nắm quyền cai trị nhưng vẫn thần phục nhà Lê, vấn đề kiêng tránh các tên húy cũng không được xem trọng. Đến khi Thế Tổ thống nhất đất nước mới bắt đầu có sắc dụ nói về tên húy, năm Quí hợi (1803) bộ Lễ đã gởi các húy danh cho trong Kinh và các tỉnh ở ngoài để những tên đất, tên người giống thế thì đổi đi, khi viết gặp chữ đó thì dùng chữ đồng nghĩa để thay thế. Việc ban hành Quốc húy có mục đích dạy bảo thiên hạ nêu rõ nghĩa tôn kính người đáng tôn, xem trọng thể thống của triều đình. Tiếp theo những năm dưới triều Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức... đều có những sắc dụ nói về quốc húy.

Mỗi khi có vua mới sẽ có một số quốc húy mới, từ húy càng ngày càng nhiều. Luật kỵ húy thường chia làm hai cách, cách đọc và cách viết. Ngày trước không có chữ quốc ngữ nên không thể nào dạy cho người khác phải đọc chữ húy này ra âm khác như thế nào nên mạnh ai nấy



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

đọc trại thành có thể sinh ra nhiều âm với cùng một chữ. Về cách viết thì có quy định rõ ràng. Trước tiên muốn nêu những chữ húy cần tránh cho mọi người biết, người ta không thể viết thẳng chữ ấy ra vì như thế sẽ phạm húy mà thường viết chữ đó thành bên trái là chữ..., bên phải là chữ... hoặc trên là chữ..., dưới là chữ, ngoài là chữ... trong là chữ, đọc như thế đương nhiên sẽ hiểu là chữ gì. Khi viết văn gặp những chữ này hoặc người ta dùng những chữ đồng nghĩa để thay, hoặc viết bớt nét chữ ấy đi tùy theo chữ trọng húy hay khinh húy.

Mỗi vị vua thường có 5 loại tên :

– Niên hiệu : dùng để xác định đời vua mới

– Danh tự : tên dùng trước khi lên ngôi

– Ngự danh và công danh : tên chọn sau khi lên ngôi

– Miếu hiệu và công danh : tên chọn để thờ sau khi mất.

Ví dụ đức Thế Tổ có niên hiệu Gia Long, danh tự là Anh và Chủng, ngự danh là Noãn, miếu hiệu là Thế Tổ, tôn thụy là : Khai Thiên Hoằng Đạo Lập Kỷ Thùy Thống Thần Văn Thánh Vũ Tuấn Đức Long Công Chí Nhân Đại Hiếu Cao Hoàng Đế.

Thật ra chỉ có danh tự và ngự danh mới buộc phải kiêng mà thôi.

Để đọc cho đúng những Quốc Húy đời Nguyễn ta phải căn cứ vào Tự Điển dùng vào thời ấy là cuốn Khang Hy Tự Điển. Ngay một từ cũng có nhiều âm khác nhau như âm chính, âm địa phương... Cùng một chữ Hán nhưng mỗi vùng ở Trung Hoa có cách phát âm khác nhau kết quả có những giọng khác nhau như giọng Quảng Đông, giọng Triều Châu, giọng Phúc Kiến, giọng Bắc Kinh... và người nước ta khi đọc chữ đó thì thành âm Hán Việt. Tuy nhiên trong tự điển có một lề lối ghi nhất định mà bất cứ vùng nào căn cứ vào đó mà phát âm thì thành giọng của vùng mình, nên tiếng Hán Việt có thể căn cứ vào đó mà đọc. Lối ghi cách phát âm này gọi là Phiên Thiết (phiên là lật lại, thiết là cắt tức cắt ra và lật lại), đó là lối gần như nói lái trong tiếng của ta nhưng có qui củ hơn nhiều. Muốn phát âm một chữ Hán người ta phải dùng hai chữ Hán thông thường (đã biết rõ cách đọc), khi muốn đọc âm chữ được phiên thiết phải cắt hai chữ Hán ấy ra rồi ráp lại. Hai chữ dùng để phiên thiệt mà chữ đầu dùng làm âm khởi đầu, còn chữ sau để chỉ vận. Ví dụ để phát âm chữ 禋 người ta ghi Tha Tiền thiết. Chữ Tha lấy âm khởi đầu là Th, chữ Tiền lấy vận iền ghép hai vần này ta có Th + iền = Thiền, giống như ta nói lái Tha tiền là Thiền Ta... Tuy nhiên còn phải căn cứ vào bực Thinh (thượng hay hạ) cùng với loại thinh Bình, Thượng, Khứ, Nhập nữa. Ngoài ra trong tự điển còn ghi "cùng âm với chữ" hoặc "đọc như chữ"...

Sau đây là bảng kê ngự danh, danh tự cùng một số húy tự khác :



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

| Đế và Hậu | Ngự Danh | Phiên Thiết | Chính Âm | Âm đọc trại | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|
| – Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế | 途 | Cổ 安 + Âm 暗 | CAM | KIM | |
| Từ Tín Tĩnh Hoàng Hậu | 梅 | Mão 某 + Bai 杯 | MAI | MỚI | |
| – Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế | 潢 | Hồ 胡 + Quang 光 | HOÀNG | HUỲNH | |
| – Hi Tông Hiếu Văn Hoàng Đế | 源 | Ngu 愚 + Viên 袁 | NGUYÊN | NGƯƠN | |
| Từ Thận Hiếu Văn Hoàng Hậu | 佳 | Cổ 古 + Hải 膝 | GIAI | | |
| – Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế | 瀾 | Lạc 洛 + Can 干 | LAN | | |
| Từ Tĩnh Hiếu Chiêu Hoàng Hậu | | | | | Thất tường |
| – Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế | 瀕 | Tì 卑 + Dân 民 | TẦN | TỒN | |
| Từ Mẫn Hiếu Triết Hoàng Hậu | 惟 | Bồ 都 + Hối 回 | BỒI | | |
| Từ Tiên Hiếu Triết Hoàng Hậu | 圓 | Vũ 羽 + Nguyên 元 | VIÊN | | |
| – Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế | 淶 | Tha 他 + Cái 蓋 | THÁI | THỚI | Các sách sử Việt Ngữ chép lộn ngự danh nên đọc lầm là Trần. |
| | 壹 | | NGÂN | NGHÌN | |
| Từ Thất Hiếu Nghĩa Hoàng Hậu | 領 | Lang 郎 + Đinh 丁 | LĨNH | LÃNH | |
| – Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng Đế | 洲 | Chi 之 + Du 由 | CHU | CHÂU | |
| Từ Huệ Hiếu Minh Hoàng Hậu | 特 | Bố 徒 + Bắc 得 | BẮC | | |
| | 權 | Cư 巨 + Viên 袁 | QUYỀN | | |
| – Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế | 澍 | Thường 常 + Cú 句 | THỤ | THƠ | Các sách Việt Ngữ thường đọc lầm là Trì hoặc Chú. Ta thấy các từ đồng âm với Thu đều được đổi sang thành Thọ, như Phúc Lộc Thụ thành Phước Lộc Thọ |
| Từ Ý Hiếu Ninh Hoàng Hậu | 書 | Thường 傷 + Ngư 魚 | THƯ | THƠ | |
| – Thế Tông Hiếu Võ Hoàng Đế | 濶 | Khổ 苦 + Quát 括 | KHOÁT | | |
| Từ Mẫn Hiếu Võ Hoàng Hậu | 容 | Dư 餘 + Phong 封 | DONG | DUNG | Từ nay đã lưỡng lự từ đời Mạc. |
| | 鏡 | Hồ 胡 + Biển 典 | HIỆN | | |
| – Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế | 淳 | Thù 殊 + Luân 倫 | THUẦN | | |
| | 昕 | Hưu 休 + Cân 斤 | HÂN | | |
| – Hưng Tổ Hiếu Hiếu Khang Hoàng Đế | 暉 | Cổ 古 + Bộn 鈍 | CÔN | | Chữ này thường đọc lầm là LUÂN |
| | 祺 | Câu 俱 + Vũ 禹 | CỤ | | Nếu chữ Nôm thì đọc là Gọ |
| Từ Dụ Hiếu Khang Hoàng Hậu | 環 | Hộ 户 + Quan 關 | HOÀN | HƯỜN | |
| – Thế Tổ Cao Hoàng Đế | 暖 | Nãi 乃 + Quản 管 | NOÃN | | |
| | 映 | Ư 於 + Cảnh 敬 | ANH | YẾN | |
| | 種 | Chi 之 + Lũng 隴 | CHỦNG | CHƯƠNG | |
| Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu | 蘭 | Lạc 落 + Can 干 | LAN | | |
| Thuần Thiên Cao Hoàng Hậu | 瑞 | Bố 都 + Lang 郎 | ĐANG | ĐƯƠNG | Chữ này có nghĩa Kính trọng. Các từ đồng âm như Kính (gương soi) vốn âm là Cảnh |
| | 璬 | Cư 居 + Khánh 慶 | CẢNH | KÍNH | |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| - Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế | 曉膽華 | Cố 古 + Liễu 了 | KIỂU | CÀO | |
| | | Bố 都 + Cảm 敢 | BÁM | BỚM | |
| Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu | | Hồ 胡 + Qua 瓜 | HOA | HUÊ | |
| | 冥鼉宗 | Thần 神 + Chất 質 | THẬT | THỰC | |
| - Hiến Tổ Chương Hoàng Đế | | Di 以 + Trung 中 | DUNG | BÓNG | |
| | | Tử 梧 + Bông 冬 | TÔNG | TỒN | |
| | 睦姪 | Tuân 旬 + Tuyên 宣 | TUYÊN | TOÀN | |
| Ngọc Thiên Chương Hoàng Hậu | 女昱浩 | Hồ 胡 + Đăng 登 | HẰNG | HIỆU | Chữ này vốn cùng âm với tên Hán văn Đế bên Tàu, nên đổi tên bé thành Thường (cùng nghĩa) có ghi rõ trong bảng quốc húy năm Tự Đức 14. Ngoài ra bà còn có tên Nguyệt thường kiêng đọc trại là Ngoạt nhưng không thấy ghi trong các dụ về tị húy |
| | | Hồ 胡 + Lão 老 | HAO | | |
| - Dực Tông Anh Hoàng Đế | 時任 | Thị 市 + Chi 之 | THÌ | THỜI | |
| | | Như 如 + Lâm 林 | NHẬM | NHUỆM | |
| Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu | 緣諧 | Di 以 + Quyên 絹 | DUYÊN | | |
| | | Hộ 户 + Giai 皆 | HÀI | | |
| - Giản Tông Ngơi Hoàng Đế | 冥祐 | Hồ 胡 + Lão 老 | HAO | HIỆU | |
| | | Hầu 侯 + Cổ 古 | HỒ | | |
| | 登皇敖 | Bố 都 + Bằng 騰 | BĂNG | | |
| - Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế | | Bi 皮 + Biến 変 | BIỆN | BƯỜNG | Một số từ kép như Biến Lý, Tham biện về sau đổi thành Tá lý, Tham tá. |
| | 禧 | Thi 是 + Nghi 義 | THỊ | | |
| | | Bố 徒 + Lang 郎 | BÀNG | | Các từ đồng âm đều đổi thành đường. Từ Bường chỉ nhà Bường ở Trung Hoa vốn âm là Bàng |
| - Vua Thanh Thái | 昭嶙 | Chỉ 止 + Diêu 遙 | CHIÊU | | |
| | | Lực 力 + Trân 珍 | LÂN | LIÊN | |
| - Vua Duy Tân | 冥珊 | Hồ 胡 + Quảng 廣 | HOÀNG | | |
| | | Sư 師 + Gian 女女 | SAN | SƠN | Chữ Sơn là núi nguyên chính âm là San |
| - Hoàng Tôn Tuyên Hoàng Đế | 晚昌 | Tổ 祖 + Tuấn 峻 | TUẤN | | |
| | | Bố 考 + Hạo 皓 | BẢO | | |
| - Vua Bảo Đại | 暎瑞 | Tha 它 + Điển 典 | THIỂN | | |
| | | Thị 是 + Nguy 僞 | THỤY | THOẠI | |
| Phụ :<br>- PHÚC<br>- MIỄN<br>HỒNG | 福勉洪 | Phương 方 + Lực 力 | PHÚC | PHƯỚC | |
| | | Mạc 莫 + Kiển 堅 | MIỄN | MẢN | |
| | | Hộ 户 + Công 公 | HỒNG | HƯƠNG | |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# CÁC NGÀY LỄ KỴ, ĐẢN, NGŨ HƯỞNG, VẠN THỌ, THÁNH THỌ, KHÔN THÀNH

**(Được tổ chức trong cung trước đây)**

**Tháng Giêng :**

- Mồng 2 : Đản của Giản Tông Nghị Hoàng Đế
- Mồng 4 : Đản của Cung Tông Huệ Hoàng Đế
- Mồng 10 : Kỵ Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế
- Ngày 12 : Đản của Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế
- Ngày 15 : Đản của Thế Tổ Cao Hoàng Đế
- Ngày 23 : Kỵ Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Hậu

**Tháng Hai :**

- Mồng 3 : Kỵ Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu
- Ngày 12 : Kỵ Hiếu Minh Hoàng Hậu
- Ngày 22 : Vạn Thọ Khánh Tiết
- Ngày 26 : Kỵ Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế

**Tháng Ba :**

- Ngày 19 : Kỵ Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế
- Ngày 21 : Kỵ Hiếu Triết Hoàng Hậu
- Ngày 22 : Kỵ Hiếu Nghĩa Hoàng Hậu

**Tháng Tư :**

- Mồng 1 : Hạ hưởng
- Mồng 5 : Kỵ Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu
- Ngày 20 : Kỵ Hiển Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế
- Ngày 27 : Kỵ Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế
- Ngày 23 : Đản của Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế

**Tháng Năm :**

- Mồng 2 : Hưng Quốc Khánh Niệm
- Mồng 9 : Thiên Thu Đại Khánh Tiết
- Ngày 11 : Đản của Hiến Tổ Chương Hoàng Đế
- Ngày 16 : Kỵ Gia Dũ Hoàng Hậu
- Ngày 17 : Kỵ Hiếu Chiêu Hoàng Hậu
- Ngày 19 : Đản của Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu
- Ngày 20 : Kỵ Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế
  Kỵ Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế
- Ngày 23 : Kỵ Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

**Tháng Sáu :**

- Mồng 3 : Kỵ Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế
- Mồng 10 : Kỵ Giản Tông Nghị Hoàng Đế
- Ngày 16 : Kỵ Dực Tông Anh Hoàng Đế

**Tháng Bảy :**

- Mồng 1 : Thu hưởng
- Ngày 16 : Kỵ Hiếu Ninh Hoàng Hậu
- Ngày 27 : Tiết Khôn Thành

**Tháng Tám :**

- Mồng 2 : Kỵ Hựu Thiên Thuần Hoàng Hậu
- Ngày 25 : Đản của Dực Tông Anh Hoàng Đế

**Tháng Chín :**

- Mồng 6 : Kỵ Cung Tông Huệ Hoàng Đế
- Mồng 10 : Kỵ Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế
- Ngày 14 : Kỵ Hiếu Khang Hoàng Hậu
- Ngày 18 : Kỵ Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế
  Kỵ Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu
- Ngày 20 : Kỵ Hoằng Tôn Tuyên Hoàng Đế
- Ngày 27 : Kỵ Hiến Tổ Chương Hoàng Đế

**Tháng Mười :**

- Mồng 1 : Đông hưởng
- Mồng 6 : Kỵ Hiếu Vũ Hoàng Hậu
- Mồng 10 : Kỵ Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế
- Ngày 14 : Kỵ Phụ Thiên Thuần Hoàng Hậu

**Tháng Mười một :**

- Mồng 1 : Đản của Phụ Thiên Thuần Hoàng Hậu
- Mồng 5 : Đản của Tá Thiên Cao Hoàng Hậu
- Mồng 9 : Kỵ Hiếu Văn Hoàng Hậu
- Ngày 12 : Kỵ Từ Minh Huệ Hoàng Hậu
- Ngày 21 : Kỵ Hiếu Triết Hoàng Hậu
- Ngày 27 : Đản của Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu

**Tháng Mười hai :**

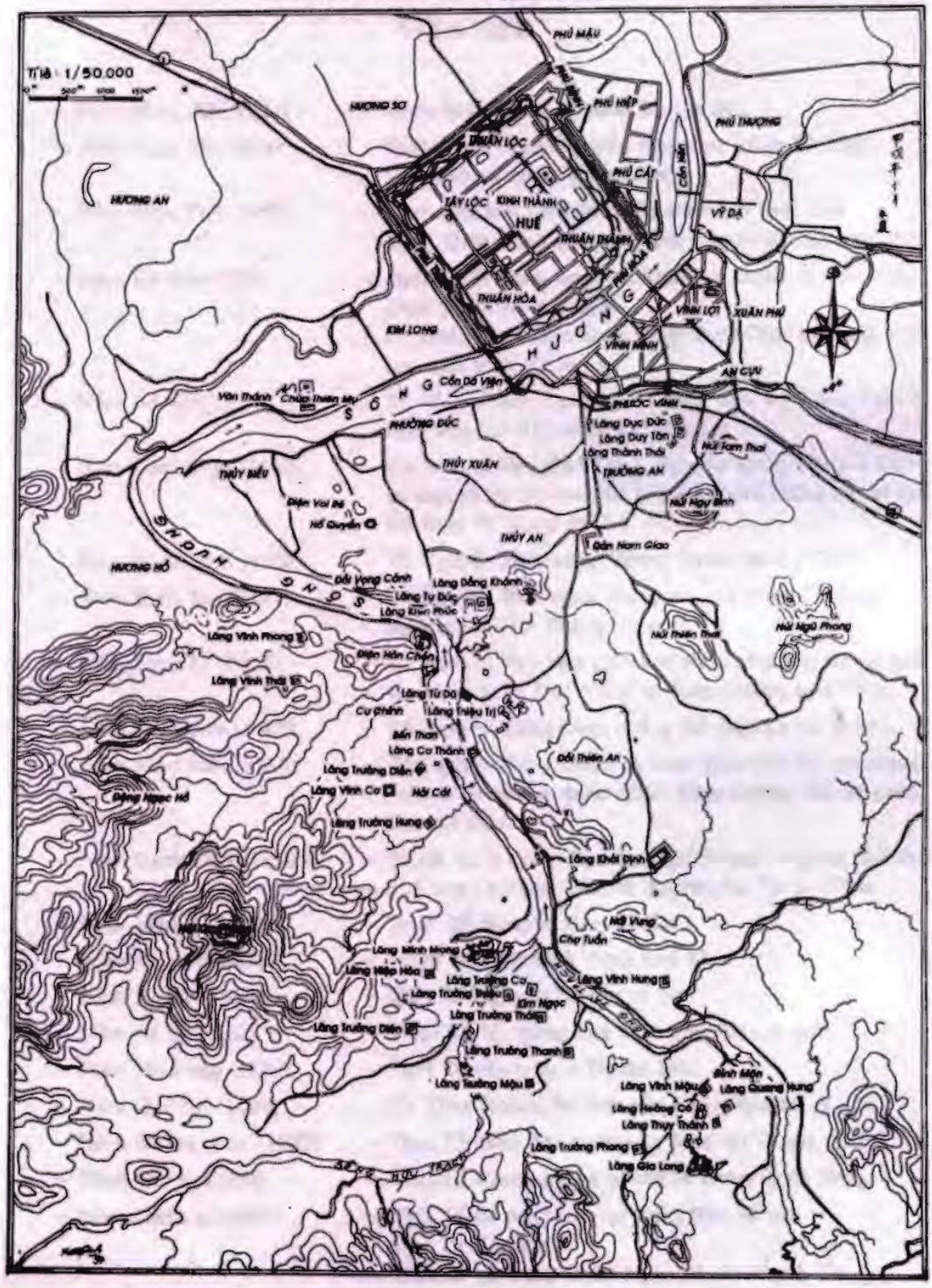
- Ngày 19 : Kỵ Thế Tổ Cao Hoàng Đế
- Ngày 22 : Hợp hưởng[1] tại các miếu
- Ngày 25 : Đản của Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu
- Ngày 27 : Kỵ Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế
- Ngày 28 : Kỵ Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế

(1) Lễ tế chung



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## Bản đồ 6: LĂNG TẨM LIỆT THÁNH TẠI HUẾ






http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# NGUYỄN PHÚC TỘC THẾ PHẢ

## NIÊN BIỂU

- Năm Giáp thân (924) : – Định Quốc Công Nguyễn Bặc ra đời.
- Năm Giáp dần (954) : – Định Quốc Công Nguyễn Bặc cùng Đinh Bộ Lĩnh theo phò sứ quân Trần Lãm.
- Năm Mậu Thìn (968) : – Nhờ công lớn giúp Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, Định Quốc Công được xếp bậc đầu trong các công thần
- Năm Kỷ mão (979) : – Định Quốc Công được cử làm phụ chính đại thần khi Đinh Toàn lên nối ngôi.
  – Lê Hoàn mưu tiếm ngôi, Định Quốc Công cất binh chống lại, thất trận rồi bị hại.
- Năm Kỷ dậu (1009) : – Đô Hiệu Kiểm Nguyễn Đê giúp đưa Lý Công Uẩn lên ngôi vua mở đầu triều đại nhà Lý.
- Năm Canh Ngọ (1150) : – Các tiên tổ Nguyễn Phụng, Nguyễn Quốc, Nguyễn Dương và một số người trong họ bị hại vì mưu chống quyền thần Đỗ Anh Vũ trong đời Lý.
- Năm Canh thìn (1220) : – Tổ Nguyễn Nộn xưng Vương chống lại họ Trần.
- Năm Đinh hợi (1227) : – Tổ Nguyễn Nộn đánh bại quân của Đoàn Thượng, tự xưng là Đại Thắng Vương.
- Năm Đinh tỵ (1377) : – Tổ Nguyễn Nạp Hòa giữ chức Bình Man Đại tướng quân, theo vua Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm bị tử trận.
- Năm Mậu thìn (1388) : – Tổ Nguyễn Công Luật chống Hồ Quý Ly và bị hại.
- Năm Mậu tuất (1418) : – Tổ Nguyễn Công Duẫn có công giúp vua Lê Lợi trong cuộc chiến chống quân Minh được phong Bắc vệ quân Đại đội trưởng.
- Năm Canh thìn (1460) : – Trình Quốc Công Nguyễn Đức Trung cùng các đại thần phế vua Lê Nghi Dân và lập vua Lê Thánh Tông.
- Năm Mậu tí (1468) : – Triệu Tổ Nguyễn Cam ra đời.
- Năm Kỷ sửu (1529) : – Triệu Tổ khởi binh đánh nhà Mạc.
- Năm Ất dậu (1525) : – Thái Tổ Nguyễn Hoàng ra đời.
- Năm Ất tỵ (1545) : – Triệu Tổ bị tướng nhà Mạc đầu độc mà mất.
- Năm Mậu ngọ (1558) : – Thái Tổ vào trấn ở Thuận Hóa.
- Năm Quí hợi (1563) : – Hy Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Nguyên ra đời.
- Năm Nhâm thân (1572) : – Thái Tổ đánh bại quân nhà Mạc tại Thuận Hóa.
- Năm Quí tỵ (1593) : – Thái Tổ được nhà Lê phong là Đoan Quốc Công.
- Năm Canh tí (1600) : – Thái Tổ để con tin ở lại miền Bắc để vào trấn Thuận Hóa.
  – Thái Tổ gả Công Chúa Ngọc Tú cho Trịnh Tráng.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

- Năm Tân sửu (1601) : – Thái Tổ dựng chùa Thiên Mụ ở đồi Hà Khê thuộc Thuận Hóa.
  – Thần Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Lan ra đời.
- Năm Tân hợi (1611) : – Chiến thắng được quân Xiêm, Thái Tổ lập nên phủ Phú Yên.
- Năm Quí sửu (1613) : – Thái Tổ mất – Hy Tông Hoàng Đế nối nghiệp mở đầu cho họ Nguyễn Phúc ở phương Nam.
- Năm Canh thân (1620) : – Em của Hy Tông Hoàng Đế là Phúc Hiệp và Phúc Trạch làm phản nhưng thất bại.
  – Thái Tông Hoàng Đế ra đời.
- Năm Quí hợi (1626) : – Nhờ ngoại giao khéo léo của đức Hy Tông người Việt được lập khu dinh điền ở Bà Rịa.
- Năm Canh ngọ (1630) : – Hy Tông Hoàng Hậu mất.
- Năm Ất hợi (1635) : – Hy Tông Hoàng Đế mất – Thần Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Lan kế nghiệp.
- Năm Bính tí (1636) : – Dời phủ chúa đến Kim Long (Hương Trà, Thừa Thiên).
- Năm Giáp thân (1644) : – Đánh bại quân Hà Lan tại cửa Eo.
- Năm Mậu tí (1648) : – Đánh bại quân Trịnh tấn công Lũy Thầy
  – Đức Thần Tông mất, Thái Tông Hoàng Đế nối nghiệp.
- Năm Kỷ sửu (1650) : – Anh Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thái ra đời.
- Năm Quí tỵ (1653) : – Chiếm đất Chiêm Thành lập 2 phủ Thái Khang và Diên Ninh (nay là Ninh Hòa và Diên Khánh).
- Năm Ất mùi (1655) : – Nguyễn Hữu Tấn và Nguyễn Hữu Dật được lệnh của đức Thái Tông tấn công chiếm miền Bắc Bố Chính.
- Năm Tân sửu (1661) : – Thần Tông Hoàng Hậu mất.
- Năm Nhâm tí (1627) : – Chấm dứt chiến tranh Nam Bắc giữa 2 họ Trịnh và Nguyễn.
- Năm Ất mão (1675) : – Hiển Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Chu ra đời.
- Năm Kỷ mùi (1679) : – Đức Thái Tông cho tướng nhà Minh là Dương Ngạn Địch vào chiếm giữ miền Gia Định.
- Năm Giáp tí (1684) : – Thái Tông Từ Mẫn Hoàng Hậu mất.
- Năm Đinh mão (1687) : – Thái Tông Hoàng Đế mất, Anh Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thái kế nghiệp.
  – Phủ chúa dời sang làng Phú Xuân.
- Năm Tân mùi (1691) : – Anh Tông Hoàng Đế mất, Hiển Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Chu lên kế nghiệp.
- Năm Nhâm thân (1692) : – Chiếm phần còn lại đất Chiêm Thành đổi thành Trấn Thuận Thành.
- Năm Quí dậu (1693) : – Đức Hiển Tông xưng Quốc Chúa.
- Năm Bính tí (1696) : – Anh Tông Hoàng Hậu mất.
  – Túc Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thụ ra đời.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

| | | |
|---|---|---|
| – Năm Kỷ sửu (1709) | : | – Đức Hiển Tông đúc Quốc bửu "Đại Việt Quốc Chúa Vĩnh Trấn Chi Bửu" |
| – Năm Nhâm thìn (1712) | : | – Dời phủ chúa sang làng Bát vọng. |
| – Năm Giáp ngọ (1714) | : | – Thế Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Khoát ra đời. |
| – Năm Bính thân (1716) | : | – Hiển Tông Hoàng Hậu mất. |
| – Năm Canh tí (1720) | : | – Túc Tông Hoàng Hậu mất. |
| – Năm Ất tỵ (1725) | : | – Hiển Tông Hoàng Đế mất, Túc Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thụ kế nghiệp. |
| – Năm Quí sửu (1733) | : | – Hưng Tổ Hoàng Đế Nguyễn Phúc Côn ra đời. |
| – Năm Bính thìn (1736) | : | – Thế Tông Hoàng Hậu mất. |
| – Năm Mậu Ngọ (1738) | : | – Túc Tông Hoàng Đế mất, Thế Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Khoát kế nghiệp |
| – Năm Giáp tuất (1754) | : | – Đức Hiếu Định Nguyễn Phúc Thuần ra đời. |
| – Năm Đinh sửu (1757) | : | – Hoàn thành cuộc Nam tiến, các vùng Tầm phong long, Tầm Đôn, Xuy Lạp, Trà Vinh đều thuộc vào nước ta. |
| – Năm Nhâm ngọ (1762) | : | – Thế Tổ Cao Hoàng Đế Nguyễn Phúc Anh ra đời. |
| – Năm Ất dậu (1765) | : | – Đức Thế Tông mất, Hiếu Định Hoàng Đế Nguyễn Phúc Thuần kế nghiệp.<br>– Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế bị Trương Phúc Loan hại. |
| – Năm Quí tị (1773) | : | – Tây sơn nổi lên chiếm Qui Nhơn. |
| – Năm Giáp ngọ (1774) | : | – Quân Trịnh đánh Thuận Hóa, Hiếu Định Hoàng Đế lánh vào Nam cùng với đức Thế Tổ. |
| – Năm Bính thân (1776) | : | – Hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương nối nghiệp xưng là Tân Chính Vương, Hiếu Định Hoàng Đế làm Thái Thượng Hoàng. |
| – Năm Đinh dậu (1777) | : | – Thái Thượng Hoàng và Tân Chính Vương bị quân Tây Sơn hại.<br>– Thế tổ được tôn làm Đại nguyên súy Nhiếp chính quốc. |
| – Năm Canh tí (1780) | : | – Thế Tổ xưng vương. |
| – Năm Tân hợi (1791) | : | – Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế Nguyễn Phúc Kiểu ra đời. |
| – Năm Tân dậu (1801) | : | – Đức Thế Tổ chiếm lại Thuận Hóa sau nhiều năm chiến đấu gian khổ với quân Tây Sơn. |
| – Năm Nhâm tuất (1802) | : | – Đức Thế Tổ thống nhất đất nước<br>– Đức Thế Tổ xây dựng Kinh thành tại Phú Xuân.<br>– Đổi niên hiệu là Gia Long.<br>– Ban họ Nguyễn Hựu cho con cháu đức Thái Tổ ở miền Bắc. |
| – Năm Giáp tí (1804) | : | – Huệ Tĩnh Thánh Mẫu Nguyên Sư (Nguyễn Thị Ngọc Cầu) mất.<br>– Thế Tổ đổi quốc hiệu nước ta là Việt Nam. |
| – Năm Bính dần (1806) | : | – Đức Thế Tổ lên ngôi – Dâng tôn thụy cho Liệt Thánh. |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

| | | |
|---|---|---|
| – Năm Đinh mão (1807) | : | – Hiến Tổ Chương Hoàng Đế Nguyễn Phúc Tuyển ra đời.<br>– Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu mất. |
| – Năm Kỷ tị (1809) | : | – Cho cải táng mộ của Hiếu Định Hoàng Đế cùng với các thần công trước đây táng tại Gia Định, để đưa về an táng tại Kinh Đô.<br>Đức Thế Tổ cho dựng Thái miếu và Triệu miếu. |
| – Năm Tân mùi (1811) | : | – Hiếu Khang Hoàng Hậu mất. |
| – Năm Giáp tuất (1814) | : | – Thị Thư viện dâng lên Hoàng Triều Tôn Phổ cho đức Thế Tổ. Đây là phả đồ đầu tiên chép họ Nguyễn Phúc từ Triệu Tổ đến Thế Tổ.<br>– Xây dựng Triển thân từ<br>– Xây lăng Thiên Thụ<br>– Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu mất |
| – Năm Ất hợi (1815) | : | – Đức Thánh Tổ được lập làm Thái Tử. |
| – Năm Kỷ mão (1820) | : | – Thế Tổ Cao Hoàng Đế mất, Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế kế nghiệp. |
| – Năm Canh thìn (1820) | : | – Thánh Tổ cho lập Tông Nhân Phủ trông coi việc trong họ tộc. |
| – Năm Tân tị (1821) | : | – Thánh Tổ cho dựng Thế Miếu và Hưng Miếu.<br>– Khởi đầu việc soạn Ngọc Điệp. |
| – Năm Nhâm ngọ (1822) | : | – Khởi đầu việc soạn Ngọc phả. |
| – Năm Quí mùi (1823) | : | – Thánh Tổ ban Đế hệ thi và Phiên hệ thi để định thân sơ cùng thế thứ trong họ tộc. Định tên cho các Hoàng tử cùng vị Vua kế nghiệp trong tương lai. |
| – Năm Giáp thân (1824) | : | – Hoàn thành việc soạn Ngọc Điệp.<br>– Soạn Tôn Thất phả. |
| – Năm Ất dậu (1825) | : | – An Phong Quận Vương Nguyễn Phúc Hồng Bảo ra đời. |
| – Năm Mậu tí (1828) | : | – Thánh Tổ cho lập thêm các phủ mới tại đất Ai Lao xin nội thuộc nước ta. |
| – Năm Kỷ sửu (1829) | : | – Dực Tông Anh Hoàng Đế ra đời. |
| – Năm Bính thân (1836) | : | – Đức Thánh Tổ cho đúc cửu đỉnh. |
| – Năm Mậu tuất (1838) | : | – Thánh Tổ đổi quốc hiệu nước ta thành Đại Nam. |
| – Năm Canh tí (1840) | : | – Đức Thánh Tổ mất, Hiến Tổ Chương Hoàng Đế kế nghiệp. |
| – Năm Giáp thìn (1844) | : | – Hiến Tổ cho xây tháp Từ Nhân ở chùa Linh Mụ. |
| – Năm Ất tỵ (1845) | : | – Ngự chế ban các bộ chữ Hán cho các Phòng của Hoàng Tử để đặt tên cho con cháu về sau. |
| – Năm Bính ngọ (1846) | : | – Hiến Tổ cho dựng chùa Diệu Đế, và để mừng điềm lành của Hoàng tộc là được "ngũ đại đồng đường" cho đúc chuông ở chùa Diệu Đế để ghi nhớ. |
| – Năm Đinh mùi (1847) | : | – Đức Hiến Tổ mất – Dực Tông Anh Hoàng Đế nối ngôi.<br>– Văn Lãng Quận Vương ra đời. |
| – Năm Quí sửu (1853) | : | – Cung Tông Huệ Hoàng Đế Nguyễn Phúc Ưng Chân ra đời. |



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

- Năm Giáp dần (1854) : - An Phong Quận Vương Hồng Bảo mất trong ngục.
- Năm Mậu ngọ (1858) : - Quân Pháp tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lấn lãnh thổ nước ta.
- Năm Nhâm tuất : - Triều đình Huế phải ký hòa ước Nhâm Tuất vì thua trận tại miền Nam.
- Năm Giáp tí (1864) : - Công tử Hồng Tập (phong Phú Bình Quận Vương) cùng một số hoàng thân, quan lại nổi loạn phản đối hòa ước Nhâm tuất.
  - Khởi sự xây Khiêm Lăng.
- Năm Bính dần (1866) : - Biến động Chày vôi tại Kinh thành dưa đến việc giết hại cả gia đình An Phong Quận Vương.
- Năm Kỷ tỵ (1869) : - Giản Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Hạo ra đời.
- Năm Tân mùi (1871) : - Vua Hàm Nghi Nguyễn Phúc Minh ra đời.
- Năm Giáp tuất (1874) : - Triều đình Huế mất quyền hành tại miền Bắc. Phải ký hòa ước Giáp tuất.
- Năm Kỷ mão (1879) : - Vua Thành Thái Nguyễn Phúc Chiêu ra đời.
- Năm Quí mùi (1883) : - Dực Tông Anh Hoàng Đế mất. Tự quân là vua Dục Đức bị quyền thần phế.
  - Văn Lãng Quận Vương lên nối ngôi lấy niên hiệu Hiệp Hòa, sau đo cũng bị phế và bị hại.
  - Vua Kiến Phúc lên kế nghiệp.
- Năm Giáp thân (1884) : - Triều đình Huế phải ký hòa ước nhận sự bảo hộ của Pháp.
  - Vua Dục Đức mất.
  - Vua Kiến Phúc mất, vua Hàm Nghi lên kế nghiệp.
- Năm Ất dậu (1885) : - Pháp chiếm Kinh thành Huế. Vua Hàm Nghi ra Bắc, sau đó bị bắt và đưa đi an trí tại Algérie.
  - Cảnh Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Biện lên kế nghiệp.
  - Hoằng Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Tuấn ra đời.
- Năm Mậu tí (1888) : - Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế mất, vua Thành Thái kế nghiệp.
- Năm Canh tí (1900) : - Vua Duy Tân Nguyễn Phúc Hoàng ra đời
- Năm Tân sửu (1901) : - Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu mất.
- Năm Nhâm dần (1902) : - Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu mất.
- Năm Bính ngọ (1906) : - Từ Minh Huệ Hoàng Hậu mất
- Năm Đinh mùi (1907) : - Vua Thành Thái thoái vị - Vua Duy Tân kế nghiệp.
- Năm Quí sửu (1913) : - Vua Bảo Đại Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy ra đời.
- Năm Bính thìn (1916) : - Khởi sự chống Pháp tại Kinh thành thất bại, vua Duy Tân bị bắt và đưa đi an trí.
  - Hoằng Tông Tuyên Hoàng Đế kế nghiệp.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

- Năm Nhâm tuất (1922) : – Hoằng Tông Tuyên Hoang Đế đi Pháp.
  – Tấn phong vua Bảo Đại làm Thái Tử và được đưa sang Pháp học.
- Năm Giáp tí (1924) : – Tổ chức Tư Tuần Đại Khánh của Hoằng Tông Tuyên Hoàng Đế.
- Năm Ất sửu (1925) : – Hoằng Tông Hoàng Đế mất.
- Năm Ất sửu (1926) : – Vua Bảo Đại về nước lên ngôi rồi trở lại Pháp học hành.
- Năm Nhâm thân (1932) : – Vua Bảo Đại về nước. Ngài mở cuộc hành hương bái yết Nguyên miếu, cùng đi đến các vùng cương thổ thuộc triều đình Huế.
- Năm Quí dậu (1933) : – Vua Bảo Đại cải tổ nội các.
- Năm Ất hợi (1935) : – Phụ Thiên Thuần Hoàng Hậu mất.
- Năm Giáp thân (1944) : – Hựu Thiên Thuần Hoàng Hậu mất.
- Năm Ất dậu (1945) : – Vua Bảo Đại thoái vị.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# DANH SÁCH CÁC PHÒNG HIỆN NAY ĐÃ LIÊN HỆ VỚI HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ NGUYỄN PHÚC TỘC

I. Hệ I

- Phòng 1 (P. Lãng Quận Công)

II. Hệ II

- Phòng 1 (P. Hòa Quận Công)
- Phòng 4 (P. Hào Quận Công)
- Phòng 10 (P. Nghĩa Hưng Quận Vương)

III. Hệ III

- Phòng 1 (P. Khánh Quận Công)
- Phòng 10 (P. Vinh Quận Công)

IV. Hệ V

- Phòng 1 (P. Phúc Quốc Công)
- Phòng 3 (P. Cương Quận Công)
- Phòng 4 (P. Quốc Uy Công)

V. Hệ VII

- Phòng 2 (P. Chưởng Dinh Nguyễn Phúc Thể)
- Phòng 5 (P. Ng. Phúc Hài)
- Phòng 8 (P. Luân Quốc Công)
- Phòng 9 (P. Huấn Vũ Hầu)
- Phòng 11 (P. Nguyễn Phúc Chấn)
- Phòng 12 (P. Dận Quốc Công)
- Phòng 18 (P. Quận Công Nguyễn Phúc Tú)
- Phòng 19 (P. Quận Công Nguyễn Phúc Truyền)
- Phòng 20 (P. Nguyễn Phúc San)
- Phòng 21 (P. Nguyễn Phúc Quận)
- Phòng 33 (P. Chưởng Cơ Nguyễn Phúc Triêm)

VI. Hệ VIII

- Phòng 2 (P. Nghiễm Quận Công)
- Phòng 3 (P. Tường Quang Hầu)

VII. Hệ IX

- Phòng 7 (P. Kính Quận Công)
- Phòng 10 (P. Cai Cơ Nguyễn Phúc An)
- Phòng 18 (P. Phúc Long Công)
- Phòng 17 (P. Quận Công Nguyễn Phúc Xuân)

Digitized by www.namkyluctinh.org

VIII. Hệ I Chính

- Phòng 1 (P. Anh Duệ Hoàng Thái Tử)
- Phòng 5 (P. Kiến An Vương)
- Phòng 6 (P. Định Viễn Quận Vương)
- Phòng 7 (P. Diên Khánh Vương)
- Phòng 8 (P. Điện Bàn Công)
- Phòng 9 (P. Thiện Hóa Quận Vương)
- Phòng 11 (P. Thường Tín Quận Vương)
- Phòng 12 (P. An Khánh Vương)
- Phòng 13 (P. Từ Sơn Công)

IX. Hệ II Chính

- Phòng 3 (P. Thọ Xuân Vương)
- Phòng 4 (P. Ninh Thuận Quận Vương)
- Phòng 5 (P. Vĩnh Tường Quận Vương)
- Phòng 6 (P. Phú Bình Quận Vương)
- Phòng 7 (P. Nghi Hòa Quận Công)
- Phòng 8 (P. Phù Mỹ Quận Công)
- Phòng 9 (P. Hàm Thuận Công)
- Phòng 10 (P. Tùng Thiện Vương)
- Phòng 11 (P. Tuy Lý Vương)
- Phòng 12 (P. Tương An Quận Vương)
- Phòng 13 (P. Tuân Quốc Công)
- Phòng 15 (P. Lạc Hóa Quận Công)
- Phòng 16 (P. Hà Thanh Quận Công)
- Phòng 18 (P. Nghĩa Quốc Công)
- Phòng 26 (P. Sơn Định Quận Công)
- Phòng 27 (P. Tân Bình Quận Công)
- Phòng 29 (P. Quì Chân Quận Công)
- Phòng 30 (P. Quảng Ninh Quận Vương)
- Phòng 31 (P. Sơn Tĩnh Quận Công)
- Phòng 32 (P. Quảng Biên Quận Công)
- Phòng 33 (P. Lạc Biên Quận Công)
- Phòng 35 (P. Ba Xuyên Quận Công)
- Phòng 36 (P. Kiến Tường Công)
- Phòng 37 (P. Hòa Thạnh Vương)
- Phòng 40 (P. Hòa Quốc Công)
- Phòng 41 (P. Tuy An Quận Công)
- Phòng 44 (P. Tây Ninh Quận Công)
- Phòng 45 (P. Trấn Tĩnh Quận Công)
- Phòng 47 (P. Quảng Trạch Quận Công)
- Phòng 48 (P. An Quốc Công)
- Phòng 53 (P. Tuy Biên Quận Công)
- Phòng 55 (P. Phong Quốc Công)
- Phòng 56 (P. Trấn Định Quận Công)
- Phòng 57 (P. Hoài Đức Quận Vương)
- Phòng 58 (P. Duy Xuyên Quận Công)


Digitized by www.namkyluctinh.org



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

- Phòng 59 (P. Cẩm Giang Quận Công)
- Phòng 60 (P. Quảng Hóa Quận Công)
- Phòng 61 (P. Nam Sách Quận Công)
- Phòng 65 (P. Trấn Quốc Công)
- Phòng 66 (P. Hoằng Hóa Quận Vương)
- Phòng 68 (P. Tân An Quận Công)
- Phòng 69 (P. Bảo An Quận Công)
- Phòng 70 (P. Hậu Lộc Quận Công)
- Phòng 71 (P. Kiến Hòa Quận Công)
- Phòng 72 (P. Kiến Phong Quận Công)
- Phòng 73 (P. Vĩnh Lộc Quận Công)
- Phòng 75 (P. Cẩm Xuyên Quận Vương)
- Phòng 76 (P. An Xuyên Vương)
- Phòng 78 (P. An Thành Vương)

**X. HỆ III Chính**

- Phòng 1 (P. An Phong Quận Vương)
- Phòng 3 (P. Thái Thạnh Quận Vương)
- Phòng 4 (P. Thụy Thái Vương)
- Phòng 6 (P. Hoằng Trị Vương)
- Phòng 8 (P. Gia Hưng Vương)
- Phòng 9 (P. Phong Lộc Quận Vương)
- Phòng 12 (P. Tuy Hòa Quận Vương)
- Phòng 16 (P. Hương Sơn Quận Công)
- Phòng 23 (P. Kỳ Phong Quận Công)
- Phòng 25 (P. Phú Lương Công)
- Phòng 26 (P. Kiên Thái Vương)
- Phòng 29 (P. Văn Lãng Quận Vương)

**XI. HỆ IV Chính**

- Phòng 7 (P. Hoài Trạch Công)
- Phòng 11 (P. Mỹ Hóa Công)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# BẢNG LIỆT KÊ

Trong bảng này chúng ta sẽ liệt kê tên húy, tên thụy, tên hiệu, niên hiệu, cùng tên vợ và chồng của những người trong họ Nguyễn Phúc đề cập đến trong quyển Thế Phả.

Việc sắp đặt dựa vào thứ tự của mẫu tự quốc ngữ, trong đó những vần CH, NG, NH, KH, TH, TR được xếp riêng, còn các dấu thì theo thứ tự sắc, huyền, nặng, hỏi, ngã. Với tên kép thì chữ đầu tiên sẽ được dùng làm chuẩn để xếp thứ tự. Ngoài ra họ sẽ đính kèm sau tên được nêu ra.

**A.**

Ái (Lê thị) : 12.3.1.10, trg 245
Ái Châu (Ng. Phúc) : 14.3.3.7B, trg 361
An (Ng. Phúc) : 4.3.3.5A, trang 125
An (Ng. Phúc) : 10.3.3.10A trg 186
An Biên : xem Mân (Ng. Phúc)
An Bình Quận Công : xem Miên Ngôn
An Cát Công Chúa : xem Nhu Thục (Ng. Phúc)
An Điểm Công Chúa : xem Ngọc Vân (Ng. Phúc)
An Khánh Vương : xem Quang (Nguyễn Phúc)
An Lễ Công Chúa : xem Ngọc Cửu (Ng. Phúc)
An Mỹ Công Chúa : xem Huy Nhu (Ng. Phúc)
An Nghĩa Công Chúa : xem Ngọc Ngôn (Ng. Phúc)
An Nhàn (Ng. Phúc) : 13.3.3.51B trg 333
An Phong Quận Vương : xem Hồng Bảo (Ng. Phúc)
An Phú Công Chúa : xem Khuê Gia (Ng. Phúc)
An Phúc Quận Vương : xem Hồng Kiện (Ng. Phúc)
An Phúc Công Chúa : xem Thận Huy (Ng. Phúc)
An Quốc Công : xem Miên Ngôn (Ng. Phúc)
An Tần : xem Tùy (Hồ thị)
An Tĩnh : xem Ngọc Tông (Ng. Phúc)
An Tĩnh Hầu : xem Cam (Ng. Phúc)
An Thái Công Chúa : xem Ngọc Nga (Ng. Phúc)
An Thành Vương : xem Miên Lịch (Ng. Phúc)
An Thạnh Công Chúa : xem Nhàn Yên (Ng. Phúc)
An Thường Công Chúa : xem Lương Đức (Ng. Phúc)
An Trang Công Chúa : xem Trinh Đức (Ng. Phúc)
An Xuyên Vương : xem Miên Bảng (Ng. Phúc)
Anh (Ng. Phúc) : 4.3.3.3A, trg 125
Anh (Ng. Phúc) : phần 11, trg 215
Anh Duệ Hoàng Thái Tử : xem Cảnh (Ng. Phúc)
Anh Nghị : xem Đồng (Ng. Phúc)
Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế : xem Thái (Ng. Phúc)
Ánh (Mai thị) : XIII.3.1.1. trg 73
Ân (Tạ Quang) : xem Nhàn Yên (Ng. Phúc)


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

B.

Ba (Nguyễn) : XI.3.3.5A trg 65
Ba (Nguyễn thị) : XII.3.3.2B trg 70
Ba (Nguyễn thị) : XIV.3.3.3B trg 78
Ba Xuyên Quận Công : xem Miên Túc (Ng. Phúc)
Bá Cao (Nguyễn) : XIV.3.3.7A trg 78
Bá Hiệp : xem phần 15.II/5 trg 375
Bái Ân Công Chúa : xem Lương Trinh (Ng. Phúc)
Bái Trạch Công Chúa : xem Trinh Tĩnh (Ng. Phúc)
Ban (Hoàng văn) : xem Nhàn An (Ng. Phúc)
Ban (Ng. Phúc) : 10.3.3.8A trg 186
Bân (Nguyễn thị) : 12.3.1.19 trg 247
Bảo (Nguyễn thị) : 12.3.15 trg 244
Bảo An Quận Công : xem Miên Khách (Ng. Phúc)
Bảo Đại : xem Điển (Ng. Phúc) (phần 17.II)
Bảo Lộc Công Chúa : xem Ngọc Anh (Ng. Phúc)
Bảo Thuận Công Chúa : xem Ngọc Xuyến (Ng. Phúc)
Bạc (Nguyễn) : phần I, trg 21
Bí (Đỗ thị) : xem Tùng (Đỗ thị)
Biện (Nguyễn thị) : XIII.3.3.3B trg 74
Biện (Nguyễn) : X. trg 61
Biện (Ng. Phúc) : phần 15.II trg 373
Bích (Nguyễn thị) : 14.3.1.5 trg 346
Bích Chi (Nguyễn thị) : xem Khuê (Nguyễn thị)
Bính (Ng. Phúc) : 8.3.3.23A trg 164
Bính (Ng. Phúc) : 12.3.3.6A trg 256
Bình (Lê thị) : 11.3.1.3. trg 222
Bình (Ng. Phúc) : 8.3.3.17A trg 163
Bình Chân : xem Miên Tể (Ng. Phúc)
Bình Hưng Công Chúa : xem Ngọc Quỳnh (Ng. Phúc)
Bình Long Công Chúa : xem Trang Tường (Ng. Phúc)
Bình Thái Công Chúa : xem Ngọc Châu (Ng. Phúc)
Bình Thạnh Công Chúa : xem Thụy Thận (Ng. Phúc)
Bình Xuân Công Chúa : xem Gia Thụy (Ng. Phúc)
Bố (Nguyễn) : I.3. trg 23
Bôi (Nguyễn thị) : XII.3.3.1B trg 70
Bồi Lăng : xem Hạo (Ng. Phúc)
Bút (Bùi thị) : 13.3.1.29 trg 285
Bửu Đảo : xem Tuấn (Ng. Phúc)
Bửu Lân : xem Chiêu (Ng. Phúc)

C.

Cam (Nguyễn) : phần 1 trg 97
Cảnh (Nguyễn) : VII.3.3.1A trg 47
Cảnh Quận Công : xem Cảnh (Nguyễn)
Cảnh (Ng. Phúc) : 12.3.3.1A trg 252
Cảnh (Trần thị) : xem Đang (Trần thị)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế : xem Biện (Ng. Phúc)
Cảo (Ng. Phúc) : 8.3.3.16A trg 163
Cát (Đặng văn) : xem Tĩnh Hòa (Ng. Phúc)
Cát (Trương văn) : xem Thục Tuệ (Ng. Phúc)
Cát Phúc (Trần thị) : xem Sâm (Trần thị)
Cầm (Lý thị) : 12.3.1.29 trg 249
Cầm (Nguyễn thị) : 13.3.1.2 trg 346
Cầm Quận Công : xem Hải (Nguyễn)
Cầm Quốc Công : xem Miên Ký (Ng. Phúc)
Cầm Giang Quận Công : xem Miên Văn (Ng. Phúc)
Cầm Xuyên Quận Vương : xem Miên Ký (Ng. Phúc)
Cẩn Mục : xem Miên Sủng (Ng. Phúc)
Cần (Trịnh Hoài) : xem Đoạn Thận (Ng. Phúc)
Cấp (Nguyễn thị) : XII.3.3.3B trg 70
Cầu (Lê thị) : xem Ái (Lê thị)
Côn (Ng. Phúc) : p.10 trg 184 và trg 193
Công Duẩn (Nguyễn) : XIII trg 73
Công Luật (Nguyễn) : VIII trg.51
Công Sách (Nguyễn) : IX.3.3.1A trg 55
Cơ Thánh lăng : xem Côn (Ng. Phúc)
Cúc (Hoàng thị) : 16.II trg 386
Cung (Nguyễn như) : xem Trang Tường (Ng. Phúc)
Cung Chinh : xem Tấn (Ng. Phúc)
Cung Đạt : xem Miên Tể (Ng. Phúc)
Cung Đốc : xem Phổ (Ng. Phúc)
Cung Khiết : xem Ngọc Nguyệt (Ng. Phúc)
Cung Hậu : xem Hồng Kháng (Ng. Phúc)
Cung Huệ : xem Miên Tích (Ng. Phúc)
Cung Lượng : xem Chẩn (Ng. Phúc), Hồng Diêu, Miên Chí, Miên Dần, Miên Điều, Miên Gia, Miên Hoang, Miên Liêu, Miên Ngũ, Miên Phú, Miên Ổn, Miên Thanh, Miên Thân, Miên Thần, Miên Thích, Miên Văn, Miên Uyển (Ng. Phúc)
Cung Mục : xem Miên Ký, Miên Tằng, Miên Trừ (Ng. Phúc)
Cung Nghị : xem Miên Bửu
Cung Nhã : xem Miên Tĩnh
Cung Tông Huệ Hoàng Đế : xem Ưng Chân (Ng. Phúc)
Cung Túc : xem Hồng Hưu (Ng. Phúc)
Cung Tuệ : xem Miên Ngôn (Ng. Phúc)
Cung Thận : xem Đài (Ng. Phúc)
Cung Trực : xem Quân (Ng. Phúc)
Cung Ý : xem Đồng (Ng. Phúc)
Cự (Ng. Phúc) : 12.3.3.11A trg 259
Cương (Đỗ thị) : 12.3.1.24 trg 248
Cương Quận Công : xem Trân (Ng. Phúc)
Cường (Ng. Phúc) : 10.3.3.4A trg 186
Chấn (Ng. Phúc) : 8.3.3.11A trg 162
Chấn (Ng. Phúc) : 12.3.3.9A trg 258
Chất (Ng. Phúc) : 10.3.3.6A trg 185



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Chất (Trương văn) : xem Thanh Cát (Ng. Phúc)
Chất Uyên : xem Miên Tể (Ng. Phúc)
Châu (Nguyễn thị) : 10.3.1.1 trg 184
Châu Quận Công : xem Như Hiếu (Nguyễn)
Chey Chette II : xem Ngọc Vạn (Ng. Phúc)
Chiếm (Nguyễn) : XI trg 65
Chiêu (Ng. Phúc) : 16.I trg 383
Chiêu Nghi Liệt phu nhân : xem Xạ (Trần thị)
Chiêu Quang Hầu : xem Sử (Nguyễn)
Chiêu Thánh Hoàng Hậu : xem Viên (Châu thị)
Chính (Nguyễn Cửu) : xem Ngọc Uyển (Ng. Phúc)
Chính (Ngô thị) : 13.3.1.2 trg 243
Chính Mông : xem Biện (Nguyễn)
Chu (Ng. Phúc) : p.7 trg 149
Chúa Hiền : xem Tần (Ng. Phúc)
Chúa Hiếu Định : xem Thuần (Ng. Phúc)
Chúa Hiếu Vũ : xem Khoát (Ng. Phúc)
Chúa Minh : xem Chu (Ng. Phúc)
Chúa Nghĩa : xem Thái (Ng. Phúc)
Chúa Ninh : xem Thụ (Ng. Phúc)
Chúa Sãi : xem Nguyên (Ng. Phúc)
Chúa Tiên : xem Hoàng (Nguyễn)
Chúa Thượng : xem Lan (Ng. Phúc)
Chủng (Ng. Phúc) : xem Anh (Ng. Phúc)
Chuyên (Vũ văn) : xem Nhã Viện (Ng. Phúc)
Chức (Hoàng thị) : 11.3.1.7 trg 222
Chương (Ng. Phúc) : 10.3.3.1A trg 184
Chương Gia : xem Khuê Gia (Ng. Phúc)

D.

Dã (Nguyễn) : XIII.3.3.3A trg 74
Dao Thụ : xem Viên (Nguyễn thị)
Dận Quốc Công : xem Điển (Ng. Phúc)
Di (Thân trọng) : xem Trinh Thận (Ng. Phúc)
Diễm Thi : xem Tĩnh Hòa (Ng. Phúc)
Diễm Khiết : xem Gia Tiết (Ng. Phúc)
Diên Khánh Vương : xem Tấn (Ng. Phúc)
Diên Phúc Công Chúa : xem Tĩnh Hảo (Ng. Phúc)
Diễn (Nguyễn) : VI.3.3.5A trg 43
Diễn (Nguyễn) : 3.3.3.4A trg 115
Diễn (Ng. Phúc) : 6.3.3.1A trg 142
Diễn (Nguyễn thị) : XIII.3.3.4B trg 74
Diệu (Cao thị) : 12.3.1.30 trg 249
Diệu (Ng. Phúc) : 10.3.3.15A trg 187
Diệu (Phan thị) : 13.3.1.24 trg 284
Diệu Liên Công Chúa : xem Trinh Thận (Ng. Phúc)
Dinh (Nguyễn Tấn) : xem Lương Nhàn (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Dinh (Tống Phúc) : xem Ngọc San (Ng. Phúc)
Dong (Trương thị) : 9.3.1.1. trg 175
Du (Ng. Phúc) : 9.3.3.2A trg 176
Du Cần Công : xem Minh Du (Nguyễn)
Dũ (Nguyễn): XIII.3.3.2A trg 74
Dũ (Dương) : xem Hòa Tường (Ng. Phúc)
Duật (Nguyễn văn) : xem Phương Trinh (Ng. Phúc)
Dục (Ng. Phúc) : xem Miên Nghi (Ng. Phúc)
Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế : xem Thuần (Ng. Phúc)
Dung (Ng. Phúc) : xem Tuyền (Ng. Phúc)
Dũng (Nguyễn Tăng) : xem Nhàn Thận (Ng. Phúc)
Dũng Lễ Hầu : Xem Tần (Ng. Phúc)
Dũng Quốc Công : xem Dã (Nguyễn)
Duy (Nguyễn) : xem Lệ Nhàn (Ng. Phúc)
Duy Tân : xem Hoảng (Ng. Phúc)
Duy Thiện : xem Miên Bửu (Ng. Phúc)
Duy Xuyên Quận Công : xem Miên Tiệp (Ng. Phúc)
Duyên (Đặng thị) : 11.3.1.19 trg 224
Duyên (Đỗ thị) : xem Tâm (Đỗ thị)
Duyên (Vũ thị) : 13.3.1.18 trg 284
Duyên (Vũ thị) : 14.3.1.1. trg 346
Duyệt (Nguyễn Cửu) : xem Ngọc Nhật (Ng. Phúc)
Dự (Nguyễn thị) : XIII.3.3.2B trg 74
Dực (Ng. Phúc) : 10.3.3.5A trg 185
Dực Tông Anh Hoàng Đế : xem Thì (Ng. Phúc)
Dược (Nguyễn thị) : 12.3.1.42 trg 250
Dương (Ng. Phúc) : 11.3.3.1C trg 228
Dương (Ng. Phúc) : 3.3.3.9A trg 117
Dương Hiền : xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
Dưỡng (Dương thị) : 11.3.1.10 trg 223
Dưỡng Thiện : xem Hạo (Ng. Phúc) 15.III

**Đ.**

Đa Lộc Công Chúa : xem Nhu Hòa (Ng. Phúc)
Đài (Ng. Phúc) : 12.3.3.5A trg 255
Đạt (Nguyễn) : II.3.3.1A trg 8
Đảm (Ng. Phúc) : xem Kiều (Ng. Phúc)
Đạn (Ng. Phúc) : 10.3.3.13A trg 187
Đang (Trần thị) : 11.3.1.2 trg 220
Đăng (Ng. Phúc) : 8.3.3.13A trg 162
Đặng (Trương Phúc) : xem Ngọc Anh (Ng. Phúc)
Đê (Nguyễn) : II trg 27
Điềm Uyên (Ng. Phúc) : 14.3.3.33B trg 364
Điền (Ng. Phúc) : 8.3.3.12A trg 162
Điền (Nguyễn thị) : 11.3.1.11 trg 223
Điện (Nguyễn thị) : xem Thúy Trúc (Nguyễn thị)
Điện Bàn Công : xem Phổ (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Điện Quốc Công : xem Miên Tình (Ng. Phúc), 13.3.3.52A
Điên (Lê Phúc) : xem Ngọc Tú (Ng. Phúc)
Điểu (Phan thị) : 15.1.2 trg 372
Đính (Lê thị) : 12.3.1.32 trg 249
Định Hòa Công Chúa : xem Ngọc Cơ (Ng. Phúc)
Định Mỹ Công Chúa : xem Đoan Thuận (Ng. Phúc)
Định Quốc Công : xem Bặc (Nguyễn)
Định Thành Công Chúa : xem Hòa Thận (Ng. Phúc)
Định Viễn Quận Vương : xem Bính (Ng. Phúc)
Định Vương : xem Thuần (Ng. Phúc)
Đình Quốc Công : xem Thụ (Ng. Phúc)
Đoan (Cái thị) : xem Trinh (Cái thị)
Đoan Cân (Ng. Phúc) : 14.3.3.17B trg 362
Đoan Cung : xem Miên Trinh (Ng. Phúc), Miên Lâm, Miên Tuấn (Ng. Phúc)
Đoan Diễm : xem Nhu Thuận (Ng. Phúc)
Đoan Huy Hoàng Thái Hậu : Xem Cúc (Hoàng thị)
Đoan Kháp : xem Miên Định (Ng. Phúc)
Đoan Khiết : xem Uyển Diễm (Ng. Phúc)
Đoan Liệt : xem Bửu (Nguyễn thị)
Đoan Lương (Ng. Phúc) : 14.3.3.27B trg 364
Đoan Mẫn : xem Miên Cư (Ng. Phúc)
Đoan Mỹ : xem Nhàn Tuệ (Ng. Phúc)
Đoan Nhã : xem Tĩnh Hảo (Ng. Phúc)
Đoan Nhàn : xem Ngọc Cơ (Ng. Phúc)
Đoan Tần : xem Thận (Trương thị)
Đoan Tịnh : xem Trường (Nguyễn thị)
Đoan Túc : xem Miên Nghi (Ng. Phúc)
Đoan Tuệ : xem Ngọc Châu (Ng. Phúc), Nhàn Tĩnh (Ng. Phúc)
Đoan Thận (Ng. Phúc) : 13.3.3.13B trg 322
Đoan Thuận : 13.3.3.10B trg 321
Đoan Thục Phu Nhân : xem Hồng Y (Nguyễn Phúc)
Đoan Trang : xem Miên Bàng (Ng. Phúc)
Đoan Trinh (Ng. Phúc) : 13.3.3.11B trg 321
Đoan Ý : xem Tùng (Đỗ thị), Thụy (Đoàn thị)
Đoàn Liên (Vũ thị) : xem Viện (Vũ thị)
Độ (Nguyễn Phúc) : 8.3.3.37A trg 167
Đôi (Tống thị) : 5.3.1.2 trg 134
Đôn (Ng. Phúc) : 4.3.3.11A trg 126
Đôn Cung : xem Miên Thủ (Ng. Phúc)
Đôn Duẩn : xem Miên Cung (Ng. Phúc)
Đôn Lượng : xem Bính (Ng. Phúc), Miên Khoan (Ng. Phúc)
Đôn Thận : xem Hồng Tiệp (Ng. Phúc)
Đôn Thuận : xem Miên Cung (Ng. Phúc)
Đôn Trinh (Ng. Phúc) : 14.3.3.18B trg 362
Đôn Ý : xem Miên Miêu (Ng. Phúc)
Đông Trì : xem Miên Định (Ng. Phúc)
Đồng (Ng. Phúc) : 11.3.3.2A trg 225



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Đồng (Trần dăng thị) : 15.II.3 trg 375
Đồng Khánh : xem Biện (Ng. Phúc)
Đồng Phú Công Chúa : xem Ý Phương (Ng. Phúc)
Đồng Xuân Công Chúa : xem Gia Phúc (Ng. Phúc)
Đông (Nguyễn) : xem Thục Tư (Ng. Phúc)
Đức (Trần văn) : xem Gia Trinh (Ng. Phúc)
Đức Hòa Công Chúa : xem Ngọc Ngoan (Ng. Phúc)
Đức Phi : xem Bình (Lê thị)
Đức Tần : xem Huyên (Nguyễn thị)
Đức Thọ công : xem Miên Nghi (Ng. Phúc)
Đức Trung (Nguyễn) : XIV.3.3.1A trg 77
Được (Tống thị) : 7.3.1.1. trg 152

F.

Fernande Antier : xem Hoàng (Ng. Phúc)

G.

Gia Hưng Vương : xem Hồng Hưu (Ng. Phúc)
Gia Lạc Công Chúa : xem Nhân Thục (Ng. Phúc)
Gia Long : xem Anh (Ng. Phúc)
Gia Phi : xem Tuyết (Phạm thị)
Gia Phúc (Ng. Phúc) : 14.3.3.35B trg 365
Gia Tiết (Ng. Phúc) : 13.3.3.16B trg 323
Gia Tĩnh (Ng. Phúc) : 13.3.3.38B trg 329
Gia Thục : xem Trang Tĩnh (Ng. Phúc)
Gia Thụy (Ng. Phúc) : 13.3.3.24B trg 325
Gia Trang (Ng. Phúc) : 13.3.3.37B trg 329
Gia Trinh (Ng. Phúc) : 13.3.3.13B trg 322
Giai (Mạc thị) : 3.3.1.1 trg 115
Giai (Nguyễn thị) : 3.3.1.1. trg 115
Giai (Nguyễn thị) : XIII.3.3.1B trg 74
Giản Tông Nghị Hoàng Đế : xem Hạo (Ng. Phúc) 15.III
Giảng (Nguyễn Thưởng) : xem Trinh Nhu (Ng. Phúc)

H.

Hà (Nguyễn) : 3.3.3.1A trg 115
Hà (Nguyễn thị) : XI.3.3.1B trg 65
Hà Hương (Trần thị) : xem Thanh (Trần thị)
Hà Thanh Quận Công : xem Miên Tống (Ng. Phúc)
Hạc (Ngô thị) : xem Xuân (Ngô thị)
Hạc (Phan thị) : 11.3.1.17 trg 223
Hách (Nguyễn) : IX.3.3.2A trg 55
Hài (Vũ thị) : xem Duyên (Vũ thị)
Hải (Nguyễn) : 3.3.3.5A trg 115
Hải (Nguyễn Phúc) : 8.3.3.5A trg 161
Hải Đông Quận Vương : xem Đông (Ng. Phúc)
Hải Ninh Quận Công : xem Miên Tằng (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Hải Quốc Công : xem Miên Tằng (Ng. Phúc)
Hàm Đức Công Chúa : xem Thục Thận (Ng. Phúc)
Hàm Nghi : xem Minh (Ng. Phúc)
Hàm Thuận Công : xem Miên Thủ (Ng. Phúc)
Hán (Nguyễn) : 3.3.3.2A trg 115
Hán (Trần thị) : 11.3.1.16 trg 223
Hanh (Nguyễn) : xem Hòa Thận (Ng. Phúc)
Hanh (Ng. Phúc) : 8.3.3.31A trg 166
Hanh (Đinh thị) : 13.3.1.10 trg 283
Hạnh (Nguyễn thị) : 12.3.1.18 trg 247
Hào Quận Công : xem Diễn (Nguyễn)
Hạo (Nguyễn) : xem Như Trác (Nguyễn)
Hạo (Ng. Phúc) : 15. II trg 376
Hạo,(Ng. Phúc) : 11.3.3.1A 224
Hạo (Ng. Phúc) : 8.3.3.28A trg 165
Hạo (Ng. Phúc) : 10.3.3.9A trg 186
Hằng (Phạm thị) : 13.3.1.1 trg 280
Hân (Ng. Phúc) : xem Thuần (Ng. Phúc)
Hân Nhiên : xem Miên Mật (Ng. Phúc)
Hậu (Lê) : xem Ngọc Cửu (Ng. Phúc)
Hậu Lộc Quận Công : xem Miên Thích (Ng. Phúc)
Hậu Mẫn : xem Ngọc Vân (Ng. Phúc)
Hiến (Nguyễn) : VI.3.3.3A trg 43
Hiến Tổ Chương Hoàng Đế : xem Tuyền (Ng. Phúc)
Hiền Phi : xem Chính (Ngô thị)
Hiền Vương : xem Tản (Ng. Phúc)
Hiên (Ng. Phúc) : xem Miên Thẩm (Ng. Phúc)
Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế : xem Chu (Ng. Phúc)
Hiệp (Ng. Phúc) : 3.3.3.7A trg 115
Hiệp Hòa : xem Thăng (Ng. Phúc) 14.3.3.29A
Hiếu (Lê Chỉ ) : xem Tĩnh An (Ng. Phúc)
Hiếu Đông Lăng : xem Hoa (Hồ thị)
Hiếu lăng : xem Kiểu (Ng. Phúc)
Hiếu Tuyên Vương : xem Hạo (Ng. Phúc) 9.3.3.9A
Hiếu (Đỗ thị) : XII.3.1.2 trg 69
Hiếu (Ng. Phúc) : xem Khoát (Ng. Phúc)
Hoa (Đỗ thị) : XII.3.1.3 trg 69
Hoa (Hồ thị) : 12.3.1.1. trg 242
Hoa Diễm : xem Tùy (Hồ thị)
Hòa (Phạm Hữu) xem Nhàn Tuệ (Ng. Phúc)
Hòa Hậu : xem Miên Lương (Ng. Phúc)
Hòa Mỹ Công Chúa : xem Trang Tĩnh (Ng. Phúc)
Hòa Nhàn (Ng. Phúc) : 13.3.3.48B trg 332
Hòa Quận Công : xem Hà (Nguyễn)
Hòa Quốc Công : xem Lợi (Nguyễn), Miên Quân (Ng. Phúc)
Hòa Tần : xem Khuê (Nguyễn thị)
Hòa Tường (Ng. Phúc) : 13.3.3.49B trg 332



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Hòa Thận (Ng. Phúc) : 13.3.3.47B trg 332
Hòa Thạnh vương : xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
Hòa Thục (Ng. Phúc) : 13.3.3.6B trg 320
Hòa Trinh (Ng. Phúc) : 13.3.3.53B trg 333
Hoài Công : xem Hy (Ng. Phúc)
Hoài Chính Công Chúa : xem Nhã Viện (Ng. Phúc)
Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương : xem Nộn (Nguyễn)
Hoài Đức Quận Vương : xem Miên Lâm (Ng. Phúc)
Hoài Trạch Công : xem Chiêu (Ng. Phúc)
Hoàn (Hồ) : xem Nhu Hòa (Ng. Phúc)
Hoàn (Nguyễn thị) : 10.3.1.1 trg 194
Hoàng (Nguyễn) : 2. trg 105
Hoàng (Ng. Phúc) : 17.1 trg 389
Hoặc (Trương thị) : 8.3.1.3 trg 160
Hoằng Hóa Quận Vương : xem Miên Triện (Ng. Phúc)
Hoằng Nhã : xem Miên Kiển (Ng. Phúc)
Hoằng Quốc Công : xem Công Duẫn (Nguyễn), Thái (Ng. Phúc)
Hoằng Tông Tuyên Hoàng Đế : xem Tuấn (Ng. Phúc)
Hoằng Trị Vương : xem Hồng Tố (Ng. Phúc)
Học Phí : xem Hương (Nguyễn thị)
Hồ (Nguyễn Đức) : xem Ngọc Nguyệt (Ng. Phúc)
Hộ (Lê) : xem Trinh Tĩnh (Ng. Phúc)
Hồng Bàng (Ng. Phúc) : 14.3.3.13A trg 355
Hồng Bảo (Ng. Phúc) : 14.3.3.1A trg 349
Hồng Cai (Ng. Phúc) : 14.3.3.26A trg 356
Hồng Dật (Ng. Phúc) : xem Thăng (Ng. Phúc)
Hồng Diêu (Ng. Phúc) : 14.3.3.25A trg 357
Hồng Đình (Ng. Phúc) : 14.3.3.23A trg 357
Hồng Hưu (Ng. Phúc) : 14.3.3.8A trg 353
Hồng Kiệm (Ng. Phúc) : 14.3.3.5A trg 352
Hồng Kiện (Ng. Phúc) : 14.3.3.10A trg 354
Hồng Kỷ (Ng. Phúc) : 14.3.3.21A trg 356
Hồng Khăng (Ng. Phúc) : 14.3.3.9A trg 354
Hồng Nghê (Ng. Phúc) : 14.3.3.28A trg 359
Hồng Nghĩ (Ng. Phúc) : 14.3.3.15A trg 356
Hồng Nhậm (Ng. Phúc) : xem Thì (Ng. Phúc)
Hồng Phì (Ng. Phúc) : 14.3.3.7A trg 353
Hồng Phó (Ng. Phúc) : 14.3.3.3A trg 350
Hồng Tiệp (Ng. Phúc) : 14.3.3.13A trg 356
Hồng Tố (Ng. Phúc) : 14.3.3.6A trg 352
Hồng Từ (Ng. Phúc) : 14.3.3.22A trg 357
Hồng Tham (Ng. Phúc) : 14.3.3.14A trg 355
Hồng Thị (Ng. Phúc) : 14.3.3.17A trg 356
Hồng Thiệu (Ng. Phúc) : 14.3.3.11A trg 355
Hồng Thụ (Ng. Phúc) : 14.3.3.20A trg 356
Hồng Truyền (Ng. Phúc) : 14.3.3.12A trg 355
Hồng Trước (Ng. Phúc) : 14.3.3.15A trg 356



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Hồng Y (Ng. Phúc) : 14.3.3.4A trg 350
Huân (Trần thị) : 12.3.16 trg 244
Huấn Vũ Hầu : xem Thế (Ng. Phúc)
Huệ (Nguyễn thị) : 13.3.1.25 trg 285
Huệ Mục : xem Miên Tiệp (Ng. Phúc)
Huệ Quốc Công : xem Biện (Nguyễn)
Huệ Tần : xem Huân (Trần thị)
Huệ Tĩnh Thánh Mẫu Nguyên Sư : xem Ngọc Cầu (Ng. Phúc)
Huệ Thánh Hoàng Hậu : xem Đôi (Tống thị)
Huệ Thục : xem Trinh Huy (Ng. Phúc)
Huy (Nguyễn Đức) : xem Lương Trinh (Ng. Phúc)
Huy Mẫn : xem Quang Tĩnh (Ng. Phúc)
Huy Nhu (Ng. Phúc) : 14.3.3.4B trg 360
Huyên (Nguyễn thị) : 13.3.1.5 trg 282
Huyền (Dương thị) : xem Sự (Dương thị)
Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng Đế : xem Côn (Ng. Phúc)
Hương (Nguyễn thị) : 14.3.1.3 trg 346
Hương (Trần thị) : xem Tuyến (Trần thị)
Hương (Trần) : xem Trinh Huy (Ng. Phúc)
Hương Khê Công Chúa : xem Hòa Tường (Ng. Phúc)
Hương La Công Chúa : xem Quang Tĩnh (Ng. Phúc)
Hương Nhụy (Nguyễn thị) : 13.3.1.27 trg 285
Hương Sơn Quận Công : xem Hồng Nghĩ (Ng. Phúc)
Hựu Thiên Thuần Hoàng Hậu : xem Thục (Dương thị)
Hy (Ng. Phúc) : 12.3.2A trg 254
Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế : xem Nguyên (Ng. Phúc)

K.

Kiểm (Trịnh) : xem Ngọc Bảo (Nguyễn thị)
Kiên Giang Quận Công : xem Biện (Ng. Phúc)
Kiên Quốc Công : xem Hồng Cai (Ng. Phúc)
Kiên Thái Vương : xem Hồng Cai (Ng. Phúc)
Kiến An Vương : xem Đài (Ng. Phúc)
Kiến Hòa Quận Công : xem Miên Điều (Ng. Phúc)
Kiến Phong Quận Công : xem Miên Hoang (Ng. Phúc)
Kiến Phúc : xem Hạo (Ng. Phúc)
Kiến Tường Công : xem Miên Quan (Ng. Phúc)
Kiến Thụy Công : xem Hồng Y (Ng. Phúc)
Kiều (Nguyễn Cửu) : xem Ngọc Đỉnh (Ng. Phúc)
Kiều (Ng. Phúc) : 12. trg 239
Kim Hương Công Chúa : xem Gia Tĩnh (Ng. Phúc)
Kinh (Nguyễn thị) : 13.3.1.22 trg 284
Kinh (Nguyễn) : XII.3.3.2A trg 70
Kính (Ng. Phúc) : 10.3.3.7A trg 186
Kính Phi phu nhân : xem Lan (Nguyễn thị) 7.3.1.2
Kỳ (Hoàng) : xem Trinh Nhân (Ng. Phúc)
Kỳ (Ng. Phúc) : 4.3.3.1A trg 125





http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Kỳ Anh Quận Công : xem Hồng Đình (Ng. Phúc)
Kỳ Phong Quận Công : xem Hồng Đình (Ng. Phúc)
Kỳ (Ng. Phúc) : 8.3.3.29A trg 165
Kỳ (Nguyễn Ư) : xem Ư Kỳ

KH.

Khải Định : xem Tuấn (Ng. Phúc)
Khang (Phan thị) : 13.3.1.8. trg 283
Khánh (Ng. Phúc) : 8.3.3.15A trg 163
Khánh Quận Công : xem Kỳ (Ng. Phúc)
Khê (Nguyễn Phúc) : 3.3.3.10A trg 115
Khiêm (Ng. Phúc) : 8.3.3.34A trg 166
Khiêm Lăng : xem Thì (Ng. Phúc)
Khiêm Trai : xem Miên Bửu (Ng. Phúc)
Khiên (Hồ thị) : xem Tùy (Hồ thị)
Khoa (Nguyễn Trọng):xem Đoan Lương (Ng. Phúc)
Khoát (Ng. Phúc) : 9. trg 173
Khôn Chương : xem Miên Trinh (Ng. Phúc)
Khôn Nghi Hoàng Thái Hậu : xem Thục (Dương thị)
Khuê (Nguyễn thị) : 13.3.1.23 trg 284
Khuê (Nguyễn thị) : 12.3.1.8 trg 245
Khuê Gia (Ng. Phúc) : 13.3.3.2B trg 317
Không (Tống Phúc) : xem Ngọc Quận (Ng. Phúc)

L.

Lạc Biên Quận Công : xem Miên Khoan (Ng. Phúc)
Lạc Hóa Quận Công : xem Miên Vũ (Ng. Phúc)
Lạc Thành Công Chúa : xem Nhàn Đức (Ng. Phúc)
Lạc Thiện Lão Nhân : xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
Lại (Trần thị) : xem Huân (Trần thị)
Lại Đức Công Chúa : xem Trinh Thận (Ng. Phúc)
Lam (Nguyễn) : XIII.3.3.6A trg 74
Lan (Ng. Phúc) : 4. trg 123
Lan (Nguyễn thị) : 7.3.1.2 trg 152
Lan (Nguyễn thị) : 17.11.1 trg 392
Lan (Tống thị) : 11.3.1.1. trg 145
Lăng Quốc Công : xem Thăng (Ng. Phúc) 14.3.3.29A
Lăng Quận Công : xem Uông (Nguyễn)
Lâm (Nguyễn) : XIII.3.3.5A trg 74
Lâm (Nguyễn) : xem Gia Phúc (Ng. Phúc)
Lâm Thạnh Công Chúa : xem Hòa Trinh (Ng. Phúc)
Lân (Ng. Phúc) : 8.3.3.10A trg 162
Lân (Tống thị) : 11.3.1.20 trg 224
Lật Viên : xem Miên Khoan (Ng. Phúc)
Lệ (Nguyễn thị) : 13.3.1.31 trg 285
Lệ Nhã : xem Trang Tường (Ng. Phúc)
Lệ Nhân (Ng. Phúc) : 14.3.3.11B trg 362



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Lệ Nhu : xem Lương Nhàn (Ng. Phúc)
Lệ Tần : xem Thúy Trúc-(Nguyễn thị)
Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu : xem Duyên (Vũ thị)
Lễ Tấn : xem Bích (Nguyễn thị)
Lệnh Phi : xem Nhiệm (Nguyễn thị)
Liêm (Ng. Phúc) : 8.3.3.7A trg 161
Liên (Tống thị) : xem Lan (Tống thị)
Liêu Diệu (Ng.Phúc) : 14.3.3.19B trg 362
Lịch (Nguyễn) : III.3.3.3A trg 31
Lĩnh (Tống thị) : 6.3.1.1. trg 142
Loan (Nguyễn thị) : 13.3.1.11 trg 283
Long (Nguyễn) : VI.3.3.2A trg 43
Long (Nguyễn Đức) : xem Ngọc Trân (Ng. Phúc)
Long (Ng. Phúc) : 8.3.3.4A trg 161
Long Thành Công Chúa : xem Ngọc Tú (Ng. Phúc)
Lỗ Khê Hầu : xem Văn Lỗ (Nguyễn)
Lộc (Lê thị) : 12.3.1.17 trg 247
Lộc (Ng. Phúc) : 8.3.3.32A trg 166
Lộc (Ng. Phúc) : 4.3.3.7A trg 125
Lộc (Phạm thị) : 11.3.1.6 trg 222
Lộc Thành Công Chúa : xem Uyển Diễm (Ng. Phúc)
Lợi (Nguyễn) : III 3.3.1A trg 31
Luân (Ng. Phúc) : 8.3.3.22A trg 164
Luân Quốc Công : xem Tứ (Ng. Phúc)
Luật (Mai thị) : X.3.1.1 trg 61
Luyện (Nguyễn thị) : XII.3.3.4B trg 70
Lương (Trương thị) : 13.3.1.17 trg 284
Lương Cung (Nguyễn) : xem Hoa Trinh (Ng. Phúc)
Lương Đức (Ng. Phúc) : 13.3.3.4B trg 318
Lương Huy (Ng. Phúc) : 14..3.26B trg 364
Lương Mẫn : xem Hồng Phi (Ng. Phúc)
Lương Nhàn (Ng. Phúc) : 13.3.3.54B trg 333
Lương Phi : xem Viện (Vũ thị)
Lương Tĩnh : 13.3.3.56B trg 334
Lương Trinh : 13.3.3.36B trg 329
Lượng (Tống thị) : 7.3.15 trg 153
Lựu (Nguyễn văn) : XV trg 81
Lý (Lê thuận) : xem Gia Tĩnh (Nguyễn Phúc)
Lý (Trương Phúc) : xem Thục Tĩnh (Ng. Phúc)
Lý Quận Công : xem Hán (Nguyễn)

M.

Mai (Mai thị) : XI.3.1.1. trg 65
Mai (Nguyễn thị) : 1.3.1.1. trg 98
Mai Am Công Chúa : xem Trinh Thận (Ng. Phúc)
Maillot Marie Ersnestine : xem Hoàng (Ng. Phúc)
Mạn Viên : xem Miên Ngôn (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Mao (Ng. Phúc) : xem Ngọc Thường (Ng. Phúc)
Mão (Ng. Phúc) : 12.3.3.13A trg 260
Mão (Ng. Phúc) : 10.3.3.3A trg 185
Marie Thérèse Nguyễn Hữu Hào : xem Lan (Nguyễn thị)
Mản (Ng. Phúc) : 11.3.3.5A trg 225
Mẫn (Nguyễn) : XII.3.3.4A trg 70
Mậu (Lê Tăng) : xem Phương Duy (Ng. Phúc)
Mậu Hòa Công Chúa : xem Gia Trinh (Ng. Phúc)
Mậu Lâm Công Chúa : xem Đoan Cẩn (Ng. Phúc)
Mầu Đơn (Đỗ thị) : xem Cương (Đỗ thị)
Miên Ảo (Ng. Phúc) : 13.3.3.6A trg 289
Miên Bằng (Ng. Phúc) : 13.3.3.76A trg 316
Miên Bảo (Ng. Phúc) : 13.3.3.68A trg 314
Miên Bửu (Ng. Phúc) : 13.3.3.12A trg 295
Miên Cầu : xem Miên Miêu (Ng. Phúc)
Miên Cung (Ng. Phúc) : 13.3.3.26A trg 299
Miên Cư (Ng. Phúc) : 13.3.3.47A trg 307
Miên Chi (Ng. Phúc) : 13.3.3.73A trg 315
Miên Dần (Ng. Phúc) : 13.3.3.15A trg 306
Miên Điều (Ng. Phúc) : 13.3.3.71A trg 315
Miên Định (Ng. Phúc) : 13.3.3.3A trg 286
Miên Gia (Ng. Phúc) : 13.3.3.32A trg 302
Miên Hoạn (Ng. Phúc) : 13.3.3.34A trg 303
Miên Hoang (Ng. Phúc) : 13.3.3.72A trg 315
Miên Hoành (Ng. Phúc) : 13.3.3.5A trg 289
Miên Hựu (Ng. Phúc) : 13.3.3.14A trg 297
Miên Kiển (Ng. Phúc) : 13.3.3.55A trg 310
Miên Ký (Ng. Phúc) : 13.3.3.75A trg 316
Miên Khách (Ng. Phúc) : 13.3.3.69A trg 314
Miên Kháp (Ng. Phúc) : 13.3.3.41A trg 305
Miên Khế (Ng. Phúc) : 13.3.3.63A trg 313
Miên Khoan (Ng. Phúc) : 13.3.3.33A trg 302
Miên Lâm (Ng. Phúc) : 13.3.3.57A trg 311
Miên Lịch (Ng. Phúc) : 13.3.3.78A trg 317
Miên Liêu (Ng. Phúc) : 13.3.3.29A trg 300
Miên Long (Ng. Phúc) : 13.3.3.22A trg 299
Miên Lương (Ng. Phúc) : 13.3.3.31A trg 301
Miên Mật (Ng. Phúc) : 13.3.30A trg 300
Miên Miêu (Ng. Phúc) : 13.3.3.56A trg 310
Miên Nghi (Ng. Phúc) : 13.3.3.4A trg 298
Miên Ngô (Ng. Phúc) : 13.3.3.54A trg 310
Miên Ngôn (Ng. Phúc) : 13.3.3.48A trg 308
Miên Ngụ (Ng. Phúc) : 13.3.3.64A trg 313
Miên Ôn (Ng. Phúc) : 13.3.3.61A trg 312
Miên Phong (Ng. Phúc) : 13.3.3.27A trg 299
Miên Phú (Ng. Phúc) : 13.3.3.8A trg 290
Miên Quan (Ng. Phúc) : 13.3.3.36A trg 303



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Miên Quân (Ng. Phúc) : 13.3.3.40A trg 305
Miên Sạ (Ng. Phúc) : 13.3.3.49A trg 308
Miên Sách (Ng. Phúc) : 13.3.3.77A trg 317
Miên Sủng (Ng. Phúc) : 13.3.3.53A trg 309
Miên Tả (Ng. Phúc) : 13.3.3.65A trg 313
Miên Tằng (Ng. Phúc) : 13.3.3.42A trg 305
Miên Tể (Ng. Phúc) : 13.3.3.18A trg 298
Miên Tích (Ng. Phúc) : 13.3.3.23A trg 299
Miên Tiệp (Ng. Phúc) : 13.3.3.58A trg 311
Miên Tình (Ng. Phúc) : 13.3.3.43A trg 306
Miên Tình (Ng. Phúc) : 13.3.3.52A trg 309
Miên Tông (Ng. Phúc) : xem Tuyền (Ng. Phúc)
Miên Tống (Ng. Phúc) : 13.3.3.16A trg 298
Miên Tuấn (Ng. Phúc) : 13.3.3.37A trg 304
Miên Túc (Ng. Phúc) : 13.3.3.35A trg 303
Miên Tuyên (Ng. Phúc) : 13.3.3.21A trg 298
Miên Thanh (Ng. Phúc) : 13.3.3.51A trg 308
Miên Thành (Ng. Phúc) : 13.3.3.17A trg 298
Miên Thân (Ng. Phúc) : 13.3.3.74A trg 316
Miên Thần (Ng. Phúc) : 13.3.3.7A trg 290
Miên Thẩm (Ng. Phúc) : 13.3.3.10A trg 291
Miên Thất (Ng. Phúc) : 13.3.3.67A trg 314
Miên Thể (Ng. Phúc) : 13.3.3.44A trg 306
Miên Thích (Ng. Phúc) : 13.3.3.70A trg 314
Miên Thủ (Ng. Phúc) : 13.3.3.9A trg 291
Miên Trạch (Ng. Phúc) : 13.3.3.28A trg 300
Miên Triện (Ng. Phúc) : 13.3.3.66A trg 313
Miên Trinh (Ng. Phúc) : 13.3.3.11A trg 293
Miên Trụ (Ng. Phúc) : 13.3.3.62A trg 312
Miên Trừ (Ng. Phúc) : 13.3.3.13A trg 297
Miên Uyển (Ng. Phúc) : 13.3.3.60A trg 312
Miên Văn (Ng. Phúc) : 13.3.3.59A trg 312
Miên Vũ (Ng. Phúc) : 13.3.3.15A trg 297
Minh (Ng. Phúc) : 15.IV trg 377
Minh (Trương văn) : xem Thục Tuệ (Ng. Phúc)
Minh (Trương văn) : xem Ngọc Xuyến (Ng. Phúc)
Minh Du (Nguyễn) : IX trg 25
Minh Mệnh : xem Kiểu (Ng. Phúc)
Minh Nghĩa Công Chúa : xem Ngọc Tuyến (Ng. Phúc)
Minh Tĩnh : xem Miên Định (Ng. Phúc)
Minh Tư (Ng. Phúc) : 14.3.3.32B trg 264
Minh Vương : xem Chu (Ng. Phúc)
Mục Quốc Công : xem Nhân Chính (Nguyễn)
Mục Vương : xem Dương (Ng. Phúc)
Mỹ (Nguyễn) : XIII.3.3.1A trg 74
Mỹ (Trần thị) : 12.3.1.33 trg 249
Mỹ (Vũ văn) : xem Uyển Diễm (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Công Chúa : xem Hòa Nhàn (Ng. Phúc)
ong Chúa : xem Tường Hòa (Ng. Phúc)
Công Chúa : xem Ngọc Khuê (Ng. Phúc)
uận Công : xem Hồng Tiệp (Ng. Phúc)
Công Chúa : xem Gia Tiết (Ng. Phúc)
i Công Chúa : xem Nhàn Tuệ (Ng. Phúc)
: xem Doãn Trinh, Gia Trinh, Hòa Thục, Hòa Nhàn, Lương Đức, Lương Trinh, Nhã Viên, Phương Trinh, Tĩnh Hòa, Tường Tĩnh, Thanh Cát, Thục Tư (Ng. Phúc)
(Ng. Phúc) :
Công Chúa : Xem Trinh Nhu (Ng. Phúc)

ong Hoàng Hậu : xem Lan (Nguyễn thị)
i Quận Công : xem Miên Ôn (Ng. Phúc)
(Nguyễn) : VII trg 47
Phúc) : 6.3.3.5A trg 147
uyễn văn) : xem Tĩnh Hảo (Ng. Phúc)
r Công : xem Miên Mật (Ng. Phúc)
ận Quận Vương : xem Miên Nghi (Ng. Phúc)
ng : xem Thụ (Ng. Phúc)
Phúc) : xem Anh (Ng. Phúc)
yễn) : V. trg 39
xem Trinh Thận (Ng. Phúc)

i thị) : xem Hồng Y (Ng. Phúc)
Phúc) : xem Thái (Ng. Phúc)
: xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
c : xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
n thị) : 7.3.1.3 trg 153
Quận Công : xem Miên Thẩn (Ng. Phúc)
: Công : xem Hồng Tố (Ng. Phúc)
n Chương Hoàng Hậu : xem Hằng (Phạm thị)
i Công Chúa : xem Phúc Tường (Ng. Phúc)
nh thị) : 12.3.1.21 trg 248
n Công Chúa : xem Trinh Nhàn (Ng. Phúc)
ờng Công Chúa : xem Tĩnh An (Ng. Phúc)
a Công Chúa : xem Ngọc Nguyệt (Ng. Phúc)
ng Quận Vương : xem Khê (Ng. Phúc)
ận Công xem Dương (Ng. Phúc)
ốc Công : xem Miên Tể (Ng. Phúc)
ong : xem Thái (Ng. Phúc)
Trần thị) : 12.3.1.40 trg 250
Ng. Phúc) : 8.3.3.25A trg 165
uận Công : xem Du (Ng. Phúc)
ồ văn) : xem An Nhàn (Ng. Phúc)
guyễn văn) : xem Ngọc Châu (Ng. Phúc)


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ngoạn Thiềm (Trần thị) : V.3.1.2 trg 40
Ngọc Ái : 10.3.3.4B trg 189
Ngọc Anh (Ng. Phúc) : 12.3.2.3B trg 261
Ngọc Bảo (Nguyễn thị) : 2.3.3.1B trg 108
Ngọc Bích (Ng. Phúc) : 12.3.3.17B trg 264
Ngọc Biện (Ng. Phúc) : 9.3.3.5B trg 177
Ngọc Cầu (Ng. Phúc) : 9.3.1.3 trg 175
Ngọc Cơ (Ng. Phúc) : 10.3.3.11B trg 190
Ngọc Cơ (Ng. Phúc) : 12.3.3.13B trg 264
Ngọc Cửu (Ng. Phúc) : 12.3.3.8B trg 263
Ngọc Châu (Ng. Phúc) : 12.3.3.1B trg 261
Ngọc Dao (Ng. Phúc) : 10.3.3.9B trg 190
Ngọc Du (Ng. Phúc) : 11.3.3.2B trg 227
Ngọc Duyên (Ng. Phúc) : 9.3.3.4B trg 177
Ngọc Đỉnh (Ng. Phúc) : 4.3.3.4B trg 126
Ngọc Khoa (Ng. Phúc) : 4.3.3.3B trg 126
Ngọc Khuê (Ng. Phúc) : 12.3.3.12B trg 264
Ngọc Liên (Ng. Phúc) : 4.3.3.1B trg 126
Ngọc Lý (Ng. Phúc) : 12.3.3.15B trg 264
Ngọc Muôi (Ng. Phúc) : 10.3.3.5B trg 189
Ngọc Niệu (Ng. Phúc) : 7.3.3.4B trg 154
Ngọc Nga (Ng. Phúc) : 12.3.3.7B trg 262
Ngọc Ngoạn (Ng. Phúc) : 12.3.3.6B trg 262
Ngọc Ngôn (Ng. Phúc) : 12.3.3.10B trg 263
Ngọc Nguyện (Ng. Phúc) : 10.3.3.2B trg 189
Ngọc Nguyệt (Ng. Phúc) : 12.3.3.9B trg 263
Ngọc Nhật (Ng. Phúc) : 8.3.3.3B trg 167
Ngọc Nhiễm (Ng. Phúc) : 7.3.3.3B trg 154
Ngọc Phụng (Ng. Phúc) : 8.3.3.2B trg 167
Ngọc Quận (Ng. Phúc) : 10.3.3.6B trg 190
Ngọc Quỳnh (Ng. Phúc) : 12.3.3.2B trg 261
Ngọc San (Ng. Phúc) : 9.3.3.3B trg 177
Ngọc Sáng (Ng. Phúc) : 8.3.3.1B trg 167
Ngọc Tảo (Ng. Phúc) : 6.3.3.1B trg 144
Ngọc Tiên (Ng. Phúc) : 3.3.3.1B trg 118
Ngọc Tông (Ng. Phúc) : 13.3.3.1B trg 317
Ngọc Tú (Ng. Phúc) : 3.3.3.2B trg 118
Ngọc Tú (Ng. Phúc) : 11.3.3.1B trg 226
Ngọc Tuyên (Ng. Phúc) : 10.3.3.1B trg 189
Ngọc Tuyền (Ng. Phúc) : 11.3.3.3B trg 226
Ngọc Thành (Ng. Phúc) : 12.3.3.16B trg 264
Ngọc Thành (Ng. Phúc) : 10.3.3.3B trg 189
Ngọc Thiều (Ng. Phúc) : 10.3.3.3B trg 189
Ngọc Thiều (Ng. Phúc) : 12.3.3.14B trg 264
Ngọc Thụ (Ng. Phúc) : 10.3.3.7B trg 1900
Ngọc Thục (Ng. Phúc) : 11.3.3.1D trg 229
Ngọc Thưởng (Ng. Phúc) : 9.3.3.2B trg 177



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ngọc Trân (Ng. Phúc) : 12.3.3.4B trg 262
Ngọc Trinh (Ng. Phúc) : 12.3.3.18B trg 265
Ngọc Uyển (Ng. Phúc) : 11.3.3.4B trg 228
Ngọc Uyển (Ng. Phúc) : 9.3.3.6B trg 177
Ngọc Vạn (Ng. Phúc) : 4.3.3.2B trg 126
Ngọc Vân (Ng. Phúc) : 12.3.3.11B trg 263
Ngọc Xuyến (Ng. Phúc) : 10.3.3.8B trg 190
Ngọc Xuyến (Ng. Phúc) : 12.3.3.5B trg 262
Ngô (Lê) : xem Thục Thận (Ng. Phúc)
Nguyên (Ng. Phúc) : 3 trg 113
Nguyện (Lương thị) : 12.3.1.12. trg 246
Nguyệt Đình : xem Vĩnh Trinh (Ng. Phúc)
Ngữ (Nguyễn văn) : xem Nhàn Tĩnh (Ng. Phúc)

**NH.**

Nhã (Trần thị) : 12.3.1.34 trg 249
Nhã Đường Chủ nhân : xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
Nhã Viện (Ng. Phúc) : 14.3.3.8B trg 361
Nhạc (Trương Phúc) : xem Ngọc Thụ (Ng. Phúc)
Nhàn (Nguyễn thị) : 15.11.2 trg 374
Nhàn An (Ng. Phúc) : 13.3.3.41B trg 330
Nhàn Đức (Ng. Phúc) : 14.3.3.31B trg 364
Nhàn Nhã (Ng. Phúc) : 14.3.3.22B trg 363
Nhàn Tần : xem Kháng (Phan thị)
Nhàn Tĩnh (Ng. Phúc) : 13.3.3.40B trg 330
Nhàn Tuệ (Ng. Phúc) : 13.3.3.50B trg 332
Nhàn Thận (Ng. Phúc) : 13.3.3.14B trg 322
Nhàn Thục (Ng. Phúc) : 13.3.3.29B trg 327
Nhàn Trinh (Ng. Phúc) : 13.3.3.30B trg 328
Nhàn Trinh : Xem Thận Huy (Ng. Phúc)
Nhàn Uyển : xem Thục Tĩnh (Ng. Phúc)
Nhàn Yên (Ng. Phúc) : 14.3.3.21 trg 360
Nhạn (Trần thị) : 12.3.1.35 trg 249
Nhậm (Nguyễn thị) : 13.3.1.2 trg 281
Nhân Chính (Nguyễn) : XIV.3.3.2A trg 77
Nhân Quận Công : xem Lan (Ng. Phúc)
Nhân tử : xem Ngọc Muội (Ng. Phúc)
Nhiễu (Ng. Phúc) : 6.3.3.6A trg 143
Nhu (Mai Đức) : xem Ngọc Ngoạn (Ng. Phúc)
Nhu Gia : xem Ngọc Du (Ng. Phúc)
Nhu Hòa : xem Ngọc Nga (Ng. Phúc)
Nhu Hòa (Ng. Phúc) : 13.3.3.52B trg 333
Nhu Nghi (Ng. Phúc) : 13.3.3.43B trg 331
Nhu Tắc : xem Gia Tĩnh (Ng. Phúc)
Nhu Tần : xem Yên (Nguyễn thị)
Nhu Tĩnh (Ng. Phúc) : 13.3.3.59B trg 334
Nhu Tĩnh : xem Đoan Thuận (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Nhu Thuận (Ng. Phúc) : 13.3.3.8B trg 320
Nhu Thục (Ng. Phúc) : 13.3.3.9B trg 320
Nhu Trang : xem Tĩnh An (Ng. Phúc)
Nhuận (Đặng Đức) : xem Trang Nhàn (Ng. Phúc)
Như Hiếu (Nguyễn) : XIV.3.3.7A trg 78
Như Trác (Nguyễn) : XIV trg 77

O.

Oánh (Phan Văn) : xem Lương Đức (Ng. Phúc)
Ôn Mẫn : xem Miên Khách (Ng. Phúc)
Ôn Tĩnh : xem Cự (Ng. Phúc)
Ôn Thận : xem Mão (Ng. Phúc)

P.

Pôrômê : xem Ngọc Khoa (Ng. Phúc)
Phan (Hồ) : xem Thụy Thận (Ng. Phúc)
Phan (Trương Phúc) : xem Ngọc Nhiễm (Ng. Phúc)
Phăng (Nguyễn thị) : XI.3.3.2B trg 65
Pháp (Nguyễn Cửu) : xem Ngọc Duyên (Ng. Phúc)
Phát (Nguyễn thị) : XIV.3.3.1B trg 78
Phong (Ng. Phúc) : 8.3.3.27A trg 165
Phong Hòa Công Chúa : xem Như Thuận (Ng. Phúc)
Phong Lộc Quận Công : xem Hồng Kháng (Ng. Phúc)
Phong Quốc Công : xem Miên Kiển (Ng. Phúc)
Phố (Ng. Phúc) : 12.3.3.8A trg 257
Phố Quận Công : xem Bá Cao (Nguyễn)
Phú (Nguyễn) : xem Như Thục (Nguyễn Phúc)
Phú Bình Quận Vương : xem Miên Ảo (Ng. Phúc)
Phú Lệ Công Chúa : xem Đôn Trinh (Ng. Phúc)
Phú Lương Công : xem Hồng Diêu (Ng. Phúc)
Phú Mỹ Quận Công : xem Miên Phú (Ng. Phúc)
Phú Phong Công Chúa : xem Vĩnh Thụy (Ng. Phúc) 13.3.3.17B
Phú Triêm Công Chúa : xem Ngọc Trân (Ng. Phúc)
Phú Hậu Công Chúa : xem Phương Trinh (Ng. Phúc)
Phù Cát Quận Công : xem Miên Thân (Ng. Phúc)
Phù Mỹ Công Chúa : xem Đoan Trinh (Ng. Phúc)
Phụ Thiên Thuần Hoàng Hậu : xem Nhàn (Nguyễn thị)
Phúc Huy (Ng. Phúc) : 14.3.3.34B trg 365
Phúc Long Công : xem Thăng (Ng. Phúc)
Phúc Quốc Công : xem Diễn (Ng. Phúc)
Phúc Tưởng (Ng. Phúc) : 13.3.3.64B trg 355
Phục (Nguyễn) : XI.3.3.6A trg 65
Phục Lễ Công Chúa : xem Gia Phúc (Ng. Phúc)
Phụng (Nguyễn) : IV trg 35
Phụng Hóa Công : xem Tuấn (Ng. Phúc)
Phương (Nguyễn thị) : 13.3.1.16 trg 284
Phương Duy Công Chúa : xem Vĩnh Gia (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Phương Hương Công Chúa : xem Nhân An (Ng. Phúc)
Phương Nghiên (Ng. Phúc) : 14.3.3.6B trg 360
Phương Tĩnh (Ng. Phúc) : xem Đoan Thận (Ng. Phúc)
Phương Thanh (Ng. Phúc) : 14.3.3.30B trg 364
Phương Trinh (Ng. Phúc) : 13.3.3.46B trg 331
Phượng (Bùi thị) : xem Kỳ (Ng. Phúc)

Q.

Quan Phi : xem Đồng (Trần thị)
Quang (Mai thị) : XII.3.1.1 trg 69
Quang (Ng. Phúc) : 12.3.3.12A trg 260
Quang Hưng Lãng : xem Đôi (Tống thị)
Quang Tĩnh (Ng. Phúc) : 13.3.3.5B trg 319
Quản (Nguyễn Cửu) : xem Ngọc Thành (Ng. Phúc)
Quảng (Ng. Phúc) : 7.3.3.5A trg 154
Quảng Biên Quận Công : xem Miên Gia (Ng. Phúc)
Quảng Ninh Quận Vương : xem Miên Mật (Ng. Phúc)
Quảng Hòa Quận Công : xem Miên Uyển (Ng. Phúc)
Quảng Uy Công : xem Quân (Ng. Phúc)
Quảng Thi Công Chúa : xem Thanh Cát (Ng. Phúc)
Quảng Trạch Quận Công : xem Miên Cư (Ng. Phúc)
Quân (Ng. Phúc) : 12.3.3.10A trg 259
Quân (Ng. Phúc) : 8.3.3.21A trg 164
Quân Đình : xem Miên Thanh (Ng. Phúc)
Quân Bác : xem Hồng Y (Ng. Phúc)
Quế Sơn Quận Công : xem Miên Ngô (Ng. Phúc)
Qui (Hồ thị) : 15II.4 trg 375
Qui Chính Công Chúa : xem Lệ Nhàn (Ng. Phúc)
Qui Đức Công Chúa : xem Vĩnh Trinh (Ng. Phúc)
Qui Khanh : xem Tĩnh Hòa (Ng. Phúc)
Quí Trọng : xem Miên Trinh (Ng. Phúc)
Quí Châu Quận Công : xem Miên Liêu (Ng. Phúc)
Quốc Chúa : xem Chu (Ng. Phúc)
Quốc Uy Công : xem Thuần (Ng. Phúc) 6.3.3.4A
Quyền (Ng. Phúc) : 10.3.3.14A trg 187
Quyết (Nguyễn Đức) ; xem Thận Huy (Ng. Phúc)
Quỳnh (Ng. Phúc) : 5.3.3.3A trg 135
Quỳnh Lâm Công Chúa : xem Nhàn Thận (Ng. Phúc)

S.

Sách (Nguyễn Cửu) : xem Ngọc Ái (Ng. Phúc)
San (Ng. Phúc) : 8.3.3.20A trg 164
Sảng Quốc Công : xem Văn Lỗ (Nguyễn)
Sâm (Trần thị) : 13.3.1.20 trg 284
Sĩ Vương : xem Nguyên (Ng. Phúc)
Sính Đình : 14.3.3.11B trg 361
Sơn (Bùi thị) : 12.3.1.28 trg 249



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Sơn Định Quận Công : xem Miên Cung (Ng. Phúc)
Sơn Tĩnh Quận Công : xem Miên Lương (Ng. Phúc)
Sùng (Nguyễn) : X.3.3.1A trg 61
Sử (Nguyễn) : XII trg 69
Sự (Dương thị) : 11.3.1.9 trg 222

T.

Ta (Nguyễn thị) : 8.3.1.2 trg 160
Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu : xem Hoa (Hồ thị)
Tác (Nguyễn) : XI.3.31A trg 65
Tài (Đỗ) : xem Đoan Thuận (Ng. Phúc)
Tài (Ng. Phúc) : 8.3.3.38A trg 167
Tắc Tư : xem Miên Quan (Ng. Phúc)
Tăng Duệ Hoàng Thái Tử : xem Cảnh (Ng. Phúc)
Tâm (Đỗ thị) : 12.3.1.16 trg 247
Tân An Quận Công : xem Miên Bảo (Ng. Phúc)
Tân Bình Quận Công : xem Miên Phong (Ng. Phúc)
Tân Chính Vương : xem Dương (Ng. Phúc) 11.3.3.1C
Tân Hòa Công Chúa : xem Đoan Thận (Ng. Phúc)
Tấn (Ng. Phúc) : 12.3.3.7A trg 256
Tấn Lễ : xem Tường Tĩnh (Ng. Phúc)
Tần (Hoàng thị) : 13.3.1.9 trg 283
Tần (Ng. Phúc) : 5. trg 131
Tần (Nguyễn thị) : 13.3.1.9 trg 283
Tây Ninh Quận Công : xem Miên Thế (Ng. Phúc)
Tiêm (Trần thị) : 12.3.1.27 trg 248
Tiên Cung : xem Thục (Dương thị)
Tiên Chúa : xem Hoàng (Nguyễn)
Tiền (Trần thị) : 12.3.1.22 trg 248
Tiếp (Nguyễn Đình) : xem Phúc Huy (Ng. Phúc)
Tin (Đỗ thị) : 1.3.1.2 trg 99
Tín (Ng. Phúc) : xem Ngọc Biện (Ng. Phúc)
Tín (Phạm văn) : xem Ngọc Quỳnh (Ng. Phúc)
Tín (Tống Phúc) : xem Ngọc Uyển (Ng. Phúc)
Tịnh Nhu : xem Ái (Lê thị)
Tình (Nguyễn thị) : 12.3.1.23 trg 248
Tình (Vũ) : xem Ngọc Du (Ng. Phúc)
Tình An (Ng. Phúc) : 13.3.3.42B trg 330
Tình Công : xem Cam (Nguyễn)
Tình Cơ (Ng. Phúc) : xem Bính (Ng. Phúc)
Tình Chất : xem Ngọc Trân (Ng. Phúc)
Tình Gia Công : xem Miên Sạ (Ng. Phúc)
Tình Hảo (Ng. Phúc) : 14.3.3.1B trg 359
Tình Hòa (Ng. Phúc) : 13.3.3.34B trg 328
Tình Nhã : xem Miên Trinh (Ng. Phúc)
Tình Phố : xem Miên Trinh (Ng. Phúc)
Tình Phương : xem Gia Thụy (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Tĩnh Trang (Ng. Phúc) : 13.3.3.60B trg 334
Tĩnh Ý : xem Miên Phong (Ng. Phúc)
Toàn (Ng. Phúc) : 7.3.3.3A trg 96
Tông (Ng. Phúc) : 8.3.3.24A trg 165
Tông Thác (Nguyễn) : 13.3.1A trg 99
Tu Dung Phu Nhân : xem Nghị (Trần thị)
Tú (Ng. Phúc) : 8.3.3.18A trg 163
Tú (Nguyễn Cửu) : xem Ngọc Xuyến (Ng. Phúc)
Tuân (Ng. Phúc) : 7.3.3.2A trg 154
Tuân Quốc Công : xem Miên Trừ (Ng. Phúc)
Tuấn (Nguyễn Thường) : xem Ngọc Vân (Ng. Phúc)
Tuấn (Nguyễn văn) : xem Nhàn Thục (Ng. Phúc)
Tuấn (Ng. Phúc) : 10.3.3.11A trg 187
Tuấn (Ng. Phúc) : 12.3.3.3A trg 255
Tuấn (Ng. Phúc) : 16II trg 385
Túc (Nguyễn văn) : xem Khuê Gia (Ng. Phúc)
Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế : xem Thụ (Ng. Phúc)
Tuệ Đạt : xem Hồng Y (Ng. Phúc)
Tuệ Hòa : xem Nhàn An (Ng. Phúc)
Tuệ Mục : xem Miên Bảo (Ng. Phúc)
Tuệ Tĩnh : xem Tường Hòa (Ng. Phúc)
Tùng (Đỗ thị) : 12.3.1.15 trg 247
Tùng (Trịnh) : xem Ngọc Tú (Ng. Phúc)
Tùng Quốc Công : xem Miên Thẩm (Ng. Phúc)
Tùng Thiện Vương : xem Miên Thẩm (Ng. Phúc)
Tùng Viên : xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
Tuy An Quận Công : xem Miên Kháp (Ng. Phúc)
Tuy Biên Quận Công : xem Miên Sủng (Ng. Phúc)
Tuy Hòa Quận Vương : xem Hồng Truyền (Ng. Phúc)
Tuy Lộc Công Chúa : xem Đoan Lương (Ng. Phúc)
Tuy Lý Vương : xem Miên Trinh (Ng. Phúc)
Tuy Nhân Quận Công : xem Miên Sủng (Ng. Phúc)
Tùy (Hồ thị) : 12.3.1.7 trg 244
Tuyên (Lê thị) : 7.3.1.4 trg 153
Tuyến (Trần thị) : 12.3.1.4 trg 243
Tuyền (Ng. Phúc) : 8.3.3.30A trg 166
Tuyền (Ng. Phúc) : 13. trg 277
Tuyền (Đoàn Văn) : xem Đoan Trinh (Ng. Phúc)
Tuyết (Phạm thị) : 12.3.1.3 trg 243
Tư Lăng : xem Biện (Ng. Phúc)
Tư Minh Lăng : xem Nhàn (Nguyễn thị)
Tư Nghĩa Quận Công : xem Miên Tế (Ng. Phúc)
Tư Thông Lăng : xem Thục (Dương thị)
Tứ (Nguyễn Đình) : xem Nhu Nghi (Ng. Phúc)
Tứ (Ng. Phúc) : 4.3.3.8A trg 126
Tứ (Ng. Phúc) : 8.3.38A trg 161
Tử Cung : xem Cúc (Hoàng thị)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Từ Dũ Hoàng Thái Hậu : xem Hằng (Phạm thị)
Từ Hiến Hoàng Hậu : xem Hoàn (Nguyễn thị)
Từ Huệ Hoàng Hậu: xem Được (Tống thị)
Từ Mẫn Hoàng Hậu : xem Viên (Châu thị)
Từ Minh Hoàng Hậu : xem Điều (Phan thị)
Từ Nghi : xem Ngọc Bảo (Nguyễn thị)
Từ Sơn Công : xem Mão (Ng. Phúc)
Từ Tiên Hoàng Hậu : xem Đôi (Tống thị)
Từ Tiết Hoàng Hậu : xem Linh (Tống thị)
Từ Tín Hoàng Hậu : xem Mai (Nguyễn thị)
Từ Tĩnh Hoàng Hậu : xem 3.1.1.
Từ Thận Hoàng Hậu : xem Giai (Nguyễn thị)
Từ Ý : xem Ngọc Sáng (Ng. Phúc)
Từ Ý Hoàng Hậu : xem Thư (Trương thị)
Tự Đức : xem Thì (Ng. Phúc)
Tự Tân Công Chúa : xem Lương Huy (Ng. Phúc)
Từ Tài : xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
Tương An Quận Vương : xem Miên Bửu (Ng. Phúc)
Tương Công : xem Điển (Ng. Phúc)
Tương Dương Quận Vương : xem Hạo (Ng. Phúc)
Tương Quốc Công : xem Miên Bửu (Ng. Phúc)
Tường (Lê thị) : 12.3.1.43 trg 250
Tường (Ng. Phúc) : 9.3.3.3A trg 176
Tường Hòa (Ng. Phúc) : 13.3.3.27B trg 327
Tường Quang Hầu : xem Tường (Ng. Phúc)
Tường Tĩnh (Ng. Phúc) : 13.3.3.28B trg 327

TH.

Thai (Nguyễn thị) : XIV.3.3.2B trg 78
Thái (Ng. Phúc) : 6. trg 141
Thái Quốc Công : xem Hồng Phó (Ng. Phúc)
Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế : xem Hoàng (Nguyễn)
Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế : xem Tấn (Ng. Phúc)
Thái Thạnh Quận Vương : xem Hồng Phó (Ng. Phúc)
Thái Vương Phi : xem Thanh (Bùi thị)
Thanh (Bùi thị) : xem Hồng Cai (Ng. Phúc)
Thanh (Trần thị) : 12.3.1.25 trg 248
Thanh (Trịnh thị) : 11.3.1.12 trg 223
Thanh Cát (Ng. Phúc) : 14.3.3.21B trg 313
Thanh Đề (Ng. Phúc) : xem 14.3.3.9B
Thanh Từ : xem Lương Đức (Ng. Phúc)
Thánh Cung : xem Nhàn (Nguyễn thị)
Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế : xem Kiểu (Ng. Phúc)
Thành (Nguyễn) : 3.3.3.3A trg 115
Thành (Nguyễn Huỳnh) : xem Ngọc Cơ (Ng. Phúc)
Thành Công : xem Chương (Ng. Phúc)
Thành Quận Công : xem Cường (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Thành Quận Công : xem Phong (Ng. Phúc)
Thanh Thái : xem Chiêu (Ng. Phúc)
Thạnh (Nguyễn Đức) : xem Ngọc Trản (Ng. Phúc)
Thạnh (Trần Văn) : xem Trịnh Đức (Ng. Phúc)
Thạnh Quốc Công : xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
Thăng (Ng. Phúc) : 14.3.3.29A trg 359 và 366
Thăng (Ng. Phúc) : 10.3.3.18A trg 188
Thặng (Trương Phúc) : xem Ngọc Nguyện (Ng. Phúc)
Than (Nguyễn thị) : 13.3.1.30 trg 285
Thần Phi : xem Hoa (Hồ thị)
Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế : xem Lan (Ng. Phúc)
Thận (Trương thị) : 13.3.1.6 trg 282
Thận Huy (Ng. Phúc) : 14.3.3.23B trg 363
Thận Minh : xem Miên Thẩm (Ng. Phúc)
Hập (Hồ Văn) : xem Ngọc Thành (Ng. Phúc)
Thật (Hồ thị) : xem Hoa (Hồ thị)
Thế (Nguyễn Cửu) : xem Ngọc Phụng (Ng. Phúc)
Thế Tổ Cao Hoàng Đế : xem Anh (Ng. Phúc)
Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng Đế : xem Khoát (Ng. Phúc)
Thế Tử (Nguyễn) : VI trg 18
Thê (Hồ thị) : 12.3.1.36 trg 249
Thê (Nguyễn) : XI.3.3.4A trg 65
Thê (Ng. Phúc) : 8.3.3.2A trg 160
Thê (Ng. Phúc) : 8.3.3.9A trg 162
Thể (Trần thị) : 11.3.1.15 trg 223
Thì (Ng. Phúc) : 14. trg 343
Thiên Túng Đạo Nhân : xem Chu (Ng. Phúc)
Thiên Thụ Lăng : xem Anh (Ng. Phúc)
Thiên Thụ Hữu Lăng : xem Đang (Trần thị)
Thiển (Nguyễn Đức) : xem Ngọc Nga (Ng. Phúc)
Thiện (Ng. Phúc) : 8.3.3.14A trg 163
Thiện (Nguyễn Văn) : xem Ngọc Khuê (Ng. Phúc)
Thiện Phi : xem Cầm (Nguyễn thị)
Thiến (Ng. Phúc) : 17.II trg 390
Thiên (Ng. Phúc) : 11.3.3.6A trg 226
Thiệu (Ng. Phúc) : 4.3.3.9A trg 126
Thiệu Hóa Quận Vương : xem Chấn (Ng. Phúc)
Thiệu Long Giáo Chủ : xem Ngọc Cầu (Ng. Phúc)
Thịnh (Tống Văn) : xem Ngọc Thục (Ng. Phúc)
Thọ Xuân Vương : xem Miên Định (Ng. Phúc)
Thông (Lê thị) : 12.3.1.37 trg 250
Thông Hóa Quận Vương : xem Thiền (Ng. Phúc)
Thông Lãng Công Chúa : xem Lương Nhàn (Ng. Phúc)
Thông Lượng : xem Hồng Nghĩ (Ng. Phúc)
Thống (Nguyễn Cửu) : xem Ngọc Tuyên (Ng. Phúc)
Thu (Cái thị) : 11.3.1.13 trg 223
Thụ (Hoàng Văn) : xem Gia Thụy (Ng. Phúc)


http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Thụ (Ng. Phúc) : 8. trg 159
Thuần (Ng. Phúc) : 6.3.3.4A trg 143
Thuần (Ng. Phúc) : 10. trg 183
Thuận (Tống thị) : 11.3.1.8 trg 222
Tuấn (Tống thị) : 11.3.1.8 trg 150
Thuận An Công : xem Hy (Ng. Phúc)
Thuận Chính Công Chúa : xem Thanh Đề (Ng. Phúc)
Thuận Hòa Công Chúa : xem Nhàn Tĩnh (Ng. Phúc)
Thuận Lễ Công Chúa : xem Tĩnh Hòa (Ng. Phúc)
Thuận Mỹ Công Chúa : xem Phúc Huy (Ng. Phúc)
Thuận Tần : xem Tần (Hoàng thị)
Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu : xem Đang (Trần thị)
Thuật (Phạm Đăng) : xem Vĩnh Trinh (Ng. Phúc)
Thúc Khanh : xem Trinh Thận (Ng. Phúc)
Thục (Phan thị) : 13.3.1.13 trg 283
Thục (Dương thị) : 14.II.2 trg 375
Thục Nghiên (Ng. Phúc) : 14.3.3.10B trg 361
Thục Phi : xem Xuyên (Nguyễn thị)
Thục Tần : xem Bửu (Nguyễn thị)
Thục Tĩnh (Ng. Phúc) : 13.3.3.21B trg 324
Thục Tuệ (Ng. Phúc) : 13.3.3.39B trg 330
Thục Tư (Ng. Phúc) : 13.3.3.43B trg 331
Thục Thận (Ng. Phúc) : 13.3.3.20B trg 324
Thục Thận : xem Cương (Đỗ thị)
Thục Trang (Ng. Phúc) : 14.3.3.29B trg 364
Thúy (Trương thị) : 13.3.1.15 trg 284
Thúy Diêu (Ng. Phúc) : 14.3.3.5B trg 360
Thúy Nhi (Lê thị) : xem Lộc (Lê thị)
Thúy Trúc (Nguyễn thị) : 12.3.1.9 trg 245
Thụy (Đoàn thị) : 12.3 1.20 trg 248
Thụy (Nguyễn Hữu) : xem Ngọc Tuyền (Ng. Phúc)
Thụy (Nguyễn thị) : 11.3.1.21 trg 224
Thụy Nguyên Quận Vương : xem Ưng Chân (Ng. Phúc)
Thụy Quận Công : xem Nguyên (Ng. Phúc)
Thụy Thái Vương : xem Hồng Y (Ng. Phúc)
Thụy Thận (Ng. Phúc) : 13.3.3.31B trg 328
Thụy Thục (Ng. Phúc) : 13.3.3.32B trg 328
Thuyên (Ng. Phúc) : xem Hồng Hưu (Ng. Phúc)
Thư (Nguyễn) : X.3.3.2A trg 62
Thư (Trương thị) : 8.3.I.1 trg 160
Thư (Trần thị) : xem Tiến (Trần thị)
Thư (Trần Văn) : xem Thanh Đề (Ng. Phúc)
Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu : xem Lan (Tống thị)
Thức (Lâm) : 11.3.1.4 trg 222
Thức (Nguyễn) : VI.3.3.4A trg 43
Thương Sơn : xem Miên Thẩm (Ng. Phúc)
Thường Quốc Công : xem Hồng Kiện (Ng. Phúc)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Thường Sơn : xem Tĩnh Hòa (Ng. Phúc)
Thường Tính Quận Vương : xem Cự (Ng. Phúc)
Thượng Vương : xem Lan (Ng. Phúc)

TR.

Trạch (Ng. Phúc) : 3.3.3.8A trg 115
Trang Cung : xem Hồng Kiện, Hồng Phó, Hồng Truyền, Ưng Chân, Ưng Chân, Thăng (Ng. Phúc)
Trang Chính : xem Thanh Đề (Ng. Phúc)
Trang Giảng : xem Miên Tống (Ng. Phúc)
Trang Hòa : xem Thục Tuệ (Ng. Phúc)
Trang Khiết : xem Ngọc Ngoạn (Ng. Phúc)
Trang Ly (Ng. Phúc) : 14.3.3.16B trg 362
Trang Mẫn : xem Quang (Ng. Phúc)
Trang Mục : xem Miên Hoành (Ng. Phúc)
Trang Nhã (Ng. Phúc) : 14.3.3.28B trg 364
Trang Nhàn (Ng. Phúc) : 13.3.3.23B trg 325
Trang Tần : xem Tuyến (Trần thị)
Trang Tĩnh (Ng. Phúc) : 13.3.3.22B trg 324
Trang Tuệ : xem Nhàn Thận (Ng. Phúc)
Trang Tường (Ng. Phúc) : 13.3.3.63B trg 335
Trang Thuận : xem Nguyện (Lương thị), Tâm (Đỗ thị), Trinh Đức (Ng. Phúc)
Trang Ý Hoàng Hậu : xem Duyên (Vũ thị)
Tráng Tiết : xem Điển (Ng. Phúc)
Trân (Nguyễn) : xem Hòa Nhân (Ng. Phúc)
Trân (Ng. Phúc) : 6.3.3.3A trg 88
Trấn Biên Quận Công : xem Miên Thanh (Ng. Phúc)
Trấn Định Quận Công : xem Miên Miêu (Ng. Phúc)
Trấn Man Quận Công : xem Miên Tích (Ng. Phúc)
Trấn Quốc Công : xem Miên Tả (Ng. Phúc)
Trấn Tĩnh Quận Công : xem Miên Dần (Ng. Phúc)
Triêm (Mai thị) : 13.3.1.28 trg 285
Triêm (Ng. Phúc) : 8.3.3.3A trg 166
Triêm Đức Công Chúa : xem Trang Nhàn (Ng. Phúc)
Triệu Miếu : xem Can (Nguyễn)
Triệu Tổ Tĩnh Hoàng Đế : xem Cam (Nguyễn)
Trinh (Cái thị) : 12.3.1.13 trg 246
Trinh (Đỗ thị) : 13.3.1.14 trg 283
Trinh (Nguyễn) : XI.3.3.3A trg 65
Trinh (Ng. Phúc) : 7.3.3.4A trg 154
Trinh (Ng. Phúc) : 13.3.3.2A trg 286
Trinh Đức (Ng. Phúc) : 13.3.3.7B trg 320
Trinh Hòa (Ng. Phúc) : 13.3.3.55B trg 334
Trinh Hòa : xem Ngọc Anh (Ng. Phúc)
Trinh Huy (Ng. Phúc) : 14.3.3.25B trg 363
Trinh Lệ : xem Ngọc Ngôn (Ng. Phúc)
Trinh Liệt : xem Ngọc Tuyền (Ng. Phúc)
Trinh Nhàn (Ng. Phúc) : 13.3.3.26B trg 327



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Trinh Nhu (Ng. Phúc) : 13.3.3.61B trg 334
Trinh Tinh (Ng. Phúc) : 13.3.3.57B trg 334
Trinh Tình : xem Ngọc Tú (Ng. Phúc)
Trinh Tuệ : xem Ngọc Xuyến (Ng. Phúc)
Trinh Thận : 13.3.3.25B trg 325
Trinh Thục : xem Ngọc Dao (Ng. Phúc)
Trinh Thụy (Ng. Phúc) : 13.3.3.62B trg 255
Trinh Uyển : xem Phúc Huy (Ng. Phúc)
Trinh Ý : xem Ngọc Khuê (Ng. Phúc)
Trình Quốc Công : xem Đức Trung (Nguyễn)
Trọng Chân : xem Miên Tể (Ng. Phúc)
Trọng Chí : xem Miên Thân (Ng. Phúc)
Trọng Diên : xem Miên Tuấn (Ng. Phúc)
Trọng Uyên : xem Miên Thẩm (Ng. Phúc)
Trụ (Trương) : xem Huy Nhu (Ng. Phúc)
Trụ (Trương) : xem Huy Nhu (Ng. Phúc)
Trúc (Trần thị) : 12.3.1.26 trg 248
Trúc Viên : xem Miên Thân (Ng. Phúc)
Trung (Ng. Phúc) : 4.3.3.4A trg 125
Trung Dũng : xem Mân (Ng. Phúc)
Trung Hiếu : xem Cam (Nguyễn)
Trung Hoài : xem Mân (Ng. Phúc)
Trung Mẩn : xem Điền (Ng. Phúc)
Trung Nghị : xem Khê (Ng. Phúc)
Trung Nghĩa : xem Hạo (Ng. Phúc)
Trung Tín : xem Khuê Gia (Ng. Phúc)
Trung Tráng : xem Điền (Ng. Phúc)
Truyền (Ng. Phúc) : 8.3.3.19A trg 164
Trùng Quốc Công : xem Văn Lựu (Nguyễn)
Trường (Nguyễn) : xem Hòa Thục (Ng. Phúc)
Trường (Nguyễn thị) : 12.3.1.14 trg 246
Trường Cơ Lăng : xem Hoàng (Nguyễn)
Trường Diên Lăng : xem Lan (Ng. Phúc)
Trường Diễn Lăng : xem Nguyên (Ng. Phúc)
Trường Hưng Lăng : xem Tần (Ng. Phúc)
Trường Mậu Lăng : xem Thái (Ng. Phúc)
Trường Nguyên Lăng : xem Cam (Nguyễn)
Trường Phong Lăng : xem Thụ (Ng. Phúc)
Trường Thái Lăng : xem Khoát (Ng. Phúc)
Trường Thanh Lăng : xem Chu (Ng. Phúc)
Trường Thiệu Lăng : xem Thuần (Ng. Phúc)

U.

Uông (Nguyễn) : 2.3.3.1A trg 108
Uy Công : xem Đồng (Ng. Phúc)
Uy Quốc Công : xem Ư Kỷ (Nguyễn)
Uy Xuân Hầu : xem Tông Thái (Nguyễn)



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Ủy Thanh (Ng. Phúc) : 14.3.3.13B trg 361
Uyên (Nguyễn thị) : 11.3.1.18 trg 223
Uyên Diễm : xem Vĩnh Gia (Ng. Phúc)
Uyên Nhàn : xem Hòa Thận (Ng. Phúc)
Uyên Thục : xem Tuyến (Trần thị)
Uyên Ý (Ng. Phúc) : 14.3.3.3B trg 360
Uyển Diễm (Ng. Phúc) : 13.3.3.3B trg 318
Uyển Hòa : xem Vĩnh Thụy (Ng. Phúc)
Uyển Như (Ng. Phúc) : 14.3.3.20B trg 280
Uyển Phương : xem Phúc Tường (Ng. Phúc)
Uyển Tĩnh : xem An Nhàn (Ng. Phúc)
Uyển Thuận : xem Huân (Trần thị)
Uyển Thục : xem Ngọc Quỳnh (Ng. Phúc), Ngọc Cửu (Ng. Phúc)
Ư Kỳ (Nguyễn) : 1.3.3.1C trg 99
Ưng Ái (Ng. Phúc) : xem Ưng Chân (Ng. Phúc)
Ưng Chân (Ng. Phúc) : 15.I trg 371
Ưng Đàn (Ng. Phúc) : xem Biện (Ng. Phúc)
Ưng Đăng (Ng. Phúc) : xem Hạo (Ng. Phúc)
Ưng Hổ (Ng. Phúc) : xem Hạo (Ng. Phúc)
Ưng Lịch (Ng. Phúc) : xem Minh (Ng. Phúc)
Ưng Thi (Ng. Phúc) : xem Biện (Ng. Phúc)
Ưng Lăng : xem Tuấn (Ng. Phúc)

V.

Vàng (Mai thị) : xem Hoảng (Ng. Phúc)
Văn Lăng Quận Vương : xem Thăng (Ng. Phúc)
Văn Lễ (Nguyễn) : XIV.3.3.6A trg 78
Văn Lỗ (Nguyễn) : XIV.3.3.5A trg 78
Văn Nhã : xem Miên Thẩm (Ng. Phúc)
Vân Tuyền Đạo Nhân : xem Thụ (Ng. Phúc)
Vi (Nguyễn Tấn) : xem Vĩnh Thụy (Ng. Phúc)
Vi Dã : xem Miên Trinh (Ng. Phúc)
Vị (Nguyễn thị) : 13.3.1.19 trg 284
Viêm (Hoàng Kế) : xem Quang Tĩnh (Ng. Phúc)
Viên (Châu thị) : 5.3.1.1 trg 134
Viên (Nguyễn thị) : 12.3.1.11 trg 246
Viên (Phan thị) : 12.3.1.39 trg 250
Viện (Vũ thị) : 13.3.1.4 trg 282
Viễn (Nguyễn) : III trg 31
Vinh (Nguyễn) : XII.3.3.3A trg 70
Vinh (Ng. Phúc) : 4.3.3.10A trg 126
Vinh Quốc Công : xem Hồng Truyền (Ng. Phúc)
Vinh Quận Công : xem Vinh (Ng. Phúc)
Vĩnh (Ng. Phúc) : 4.3.3.6A trg 165
Vĩnh (Nguyễn thị) : 12.3.1.41 trg 250
Vĩnh (Nguyễn thị) : 11.3.1.14 trg 223
Vĩnh (Nguyễn thị) : 12.3.1.41 trg 250
Vĩnh (Trương thị) : 13.3.1.21 trg 284



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Vĩnh An Công Chúa : xem Hòa Thục (Ng. Phúc)
Vĩnh Cơ Lăng : 2.3.1.1 trg 60
Vĩnh Chân Công Chúa : xem Thục Tuệ (Ng. Phúc)
Vĩnh Diên Lăng : xem 4.3.1.1
Vĩnh Diễn Lăng : xem Giai (Nguyễn thị)
Vĩnh Gia (Ng. Phúc) : 13.3.3.12B trg 321
Vĩnh Hưng Lăng : xem Viên (Châu thị)
Vĩnh Lộc Quận Công : xem Miên Chí (Ng. Phúc)
Vĩnh Mậu Lăng : xem Linh (Tống thị)
Vĩnh Nguyên Lăng : xem Mai (Nguyễn thị)
Vĩnh Phong Lăng : xem Thư (Trương thị)
Vĩnh Quốc Công : xem Hồng Phi (Ng. Phúc)
Vĩnh San (Ng. Phúc) : xem Hoảng (Ng. Phúc)
Vĩnh Thái Lăng : xem Dong (Trương thị)
Vĩnh Tường Quận Vương : xem Miên Hoành (Ng. Phúc)
Vĩnh Thụy (Ng. Phúc) : xem Điển (Ng. Phúc)
Vĩnh Thụy (Ng. Phúc) : 13.3.3.17B trg 323
Vĩnh Trinh (Ng. Phúc) : 13.3.3.18B trg 323
Vũ (Ng. Phúc) : 5.3.3.1A trg 135
Vũ Vương : xem Khoát (Ng. Phúc)

X.

Xạ (Trần thị) : 9.3.1.2 trg 175
Xuân (Ngô thị) : 13.3.1.12 trg 283
Xuân (Ng. Phúc) : 10.3.3.17A trg 188
Xuân (Ng. Phúc) : 8.3.3.26A trg 165
Xuân (Nguyễn thị) : 12.3.1.38 trg 250
Xuân (Tống Văn) : xem Ngọc Sáng (Ng. Phúc)
Xuân An Công Chúa : xem Thục Tĩnh (Ng. Phúc)
Xuân Hòa Công Chúa : xem Thục Tư (Ng. Phúc)
Xuân Lai Công Chúa : xem Như Nghi (Ng. Phúc)
Xuân Lâm Công Chúa : xem Trinh Huy (Ng. Phúc)
Xuân Vân Công Chúa : xem An Nhàn (Ng. Phúc)
Xuân Vinh Công Chúa : xem Tường Tĩnh (Ng. Phúc)
Xuyên (Nguyễn thị) : 13.3.1.3 trg 281
Xuyên Quốc Công : xem Miên Bàng (Ng. Phúc)
Xương Lăng : xem Tuyền (Ng. Phúc)
Xương Thọ Lăng : xem Hằng (Phạm thị)

Y.

Ý Công : xem Dực (Ng. Phúc)
Ý Nhi (Hồ thị) : 13.3.1.26 trg 285
Ý Phương (Ng. Phúc) : 14.3.3.24B trg 363
Ý Thục Từ : xem Tùy (Hồ thị)
Yên (Nguyễn thị) : 13.3.1.7 trg 283
Yến (Lê Văn) : xem Ngọc Ngôn (Ng. Phúc)
Yến (Ng. Phúc) : 10.3.3.12A trg 187
Yến (Ng. Phúc) : xem Miên Định (Ng. Phúc)
Yểu Điệu (Đặng thị) : 12.3.1.31 trg 249



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## TÀI LIỆU CHÍNH

**Chữ Hán :**


| | |
|---|---|
| Bộ Lễ (triều Nguyễn) | – Miếu húy chư tôn tự |
| | – Thiên gia bửu sách tư biên |
| Quốc sử quán | – Đại Nam Chính biên liệt truyện |
| | – Đại Nam Liệt truyện Tiền biên |
| | – Đại Nam Thực lục chính biên |
| | – Đại Nam Thực lục chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên quyển I |
| | – Đại Nam Thực lục tiền biên |
| Tôn nhân phủ | – Hoàng triều Tôn phả chính biên (Đệ tứ chính hệ) |
| | – Hoàng triều Tôn phả tiền biên các tập I, II, III, IV, V, VI, VII |
| Phòng An Xuyên | – An Xuyên Vương Tôn phả |
| Phòng Hà Thanh | – Ngọc Điệp Tôn phả tiền biên |
| Phòng Hòa Thạnh | – Hòa Thạnh Vương Tôn phả |
| Phòng Thụy Thái | – Thụy Thái Vương Tôn phả |
| Phòng Trần Man | – Trần Man Quận Công phòng Ngọc phả |
| Lê Quí Đôn | – Phủ Biên Tạp Lục |
| Tôn Thất Hân | – Tiên Nguyên Toát Yếu Phả Tiền biên |
| Quỳnh sơn hầu Nguyên Lữ | – Nguyễn Tộc thế phả |


Ngoài ra còn tham khảo ở :

- Đồng sách ở một số phủ
- Long vị, thần chủ tại Triệu miếu, Thế miếu
- Long vị, thần chủ tại một số phủ
- Văn bia, các bia dựng tại Huế

**Chữ Việt :**


* Quốc sử quán

| | |
|---|---|
| (Bản dịch của Vĩnh Cao) | – Đại Nam Liệt truyện chính biên |
| | – Đại Nam Liệt truyện tiền biên |
| (Bản dịch của Viện sử học) | – Đại Nam Thực lục tiền biên |
| | – Đại Nam Thực lục chính biên |
| (Bản dịch của Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa) | – Minh Mệnh chính yếu |
| (Bản dịch của Hồ Đắc Trung) | – Sử Quốc Triều Chính biên toát yếu |

* Tôn nhân phủ

(Bản dịch của Tôn Thất Hối) – Hoàng Triều tôn phả quyển 4

* Nguyễn Gia Bằng

(Bản dịch của Thạch Can) – Nguyễn gia thế hệ




http://giapha.nguyenphuoctoc.info

* Lê Quí Đôn
(Bản dịch của Viện sử học) – Lê Quí Đôn toàn tập
(Bản dịch của Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa) – Phủ Biên Tạp Lục
* Tôn Thất Cổn – Nguyễn Phước Tộc lược biên
* Nguyễn Khoa Chiêm – Trịnh Nguyễn Diễn Chí
* Bế Nguyễn Du – Phả họ Nguyễn Đại Tông
* Tôn Thất Hân
(Bản dịch của Ưng Bình và Ưng Tôn). – Tiên Nguyên Loát Yếu phổ
* Tôn Thất Quì – Thế Phổ Nguyễn Phước Tộc
* Nguyễn Văn Thành
Nguyễn Hải Trừng
Nguyễn Văn Ngọc – Phả họ Nguyễn (quyển thượng)
* Phan Thúc Trực – Quốc Sử Di Biên

**TÀI LIỆU PHỤ**

* Nguyễn Thế Anh – Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua Triều Nguyễn
– Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ
* Đào Duy Anh – Lịch sử Việt Nam (quyển thượng)
– Đất nước Việt Nam qua các đời
* Phan Huy Chú
(Bản dịch của Viện sử học) – Lịch triều Hiến chương loại chí
* Phan Trần Chúc – Vua Hàm Nghi
Vua Quang Trung
* Phan Du – Mộng Kinh sư
* Phạm Cao Dương
Nguyễn Khắc Ngữ – Sử học Đệ nhị
* Bửu Kế – Nguyễn triều cố sự
* Trần Trọng Kim – Việt Nam sử lược
* Tôn Thất Dương Kỵ – Việt sử khảo lược
* Phan Khoang – Việt Pháp bang giao sử lược
– Việt sử xứ Đàng trong
* Ngô Sĩ Liên
(Bản dịch của Viện sử học) – Đại Việt Sử ký Toàn thư
* Nguyễn Văn Mại – Lô Giang Tiểu sử
* Bùi Văn Nguyên – Văn chương Nguyễn Trãi
* Đào Trinh Nhất – Phan Đình Phùng
* Vân Quang – Hoàng Hoa Thám
* Phan Văn Sơn – Việt Sử Tân Biên
* Nam Xuân Thọ – Phan Thanh Giản




http://giapha.nguyenphuoctoc.info

* Hoàng Trọng Thược – Hồ sơ vua Duy Tân
– Hương Bình thi phẩm
* Vụ Bảo tồn bảo tàng – Niên Biểu Việt Nam
* Nguyễn Trọng Bình
Nguyễn Linh
Bùi Viết Nghi – Bảng đối chiếu Âm Dương Lịch 200 năm và Niên Biểu Lịch sử
* Các tập san : Bách Khoa, Khảo Cổ, Sử Địa, Tạp chí nghiên cứu lịch sử.

**Tài liệu chữ Pháp**

* Nguyễn Thế Anh – Monarchie et fait colonial 1876–1925
* B.A.V.H. – Généalogie des Nguyễn avant Gia Long
– 314 tombeaux aux environs de Huế
* Jean Bouchet – Documents pour servir à l'histoire de Saigon.
* Orban – Les tombeaux des Nguyễn




http://giapha.nguyenphuoctoc.info

# MỤC LỤC


| | | Trang |
|---|---|---|
| *Lời nói đầu* | | 5 |
| **Phả ký** | | 7 |
| **Phàm lệ** | | 11 |
| **Thủy Tổ phả** | | 15 |
| Định Quốc Công Nguyễn Bặc | | 19 |
| Đô Hiệu Kiểm Nguyễn Đê | | 25 |
| Tả Tướng Quốc Nguyễn Viển | | 29 |
| Tả Đô Đốc Nguyễn Phụng | | 33 |
| Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương Nguyễn Nộn | | 37 |
| Đô Hiệu Kiểm Nguyễn Thế Tứ | | 41 |
| Bình Man Đại Tướng Quân Nguyễn Nạp Hòa | | 45 |
| Hữu Hiệu Kiểm Nguyễn Công Luật | | 49 |
| Du Cẩn Công Nguyễn Minh Du | | 53 |
| Phụ Đạo Huệ Quốc Công Nguyễn Biện | | 59 |
| Quản Nội Nguyễn Chiếm | | 63 |
| Chiêu Quan Hầu Nguyễn Sử | | 67 |
| Thái Bảo Hoằng Quốc Công Nguyễn Công Duẩn | | 71 |
| Phó Quốc Công Nguyễn Như Trác | | 75 |
| Trung Quốc Công Nguyễn Văn Lưu | | 79 |
| **Vương phả** | | 89 |
| Đời thứ nhất : | Triệu Tổ Nguyễn Cam | 93 |
| Đời thứ hai : | Thái Tổ Nguyễn Hoàng | 101 |
| Đời thứ ba : | Hy Tông Nguyễn Phúc Nguyên | 109 |
| Đời thứ tư : | Thần Tông Nguyễn Phúc Lan | 119 |
| Đời thứ năm : | Thái Tông Nguyễn Phúc Tần | 127 |
| Đời thứ sáu : | Anh Tông Nguyễn Phúc Thái | 137 |
| Đời thứ bảy : | Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu | 145 |
| Đời thứ tám : | Túc Tông Nguyễn Phúc Thụ | 155 |
| Đời thứ chín : | Thế Tông Nguyễn Phúc Khoát | 169 |
| Đời thứ mười : | Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần | 179 |
| **Đế phả** | | 207 |
| Đời thứ mười một : | Vua Gia Long Nguyễn Phúc Ánh | 211 |
| Đời thứ mười hai : | Vua Minh Mệnh Nguyễn Phúc Kiểu | 235 |
| Đời thứ mười ba : | Vua Thiệu Trị Nguyễn Phúc Tuyền | 269 |
| Đời thứ mười bốn : | Vua Tự Đức Nguyễn Phúc Thì | 341 |
| | Vua Hiệp Hòa Nguyễn Phúc Thăng | 366 |
| Đời thứ mười lăm : | Vua Dục Đức Nguyễn Phúc Ưng Chân | 369 |
| | Vua Đồng Khánh Nguyễn Phúc Biện | 375 |
| | Vua Kiến Phúc Nguyễn Phúc Hạo | 381 |
| | Vua Hàm Nghi Nguyễn Phúc Minh | 385 |




http://giapha.nguyenphuoctoc.info

Đời thứ mười sáu : Vua Thành Thái Nguyễn Phúc Chiêu 389
Vua Khải Định Nguyễn Phúc Tuấn 395
Đời thứ mười bảy : Vua Duy Tân Nguyễn Phúc Hoàng 399
Vua Bảo Đại Nguyễn Phúc Thiển 403

**Phần Phục lục**

Cách đặt tên trong họ Nguyễn Phúc 417
Một số húy danh cần biết trong họ Nguyễn Phúc 425
Các ngày lễ kỵ, đản, ngủ hưởng, vạn thọ, thánh thọ, khôn thành 429
Nguyễn Phúc Tộc Thế phả niên biểu 433
Danh sách các Phòng đã liên hệ với Hội Đồng Trị sự Nguyễn Phúc Tộc 439
Bản liệt kê 443
Phần Phả đồ, bản đồ và tranh ảnh (không ghi số trang)
Phả đồ I : Thủy Tổ phả
Phả đồ II : Hoàng Tử thuộc Vương phả
Phả đồ III : Hoàng Nữ thuộc Vương phả
Phả đồ IV : Hoàng Tử thuộc Đế phả
Phả đồ V : Hoàng Nữ thuộc Đế phả
Bản đồ 1 : Đến thờ của Tiên Tổ họ Nguyễn và Nguyên miếu
Bản đồ 2 : Việc mở mang phương Nam của Liệt Thánh
Bản đồ 3 : Khu vực lăng Thiên Thụ
Bản đồ 4 : Nước Đại Việt trong giai đoạn 1790
Bản đồ 5 : Nước Đại Việt dưới thời đức Thánh Tổ
Bản đồ 6 : Lăng tẩm của Liệt Thánh
Ảnh 1 : Nguyên miếu và tượng đức Định Quốc Công
Ảnh 2 : Chùa Thiên Mụ dưới thời đức Hiến Tổ
Ảnh 3 : Trùng minh viễn chiếu
(Đại nội dưới thời đức Hiến Tổ)
Ảnh 4 : Kim sách
Ảnh 5 : Một số Hoàng đế triều Nguyễn

**Tài liệu tham khảo** 471



*http://giapha.nguyenphuoctoc.info*

# NGUYỄN PHÚC TỘC
# THẾ PHẢ

*Chịu trách nhiệm xuất bản :*

VƯƠNG HỒNG

*Phụ trách bản thảo :*

LÊ DẦN

*Trình bày kỹ thuật :*

LÊ VĂN

*Chữa bản in và viết chữ Hán :*

VĨNH CAO

In tại Xí nghiệp In 4 - 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Số lượng : 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm.
Giấy phép xuất bản số : 84/82/XBTH.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 1995.



http://giapha.nguyenphuoctoc.info

## ĐÍNH CHÍNH

| Trang | Dòng- mục | Đã in sai | Xin sửa lại |
|---|---|---|---|
| 8 | 6 | Thái Tổ mở rộng biên giới đến năm 1558 Thái Tổ đưa quân đến Phú Yên .. | Thái Tổ mở rộng biên giới đến Phú Yên. |
| 8 | 42 | Ngài Nguyễn Quốc Soạn khởi ... | Ngài Nguyễn Quốc soạn khởi |
| 31 | 5 | Ngài là một cựu thần có công lao nên được vua Lý Nhân Tông (1072 - 1127) | bỏ câu này vì in dư |
| 116 | 1 | 21 tháng 3 năm Bính tí (19.4.1576) | 7 tháng 4 năm Bính tí (5.5.1576. |
| 117 | 10 | 11 tháng 7 năm Bính Thìn (22.6.1616) | 12.7 năm Bính Thìn (23.6.1616) |
| 173 | Ghi chú | Tuệ Tĩnh | Tuệ Tĩnh |
| 183 | 6 | Nguyễn Phúc Hào | Nguyễn Phúc Hạo |
| 183 | 16 | Vọt số | Vô số |
| 195 | 13 | 4. Nguyễn Phúc Ngọc Du | 4. Nguyễn Phúc-Ngọc Uyển |
| 200 | Hình 8 | lăng Trường Triệu | lăng Trường Thiệu |
| 211 | 10 | in thiếu và sai số mục | 11.3.3.2B Nguyễn Phúc Ngọc Du-Phúc Lộc Công Chúa<br>11.3.3.3B Nguyễn Phúc Ngọc Tuyên-Minh Nghĩa Công Chúa |
| 216 | 18 | Qua tháng 6 ngày | Qua tháng 6 Ngài |
| 220 | Ghi chú 4 | Ủng Đạo | Ưng Đạo |
| 222 | 3 | Lê Hiển Tông | Lê Hiển Tông |
| 226 | 32 | An Du | An Du |
| 227 | 26 | Năm Kỷ Sửu (1826) bà được truy thọ 59 tuổi thụy là Nhu Gia | bỏ đoạn này vì in dư |
| 229 | 3 | Ông mất vào ngày 18 tháng 9 năm Đinh Dậu (18.10.1777) | Ông mất ngày 17 tháng 8 năm Đinh Dậu (18.9.1777) |
| 242 | 28 | Thân Phi | Thần Phi |
| 244 | 3 | Nguyễn Bị Bửu | Nguyễn Thị Bảo |
| 245 | 5 | in nhầm | xin đưa Nguyễn Phúc Miên Tuấn sang phần Hoàng tử |
| 245 | 35 | Trần Tiến Thành | Lê Tiến Thành |
| 248 | 9 và 10 | một hoàng nữ Nguyễn Phúc Gia Trang | xin đưa xuống phần 12.3.1.22 bà này là con của tài nhân Trần Thị Tiến |
| 251 | 37 | Nguyễn Phúc Miên Quang | Nguyễn Phúc Miên Quan |
| 259 | 10 | giá đạo | giáo đạo |
| 262 | 23 | Bà sinh ngày 20 | Bà sinh ngày 22 |
| 263 | 37 | Nguyễn thường Tuân | Nguyễn thường Tuấn |
| 266 | Bản đồ | tô màu vàng thiếu | phải tô màu cả phần đất hiện tại ở Lào và Cam bốt. |
| 268 | 6 | Ấy là kế nghiệp | Ấy là bài tư. |
| 270 | 6 | Trần Man Quận Công | Trấn Man Quận Công |
| 270 | 28 | Trần Tĩnh Quận Công | Trấn Tĩnh Quận Công |
| 282 | 36 | Long khê | La khê |
| 289 | 24 | Tẩm ở Vạn xuân | Nhà thờ ở Vạn xuân |
| 292 | 11 | Tỉnh phố | Tỉnh phố |
| 292 | 24 | Phương Thôn Thảo Đường | Phương Thốn Thảo Đường |
| 296 | 3 | Tương An Quốc Công | Tương Quốc Công |
| 299 | 8 | Trần Man | Trấn Mau |
| 302 | 35 | Mây bạc | Mây hạc |
| 309 | 10 | mở miếu | ở miếu |
| 309 | 38 | Nam phố | Nam phố |
| 310 | 7 | Nguyễn Thị Nhạc | Nguyễn Thị Dược |
| 313 | 19 | Trần Ninh | Trấn Ninh |
| 327 | 3 | Nguyễn Thị Diện | Nguyễn Thị Điện |
| 337 | 14.3.3.10A | Nguyễn Phúc Hồng Kiên | Nguyễn Phúc Hồng Kiệm |
| 358 | 15 và 16 | Kiến Quốc Công | Kiên Quốc Công |
| 381 | 2 | Giảng Tông | Giản Tông |
| 383 | 2 | Giảng Tông | Giản Tông |
| 392 | 14 | 18 tháng 12 năm Ất mùi (9.3.1955) thọ 77 tuổi | 16 tháng 2 năm Giáp Ngọ (20.3.1954) thọ 76 tuổi |
| 401 | 28 | Thiên Tông | Thiên Tông |
| 407 | 3 | non 200 năm | hơn 200 năm |
| 407 | 33 | Đến khi Thái Tổ | Đến khi Thế Tổ |
| 428 | 5 | Đông | Ưng |